

Hương Lúa
Chùa Quê

(Hoài Niệm Tuổi Thơ)

Hương Lúa Chùa Quê

Tác giả

Hoà Thượng Thích Bảo Lạc

Hoà Thượng Thích Như Điền

Đánh máy vi tính: Lương Hiền Sanh

Sửa bản in: Phù Vân

Trình bày sách: Như Thân

Trình bày bìa: Thiện Hạnh Vũ Ngọc Minh

Tập sách này được lưu trữ tại:

www.viengiac.de

www.quangduc.com

Số lượng ấn tống 2013 là 5000 cuốn

Thư mục trình bày

* Về thăm xứ Quảng **Trang 7**

Phần 1: Tiếng khóc mẹ hiền **Trang 9**

- Tàn tảo nuôi con
- Thương yêu rất mực
- Giống Phật chớm nở
- Dáng đạo sĩ
- Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử
- Cuộc thám du mang nhiều dấu ấn
- Đánh bạo xin đi tu
- Trốn gia đình
- Đi về hướng nào...

Phần 2: Nếp tu hành **Trang 33**

- Một thời hành điệu
- Huynh đệ đồng chúng
- Bạc thầy mô phạm
- Tu tập hành trì
- Chế độ ăn uống nơi tự viện
- Mộng tuổi thơ

Phần 3: Linh Ứng chùa tôi**Trang 51**

- Một chút lịch sử
- Sắc tứ Linh Ứng tự
- Danh lam cổ sát
- Việt Nam danh thắng
- Di sản văn hóa
- Non nước bây giờ

Phần 4: Đời vân thủy**Trang 73**

- Chuyền xuôi Nam
- Đời sống của một tăng sinh
- Qua các học viện: Giác Sanh, Lương Xuyên, Huệ Nghiêm ...
- Theo nghiệp bút nghiên
- Dấu chân nhà giáo

**Phần 5: Giống nhau giữa
hai huynh đệ****Trang 93**

- Tiếng nói
- Dáng dấp
- Cùng xuất gia tuổi đồng chơn
- Tôn thờ cùng một lý tưởng
- Cùng môn phái
- Xuất ngoại du học
- Dịch kinh, viết sách
- Cùng sinh hoạt trong chi bộ PG.
- Hoằng pháp
- Thành lập 2 trung tâm tu học

Phần 6: Chí hướng thượng

Trang 127

- Kiến lập đạo tràng và GDPT
- Nguyện độ sanh
- Nhận người xuất gia
- Quy y cho Phật tử tại gia
- Năm 2000 lập tu viện Đa Bảo
- Cái nhìn bao dung

Phần 7: Nguyện ước

Trang 163

- Thế hệ kế thừa
- Buông xả không là buông xuôi
- Bầu trời cao rộng
- Trưởng dưỡng đạo tâm
- Nhập dòng pháp lạc
- Con đường rộng mở.
- * Thu sang (thơ)

Sách cùng tác, dịch giả

Trang 197

Về thăm xứ Quảng

*Quảng Nam có núi Ngũ Hành
với hòn Non Nước cây xanh bốn mùa,
Líu lo ca hát chim đũa,
Bầu trời, cảnh Phật ấy chùa Tam Thai
Quan Âm động vẽ hùng oai,
Như quên lòng tục xét soi khách trần.
Xa xa mặt bể phù vân,
Hiện ra Linh Ứng chùa am khác thường...
Hang Ngũ Cốc, động Linh Nham
Giếng Tiên, Hải Vọng Đài lam một màu
Dừng chân Hòn Thổ xem sau,
Quan Âm chùa mới hiển bày nguy nga.*

Ngõ qua Đà Nẵng, Sơn Chà,
Hà Thân, Cầu Đỏ, bến tàu Tourane
Đường về Phố Hiến Hội An,
Chùa Cầu còn đó sẵn sàng đón đưa.
“ Cao Lâu ” mỹ vị dễ ưa,
Khách vào thưởng thức một vài tô thôi.
Ghé thăm cố tự vài ngôi,
Phước Lâm, Chúc Thánh nét vôi phai mờ.
Phong quang cảnh trí nên thơ,
Long Xuyên, Vạn Đức lặng lẽ tháng năm,
Xuôi về theo hướng tây nam,
Hàm Rồng, Trà Kiệu gác chuông giáo đường.
Nguy nga tráng lệ phi thường,
Đây hòn Non Trục rồng vương quy hàng.
Năm nào tay ấn Cao Biên,
Đền đài kỷ niệm gắn liền kỳ công,
Và bao chí sĩ anh hùng,
Đánh Nam dẹp Bắc lấy lòng nước non,
Bao năm mòn mỏi chờ mong,
Về thăm xứ Quảng thỏa lòng ai ơi!

Đông Kinh mùa Anh Đào nở
Sông Thu

Tiếng khóc mẹ hiền



*Ai ơi góp mặt với đời
Mang thai công mẹ sánh tà non cao
Vì con tàn tạ sớm trưa
Quanh năm lặn lội nắng mưa dãi dầu...*

(Rồi 30 năm sau – Sông Thu)

Tần tảo nuôi con: Xa mẹ năm tôi lên mười lăm tuổi vào chùa tu (1957), cái tuổi đã trưởng thành không còn vụng dại lắm. Nhưng lần đầu tiên xa mái ấm gia đình, xa tình thương yêu nồng ấm của mẹ hiền, như len lõi khắp trong châu thân của đứa con trai dù mang chí nguyện: phát túc siêu phương, tâm hình dị tục – bước đi ngoài muôn dặm, thân tâm khác người thế tục, tôi có lúc cũng mũi lòng thương nhớ mẹ da diết.

Mẹ tôi cũng như bao bà mẹ Việt Nam khác, tận tụy trong thiên chức người mẹ, tần tảo săn sóc chồng, con; trông nom nếp sống gia đình trong ngoài chu toàn mọi việc. Gia đình tôi tạm được gọi là hạng trung lưu, nên không thuộc bần nông như nhiều người khác trong làng. Nhưng vì đông con, gia đình tôi gồm 8 anh chị em, thêm cha mẹ nữa là trọn một chục chẵn, nên mẹ có phần vất vả, nếu nói cho đúng nghĩa là bà lam lũ quần quật trong công việc suốt ngày thấy mà thương vô cùng! Cũng vì lẽ đó mà một nhà thơ tiền bán thế kỷ 20, ông Trần Tế Xương không tiếc lời ca tụng tán dương người vợ hiền – bà Tú Xương – qua mấy vần thơ thất ngôn đầy vẻ sống động gợi hình:

Quanh năm buôn bán ở ven sông
 Nuôi đủ năm con với một chồng
 Lặn lội thân cò khi quãng vắng
 Eo sèo bọt nước buổi trời đông...

Ngoài việc cấy hái, hong phơi ra, mẹ còn tạo thêm kinh tế tự túc để có đồng ra đồng vô cho các con đủ no lòng, hầu bằng được người ta, để nở mày mở mặt với thiên hạ; bằng cách trồng rau cải trong vườn nơi vuông đất phía sau nhà. Tôi còn nhớ mỗi năm vào dịp Tết, sản phẩm của mẹ hái ra tiền là rau ngò, cải tần ô, rau thơm, cải cau... bó thành từng lọn cho vào gánh quẩy đi bán ở các chợ rất xa cả chục cây số như chợ Cầu

Lâu, Vĩnh Điện, chợ Trà Kiệu... Mỗi lần đi chợ về, mẹ đều mua bánh kẹo cho tôi và em Út (chú Chín), nên tôi có cái thú là ưa đứng nơi đầu ngõ trông mẹ về để vôi vỉnh, nũng nịu, mách chuyện nọ, việc kia ở nhà của anh em tôi cho bà nghe. Nghe xong bà để bụng mà chả có bình đũa nào. Bởi vì mẹ luôn bận rộn, vừa đặt đôi gióng xuống là lăn xả vô bếp nấu cơm, dọn dẹp cho các thành viên của gia đình có cơm nóng canh hổi no lòng kịp lúc, đúng bữa. Lúc tôi chưa đi tu, gia đình còn lại anh bốn (An), chị năm (Đấu), anh sáu (Thang), em chín (Cường) và tôi (Cu); chị hai (Quyên), chị ba (Miên) đã có gia đình và về ở bên nhà chồng. Nhà còn lại 7 miệng ăn, trong số bốn người đi làm: cha tôi, anh bốn, chị năm, anh sáu; tôi và Cường ăn theo vì còn nhỏ, còn mẹ là viên nội tướng quản lý mọi việc trong ngoài gọn ơ. Mỗi lần làm lỗi, tôi bị cha phạt, trách; mẹ là vị thần hộ mạng chở che an ủi, nơi trú ẩn an toàn nhất cho tôi mỗi khi có biến cố chẳng may nào xảy đến bất chợt.

Thương yêu chồng con hết lòng: mẹ không quản ngại thân của mẹ, thức khuya dậy sớm, ăn đói nhịn khát vẫn không lấy làm điều, miễn phục vụ chồng, con đầy đủ là mẹ vui rồi. Tới năm 1958 anh bốn cưới vợ nhưng vẫn sống chung với cha mẹ, vì anh là con trai cả trong gia đình; đến năm 1960 anh chị sanh con đầu lòng lại là con gái. Điều này tuy không nói ra, mẹ kém vui thật sự; theo bà phải chi nó sinh con trai để mình có cháu đích tôn sớm. Đàng này... Hai năm sau chị năm cũng đi lấy chồng, tôi bỏ đi tu, làm cho mẹ buồn nhớ khôn nguôi, nhà chỉ còn lại ông bà, anh chị bốn, anh sáu và chú út; đến năm 63, anh sáu (Thang) lập gia đình và năm 1964 chú út vào chùa tu. Lần lượt các thành viên của gia đình tôi ngày càng thưa vắng; đến năm 1966, anh sáu (Lê Văn Thang) chết trận trong chiến tranh, làm mẹ đau buồn nhớ thương, dù anh đã có vợ và sanh con cái. Mẹ thương anh, vì bà tội nghiệp hai cháu nội còn nhỏ

dại mà lâm cảnh mồ côi cha sớm. Cái tình của bà sâu thăm
thăm, rộng bao la không thể lấy gì đong lường được.

Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào
Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào
Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào
Tiếng ru êm đềm trăng tà soi bóng mẹ yêu...

(Y Vân)

Tình thương yêu của mẹ như thế đó, nó cuộn cuộn tựa
sóng cồn, cao vút tận mấy tầng không, xa vời vợi không làm
sao với được. Chỉ vì thương yêu chồng con mà mẹ phải hy sinh
tạo bao nhiêu ác nghiệp để rồi nhận mọi hậu quả xấu ác. Vì
thấy mẹ quá vất vả, tôi không đành lòng nhìn bà lặn lội bươn
chải kiếm tiền lo trang trải cho gia đình, nên đã nhảy vào đời
vật lộn năm lên mười ba tuổi bằng việc thủ công đan rổ, thúng
bán giúp phụ với mẹ. Năm lên 14 tôi đổi qua nghề chằm nón lá,
kể cả nón bài thơ – nghề tuy vất vả - nhưng thật là vui, vì dễ hái
ra tiền, nếu ta chịu khó, trì chí. Từ ngày tôi phụ giúp vào ngân
quỹ gia đình với mẹ, bà rất hài lòng, vì có đứa con biết lo nghĩ,
chia xẻ với bà như thế. Thế nhưng tôi đâu có ở nhà gần mẹ lâu,
vì tôi đã có dự định sớm chớm nở mà mẹ cũng như gia đình
không ai hay biết, kể cả cha tôi, tôi vẫn giữ kín không hé tin gì.
Về sau này mẹ đã qua đời, nhân sống xa nhà tôi ghi lại trong
dịp Vu Lan:

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu để kỷ niệm 15 năm ngày tôi
mất mẹ, mượn mấy dòng này tôi muốn gọi lại một ít những
hình ảnh đáng nhớ mà mẹ tôi đã dành trọn lòng thương yêu vô
tận cho con cái, để làm trợ duyên cho những ai có diễm phúc
còn mẹ, suy nghĩ mà thương mẹ hiền nhiều hơn, rồi một mai
kia mẹ có qua đời cũng không tự cảm thấy mình lỗi đạo làm
con.

Trường hợp của tôi sắp kể sau đây hơi có phần đặc biệt hơn mọi người. Vì tôi đã vào chùa tu từ lúc còn nhỏ nên khoảng thời gian sống gần gũi với gia đình cũng ngắn lại. Tuy nhiên cái tình của tôi đối với mẹ, lúc nào tôi cũng quý trọng, kính yêu người. Và ngược lại, đối với tôi, mẹ cũng dành cho tôi trọn vẹn lòng thương bao la không bờ bến. Tôi còn nhớ rõ, mỗi lần tôi từ chùa về thăm nhà, mẹ lo lắng cho tôi đầy đủ mọi thứ từ giấc ngủ, miếng ăn, cho chí giặt giũ áo quần cho tôi nữa. Gia đình tin Phật giáo, cha mẹ tôi ăn chay kỳ mỗi tháng 2 ngày vào ngày rằm và mùng một. Tôi và em trai đều đi tu cả và chúng tôi ở hai chùa khác nhau. Từ khi chúng tôi vào ở chùa cho tới ngày rời khỏi đất nước cũng mười mấy năm, nhưng anh em ít có dịp gặp nhau tại nhà, kể cả ngày đại tang của mẹ tôi (năm 1966) nữa!

Cứ mỗi lần tôi về thăm nhà, mẹ tôi lo mua sắm đủ thứ rau tươi, trái lạ để đãi tôi như là một khách quý vậy. Những năm tháng đầu tiên tôi về thăm gia đình, mẹ nhận thấy tôi ăn ít được cơm nên đâm ra lo lắng. Bà nghĩ bụng: Có lẽ vì chén bát không tinh khiết kém ngon nên tôi ăn bữa không được vừa miệng. Mẹ lo đi mua sắm cho tôi một bộ chén bát riêng để khỏi lẫn lộn với chén bát dùng của gia đình. Rồi không biết nấu đồ chay khéo, mẹ cũng tìm học cách chế biến thức ăn của mấy người quen lân cận để cốt tạo bữa ăn vừa miệng cho tôi. Theo thói quen, mỗi lần tôi về thăm gia đình là bà con lối xóm xúm nhau lại đông nghẹt cả nhà để nghe tôi kể chuyện này chuyện nọ, nhất là những mẩu chuyện vui buồn trong đạo. Cũng trong những dịp gần gũi này, bà con mang lại cho tôi nhiều thức ăn lạ khác với những bữa ăn thường nhật tại chùa. Ở chùa chur tăng hầu như phải sống khắc khổ để tập rèn luyện ý chí. Mẹ vừa nhìn tôi và nhìn mọi người vừa nói:

- Thăng bảy (tôi thứ bảy trong gia đình nên mẹ gọi như thế) độ rày coi bộ ốm nhom ốm nhách trông mà tội nghiệp! Thế mà em nó vẫn năng nặc đòi xin đi tu. Tôi và ba nó cản ngăn

cũng không được, nên cũng lại đi tu rồi. Mỗi khi nó về thăm, tôi cũng đều lo cho được mấy bữa cơm sung túc; còn thằng này (mẹ chỉ vào tôi) vì ở xa nên ít về được để tôi săn sóc cho được chu đáo. Ôi tình mẹ! Cho dù con có ở đâu và làm gì, dù con lớn khôn thế mấy hay nhỏ dại đến bao nhiêu, mẹ cũng cho con tình thương tỏa rộng như tàng cây cổ thụ che rợp bóng mát cho cuộc đời của những đứa con được may mắn còn mẹ. Mẹ còn căn dặn tôi rằng con cố gắng thường hay về thăm để mẹ tâm bồ cho, nhìn tôi mẹ bảo thế mà nước mắt mẹ rơm rớm nghẹn ngào...

Từ khi tôi xa nhà vào chùa học đạo, cho tới ngày tôi mất mẹ khoảng thời gian độ 10 năm. Trong khoảng thời gian khi tôi còn tu học ở chùa Non Nước; tôi thường hay về thăm nhà mỗi khi có dịp thuận tiện. Sau này khi vào Sài Gòn rồi, việc gần gũi cha mẹ đối với tôi càng trở nên thưa vắng dần. Việc ít về thăm gia đình của tôi không phải là điều bất hiếu mà theo như trong luật có dạy rằng người đã cắt ái từ thân không nên gần gũi cha mẹ, vì sợ cái tình cảm của gia đình mạnh hơn sẽ làm trở ngại cho việc học đạo. Điều đó không sai, vì không có tình thương nào lớn rộng cao cả cho bằng tình mẹ con.

Mẹ chính là bầu sữa ngọt ngào, “là nải chuối, buồng cau, là bóng mát đêm thâu trong cuộc đời”:

Mẹ là dòng suối diệu hiền
Là bài hát thần tiên...

Mà thật đúng như vậy. “Mẹ là một dòng suối, một kho tàng vô tận. Vậy mà lắm lúc ta không biết, để lãng phí một cách oan uổng. Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ” (Thích Nhất Hạnh trong *Bông Hồng Cài Áo*). Đáng lẽ ra hai anh em chúng tôi đã không đi tu để được gần gũi săn sóc mẹ cha, hầu an ủi các vị trong lúc tuổi già xế bóng. Nhưng nhân duyên Phật pháp khiến tôi lìa bỏ gia đình, cha mẹ già để vào chùa, rồi sau đó 7 năm lại đến lượt em

tôi cũng theo bước chân tôi. Lúc em tôi đi rồi, mẹ tôi khóc mồn mõi! Thương mẹ quá nhưng tôi không biết phải làm sao hơn được. Kinh dạy: Con muốn báo ơn cha mẹ một cách hữu hiệu là phải biết con đường tu niệm và khuyên nhắc cha mẹ lánh dữ làm lành lúc trở về già, đó mới là cách đền ân cha mẹ hữu hiệu nhất. Đối với tôi, trên thực tế của cuộc đời, và theo như kinh nghiệm bản thân, tôi nhận mình chưa báo đáp thâm ân thì mẹ mất vào năm 1966. Đầu óc tôi như quay cuồng, tâm trí như bấn loạn... Song vì hoàn cảnh bắt buộc, tôi cũng không về được để tiễn đưa mẹ lần cuối về nơi an nghỉ nghìn thu. Với lòng thành tôi chí tâm cầu nguyện cho hương hồn Người sớm được siêu thoát, và gia hộ cho cuộc đời tu niệm của tôi được thông suốt, vẹn toàn.

Năm xưa tôi còn bé
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận kẻ mồ côi...
Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Là mất cả bầu trời
(Vũ Đình Liên).

Năm 1981, cũng trong mùa báo hiếu, chùa Pháp Bảo có lễ cài hoa hồng cho những ai còn mẹ và hoa trắng cho người mất mẹ. Trong dịp này, tôi thổ lộ cảm xúc của mình qua bài giảng về đạo hiếu. Tôi kể lại câu chuyện tôi mất mẹ, ai cũng cảm thấy thương thương, cũng có người rung rung nước mắt. Bà con khóc thương tôi mất mẹ hay đúng hơn là thương cho chính thân phận mình đang sống trong cảnh lưu lạc chia lìa của kiếp đời tỵ nạn lênh đênh nơi xứ lạ quê người.

Mùa Vu Lan là mùa báo hiếu mẹ cha – mùa tình thương – hay còn gọi là mùa cầu nguyện của những người con hiếu còn biết nghĩ tới cội nguồn, huyết thống, dòng dõi, tổ tông... dâng trọn lòng thành lên 10 phương chư Phật cầu cho cha mẹ, bà con nội ngoại, kẻ còn sống được an vui sức khỏe, người lưu lạc ở khắp bốn phương trời sớm quay về đoàn tụ với gia đình; còn kẻ quá vãng được siêu sanh về cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Cũng như mọi người, chúng ta đốt nén hương trong sự chí thành tha thiết, nguyện cầu cho cha mẹ đã qua đời được an nhiên nơi cõi tịnh. Cầu nguyện cho mẹ, cho quê hương Việt Nam muôn thuở, và hằng mong ngày trở lại của những đứa con xa xứ sẽ không còn xa để chúng ta – những đứa con lưu lạc bất đắc dĩ – nhìn kỹ vào mặt mẹ lần hội ngộ trùng phùng để thỏa bao chuối ngày xa cách! Cho dù người nào có bất hạnh mất mẹ như tôi, cũng đều có cơ hội tốt để chúng ta có dịp được đốt nén nhang cắm lên ngôi mộ của đấng sanh thành trong lời cầu nguyện...

Giống Phật chớm nở: Là đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, tôi sinh hoạt trong nhiều năm từ ngành Oanh Vũ lên ngành Thiếu Nam. Bồ đề tâm chớm nở không biết tự bao giờ mà lòng thương người, thương loài vật của tôi có rất sớm. Tôi nhớ không chính xác lắm, có lẽ năm 1952, 53 gì đó, mẹ tôi nuôi một con heo bự và dự định mổ thịt cúng giỗ đãi khách vào cuối năm đó. Con vật như có linh tính biết trước, nó rom róm nước mắt và bỏ ăn trước ngày bị hành quyết. Tôi đánh bạo nhảy vào can gián, không cho ai được giết chết con heo ấy, nên đề nghị gia đình đổi lại thay cúng mặn nên cúng chay tịnh. Cha mẹ tôi cũng là Phật tử, thấy con có tâm từ như thế, nên biểu đồng tình và tha chết cho con vật đáng thương kia. Làm được việc cứu vật như thế, trong lòng tôi cảm thấy thật là vui. Và cũng bắt đầu từ đó trở đi tôi phát nguyện ăn chay mỗi tháng 10 ngày,

thay cho hai ngày như từ trước. Cha mẹ tôi cũng chay tịnh mỗi tháng 2 ngày rằm và mồng một; cũng như về chùa lễ lạy sám hối hồng danh mỗi tháng 2 lần, và thỉnh Phật về thờ tại nhà cho con cháu có dịp tín kính Phật. Dần dà sau này cả gia đình đều quy y Tam Bảo hết, cha tôi pháp danh là Thị Tế, mẹ có pháp danh Thị Sắc, anh Bốn pháp danh Như Khương v.v... đều thuộc phái Lâm Tế Chúc Thánh – Hội An. Xã Xuyên Mỹ của tôi có nhiều người đi tu như tôi được biết ít nhất có độ 50 vị là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, đã vào phẩm vị Thượng Tọa, Ni Sư, Hòa Thượng, riêng thôn Mỹ Hạc vùng tôi ngày nay còn lại Ni Sư Diệu Nghĩa ở chùa Bảo Thắng (Thủ Đức) Ni Sư tịch năm 2012, Ni Sư Hạnh Nghiêm (Gia Định), Hòa Thượng Như Điển (chùa Viên Giác – Đức quốc), Hòa Thượng Bảo Lạc (chùa Pháp Bảo – Sydney), Sư Bà Diệu Tâm, Ni sư Như Viên, Ni Sư Diệu Chỉ (chùa Bảo Vân Saigon), Ni Sư Diệu Phước (chùa Linh Thứu – Berlin, Đức quốc). Còn nhiều vị nữa tôi không nắm rõ được hết. Cho tới giờ này, tôi cũng không hiểu tại sao người làng tôi sớm có nhân duyên với Phật pháp như vậy. Dĩ nhiên, quý vị xuất gia đông như vậy qua thời gian gạn lọc sàng sảy, nay còn lại đêm không đầy trên đầu ngón tay. Thật quả đời vô thường biến đổi như lời Phật dạy, đó là điều chắc chắn có thật, không hề sai lầm bao giờ.

Dáng đạo sĩ: Lúc bấy giờ (1954 – 1957) Phật giáo hoạt động chưa lấy gì làm khởi sắc mấy. Người Phật tử tin Phật không theo đường chánh tín mà chỉ có mê tín nhiều hơn. Họ xem Đức Phật như vị thần không khác, vì chỉ việc cầu nguyện ban ân phước chứ người tín đồ chưa phát nguyện tu tập, do giáo lý chưa có người truyền đạt giảng giải để mọi người hiểu rõ. Thập niên 50, cách thờ Phật, tin Phật khác với sau này nhiều lắm. Chẳng hạn, người ta che trùm mặt cho Phật bằng tấm vải đỏ; phụ nữ không dám đi ngang qua trước mặt Phật, vì sợ có

tội. Mỗi lần bắt đắc dĩ phải đi qua trước Phật, đàn bà phải cúi đầu khếp nép. Vì người ta sợ rằng, nếu không làm như vậy, Phật quở và thậm chí có người còn tuyên bố rằng Phật bắt! Quả tình niềm tin Phật hời hợt kiêu đố rất tội nghiệp, đưa đạo Phật đi xuống, sứt lụi lại hàng ngàn năm! Vì Đức Phật chưa hề quở trách và phạt ai bao giờ, thế tại sao ta chưa hiểu Phật mà lại gán cho Ngài cái nhãn hiệu phi đạo lý ấy. Cho nên theo nhà nghiên cứu sử học Phật giáo Trí Siêu Lê Mạnh Thát cho rằng đó là thời kỳ Phật giáo quyền năng kéo dài hơn cả ngàn năm, mãi cho tới thời Pháp thuộc (1868-1954). Chúng ta không lấy làm lạ, Phật giáo bị ảnh hưởng không ít bởi tính cách quyền năng này trong lòng người Phật tử chân quê mộc mạc, kiến thức cạn mỏng, niềm tin mù quáng chưa được soi sáng bởi đạo lý giác ngộ. Thiếu vắng các bậc thầy, những pháp sư giáo thọ điển hình mô phạm đem đạo vào đời, xây dựng cuộc sống nhân sinh an lành hạnh phúc. Nhưng thỉnh thoảng cũng có vài đoàn du tăng khát thực đi chân trần trong sắc y vàng thanh thoát, họ bước đi trên quốc lộ 1 gần nhà, làm cho tôi vô cùng thích thú đem lòng hâm mộ, ước mong mình đóng được vai trò như các vị khát sĩ kia thì còn hạnh phúc nào hơn! Hình ảnh giải thoát ấy luôn đập mạnh vào tâm hồn tuổi thơ của tôi, tuy rất ham thích nhưng không biết làm cách nào để thực hiện tâm nguyện. Tôi âm thầm mơ ước, hầu dệt mộng tương lai vào một ngày không xa. Nhưng đối với bạn bè, người thân cái mộng ước của tôi không khéo lại thành vỡ mộng và không tưởng. Nói chung, không ai chịu chấp nhận một thiếu niên mới lớn lại có ý nghĩ lạ đời muốn đi tu như tôi cả. Chôn chặt sâu kín vào đáy lòng để chờ đợi nhân duyên hội đủ, tôi sẽ ra đi như kẻ “xuất trần thượng sĩ”, mà việc trước mắt là đoàn thể tôi đang theo đuổi.

Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử: Hệ thống tổ chức Gia Đình Phật Tử khởi đi từ Gia Đình Phật hóa phổ do bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám nhen nhúm thành lập ngoài Huế năm

1940, nhưng vì chiến tranh trong thế chiến II (1939-1945), mãi đến năm 1952-1955, các Gia Đình Phật Tử mới thành lập và sinh hoạt tại các chùa, các Khuôn hội Phật giáo tại hầu khắp miền Trung và một vài nơi tại miền Nam – Việt Nam. Cho đến năm 1957-58 phong trào Gia Đình Phật Tử đang lên rầm rộ thì gặp phải sự kỳ thị bắt bớ, thủ tiêu những cán bộ Huynh trưởng nồng cốt bởi chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm, phân biệt giữa đạo Phật và đạo Chúa. Là một Phật tử nhiệt thành, tôi hăng say sinh hoạt trong đoàn thể trẻ của Gia Đình Phật Tử Hà Linh trong 5 năm từ năm 1952 đến ngày rời gia đình đi tu năm 1957. Gia Đình Phật Tử Hà Linh hoạt động rất tích cực và xuất sắc về nhiều mặt. Nhất là về tổ chức và kịch nghệ mà sau này dù đã là Đại Đức tôi vẫn thích văn nghệ, nên được các trường Bồ Đề: Huệ Quang, Hạnh Đức mời làm giáo sư hướng dẫn cho học sinh về các môn này. Có thể nói Gia Đình Phật Tử như là điểm tựa cho tôi đi xa hơn vào đời sống người xuất gia về sau, nhất là học hỏi giáo lý và phương pháp tổ chức về Đội, Đoàn, Chúng v.v... hầu như tôi nắm rất rõ. Tuổi trẻ ưa bay nhảy và tánh thích phiêu lưu, tôi thích nhất là những chuyến thám du đi xa học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu và những kỳ trại họp bạn còn là cơ hội tốt để chúng tôi kết thêm bạn bè và tranh tài với các gia đình khác trong toàn tỉnh về kỹ thuật, thể thao v.v... thật là hào hứng khó quên. Nhờ sinh hoạt Gia Đình Phật Tử mà tôi thành dạn dĩ, tự tin, độc lập rất sớm không bị lệ thuộc vào bất cứ người nào. Tôi thuộc nằm lòng châm ngôn: Bi - Trí – Dũng và năm điều luật của ngành thiếu Gia Đình Phật Tử:

1. Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện
2. Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống
3. Phật tử trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật
4. Phật tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm

5. Phật tử sống hỷ xả để vững tiến trên đường đạo.

Mỗi điều luật như mực thước đo đạo đức, giới răn cho các đoàn sinh Phật tử, nếu muốn được trở thành là Phật tử gương mẫu xứng đáng, ngõ hầu dắt dẫn đàn em lớp sau. Trong năm điều luật tôi tâm đắc nhất là điều thứ tư: trong sạch thể chất – tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Nếu như chịu suy nghĩ, điều này có thể một người làm suốt đời cũng chưa xong, vì ba nghiệp: thân, miệng, ý không dễ giữ cho thanh tịnh. Một người mà giữ ba nghiệp thanh tịnh trở thành Thánh nhân Bồ tát và được mọi người quý kính, học hỏi.

Cuộc thám du còn mang nhiều dấu ấn: Trong sách Như Dòng Ý Thức nơi chương một, phần nói về nhân duyên kỳ lạ, có viết như thế này: “Qua nhiều lần tổ chức trại (GDPT) tôi đã có dịp tham gia, cũng như các cuộc du ngoạn khác cùng với các bạn đồng đội trong Gia đình, một hôm nhân chuyên du ngoạn chùa Non Nước – Ngũ Hành Sơn – trở về tự nhiên trong đầu óc tôi nảy ra nhiều nghi vấn về cuộc đời và con người hiện tại. Ý nghĩ này cứ làm cho tôi bận tâm không ít, là con người rồi sẽ đi về đâu? Và cuộc sống nhân sinh sẽ phải giải quyết ra sao? Cứ suy nghĩ mãi trong mấy hôm liên tiếp, nhưng tôi vẫn không tìm ra được đáp số của bài toán “nhân sinh” ấy rồi sẽ được giải đáp như thế nào? Tôi tự nghĩ chỉ còn một cách duy nhất dù phải ra đi như thái tử Tất Đạt Đa khi xưa để sống theo nếp sống đạo mà theo tôi, nó sẽ nhiệm mầu và có thể tìm ra được mẫu số chung cho kiếp làm người. Tuy nhiên, một cuộc ra đi như vậy không phải dễ dàng và đơn giản như bạn tưởng! Đó là cả một sự phấn đấu quyết liệt với mọi hoàn cảnh, nhất là đối với gia đình. Ý là tôi sớm tự lập mà còn gặp phải nhiều sự chướng ngại khó một lúc giải quyết dứt khoát được như thế, huống chi người tùy thuộc vào thân nhân nhiều, hẳn khó gặp

vạn lần. Nói như thế, nhưng tôi vẫn phải can đảm lắm mới hạ quyết tâm một lần rồi thôi không lặp lại nữa. Trong tâm mãi đắn đo suy đi nghĩ lại thấy thương cha mẹ quá, đầu nỡ nào lìa bỏ núm ruột dứt khoát ra đi cho đành! Qua nhiều đêm thức trắng không sao chợp mắt được, cố mong tìm cho ra giải pháp hoặc cách nào đó thuyết phục cha mẹ để xuất gia cho bằng được, dù phải đón nhận thất bại trước mắt. Tự hào tuổi trẻ, hễ nghĩ là làm, tôi mạnh dạn tỏ bày ý định đi tu với cha mẹ.

Đánh bạo xin cha mẹ đi tu:



Hình tác giả 42 năm trước

Mọi việc đâu đây đều đã được xếp đặt và chuẩn bị sẵn sàng, tôi bèn nảy ra ý định ngay với gia đình việc xuất gia học Phật. Khi trình bày ý nghĩ táo bạo này với song thân, tôi đã gây

nên sự sống sốt lãn ngạc nhiên cho mọi người trong gia đình. Nhất là ở vào lớp tuổi vừa mới lớn của tôi, đang cần sự săn sóc, giúp đỡ của người thân. Cha tôi nghiêm nghị bảo:

- Nếu trong gia đình có gì bất mãn, con cứ việc nói thẳng hết ra để cha có thể tìm cách giải quyết ổn thỏa. Nhưng tại sao con lại muốn đi tu?

- Vì con muốn sống đời thanh thoát của một người tăng sĩ.

Cha nói tiếp:

- Con đừng vì nông nổi mà quyết định một việc quá vội vàng, hấp tấp thiếu sự cân nhắc kỹ lưỡng điều hơn lẽ thiệt, sẽ có ăn năn hối hận về sau.

- Nhưng thưa cha con đã dứt khoát, không thể nào khác hơn

- Con nên nhớ rằng, khi con ra đi rồi thì việc gì sẽ xảy ra trong gia đình này? Anh con còn đang trong quân ngũ chưa mãn hạn. Con nên nghĩ kỹ lại đi...

Nghe cha nói thế, cả nhà mẹ và mấy anh chị đều hướng mắt nhìn tôi thăm dò phản ứng mà nơi thâm tâm họ rất hài lòng qua những lời khuyên can chí tình của cha tôi. Mẹ tôi đâu bao giờ nghĩ tới việc hệ trọng như thế này. Mới đây bà ép tôi cưới vợ để nhà có thêm tay làm, nào bà có ngờ đâu một sự kiện quá đột ngột, làm hao hơi tổn sức chứ đâu phải chuyện thường. Bà chỉ nghĩ đơn giản: người con đi tu là mất hẳn, vì trước mắt là không nối dõi tông đường, thứ đến gia đình mất đi một bàn tay đóng góp tích cực mà một người như tôi bà rất tin cậy nên không muốn rời xa.

Nước mắt mẹ hiền: tiếng khóc qua giọt nước mắt biểu lộ nhiều trường hợp, hoàn cảnh khác nhau, nhất là về mặt tình cảm của con người. Đã là người, không cứ người lớn hay trẻ con lấy nước mắt làm vũ khí che chở, chống chế, đồng tình, phản kháng... cách hữu hiệu nhất, làm cho kẻ khác ngao ngán,

chùn bước, dừng tay v.v... không dám tiến hành, thực hiện một công việc, dự án hay đề nghị nào. Nghe con đại khóc thét lên khiến người mẹ đang làm việc gì vẫn ngưng lại vỗ về an ủi, cho tới lúc nó thỏa mãn yêu sách mới thôi. Trong trường hợp của tôi, tiếng khóc của mẫu thân vô cùng lợi hại, bà có đặt điều kiện gì với tôi không? Không, vì bà có nói lên lời nào đâu mà bảo là điều kiện với không; vả lại càng không yêu sách nào hết cả. Nhưng trong vô hình, giọt nước mắt của mẹ biểu tỏ nhiều điều cụ thể mà không thể tiện diễn tả được nên bằng lời:

- Mẹ thương con vô hạn, con đừng làm cho mẹ đau lòng mà tổn hại tới sức khỏe tuổi già.

- Con không thể sống xa nhà thiếu tình thương yêu đùm bọc của người thân được.

Hãy ở lại nhà tu có mẹ có con, hà tất vào chùa mới tu được hay sao?

Dù bằng lời khuyên của cha hay với những lời phải trái của các anh chị, tiếng khóc của mẹ nghe sao mà quá cảm động. Vì hồi nào tới giờ tôi chỉ nghe tiếng khóc trẻ thơ mà việc tôi muốn đi tu cũng vì không ưa tiếng khóc của chúng. Hễ khi nào nghe mấy đứa cháu trong nhà hay trẻ con lối xóm khóc ré lên là tôi tránh đi chỗ khác. Nay lại nghe tiếng khóc của người mẹ hiền làm sao tôi có thể đủ can đảm đứng nhìn với nhiều lối giải thích và bằng đủ mọi cách để cản ngăn ý chí quyết định ra đi của mình, người nhà mong làm nản lòng thôi chí để tôi có thể hủy bỏ chuyến đi định mệnh đó hay ít ra cũng thay đổi thái độ. Tôi bèn nghĩ kế khác để ra đi cho bằng được với bất cứ giá nào.

Trôn gia đình xuất gia: Mặc dù chăm chỉ làm việc phụ lục vào kinh tế gia đình, nhưng tâm tư tôi cứ nghĩ chuyện bay bổng ở trên trời nên không bị gò bó thu hẹp nơi xóm thôn chật hẹp với đồng ruộng, khu vườn. Như đã trình bày, thỉnh thoảng tôi được nghe các thầy giảng sư từ Tỉnh Hội về thuyết pháp, cũng như trông thấy quý sư du tăng khát sĩ đi trên quốc

lộ. Trông thấy các thầy tướng tốt trang nghiêm, dáng đi thanh thoát nhẹ nhàng trong chiếc y vàng như kiêu Phật mặc, trông họ thật là an lạc giải thoát. Còn nhìn lại mình cảm thấy sao mà bận rộn, vất vả mọi bề; đời sống lại là đấu trường tranh nhau hơn thua, lợi hại. Do nhiều yếu tố tạo thành giúp tôi có thêm nghị lực nảy ý định xuất gia, nhưng thật quả là khó vô cùng. Sớm muộn gì rồi cũng phải thực hiện cho được chuyến đi, tôi thuyết phục và tìm đủ mọi cách để cho gia đình biết rõ ý định, nhưng vẫn cứ lần lựa không dám nói thẳng, vì sợ bị ngăn cản...

Nơi cuốn sách đã dẫn có đoạn viết: Một hôm đang sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử, tôi bày tỏ thái độ dứt khoát ra đi này và ngỏ lời từ giã với một vài người bạn thân. Các bạn tôi lấy làm ngạc nhiên và chất vấn lý do, cũng như điếm đến của chuyến đi đầy thử thách đó của tôi. Nhưng các bạn hữu chỉ biết một cách đại khái, mơ hồ, còn sau này việc tôi tu học ở chùa nào, tôi giữ bí mật, không thể nào cho họ biết rõ được. Vì biết đâu để lộ kế hoạch sẽ là bước cản trở con đường của tôi dự tính. Thế là ngày giờ và hành trang như đã sẵn sàng. Với một thái độ cương quyết và dứt khoát, tôi tìm cách trốn gia đình để ra đi trong muôn vàn đau xót. Hôm đó, một vài người bạn thân được tôi mời đến nhà để chuyện trò và họ cũng được cho hay là nội trong đêm tôi sẽ từ giã mọi người để ra đi. Sau khi nghe xong câu chuyện tôi trình bày, cả ba thiếu niên đều ngồi yên lặng không ai thốt lên được một lời nào cả. Sau gần một tiếng đồng hồ, tôi đã viết xong được ba lá thư. Lá thư thứ nhất để lại cho cha mẹ như:

Mỹ Học, ngày ... tháng ... năm 1957

Kính gửi cha mẹ và các anh chị em thương mến.

Đã nhiều lần con tỏ ý định ra đi này với cha mẹ và các anh chị, nhưng lần nào con cũng bị gạt ngang dòng tư tưởng đang bùng cháy trong lòng với đủ lý do này hoặc lý do khác.

Hôm nay, đúng ngày rằm tháng giêng con đã có quyết định ra đi qua nhiều đêm suy nghĩ: việc ra đi của con sẽ làm

cho gia đình buồn khổ, nhưng ý con đã quyết ... con vẫn biết ra đi như thế này là để lại bao nhiêu thương nhớ nơi người thân, nhất là đối với mẹ. Mẹ thương, con rất có lỗi với mẹ cha, vì ở vào tuổi con đáng lẽ phải hầu hạ và săn sóc mẹ lúc tuổi về già. Nhưng con lại bỏ lại tất cả những thâm tình cốt nhục để ra đi, thật là điều bất hiếu đối với gia đình, nhưng con không còn cách nào nghĩ khác hơn được cả.

Con đã học được ở giáo lý đạo Phật, công ơn cha mẹ sánh như trời biển, muốn báo đền sự hy sinh cao cả của đấng sanh thành, người con cho dù suốt đời công cha bên vai trái và công mẹ bên vai phải đi suốt từ nguồn ra tới biển để đền ơn cũng chưa chắc đền đáp được. Nhưng có một cách báo ân cha mẹ xứng đáng là người con phải hiểu lý vô thường và cố khuyên nhắc cha mẹ lúc tuổi về già làm việc phước đức, cũng như kính thờ Tam Bảo và niệm Phật. Nhờ đó con mới mong đền đáp lại phần nào công ơn như trời biển trong muôn một.

Việc ra đi của con hôm nay chắc chắn dư luận sẽ phê phán, nhưng khi đã biết rõ được đâu là sự thật thiên hạ sẽ không còn ngạc nhiên, thắc mắc nữa. Cho đến khi nào con đã yên tâm tu học, rồi thì cũng chính là lúc con báo đáp thâm ân cha mẹ một cách trọn vẹn.

Con nguyện cầu hồng ân chư Phật gia hộ cha mẹ, anh chị em cùng thân bằng quyến thuộc được vạn sự an lành và nhiều phúc lộc.

Kính thư

Con

Lê Văn Cư

Lá thư thứ hai gửi lại bạn bè thân, nhất là các đoàn sinh trong Gia Đình Phật Tử Hà Linh. Lời tâm sự, chia sẻ cũng là

lời từ giã chia tay của người viết, thế là từ nay tôi không còn lui tới sinh hoạt với các bạn nữa. Cho tới giờ này khi các bạn đọc thư tôi, tôi đã đi xa các bạn, xa mái nhà lam đèn ấm của chúng ta, mong các bạn tinh tấn tu tập và cầu nguyện cho tôi đủ nghị lực phấn đấu trên con đường tâm cầu giải thoát. Hy vọng một ngày nào đó chúng ta hẹn sẽ gặp lại nhau. Trong lúc tôi còn sinh hoạt với Gia đình, nếu có điều gì phật ý các bạn cũng hoan hỷ bỏ qua vì tuổi trẻ nhiều háo thắng chắc không tránh khỏi lỗi lầm. Việc âm thầm ra đi của tôi cũng là điều lỗi nữa, vì đã không báo trước các bạn hay; lại cũng im lìm chẳng tổ chức tiệc tùng đưa tiễn. Như các bạn thấy đó, tôi đâu có được gia đình chấp thuận cho đi tu, nên phải trốn cha mẹ lặng lẽ ra đi trong đêm khuya. Việc công khai của tôi cho mọi người biết là điều không thể, nên các bạn phải thông cảm cho tôi ở điểm này. Có điều tôi mong ước là trong số các bạn có ai dám theo tôi vào ở chùa không? Nếu có bạn nào làm được như vậy, chúng ta sẽ kết thành huynh đệ, pháp hữu với nhau lâu dài, không những trong đời này mà còn ở kiếp khác nữa, để cùng nhau phụng sự Tam Bảo. Mấy lời phát xuất tự trong đáy lòng chân thật của tôi, mong các bạn mạnh khỏe và luôn dũng tiến trên đường đạo. Bên dưới bức thư ký tên: Lê Văn Cư. Và lá thư thứ ba: gửi Bác gia trưởng và các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Hà Linh, nhằm mục đích xin vắng mặt trong các buổi sinh hoạt, cảm ơn Bác gia trưởng cũng như các anh chị huynh trưởng đã tận tình giúp đỡ và dành cho tôi nhiều cảm tình quý mến. Xin gửi lại bao niềm lưu luyến tình lam với Bác gia trưởng và các anh chị trưởng. Cầu chúc tất cả tinh tấn.

Đi về hướng nào: Sáng ra, cả gia đình đều hoảng hốt, ai nấy nhìn lên bàn thấy mấy phong bì thơ còn để ngổn ngang, nhất là lá thư tôi viết từ giã gia đình cha mẹ và mấy anh chị tôi, theo lời anh tôi kể lại, đều khóc nức nở. Nhưng không ai biết được tôi đã đi về hướng nào và đi tới đâu? Mỗi người nhìn nhau

không nói, và ai nấy đều tỏ ra lo lắng tột cùng vì đều cùng mang một tâm trạng buồn và nghĩ ngợi khác nhau.

Tôi và hai người bạn nhẹ nhẹ gài cửa rồi nhẹ bước ra đi trong khi mọi người còn đang ngon giấc. Cũng như cuộc vượt thành xuất gia của Thái tử Tất Đạt Đa năm xưa. Thái tử rời hoàng cung với con ngựa Kiền Trắc và người hầu Xa Nặc; còn tôi đi chẳng có ngựa và kẻ tùy tùng mà lội bộ lộ ca chân mệt nghỉ. Tất Đạt Đa ra đi từ cửa thành phía Đông bằng cưỡi ngựa đến dòng sông A Nô Ma, cách xa đến 60 cây số rồi cắt tóc cởi áo hoàng bào trao cho Sa Nặc đem về giao lại phụ hoàng. Biển cổ lịch sử đầy bi hùng đó còn lưu lại với bài hát dòng A Nô Ma mà chúng tôi rất ưa thích, nên ghi lại đây tặng quý độc giả:

Dòng A Nô Ma sóng nhấp nhô bờ lau xanh
 Nhìn làn nước biếc Thích Ca Ngài lòng vững bền
 Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng
 Ta đã quyết tìm đạo sáng cứu chúng sanh
 A Nô Ma vẫn còn nhớ ghi gương sáng ngời
 Chúng ta giờ đây nguyện noi gương đức từ bi.

Còn tôi chẳng có gì trao lại các bạn đem về cho gia đình làm tin hết.

Đi tới quốc lộ số 1, chúng tôi chia tay hai người bạn khi chiếc xe đò Phi Long - Sài Gòn – Đà Nẵng vừa trở tới. Hai bạn tôi nghẹn ngào rơi nước mắt lúc vẫy tay chào từ giã và cứ đứng đó trông theo mãi cho tới khi xe chạy mất hút mờ dần họ mới uể oải trở về mà trong tâm trạng vô cùng lo lắng, vì họ không biết tôi đi về ngã nào để mách tin cho gia đình nhất là cha mẹ tôi đang chờ tin từng giờ từng phút. Xe tới Đà Nẵng là trạm cuối cùng, tôi đón xe tiếp đi về hướng Non Nước – Ngũ Hành Sơn. Sở dĩ rành đường đi nước bước là do tôi có tham gia cuộc

du ngoạn trước đây của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, nên biết Hòa thượng Hương Sơn và chùa Linh Ứng tại Non Nước. Đó là chuyện đoàn thể, việc của Gia Đình Phật Tử, còn hôm tôi đến sáng sớm hôm đó chỉ một mình trợ trợ khiến cho Thầy tôi phân vân nghĩ ngợi không ít.

Vừa chợt thấy thầy Sơn nhanh nhẹn hỏi:
 Cần điều cho con tới sớm nơi này.
 Tôi quỳ thưa: Xin học đạo từ đây
 Được hứa khả sau một hồi suy nghĩ...

Vì tôi là một thiếu niên nên Thầy cần biết rõ lý do xuất gia phải được vị gia trưởng hay người giám hộ gửi gắm hoặc giới thiệu mới đúng. Nhờ có quen trước đây nên thầy không ngại nhận cho tôi ở chùa sau khi đã hỏi sơ vài điều lý lịch và cho xuống phòng chúng. Từ đây tôi bắt đầu nghiên ngẫm về việc đi chùa hay ở chùa của người Phật tử:

Có ba thái độ đi chùa
 Ngõ ngang, xa lạ, vui đùa giải khuây
 Xem chùa là chuyện của thầy
 Vòng ngoài ngắm cảnh ai hay làm gì
 Thiện nam tín nữ tu trì
 Gặp nhau niệm Phật A Di chào mừng
 Hai tay chấp lại ung dung
 Thân thương hòa ái vô cùng thiết thân
 Tuy xa đồng cảm như gần
 Chùa ta xây dựng ân cần từ đây
 Tới lui học đạo lâu ngày
 Thấm nhuần kinh kệ giải bày tâm tư
 Bây giờ ai cũng xem như
 Chùa chung bá tánh riêng tư đâu còn
 Từ đây vào thẳng bên trong

Tự tin cảm thấy cõi lòng an nhiên
 Mái chùa che chở hồn thiêng
 Trẻ già, trai gái đồng nguyên tiên tu
 Sớm chiều kinh kệ công phu
 Xây đời an lạc đắp bù gia công
 Quả xinh tu tạo nhân trồng
 Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
 Mái chùa đầm ấm thiết tha
 Cháu con giữ lấy món quà tâm linh. (Sông Thu)

Ba thái độ đi chùa của Phật tử xưa nay: Xem chùa là của thầy, thứ hai xem chùa như của mình và thứ ba: chùa là của thập phương bá tánh. Ít nhất chúng ta phải cần đi sâu vào nếp sinh hoạt chùa chiền mới không làm khách bàng quan chỉ ngắm cảnh chụp hình đi dạo ở vòng ngoài rồi thôi. Đó không phải thái độ đi chùa đúng nghĩa, vì còn thấy có sự phân biệt ngăn cách giữa mình và chùa. Chẳng hạn, ăn uống ở chùa phải đợi mời mọc, nếu không là trách cứ, giận hờn, bỏ chùa... như thế đâu có đúng ý nghĩa đi chùa. Người Phật tử tới chùa nên xem như việc nhà của mình mới tự tại mà không phiền não; rồi lâu dần tiến tới xem chùa là ngôi nhà chung của thập phương bá tánh.

Kể cả người tu ở chùa, nếu nhìn khách quan, chắc chắn chùa không bao giờ phát triển được. Mọi người con Phật dù tại gia hay xuất gia cũng phải nhiệt tình tham gia đóng góp để bảo vệ ngôi chùa làm hiển phát chốn già lam, như câu nói quen thuộc trên môi của nhiều người “chùa chiền”, hết người này trông nom chăm sóc đến người khác cũng giữ gìn chốn thiền môn như vậy. Hẳn là thiền môn nghiêm tịnh (thanh tịnh) chúng lý an hòa và người thí chủ đàn na đem của cúng dường chùa được tăng phước thêm thọ. Cũng như con chim mẹ dẫn dắt tập chim con bay lúc mới biết bay chập chững, nó đứng như chim con chiền gần rồi từ từ đi xa hơn một chút, tập con nó cứ chiền

hết cảnh này sang cảnh khác, hết cây này qua cây kia. Suốt cả buổi chú chim con bay xa rải cánh vũng chải mà không sợ rớt té nguy hiểm. Nếu ai cũng quan niệm duy trì giữ gìn ngôi chùa một cách nhiệt thành bằng khả năng và thiện chí, chúng ta tin chắc rằng ngôi chùa trở nên tươi mát có hồn và thanh tịnh. Mới bước chân vào chùa sống đời phạm hạnh, tôi lại suy nghĩ miên man về việc này, có lạc đề không nhưng đây là một phần để làm người quên cuộc sống của tôi hiện tại, như có vẻ đầy xúc động đối với người thân. Và phần nữa, cũng nhân cơ hội này tôi mong mỗi những ai là Phật tử chân chánh mà trong đó có thân bằng quyến thuộc của tôi, nên thay đổi thái độ đi chùa, nhằm đóng góp trực tiếp trong việc bảo vệ chùa chiền. Lâu nay chúng ta sống trong cảnh co cụm do người ngoại quốc chi phối, hết Tàu, đến Pháp rồi Nhật Bản, làm cho niềm tin Phật của người Phật tử lỏng lẻo bị chao đảo. Nếu không muốn nói là người Pháp như muốn đồng hóa Phật với đạo thờ thần để họ dễ dàng cai trị người Việt trong gần một trăm năm đô hộ Pháp từ 1859 đến 1945.

Đây đề cập sơ nếp sinh hoạt của tôi ở chùa như là một kinh nghiệm thời niên thiếu. Ở chùa bận rộn nhất là những dịp quốc lễ. Du khách các nơi đổ dồn về Non Nước để chiêm bái rất đông. Họ không phải chỉ có thuần túy là người Việt mà ngay cả du khách ngoại quốc cũng đông không kém. Ngũ Hành Sơn vốn đã nổi tiếng từ lâu về cảnh trí đẹp và nhất là các di tích lịch sử như hang động Huyền Không, Vân Cẩn Nguyệt Quật, động Tàng Chơn, vọng Giang Đài, vọng Hải Đài, giếng tiên... Du khách tới lui viếng chùa tấp nập, nên tăng sinh chúng tôi phải bận rộn suốt ngày, vì thế thì giờ như phần nào bị eo hẹp lại không đủ. Chúng phải dành nhiều thì giờ vào học tập kinh kệ gồm hai buổi sáng và chiều. Một vấn đề thật hết sức nan giải cho vùng núi cao này là nước uống. Từ khi chưa có xi tặc xây trên núi, mỗi lần có lễ lộc, tăng sinh chúng tôi phải xuống tận dưới chân núi lấy nước giếng gánh đem về cho du khách dùng.

Chế độ ăn uống ở chùa lại quá kham khổ, còn việc học hành thì thiếu thốn mọi phương tiện như sách vở, đèn đuốc, bút mực hay kể cả quần áo. Mỗi bữa ăn nhìn trên bàn chỉ cơm là chính, còn thức ăn ngoài rau muống luộc với lại thêm món nước luộc rau ấy bỏ lỏng bỏng mấy miếng cà chua làm canh. Thế nhưng tăng sinh chúng tôi ăn cảm thấy ngon miệng đáo để, một phần nhờ số đông, và phần khác do sức lực tuổi trẻ đang vượt sức sống. Ban đêm, chúng tôi học với cây đèn dầu hôi bóng hột vẹt, vì vào thập niên 50 ấy, vùng núi Non Nước làm gì có điện như ngày nay. Sinh hoạt trong điều kiện thiếu thốn ấy, nhưng tăng sinh chúng tôi rất lấy làm vui và ai cũng ưa thích nhờ được tu và được học bên thầy thương bạn mến làm trưởng dưỡng đạo tâm cho người học đạo xuất thế.

Nếp tu hành

Thật quả đúng như người ta nhận xét, người có căn cơ mới tu hành được, để ý tôi thấy nhiều người sống gần chùa nhưng chẳng biết tu hành gì. Lại có số người khác tới chùa cũng chỉ ngắm cảnh vui chơi mà không có tâm đi sâu vào Phật pháp. Không biết tự bao giờ tôi đã phát tâm hướng Phật mà hề gặp Phật, chư Tăng là tôi cung kính xá dài; cũng như biết ăn chay từ hồi lên 7, 8 tuổi và phát tâm từ bi thương người và vật. Cộng thêm nhân duyên gia đình tôi theo đạo Phật hồi đời ông bà đèn cha mẹ đều tôn thờ kính Phật, nhờ vậy hạt giống Bồ Đề trong tôi nảy mầm rất sớm. Hồi khoảng 5 tuổi tôi xáng một cơn bệnh trầm trọng tưởng không qua khỏi, nhưng nhờ phước đức ông bà, sau vài tháng điều trị chứng ruột thừa biến mất. Tôi còn nhớ rõ, lúc đó cha mẹ tôi mừng khôn tả in như tôi được hồi sinh không bằng! Mẹ cho mời một ông thầy xem tướng tới coi chỉ tay cho tôi. Ông ta nhìn chăm chú vào mặt tôi một hồi và nói: Tuổi Nhâm năm Ngọ cầm tinh con ngựa. Mạng mộc thuộc dương liễu mộc, dẻo dai bền bỉ. Ngựa chạy nước rút đường dài mà đường đạo mới thông; đường đời bị chướng. Sau khi lật ngựa bàn tay tôi để ông luận đoán về đường học vấn, công danh, tình duyên và thọ mạng. Về đường học vấn, ông nói cậu này có chí sáng, chăm học đạt thành tài, nên cố gắng tiếp tục đèn sách, thay vì theo nghiệp nông cũng thành tựu nhưng tương lai không khá mấy. Đường công danh khá rạng rỡ nhưng đến

hơi chậm, đừng vì lẽ gì thôi chí nửa đường, hễ có lao đao lận đận không cứu vãn được đâu. Hữu chí cánh thành là câu nói phát ra từ miệng ông ta mà tôi không bao giờ quên được. Ông còn nói thêm, cậu vừa trải qua một cơn bạo bệnh thập tử nhất sinh, từ nay có phần nhẹ bớt nghiệp rồi. Nghe ông nói tôi như vệt nghe sấm, chẳng hiểu mô tê chi hết, không biết nghiệp là cái chi chi, vì thật khó hình dung nó ra sao, lớn nhỏ thế nào lại có đủ sức chi phối con người đến vậy. Tới chuyện tình duyên, ông luận đoán: Theo đường chỉ tay của cậu nếu sau này lập gia đình sẽ lấy hai vợ. Vợ trước có 3 con rồi chết sớm, người vợ thứ hai sanh hạ được 4 người con và hai vợ chồng sống với nhau cho tới mãn kiếp. Cậu sẽ nhờ đỡ người vợ thứ hai này nhất. Nhưng ông nói tới đó lại ngập ngừng một lúc làm cho cha mẹ tôi hơi lo lắng rồi tiếp; cậu quý tử của ông bà có số đi tu, hễ là hanh thông hơn, thay vì ở đời lo công danh sự nghiệp. Sau hết, ông nói về thọ mạng, bèn đưa bàn tay trái của tôi chỉ rõ cho cha mẹ tôi thấy đường thọ mạng của tôi kéo dài. Có đoạn sắp bị cắt đứt chỉ trận đau của tôi hồi còn nhỏ, nhưng đã qua rồi. Cậu có thể sống dài dài mà không bị đau ốm gì nhiều nữa đâu, ông bà đừng có lo lắng chi cho nhiều.

Lá số tử vi của tôi như thế nhưng tôi đâu có tin và như lời ông thầy tướng có nói: chỉ tay của một người có thể thay đổi trong vòng 3 tháng. Cho nên một người tu phải chuyên nghiệp, hễ số tử vi đâu còn đúng nữa và lại không thích hợp với chánh tín trong Phật pháp. Dù vậy phần nhiều người ta hay lấy số mạng làm đầu, nên mới tạo cơ hội nuôi sống được những ông bà thầy xem tướng số. Mà ở thời nào họ vẫn có thân chủ chiếu cố, dễ mấy gì thất nghiệp đâu. Không thể nổi đời tông đường, tôi chọn hành trình kế thừa đạo nghiệp.

Một thời hành điệu: Tuổi trẻ hồn nhiên, thơ ngây và tâm hồn trong trắng như thiên thần vậy đó, chưa nhiễm bụi trần

nên dễ huân tập hạt giống lành vào tâm điền rất nhanh chóng, hợp với câu tục ngữ: gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Theo đó, tôi muốn nói rõ, người nào có ý định muốn tu nên dứt khoát xuất gia lúc tuổi còn nhỏ, gọi là đồng chơn nhập đạo. Ở vào lứa tuổi này con người chưa hề vướng mắc chạ của đời sống: tình, tiền, danh lợi, địa vị; cũng như tuổi đời còn dài mới có nhiều cơ hội phụng sự cho đạo pháp. Ngày nay sau năm mươi sáu năm nhìn lại lúc tôi mới vào chùa tu, đầu cạo nhẵn chỉ còn chừa lại chỏm tóc phát phơ phía trước mở ác, thấy tức cười ngộ nghĩnh và thương quá là thương.

Việc đầu tiên của tôi ở chùa là phải học thuộc lòng hai thời công phu sáng và chiều. Thời kinh sáng hay cũng gọi là công phu khuya gồm 5 đệ thân chú: Thủ Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, 10 bài chú ngắn, tâm kinh Bát Nhã, niệm Phật hồi hướng và 3 tự quy y. Chú Lăng Nghiêm trúc trắc khó đọc, đọc mãi không trôi chảy lại cũng khó thuộc nữa. Cho nên người ta hay gán câu: “Hành quân sợ qua ải, làm sãi ngán Lăng Nghiêm” là như thế. Thời công phu chiều gồm kinh A Di Đà, hồng danh bảo sám, mộng sơn thí thực, một bài sám nguyện, Bát Nhã tâm kinh, niệm Phật và hồi hướng cũng tương tự như buổi sáng. Đối với tôi, tôi có cách chia chú Lăng Nghiêm thành từng đoạn, học thuộc một đoạn rồi mới học tiếp đoạn khác. Vì vậy, tôi học chú Lăng Nghiêm chỉ 3 tuần là thuộc, dù chưa nhuần nhuyễn lắm, nhưng đọc theo chúng được. Trọn thời kinh sáng tôi học thuộc nằm lòng trong vòng 7 tuần lễ. Thời kinh buổi chiều không khó lắm, nhưng phần kinh A Di Đà lặp đi nhắc lại quá nhiều danh hiệu Xá Lợi Phất, tôi để ý có tới 30 lần Xá Lợi Phất, lại Xá Lợi Phất, lại nữa này Xá Lợi Phất. Trong bài kinh ngắn chỉ 1860 chữ, tính trung bình cứ mỗi 60 chữ là có một danh hiệu ngài Xá Lợi Phất, cũng đủ làm cho người học lộn trước ra sau và lấy đầu làm đuôi, nếu tâm không chú ý tập trung. Học Kinh và Luật có thầy chỉ dẫn chúng có lớp học đàng hoàng với ghế bàn, bâng

đen, giờ giấc nhất định; trong khi thời công phu mỗi người phải tự học mà không ai để ý theo dõi cả, cũng như thời giờ học tự do tùy thích, miễn học thuộc là được. Hai thời công phu tôi luyện chương trong vòng 12 tuần lễ là thuộc khỏi cầm bản đọc mà đã nhập tâm rồi. Ở chùa ngoài việc học ra, tôi còn hai công tác mà ngoài đời như chưa bao giờ làm qua, đó là đốn củi và gánh nước. Thầy chúng trưởng qui định chúng tôi phải lên núi đốn củi mỗi tuần 3 bó lớn (toán tôi 3 chú) mỗi chú. Còn nước phải đi gánh từ dưới chân núi lên, bằng đôi thùng thiếc đựng dầu lửa hiệu con sò đã lau chùi sạch sẽ. Nước giếng mát mẻ, trong sạch, chúng tôi phải dùng gàu múc rồi gánh lên con đường núi 108 bậc cấp mỗi ngày 3 đôi như vậy. Như vậy, mỗi sáng tôi tập thể dục luôn thể, vừa tiện lợi cũng vừa giúp cho thân thể khỏe mạnh nữa. Dù học hành, làm việc bận rộn như vậy nhưng cảm thấy thật là vui, vì được sống chung có thầy có bạn bè đông đảo như trong một đại gia đình hòa hợp nhau. Thật quả đúng như câu nói: “ăn chưa no, lo chưa tới” của tuổi trẻ dễ thương nên ai cũng thích. Do tâm hồn của tuổi thơ chân thật không quanh co, không đề phòng, không sách lược... như người lớn. Họ làm việc rất hăng say, nhiệt tình, có khi không kể gì tới thân xác, nên dễ dàng đóng góp sức lực trong việc xây dựng gia đình, quốc gia, xứ sở, đạo giáo. Tuy nhiên, tuổi trẻ cũng hay bốc đồng, làm việc tùy thích, muốn thì làm... là những thất bại dù là đời hay đạo cũng thế. Nếu được đào tạo trong môi trường thích hợp tuổi trẻ vẫn đóng góp được nhiều hơn cho đạo pháp. Như con chim bị trúng ná nghi ngờ và sợ hãi bất cứ người nào gần nó, tuổi thơ cũng vậy đừng làm cho họ thối chí nản lòng mà phải trưởng dưỡng đạo tâm cho họ đủ sức vươn lên, là bổn phận và trách nhiệm của người thầy hay của những nhà giáo dục mà ngôi chùa là mái ấm tình thương che chở tuổi “đồng chơn nhập đạo”; sẽ kết thành hoa trái tươi tốt trong vườn tuệ giác.

Huynh đệ đồng chúng: Chúng sống áp dụng đúng theo pháp lục hòa: Thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiên hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân. Nhằm thúc buộc 3 nghiệp thân, khẩu, ý vào khuôn khổ để tiến tu giới – định – huệ ba môn học, hay còn gọi là tam vô lậu học, không để bị phiền não ngăn chướng, ràng buộc. Cùng nhau hòa đồng chung sống dưới mái chùa, cùng lạy chung Đức Phật, cùng thầy, cùng chúng, cùng lớp, cùng học và vui v.v... nên chúng tôi xem nhau như anh em cùng một nhà, mặc dù mỗi người trước đó không ai có liên hệ bà con với nhau. Nhất là lúc đau ốm, tôi mới cảm nhận tình huynh đệ cao quý biết chừng nào. Chúng tôi lo giúp đỡ cho nhau từng thang thuốc, bữa cơm, chén cháo như người mẹ, người chị trong gia đình; cũng làm cho bệnh tình chóng hồi phục.

Lời nói hòa nhã ôn tồn, không tranh cãi ồn ào làm mất hòa khí và còn làm động chúng nữa. Việc gì bất bình hay bị bạn chơi gác ức không biện bạch được phải bạch cho thầy Chúng Trưởng giải quyết, chừng nào không xong mới đưa sự việc trình thầy cả xử lý. Có ý kiến nào hay, mới lạy đem chia sẻ để huynh đệ cùng học hỏi và tìm thấy niềm vui trong lẽ đạo; không nên che giấu, ích kỷ cố thủ riêng cho cá nhân mình. Cũng như thầy việc đỡ lỗi lầm đều chỉ giúp lẫn nhau để anh em cùng tu cùng hiểu sâu rộng hơn. Về phần giới luật, dĩ nhiên, Sa Di chỉ mới thọ 10 giới mà 5 giới đầu hầu như tương đương với giới của Phật tử tại gia, tuy chỉ khác giới thứ 3, chúng tôi ai cũng nhiệt thành vâng hành tu tập, và rất tâm thành gìn giữ những giới điều đã thọ nhận. Cùng chia sẻ sự hiểu biết giáo pháp lẫn nhau trong chúng như nước hòa với sữa không tách rời nhau, tức là hợp quần thêm sức mạnh trong sự tương trợ hết lòng. Còn một điều cũng thật tế nhị là ở chung ta không nên nhắm quyền lợi riêng cho cá nhân mà có bất cứ món gì đều đem phân chia đều trong chúng cùng chung vui hưởng. Sống đúng theo quy luật

thiền môn như thế tập cho tăng sinh chúng tôi có kỷ luật như quân đội. Giờ học, giờ tu tập, ăn uống, công tác, ngủ nghỉ... nhất nhất đều theo khuôn khổ mà không ai được làm khác. Tinh thần đồng đội giúp tôi luyện nung nấu ý chí, nghị lực cho tăng sinh sau này rất nhiều trong việc Phật sự. Ngoài ra, để trở thành một tăng sĩ hay tăng già xứng đáng hành giả phải là những người tu hành giỏi, những người tu hành tinh tấn, những người tu hành để vượt qua khổ đau, và những người tu hành đúng cách, như thiền sư Ajahn Chah – Thái Lan đã nhận định (Food for heart, thượng tọa Tâm Quang dịch). Nếu triển khai 4 đức tính ấy, chúng ta rút tỉa được những bài học thực tiễn như tu hành giỏi tức là người nhiều khả năng, sáng kiến, năng động trong sự tu hành mà mình tự chủ, không phải kẻ bị động, thiếu lập trường và hướng đi đúng giáo pháp. Tu hành tinh tấn như ai cũng biết, nhưng khi thực hiện hay đến lượt mình lại khác. Vì con người nếu không tu ai cũng tự dễ dãi với chính mình; tiến đến chỗ tự tha thứ cho ta và việc gì cũng chằm chước bỏ qua được hết. Như thế, không tránh khỏi trì trệ, bạc nhược và người ta không còn chuyên nhất hành trì. Trái với những phần tiêu cực vừa nêu là tinh tấn thực hành giáo pháp. Vượt qua khổ đau phải là người đủ ý chí, niềm tin và nghị lực dũng cường mới đạt được như Đức Phật và Thánh chúng xưa nay, còn lưu lại công hạnh cho ta học hỏi, noi gương. Tu hành đúng cách là theo đúng chánh pháp, không theo quan kiến hay tri kiến hạn hẹp một chiều, tức là thiếu con mắt trạch pháp. Thiền sư tóm kết mấy điểm như thế này: “Chúng ta đến từ những tầng lớp khác nhau, nhưng chúng ta giống nhau. Dù cho những quan điểm khác nhau, nếu chúng ta tu hành nghiêm chỉnh sẽ không có va chạm xảy ra. Giống như các dòng sông, dòng suối đều chảy ra biển cả... một khi chúng đổ ra biển, chúng đều thuận một vị và một màu sắc giống nhau. Cũng giống như thế, với con người, khi con người đi vào dòng suối pháp, chỉ có một pháp, dù họ

đến từ những nơi khác nhau, họ vẫn hòa hợp và hợp nhất (sđd. như ghi trên).

Bậc thầy mô phạm: thật quả đúng như câu: “Không thầy đố mày làm nên” mà tôi học được ở trường đời. Câu này cũng như câu: “Tiên học lễ, hậu học văn” treo nơi lớp tiểu học của trường tôi, giúp tôi rất nhiều trong việc học hỏi và hiểu biết. Thầy bốn sư tôi rất nghiêm nghị và kỷ luật. Thầy phạt thẳng tay làm cho huynh độ chúng tôi hơi ngán. Chẳng hạn thấy lỗi thầy phạt quỳ ngay tại chỗ; phải quấy hạ hồi phân giải. Điều đó, theo thầy là hay nhưng với chúng tôi nghĩ có phần không giống như thầy, lại hóa ra làm anh em bất hòa nhau cũng chỉ vì lỗi hành xử quá căng của thầy. Người nào biết tánh thầy cảm thấy thoải mái còn với chúng lý chỉ biết sợ thầy bằng cách né tránh mỗi lần thầy đi xa về, huynh nào lạng quạng gặp thầy trước có nước lãnh đủ, chịu trận mà thôi. Thế nhưng mỗi khi bước vô lớp, việc đầu tiên là thầy chọc cả chúng cười rộ trước khi giảng bài. Mới cười hỉ hả đó nhưng phải coi chừng, nếu huynh đệ không học nghiêm chỉnh hẳn ăn tát tai liền tại chỗ mà không được kêu nài năn nỉ chi cả. Thầy giảng dòn tan như pháo tống nổ, một hồi mệt rồi ngồi nghỉ thở lấy sức trông thật là cảm động vô chừng. Huynh đệ nào tinh ý chứng kiến những lúc này đây mới thương thầy nhiều hơn nữa. Tánh thầy nóng lửa rơm như vậy đó nhưng hạ ngay không để tâm qua đêm, nên các thầy đồng song ai cũng mến thích muốn thân cận lúc nhỏ to khi châm chọc nhại tiếng nói giọng Quảng Điện Bàn của thầy. Thế là thầy rượt các thầy chạy te tua kiểu trẻ con cút bắt, không kể lớn nhỏ, thầy bà chi hết. Lúc đó coi vậy mà vui, sau một hồi thầy lại lấy đặc sản quê hương Quảng Nam đem đãi khách, nói chuyện, uống trà sen thơm phức thật là mùi mẫn, đạo tình.

Thầy là nhà mô phạm rất rõ nét, như tôi đã trình bày trong sách “Thoáng Quyện Ân Từ”, công hạnh tu trì của Ngài khó ai theo kịp, đó là việc tự chặt 2 ngón tay út để cúng dường

Phật và việc đốt liêu hương. Thay vì đốt 3 liêu như phần nhiều các tỳ kheo khác, Ngài đốt tới 6 liêu trên đầu. Đó cũng do nguyên lực của mỗi hành giả tự phát để dâng lên mười phương chư Phật chứng minh cho lòng thành tha thiết của hàng môn hạ.

Tu tập hành trì: Nói đến tu tập gồm có tu và học nơi các Phật học viện, tăng học đường hồi thập niên 50, 60 rất khác với cách thức ngày nay. Tăng sinh phần nhiều chuyên về nội điển hơn, nếu có phần ngoại điển chỉ thêm Việt văn và môn toán hay sinh ngữ là cùng. Chẳng hạn, Phật học viện Huệ Nghiêm niên khóa 1963-1964 gồm có 5 lớp chúng: Mã Minh, Huyền Trang, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ mà chỉ có lớp Huyền Trang của chúng tôi được ra ngoài học chương trình ngoại điển mà thôi.



Lớp chúng Huyền Trang - PHV Huệ Nghiêm 1964

Đời sống tu tập đầu tiên phải kể đến ở chùa Linh Ứng – Non Nước, chúng tôi học ngày hai buổi sáng – chiều, công phu 6 thời: công phu khuya, cúng ngọ, công phu chiều, tịnh độ tối và hai thời tọa thiền sáng tối. Tất cả cộng lại độ 3 tiếng và ngày học 4 tiếng nữa là 7 tiếng. Chương trình tu học áp dụng chung cho 3 cấp học: sơ đẳng 4 năm, trung đẳng 4 năm và cao đẳng 4 năm. Sau khi tốt nghiệp lớp cao đẳng tăng sinh hoặc tiếp tục ghi danh học Đại học Vạn Hạnh, đại học chuyên khoa hoặc ra làm việc trong các ngành Tuyên Ủy Phật giáo, giảng sư đoàn, trụ trì v.v... Cộng trụ tu học cùng chúng tại chùa Linh Ứng 3 năm, chùa Giác Sanh 1 năm, chùa Lương Xuyên 3 năm, Phật học viện Huệ Nghiêm 4 năm (sẽ viết rõ hơn sau). Đó chỉ mới phần tu và học, còn hành trì là việc khác nữa, thuộc về chuyên ngành dành riêng cho những vị chuyên về luật, thiền, tịnh độ, mật tông, kim cang thừa... Chọn lựa hợp sở thích và công hạnh để gia tâm hành trì. Quý vị có thể phát nguyện nhập thất ẩn tu không tiếp xúc với Phật tử, quần chúng. Công hạnh của các Ngài khó ai sánh kịp như ta biết Hòa thượng Quang Chánh hiệu Bảo Đài ẩn tu nơi động Tàng Chơn – Non Nước thời vua Lê Cảnh Hưng (cuối thế kỷ 18), Hòa thượng Thích Quảng Đức cũng có thời nhập thất tu hạnh đầu đà tại Vạn Ninh – Khánh Hòa (1927-1933), Hòa thượng Thích Thiên Tâm lên vùng núi Đại Ninh – Lâm Đồng lập tịnh thất lấy tên Hương Nghiêm chuyên tu tịnh nghiệp từ năm 1968 đến ngày viên tịch năm 1992, ròng rã 25 năm không rời khỏi núi. Hòa thượng Thích Thanh Từ chuyên về thiền ra Vũng Tàu lập thiền viện Chơn Không từ năm 1967; thập niên 90 Ngài lập thiền viện Trúc Lâm – Đà Lạt, thập niên 2000 lập Thiền Viện Trí Đức, Bà Rịa Vũng Tàu. Hòa Thượng chuyên về Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh là bậc tam tạng pháp sư dịch kinh tạng sớm nhất từ thập niên 40, 50 nay đã gần 100 tuổi, Ngài vẫn chuyên hành trì pháp môn Tịnh Độ tại chùa Vạn Đức – Thủ Đức – Việt Nam.

Đó chỉ đề cập sơ lược sự tu tập cố qui củ và công hạnh tu trì miên mật của một vài vị để các thế hệ tăng ni trẻ noi gương sáng các Ngài cho tới ngày công viên quả mãn. Được vậy, cơ đồ Phật giáo Việt Nam hẳn quang huy không thua kém các nước Phật giáo vùng Đông Nam Á như Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Đại Hàn, Đài Loan, Tây Tạng... Đó là lời ước nguyện của bút giả mong trở thành hiện thật để cho nền Phật giáo Việt Nam thêm khởi sắc, ngõ hầu xứng danh với truyền thống 2000 năm truyền thừa mà lịch đại các vị tổ sư từ Tây Trúc qua Đông Độ đến Việt Nam còn lưu dấu ấn. Chúng ta có bốn phận trong sứ mệnh nối tiếp ngọn đèn chánh pháp không để lu mờ mai một với thời gian.

Chế độ ăn uống của tăng ni sinh: Muốn đi trên con đường dài người ta cần phải đủ sức, tu học muốn cho tới nơi đến chốn chế độ ăn uống của tăng ni sinh phải được cải thiện. Nhìn chung đất nước Việt Nam mà đa số dân chúng nghèo khó nên chùa chiền cũng ảnh hưởng do chế độ cúng dường tùy thuộc mức lợi tức của Phật tử. Lùi lại thế kỷ trước, chúng ta thử tìm hiểu do đâu chùa không dồi dào nguồn cung cấp thực phẩm để nuôi tăng chúng. Như trong phần nhận định tôi đã nêu khá rõ nơi sách Thoáng Quyện Ân Từ có đoạn: “Vì là chùa ở trên núi (Linh Ứng) nên nguồn cúng dường không được dồi dào cho lắm. Thầy trò sống cảnh thanh bần lạc đạo như vậy, và chúng tôi cảm nhận được một điều là rất hạnh phúc, vì được học pháp. Ăn uống đơn sơ chả có gì, mỗi bữa mỗi người ngoài 3 chén cơm ra, trên bàn chỉ có rau luộc chấm nước tương đậu nành tự chế và một món canh lỏng bỏng nữa là xong. Không tàu hủ, không nắm rom, không có món xào chi hết. Còn trái cây, năm khi mười họa mới có, chứ có đâu dư thừa như bây giờ (theo tiêu chuẩn ở ngoại quốc) mà nghĩ chuyện bùng lên dọn xuống còn nguyên! Chính sư phụ cũng sống kham nhẫn với chúng như

vậy. Tôi còn nhớ chú Thông Nghĩa làm thị giả thầy, chú có sáng kiến lên núi hái đọt thiên tuế đem xào cho thầy thời, coi như món đổi bữa, thế mà lạ miệng cũng ngon cơm cháo để đầy chứ...” (Sđd trang 51 và 52). Có lẽ chế độ ăn uống như thế đại diện nhiều chùa khác cũng chẳng khác hơn là bao. Nếu như đồ lỗi vì Phật tử nghèo nên chư tăng ăn uống thiếu thốn kham khổ cũng tạm chấp nhận được. Nhưng còn việc học hành và thức khuya dậy sớm thì sao? Theo như tôi được biết có chùa tăng chúng phải thức dậy lúc 3 giờ, 3 giờ 30 sáng ngồi thiền, 4 giờ công phu sáng. Còn việc học mỗi ngày độ 6 giờ, chưa tính giờ đi lại mất khoảng 1 giờ nữa. Ăn uống như thế, học hành như thế, thức dậy sớm như thế, thử hỏi sức đâu chịu nổi đối với một người trẻ tuổi. Làm thế nào đủ bảo đảm để họ có sức khỏe sau khi tốt nghiệp ra trường làm được Phật sự mới không phí công lao đào tạo. Riêng tôi nhờ may mắn đi đến nhiều nơi mới hưởng được chế độ ăn uống đầy đủ của viện nên ngày hôm nay dù hơn 70 tuổi trong đời tu vẫn còn đủ sức khỏe làm việc mỗi ngày từ 7 – 8 tiếng, nhất là lễ lạy sám hối hồng danh chư Phật đứng lên quỳ xuống thẳng gối mà chưa đến đôi khó khăn gì. Nói như thế nhằm phản ánh tới việc giáo dục mà Ban Giám Hiệu hoặc Ban liên hệ đời sống tăng sinh không thể không quan tâm, và nên nhanh chóng cải thiện càng sớm càng tốt, để cứu vãn tình trạng tệ hại mà nhiều lớp chúng tăng đã phải gánh chịu trong nhiều thập niên.

Chúng ta đang ở vào thế kỷ thứ hai mươi mốt, sao vẫn còn tồn đọng mấy chuyện ăn với ngủ chưa giải quyết được. Trong khi đời sống văn minh vật chất, khoa học tiến bộ vượt bậc mà loài người vốn tự hào chinh phục tới không gian, mặt trăng và nhiều hành tinh khác cách xa trái đất cả hàng ngàn năm ánh sáng, nhưng cái bao tử trống rỗng liệu có làm được việc hiệu quả không? Có thực mới vực được đạo là câu nói chí lý bao giờ vẫn đúng sao người trách nhiệm giáo dục tăng ni lại không chịu lo gần lại lo quá xa đi tới tận chín tầng mây vậy!

Mộng ước tuổi thơ: Hồi còn nhỏ tôi rất thích loài rồng, mặc dù tôi tuổi con ngựa, vì rồng bay nhào lộn trên không trung coi bộ tự tại quá, đáng thán phục biết bao, làm háo hức và tác động tuổi trẻ chúng tôi không ít. Lớn lên một chút tôi được chứng kiến cảnh sinh hoạt nhộn nhịp như Phố Hiến – Hội An, Tourane – Đà Nẵng của đủ các sắc dân ngoại quốc, nhà lầu cao, xe hơi bóng lộn, đường sá rộng sạch, đẹp đẽ... đập vào mắt, khiến tuổi thơ của tôi luôn suy nghĩ, để tự so sánh người thành thị với người thôn quê. Sao mà đời sống chênh lệch khác nhau một trời một vực như thế mà chính bản thân cũng không ngoại lệ. Thế là tôi ôm một giấc mơ: làm tiên hay làm Phật để đạt được đôi cánh tung bay đây đó cho thỏa chí bình sanh. Sau tôi nghe nhiều người kể rằng, tiên đẹp nhưng vẫn còn bị đọa trong luân hồi. Chỉ có Phật mới thoát ngoài vòng sanh tử, thế là chúng tôi Phật ngự trị trong tôi lúc nào không hay và đời sống tôi bắt đầu thay đổi từ dạo đó. Dẫn dài dòng một chút cho thấy rằng tuổi trẻ phải được giáo dục đúng mức, nếu không lại thành phản giáo dục mà trách nhiệm là do người lớn cả. Ngày nay phương pháp giáo dục không bằng biện pháp mạnh như dùng roi vọt, phạt quì gối v.v... đã quá lỗi thời, nên cho chúng vào dĩ vãng là hơn. Tăng ni sinh thời nay cũng vậy, dùng bao giờ nhồi sọ giáo dục mà nên để cho họ phát triển trí năng đúng mức. Vị thầy chỉ giữ vai trò cố vấn chỉ đạo mà thôi, không nên nghĩ học trò là lớp sau phải theo như thế này thế này mới đúng. Hướng nhìn cho riêng mình tôi đã đạt được mục đích đi xa từ Đà Nẵng vào Sài Gòn. Thế rồi, nhân duyên đưa tôi tiếp tục cuộc hành trình từ Sài Gòn sang tận Đông Kinh (Tokyo), và rồi từ Tokyo như điều gặp gió, tôi phi thân qua tới Sydney – Úc Đại Lợi, vượt qua Thái Bình Dương không chút trở ngại, dù có vất vả khó khăn. Nhưng đó chưa phải mục đích đề cập ở đây mà điều đáng quan tâm là chung cho Phật Giáo, con đường phát triển Phật đạo trong tương lai. Nhìn vào hiện tại người ta thấy dường như Phật giáo có tiến triển và mở rộng đấy, nhưng e rằng như

thể không khỏi có phần chủ quan và phiến diện. Tại sao chủ quan và phiến diện? Chỉ nhìn vào hai khía cạnh này để chứng minh: xây dựng chùa chiền và đào tạo tăng tài.

a) Vấn đề xây dựng chùa chiền: Những ngôi chùa xây cất đồ sộ trên một diện tích rộng lớn, và nhiều cơ sở Phật giáo thiết lập tại khắp nơi, ấy chưa phải tự thân Phật giáo phát triển rầm rộ như có số người nhận định. Theo tôi, chúng ta nên đáng lo cho hiện tượng bộc phát này hơn đáng mừng, vì chùa đông mà người ở chùa thưa vắng liệu có tương xứng? Đây là thực tế, nếu có ai thực hiện một cuộc khảo sát, thăm dò cận kề hẳn theo dõi thấy rõ kết quả trước mắt. Tác giả đã có cơ hội đi sang Hoa Kỳ, Âu Châu, Á Châu, Úc Châu v.v... thấy nhiều ngôi chùa lớn mà chẳng có chư tăng, ngoài vị Trụ Trì trông coi ở đó mà thôi. Thật quả đúng như câu nói “tre tàn nhưng măng không mọc” đối với Phật giáo nói chung tại hải ngoại. Nếu theo đà này hẳn Phật giáo rơi vào tình trạng lạm phát cơ sở mà khủng hoảng nhân sự điều hành trầm trọng. Không nhìn đâu xa, riêng tại Úc Châu, hẳn chúng ta thấy rõ điều này hơn cả, không riêng cho Phật giáo Việt Nam mà Phật giáo các sắc tộc cũng không ngoại lệ. Chịu khó đi sâu vào bên trong tìm hiểu như “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đẫy sách” để nhắc nhở Phật tử chúng ta vừa tu Phật và học Phật song hành mới có thể quân bình được giữa hình thức (chùa viện) và nội dung (tinh thần tu học Phật). Có như thế Phật giáo mới phát triển đồng bộ cả chiều rộng lẫn chiều sâu mà Phật tử nên tự hào và hãnh diện. Chúng ta đừng vội mừng việc trước mắt mà nên nghĩ suy kỹ để tìm cho được giải pháp.

b) Đào tạo tăng tài: Vấn đề có tính thời đại hơn là thuần tôn giáo, nên không riêng gì Phật giáo. Đây là dấu hiệu báo động cho tình trạng hụt hẫng nhân sự của các tôn giáo, nhất là các vị lãnh đạo tinh thần. Một ngày gần đây chùa chiền, nhà thờ, giáo

đường... sẽ không có người trông coi chăm sóc, vì trong hiện tại thiếu vắng người xuất gia nhập đạo. Thử tìm nguyên nhân, chúng ta hẳn thấy rõ: các kinh điển phải cập nhật bằng ngôn ngữ thời đại để những ai không rành tiếng mẹ đẻ cũng có thể đọc hiểu và áp dụng tu tập trong đời sống của họ; kể cả giới trẻ nằm trong hệ thống tổ chức Gia Đình Phật Tử cũng thế. Có hai vấn đề cốt lõi đáng quan tâm lo lắng: lao theo đời sống vật chất, giới hạn sinh sản trong mỗi gia đình. Người ta phải tất bật chạy đua theo kim đồng hồ làm việc kiếm sống, vì thế cha mẹ không còn thì giờ gần gũi và chăm sóc con cái. Cái tình huyết thống không còn đậm đà như xưa, hồi mà đứa con sinh ra được bú sữa mẹ cho tới khi khôn lớn. Còn ngày nay, hầu như trẻ thơ nào cũng được nuôi bằng sữa bò thay thế, do vậy mà tình mẫu tử trở nên lạc lõng, nếu không muốn nói thiếu vắng tình thương. Có nhiều gia đình mà cha mẹ không bao giờ gặp mặt được con cái như mặt trăng và mặt trời vậy. Họ hoàn đến cuối tuần họ mới cố gắng để có cuộc hẹn gặp nhau giữa các thành viên trong gia đình. Cuộc sống bận rộn đã làm họ tự động tách rời núm ruột của mình lúc nào không hay, để tới lúc hiểu ra thì hỡi ôi, con cái đã vụt khỏi tầm tay của cha mẹ. Giờ biết trách lỗi, đổ thừa cho ai hay chỉ tự trách?

Một vấn đề khá tế nhị khác cũng là mối trăn trở không ít đối với giới lãnh đạo Phật giáo – những vị có quan tâm: Việc hạn chế sinh sản đối với những đôi vợ chồng. Thay vì gia đình có 4 người con hoặc đông hơn, nếu có một người phát tâm xuất gia, đôi vợ chồng cũng có thể chấp thuận cho con thỏa được nguyện ước. Trong hoàn cảnh hôm nay, theo như luật qui định (chưa khắc khe mấy) mỗi cặp vợ chồng chỉ được sinh sản 2 đứa con mà thôi. Cho nên chúng ta thấy rất rõ, ngay như ở Việt Nam trong thời gian gần đây, số người xuất gia nam giới giảm sút đáng ngại. Từ đó suy ra, người Việt hải ngoại phát tâm đi tu thưa thớt như lá mùa thu cũng là điều dễ hiểu. Nói lên thực

trạng này chúng ta cũng chỉ biết ưu tư thôi mà không sao khắc phục được.

Như thế, chúng ta có đáng tự hào Phật giáo đang phát triển? Các thế hệ đi trước không làm tròn trách nhiệm đối với lớp kế thừa chăng? Có các nhà khoa học, trí thức nghiên cứu đạo Phật là niềm hãnh diện đối với người Phật tử?

Nếu bình tâm suy xét kỹ đó cũng chính là mối ưu tư hàng đầu của giới lãnh đạo Phật giáo thế giới mà hiện tại chúng ta đang gặp phải. Theo như toán học đường cong Parabol tới cực điểm cong vòng rồi hạ xuống thấp, vì theo định luật tự nhiên cái gì có thăng phải có lúc trầm. Phật giáo lúc thịnh cũng có lúc suy mà chưa đi tới chỗ cùng. Theo như thiên ý của tôi, Phật giáo Việt Nam hiện tại đang đi sụt lùi và dậm chân tại chỗ mà không có dấu hiệu cho thấy được sự phát triển nào đáng lạc quan cả. Nên dẫn câu chuyện bồi dưỡng tăng tài để đọc giả rộng đường suy nghĩ. Năm 2010, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan nhân mùa an cư kiết hạ tổ chức tại thiền viện Minh Quang, Sydney. Vào giờ hướng dẫn giới luật cho tăng ni, quý Hòa Thượng giáo thọ Bảo Lạc, Quảng Ba, Minh Hiếu đã nghe ni sư Thích Nữ Kh.L trụ trì tịnh xá NB tại Bạc Liêu – Việt Nam kể lại rằng, ni sư có cô đệ tử đầu tốt nghiệp Cử nhân Phật học tại viện PGVN viện đại học Vạn Hạnh – Sài Gòn. Ni sư cho cô đệ tử sang Ấn Độ du học Phó tiến sĩ và sau đó lấy bằng Tiến sĩ Phật học tại đại học New Delhi. Trong thời gian 7 năm đại học ấy, ở bên nhà Ni sư dành mọi ưu tiên gởi tiền sang lo trang trải việc ăn uống, đi lại, chỗ ở, học phí cho cô đệ tử, những mong chóng thành tài trở về phục vụ Phật giáo tại quê hương Việt Nam. Ni sư vừa nói mà như vừa mỉm lòng: bao nhiêu hy vọng bấy nay đã thành hy vọng mong manh, nếu không muốn nói là thất vọng ngao ngán! Sư cô du học vừa về nước chưa được bao lâu bèn tuyên bố với các huynh đệ rằng sẽ cải cách nếp sống tu hành trong chúng như

một cuộc cách mạng, kể cả lối giáo dục cổ điển của sư phụ phải sửa đổi. Nói tới đây, Ni sư tâm sự: Kết quả việc học của các cô đầu chưa thấy, trước mắt tự cảm thấy chùa mát mát quá nhiều về tình thầy trò, sư đệ, đời sống tu hành giữa người xuất gia và Phật tử bốn đạo của chùa. Ni sư đưa tới kết luận: phải chi biết trước đệ tử như thế, thì đâu có cho nó đi học, phần tốn kém tiền bạc của đàn na thí chủ qua mỗi kỳ chuyển ngân chưa nói; bên nhà phải thắt lưng buộc bụng cho chúng kham khổ để dành tài trợ sư tử du học hầu nở mắt, hãnh diện với thầy tổ, tông phong. Nào ngờ bao nhiêu sự đầu tư kỳ vọng giờ đây chỉ còn là con số không và một sự nghi ngờ khả năng và tinh thần học tập, sự hy sinh đóng góp cho Giáo Hội và tiền đồ Phật giáo nói chung của các đệ tử xuất gia. Bên ni mà đã như vậy, theo tôi nghĩ bên tăng còn có nhiều trường hợp cười ra nước mắt của những vị thầy có đệ tử xuất gia du học nước ngoài. Có điều bên chư tăng thâm trầm kín đáo nên các thầy có gặp phải đệ tử phụ bạc cũng đành làm thinh mà không bày tỏ cho ai biết. Vì chung quanh họ thiếu vắng người cảm thông chia sẻ: biết ai nghe mà nói, có ai hiểu để cho thổ lộ tâm tư?

Ở đây, tưởng cần nêu dẫn thêm nhận định của Thượng Tọa tiến sĩ Henepola Gunaratana Mahathera người Tích Lan để chúng ta suy nghĩ:

“Chúng ta bắt đầu nhận thức rằng theo đà phát triển vượt bậc thuộc lãnh vực vật chất của đời sống để phải trả một giá đắt trong phạm vi cảm xúc và tinh thần mà ta phải trả cho sự sai trái đó. Điều đó để nói lên sự suy thoái đạo đức và tinh thần xuống dốc như tại Hoa Kỳ hiện nay; nhưng còn một việc khác là phải làm một cái gì đó mà điểm bắt đầu là từ bên trong chúng ta”. (We are just beginning to realize that we have overdeveloped the material aspect of existence at the expense of the deeper emotional and spiritual aspect, and we are paying the price for that error. It is one thing to talk about degeneration of moral

and spiritual fiber in America today, and another thing to do some thing about it. The place to start is within ourselves). (Mindfulness in plain English của Ven. H. Gunaratana, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc dịch).

Vị thiền sư người Tích Lan này đã dạy môn Phật học tại các trường đại học Georgetown và Merrlyland tại Hoa Kỳ, hiện đang sinh hoạt Phật sự tại Mỹ. Ông xuất bản nhiều tác phẩm Phật giáo giá trị và nhiều bài đăng tải trên các tạp chí tại Mã Lai, Ấn Độ, Tích Lan, Hoa Kỳ.

Hướng nhìn về tương lai của Phật giáo phải do nhiều người đóng vai trò nổi bật trong xã hội đương đại mới đủ chính xác và không thiên vị chủ quan một chiều. Còn một điểm khác mà dư luận cũng khá sôi nổi như các nhà trí thức, khoa học đến với đạo Phật có làm cho Phật tử chúng ta hãnh diện?

Thật ra, Phật giáo ngay tự bản chất của nó đủ bảo đảm được giá trị đích thực, nếu có thành phần trí thức nghiên cứu tu tập hẳn có lợi cho bản thân họ nhiều hơn, như tôi từng nói rằng, nếu các nhà khoa học, phát minh khám phá vũ trụ không gian, nguyệt cầu, nhiều hành tinh khác ở cách xa trái đất của chúng ta hằng ngàn năm ánh sáng. Những nhà nghiên cứu nhiệt thành cống hiến tài năng trí tuệ cho nhân loại, nhất là trong lãnh vực y học đã đạt đích điểm... biết tu một chút thì cái giá trị việc làm của họ càng cao và được lâu dài hơn biết mấy. Song, không phải vì thế chúng ta phủ nhận công sức hy hiến của họ cho nền văn minh của nhân loại hiện nay.

Là Phật tử, chúng ta nên nỗ lực tinh tấn tu tập, không lui sụt tâm Bồ đề để góp phần xứng đáng tô bồi vào tòa lâu đài Phật giáo; đó chính là duy trì ấn Tổ được trùng hưng cũng là phát huy Phật pháp qua các thời đại mà người xuất gia nhận vai trò đi tiên phong vào đời, như một chiến sĩ mang giáp đồng lâm trận quyết chiến đấu để diệt trừ ma quân và các ác đảng, dù phải

hy sinh. Rất mong mỗi thành phần tăng ni trẻ kìm hãm bớt đà tiến theo văn minh vật chất để dồn nội lực vào việc đào luyện trui rèn tâm đức như các bậc thầy tiền bối để Phật giáo Việt Nam tiếp tục tự tồn như lịch sử 2000 năm đã minh chứng.

Linh Ứng chùa tôi



Chùa Linh Ứng – Ngũ Hành Sơn

“Cách Đà Nẵng 8km về hướng Đông Nam và vượt qua sông Trường Giang, người ta thấy mọc lên trên bãi cát mênh mông gần bờ biển Tiên Châu (Sơn Trà) những hòn núi tuy không cao nhưng có những nét đặc sắc kỳ lạ, đó là Ngũ Hành Sơn.

Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
Bồng lai âu cũng hẳn là đây
Đá chen với núi màu năm sắc

Chùa nức hơi hương khói lộn mây
 Ngư phủ gác cần ngư mặt nước
 Tiêu phu chống búa dựa lưng cây
 Nhìn xem phong cảnh ư lòng khách
 Khen bầy thợ trời khéo đắp xây.
 (Bà Bảng Nhãn – Quảng Nam).

Danh thắng Ngũ Hành Sơn nằm gần làng Khoán Khái Đông thuộc ấp Sơn Thủy, phía đông bắc giáp làng Hóa Khê. Nhóm núi gồm 5 ngọn sắp thành hai hàng, mỗi hàng hai ngọn nằm ngang từ bờ biển đến con sông Trường Giang, trên một diện tích rộng độ 2km² và chiều dài rộng độ 10,000 mét, giữa cảnh trời biển mênh mông, giữa một bãi cát trắng lẫn tăn gợn sóng, bên dòng sông xanh uốn khúc. Ngũ Hành Sơn hiện lên gây ra sự tương phản thú vị, làm ngạc nhiên những du khách đi tìm cảnh đẹp, với hình thù khác lạ, màu sắc biến chuyển theo thời tiết. Vẻ đẹp trầm lặng, Ngũ Hành Sơn có một sức quyến rũ lạ lùng, khiến cho du khách khi đến Quảng Nam hay Đà Nẵng mà không có cơ hội đến viếng thăm cảnh này thì thấy như mình đã phụ tình Non Nước”. (Lịch sử Ngũ Hành sơn – chùa Non Nước, Hòa Thượng Hương Sơn).

Non Nước – Ngũ Hành Sơn có 3 ngôi chùa lớn: chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng và chùa Quan Âm tách rời bên hòn Kim Sơn. Chùa Linh Ứng mặt tiền xoay hướng Đông trông ra biển Thái Bình Dương nên thơ kỳ thú. Gồm có những di tích Vọng Hải Đài, Giếng Tiên, Hang Gió, Hang Dơi, Động Tàng Chơn, đường xuống âm phủ v.v... Hơn 300 năm trước, vào năm Ất Hợi 1695, Hòa Thượng Thạch Liêm – người Tàu được chúa Nguyễn Phúc Chu mời sang hoằng pháp ở Đàng Trong Việt Nam. Ngài là một bậc danh tăng kiêm văn thi sĩ tao nhã, trên đường dong thuyền về xứ, có ghé chùa Non Nước, và xuất khẩu bài thơ vịnh chùa Tam Thai (lúc đó chưa có chùa Linh Ứng) như sau:

Nam minh một vịnh, dựng phan mây
 Chất ngát từng không khí biển xây
 Quét sạch mưa mù lên bảo điện
 Tỏa ra ánh sáng chiếu đài lay
 Hoa rừng đưa khách, rừng thông một
 Khe núi chia dòng nước rẽ hai
 Sơn thủy đuổi nhau rồng nển bóng
 Khói mây cửa động nửa phen gài...
 Sấm vang, gió thét, sóng ào ào
 Đàn vượn bên khe, thót nhảy cao
 Mắt ngắm biển khơi xanh thăm thẳm
 Chân giày dặm cát trắng phau phau
 Dây mây ngàn trượng, xuyên hang đá
 Nhũ xanh muôn nụ, rũ động đào
 Cát nóng giữa trướng ngồi ngơi nghỉ
 Hơi thu nhuốm lạnh lòng nao nao...

Một chút lịch sử “Nguyên lai vùng núi Non Nước trước kia là những hòn đảo ở ngoài biển khơi. Sau thời gian dài không biết chính xác bao nhiêu ngàn năm bị sóng đánh cát bồi, nên ngày nay người ta thấy những đụn cát trắng nõn phau phau in lên mặt biển. Bờ biển xa xa tận ngoài khơi, rồi bị sóng vỗ, cát bồi dần dần bao chung quanh những hòn núi, nên bây giờ năm ngọn núi đều nằm trong đất liền. Chung quanh Ngũ Hành Sơn bao bọc bởi cát trắng chiều dài chừng 20km, ở giữa nhô lên cụm núi như bàn tay năm ngón úp lại. Do trí tưởng tượng của người Việt Nam qua cốt truyện Tây Du của Ngô Thừa Ân, và giải thích sự cấu tạo Ngũ Hành Sơn bằng câu chuyện Tề Thiên Đại Thánh.

Tề Thiên Đại Thánh mang lột khi nhờ tu luyện lâu năm thành người, có phép thần thông biến hóa phi thường, nên trở thành kiêu mạn, dám khinh khi cả Ngọc Hoàng Thượng Đế để

tranh ngôi. Phật bà Quan Âm đọc được tâm trạng nên chặn hỏi Tề Thiên:

- Người có phép thần thông như thế nào mà dám tranh ngôi với Ngọc Hoàng?

- Ta có phép lạ thiên biến vạn hóa như không bao giờ già chết, nhảy một bước vượt tới 10,800 dặm, Tề Thiên trả lời một mạch.

- Thế nếu nhà người nhảy qua khỏi bàn tay ta, thì người có quyền tranh ngôi với Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Tề Thiên Đại Thánh lấy thế liền nhảy qua bàn tay của Phật Quan Âm, nhưng không vượt qua khỏi, bị Ngài chụp lại, nắm ngón tay thành năm quả núi, giam nhốt Tề Thiên vào trong. Ngài khắc vào chỏm núi câu thần chú: “Án ma ni bát di hồng” để Tề Thiên Đại Thánh không thoát khỏi được.

Năm trăm năm sau Đường Tam Tạng sang Thiên Trúc (Ấn Độ) thỉnh kinh Phật, lúc đi ngang qua đó, nghe tiếng kêu than của Đại Thánh, mới xin với Phật Quan Âm cho phép Đường Tam Tạng xóa câu chú ở chỏm núi. Từ đó Tề Thiên Đại Thánh được thoát ra khỏi núi và theo hầu Ngài Tam Tạng qua Ấn Độ thỉnh kinh”. Do sự tích trên mà Ngũ Hành Sơn còn có tên là Ngũ Chỉ Sơn (núi năm ngón tay) hay Marble Mountain như người Tây Phương hay gọi.

... Nhờ nước quỷ, thoát rời hỏa ngục
 Tôn Ngộ Không phải phục Phật Đà
 Đã dùng ngũ chỉ bắt tà
 Cho non Ngũ đánh đè mà im hơi
 Nay Tam Tạng sang chơi Đông Độ

Đi rảo ngang qua chỗ Ngũ Hành
 Ngộ Không cầu khẩn thất thanh
 Nhờ thầy cứu độ, tâm thành nguyện tu.
 (thơ Văn Phong – Thi Đàn Minh Phụng)

Ngũ Hành Sơn, theo người Chiêm Thành lại giải thích như sau: một vị ẩn sĩ sống giữa bãi cát. Một hôm ngạc nhiên thấy nữ thần Naga đem cho một quả trứng. Quả trứng ấy do thần Kim Qui canh giữ từ phía đông Đà Nẵng để trừ ma quỷ quấy phá. Thần Kim Qui cho ông lão ẩn sĩ một cái móng. Quả trứng trở thành to lớn kỳ dị làm cho ông lão sợ. Thế rồi một hôm sau một giấc ngủ say, ông lão tỉnh dậy thì thấy một thiếu nữ từ quả trứng nở ra. Cái vỏ trứng trở thành những trái núi, tức là Ngũ Hành Sơn. Lão ẩn sĩ và thiếu nữ giúp đỡ rất nhiều cho dân chúng trong vùng như bố thí cho người nghèo, chữa bệnh cho người đau, che chở dân lành khỏi bị cướp phá... Vua Chăm nghe được câu chuyện ấy, sai quan đến hỏi thiếu nữ làm vợ. Từ đó lão ẩn sĩ cười Kim Qui biến mất lên trời.

Cũng chuyện tích Ngũ Hành Sơn mà mỗi tác giả thuật một khác, với nhiều chi tiết hấp dẫn ly kỳ hơn.

“Tương truyền lúc Bàn cổ sơ khai, thế giới chia ra bốn đại bộ châu: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Cu Lô Châu. Ngoài biển Đông Thắng Thần Châu có một nước tên là Ngao Lai quốc, giữa biển có một hòn núi gọi Hoa Quả Sơn. Trên ngọn núi có một viên tiên thạch, nhờ hấp thụ tinh hoa nhật nguyệt lâu ngày, thông được linh tánh, nên sau sanh ra một trứng đá. Trứng đó theo gió lớn lên, trở nên một thạch hầu có đủ tứ chi và ngũ quan. Thạch hầu tập chạy nhảy tới lui, đói ăn trái cây rừng, khát uống nước suối, lại tụ tập một bầy khi nhỏ đến chiếm cứ Thủy Liêm động, tự xưng là Mỹ Hầu Vương vô cùng đắc ý. Ở như vậy được bốn năm trăm năm, Mỹ Hầu Vương nhận thấy kiếp sống hữu hạn,

nên sanh lòng buồn bực, bèn quyết chí rời Hoa Quả Sơn tâm tiên học đạo trường sanh. Đi mãi như vậy trên mười năm, Mỹ Hầu Vương gặp một sư tổ bằng lòng thâu nhận làm học trò, đặt cho họ Tôn, pháp danh là Ngô Không.

Tôn Ngô Không theo thầy học đạo mười năm, chẳng những võ nghệ cao cường mà pháp thuật cũng tinh thông, rành 72 phép biến hóa, lại giỏi “cân đầu vân” nhảy một nhảy xa mười muôn tám ngàn dặm. Nhờ đó, khi về Hoa Quả Sơn uy phong của Hầu Vương càng thêm lừng lẫy, chỉ tiếc còn thiếu một món binh khí cầm tay cho xứng sức. Vì vậy, Mỹ Hầu Vương thẳng ra Đông Hải, xuống tận cung Long Vương để mượn binh khí tùy thân. Long Vương giận lẫy, chỉ cây trụ đồng giữa biển đông, bảo nhỏ đem về xài. Nguyên cây trụ đồng này dài đến hai trượng, lớn hơn một vừng, nặng một vạn ba ngàn năm trăm cân, biết biến lớn nhỏ tùy ý muốn, nên gọi là “như ý kim cô bổng”. Hầu vương được Kim Cô bổng chẳng khác hùm thêm vây, thanh thế càng thêm to lớn.

Ngày kia, Hầu Vương đang ngồi ăn uống ca xang cùng bày khí nhỏ, xảy đầu có sai dịch của Diêm Vương nơi cõi u minh đến bắt. Hầu Vương cả giận hươi Kim Cô Bổng đánh róc đến Sum La điện. Thập Điện Diêm Vương kinh hồn, chạy tuốt về tàu đầu đuôi tự sự với Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng chẳng biết làm sao đành nghe lời Thái Bạch Kim Tinh sắc phong Ngô Không làm Bát Mã Ôn, cho ở lại nhậm chức trên thiên đình. Hầu Vương vốn quý quái, không bao lâu hiểu được Bát Mã Ôn là chức hèn, bèn nổi giận bỏ cõi trời về Hoa Quả Sơn dựng cờ làm phản, tự xưng “Tề Thiên Đại Thánh”, ý nói mình ngang hàng với Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng sai thiên binh thiên tướng đánh dẹp cũng không xuê, bắt đắc dĩ phải phong Hầu Vương chức “Tề Thiên Đại Thánh” như ý muốn.

Trên thiên đình, mỗi năm đều có đại hội Bàn Đào, mời khắp chư tiên các nơi về phò hội. Kỳ đại hội năm ấy, không mời Tề Thiên Đại Thánh. Đại Thánh nổi giận, lên nhập đảo viên trộm đào ăn gần sạch. Còn bày mưu khiến các tiên dự yến tuốt qua cung Đâu Suất của Thái Thượng Lão Quân, trộm linh đơn ăn đã thèm rồi trốn về Hoa Quả Sơn. Ngọc Hoàng cả giận, sai thiên tướng kéo binh xuống bắt Tề Thiên, nhưng đánh không lại, rút cuộc phải nhờ Thái Thượng Lão Quân đến lừa thế bắt được, đem về nhốt trong lò Bát Quái, nổi lửa định đốt cho ra tro bụi. Không ngờ Tề Thiên tinh ý núp vào hướng trên gió không có lửa, nên vẫn an toàn. Đúng bốn mươi chín ngày, Thái Thượng Lão Quân định ninh khi đột đã tiêu ra tro, bèn mở cửa lò toan lấy thuốc. Tề Thiên thừa cơ hội, nhảy ra làm sập cả một góc lò, hươi thiết báng đại náo thiên cung. Ngọc Hoàng phải nhờ Phật Tổ Như Lai đến dùng kế mới bắt được Tề Thiên trấn dưới Ngũ Hành Sơn, dặn phải chờ năm trăm năm sau sẽ có một vị cao tăng từ Đông Độ qua Tây Trúc thỉnh kinh đến thả ra, nên theo bảo hộ người ấy, đỏi tội lập công.

Vị cao tăng ấy chính là Ngài Đường Huyền Trang vâng chiếu chỉ vua Đường Thái Tông, Ngài được vua phong làm ngự đệ, thay vì họ Trần lại được đổi sang họ vua, cải pháp danh là Tam Tạng, sang Tây Trúc thỉnh kinh Phật.

Đi đến Ngũ Hành Sơn, Đường Tăng gặp Hầu Vương lâu nay bị đè dưới núi hết lời năn nỉ, nên động lòng từ bi, bèn trèo lên đỉnh gỡ bùa thả ra, nhận làm đồ đệ, đặt pháp danh là Hành Giả đem theo bảo hộ cho mình” (Trích sách: Thú xem Chuyện Tàu của Vương Hồng Sển, do nhà xuất bản Xuân Thu – năm 1989).

“Tích truyện xưa thực hư ra sao không rõ, người ta chỉ biết cảnh trí Ngũ Hành Sơn đẹp tự nhiên, vô cùng thanh tú, thu hút không biết bao nhiêu du khách hằng năm. Năm hòn núi

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ sơn đứng chụm sát gần nhau mà từ trên cao nhìn xuống trông giống hệt bàn tay úp xuống. Từ huyền thoại tích Thạch Hầu đến núi Ngũ Chỉ Sơn là cả một khoảng thời gian dài gần một ngàn năm. Câu chuyện vượt cả không gian và thời gian: từ cung trời đến nhân gian, và rồi từ Trung Quốc tới Việt Nam. Chuyện Ngài Huyền Trang sang Tây Trúc - Ấn Độ thỉnh kinh Phật vào thế kỷ thứ bảy, cách đây hơn 13 thế kỷ là sự thật, lịch sử còn rành rành đó” (Mây nước thanh bình của chính tác giả).

Đi vào thời cận đại, lịch sử Ngũ Hành Sơn mới có chùa hơn 300 năm nay. Tổ khai sơn chùa Linh Ứng là Ngài Pháp Tràng, tự Quang Chánh, hiệu Bửu Đài, là đệ tử của thiền sư Thiệt Hội – Viên Quang, thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Vào đời vua Lê Hiển Tông khoảng 1760, Ngài đến núi Ngũ Hành Sơn lập một thảo am lấy tên là “Dưỡng Chơn am” để nương nấu tu hành. Sau một thời gian, Ngài dời thảo am đến trước động Tàng Chơn và đổi tên thành “Dưỡng Chơn đường”. Sau khi trùng tu Dưỡng Chơn đường lại đổi thành Ứng Chơn. Vào thời vua Khải Định (1916-1925) chùa Ứng Chơn lại đổi thành Linh Ứng cho đến ngày nay.

Long vị thờ tại tổ đình Linh Ứng của lịch đại tổ sư qua các đời như:

1. Dưỡng Chơn đường thượng, sa môn hiệu Bửu Đài, tự Quang Chánh, húy Pháp Tràng đại thiền sư đời 36.

2. Ứng Chơn Trụ Trì đời 37, Ngài Tiên Trục – Chơn Như

3. Linh Ứng tự tăng cang đời 38, Ngài Ấn Diệu – Tổ Truyền

4. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 39, Ngài Ấn Lang – Tổ Huệ -
Từ Trí

5. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 40, Ngài Hải Nghiêm –
Phước Nghi

6. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 40, Ngài Chơn Thụy – Đạo
Cúc – Hưng Long

7. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 41, Ngài Như Thông – Giác
Minh – Tôn Nguyên

8. Linh Ứng tự Trụ Trì đời 42, Hòa Thượng Thị Năng –
Trí Hữu hiệu Hương Sơn từ 1957-1975.

Từ năm 1976 tới nay do Thượng Tọa Thiện Nguyên –
pháp danh Đồng Nguyên pháp tự Bảo Tịnh, là đệ tử Hòa
Thượng Thích Trí Hữu, đời thứ 43, Trụ Trì Tổ Đình Linh Ứng.

Cảnh trí chùa Linh Ứng nói riêng và Ngũ Hành Sơn nói
chung nay đã thay đổi khá nhiều. Thầy Thiện Nguyên có công
sửa sang tu bổ làm cho cảnh quang chùa ngày càng xinh đẹp,
nhất là ngôi bảo tháp 12 tầng nằm dưới chân núi hướng phía
đông, làm cho cảnh già lam càng tăng thêm vẻ đẹp hơn trước.
Vì được xuất gia từ nhỏ, đầu còn để chỏm nơi ngôi cổ tự Linh
Ứng này, được học hỏi dưới sự dìu dắt của bốn sư, tôi còn lưu
nhiều kỷ niệm khó quên, nhất là với các huynh đệ đồng môn
như Thanh An, Thanh Tịnh, Thông Hải, Thông Quang, Thông
Chánh, Thông Nghĩa, Giải Thiện, Hoàng Khai, Thông Luận,
Bửu Huệ, Thiện Ân...

Riêng tôi còn một ước nguyện, biến chốn Tổ đình Linh
Ứng trở thành một trung tâm đào tạo tăng tài như thời thập niên

50, 60 ngày còn ân sư Hòa Thượng Thích Trí Hữu, Ngài giáo dưỡng liên tiếp nhiều khóa mà khóa của chúng tôi là khóa đầu tiên (1957) nay sau 56 năm còn được Hòa Thượng Thanh An (Hoa Kỳ), Hòa Thượng Bảo Lạc (Úc Châu), lớp sau có Thượng Tọa Thiện Nguyên và Thanh Thế (Việt Nam).

Điều ước nguyện của tôi mong thành hiện thật, để phục hồi lại chốn tổ như trước.

Sắc tứ Linh Ứng tự:



*HT thượng Trí hạ Hữu, vị Thầy khai tâm khi tác giả hồi đầu còn
để chôn*

Theo như sử liệu ghi lại rằng, vào đời nhà Lê, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1780), có một vị ẩn sĩ đến tu tại động Tàng

Chơn, sau thời gian Ngài xây cất một am tranh đề hiệu là “Dưỡng Chơn Am”, do sự tinh tấn tu hành. Sau một thời gian Ngài đích thân tự xây cất một nhà gỗ lợp bằng tranh lá ở trước động Tàng Chơn đề hiệu là Dưỡng Chơn đường. Qua thời gian ở ẩn núi non tu niệm, bấy giờ đất nước xảy ra việc tranh chấp giữa nhà Nguyễn với Tây Sơn đánh nhau. Lúc bấy giờ Nguyễn Phúc Ánh đến núi Ngũ Hành thấy cảnh trí kỳ quan hùng vĩ, sơn kỳ thủy tú. Vì thế khi Gia Long phục quốc bèn ra lệnh lập chùa tại Ngũ Hành Sơn – Quảng Nam. Lúc đó Dưỡng Chơn Đường được cải hiệu là ngự chế Ứng Chơn tự. Phải kể đó là do công phu tu trì miên mật và bàn tay kiến thiết của Hòa Thượng Quang Chánh hiệu Bửu Đài. Chính Bửu Đài đại sư là người đầu tiên khai sơn chùa Linh Ứng, bắt đầu từ đời Lê Cảnh Hưng (hậu bán thế kỷ 18) đến nhà Nguyễn Gia Long (1802-1819). Chùa Ứng Chơn diễn tiến từ một thảo am thành ngôi cổ tự đồ sộ nguy nga phụng thờ Tam Bảo, kể từ thời vua Minh Mạng (1820-1840). Thừa kế tư tưởng của vua cha, vua Minh Mạng bắt đầu khởi công xây cất những chùa chiền từ Huế đến Quảng Nam, đặc biệt vua lưu ý đến ngôi chùa Ứng Chơn, thay mái tranh vách ván bằng mái ngói tường gạch chắc chắn qui mô. Lúc bấy giờ chưa có đường lên núi, muốn xây chùa trên núi, triều đình phải chỉ định công binh từ Huế đến tận nơi quan sát tiến hành làm đường. Sau khi đường sá làm xong, người ta bắt đầu chuyên chở vật liệu lên xây cất chùa Ứng Chơn bằng tường gạch mái ngói. Lịch sử kiến thiết xây dựng ngôi cổ sát Ứng Chơn này như ngày nay người ta còn tìm thấy những dấu tích lưu lại như những tấm biển sơn son thếp vàng; những hoành phi chạm trổ công phu của thời xưa còn tại đây. Chẳng hạn, Minh Mạng hoàng đế ngự chế - Ứng Chơn tự - Minh Mạng tam niên tạo, Ngự chế Ứng Chơn Tự. Người ta không rõ Ứng Chơn tự đổi thành Linh Ứng tự từ hồi nào, có lẽ vì lý do phạm húy chữ “Chơn” của hoàng triều, nên Linh Ứng tự có từ thời vua Thành Thái, như bằng sắc tứ còn lưu truyền: Linh Ứng tự - Thành Thái

tam niên – bắt đầu từ đó người ta mới hay gọi là chùa Linh Ứng – Non Nước, có nghĩa là ứng nghiệm và linh thiêng. Thế là ngôi quốc tự Linh Ứng được nhiều người biết đến từ đó đến nay (viết theo lịch sử Ngũ Hành Sơn – chùa Non Nước – của Hòa Thượng Hương Sơn).

Danh lam cổ sát: “Chùa Linh Ứng nằm trên ngọn Thủy Sơn thuộc Ngũ Hành Sơn, xã Hòa Hải, huyện Hòa Vang (nay thuộc quận Ngũ Hành Sơn), cách trung tâm thành phố Đà Nẵng, về hướng đông khoảng 8km.

Chùa Linh Ứng cùng với chùa Tam Thai là hai ngôi quốc tự đẹp và nổi tiếng bậc nhất ở Đà Nẵng. Chùa Linh Ứng mặt hướng ra biển đông, bên phải là Vọng Hải đài, Quan Âm Các, xung quanh cây cối um tùm bao phủ, tạo nên vẻ u linh cho hang động Tàng Chơn nằm sát phía sau chánh điện. Cảnh trí vừa hùng vĩ, vừa huyền ảo của bao sắc màu biển núi, đã là nơi dừng chân của nhiều đời vua quan và bao tao nhân mặc khách.

Trải qua nhiều lần trùng tu, chùa Linh Ứng hiện nay đã vô cùng đẹp đẽ với những tác phẩm điêu khắc chạm trổ tinh vi bằng chính đá Non Nước và đồ sành sứ dưới bàn tay nghệ thuật của các nghệ nhân đất Quảng.

Cùng với những hang động xung quanh Ngũ Hành Sơn, với cảnh núi non hùng vĩ giao hòa cùng tiếng sóng biển rì rào quanh năm suốt tháng, chùa Linh Ứng là một danh lam thắng cảnh góp phần xứng đáng cho nền văn hóa Phật giáo ở miền Trung” (theo Việt Nam danh lam cổ tự - Văn Võ Tường).

Danh lam thường đi chung với thắng cảnh nhằm chỉ ngôi chùa danh tiếng có cảnh trí hữu tình thu hút nhiều du khách tham quan vãng cảnh. Ngôi danh lam thường nằm trên đỉnh núi nên đi kèm theo cảnh đẹp thiên nhiên, tạo thành một bức tranh tuyệt mỹ. Riêng từ cổ sát cũng ám chỉ cho ngôi chùa nữa,

nhưng không phải là ngôi chùa tầm thường. Chùa rộng lớn mang tính cách hùng vĩ, lại cổ kính nằm ẩn mình nơi núi cao rừng vắng, và lâu đời, nơi đào tạo các bậc nhân tài cho Phật giáo hoặc chôn thờ tự linh nghiệm trải qua nhiều thế hệ. Từ cổ sát có lẽ gắn với chữ Vihara tiếng Phạn, chỉ chôn thiền môn nghiêm tịnh, nơi chúng lý tu hành đầu tư công hạnh, tuệ trí, để xây dựng hiện tại và tương lai Phật Pháp.

Việt Nam danh lam thắng cảnh: Theo sư cụ Hương Sơn, tác giả lịch sử Ngũ Hành Sơn viết về chùa Linh Ứng như thế này:

“Quốc tự Linh Ứng xây dựng tại thắng cảnh Thủy Sơn. Mặt tiền của chùa hướng về phương đông, trông ra phía trước là biển Thái Bình Dương, bên hữu là Vọng Hải đài, bên tả là động Ngũ Cốc. Mặt sau lưng chùa là động Tàng Chơn. Chung quanh chùa trước là cửa Tam quan, hai bên là nhà Tổ, giảng đường, nhà khách, thiền đường và nhà bếp. Khi người bước vào cổng tam quan, phóng tầm mắt thấy từ Bắc sang Nam một dãy nhà nguy nga trải dài và các ngọn núi Thủy Sơn chón chở bao phủ kín chung quanh trông thật là hùng vĩ, như một thi nhân đã tức cảnh thành bài thơ thất ngôn bát cú:

Cảm đề

Như thêu như dệt cảnh thần tình
 Linh Ứng chùa này lắm vẻ xinh
 Vọng Hải đài kia gương vĩ đại
 Vân Nham động nọ dấu uy linh
 Thành cao cảnh tượng hồn non nước
 Màu nhuộm lam tuyền tiếng kệ kinh
 Đâu đó xa gần đều hướng vọng
 Ánh vàng lan tỏa khắp quần sinh.

(Thích Thiện Trí, 29-9-55 (Át Mùi))

Vì ngôi chùa nổi tiếng như thế, lại có nhiều hang động uy linh làm say lòng bao khách tục, với am viện ẩn tàng và tăng sĩ mật hạnh ẩn hiện nơi đây sớm chiều với non xanh nước biếc giữa chốn già lam thanh tịnh.

Đạo sĩ chờ ta với hải hồ
 Ta chờ đạo sĩ lãng hư vô
 Hôm nay trăng tạnh đời cao
 Gót giày đạo sĩ ra vào thiên quan
 Tấm lòng rộng quá không gian
 Gió mưa bao ngại cơ hàn sá chi
 Tháng ngày theo gót từ bi
 Cầu mong đắc đạo cứu vì chúng sanh...

(Vô danh)

Cảnh quan đẹp như thu hồn du khách, nên từ đời vua Minh Mạng người ta đã lưu tâm đến thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, và quanh năm người ta đi chùa Non Nước lễ bái, cầu nguyện, thăm viếng các hang động. Và do vậy mà từ đây ngôi Linh Ứng tự trở thành nơi tín ngưỡng đặc biệt với lượng người lễ bái quanh năm và khói hương bốn mùa quyện tỏa.

Úy chà chà núi cao
 Trèo lên thử thế nào
 Chùa vua thầy chúc tụng
 Cửa Phật chúng ra vào
 Chuông trống vang lừng núi
 Đèn đuốc rạng tợ sao
 Cửa tiền làm thế ấy
 Công đức biết dường bao?

(thơ: Hòa Thượng Phúc Hậu)

Đề cập tới vãng cảnh chùa Non Nước tưởng cần nhắc qua đường cấp lên núi theo 2 con đường: đường đầu tiên lên chùa Tam Thai rộng 4mét với 156 bậc cấp, và đường thứ hai lên chùa Linh Ứng ở về phía biển có 108 cấp lên tới cổng tam quan để vào xem các động Tàng Chơn, Vân Thông, Giếng Tiên, Vọng Hải đài... và ngắm nhìn xa xa ra phía chân trời góc biển, thật là cảnh non nước hữu tình.

Di sản văn hóa quốc gia: Lúc tu tại chùa Linh Ứng – Non Nước tôi thấy có bảng đề: di sản văn hóa quốc gia – Cổ tích liệt hạng. Như vậy trải qua hơn 200 năm trở lại đây, hai ngôi cổ tự: Tam Thai và Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn không những là ngôi danh lam thuần túy mà còn là di sản văn hóa của Quảng Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Như nhìn sang khía cạnh kinh tế, nếu ta biết khai thác đúng mức nơi thắng tích Ngũ Hành Sơn là điểm thu hút du khách nước ngoài rất nhiều và như thế Việt Nam hẳn thu được nguồn ngoại tệ khá, làm phong phú cho sự phát triển quốc gia. Thế nhưng chỉ có thế lại biết đâu trở thành bất lợi cho việc đào tạo tăng tài cho Phật giáo Việt Nam như các thế hệ thầy tổ đã đóng góp vào sự trường tồn của Phật pháp. Trong hiện tại theo cái nhìn của tôi về nơi chốn Tổ Tam Thai và Linh Ứng hầu như chúng ta thiếu quan tâm đặc biệt nên mất cả hai mặt: du lịch và giáo dục. Vì nếu được mặt này lại mất mặt khác, nên theo thiện ý, quý vị có chức quyền đừng nên khai thác thu lợi lập hàng quán bát nháo thiếu trật tự, làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên nơi di sản văn hóa của Việt Nam; mặt khác phải có vị tăng ưu tư tiền đồ đạo pháp thực tâm đứng ra cổ xúy, tái lập lại học viện giáo dục tăng sinh, đào tạo nhân tài cho Phật giáo nước nhà ngõ hầu phát huy đạo pháp, xây dựng con người Việt Nam về lâu dài. Hãy trả lại cái gì của Linh Ứng cho Linh Ứng để cùng nhau bảo

tôn di sản văn hóa mà tiền nhân đã để lại nên đàn hậu bối không thể làm khác được, ngỡ hầu tài bồi phần nào trong muôn một giá trị truyền thống của dân tộc.

“Ngũ Hành Sơn là biểu tượng cho văn hóa Việt Nam nơi cổ kính, danh lam thắng tích. Địa thế cảnh trí sơn kỳ thủy tú như thế đã làm nổi bật nền văn hóa của dân tộc thêm phong phú. Vì thế, khi người ta biết đến cảnh Ngũ Hành Sơn, nhiều người lui tới thăm viếng là người ta đã có ý lo bảo vệ thắng cảnh: chùa viện, di tích Phật giáo – thần giáo kỹ lưỡng để gìn giữ được vị thế di sản văn hóa đúng nghĩa” (lịch sử Ngũ Hành Sơn)

Non nước thời nay: Ngũ Hành Sơn ngày nay không còn giống như xưa nữa. Lối kiến trúc tháp đường, tịnh viện tuy có bề thế sang trọng đó, nhưng lại mất đi vẻ cổ kính lâu đời mà có chen lẫn cái tâm trần của kẻ tục nên không được tôn nghiêm thuần khiết. Mỗi năm tại Ngũ Hành Sơn lại tổ chức lễ hội Quan Âm vào ngày 19 tháng 2 âm lịch, qui tụ hàng chục ngàn người về đây ngoạn cảnh vui chơi. Từ 10 năm nay nghe đâu ngày lễ hội Quan Âm do chùa Quan Âm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức mỗi năm càng to lớn và hoành tráng. Việc làm này bề mặt như có vẻ màu mè tô điểm cho Phật giáo, song kỳ thật đó cũng chỉ nhãn hiệu người ta mượn oai thần Phật để trục lợi mà không gì khác hơn. Đến nỗi có lời phản ánh phát biểu tại lễ hội Quan Âm như báo động rằng: “Gần đây người vãn cảnh ngày một thêm tấp nập, nhưng trong hàng du khách có một số thiếu tinh thần xây dựng, nên chốn già lam thánh địa vì thế mất dần ý nghĩa thiêng liêng, đến nay thì hầu như chỉ còn là một chốn non nước hữu tình dành cho du khách nhàn du giải trí...” (Bài cảm niệm ngày lễ Quán Thế Âm Bồ Tát – không đề tên tác giả).

Ngũ Hành Sơn từ triều vua Minh Mạng trở đi, còn được dân chúng trong vùng gọi là núi Cẩm Thạch (Marble mountain), vì tại đây có rất nhiều đá cẩm thạch rất đẹp. Bài danh lam thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, tác giả Hoài Hương P.H.N (Muenster – Đức quốc) có đoạn viết:

“Ngày xưa Ngũ Hành Sơn là những núi đảo thuộc Nam Hải lâu ngày bị cát bồi lấp dần trên bờ bể. Ngũ Hành Sơn gồm: Kim Sơn (phía tây), Thổ Sơn (ở giữa), Thủy Sơn (đông bắc), Mộc Sơn (đông nam) và Hỏa Sơn ở cách nhau chừng vài ba cây số; thật ra có hai ngọn núi là Âm Hỏa Sơn và Dương Hỏa Sơn.

Tùy theo thời tiết, màu sắc các nơi này thay đổi chuyển từ màu lục sang lục đậm hoặc xám hay đen. Trong các núi Thổ Sơn là nơi thấp nhất; Kim Sơn là ngọn núi nhỏ nhất. Núi này chạy dài từ đông sang tây, đầu hướng về tây bắc đâm thẳng ra Trường Giang. Tại bên sông này có xây một bến đò gọi là “Bến Ngự”, vì là nơi thuyền nhà vua thường cập bến ở đây mỗi khi viếng Ngũ Hành Sơn.

Núi lớn nhất và đẹp nhất là Thủy Sơn, tại đây có nhiều chùa và động thạch nhũ thật đẹp. Với một diện tích 15 mẫu tây Thủy Sơn trải dài từ đông sang tây với 3 đỉnh núi sắp theo hình các sao Tam Thai tại trên đỉnh núi có chùa Tam Thai và chùa Linh Ứng. Hai chùa này thông thương với nhau qua con đường quanh co dẫn qua các động Tàng Chơn, Vân Thông, Vân Nguyệt... qua các trạm Vọng Hải đài, Vọng Giang đài”.

Chùa Linh Ứng mặt tiền hướng ra biển Nam Hải. Dưới chân núi gần lối thang cấp dẫn lên có ngôi bảo tháp 12 tầng cao 15 mét làm tăng thêm vẻ đẹp chốn thiền môn thanh tịnh này.

“Chùa Tam Thai hay chùa Non Nước được dựng ở phía tây Thủy Sơn, nơi một vùng rất kỳ tú trang nghiêm. Từ chùa Tam Thai đi thẳng về phía tây, ngang qua Vọng Giang đài để đến tháp Phổ Đồng và chùa Từ Tâm. Tháp Phổ Đồng được xây

bằng gạch xưa của Chiêm Thành và đá cẩm thạch. Chùa Từ Tâm là nơi đức Địa Tạng cùng những người quá vãng không kể tự được thờ phượng. Tại chùa cũng có thờ liệt vị tiên đế các đời Đinh, Lý, Trần, Lê”.

(Hoài Hương P.H.N như đã dẫn).

Đặc biệt cạnh chùa Tam Thai có động Huyền Không trông thật là kỳ bí, quang cảnh ánh sáng huyền ảo soi vào đá hoa, vách đá trong động nên khách viếng thăm có cảm tưởng như mình đang lạc vào tiên cảnh. Nơi lối vào phía trước hang động có đôi thạch nhũ nước chảy rỉ rả âm thanh tí tách, nước trong veo như giếng tiên nên du khách có thể lấy đem về dùng tùy thích. Do cảnh đẹp thần tiên như vậy nên có nhiều văn nhân thi sĩ cảm tác nên thành vần điệu ca tụng cảnh thiên nhiên hữu tình này.

Bạch thạch huỳnh sa túy tác đôi
 Thông thông uất uất khí giai tai
 Thiên quang vân ảnh tĩnh lâm động
 Hải sắc giang dung hiếu thượng đài
 Tình cảnh chi ung tiên mặc trú
 Thành du hoàn hữu sứ tra lai
 Truy tu trở giá miên tiên sử
 Đề ý thân tâm tại thu hồi.

(Trương Quan Dần – danh thần triều Nguyễn)

Dịch nghĩa:

Đá vàng cát trắng khéo xây nên
 Nghi ngút điện già bốc khói thiêng
 Tia sáng bóng mây soi thấu động
 Màu sông sắc biển sớm lênh đênh

Màu tiên cảnh vắng đành xa tục
Thuyền sứ thành qua lại đậu bến
Trở giá chuyện xưa ngồi nhớ lại
Lòng thành kẻ dưới thấu bề trên.

(Chí sĩ Minh Viên – Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Nơi di tích chùa Linh Ứng, nay còn lại 2 cặp câu đối như sau:

Cổ tự tăng nhàn thường dĩ yên hà vi bạn lữ
Thâm sơn cấu thế chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu.

Nghĩa:

Thầy tăng chùa cổ thường vui đùa với thú nước mây
Đời róm núi sâu mượn cỏ cây làm bạn tháng ngày.

Và:

Mộ cổ thần chung cảnh tĩnh ái hà danh lợi khách
Triêu kinh tịch kệ hoá hồi trần thế mộng mê non

Nghĩa:

Chuông sớm mõ chiều thức tĩnh khách danh lợi đa tình
Sáng kinh tối kệ giục gọi người mộng tỉnh cơn mê

(Thích Bảo Lạc dịch)

Cảnh đẹp tự nhiên đẹp, không thể dùng ngôn ngữ hay ngòi bút diễn tả hết được, nhưng dù sao đi nữa thi nhân cũng là người đa cảm, nên tôi tạm mượn mấy vần thơ tóm lược những điều vừa nêu lên.

Nghe nói Hành Sơn cảnh tuyệt vời

Cỡi trần dạo bước thử xem chơi
 Năm hòn chót vót cây chen đá
 Bốn mặt mênh mông nước lộn trời
 Bãi cát trắng phau cơn gió bụi
 Chòm rêu xanh ngắt bóng trắng khơi
 Ngự thi nét bút còn như vẽ
 Dầu bể bao phen đã đổi đời

(Nữ sĩ Ngọc Anh)

Cảnh đẹp cũng làm cho nhà chí sĩ cao hứng đối cảnh
 sanh tình qua bài thơ thất ngôn Đường luật:

Ngộ nhập hồng trần tráp ngũ niên
 Bồng lai hồi thủ tứ mang nhiên
 Như kim đảo đắc Tàng Chơn động
 Tảo thạch chiêm hoa lễ chúng tiên.
 Linh Ứng đài cao ản thúy vi
 Tàng Chơn động cổ thạch đài hy
 Thu phong độc ý tùng quan vọng
 Bất kiến thiên nhai hải hạc phi.
 Âm bãi tùng giao tọa thúy vi
 Tiên ông tăng thử tức trần ky
 Cổ nhân tung tích quân hưu vấn
 Nhất phiến nhàn vân vạn lý phi.

(Nguyễn Thượng Hiền)

Dịch nghĩa:

Hai mươi năm lẻ xuống trần gian
 Ngoảnh lại Bồng lai gẫm đỡ dang
 Kia động Tàng Chơn nay được đến

Dâng hoa quét đá lễ tiên ban.
Linh Ứng đền xây giữa núi sâu
Tàng Chơn động cổ đá thừa rêu
Gió thu tựa cửa Tùng Quan ngắm
Hạc biển bay mà chẳng thấy đâu.
Non cao mây chén rượu tùng say
Xa tục, tiên ông ở chốn này
Tung tích người xưa thôi chớ hỏi
Chòm mây muôn dặm tự do bay.

(Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Và tôi cũng phụ họa mấy câu cho vui lòng độc giả:

Mái chùa che chở hồn thiêng
Trẻ già, trai gái đồng nguyên tiến tu
Sớm chiều kinh kệ công phu
Xây đời an lạc đắp bù gia công
Quả xinh tu tạo nhân trồng
Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
Mái chùa đậm ấm thiết tha
Cháu con giữ lấy món quà tâm linh.

Đời vân thủy

Hai vầng nhật nguyệt
Sáng tỏa mười phương
À ơi năm bảy mà thương chưa tròn
Người thân đưa tay vẫy gọi
Tiền người đi lưu kỷ niệm khó quên
(Hành trang – Sông Thu)

“**G**ieo nhân phải chọn giống tốt hạt lành mới tươi cành xanh ngọn. Thân, cành, lá xanh tươi tốt, dĩ nhiên cái quả sẽ tương xứng không phải uổng phí công lao. Buổi ban đầu sơ tâm học đạo, những việc làm sai quấy, lệch lạc, thầy không la rầy quở phạt là để uốn nắn thân non cho già năm tháng. Người đệ tử phải biết tự chế, khắc phục sửa sai để sau này khi ra làm việc đạo mới đi vào khuôn phép mẫu mực, xứng đáng nhà mô phạm... Đời sống tăng sinh như cánh chim ngàn muôn phương tụ hội về một nơi, chung thầy, chung chúng, chung trường, chung cùng chí hướng. Sống trong một đại gia đình có tôn ti trật tự, trên dưới trong ngoài đâu ra đó hẳn hoi.

...Cái cao rộng mênh mông của mây nước lưu chuyển tự do trong trời đất, cũng như gót chân người tăng sĩ đi lại tự tại trong khắp bốn phương trời, lúc xa thật xa mà khi gần cũng thật gần đời sống. Như mây vờn trên đỉnh núi, nước xoáy trên ghềnh

non” (lời tựa sách Mây Nước Thanh Bình, Pháp Bảo ấn hành 1995).

Như lời tỏ Qui Sơn Linh Hựu thiên sư dạy người xuất gia:

Phát túc siêu phương, tâm hình dị tục
 Thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân
 Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu...
 Bước chân đạo khắp muôn phương
 Thân tâm khác tục đạo thường dồi trau
 Ươm mầm Phật chủng dài lâu
 Quân ma nhiếp phục hồi đầu quy y
 Dứt sạch ba cõi phiền si
 Bốn ân đền đáp kiên trì quyết tâm...

(Thích Bảo Lạc dịch)

Đó là sự hành hoạt và chí nguyện của người tu học đạo xuất thế, sống theo hạnh viễn ly, đi khất thực như Đức Phật và tăng đoàn hội Phật còn tại thế; mỗi ngày ăn một bữa, nơi gốc cây ngủ một lần để không bị vướng chấp vào nơi đâu. Thật là cao đẹp, một lý tưởng sáng ngời của hàng đệ tử xuất gia như thế! Thế nhưng, đời sống của con người ngày càng khó khăn, phức tạp; cái ăn, cái mặc gắn liền theo cuộc mưu sinh để tồn tại nên hàng đệ tử cũng uyển chuyển tùy nghi phương tiện như ta thấy Phật giáo Đại Thừa ngày nay. Như trăm sông đổ về biển, dù theo phương tiện nào, nhưng lý tưởng của người tu vẫn phải kiên trì phấn đấu diệt trừ quân ma đạt đến giải thoát rốt ráo; chỉ có một vị - vị giải thoát – an lạc. Vị giải thoát không chỉ tìm cầu trong hiện tại mà còn qua lại chốn nhân thiên để hội đủ nhân duyên hướng về Phật đạo.

Đòi vân thủy một bình ba áo
 Kiếp ta bà muôn dặm cô thân
 Bước du phương giáo hóa xa gần

Tay quán chúng điều hành nội ngoại.

(Hòa Thượng Huyền Quang)

Hay:

Gót đạo sĩ bốn phương trời rảo bước
Cõi Ta bà đâu chẳng phải nhà ta
Một mình đi với bình bát, cà sa
Đói xin ăn dưới gốc cây nằm ngủ...

Hoặc:

Một mình dạo khắp Ta bà
Ôm bình bát pháp mọi nhà xin ăn
Chỉ vì sanh tử đảo điên
Xuân thu giáo hóa gieo duyên độ đời.

Xuôi về phương nam: Sự nghiệp của nhà sư gồm 3 pháp y và một chiếc bình bát. Y pháp nuôi pháp thân, bình bát nuôi sắc thân; cả thân tâm đều ở trong môi trường thích hợp để học đạo, tu tập và hoằng đạo mà người xuất gia theo truyền thống nào cũng phải vâng giữ mới tròn tâm nguyện thực hành hạnh xuất thế.

Nhứt bát thiên gia phạn
Cô thân vạn lý du
Kỳ vi sanh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu.

Bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt chỉ gói ghém trong 20 chữ mà hàm chứa ý nghĩa cao xa sâu rộng đủ diễn tả công hạnh tu trì, hóa độ của hành giả từ ngàn xưa cho đến ngàn sau vẫn như nguyên vẹn. Cứ mỗi lần câu hội vào những dịp lễ lạc, bút giả thích được nghe tán bài này, với giọng cao vút đậm theo tiếng

tang, linh nhíp nhàng như đưa tâm hồn ta vào cõi an nhiên siêu thoát.

Đời sống của một tăng sinh: Sau bao nhiêu năm lê gót chân từ Đà Nẵng vào Sài Gòn, tôi đã có dịp sống, tu học, hành đạo ở nhiều chùa - viện tại thôn quê cũng như thành thị; tiếp xúc đủ hạng người của mọi miền đất nước, cũng như thưởng thức đủ các món chay tịnh đặc sản của từng nơi, ngồi ôn lại mới thấy mình đủ phước phần nên chưa đến nỗi chìm trong cảnh “áo vũ cơ hàn” như câu chuyện của một em bé lang thang đêm trời đông không nơi nương tựa, đói rách, lạnh buốt cô thân và lạnh cả tình người.

Từ năm 1959 tôi đã vào đất Sài Gòn – hòn ngọc Viễn Đông – nơi mà hơn 300 năm trước chúa Nguyễn Hoàng đã mở rộng bờ cõi cho đất nước Việt Nam chạy dài từ Ai Nam Quan đến tận mũi Cà Mau như hiện nay.

Đầu tiên nhờ sự giới thiệu gởi gắm của thầy Thị Thành (Hạnh Từ), tôi vào ở chùa Hưng Long, số 298 đường Minh Mạng quận 10 Sài Gòn. Trụ trì chùa lúc đó là Thượng Tọa Bảo Đảnh (Như Trạch – Giải Anh), tánh Ngài rất hiền hậu, từ tốn dễ dãi, đặc biệt là rất thương chúng. Đến năm 1960, Thượng Tọa Như Vinh – Giải Quảng – Pháp Ý kế tục, trụ trì chùa Hưng Long đời thứ ba, cũng có tâm rộng rãi đối với chúng như bào huynh vậy. Chùa lúc bấy giờ đã xây thêm tầng xá kế giếng nước, nên chúng tôi đỡ phải lầy lất ngủ trong điều kiện kham nhẫn như các thầy trước đó từ miền trung vào ở để đi học như thầy Hạnh Từ, thầy Chơn Phát... Ở đây không có lớp học, tôi phải dùng xe đạp đi tới chùa Giác Sanh ở đường Lê Đại Hành nối dài với trường đua ngựa Phú Thọ. Đoạn đường dài độ 15km tôi đạp xe đạp mỗi ngày hai bận đi và về tốn khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Cứ sáng đạp xe đi và chiều đạp về như vậy được một năm, tới năm 1960, nhà trường tổ chức thi xếp lớp, tôi

được trúng tuyển nên đổi về học nội trú tại Hội Lương Xuyên Phật Học – Trà Vinh. Hội Lương Xuyên là ngôi trường Phật học đầu tiên tại miền Nam do các ngài Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh, Pháp Hải... thành lập năm 1934, do Hòa Thượng Khánh Hòa làm Pháp sư tức giáo thọ. Các vị Thiện Hòa, Hành Trụ, Thiện Hoa, Huệ Hưng là những tăng sinh theo học khóa đầu tiên vào năm 1935. Một mặt Hội lo đào tạo tăng tài để cung ứng nhân sự điều hành các Phật sự tương lai; mặt khác các vị trong ban sáng lập còn chủ trương xuất bản tạp chí Duy Tâm để truyền bá Phật pháp bằng chữ quốc ngữ.

Lúc đó Chánh Hội Trưởng là ông Huỳnh Thái Cửu, Hòa Thượng Khánh Hòa làm pháp sư kiêm Tổng lý của Hội. Hòa Thượng có tầm nhìn xa thấy rộng, nên vạch rõ sự cần thiết phải thành lập Giáo Hội, xuất bản tạp chí và kiến tạo Phật học đường là ba Phật sự hàng đầu để chấn hưng và phát triển nền Phật giáo nước nhà lúc bấy giờ. Lực bất tòng tâm, với sự cố gắng của Ngài và các pháp lữ trong việc quản trị và giáo dục Phật học đường, nhưng chiến tranh xảy ra, Lương Xuyên Phật Học Hội và Phật học đường phải ngưng hoạt động. Chúng tăng ly tán mỗi người một ngã, quân đội Pháp chiếm đóng cơ sở Phật Học Hội; Phật giáo lại một lần nữa ngộ nạn, nhưng chưa tử nạn. Hiệp định Genève ký kết năm 1954, người Pháp ra đi, trả lại độc lập cho Việt Nam. Một phong trào Hòa Bình và Thống Nhất đất nước được thành lập, Hòa Thượng Huệ Quang lúc đó là Pháp chủ Giáo hội tăng già Nam Việt, cùng với giới trí thức Phật tử, tích cực vận động tăng ni và tín đồ Phật giáo hưởng ứng.

Lương Xuyên Phật Học đường tái hoạt động từ năm 1957, cho tới ngày lớp của chúng tôi dời về đây là khóa thứ 3 từ 1960 đến 1963. Lúc này Chánh Hội Trưởng là ông Huyện Luân, Giám viện là Thượng Tọa Minh Thông, sau nửa khóa thay thế Thượng Tọa Liễu Minh chăm lo về chương trình Trung

Đảng Phật học. Chương trình học 3 năm, lớp chúng tôi có 21 tăng sinh như: Thông Quang, Như Toàn, Thanh Tịnh, Nguyên Tịnh, Đức Viên, Bửu Lợi, tôi (Bảo Lạc)...

Ghi lại những hoài niệm thân thương của thời còn mài đũa trên ghé nhà trường bằng những dòng chữ chân thành.

Với tôi đây là một nơi thật lý tưởng để học Phật mà mỗi tối ngày nay hơn nửa thế kỷ, như còn lưu lại bao nhiêu kỷ niệm của tình người, với trái ngọt rau ngon, canh thơm cơm dẻo; người dân hiền hòa, cảnh vật hữu tình và nhất là những người Phật tử chân thành hết lòng lo cho đạo, nuôi lớn tăng sinh chúng tôi trong hoàn cảnh đất nước nghèo nàn kinh tế, như bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, ông Huyện Luân (Chánh Hội Trưởng), bà Tư Phán, cô Sáu v.v... và còn nhiều vị nữa tôi quên tên. Những vị hộ pháp ân nhân này của Phật học đường Lương Xuyên, nay đã không còn trên cõi đời này nữa. Nhưng tôi tin chắc, với cái nhân lành của họ, quý vị ấy vẫn đang trở lại hành hoạt đâu đây...

Ngồi trong lớp học tại đây, tôi liên tưởng tới chư tôn Hòa Thượng Huệ Quang, Khánh Hòa, Khánh Anh, Pháp Hải... nổi gót theo phong trào Phật giáo do Thái Hư đại sư bên Trung Hoa cổ xúy, quý Ngài muốn thành lập Phật học viện và Thư xã... Vì nghĩ ân đức các bậc thầy tổ đã từng dày công gầy dựng nên phong trào học Phật và nở rộ thành các Phật học viện cho anh em tăng sinh có đất dụng võ sau này.

*Ân giáo dưỡng một đời nên huệ mạng
Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền.*

Ngoài các bậc ân sư, đàn na thí chủ cũng đóng góp rất nhiều trong việc đào tạo tăng tài, về mặt ngoại hộ cũng quan trọng không kém. Nhờ những vị Phật tử đạo tâm thuần thành cho chúng tôi có được một đời sống vật chất ổn định". (N.M.T.K & T.Q Ân Từ của tác giả).

Tại viện nơi đây chúng tôi hưởng được nhiều mặt thuận lợi về tinh thần lẫn vật chất. Về tinh thần, lớp học được Giáo hội Trung Ương nâng đỡ như những đứa con ruột nên tăng sinh chúng tôi cảm thấy an tâm và hãnh diện. Vì trên đã có các bậc thầy lo liệu, giữa có Ban Giám đốc và Ban Giáo Thọ trực tiếp chăm sóc dạy dỗ, dưới có Ban Bảo Trợ Phật Học Viện chu toàn bốn sự cúng dường: thức ăn, đồ mặc, chỗ ở, thuốc men đầy đủ. Có thể nói được rằng đời sống vật chất ở đây rất sung mãn, tăng sinh được ăn ngon, bữa nào nhìn vào bàn ăn cũng có đủ 4 món cơm, canh, món xào, món kho hay rau sống hoặc rau luộc thay đổi bữa. Buổi trưa có giờ nghỉ ngơi (ngủ) lấy sức từ 13 tới 14 giờ 30. Ngủ dậy lại được bồi dưỡng món chè thơm ngon, nóng hổi mà chúng tôi không hề quên được, dù bất cứ hoàn cảnh nào, nay cũng không tìm lại được cảnh sum họp vui vầy như thuở nào của thời học tăng tại Phật học đường Lương Xuyên. Lớp người trước nay đã ra đi gần hết, và theo như chỗ tôi biết chỉ còn lại Hòa Thượng Liễu Minh từ hơn ba thập niên qua Ngài nương náu nơi một ngôi chùa tại Mỹ Tho. Hẳn tuổi thọ Ngài năm nay cũng ngoài 80, không rõ sức khỏe ra sao. Lớp huynh đệ chúng tôi hầu như sau những biến cố lịch sử của Phật giáo Việt Nam năm 1963 và 1975, đã cởi áo tu và trở lại đời sống như người Phật tử, và còn một số đã về hầu Phật. Mỗi người đều có công nghiệp và biệt nghiệp để theo, chúng ta không thể nói cùng được. Điều tâm sự ở đây, nhờ phước có tu tôi luôn được hồng ân Tam Bảo che chở thoát qua bao nhiêu hiểm nạn. Bình thập tử nhất sinh lúc nhỏ, sắc dục lôi cuốn rồi cũng buông, danh vọng không đủ sức thuyết phục được nhà tu nghệ sĩ tánh này. Cũng nhờ những biến cố thử thách trong đời hẳn sâu nơi tâm tư tôi mới tồn tại được như hôm nay. Xin cảm ơn tất cả những ai trực hay gián tiếp, vô hình hoặc hữu thể tạo cho tôi những cơn thử lửa, được bình an trong cõi tịnh độ để hỗ trợ cho nhau đi trọn hành trình đạt đến giải thoát từ đời này và kiếp khác.

Cao trào tranh đấu của Phật giáo Việt Nam lên đến cao điểm là sau mùa lễ Phật Đản vào tháng 5 năm 1963, lớp học của chúng tôi được Giáo hội Trung Ương rút về Sài Gòn từ tháng 6 năm 1963 để tăng sinh tiếp sức vào công cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo của Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật giáo, do Hòa Thượng Tâm Châu làm Chủ tịch. Huynh đệ chúng tôi phải tạm tá túc ở chùa Quang Minh gần công xe lửa số 6 Phú Nhuận – Gia Định, do Hòa Thượng Tài Quang trú trì. Vì là ngôi chùa tự do bà Sáu chủ hộ nên mọi việc không đơn giản và dễ dàng, làm cho tăng sinh có phần hơi nản. Tuy nhiên chúng tôi tự nghĩ nơi tạm dừng chân như trạm nghỉ lấy sức, có gì phải bận tâm cho mệt trí. Tại chùa Quang Minh, chúng tôi đa phần đều ra ngoài học theo chương trình thế pháp; chờ ngày thi vô Phật học viện Huệ Nghiêm. Cuối tuần chúng tham gia tranh đấu đòi tự do tôn giáo. Sau cuộc tự thiêu hùng tráng của Hòa Thượng Quảng Đức vào ngày 11 tháng 6 năm 1963 (20/4 nhuận Quý Mão) phong trào tranh đấu của Phật giáo dâng lên như vũ bão. Công an, mật vụ của chế độ ông Diệm theo dõi, lòng bất tăng ni biểu tình phản đối chính quyền đàn áp Phật giáo. Để khỏi bị theo dõi chúng tôi cải trang thành người thường len lỏi vào trong quần chúng phân phát tài liệu của Ủy Ban Liên Phái kêu gọi đình công bãi thị. Có khi chúng tôi bị công an rượt chạy thực mạng. Vào tháng 7 năm 1963, không nhớ rõ ngày, tôi bị cảnh sát đô thành Sài Gòn đuổi rượt tại chợ Bến Thành, định tóm bắt tổng lên xe cây chở về đồn cảnh sát. Hai viên cảnh sát nắm giật chiếc y của tôi đang mặc, túng quá tôi bỏ y chạy thoát thân; nếu không lanh lệ đã bị tóm gọn cho vào ngôi nhà đá rồi. Thế nhưng vì nghiệp chung, tôi đã bị bắt trong cuộc tấn công chùa Xá Lợi vào đêm 20 tháng 8 năm 1963, cùng với các nhà lãnh đạo Phật giáo lúc đó, trong số có Thượng Tọa Trí Quang. Cảnh sát đủ các ngành và quân đội ồ ạt tiến vào chùa như một trận xung kích, sau một hồi lục soát, họ bắt tất cả tăng ni và Phật tử tranh đấu đang ở tại chùa Xá Lợi, dẫn ra sắp hàng trước đường

Bà Huyện Thanh Quan, sau đó họ cho riêng tặng ni lên 10 chiếc xe thùng và chở đi trong đêm tối. Xe chạy độ một tiếng đồng hồ là tới nơi, lúc được thả xuống xe, chúng tôi mới nhận ra đó là khu An Dưỡng Địa nơi mà tôi sắp thi nhập học.

Họ giam lỏng độ 400 tăng ni ở đó trong 3 ngày, rồi được lệnh Cảnh sát chở hết chúng tôi về trung tâm cải huấn thanh thiếu niên tại Thủ Đức và giam giữ tại đó cho tới sau ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 thành công.

Tưởng cần nói rõ, 20 tháng 8 năm 1963 là ngày mà chính phủ ông Diệm có kế hoạch tấn công nước lũ vào chùa chiền khắp trong toàn quốc, bắt sạch hết chư tăng, nhất là những vị nào hăng say tranh đấu chống chính quyền. Ở tù thời gian hơn 3 tháng, cũng giống thiên thu tại ngoại, đếm tính mới nghe thăm thía câu này của người nào đó đã nói rằng: Chữ tù liền với chữ tu một vẫn.

Biển cổ kinh hoàng đêm ấy, đối với chư tăng ni nói riêng và toàn thể Phật giáo đồ nói chung không thể nào quên được. Hòa Thượng Thanh Cát (hiện trụ trì chùa Giác Minh tại Bắc Cali – Hoa Kỳ) có làm bài thơ ghi lại đêm lịch sử đầy bi thiết đó như sau:

Đêm giông tố

Đêm lặng lẽ bốn phương trời xa vắng
 Ta ra đi thắp thoáng giữa canh trường
 Ta ra đi hòa nhịp với gió sương
 Và đi vì lũ bạo quyền gian ác
 Nguyện vì đạo thân này dù có thác
 Quyết đấu tranh đến hơi thở cuối cùng
 Cho toàn dân được hưởng hạnh phúc chung
 Và hậu thế khỏi cười chê hèn nhác
 Lạy Phật Tổ và Quan Âm Bồ Tát
 Cứu giúp con cùng Phật tử, tăng ni

Cho ai nấy thoát khỏi lúc gian nguy
 Đều trở về hô Phật giáo bất diệt.

(Thích Thanh Cát, đêm 20/8/63)

Sau khi ra tù, chúng tôi về chùa Ân Quang được quý thầy lớn, tăng ni và Phật tử đón mừng như những chiến sĩ thành công ca khúc khải hoàn nên được nhiều ưu đãi. Sau vài ba hôm, chúng tôi trở lại chùa Quang Minh lo việc học hành tiếp tục. Tuy trước mắt lo giải quyết nơi ăn chốn ở cho xong; yêu sách trước đó đã được trình lên Ban Giám Đốc, nhưng chúng tôi còn phải chờ đợi vì Giáo Hội bận lo nhiều việc, nên chưa có thể giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng, đúng mức, nhất là những đòi hỏi chính đáng của anh em tăng sinh chúng tôi. Có sự chậm trễ giải quyết mà lý do là công cuộc tranh đấu cho 5 nguyện vọng của Phật giáo lúc đó chưa đạt thành. Giờ đây Giáo Hội mới đặc biệt lưu tâm tới số tăng ni trẻ đang theo học tại các Phật học viện, đã bị gián đoạn trong thời gian qua. Vì tăng sinh là tương lai của Phật pháp, mầm non của Phật giáo nên Giáo Hội dành mọi ưu tiên trường dưỡng tô điểm cho thành phần tăng trẻ. Chắc hẳn điều cấp thiết hàng đầu mà Phật giáo thời nào cũng vậy, không cứ chỉ riêng có thời điểm 1964. Hơn ai hết, giới lãnh đạo Phật giáo là những người biết nhìn xa thấy rộng đặt định cho tăng ni sinh một hướng đi vững chắc trong tương lai. Được các bậc thầy chiếu cố nâng đỡ, chúng tôi lại càng phải cố gắng học tập nhiều hơn để khỏi cô phụ ân đức cao dày của các Ngài.

Chuẩn bị dự thi: Vào tháng 1 năm 1964, chúng tôi dự kỳ thi tuyển vào lớp cao đẳng Phật học viện Huệ Nghiêm. Từ khi ra tù cho tới ngày dự thi chưa đầy hai tháng, tôi đã hết sức cố gắng dự cuộc thi tổ chức tại Ân Quang gồm có 31 tăng sinh, kết quả đậu được 24 trên 31, trong số có 7 người rớt. Các môn

thi gồm Kinh, luật, luận đã học tại trường Lương Xuyên Phật học, cộng thêm môn Việt văn và sinh ngữ Anh, vì lớp chúng tôi theo chương trình phổ thông của Bộ Giáo Dục, nên chú trọng các môn thể pháp. Thi đậu vào trường Phật học Huệ Nghiêm, tôi vô cùng phấn khởi, vì từ nay mình bắt kịp môi trường trên đường học vấn những mong như con rồng bay cho thỏa chí đời vãn thủy của người tu Phật mà bấy lâu nay ước mộng chưa thành. Cũng trong năm 1964 này, ngoài việc đậu vào trường Huệ Nghiêm, tôi còn được Ban Giám Đốc cho thọ giới cụ túc tại Việt Nam Quốc Tự vào tháng 8 trong cùng năm. Đại giới đàn qui tụ hơn cả ngàn giới tử gồm tăng ni hơn 400 và trên 600 Phật tử; 2 vị Đàn đầu Hòa Thượng là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Hải Tràng, Yết Na A Xà Lê: Hòa Thượng Thiện Hòa, Giáo thọ A Xà Lê: Hòa Thượng Thiện Hoa. Có thể nói trong năm 1964 này đời tôi trải qua hai sự kiện khá quan trọng đáng nhớ để đời. Việc tôi đậu vô trường là một niềm hãnh diện chung cho cả pháp phái tông môn và thầy tổ, huynh đệ nữa, tôi vô cùng phấn khởi được đi trên con đường văn nhã từ đây, nên nguyện cố gắng hết lòng để khởi phục lòng kỳ vọng của mọi ân tình ưu ái dành trọn cho tôi. Người xuất gia không gì quan trọng bằng được thọ đại giới, tức là giới cụ túc (đủ chân) đầy đủ trọn vẹn mà không cần phải thọ thêm bất cứ giới nào nữa. Người tu được thọ thêm giới cũng như quân đội được tăng cấp bậc, tuy giữa đôi bên khác nhau về quân kỷ và giới luật. Từ nay tôi chính thức trở thành một tỳ kheo tăng trong tăng đoàn của Giáo Hội, sẽ rộng đường đóng góp vào việc chung theo khả năng và tâm lượng của mình. Việc trước mắt tôi nhắm tới là cần phải học trước nhất để đủ trình độ kiến thức hiểu giáo pháp Phật dạy bằng sự chọn lọc tinh tường mới không rơi vào đường tà. Một vấn đề mà tôi luôn luôn tự nhắc nhở: Không có thể lực nào đáng sợ bằng lực vô minh, là lực đề kháng thường trực mà người tu không thể nào lơ là chênh mảng để nó quật ngã mình được. Chúng ta luôn đề cao cảnh giác giữ giới như giữ gìn tròng con

mắt vậy. Một người hề còn hơi thở lo giữ con mắt không để bụi bám như thế nào, người tu hành giữ giới cũng như thế ấy, luôn luôn theo dõi, đề phòng mọi bất trắc, xấu ác, kể cả tội lỗi xâm nhập lung lạc tâm niệm; nên cần nương vào đức chúng như hải.

Huệ Nghiêm – An Dưỡng Địa: Mới nghe danh An Dưỡng Địa là đã có người đâm lo sợ, thắc mắc tại sao một trường Phật học lại đặt nơi vùng đất mộ địa của những người cõi âm? Tương lai của tăng sinh sẽ đi về đâu khi Giáo Hội dồn họ về nơi tử địa? Giáo Hội thành lập Phật học viện Huệ Nghiêm thuộc huyện Bình Chánh nằm về phía tây Sài Gòn cách trung tâm chừng 6km, vì nơi đây là khu nghĩa trang nên có tên là An Dưỡng Địa. Vào cuối năm 1963, Giáo Hội đã mở lớp chuyên khoa dạy chuyên về nội điển tức chúng Mã Minh mà ngày nay còn lại các vị: Phước Hảo, Pháp Chiêu, Nhật Quang, Tâm Thọ, Đắc Pháp (tịch 2012), Chơn Lạc... đều là các Hòa Thượng đang đóng góp rất nhiều cho Phật giáo Việt Nam. Sau chưa đầy một năm, vào năm 1964, viện tuyển thêm một lớp phổ thông lấy tên Huyền Trang mà tôi là một trong số 26 chúng lớp này. Lớp phổ thông học cả hai chương trình nội điển và ngoại điển. Ban ngày chúng học chương trình phổ thông, viện có chiếc xe mi ni bus 21 chỗ ngồi do ông Tư lái đưa ra trường Bồ Đề Sài Gòn, và chiều giờ tan học ông đưa chúng tôi về. Chương trình nội điển chỉ học ban đêm mỗi tuần 3 buổi, do ba Ngài Bửu Huệ, Thiên Tâm và Thanh Từ phụ trách. Ban Giám Đốc Phật học viện do ba Ngài đảm trách hai lớp chúng Mã Minh và Huyền Trang. Chúng Huyền Trang có 26 người như Đức Viên, Hồng Liên, Ngô Hạnh, Bảo Lạc, Như Tín (còn hiện trụ trì Hưng Long Sài Gòn), Nguyên Tịnh (lớn), Nguyên Tịnh (nhỏ), Quảng Huệ (mất 3 năm), Quảng Hạo, Thiện Trí, Đồng Đài, Thụy Bửu (mất đã 3 năm), Nhật Châu, Bửu Lợi, Viên Dung, Thông Luận, Thanh Tịnh, Ngô Minh (mất năm 1968), Thiện Ân (viên tịch 1970),

Thông Nguyên, Như Tạng (đang sống ở Úc), Minh Hải, Thông Hạnh (mất 4 năm), Minh Thiên, Tâm Phú (tại Cali – Hoa Kỳ). Trong số huynh đệ đồng chứng hết hai phần ba ra đời, 6 người đã mất, tôi chỉ biết được hiện đang còn 13 vị trong số có 4 người còn giữ áo tu. Con số nêu lên đây chắc chắn không được chính xác lắm, nếu có sai sót lệch lạc mà quý huynh hoặc độc giả quen thân với những vị có nêu danh tánh hoan hỷ bỏ túc giúp, được vậy tôi rất cảm kích và vô cùng cảm tạ. Nói đến Huệ Nghiêm trong tôi còn lưu nhiều kỷ niệm khó quên mặc dù nay đã hơn 49 năm qua bao lần thay đổi. Con đường từ ngoài quốc lộ đi về miền tây rẻ vào, hai bên là ruộng lúa, hễ tới mùa mưa nước lên nhấp nháy mặt đường. Con đường vào viện chính là lối vào lò thiêu và khu nghĩa địa phía sau nên được kiến thiết khá rộng ngang độ 4 mét dài khoảng hơn 1 km, và ngày nào cũng có xe nhà đòn tới lui, thân nhân tiễn đưa người thân quá cố. Ruộng lúa đối với tôi rất gần gũi và thân thương, nhìn cảnh ở đây lại nhớ về hương lúa miền quê tôi ở xa tít, mãi tận ngoài miền Trung. Vào những đêm mưa nghe tiếng côn trùng rả rít, tiếng ếch nhái, ễnh ương đua nhau hòa tấu bản nhạc đồng quê trầm bổng xa xa gần gần như đưa hồn người viễn xứ về lại chốn quê nhà. Cũng chính trên những bờ ruộng lúa trơn trượt này mà tôi và thầy Minh Đạt (hiện ở Stockton – Bắc Cali – Hoa Kỳ) phát hiện hai chú tiều giờ lơ bắt cá nướng nghe mùi từ xa vào giữa đêm khuya vắng vẻ. Lúc bảy giờ tôi là Liên Chúng Trưởng, còn thầy Minh Đạt là Liên Chúng Phó có bốn phận tuần canh ban đêm xem xét coi có chú nào nhảy rào phạm pháp. Thật đúng y như câu nói: “Nặng đi đêm hăn gặp ma”, nhưng ma chúng tôi bắt gặp đây không phải kẻ vô hình mà là người thật bằng da bằng thịt, và lại là kẻ xuất gia mới kết chừ! Vấn đề được trình lên Ban Giám Đốc qua một cuộc họp chúng xử phạt. Sau khi quý Ngài đã nghe hết các ý kiến, Hòa Thượng Bửu Huệ hỏi chúng tôi để lấy quyết định. Theo thiện ý tôi, đã là người xuất gia dù nhỏ tuổi cũng phải giữ giới sát làm đầu, nếu Ban

Giám Đốc và Ban Lãnh Chúng thương mà tha họ lần này, lần khác họ sẽ tiếp tục tái phạm. Tốt hơn hết chúng ta phạt tẩn xuất họ và mời thân nhân tới giao trả các chú về để cha mẹ dạy bảo thêm. Nếu sự kiện ấy xảy ra sau đó 10 năm (74), 20 năm (94) chắc cái quyết định có khác; và biết đâu lại cứu vãn được tình trạng khá hơn. Song dù sao sau đó trong chúng cũng nể nang Ban Điều Hành theo đúng Nội Quy của Viện nên ít có người phạm luật.

Bấy giờ tình hình chiến sự mỗi lúc một tệ hại, người dân miền quê sống chịu cảnh một cổ hai tròng: ban ngày theo quốc gia, ban đêm theo Việt Cộng để đòi lấy sự an toàn tánh mạng cho bản thân và gia đình. Huệ Nghiêm bây giờ (1967 – 68) không còn như 4 năm trước đó nữa. Đồng bào các nơi như Phú Định ở quận 7 bị Việt Cộng pháo kích nên bỏ nhà cửa chạy tới Huệ Nghiêm làm chỗ nương thân. Họ căng những tấm bạt, tấm tôn ở hai bên đường ruộng lúa dẫn vào An Dưỡng Địa, làm nhà tạm trú; đến tết Mậu Thân (68) Việt Cộng tổng tấn công vào Sài Gòn nên đồng bào quận 8 cũng lục tục chạy tản cư. Họ đổ dồn về An Dưỡng Địa và làm nhà tạm ngay trên những ngôi mộ mà bất chấp ở bên dưới đang có người nằm an giấc không kể ma cũ hay ma mới. Lúc đó, Huệ Nghiêm chúng bị tấn công bởi hai mặt: đồng bào tới ở đông làm cho nơi yên tĩnh trở thành phức tạp. Họ lập lên những hàng quán chợ búa buôn bán đủ thứ không thiếu thứ gì, làm cho cảnh thiên môn trở nên náo động. Nhiều cuộc xung đột lớn nhỏ xảy ra giữa những người tạm cư đến đòi cảnh sát phải tới can thiệp; nhưng đâu rồi lại cũng hoàn đầy. Thịnh thoảng vẫn xảy ra sự cố đáng tiếc. Thế gian bao giờ cũng có muôn mặt, dù được ở trong đất già lam – tịnh địa rồi – người ta vẫn cứ tấn công tới sát vách tường chùa chưa từng dùng bước. Ngoài ra, chúng tôi còn bị một mũi tấn công yết hậu khác – thiếu hụt kinh tế hay ngân khoản điều hành. Lốp chúng tôi đã hoàn tất vào giữa năm 1967 sau 4 năm học tập. Đầu năm

1968, Ban Giám Đốc chính thức tuyên bố tạm giải tán Phật Học Viện do không đủ nguồn tài chánh điều hành để duy trì 270 tăng sinh thuộc chúng Mã Minh, Huyền Trang, Vô Trước, Thế Thân, Long Thọ, Hư Vân và Vạn Hạnh. Từ đó chúng Huệ Nghiêm mỗi người tìm cho mình một sinh lộ mới. Riêng tôi, năm 1967, Hòa Thượng Thiên Tâm đề nghị lên Đại Ninh lập tịnh thất tu với thầy. Nhưng chưa có ý định đó, nên tôi thưa rằng, xin thầy cho con tiếp tục con đường học vấn 5, hay 10 năm nữa hẵn hay. Còn như bây giờ... con đã có chương trình, mấy huynh đệ định ra thành lập Lưu Học xá để được tiếp tục đi học.

Theo nghiệp bút nghiên:



Hình tác giả năm 28 tuổi

Cây bút và cuốn sách luôn theo sát bên tôi, thật quả đúng là cái nghiệp không bằng! Không phải hồi còn trẻ mà ngay bây giờ, đi đến đâu ai tặng quà bằng sách vở tôi nhận liền mà không một lời từ chối; như tặng bánh trái, thức ăn tôi tìm cách từ chối

khéo để người tặng khỏi buồn giận. Sau khi rời khỏi Huệ Nghiêm, thay vì đi Tuyên Úy, nhập giảng sư đoàn hoặc đi Trụ Trì như các vị khác, tôi tiếp tục cấp sách đến trường học lớp 12 cho xong chương trình trung học đệ nhị cấp. Chỗ ở, tạm trú tại tầng xá Phước Huệ, do ngài Huyền Quang lập tại Phú Thọ Hòa, cạnh chùa Hưng Long để tiếp tục đi học trường Văn Học ở đường Phan Thanh Giản do bà Trần Bích Lan – Trịnh Thúy Nga điều hành trực tiếp.

Vì nhận thấy lỗi ở nhờ không bảo đảm lâu bền nên năm 1968 sáu huynh đệ chúng tôi gồm: Như Tín, Thiện Trí, Ngô Hạnh, tôi (Bảo Lạc), Quảng Hạo và Minh Thiên thành lập Lưu Học Xá Huyền Trang; sau đó kết nạp thêm Đồng Niệm thành 7 thành viên, và tiến hành xây chùa Huyền Trang bên đối diện Lưu Học Xá tại hương lộ 15 Phú Thọ Hòa – Tân Bình – Gia Định. Sau đổi thành đường Lạc Long Quân quận 11 – Sài Gòn cho tới bây giờ. Lưu Học Xá như một nơi tụ hội của giáo sư và học sinh các trường Hạnh Đức, Huỳnh Kim vào dịp cuối tuần đông vui nhộn nhịp. Vừa dạy học để kiếm tiền tôi cũng vừa đi học, nhưng giấu không để học trò biết thầy đi học, tập vở nhét trong cặp dẫu dưới yên xe Hon da 50^{cc} chờ hết giờ dạy là vọt tới trường Văn Khoa lo luyện chương... Cách điều hành Lưu Học Xá của chúng tôi có khác với các cơ sở xưa nay. Theo như Nội quy, mỗi người làm Quản Đốc Lưu Học Xá 6 tháng, rồi đến phiên vị khác, và cứ như thế luân lưu mãi. Công việc làm rất trôi chảy nên các huynh đệ quen thân rất thích, nhất là thành phần tăng ni trẻ. Đến nỗi thầy bổn sư (Hòa Thượng Trí Hữu) vào thăm các pháp hữu ở Ấn Quang tôi có đến vấn an đánh lễ Ngài. Khi nghe tôi đã ra lập Lưu Học Xá, Hòa Thượng tán thán và nói rằng: “Anh em tăng lớp sau các con khá đấy, còn biết ngồi lại với nhau để làm việc đạo. Thầy mong rằng huynh đệ biết sống đúng pháp lục hòa để mai sau ra gánh vác Phật sự thay cho quý thầy lớp đàn anh”. Lời động viên tinh thần của

bốn sư tôi xem quý như vàng, và cũng kể từ đó tôi vĩnh biệt thầy luôn để du học Nhật, cho tới tháng 11 năm 1975 thầy về lại chốn cũ - Ấn Quang – để viên tịch.

Dấu chân nhà giáo:



*6 huynh đệ Lưu Học Xá Huyền Trang
(ảnh chụp tại Thảo Cầm Viên SG) 1972*

Dù không theo học khóa sư phạm, tôi vẫn có năng khiếu về ngành giáo dục, nhờ có sinh hoạt Gia Đình Phật Tử và Hướng Đạo nên biết phương pháp, cách tổ chức. Vì thế, ở các trường Hạnh Đức, Huỳnh Kim tôi được mời làm giáo sư hướng dẫn học sinh các lớp 6, 7, 8, 9, nhất là lo về báo chí, tổ chức v.v... để giúp kỹ thuật, ý kiến. Vì thích văn chương, thi ca, tôi

phụ trách môn Việt văn và thỉnh thoảng cũng dạy công dân giáo dục. Học ngoại ngữ chính là Pháp văn, do ảnh hưởng văn phạm, tôi đem áp dụng vào Việt văn. Cú pháp rành rẽ, rõ ràng, trò nào loạng choạng là chém ngang hông nhưng bằng chữ nghĩa, bằng bút mực chứ không hung hãn phạm giới sát để bị phê bình chỉ trích đâu. Tôi có thói quen ưa chấm bài bằng bút đỏ, số ít học trò không khá tiếng Việt bị tôi gạch đỏ cả cuốn tập, làm cho họ buồn khổ, thút thít cũng nhiều. Cũng vì sát phạt học trò kiểu ấy nên tôi bị sao quả tạ chiếu kỹ hay nói cho đúng từ Phật pháp – nhân nào quả nấy – nhưng tôi chưa phải nhận hậu quả liền lúc đó mà chờ chín muồi cho đến những 10 năm sau. Câu chuyện bắt đầu từ khi tôi sang định cư tại Úc năm 1981, việc đầu tiên của tôi là cấp sách đến trường học tiếng Anh. Lúc đó tôi học trường TAFE tại Bankstown do cô giáo người Mỹ phụ trách. Cô là người thầy mô phạm, đối với học trò xem như bạn thân; mỗi khi trao món đồ gì cho họ, cô cầm trên hai tay và đưa qua một cách nhẹ nhàng; khiến tôi phải học qua cung cách này, nhưng đôi lúc vẫn còn chưa ổn, vì tự thân vốn mang nhiều tập tánh không tốt. Cứ sửa đi sửa lại mãi mà việc đâu vẫn còn đó, chỉ có chút xíu cải thiện sau bao nhiêu năm tôi luyện để bào mòn bản ngã, tánh nóng giận la lối bất tử. Cho tới một ngày kia... lúc nhìn vào cuốn tập viết tiếng Anh của mình đã bị cô giáo gạch đỏ nhiều chỗ, khiến tôi hơi nóng mặt. Đêm hôm đó nằm gát tay lên trán suy nghĩ: Ô đúng rồi, đây là kết quả phải nhận lấy không thể phiến trách, đổ lỗi, hờn giận... ai cả. Nghĩ cho cùng, tôi đã học thêm được một bài học thấm thía tới tận xương tủy để đời. Viết lên chuyện có thật này để chia sẻ với bằng hữu và quý độc giả, vì biết đâu quý vị lại chẳng có những mâu chuyện cười ra nước mắt như thế. Thật sự tôi đã thấm tở đạo đó, nên từ đó trở đi quyết khắc phục những gì chưa đi vào khuôn khổ, mực thước và sửa sai những lời chỉ trích phê bình đúng mà không căn cứ bào chữa, rán cãi tới nơi như hồi còn trẻ trung hăng tiết ngày xưa. Ngược lại, tôi đem áp dụng 4 pháp

cần hành: điều ác chưa sanh đừng cho sanh; điều ác đã sanh khiến tiêu diệt. Quán xét kỹ và lặp đi lặp lại mãi, nếu nhận ra những việc sai trái lỗi lầm phải khắc phục sửa sai. Nhờ tinh thần tự giác tôi kiểm nghiệm lại thấy có tiến bộ và dần dần trừ được những thói xấu để thăng hoa, cho nên tâm tư thanh thản, sức khỏe dồi dào và làm việc thoải mái duy trì cho tới lúc về hầu Phật.

Giống nhau giữa hai huynh đệ



Buổi tiệc tiễn đưa trước khi đi du học

Cầm bút viết câu chuyện đời tu vừa tròn năm mươi sáu năm (1957) của tôi có thể nói là một trường

thiên đầy bi hùng như ngọn thủy triều mỗi ngày hai bận xuống lên. Nhưng con nước vẫn âm thầm xuôi dòng đi đến tận cùng ra tới đại dương, dù trải qua bao phong ba tuế nguyệt dần trận tứ bề như thiên la địa võng. Tuổi Nhâm Ngọ, con trai xưa nay ai cũng nghĩ là con người sang, tướng quý phái, học rộng, có nhiều tài năng đặc biệt; không hiểu tôi có được phúc nằm trong số người mang các tính chất nổi bật đó không. Nhâm Ngọ (1942) cảm tình con ngựa; ngựa có nhiều loại: ngựa kéo xe, ngựa đua, ngựa phi nước đại như con tuấn mã mà ai lại chẳng thích. Tánh tôi ưa kỹ lưỡng, nhanh nhẹn, trách nhiệm, chịu khó, bước đi thoăn thoắt như gió giống như ngựa vậy. Mạng mộc thuộc dương liễu mộc – gỗ cây thông – đa dụng lắm đấy dùng làm cột nhà, trụ đèn, sàn lót chắc bền lại đẹp nữa, kể ra cũng thú vị đấy chứ! Ấy thế mà nhiều người muốn vào ngôi tuổi Nhâm Ngọ, nhưng nào có được, vì nghiệp đã buộc và định cả rồi, có chăng chỉ còn hy vọng mong manh ở kiếp sau đi lộn mới trúng nhằm sao quả tạ chiếu kỷ đầu thai trở lại cho rõ đen trắng, hư thực là như thế nào; lúc đó mới tá hỏa tam tinh ề cỏ ra mà thọ báo đừng có than trời trách đất rằng mình... à... ư... lắc lư... cái con ngựa gầy... là khổ lắm!

Nhâm Ngọ tháng tư năm sanh là nhằm vào mùa hạ mà hạ ở miền Trung phải nói ai cũng biết cái oi nồng nóng bức ra sao rồi; biết sức mình không chịu đựng nổi được cái nóng nên tôi chỉ sống có mười mấy năm ở quê rồi dọt lẹ, thành thử tôi thoát nạn liên liên, khi thì ở nơi núi rừng thanh lương ở Ngũ Hành Sơn – Non Nước; hay Sài Gòn, lúc Trà Vinh, Phú Lâm. Rồi nhờ phi mã tôi đông tuốt qua Nhật Bản một dạo, vẫn thấy chưa yên ổn, vì lo nạn động đất, sóng thần tôi phi thân sang Úc nương náu như chỗ tạm dừng chân. Chắc hẳn đường còn dài tôi sẽ dời đến tân thế giới vào một ngày không xa. Nhìn lui lại dòng đời tôi đã chứng kiến qua bao khúc quanh của lịch sử: Nhật đảo chánh Pháp (1945), đất nước chia đôi hai miền Nam –

Bắc (1954), chiến tranh quốc gia – cộng sản (1945 – 1975). Hai đợt di cư lịch sử của người Việt Nam đánh dấu hai biến cố quan trọng:

- Người miền Bắc di cư vào miền Nam năm 1954 từ bỏ hay chạy trốn chế độ Cộng sản độc tài đảng trị.

- Sau năm 1975 người Việt khắp ba miền hơn 2 triệu liêu chết bỏ nước ra đi tỵ nạn cộng sản ở khắp các nước tự do trên thế giới. Trong số những thuyền nhân tỵ nạn, theo như thống kê của Liên Hiệp Quốc có đến 500 ngàn người đã chết trên đường vượt biển hay vượt biên.

Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng tôi khỏi phải thi hành nghĩa vụ quân sự, vì người xuất gia đã là một chiến sĩ rồi. Tôi được cái may mắn hy hữu này nên vô vàn trân trọng với trách nhiệm của mình để khỏi tổn hại của đàn na thí chủ.

Sự giống nhau giữa hai huynh đệ : Ông bà cụ tôi sanh ra được 8 người con 3 gái và 5 trai, chết hết 3 người. Đến nay còn lại 2 gái và 3 trai; người chị cả tôi sanh năm Mậu Thìn (1928) nay đã 86 tuổi vừa mất đầu năm nay thọ 87 tuổi, người chị thứ năm sanh năm Ất Hợi (1935), người anh thứ tư sanh năm Quý Dậu (1933) năm nay 80 tuổi vẫn mạnh khỏe, sáng suốt, đang trông coi chăm sóc từ đường tộc Lê và những ngày giỗ kỵ, chạp mã tại Mỹ Hạc – Duy Xuyên – Quảng Nam.

Cuộc đời tu tập, hành đạo của tôi và thầy Như Điền tương có nhiều việc đáng nói để quý độc giả chia xẻ đôi điều, nhất là các thế hệ con cháu bây giờ và về sau này. Có một câu hỏi mà nhiều người hay chất vấn tôi: tại sao thầy đi tu? Câu trả lời của tôi không theo công thức nhưng mà tùy đối tượng, có lúc nghiêm chỉnh như nhà tu kín và cũng nhiều khi pha trò dí dỏm để làm mọi người vui. Nói về nguyên nhân để một người xuất gia có nhiều trường hợp và hoàn cảnh khác nhau: gia đình tin Phật lâu đời, nhà ở cạnh chùa nên ảnh hưởng, sinh hoạt Gia

Đình Phật Tử, có người thân xuất gia, gặp hình tượng Phật phước tướng trang nghiêm, chứng kiến nếp sống thanh thoát của tăng đoàn, dự các đại lễ Phật giáo, nghi lễ Phật giáo thu hút tâm hồn tuổi thơ, thầy Trụ trì thương mến trẻ con, thức ăn chay ở chùa ngon miệng, Phật tử gặp nhau chấp tay lại xá chào... và còn nhiều rất nhiều nữa những hoàn cảnh tiêu cực, người ta cũng bỏ đi tu, nhưng huynh đệ chúng tôi không nằm trong bản phong thần loại đó.

Bây giờ xin đi vào các khúc quanh của từng điểm một:

- **Tiếng nói:** Mỗi người sinh ra có một giọng nói khác nhau, nên hễ đã quen nghe rồi, ta nhận ra được liền, nhất là chỉ nghe giọng nói mà không thấy được người như qua điện thoại là một ví dụ điển hình. Tôi và thầy Như Điền không có vẻ gì giọng nói giống nhau; có thể chỉ giống phần nào như lúc tụng kinh Lăng Nghiêm vào thời công phu sáng. Chúng tôi có giọng trong, cao, âm, hơi dài nên đọc một hơi kéo dài tới vài chục chữ mới dứt. Khi xướng lễ sám hồi hồng danh chư Phật, có những danh hiệu Phật dài tới 12, 14 chữ tôi đi luôn một hơi, chẳng hạn: chí tâm đánh lễ Nam mô hoan hỷ tạng ma ni Bảo Tích Phật, hoặc bài chú vãng sanh đọc một hơi dài từ đầu cho đến chấm dứt không là điều gượng ép có tính biểu diễn.

Tiếng nói quan trọng nhất là âm bên trong mà sự khác nhau qua giọng nói là ở phần âm này để dễ dàng phân biệt được giữa người này với người kia. Nói chung, người cùng một gia đình cũng có giọng nói khác nhau; và rộng ra như người trong cùng một nước nói giọng khác nhau là điều dễ thấy rõ. Có đủ thứ giọng nói như trầm, bổng, du dương, the thé, ồ ồ, vui vẻ, nghiêm nghị, xẵng, ngọt, cay cú, đanh thép, bùi môi...

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*

Như ca dao đã biểu tỏ, có lý nào mà người ta lại quên khuấy đi, cho cuộc đời thêm rắc rối chứ! Dù hai giọng nói trên mặt hình thức có khác, nhưng về phương diện đức tánh qua đời sống tu niệm, huynh đệ chúng tôi hầu rập khuôn ở một cường độ của tiếng nói: tiếng nói của từ bi, tiếng nói của dũng chí, tiếng nói của hùng lực, tiếng của tha thứ, tiếng của pháp mầu...

- **Dáng dấp:** giữa hai thầy Bảo Lạc và Như Điển chỉ giống chiều cao nhưng lại không giống chiều rộng hay bề ngang, thì làm sao để bảo giống nhau cho được. Thế nhưng, không hiểu sao mà có nhiều người lầm đậm. Có một hôm, tôi đang đi trên đường phố Cabramatta (Sydney) nghe có người phụ nữ phía sau kêu với lại, và hỏi:

- Bạch thầy, thầy qua khi nào vậy?

Không nói ra, tôi biết cô này lầm tôi với thầy Như Điển. Nhưng tôi cũng lịch sự trả lời:

- Tôi ở đây đã trên 20 năm nay, chứ có đi đâu mà qua với lại.

Thế là người đàn bà lấy làm hòa nói ngay:

- Như vậy thầy là thầy Bảo Lạc ở chùa Pháp Bảo gần đây mà!

- Đúng đó, chính tôi.

Rồi một lần khác, không phải tại Úc mà tại Hoa Kỳ năm 2000, nhân dự lễ khánh thành chùa Cổ Lâm và Đại hội GHPGVNTN tại thành phố Seattle – Washington – Hoa Kỳ. Nhân lúc dạo chơi chụp hình trong sân chùa, có một Đại Đức nhìn tôi có vẻ lạ rồi hỏi:

- Bạch Thượng Tọa, con trông thầy độ này hơi ốm đấy!

Tôi biết thầy ấy lầm giữa tôi và thầy Như Điển, nên nói ngay:

- Hồi nào tới giờ tôi có mập đâu mà Đại Đức bảo ôm với mập. Tuy tôi cũng muốn mà không được.

Thầy ấy xin lỗi, làm quen cho hay rằng rất hân hạnh được gặp tôi lần đầu. Vì xưa nay chỉ nghe danh mà chưa gặp mặt bao giờ. Chỉ nói qua vài chi tiết nhỏ như thế để cho thấy hình dáng nó quan trọng dường nào. Cũng vì làm giữa người này và người kia mà chàng rể cưới nhầm cô chị tưởng là cô em; khiến hai người phải sống dở chết dở, cắn răng chịu đựng cho trọn kiếp với nhau. Hay có trường hợp làm người khiến đương sự bị sa vào lưới pháp luật hoặc phải họa lây; cũng do cái dáng dấp ngoại hình có ảnh hưởng gắn bó tới nhân vật không rời nhau.

Về ngoại diện chúng tôi giống như in qua: chiếc áo nhà tu, mái đầu cạo bóng, nghiêm trì giới luật, sống độc thân không có gia đình, hoằng pháp lợi sanh là sự nghiệp, giải thoát là lý tưởng đạt thành. Giống nhau nói đây không nhất thiết phải rập khuôn y choang mẫu mã như có nhiều người nghĩ mà trên một vài phương diện như vừa nêu trên cũng đủ chứng tỏ đó là sự thật. Chỉ có sự thật ở đời mới tồn tại lâu dài được nhiều người ưa chuộng, học hỏi, noi gương trong tinh thần hiểu biết và xây dựng. Điều đáng để ý hơn cả mà tôi không hiểu đã có tự bao giờ, giữa tôi và thầy Như Điển có sự lựa chọn trùng hợp ngẫu nhiên, nay sau hơn 56 năm tu học nhìn lại thấy như một dấu ấn còn sâu đậm.

Cùng xuất gia năm 15 tuổi: Theo như giáo pháp Phật dạy chúng ta không tin sự ngẫu nhiên trùng hợp nào mà đều do có đủ nhân duyên hợp thành. Cách đây 5 năm khi ngồi nghĩ lại tôi nhớ rõ ràng mình sanh năm 1942, xuất gia năm 1957 lúc 15 tuổi. Chuyện đi tu của tôi kể như một huyền thoại như Tất Đạt Đa thuở xưa. Tôi trốn gia đình ra đi vào một đêm khuya vắng,

và để lại bao nhiêu thương nhớ cho người thân, nhất là mẹ hiền đang trông tin con trong mỗi mòn héo hon. Biến cố hi hữu ấy đối với tôi như là một bài học giá trị vô cùng cao quý trên đường tu niệm. Đây cũng là bài học mà tôi đã học được từ câu nói đề đề của Nguyễn Bá Học:

“Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.”

Cho dù gian lao khó khổ đến đâu cũng phải nhẫn nại tinh tấn vượt qua, nhất là thời tuổi thơ háo thắng, nhiều mộng mơ, đầy ước vọng. Nếu như không có đích điểm sẽ làm ngăn chướng con đường thoát hiểm là điều hiển nhiên khó tránh. Vì tự cho mình là người chịu đựng, hy sinh trong đó, kể cả có quyền thay thế cho người thân nữa. Lúc đó em trai tôi có ý định xuất gia, tôi không tán đồng lại còn có ý ngăn chặn nữa, với lời giải thích đơn giản rằng: Xuất gia không đơn giản, người tăng sĩ phải qua bao nhiêu sự sàng lọc, thử thách như lửa thử vàng như tôi đã và đang trực diện, nên không muốn thấy bất cứ người nào trong gia đình phải khổ thân đi theo tôi nữa. Vì lúc đó tôi chỉ nhìn được một mặt – mặt tiêu cực – nhưng lại không nhìn rõ được mặt khác – mặt tích cực – hoán chuyển nghiệp lực và đạt đích giải thoát rất ráo. Lời cản ngăn của tôi kể ra cũng vô hiệu đối với người em trai út của tôi là Lê Cường. Chú ấy nuôi chí nguyện xuất gia từ lâu rồi, nên không có một sức mạnh nào đủ làm ngăn ngại được cả. Mặc dù cha mẹ tôi thương yêu chú ấy hết mực vì gia đình lúc đó trống vắng, nếu chú chín mà rời nhà vào chùa tu như chú bảy (tôi thứ 7) thì mẹ có nước chết đi là hơn, lời của mẹ van lơn như thế! Riêng chú ấy đâu có chịu hiểu để chia xẻ nỗi khổ của mẹ, của tôi, của cha và mọi người trong gia đình. Ông bà nghe tôi cản chú em xuất gia lấy làm hoan hỷ lắm, nên cứ tìm cách hướn binh hện cù chầy cù nhày cho qua chuyện. Nhưng cuối cùng rồi, chú ấy liêu tuyên bố: nếu cha mẹ không cho con đi tu, con theo cách như anh bảy trốn nhà đi xuất

gia, lúc đó ai cản được con? Cho đến nước này, mẹ tôi đành gạt nước mắt cho con đi tu nhưng can trường đòi đoạn, thương khóc nhớ nhưng qua nhiều đêm mất ngủ. Chú Cường đạp xe đạp từ nhà đến Hội An vào chùa Viên Giác xin Thượng Tọa Thích Long Trí xuất gia học đạo vào năm 1964. Năm ấy Cường vừa tròn 15 tuổi (sinh năm 1949). Cái tuổi thanh xuân tràn đầy nhựa sống như con chim non sỏ lông, biết trôi dạt về đâu, như ý nghĩ của mẹ tôi lúc đó mà bà có dịp tâm sự với tôi tại nhà sau khi hay tin em Cường đã vào ở chùa Viên Giác, tôi về thăm gia đình để an ủi hai ông bà đang côicút chờ mong con từng giờ từng phút. Lúc này đây, tôi tựa như chiếc phao để mẹ níu kéo tỏ bày... Bao nhiêu tâm sự bà kể hết cho tôi, làm cho tôi cũng mũi lòng không kém.

Giữa hai người con xuất gia, tôi đi tu trước 7 năm (vì tôi hơn chú Cường 7 tuổi) có lên kế hoạch, nhưng lấy “dĩ đạo vi thượng sách”, chẫu là cách hay nhất. Việc xuất gia của tôi không nhắm giữa thanh thiên bạch nhật, lại trốn gia đình đi giữa đêm thanh vắng vào ngày rằm tháng 2 của năm ấy. Còn chú Cường đi tu tỏ ra bài bản hơn tôi nhiều. Bài bản ở điểm chú được cha mẹ đồng ý cho xuất gia, ra đi giữa ban ngày, đi ngang nhiên trên yên xe đạp. Nhưng tôi biết trong thâm tâm Cường không giận tôi, ngược lại còn cảm ơn tôi mới phải. Việc ra đi không chính thức của tôi là cái giá để Cường treo cho cha mẹ thấy đó, bề nào rồi cũng với tới được. Với lại, lời cản ngăn không cho chú xuất gia của tôi, cũng chẳng qua đứng về phía mẹ cho bà cảm thấy an tâm lúc yếu lòng mà thôi. Biết đâu lời can gián của tôi năm nào như là một sự động viên tích cực để trên đường tu của Đại Đức không lui sụt thoái tâm. Như vậy tác dụng của chỉ một lời nói vẫn còn kéo dài mãi về sau, nghĩ cũng thấm tương chao thật đấy chứ. Cũng như việc âm thầm ra đi của tôi trong đêm vắng chẳng phải việc dở mà đó chính là điều hay, giúp tôi nung nấu chí nguyện thêm kiên cường trên con đường

tu tập, cũng như trên bước đường hoằng pháp lợi sanh. Miệt mài, tinh cần hy sinh tài năng sức lực, kể cả trí tuệ để xây dựng và phát huy Phật Pháp.

Hai mái đầu tròn xuất gia cùng độ tuổi 15 ngày nay một người tròn tròn vào hàng giáo phẩm lão tăng; còn một người trong trung gian Hòa Thượng. Tuy cả hai vị đều ở vai vị Phương Trượng của tự viện Pháp Bảo – tu viện Đa Bảo (Úc châu) và Phương Trượng chùa Viên Giác – tu viện Viên Đức (Đức quốc). Và là trưởng tử của Đức Như Lai và xuất gia từ thuở đồng chơn rất đáng trân trọng.

Tôn thờ cùng lý tưởng: Chúng tôi biết đạo rất sớm, lúc tuổi còn nhỏ đã theo mẹ đi chùa; lớn lên một tí lại thích sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, là một đoàn sinh năng nổ với GDPT Hà Linh ở chùa Hà Linh trong làng. Biết đạo sớm, nhưng hiểu đạo chẳng được bao nhiêu, tôi rất hăng say hoạt động với ngành thiếu và oanh vũ nam trong 5 năm (1952-1957), nhờ đó mà học được nhiều điều hay đẹp, nhất là học kinh nghiệm cầm đội, cầm đoàn, điều khiển họp, tổ chức, Phật pháp căn bản v.v...

Phật giáo lúc bấy giờ ở thôn quê hãy còn sơ sài lắm, người ta tin Phật như ông thần không khác. Ngôi chùa Hà Linh không rõ do ai khai sáng, tôi chỉ biết ở chùa có ông thầy Bốn chuyên đi cúng đám, chứ không có thuyết pháp giảng kinh như các thầy sau này. Ông ở chùa như vai trò ông Từ lo nhang khói cho Phật, vì bản thân ông cũng có gia đình như mọi người đâu còn đủ thì giờ lo cho đạo được đầy đủ trọn vẹn. Người xuất gia phải cắt ái ly gia như bốn nguyện lúc ban đầu và giữ đến trọn đời mới viên thành tâm nguyện. Có những lúc sống có thầy cùng chúng bạn tu học đồng vui trong khuôn khổ, có những khi ra nước ngoài gặp gỡ, tiếp xúc rất tự do thoải mái, người thanh

niên như tôi cũng ham vui và bay bướm như bao chàng trai trẻ khác. Nhưng thật tình, tôi ý thức vai trò của mình và rất kỵ đàn bà hay nói cho ngay mình yếu đuối sợ các cô nàng háp hồn nên chẳng dám gần gũi nói chuyện lâu. Cho tới khi ra làm đạo tôi vẫn giữ cho mình một chừng mực có qui định: tiếp khách bốn đạo phái nữ không quá 5 phút là chấm dứt không dây dưa nữa. Không biết đây có phải là chủ trương hay không mà tôi bị thiên hạ gán cho là ông thầy khó tánh. Cũng như sư đệ, chúng tôi nguyện giữ trọn đời sống thiểu dục tri túc, nấu sòng đạm bạc, ngày hai bữa tương rau thanh đạm, không cà phê, thuốc lá, không xài phí ăn mặc tốn kém của tín chủ đàn na. Cùng tôn thờ một đấng cha lành là đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni Phật, tu tập và thực hành giáo pháp giải thoát của Ngài, ngày hai buổi chúng tôi có 6 thời hành trì: thiền tọa, công phu sáng, ngọ trai quả đường, kinh hành niệm Phật, công phu chiều, tọa thiền buổi tối. Lấy hoằng pháp làm sự nghiệp, song công việc của chúng tôi có phần chuyên biệt một tí: phiên dịch, sáng tác, bình giải; nên phải cần đòi hỏi ở sự kiên trì bền chí mới thực hiện được. Tôi làm việc như quên cả giờ giấc, có khi ngồi suốt 3 giờ liền không đứng lên; và có lúc không để ý tới giờ thọ trai chi cả. Được thế, một phần do sức khỏe tốt, phần khác cũng quan trọng không kém là con mắt còn tinh anh nên khỏi dùng tới mắt kiếng; cũng thêm thuận duyên cho công việc. Thầy Như Điền còn nhanh nhẹn dẻo dai hơn tôi, thầy làm việc mỗi ngày 6, 7 tiếng đồng hồ ngày nào cũng vậy. Hễ ngồi xuống viết bài, dịch kinh thầy viết luôn một mạch từ 12 đến 15 trang giấy viết tay khổ A4 chữ nhỏ. Một cuốn sách dày độ 300 trang chỉ cần 6 tuần lễ là thầy ấy viết hay dịch xong không bị trở ngại khó khăn. Đó cũng phải nói nhờ nhân duyên đặc biệt nữa, vì có nhiều người kiến thức rất rộng, nhưng viết bài không được do tánh không chịu đựng dẻo dai ngồi lâu được. Cho nên khi đọc bài, sách, báo tôi thường để tâm cảm ơn tác giả đã bỏ tâm huyết vào đó cho ta có ý tưởng hay câu chuyện hấp dẫn làm thích thú người đọc.

Cùng môn phái Chúc Thánh: Một nhân duyên khác rất thuận lợi là chúng tôi chọn thầy bốn sư đều cùng trong pháp hệ thiền phái Chúc Thánh – Hội An do tổ sư Minh Hải Pháp Bảo khai sáng vào cuối thế kỷ thứ mười bảy.

Tổ Minh Hải biệt xuất bài kệ truyền pháp:

Minh thiết pháp toàn chương
 Ân chơn như thị đồng
 Chúc thánh thọ thiên cữu
 Kỳ quốc tộ địa trường
 Đắc chánh luật vi tông
 Tổ đạo giải hạnh thông
 Giác hoa Bồ đề thọ
 Sung mãn nhơn thiên trung.

Tôi thọ pháp với Hòa Thượng Thị Năng – Trí Hữu hiệu Hương Sơn trụ trì tổ đình Linh Ứng – Non Nước – Ngũ Hành Sơn thuộc đời thứ 9 tính từ chữ “Minh” theo bài kệ. Thầy cho tôi pháp danh là Đồng An, tự Bảo Lạc, hiệu Thanh Nghiệp, thế hệ thứ 10, đời thứ 43 tính theo mạch nguồn truyền pháp. Tổ Minh Hải đời thứ 34, sau chữ Minh tới Thiết, Pháp, Toàn, Chương, Ân, Chơn, Như, Thị, Đồng là 9 đời truyền pháp từ tổ Khai Sơn. Thầy Như Điển xuất gia với Thượng Tọa Long Trí (pháp hiệu) – Chơn Ngọc – Đạo Bảo; pháp danh là Như Điển, pháp tự Giải Minh, pháp hiệu Trí Tâm. Thầy Long Trí thế hệ thứ 7 tính từ chữ “Minh”, và đời thứ 40 theo kệ truyền pháp. Thầy Như Điển lớp hậu sanh mà đi trước sư huynh tới 2 đời, thuộc thế hệ thứ 8 và đời thứ 41. Ở đây tưởng cần nói thêm cho rõ một chút về mạch truyền thừa theo dòng kệ. Môn phái Chúc Thánh truyền theo hai nhánh: nhánh Hội An và nhánh Non Nước. Nhánh Non Nước do các Ngài Ân Bồn – Tổ Nguyên – Vĩnh Gia (1840 – 1918) trụ trì đời thứ 6 chùa Phước Lâm, Hội An. Năm Quý Mùi 1883 Ngài được triều đình sắc phong trụ trì

quốc tự Linh Ứng – Ngũ Hành Sơn và trụ trì tổ đình Phước Lâm từ năm 1887 (Đình Hội). Ngài là đệ tử Ngài Chương Tư – Tuyên Văn – Huệ Quang (– 1873), năm Tân Dậu (1861) Ngài được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm trụ trì chùa Linh Ứng; năm Nhâm Tuất (1862) niên hiệu Tự Đức 15, Ngài lại được triều đình cải bổ trụ trì quốc tự Tam Thai. Do công hạnh tu trì và đạo phong cao hiển của chư Tổ môn phái Chúc Thánh, nhánh Non Nước truyền nhanh hơn. Trong khi nhánh Hội An thuộc tổ đình Phước Lâm, do các Ngài Pháp Ấn – Tường Quang – Quảng Độ (1739 – 1881) trụ trì đời thứ hai; Ngài Pháp Kim – Luật Oai – Minh Giác (1747 – 1830) trụ trì đời thứ ba; Ngài Toàn Nhâm – Vi Ý – Quán Thông (1798 – 1883) trụ trì đời thứ tư; và Ngài Ấn Bồn như đã nêu dẫn trụ trì đời thứ 6 từ năm 1887 đến khi viên tịch (1918). Ngài là bậc đạo cao đức trọng, không những được tăng, tín đồ kính trọng mà cả triều thần, vua chúa đều đem lòng mến phục như qua 2 lần sắc phong trụ trì 2 ngôi quốc tự Tam Thai – Linh Ứng đủ chứng minh công hạnh hồng pháp của Ngài. Nhờ ân đức chư tổ mà trải qua các thế hệ kế thừa pháp phái Chúc Thánh quốc nội, hải ngoại đã và đang cống hiến cho nền Phật giáo một danh lục qua các nhân vật nổi bật hay danh tăng đặc biệt trong lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện đại như các Ngài Thiện Hoa, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, Hòa Thượng Thích Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Hành Trụ, Hòa Thượng Thích Thanh Từ v.v...

- Hòa Thượng Thích Thiện Hoa (1918 – 1973), viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN từ năm 1966 – 1973 là đệ tử của Hòa Thượng Thích Khánh Anh; được bổn sư cho pháp danh là Hoàn Tuyên nhằm ý rằng hoàn thành chí nguyện tuyên dương giáo pháp Phật đà. Thật vậy, Ngài cùng quý Hòa Thượng Trí Tịnh, Thiện Hòa, Trí Hữu, Bửu Huệ, Thiên Tâm... là những nhân vật hàng đầu trong phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam – Việt Nam. Công đức cao dày của Ngài qua bộ sách

quý “Phật học phổ thông” như kim chỉ nam cho hàng xuất gia cũng như Phật tử tại gia qua nhiều thế hệ.

- Hòa Thượng Thích Khánh Anh (1895 – 1961) pháp danh là Chơn Húy, thế hệ thứ 7, đời thứ 40 Lâm Tế Chúc Thánh. Năm 1935, Ngài cùng với quý Hòa Thượng Khánh Hòa, Huệ Quang, Pháp Hải... mở Phật học đường Lương Xuyên tại Trà Vinh để đào tạo tăng tài; Ngài còn viết bài cổ động phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam tiến kịp đả các nước Phật giáo như Trung Hoa, Nhật Bản. Ngài được đại hội Tăng già Nam Việt suy tôn lên ngôi Pháp chủ năm 1955 tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn) để lãnh đạo Phật giáo miền Nam. Năm 1959, đại hội Phật giáo tăng già toàn quốc suy tôn Ngài vào ngôi vị Thượng Thủ để lãnh đạo Phật giáo Việt Nam.

- Bồ tát Thích Quảng Đức (1897 – 1963), pháp danh là Thị Thủy, tự Hành Pháp, hiệu Quảng Đức thuộc Lâm Tế Chúc Thánh thế hệ thứ 9, đời thứ 42 theo dòng kệ truyền pháp của tổ sư Minh Hải. Là đệ tử của tổ Hoằng Thâm, ngay từ lúc thọ tỳ kheo giới, Ngài đã phát nguyện nhập thất ẩn tu; sống theo hạnh trì bình khất thực như một hành giả tu hạnh đầu đà (khổ hạnh). Năm 1963, Ngài phát nguyện tự thiêu để cúng dường Phật pháp, bảo vệ tự do tôn giáo tại Việt Nam được trường tồn, theo lời nguyện tâm huyết.

“Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quán Thế Âm – Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo”.

Mặc dù Phật giáo lúc bấy giờ bị chế độ gia đình trị nhà Ngô đàn áp khốc liệt, nhưng với tâm hạnh Bồ tát xem không kể oán – người thân, qua 4 điều nguyện trong đó, điều thứ nhất Ngài cầu:

“Mong ơn Phật tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở”.

Danh hiệu Bồ Tát đã được GHPGVNTN suy tôn sau cuộc tự thiêu hùng tráng còn lưu lại quả tim bất diệt của Ngài để hậu thế học hỏi, noi gương cao cả sáng chói.

- Hòa Thượng Thích Hành Trụ (1904 – 1984) pháp danh Thị An, pháp tự Hành Trụ, pháp tự Phước Bình, thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42. Vốn có ý chí cầu học, ham tu từ hồi còn nhỏ, xuất gia năm 12 tuổi, miệt mài trau dồi kinh luật nội điển và Việt văn tại các trường hạ như chùa Thiên Phước (Thủ Đức), Bát Nhã (Phú Yên), Lương Xuyên (Trà Vinh). Ngài là giáo thọ về kinh, luật nổi tiếng tại các chùa Lương Xuyên, Long Phước, Viên Giác (Vĩnh Long), Hội Phước (Sa Đéc). Ngài thành lập chùa Tăng Già (1946) tại quận Tư Saigon mà nay đổi thành chùa Kim Liên. Năm 1947 Ngài cùng với hai sư đệ lập chùa Giác Nguyên, Q.4; năm 1963 Ngài mở Phật học đường Chánh Giác (Gia Định). Năm 1971, Ngài là Phó Chủ Tịch Hội Đồng Giám Luật viện Tông Thống (GHPGVNTN); từ năm 1977 – 1981, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngài là bậc long tượng trong thời kỳ mạt pháp, là cổ đại thọ che rợp bóng mát cho hàng đệ tử xuất gia và Phật tử tại gia nương tựa tu học cầu giải thoát

sanh tử luân hồi. Ngài còn lưu lại cho đời hàng chục tác phẩm về Phật giáo và giới luật rất có giá trị như: Sa Di luật giải, Tứ phần giới bản như thích, kinh Vị tăng hữu thuyết nhân duyên, Tỳ kheo giới kinh.

- Hòa Thượng Thích Thanh Từ sanh năm Giáp Tý (1924) đến nay (2012) gần 90 tuổi, tuy vài năm trở lại đây sức khỏe có phần suy giảm, nhưng tinh thần vẫn minh mẫn như thường. Ngài là đệ tử của Hòa Thượng Thiện Hoa chùa Phật Quang – Trà Ôn, pháp danh là Thanh Từ thuộc thế hệ thứ 9, phái Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 42.

Ngài khôi phục và làm sống lại dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam, thiết lập nhiều đạo tràng như Thiền viện Chơn Không, Thường Chiếu, Viên Chiếu (Vũng Tàu), Thiền Viện Trúc Lâm (Lâm Đồng – Đà Lạt), Thiền viện Trí Đức (Bà Rịa – Vũng Tàu)... đào tạo hàng ngàn tăng ni nay đã đủ sức ra làm Phật sự như Hòa Thượng Thích Nhật Quang (VN), Hòa Thượng Thích Thông Hải (Hoa Kỳ) v.v...

Từ thập niên 1960 đến thập niên 2010, Hòa Thượng giáo dưỡng hàng chục lớp tăng ni đã ra hoằng pháp, trụ trì, giáo thọ v.v... khắp mọi miền đất nước Việt Nam và hải ngoại. Sự nghiệp sáng giá của Hòa Thượng còn lưu lại với đời không phải những ngôi thiền viện bề thế mà là công hạnh giáo hóa, dịch thuật, trước tác có một chỗ đứng nhất định trong văn học, nghệ thuật Phật giáo Việt Nam hiện đại nói chung và thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh nói riêng.

Sau hơn 300 năm từ 1700 đến nay sự truyền thừa của dòng thiền Lâm Tế pháp phái Chúc Thánh do tổ sư Minh Hải – Pháp Bảo khai sáng, các thế hệ kế thừa đã thực hiện những Phật sự nổi bật quan trọng hàng đầu như: lập phổ hệ truyền thừa theo hệ thống từ Phật tổ Thích Ca đến 33 vị tổ sư Ấn – Hoa qua đến

Việt Nam. Năm 2006, công cuộc đại trùng tu Tổ Đình Chúc Thánh đã thực hiện và hoàn tất sau 2 năm xây dựng công trình. Đại lễ Khánh thành được tổ chức trọng thể vào các ngày tháng 3 năm 2009, nhân lễ vía Bồ Tát Quan Âm 19 tháng 2 âm lịch, hàng ngàn tăng ni và Phật tử trong toàn quốc và hải ngoại tham dự. Các pháp lữ đồng môn vận động thành lập môn phái Chúc Thánh hải ngoại từ năm 2004 đến nay, mỗi năm ngày giỗ Tổ được tổ chức nơi một chùa thuộc hệ phái trong toàn nước Úc. Tác phẩm biên tập lịch sử thiền phái Chúc Thánh do Đại Đức Như Tịnh ra công sức thực hiện đáng được tán dương công đức, rất xứng đáng hàng đồ tôn nơi chốn Tổ, làm tỏ rạng ngọn đèn thiền mỗi ngày càng thêm quang huy hơn nữa.

Thêm một điều kỳ lạ đến độ khó hiểu là tôi dù đàn anh, nhưng lúc nào cũng đi sau như việc trong môn phái đã nói trên. Nay bước sang việc xuất ngoại du học kẻ thiếu phước này cũng lại let đệt đi sau thầy em đến những hai năm, quý vị nghĩ thử có nghịch lý lắm không?

- Xuất ngoại du học:

Thời Việt Nam Cộng Hòa, một tăng sinh được du học nước ngoài là cả một sự vinh hạnh cho thầy tổ, môn phái, gia đình và bằng hữu. Có một số những điều kiện mà đa số tăng ni Việt Nam lúc bấy giờ không hội đủ như khả năng tài chánh, người bảo trợ, nơi ăn chỗ ở, trường sở nơi đến, ngoại ngữ... như những rào cản chắn lối khó thông, đối với một xứ nghèo như nước ta. Thế nhưng, thành phần sanh ra từ gốc rạ như chúng tôi lại hồ hởi được ra ngoại quốc du học, hẳn phải hội đủ nhân duyên gì kỳ lạ mới đạt đến được. Bây giờ ngồi nghĩ lại cũng khó mà phanh ra manh mối chính xác được. Tưởng cần đi tắt ngang lý lịch cho tiện, nếu đi vào các chi tiết tỉ mỉ chắc phải cần độ vài chục bao gạo sọc xanh nữa dò tìm mới đủ yếu tố thời gian kê khai đủ như thầy thuốc kê toa cho bệnh nhân bình phục.



Chư huynh đệ tiễn đưa đi du học Nhật

Hồi năm 1972, thầy Như Điền sang Nhật du học, sau khi đậu Tú Tài phần hai xong, riêng tôi được xem như là một biến cố trọng đại đối với gia đình, một phần vì hãnh diện được làm anh của một tân khoa made in Japan – nhãn hiệu cầu chứng Nhật Bản đang hoàng – không phải giả mạo; một phần khác cũng thấy tự hào rằng dòng họ Lê cũng đã có người đăng vị học sĩ. Thú thật, trong thâm tâm tôi rất háo hức muốn bay bổng, nhưng vẫn an nhẩn trong tích cực luyện chương để chờ xem thử thời vận đang thi thố tài năng cho thỏa chí hướng đời vân thủy đi mây về gió của kiếp tăng sinh! Có lẽ lòng thành đã được Phật Thánh cảm ứng, tôi đầu tư thì giờ vào việc học, để dành tiền bạc, theo dõi tin tức bạn bè, bạn bè ở Nhật để mong một ngày kia được nhẹ bước ra đi. Thế rồi, đầu năm 1974 sau hai năm du

học Đại Đức Như Điển về thăm xứ sở và dẫn theo vài người bạn Nhật. Khả năng Nhật ngữ của thầy ấy lúc đó nói khá trôi chảy. Họ đi tới đâu, nhất là các du học sinh về nước thăm thú, đều được bộ quốc gia giáo dục ưu đãi nhiều khía cạnh mà một học sinh ở nhà không hưởng được quy chế ưu tiên đó. Lúc đó tôi vừa đi dạy học, vừa học đại học Văn khoa niên khóa 74 – 75. Chỗ dạy khá ổn, đồng lương cũng tương đối, bằng lương Đại Úy mỗi tháng 30,000 đồng VN. Nhưng cái đích của tôi nhắm tới nó ở đâu xa lắc xa lơ đến tận bên bờ Thái Bình Dương của Tokyo – Đông Kinh hay xứ hoa anh đào thơ mộng kia. Lại thêm một lần suy nghĩ, tại sao mình lại không được đối xử tử tế như mấy anh, mấy cô sinh viên du học ngoại quốc kia. Từ đó tôi mới có ý định lo thủ tục xuất ngoại du học và điếm đến không nơi nào khác hơn là Nhật Bản. Mọi thủ tục hoàn tất, tôi lên đường sang Tokyo vào tháng 12 năm 1974 sau bao nhiêu lo lắng đợi chờ. Được đi du học là một cái thú rồi, giờ đây lại có những mối lo khác: học hành, thi cử, ngôn ngữ, việc chuyển ngân, nơi ăn chốn ở, trường sở, phong tục, tập quán, sự tu tập... nhưng rồi một thời gian sau cũng hội nhập được.

- Sinh hoạt với Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại

Nhật Bản: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với cơ cấu tổ chức theo hệ thống dọc từ Trung Ương đến địa phương: Tỉnh, Quận, xã, phường, khuôn hội... qui định phạm vi hoạt động trong nước và hải ngoại. Riêng tại hải ngoại Giáo hội cho thành lập các Chi Bộ Phật Giáo. Chi Bộ đầu tiên tại Pháp do thiền sư Nhất Hạnh lãnh đạo thành lập từ năm 1966, sau vài năm đổi thành Phái Đoàn Vận Động Hòa Bình PGVNTN, và tiếp theo là Chi Bộ PGVN tại Nhật Bản. Chi Bộ PGVNTN thành lập tại Nhật năm 1971, sau khi phái đoàn GHPGVNTN do Hòa Thượng Thích Huyền Quang trưởng đoàn, đại diện

Viện Hóa Đạo tham dự đại hội các tôn giáo thế giới vì hòa bình tại Tokyo – Nhật Bản năm 1971.



Các thân hữu và học trò tiễn đưa tại Tân Sơn Nhất năm 1974

Thành phần nhân sự Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản nhiệm kỳ 1971 – 1973 gồm thầy Thích Minh Tâm: Chi Bộ Trưởng, Thích Chơn Thành: Chi Bộ Phó, Thích Nguyên Đạt, Thích Như Điển... với cơ quan ngôn luận là tờ đặc san Khuông Việt, ấn bản định kỳ mỗi năm 3 số: số Xuân, Phật Đản, Vu Lan. Số trang và số lượng in có giới hạn, vì có liên quan tới 3 vấn đề chính là tài chánh, nhân sự và bài vở đóng góp. Dù vậy các thầy vẫn cố gắng duy trì để đăng tải các tin tức sinh hoạt Phật sự của Chi Bộ, nhất là phong trào vận động lạc quyên giúp đỡ nạn nhân chiến tranh; tái thiết xứ sở sau khi hòa bình vẫn hồi. Nhờ tờ báo Khuông Việt mà cộng đồng người Việt, nhất là

Phật tử ở khắp các nơi trên thế giới đều biết tại Nhật có một tổ chức của GHPGVNTN, hoạt động Phật sự như thế. Lúc tôi sang Nhật năm 1974, tờ Khuông Việt đã phát hành được 11 số, và tôi được đề cử trong vai Tổng Thư Ký kiêm Chủ Bút, tiếp tục đóng góp cho tờ đặc san này phát hành tới số 41.

Hòa Thượng Chơn Thành: Chi Bộ Trưởng kiêm Chủ nhiệm nhiệm kỳ 2 từ 1973 – 1975, Chi Bộ Phó Nội vụ: thầy Nguyễn Đạt, Chi Bộ Phó Ngoại vụ: thầy Như Điển. Sau này cho tới lúc quý thầy lần lượt đi định cư sang các nước khác, như thầy Minh Tâm đi Pháp năm 1973, thầy Thích Như Điển sang Tây Đức (1977), thầy Nguyễn Đạt đi Hoa Kỳ (1980). Bây giờ Chi Bộ Phật Giáo còn lại thầy Chơn Thành, tôi (Thích Bảo Lạc), thầy An Thiên, thầy Minh Tuấn, thầy Minh Tuyên. Tờ báo Khuông Việt vẫn được quý thầy tiếp tục duy trì tới số 41, cho tới khi tôi rời khỏi Nhật năm 1981 để đi định cư tại Úc. Từ năm 1981, nhân sự của Chi Bộ PGVN tại Nhật Bản hụt hẫng, chỉ còn lại hai thầy Minh Tuyên và An Thiên. Các thầy vẫn cố gắng duy trì tờ báo, nhưng không được đều đặn như trước, và dần dà đi vào trong quên lãng và giải nghiệp báo tại số 51 hay tự động đình bản mà không Thông Báo hay Thông Tư đến độc giả, nhưng ai cũng hiểu “ngiệp báo” đã mãn!

Cho đến nay sau hơn 40 năm định cư tại Nhật, duy nhất còn lại chỉ Hòa Thượng Minh Tuyên đầy kiên trì nhẫn nại đã hào hào, vận động khắp nơi thành lập được ngôi chùa lấy tên là chùa Phật Giáo Việt Nam tại Nhật Bản, tọa lạc tại Kanagawa, cách Tokyo 80km, chùa đứng cạnh dòng sông nước lặng lẽ trôi và cảnh trí thật thơ mộng, hữu tình, cũng thu hút được những du khách tham quan.

Nhìn lại giai đoạn ba, bốn thập niên qua như vẫn còn lưu lại nhiều kỷ niệm trong tâm hồn của những du học tăng một thời làm Phật sự tại xứ Phù Tang, mặc dù ngày nay mỗi người

ra đảm trách Phật sự tại nhiều quốc gia xa xôi như tại Hoa Kỳ hiện còn Hòa Thượng Chơn Thành, Hòa Thượng Chơn Minh, Hòa Thượng Trí Đức, Hòa Thượng Trí Hiền viên tịch 2 năm qua, tại Pháp còn Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Phước Toàn, tại Đức Hòa Thượng Như Điển và tại Úc có tôi. Riêng tôi và thầy Như Điển có nhiều dịp gặp lại nhau trong những Phật sự tại nhiều nơi, thật là hiếm quý trong đạo tình người con Phật. Nhắc lại ở đây, người viết muốn khơi lại những vị tăng sĩ đã có thời du học tại Nhật, sang định cư tại các xứ tự do nay đã thành lập được các đạo tràng để tuyên dương phát triển Phật pháp. Đạo tràng qui mô bề thế nhất hiện nay hẳn phải kể đến là Khánh Anh tại Paris – Pháp quốc do Hòa Thượng Thích Minh Tâm xây dựng 18 năm nay và sắp hoàn thành. Xứng đáng là một nơi hoàng pháp của Phật giáo Việt Nam tại Âu Châu. Người thành công thứ hai là Hòa Thượng Thích Như Điển với đạo tràng chùa Viên Giác thành lập trên 20 năm nay, Hòa Thượng đã thế độ cho hàng chục đệ tử xuất gia và nay đã có người thừa kế chăm lo Phật sự, cũng như quy y cho hàng ngàn Phật tử tại gia thuộc nhiều thành phần trong xã hội. Trong thời gian 6 năm trở lại đây Thầy lập thêm trung tâm Viên Đức tại miền Nam Đức (sẽ đề cập sau) cũng là một đạo tràng thuận tiện cho công tác hoàng pháp. Hòa Thượng Nguyên Đạt với trung tâm Liễu Quán và đạo tràng Bảo Tịnh (tại nam California – Hoa Kỳ) là nơi quy tụ đông đảo tín đồ hướng về tu học. Hòa Thượng Chơn Thành với đạo tràng Liên Hoa, dù không bề thế nhưng ở ngay trung tâm người Việt tị nạn vùng Garden Grove - Westminster thuộc tiểu bang California – Hoa Kỳ, nên được nhiều Phật tử lui tới lễ bái tu học. Còn Hòa Thượng Trí Hiền với trung tâm Khuông Việt – đạo tràng Pháp Quang – cũng khá rộng lớn qui tụ hàng ngàn người mỗi lần đại lễ và nhiều Phật tử về tu tập niệm Phật, tu thiền, Bát quan trai tại Taxes – Hoa Kỳ. Nhưng hóa duyên đã mãn, Hòa Thượng quảy dép về Tây tháng 10 năm 2010 thọ 74 tuổi, để lại nhiều quý tiếc cho tăng tín đồ

Phật giáo hải ngoại. Cá nhân tôi (Bảo Lạc) cũng góp chút đỉnh vào ngôi nhà của Như Lai qua đạo tràng Pháp Bảo, thành lập vừa đúng 30 năm (1982 – 2012) tại thành phố Sydney, qui tụ khá đông đảo tín đồ tu tập Bát quan trai, huân tu niệm Phật, khóa tu Gieo Duyên cuối năm là những Phật sự hàng đầu đã và đang duy trì trong 3 thập niên liên tục. Ngoài ra, tôi cũng lập thêm tu viện Đa Bảo vào năm 2000, làm nơi tĩnh tu và còn là đạo tràng tu tập cho hàng Phật tử ham tu tập về đây trường dưỡng đạo tâm trong những ngày cuối tuần hay dịp lễ cuối năm.

Thật đúng là nhân duyên do Phật bồ xứ, chứ chính tôi vào năm 1980 lúc đó đang ở Tokyo cũng lúng túng trong sự chọn lựa không biết nên đi về đâu. Giữa 3 nước Hoa Kỳ,



Trước giờ từ giã mọi người thân thương lên đường du học Nhật

Canada và Úc Đại Lợi. Phải thành thật mà nói, tôi cảm ơn bào đệ rất nhiều, nhờ thầy Như Điển đã đến nhiều nơi và có nhận xét khá chính xác để giúp tôi chọn lựa. Chọn đúng nơi lý tưởng – xứ sở hiền hòa Úc Châu hiếu khách – tôi đặt địa bàn hoạt động từ khi vừa đến cho tới nay trong vai trò sứ giả hồng pháp. Nhìn chung các thầy du học Nhật Bản năm nào, nay đã có cơ ngơi nhất định, đó là hoa trái có được của bao năm kiên trì nhẫn nhục mà được thành tựu như ngày hôm nay. Xin thành tâm niệm ân Phật – chư Tổ - các bậc thánh chúng mật thù gia hộ; ân sư trưởng, đàn na thí chủ, bằng hữu... hỗ trợ mọi mặt cho những sinh viên tăng như chúng tôi được thành đạt và tích cực góp phần phát huy Phật pháp sâu rộng hơn nữa tại các xứ sở tự do ở phương tây.

- Không xem nhẹ giờ tu tập hay công phu không bỏ:

Do suy nghĩ việc tu tập cũng như món ăn hằng ngày không thể thiếu được, chúng tôi luôn luôn khắc phục những chướng duyên, tập khí trong sự hành trì miên mật hai thời công phu mỗi ngày. Như tôi đã có dịp bày tỏ: “Có lần buổi sáng thức dậy cảm thấy uể oải trong mình định nghỉ công phu khuya. Ngồi suy nghĩ: nếu không đi tu giờ này ở ngoài đời ta đang làm gì? Có phải ai cũng tắt bật vùng dậy hối hả lái xe đi làm không? Mục đích làm việc để kiếm tiền phục vụ cho cái bao tử. Còn ở chùa không lo đời sống thể chất, phải lo đời sống tâm linh chứ? Tại sao không chịu phấn chấn tâm hồn tinh tấn hơn lên để thân tâm bạc nhược? Thế là tôi vội khoát y lên người vào chánh điện tụng kinh sáng. Tinh thần tích cực này nung đúc tôi có thêm nghị lực niềm tin nơi Tam Bảo. Vạn nhất khi nào bệnh nặng không ngồi dậy nổi mới bỏ thời khóa công phu; thường thì tôi vẫn lên chùa đều đặn hầu như ít khi bỏ. Đây không gì khác cũng chỉ do thói quen mà thôi”.

Xin nêu dẫn thêm gương tu tập khác của thầy Tulku Thondrup, người Tây Tạng, viết nơi lời tựa sách “Peaceful death and joyful rebirth” như sau:

“Là một Phật tử, tôi được dạy là phải học và tu tập để phát triển phẩm chất của đời sống... Tôi đã trải qua thời thơ ấu tuyệt vời ở tu viện Dodrupchen thuộc miền đông Tây Tạng... Là một trong những địa điểm dân cư thưa thớt nhất thế giới, tu viện của chúng tôi nằm trong một thung lũng sâu giữa những rặng núi cao hùng vĩ. Với tâm trí của một đứa trẻ, tôi đã nghĩ rằng tu viện của mình là nơi an lạc vĩnh cửu. Tôi đã tin rằng không có một sức mạnh nào có thể đụng chạm vào sự hiện hữu thiêng liêng của tu viện này. Nhưng tôi đã lầm, bởi vì sức mạnh tham lam chính trị đã biến đổi đời sống yên tĩnh của chúng tôi... Sau những năm tháng nỗ lực, tôi đã tự điều chỉnh để thích ứng với nền văn hóa đa dạng và những giá trị của thế giới mới”. Nói như thế, có nghĩa nhờ tu tập hành trì miên mật mà có sự nhẫn nại quyết tâm vươn lên và đi tới như ta đã thấy nơi vị đại sư này đang dạy tại đại học Harvard – Hoa Kỳ, ngài thuộc phái Phật giáo Nyingma (phái Cổ Mật do đại sư Liên Hoa Sanh – Padmasambhava – Tổ khai sáng người Ấn Độ). Cho nên, tôi chủ trương tu cho mình, vì tự nghĩ “ai tu nấy chứng”; ngoài ra còn sắp đặt thì giờ cho đại chúng cùng tu chung tại đạo tràng tự viện Pháp Bảo – Sydney nữa. Tu chung bằng cách thọ trì những bộ kinh Đại thừa như Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, kinh Kim Cang Bát Nhã v.v... Các loại sám văn như: Lương Hoàng Sám, Từ Bi Thủy Sám... thường được chùa tổ chức cho Phật tử thực hành để hiểu sâu lời Phật dạy. Bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa chúng tôi hành trì từ trên 30 năm nay, cứ vào dịp năm mới ngày Mồng Một Tết khai kinh Pháp Hoa và đại chúng trì tụng trong một tuần lễ chấm dứt. Tinh thần hành trì này đang tiếp tục và sẽ duy trì lâu dài về sau này. Riêng chùa Viên Giác tại Hannover –

Đức quốc, Hòa Thượng Như Điển còn chủ trương lay kinh Pháp Hoa, mỗi chữ một lay và kéo dài đến 3 năm mới chấm dứt. Tiếp theo chúng tu học chùa Viên Giác lay bộ kinh Đại Bát Niết Bàn cũng mỗi chữ một lay và dường như tới nay đã lay gần xong cuốn hai trọn bộ, kéo dài đến 5, 6 năm. Đây quả là một sự nhẫn nại kiên trì mà người chủ xưởng phải hạ quyết tâm mới thực hiện được. Quan niệm lay Phật để làm tiêu trừ nghiệp chướng thì đây quả là phương pháp tu tập hành trì hiệu quả, nhờ bạt những vướng mắc ràng buộc vô tình hay cố ý đối với hành giả theo con đường Bồ tát hạnh.



Cổng tam quan Tổng Trì Tự, Tokyo

- **Dịch kinh, viết sách:** Có lẽ nhờ ảnh hưởng của cụ thân sinh, là một túc nho, huynh đệ chúng tôi đã nghe, biết lỏm

bỏ tiếng Hán hồi còn nhỏ. Lớn lên một chút độ tuổi thiếu niên tôi đã vào chùa nghiên ngẫm chữ Hán, học theo lối cổ điển – đọc nhuần mật chữ và thuộc lòng – dù không hiểu vẫn cứ phải ráng nuốt trôi. Có khi nuốt không trôi cố cứ ngất ngưỡng kiêu gà nút dây thun vẫn phải chịu, không được thua cuộc đầu hàng.

Người ham sách báo phải nói do đam mê và sở thích mới đủ sức kiên trì nhẫn nại. Viết một bài văn, dịch một cuốn sách phải miệt mài ngồi làm việc nhiều giờ mới nên được; người làm công tác này không thể cứ đứng lên ngồi xuống mãi làm sao tập trung tâm ý tạo thành câu cho suông sẽ súc tích được. Tôi có được cái đam mê đó và sở thích đọc sách như một món ăn tinh thần không thể thiếu được. Đi đâu xa, bạn bè tặng quà thức ăn tôi không nhận, nhưng tặng sách thì hoan hỷ tiếp liền, nên có nhiều người biết ý đã tặng tôi rất nhiều sách. Thư phòng tôi ở sách chất từ khắp nơi không chừa một chỗ, kể cả chất luôn dưới đất. Có ai bước vô thấy quả và lo hỏi: thầy không sợ sách sập đè sao? Tôi cười trả lời: chết dưới đồng sách đâu có dễ, vì tôi là một sách mà, đâu có sợ gì! Những tác phẩm, dịch phẩm của tôi trong hơn 30 năm nay đã được trên 40 đầu. Nếu liệt nêu ra chừng ấy tên đầu sách cũng làm cho người đọc ngán đọc rồi, và không khéo thành ra quá đề cao việc làm của mình rồi đâm ra ngã mạn là việc mà tôi không muốn. Có người hỏi: Thầy lấy đâu ra thì giờ mà viết được sách, dịch được kinh? Vì tôi có chủ trương hẩn hoi đặt ra cho mình phải theo để không ỷ lại và trễ nãi mà nay như trở thành quy luật là mỗi năm ít nhất phải hoàn tất một tác phẩm. Nếu không, là không xứng đáng làm thầy lãnh đạo tinh thần của Phật tử. Điều này giúp cho tôi rất nhiều trong công việc trì chí viết sách hay dịch kinh trong sự an tịnh thoải mái mà không có bất cứ sự quấy rầy nào làm phân tâm. Về phần thầy Như Điển khả năng sáng tác, dịch thuật còn khỏe hơn tôi nhiều. Thầy thực hiện được tới nay trên 60 cuốn thuộc nhiều loại nghiên cứu khác nhau. Trong số đó tôi ưng ý qua các

cuốn dịch: Tịnh Độ Tông Nhật Bản, Nhật Liên Tông, Lâm Tế Tông, Tào Động Tông, Chơn Ngôn Tông Nhật Bản. Vì sách tiếng Nhật ít có người rành, nhưng 5 tông phái chính ấy của Phật giáo Nhật Bản lại rất gần gũi với Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo Việt Nam, nên giúp các học giả chuyên ngành về Phật giáo bộ phái Nhật biết rõ hơn trong việc nghiên cứu rất tiện lợi. Thầy Như Điền còn có khả năng phóng tác, hai tiểu thuyết mang chủ đề Giai Nhân và Hòa Thượng và Chuyện Tình Hòa Thượng Liên Hoa cũng đã làm cho người đọc say sưa theo dõi. Qua nhiều tình tiết gay cấn, hồi hộp và rời nhà tu chân chánh (Hòa Thượng Liên Hoa) nổi lửa tam muội tự thiêu thân, gây sự xúc động bồi hồi. Về phần tôi không viết được tiểu thuyết, nhưng có năng khiếu thi ca, đã xuất bản hai thi tập: Cho cây rừng còn xanh lá, Trầm hương; cũng dự định ấn hành thi tập: Tâm vật tố nguyên công hiến độc giả một ngày gần đây. Đặc biệt, tôi lấy nhiều bút hiệu: Sông Thu, Giai Không. Còn thầy Như Điền hầu như mãi trung thành với cái pháp danh của sư phụ Long Trí cho hồi mới xuất gia theo giòng kệ của Tổ Minh Hải Pháp Bảo, là Như Điền, ý mong điển hình như thế, khuôn mẫu rõ ràng, y như khuôn khổ... không hề lệch sai. Đó cũng là điều hay giúp nhiều người thêm niềm tin nơi Tam Bảo. Những tác phẩm là những bức họa, bức chân dung của tác giả hình thành. Tác phẩm nghệ thuật qua những đường nét tinh vi do nhà nghệ sĩ công hiến. Như tôi đã viết trong lời tựa cuốn “Thoáng quỳên ân từ”, ấn hành năm 2010 như sau:

“Tùy theo cái nhìn và độ cảm của người thưởng lãm mà bức tranh có giá hay không. Như con tắm nhã tợ, cứ việc nhã tợ dệt thành chiếc kén, còn vẽ đẹp là do con người định. Con tắm hay cái kén không nói lên được gì cũng như trời đất bao la, vũ trụ vô tình. Nói vô tình mà kỳ thật hữu tình. Hữu tình mới nên thơ giàu nhạc tính. Nhạc tính phong phú hữu tình mới dễ dàng thu hút được con người.”

Còn sách dịch là chuyển tải đúng nguyên văn sang một thứ tiếng khác, cốt sao giữ cho hai bản trước và sau tương đương nhau về nghĩa và cách diễn tả, cho nên có thể nói dịch là phản ảnh lại đúng như những gì nguyên tác đã có để đưa độc giả tới chỗ say sưa thích thú. Thành thử, công việc sáng tác dù sao cũng dễ hơn dịch thuật gấp nhiều lần. Vào những năm sau này, chúng tôi chuyển dịch kinh trong bộ Đại Chánh Tân Tu từ chữ Hán, và năm 2013 có ấn bản dịch Tiếng Anh về Thiên Chánh Niệm. Còn thầy Như Điển dịch từ tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Anh sang tiếng Việt các sách chuyên đề Phật giáo.

Công cuộc hoằng pháp ngoài việc diễn giảng, dịch thuật, sáng tác cũng quan trọng không kém, nên chúng tôi đang cố gắng trong khả năng của mình để cống hiến món ăn tinh thần không thể thiếu đối với những ai quan tâm tới tiền đồ Phật giáo nói chung trong thời hiện đại. Ngoài công việc văn hóa nghệ thuật, chúng tôi còn lập cơ sở để hoằng pháp, qui tụ nhiều người về một đạo tràng.

- Lập 2 Trung Tâm Tu Học: Cơ sở là nền tảng vững chắc làm địa bàn hoạt động lâu dài trong công cuộc hoằng dương Phật pháp. Hồi thời Phật còn tại thế, hai đạo tràng lớn qui tụ tới cả ngàn chư tăng là Trúc Lâm tịnh xá và Kỳ Viên (Kỳ Hoàn) tịnh xá ở trung Ấn Độ mà ngày nay danh hiệu vẫn còn lưu truyền qua sử sách.

Tự viện Pháp Bảo là ngôi chùa Việt Nam đầu tiên xây dựng tại Sydney với diện tích 5000m². Đất do Bộ Gia Cư (Department of Housing Commission) hiến tặng với điều kiện cho thuê tượng trưng mỗi năm là \$1 Úc kim. Chùa khởi sự xây cất năm 1984 và khánh thành đợt I vào dịp đại lễ Phật Đản tháng 5 năm 1985 – Phật lịch 2528. Những phần còn lại như thư viện, hồ sen, vườn cảnh, thiền đường, chùa một cột... xây

hoàn tất và lễ khánh thành hoàn nguyện năm 1998 với hàng ngàn quan khách Úc – Việt, Phật tử và tăng ni các sắc tộc tham dự. Từ ngày ngôi chùa xây xong, những khóa lễ thường nhật công phu, sám hối, các khóa tu Bát quan trai, huân tu Tịnh Độ, nơi tu niệm cho tăng ni, khóa tu gieo duyên hàng năm cũng được mở ra từ đó đến nay đã được 15 năm. Đại hội thành lập GHPGVNTN hải ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan vào năm 1999 cũng tổ chức tại chùa Pháp Bảo. Các lễ quy y, lễ hằng thuận, lễ tưởng niệm các bậc danh tăng quá vãng, cầu siêu, cầu an, những tiệc chay gây quỹ v.v... đều diễn ra tại chùa. Chùa còn là nơi đào tạo, giáo dục lớp thanh thiếu niên Gia Đình Phật Tử để trở thành những công dân tốt trong xã hội đa văn hóa Úc Đại Lợi; ngôi chùa cũng là nơi tổ chức lễ an cư kiết hạ cho toàn Giáo Hội năm 2006, 2009, và địa điểm hội họp của Giáo Hội. Chùa đa dạng như vậy nên thi sĩ Huyền Không đã diễn tả tóm gọn trong 2 câu thơ:

Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông

Hoặc như nhà thơ Hồ Dzếnh qua:

Quê tôi có gió bốn mùa
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm
Trăng thanh gió mát đêm rằm
Chỉ thanh đạm thế
Âm Thầm thế thôi
Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa.



***Chùa Tổng Trì - Tổng Bản Sơn – Tông Tào Động, Nhật Bản tại
Yokohama – Tokyo***

Cũng như chùa Pháp Bảo tại Sydney, Hòa Thượng Thích

Như Điện thành lập chùa Viên Giác – Hannover – Đức quốc năm 1991 để qui tụ người Việt tỵ nạn Cộng Sản lại với nhau trong những ngày đại lễ như Phật Đản, Vu Lan và Tết âm lịch. Chùa Viên Giác như là một trung tâm văn hóa cho cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Âu Châu nói chung. Vì mỗi năm 3 dịp lễ hàng chục ngàn người đến chùa tham dự từ những quốc gia khắp toàn Âu Châu. Chùa Viên Giác còn là nơi tổ chức các lớp học Phật pháp cho học sinh, sinh viên người bản xứ, những khóa thiền cho người Đức, những buổi hội thảo, mít tinh, lễ lược... của cộng đồng, ngoài vai trò chính của nó như Pháp Bảo hay bao nhiêu ngôi chùa Việt khác tại hải ngoại. Viên Giác còn là nơi tổ chức các Đại hội Tăng ni Việt Nam hải ngoại năm 1995, Đại hội Ban chấp hành Hội Đồng tăng già thế giới năm 1991; nơi đón tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 năm 1995. Cũng như chùa Pháp Bảo, chùa Viên Giác có một thư viện chứa độ 5000 cuốn sách gồm đủ các ngành triết học, văn học, Phật giáo, tâm lý, xã hội, y học v.v... Trước đây chùa Viên Giác có nhà in xuất bản sách báo hoạt động hơn 10 năm, cho tới năm 2005 nhà in mới giải nghệ, vì thiếu nhân sự điều hành, cũng như máy móc quá cũ kỹ không đáp ứng đủ nhu cầu tân tiến. Viên Giác mỗi năm in ấn hàng chục tác phẩm, kể cả tờ báo Viên Giác – tiếng nói của kiều bào và Phật tử Việt Nam tỵ nạn cộng sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, duy trì được 34 năm qua. Là cơ quan ngôn luận của Phật giáo Việt Nam lâu năm nhất, có số báo phát hành rộng khắp tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tờ báo Viên Giác như món ăn tinh thần thích hợp của người Việt tại Âu Châu, vì các quốc gia Âu Châu, trừ Pháp, không có nơi nào phát hành tuần báo, nguyệt san, kể cả nhật báo tiếng Việt như tại Úc và Hoa Kỳ. Chùa Viên Giác mỗi năm còn tổ chức hội chợ Tết 3 ngày vào dịp đón giao thừa để mọi người vui xuân, lễ chùa, hái lộc đầu năm hầu duy trì truyền thống văn hóa dân tộc. Chùa có chánh điện chứa độ 300 người tầng trên, mỗi khi có lễ hội trường đa dụng đủ sức cho 500 người tham dự ở tầng dưới;

nơi đây cũng tổ chức những buổi văn nghệ, những đại nhạc hội có ca sĩ từ nước ngoài tới trình diễn thu hút cả ngàn khán giả ưa thích. Trong thời gian hơn 10 năm trở lại đây, vì nhận thấy nhu cầu học Phật của người Phật tử gia tăng đáng kể, chúng tôi đặt kế hoạch tài chánh lập cơ sở thứ hai lấy tên là tu viện Đa Bảo (Sydney) và tu viện Viên Đức (Ravensburg – Đức). Cơ sở Đa Bảo – Sydney được tạo mãi vào năm 2000 tại Campbelltown và hoạt động hơn 10 năm, tới năm 2010, chúng tôi dời về vùng núi đồi yên tĩnh mát mẻ tại gần Blue Mountains từ tháng 4 năm 2011. Nơi đây cảnh trí nên thơ mang dáng dấp của một khu đại tông lâm Phật giáo. Nếu được chăm sóc đúng theo quy củ, là nơi đào tạo nhân sự cho Phật giáo tương lai. Trước mắt, chúng tôi dành thì giờ về đây tu tập và dịch, sáng tác trong những tháng năm còn lại cuối đời. Sư đệ cùng chí nguyện, sang Úc làm việc tại Đa Bảo như tôi mỗi năm 2 tháng và liên tục đã 9 năm rồi. Thầy ấy có ý định tới Úc đủ 10 năm làm việc trong vai trò văn hóa cho tới năm 2012 là chấm dứt. Vì từ năm 2006 thầy cũng tạo cơ sở thứ hai tại miền Nam nước Đức rộng 10,000m² có đủ phương tiện ăn ở, sinh hoạt là tu viện Viên Đức. Nơi đây hẳn là chỗ tĩnh dưỡng của thầy để tu niệm và dịch kinh, viết sách rất thích hợp cho người lớn tuổi.

Ở hai quốc độ: Đức quốc – Úc quốc dù xa xôi cách trở địa lý, nhưng chí hướng và tâm nguyện của chúng tôi đồng qui xem như gần trong gang tấc mà không có sự ngăn ngại nào cả. Chúng tôi rất cảm ơn cha mẹ đã tác tạo nên 2 con người, 2 tâm hồn trong sáng nhờ huyết thống nhiều đời của tổ tiên dòng họ tác thành, nuôi lớn cháu con được nhờ ân đức. Đồng thời nơi đây xin cảm niệm ân đức các bậc thầy đã dày công giáo dưỡng, nhất là sư phụ của con Hòa Thượng Thích Trí Hữu và sư phụ của sư đệ - Hòa Thượng Thích Long Trí, mong chúng giám cho chúng đệ tử, Bồ đề tâm bất thoái chuyển, và phát nguyện rằng:

Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng

Tình dữ vô tình, đồng viên chúng trí

Nghĩa là:

Hư không dù có chuyển di

Nguyện con muôn kiếp không hề lung lay

Nguyện cầu vạn pháp xưa nay

Hoàn thành trí nghiệp vững cây Bồ đề.

Đề thâm tạ công ơn giáo hóa của thầy, chúng con nguyện dù tan thân mất mạng, quyết phụng sự Tam Bảo đời đời kiếp kiếp không hề lãng xao, để mong báo đáp phần nào công ơn như trời biển.

Ơn giáo huấn một đời nên huệ mạng

Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền

Viết rõ những điểm như thế để mai này chúng tôi có về hầu Phật, hàng đệ tử xuất gia cũng còn có chỗ y cứ, có tài liệu khảo chứng về các bậc thầy của các vị. Chúng tôi tin chắc rằng như câu nói của người xưa: “Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh”. Hẳn được an nhiên tự tại như mây trời lãng đãng khắp trong không gian cao rộng.

Chí hướng

Chí hướng là đích để người ta đạt tới, cũng như sửa soạn cuộc hành trình xa lâu ngày; phải chuẩn bị hành trang đầy đủ không thể thiếu được. Sự thành công ở đời một phần lớn nhờ phấn đấu trong tinh cần và tinh thần hiểu biết, chia sẻ, cùng với sự quyết tâm chân thiện dũng mãnh không lui sụt mà tôi đã thể nghiệm, ngay từ hồi còn nhỏ biết khắc phục những khó khăn trong đời sống. Những khó khăn từ nhiều phía như gia đình, bản thân, học đường, hoàn cảnh v.v... nói chung ai cũng gặp phải, từ người nghèo cho chí kẻ giàu. Cho tới hiện giờ chưa ai thử làm một cuộc thăm dò (survey) xem người nghèo khổ khổ hơn hay người giàu khổ hơn. Theo tôi, chúng ta phải cương quyết hay có chí hướng mới phần nào dứt trừ những nỗi khổ trầm thống đó. Chí hướng giống mũi tên mà nhà xạ thủ muốn nhắm đích hay mục tiêu đạt được; cây cung phải giương lên hết mức rồi nhắm vòng tâm bắn hấn trúng đích mười phát cả mười không sai lệch.

Thế gian người ta thường nói rằng muốn đi xa phải tập những bước gằn cho thật vững chắc; cũng như muốn được khỏe mạnh người ta phải tập thể dục cho thân thể cường tráng dẻo dai, nhất là môn đi bộ thường xuyên không ngần ngại nắn lòng bất cứ một sự thử thách nào. Sống ở đời hầu như ai cũng có những vấn đề phải đối phó, đương đầu, vì đời sống xưa nay như một đấu trường mà con người càng thêm dầu châm lửa vào thành là

chiến trường, giữa kẻ yếu và người mạnh qua từng cặp đối nghịch: được-mất, hơn-thua, nên-hư và thành-bại, cũng như giữa người và các loài vật khác. Càng nghĩ tôi càng thấm thía kiếp sống chùm gởi như câu tục ngữ: “sống gởi thác về”, như cái thân tứ đại: đất - nước - gió - lửa này phải nương nhờ nhiều nhân duyên tồn tại và khi chết trở về tịnh cảnh hay cõi Tịnh độ. Vì rõ biết thế, tôi rất hoan hỉ chấp nhận những bệnh khổ, sự đau đớn hay mọi bất hạnh xảy ra trong cuộc đời. Như đã từng mong cho mình thọ bệnh để có dịp quán chiếu thân mệnh vô thường, hầu trừ diệt bản ngã đang ngự trị trong ta từ vô lượng kiếp. Cũng như có sống trong cảnh thiếu thốn, khổ cực ta mới nhận rõ được giá trị lao động như thế nào. Những người sống trong nhung lụa giàu sang từ nhỏ, cho tới khi vào đời không biết được vị đắng cay của sức cần lao trên miếng cơm manh áo.

- Kiến lập đạo tràng: Như thiền sư Duy Sơn Nhiên đã luận: “Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng. Hàng phục chúng ma, thiệu long Tam Bảo”.

Khai đạo tràng hiển chân phá vọng
 Dẹp tan muôn trùng sóng hoài nghi
 Quân ma úy phục theo về
 Ba ngôi báu thịnh như kỳ tượng sơ (*)

(Ni trưởng Trí Hải dịch)

Cho thấy rõ, Ngài ở vào đầu thời kỳ tượng pháp, và dần bước sang thời mật pháp như thời đại của chúng ta hôm nay. Ngày lên đường từ Tokyo sang định cư tại Sydney – Úc Đại Lợi năm 1981, tôi đem theo cuốn Phật pháp, “sách hướng dẫn Gia Đình Phật Tử. Đó là ý nguyện ban đầu của tôi muốn khôi phục sinh hoạt đoàn thể Phật tử trẻ để phát huy Phật giáo ở xứ người.

Theo bài tường thuật, buổi lễ ra mắt có đoạn viết như sau:



Trong hoa viên Tín Tông Viện tại Hachioji, Tokyo

– Đoàn Trưởng, Hồng Ngọc Tài - Đoàn Phó, Hồ Thị Dung, Trần Thị Kim Thoa – Đoàn Phó. Theo như tường thuật của Thanh Thanh:

... Các em thiếu nhi Phật tử đã vui vẻ ca hát những bản nhạc “Phật Giáo Việt Nam”, “Hoa Sen Trắng”, “Tình Lam”, “Dây Thân Ái” v.v..., đồng thời các em cũng tham gia những trò vui chơi trong không khí ấm cúng, dưới ánh nắng tươi đẹp.

Buổi lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo được đặt dưới sự chủ tọa của Đại Đức Thích Bảo Lạc. Đại Đức đã chứng minh và đặt tên cho Gia Đình Phật Tử là Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo. Với những lời tâm huyết, Đại Đức đã khuyến khích các thiếu nhi Phật tử và nhắc nhở các em về nhiệm vụ và

Ý nguyện của Đại Đức Thích Bảo Lạc trụ thành, đã quyết tâm thành lập Gia Đình Phật Tử Việt Nam lấy tên là Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo. Lễ ra mắt Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo đã được diễn ra trong bầu không khí ấm cúng đượm thắm tình lam vào ngày đại lễ Vu Lan 16 tháng 8 năm 1981 (nhằm 17 - 7 Tân Dậu). Ban Liên Đoàn đầu tiên gồm: Hồ Văn Hải – Liên Đoàn Trưởng, Nguyễn Văn

Hiếu – Liên Đoàn Phó (nam), Nguyễn Ngọc Sanh – Liên Đoàn Phó (nữ), Võ Khắc Tân

vai trò Phật tử hải ngoại đối với đất nước và Phật pháp. Đại Đức cũng đã trao cho anh Liên Đoàn Trưởng (Hải) lá cờ Gia Đình Phật Tử nền xanh lá cây, một bên có hình hoa sen trắng, và bên kia có dòng chữ: “Gia Đình Phật Tử Pháp Bảo – New South Wales”.

... Mọi người có mặt trong ngày lễ Vu Lan đều cảm thấy lòng mình phấn khởi, tin tưởng rằng các em rời đây sẽ trở nên những Phật tử chân chánh, sống đúng với tinh thần của đạo Phật, nối tiếp bước đường tu học của ông cha để bảo vệ và duy trì đạo pháp”.

Song song việc thành lập Gia Đình Phật Tử, tôi liền nghĩ tới kế hoạch lập ngôi chùa thật thụ để có nơi sinh hoạt. Tuy nhiên, lúc đó một đề án lớn như vậy còn gặp đủ trở ngại mà quan trọng nhất là tài chánh khó có thể vượt qua. Nhưng có cảm hứng có ứng, do tâm thành của người con Phật được chư Phật gia hộ, mọi thành viên của chùa quyết tâm hợp tác làm việc, hoan hỷ đứng vào Ban vận động, kẻ của người công, đông tay vỗ nên kêu, góp gió thành bão. Ban vận động xây chùa Pháp Bảo tiến hành từng giai đoạn kiêu tầm ăn dâu nên tin tưởng sẽ đạt tới mục đích.

Nước lũ mà khuấy nên hồ
Tay không xây dựng cơ đồ mới ngoan.

Những tấm lòng vị tha rộng mở, nhiều bàn tay năng nổ góp phần, bao ân nhân vì đạo chẳng kể công; người trong cuộc hân hoan đồng gánh vác trách nhiệm.

Tâm thư kêu gọi lập chùa có đoạn viết:

“... Nhằm mục đích tạo dựng một nơi để tôn trí chư Phật, và đồng thời thờ phượng liệt vị tiên linh và cửu huyền thất tổ; cũng như có nơi để quý đồng hương Phật tử lui tới lễ bái, và gặp gỡ trong thâm tình đồng hương đồng đạo. Hội Phật

giáo Việt Nam tại New South Wales đã mượn căn nhà ở địa chỉ 1 Ridgewell Street, Lakemba, Sydney để tạm thời thiết lập chùa Pháp Bảo kể từ tháng 1 năm 1981.

Trong thời gian qua, số Phật tử đến chùa chiêm bái đã chứng tỏ sự cần thiết của một ngôi chùa Việt Nam tại Sydney. Thiết nghĩ rằng nơi thờ phượng phải được trang nghiêm và vĩnh viễn; cũng là nơi mà quý Phật tử có thể cử hành những ngày lễ vía theo đúng truyền thống dân tộc mà không ngại quấy rầy hàng xóm láng giềng. (Thông bạch ngày 18 – 5 – 1981). Ban vận động thành lập chùa Pháp Bảo gồm những vị:

Chủ tịch: Đại Đức Thích Bảo Lạc, Ban ngoại giao và nghiên cứu kế hoạch: đạo hữu Philip Coen và Hoàng Khôi, vận động tài chánh: đạo hữu Phạm Hữu Phước, hoạt động gây quỹ: đạo hữu Nguyễn Háo Nghĩa, kêu gọi ủng hộ và mượn tiền: đạo hữu Đặng Phước Nhưông, đạo hữu Diệu Phúc Phan Đình Tấn, Phan Tú Tâm, Châu Thị Hoàng Anh, Thủ quỹ: Đoàn Thị Kim Dung và Nguyễn Ngọc Sanh. Ngoài các Ban chính, Hội còn đề xuất thêm các kế hoạch tài chánh như tổ chức hội chợ Tết, ngày công quả do đạo hữu Hoàng Khôi, phiếu công đức do chúng tôi và đạo hữu Phạm Hữu Phước, văn nghệ và phim ảnh: đạo hữu Hồ Văn Hải, Phạm Hữu Phước, phát hành sách báo, bánh chung, bánh tét, thức ăn chay... do quý bác phụ trách. Và quan trọng hơn là Ban thông tin và báo chí do đạo hữu Minh Đăng Trần Ngọc Thạch lo liệu. Danh sách cúng dường tịnh tài đợt đầu này gồm những vị như: bà Phan Đình Tấn, bà Phan Tú Tâm, ông Nguyễn Háo Nghĩa, Huyền Phương, ông Trần Ngọc Thạch, Đỗ Tuyết Hoa, bà Vũ Minh Châu, ông bà Võ Văn Nở, Nguyễn Thị Dư, Châu Thị Hoàng Anh, Dương Héch Phong, Tô Kim Hải, Lâm Thị Chia, Phan Tú Liên, bà Thái Văn Cẩn, Trương Thị Phương, Nguyễn Thị Phân, Võ Hồng San, Võ Thị Như Tuyết, bà Hoàng Công Lý, Phật tử ẩn danh, anh chị Hoàng Khôi, Giang Lê Trinh, bà Đinh Qui, bà Hàn Phong, Hàn Lan

Khanh, ông bà Đặng Phước Nhiên, Phật tử ẩn danh ủng hộ một số tiền hào phóng vào việc xây chùa.

Ban vận động lập chùa tìm đủ cách để đạt đến mục đích; ngôi chùa có thể là nhà thờ, hãng xưởng hay đất trống. Chúng tôi tìm khắp từ miền Đông đến miền Tây – Sydney, kê cả ngôi nhà thờ đường King George vùng Beverly Hill và sở nhà đất tại Randwick bán đấu giá \$50,000 (năm chục ngàn Úc kim). Nhưng lúc đó quỹ của chùa chỉ mới có được hơn một phần ba, nên đành đứng xa nhìn để tìm giải pháp khác. Cũng trong thời gian tìm đất lập chùa này, đạo hữu Hoàng Khôi trên đường từ nhà tới chùa mở radio nghe tin tức buổi sáng, bắt được tin chính phủ có sở đất miền Tây – Sydney muốn nhượng cho tổ chức hoạt động văn hóa nào đủ điều kiện sẽ được thuê lập cơ sở. Kết quả, đất chỉ một lô 5000m² còn đơn xin có tới 12 nơi hay tổ chức nộp cho bộ Gia cư (Department of Housing Commission) của chính phủ NSW. Thế là có cuộc thương thuyết giữa các đối tác với Bộ và cuối cùng bỏ thăm. Nhờ đầy đủ phước duyên Hội PGVN New South Wales – chùa Pháp Bảo – nhận được đất. Để từ đó tiến tới việc kiến tạo ngôi chùa Pháp Bảo, tại Bonnyrigg như ngày nay. Trong chỗ bất hạnh của chùa tạm tại Lakemba bị hàng xóm thưa kiện vì sinh hoạt ồn trong khu vực dân cư, buộc Hội đồng thành phố Canterbury niêm yết bảng cấm chùa sinh hoạt tại ngôi chùa số 1 đường Ridgewell – Lakemba, lại gặp cái may chùa xin được đất của chính phủ. Tháng 12 năm 1983 dời chùa từ Lakemba về căn nhà tiền chế tại khu đất mới, tới lễ Phật Đản năm 1984 tổ chức lễ đặt viên đá đầu tiên xây chùa Pháp Bảo. Chùa Pháp Bảo cũng được cái may khác là chính phủ có chương trình CES (Community Employment Scheme) tài trợ ngân khoản cho một số tổ chức sắc tộc làm việc thiện ích lập cơ sở, trả lương cho thợ thất nghiệp đang nhận trợ cấp của Bộ An Sinh lúc đó. Tuy vậy, công việc vô cùng phức tạp, khó khăn chứ không đơn giản như ta tưởng. Gạt ngoài những ý nghĩ bi

quan, để mới có thể làm việc thông suốt được như ta thấy chùa Pháp Bảo có được hai thắng duyên hy hữu:

- Nhận được đất của chính phủ là cả một sự mâu nhiệm ngoài tầm suy nghĩ của Hội, vì lúc bấy giờ tôi nắm chắc thất bại trong tay, do chúng ta là một nhóm người nhỏ mới tới định cư không có tiếng nói đủ mạnh cũng như uy tín để chính quyền tin tưởng được. Cũng nhờ trong Hội có quý anh Hoàng Khôi, Võ Hồng San, Philip Coen, Phạm Hữu Phước, Võ Cồn... biết luật lệ đã gõ đúng cửa và nộp đơn đúng người. Cuối cùng sở đất số 148 – 154 đường Edensor, St Johns Park đủ duyên nằm trong lòng chùa Pháp Bảo mà ngày nay trở thành là Di sản văn hóa (Heritage) của tiểu bang; mang biểu tượng đặc biệt, cao quý đối với cộng đồng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

- Ngân khoản \$350,000 (ba trăm năm mươi ngàn đô Úc) do bộ An sinh xã hội tài trợ: số tiền để trả lương cho thợ và công nhân (do bộ An sinh giới thiệu); vật liệu xây cất chùa phải tự mua sắm. Vấn đề không phải có tiền là xong việc được, chính tôi đứng coi công trình xây cất chùa năm 1984 mới thấy rõ, bao nhiêu việc lớn, việc nhỏ, những sự bất đồng, lương phạn, giờ nghỉ, giờ ăn trưa, tea time, mua sắm dụng cụ, đơn đốc việc làm, an toàn tại nơi làm việc... Nếu thiếu kiên nhẫn ta hẳn bỏ cuộc ngay từ đầu. Do vậy, trong 12 chương trình do chính phủ tài trợ ngân khoản, chỉ có 5 đạt tới 70% thành công mà Pháp Bảo là một trong số hiếm hoi đó. Chính bản thân tôi phải mất ăn mất ngủ suốt cả năm trường sụt mất ki lô và hy sinh đến 5 chiếc răng không lấy lại được. Trông tôi lúc đó như một ông già 70 không bằng, nên ai cũng lấy làm lo lắng, hỏi han, chia sẻ. Nhờ sự động viên tinh thần này mà tôi hăng hái làm việc như quên hết tất cả, dù vất vả cũng phải hy sinh một phần cá nhân cho tập thể tổ chức. Đứng ngoài nhìn vào, có người cho rằng chúng tôi có phước nên đạt được tất cả. Nếu nhìn kết quả sự hiện hữu của ngôi Pháp Bảo tự viện không ai phủ nhận; còn

như trong thực tế như đã nêu hẳn là cả một sự phấn đấu thử thách không nhỏ, nhưng đó là phần không đáng kể.

Công trình xây cất chùa Pháp Bảo trải qua 3 giai đoạn: xây chánh điện và nhà đa dụng năm 1984 – 1986, xây thư viện, tầng phòng, hồ sen, chùa Một Cột, tháp Vãng Sanh năm 1989 và giai đoạn 3: xây thiền đường, lối đi thiền hành, trụ cờ, bãi đậu xe năm 1998. Đại lễ khánh thành hoàn nguyện vào tháng 10 năm 1998, sau 15 năm xây dựng viên mãn một công trình vừa tôn giáo vừa mang tính cách văn hóa của người Phật tử Việt Nam tỵ nạn Cộng sản tại Úc châu. Để đánh dấu biểu tượng của nước Úc đa văn hóa, trước sân chùa Pháp Bảo có 3 trụ cờ cao 5,50m, hể cứ mỗi dịp lễ như Tết âm lịch, Phật Đản, Vu Lan, ba lá cờ Phật giáo, cờ Việt Nam Cộng Hòa, cờ Úc tung bay phất phới trên cao, khiến cho nhiều người lái xe qua lại trên đường Edensor để ý chăm chú nhìn với cặp mắt thiện cảm. Từ trước đến giờ tôi cho treo cờ Phật giáo chính giữa, bên phải là cờ Việt Nam Cộng Hòa và bên trái là cờ Úc, vì tự nghĩ: cờ Phật giáo có tính quốc tế nên phải đứng trên 2 quốc gia Úc – Việt. Nhưng mới Tết Nhâm Thìn vừa qua, tôi có suy nghĩ kỹ nên đổi vị trí của 3 lá cờ như sau: Cờ Úc chính giữa, cờ Việt Nam Cộng Hòa bên phải và cờ Phật giáo bên trái. Bởi lẽ, đây là nước chủ nhà mà chúng ta đang nương nhờ, nên tôn giáo của mình mang tới phải tùy thuộc nơi sở tại. Điều suy nghĩ ấy đúng theo tôi, nhưng tin chắc sẽ có người không thuận cũng là lẽ thường tình thôi.

Chùa Pháp Bảo tuy không đồ sộ, nguy nga nhưng có khả năng như một học viện cho độ 30, 40 tầng sinh cư trú vừa vặn với đủ phương tiện cần thiết. Về mặt nội viện: chánh điện chùa lạ lùng nhất, hẳn không có cái thứ hai trên thế giới. Chỉ độc Đức Bốn sư thờ tại góc mà không phải chính giữa như tại những ngôi chùa khác, nhưng khách tham quan không có cảm giác thiếu cân đối. Lối vào hậu Tổ phải đi dưới bệ thờ Đức Bốn sư, hai bên Đức Phật là cặp rồng châu thực hiện tại chỗ rất mỹ thuật và bền chắc màu ciment tự nhiên không pha đổi sắc. Hậu

Tổ thờ liệt vị tôn đức tăng già Việt Nam quá cố, có công khai sơn phá thạch, các phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam từ 7, 8 thập niên từ 1932 đến nay.

Long vị chính giữa: Lâm Tế chánh tông, đời 34, khai sơn tổ đình Chúc Thánh, Hòa Thượng Minh Hải, tự Đắc Trí, hiệu Pháp Bảo sư tổ - trên đài sen. Nhìn lên 2 bên tường ta thấy các câu: Y bát chân truyền (pháp y, bình bát nổi truyền), thừa ân pháp nhũ (tiếp nhận dòng sữa pháp). Có 2 ngày giỗ: sư ông (Hòa Thượng Thích Trí Hữu) ngày 28 tháng 11 và sư tổ (Hòa Thượng Minh Hải – Pháp Bảo) ngày 7 tháng 11 âm lịch, nhưng bốn tự cúng hiệp kỳ chư tổ vào ngày Mùng 3 Tết hằng năm cho tiện. Ngày cúng giỗ tổ sư đã được con cháu môn phái Chúc Thánh tại Úc luân phiên cúng mỗi năm từ 8 năm nay. Từ hậu tổ bước xuống 6 bậc cấp là linh đường thờ hàng ngàn hương linh quá cố của những Phật tử hữu công lập chùa và thân nhân của quý Phật tử bổn đạo. Ngoài chánh điện, chùa còn có Thiền đường diện tích 14 x 28m có thể đủ chỗ cho 300, 400 người hành lễ, tu tập. Gần cửa bước vào thiền đường có hình họa chân dung của sư ông Thích Trí Hữu sống động trông giống như người thật để nhắc nhở hậu thế noi theo công hạnh tu trì của Ngài.

Phần ngoài hay viên cảnh chùa: Con đường hay lối đi thiền hành chung quanh ngôi già lam mà hành giả đặt bước chân lên mỗi lần chùa có khóa tu, kinh hành niệm Phật an nhiên tự tại. Bên cạnh có bãi đậu xe cho khách thập phương là điều kiện bắt buộc mà luật pháp đòi hỏi phải có không thể thiếu. Đây là luật qui định nghiêm khắc mà hầu như các nước Tây phương đều áp dụng giống nhau.

Nơi vườn chùa Pháp Bảo có các biểu tượng về văn hóa tâm linh: cây bồ đề, chùa Một Cột, tượng bồ tát Quan Âm lộ thiên, hồ sen Kính Tâm và cổng Tam Quan. Riêng cây bồ đề chia 6 nhánh tượng trưng lục độ, vươn lên cao sum sê xanh tốt trông đồ sộ như cây cổ thụ độ 4 người ôm chưa giáp vòng;

thuộc thể hệ thứ ba tính từ cây bồ đề chính tại Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ, nơi Đức Phật tọa thiền và chứng thánh quả hơn 2600 năm trước. Đặc điểm lá có đuôi dài, các đường gân nổi bật nên có thể ép (ngâm nước cơm) làm quà lưu niệm thật là ý nghĩa. Công Tam Quan chùa cũng mang vóc dáng đặc biệt, pha trộn các nét văn hóa Đông phương giống kiểu Nhật như có người đã nêu hỏi như vậy. Hồ Kính Tâm đến mùa hoa sen nở cũng thu hút bao nhiêu ống kính của thợ chụp hình. Đặc biệt, nhờ kỹ thuật khéo nên sen ở đây nở mỗi năm 2 mùa vào tháng tư và tháng 12 vô cùng thanh tú lạ thường. Còn nhiều cây cảnh khác như hoa anh đào màu xanh, hoa lan v.v... nếu muốn thưởng thức quý vị nên đến xem hoặc tham quan mới thấy tận tường các đường nét tinh tế mà ngòi bút, ngôn từ, câu văn... không sao đủ diễn tả hết. Hơn nữa, tác giả không muốn ca tụng tác phẩm nghệ thuật của mình, vì không được vô tư và khách quan lắm.

- **Hoàng pháp - độ sanh:** Công cuộc hoàng pháp độ sanh là việc chung của bốn chúng đệ tử của Phật (hai chúng xuất gia: tăng, ni và hai chúng tại gia: ưu bà tắc và ưu bà di hay nam nữ cư sĩ). Tuy nhiên, người xuất gia có điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi hơn Phật tử tại gia, nên vai trò của họ khá quan trọng. Muốn giáo pháp của Đức Phật được mọi người hiểu biết sâu rộng trong quần chúng, người tu có bổn phận và trách nhiệm lập ra chương trình hoàng pháp ngắn và dài hạn, mời gọi nhiều người tham gia đóng góp khả năng, công sức và tài chánh để cho công việc hoàng pháp được liên tục lâu bền. Vào thập niên 1950, cố Hòa Thượng Thiện Hoa, mở khóa giáo lý phổ thông hằng tuần tại chùa Ấn Quang – Sài Gòn trong nhiều năm và đào tạo được nhiều vị giảng sư như Hòa Thượng Huyền Vi, Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Từ Thông, Hòa Thượng Thiện Định, Hòa Thượng Quảng Long, Hòa Thượng Chánh Tiến, Hòa Thượng Liễu Minh... và những vị cư sĩ như bác sĩ Cầm, bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, đạo hữu Nhuận Chương, đạo

hữu Minh Phúc v.v... Hòa Thượng Thiện Hoa còn mở lớp Như lai sứ giả đào tạo trụ trì tại chùa Pháp Hội (bên tăng) và chùa Dược Sư (bên ni) trong thời gian 3 tháng huấn luyện. Hằng trăm cán bộ được bổ nhiệm đi trụ trì các chùa như một phong trào khởi sắc: “Tiếp theo là một cuộc lễ rộn rịp, rần rộ và linh đình tiễn đưa các vị Như Lai sứ giả đi bổ xứ trụ trì các tỉnh miền Nam (1957) làm cho tăng ni và đồng bào Phật tử ở các tỉnh, đông đảo đón tiếp phái đoàn Như Lai sứ giả với một niềm hân hoan phấn khởi và đầy tin tưởng” (50 năm Chấn Hưng PG – Hòa Thượng Thiện Hoa).

Ngày nay chúng ta muốn theo gương quý Ngài như lập giảng sư đoàn, tổ chức diễn giảng nơi công cộng, mở lớp học Phật pháp... và chỉ duy trì được lúc đầu, nếu có tiếp tục được chăng cũng chỉ do sự cố gắng của người chủ trương nhiệt thành mới vượt qua bao nhiêu khó khăn thử thách. Hiện nay Phật giáo đang nhắm tới ba lãnh vực hoằng pháp có hiệu quả nhất là phiên dịch kinh điển ngoại ngữ sang tiếng Việt, ấn tống kinh sách và chủ trì mạng lưới toàn cầu (website) để phổ biến Phật pháp sâu rộng đến cư dân trên mạng và quần chúng khắp nơi. Việc làm nào cũng có hai mặt tích cực và tiêu cực mà Phật giáo lại không đủ nhân sự cung ứng cho nhu cầu, nên không tránh khỏi những sơ hở, thiếu sót làm cho công việc thành phần tác dụng. Chỉ nội công tác phiên dịch cũng cần phải đòi hỏi nhiều nguồn: nhân lực hay khả năng chuyên môn, nuôi dưỡng của Ban bảo trợ, tài chánh ấn hành khi dịch phẩm hoàn thành. Một vài cá nhân riêng rẽ thực hiện công tác dịch thuật có phần dễ hơn là kết nạp thành nhóm có qui củ làm việc, là cả một vấn đề. Chẳng hạn, Viện Đại Học Vạn Hạnh qua 2 lần cử xúy dịch Đại Việt Tạng Kinh, nhưng cũng chỉ in ấn xong được 4 bộ kinh A Hàm rồi ngưng luôn hơn 10 năm nay. Tiếp theo Hòa Thượng Tịnh Hạnh ở Đài Loan có lập thành Ban hẳn hoi trong công việc phiên dịch. Về tài chánh chắc không phải là mối lo lắng nhưng về nhân sự điều hành công việc thật quả là không đơn

giản. Cho tới nay Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc chỉ mới hoàn tất được một phần ba bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh 100 quyển, đó là do sự cố gắng tối đa của Hòa Thượng Tịnh Hạnh. Nhưng chưa rõ liệu có hoàn thành dự án hay không. Song dù sao chúng ta cũng tin tưởng và cầu nguyện để cho công cuộc phiên dịch Đại Việt Tạng được viên thành như đại nguyện. Dĩ nhiên, việc hoằng pháp và độ sanh tuy hai nhưng mà một, vì có hiểu giáo pháp người ta mới tin, thực hành để có đời sống an lạc, hạnh phúc và giải thoát. Độ theo nghĩa tự giác tích cực mà không do cầu xin ân phước. Vì Phật giáo hướng dẫn con người chánh tín chứ không theo mê tín. Giáo pháp của Phật dạy cũng ví như thức ăn bày bán giữa chợ, muốn có món ăn ngon hợp vừa khẩu vị ta phải mua về rồi tự biến chế cho thích hợp. Đó là quyền tự do của mỗi người, phải bắt tay thực hiện giáo pháp mới hữu hiệu trong đời sống của mình. Phật pháp dạy ta Bi – Trí – Dũng để tu tập nên không ỷ lại nơi bất cứ một đấng thần linh nào. Đức Phật chỉ là vị đạo sư, bậc thầy dẫn đường chỉ lối cho ta đi đúng hướng mà thôi. Xin đừng hiểu và lầm tưởng độ là cứu rỗi như một vài tôn giáo khác chủ trương: nếu như thế, người Phật tử chẳng học được gì ở giáo lý của Đạo Phật cả mà cuối cùng rồi lại rơi vào chỗ hoang mang không tìm được giải thoát.

Đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni của đạo Phật tự thân tu tập mới chứng thánh quả; chặt đứt vô minh phiền não, những ràng buộc khổ đau trong cuộc đời. Vấn đề là liệu ta có đủ ý chí, niềm tin và sức nhẫn nhục kiên trì để đạt đến giải thoát như Đức Thế Tôn hay không; mỗi hành giả phải tìm cho mình câu trả lời.

- **Độ người xuất gia:** Hướng dẫn cho một người đi tu hay khuyến khích con em xuất gia chưa hẳn đã độ được người ấy trọn vẹn. Chữ độ có nghĩa là vượt qua, thoát ra khỏi, ra khỏi nhà thế tục có nhiều bận buộc vướng mắc khó dứt lìa, dứt bỏ phiền não không để tham – sân – si, mạn, nghi, tà kiến chi phối

và cao hơn nữa là ra khỏi căn nhà cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Xuất gia có tính quyết định tương lai của một người, nên vị thầy phải cẩn chọn lựa cẩn thận, thà rằng không có đệ tử vẫn hơn là phải đeo mang những mối ưu tư về sau.



HT Kyjyo Nishimura và người thân, hai vị ân nhân của tác giả

Như tôi đã nhấn mạnh ngay từ thời Đức Phật đã có một số vấn đề xảy ra trong tăng đoàn, cho nên nhận người xuất gia ít nhất phải cần những điều kiện: nếu tuổi vị thành niên đương sự phải được cha mẹ hay người giám hộ đồng ý. Ngày nay ở các nước Tây phương tự do dân chủ trẻ con được luật pháp bảo vệ, việc giáo dục cũng hoàn toàn khác với ngày xưa, nhất là những hình phạt đánh đập, giam nhốt, quỳ gối, bêu riếu giữa công chúng... là cách hành xử hay việc làm phản giáo dục. Cho dù là phụ huynh hay thầy dạy cũng không có quyền đụng tới thân thể

trẻ con. Vẫn biết trẻ nhỏ dễ uốn nắn hơn là người lớn, nhưng dạy dỗ không khéo người thầy lại bị mang họa vào thân có ngày. Xin nêu lên câu chuyện sau: tại Hoa Kỳ, thầy MĐ nhận đệ tử xuất gia nhỏ tuổi, các chú ham chơi, nghịch phá bị thầy đánh đòn. Chú tiểu bị đòn nghỉ học 3 hôm, nhà trường liên lạc kêu chú bé tới hỏi lý do. Chú trình bày sự thật, cô giáo vạch lưng chú xem thấy dấu lần roi còn nguyên. Sự việc đưa tới Ban Giám Hiệu họp bàn. Thế là người thầy bị nhà trường mời tới điều tra thăm vấn và cảnh cáo nếu tái diễn thầy hẳn bị luật pháp can dự xử lý. Đây cũng là bài học kinh nghiệm của các vị trách nhiệm trong việc đào tạo tăng tài cho Phật giáo mai này. Trường hợp người đã lập gia đình mà phát tâm xuất gia phải được sự thỏa thuận của người phối ngẫu để bảo đảm tính chân thật và tránh mọi rắc rối đối với luật pháp. Đã có trường hợp người chồng bỏ vào chùa tu, người vợ tới đứng trước cửa đòi thầy phải trả chồng lại cho cô ta, và có hoàn cảnh khác, cô vợ trốn chồng đi tu, anh chồng tìm tới chùa đòi sư cô trụ trì trả vợ lại cho anh ta... là những chuyện có thật chứ không còn ước đoán nữa. Trong trường hợp đất nước có chiến tranh, người trai trong hạn tuổi luật định phải thi hành nghĩa vụ quân sự. Không thể chấp nhận cho những người thuộc dạng này ở chùa tu được. Một người mà thân thể khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn phát tâm xuất gia là điều lý tưởng; ngược lại vị thầy phải tìm cách khéo léo an ủi để người khác không cảm thấy bị khinh dễ, bỏ rơi. Ngoài ra, năm trường hợp gia trọng theo trong giới luật có nêu rõ:

- Không mắc nợ người
- Không phạm pháp
- Không đang làm quan bỏ đi tu
- Không phải đầy tớ trốn đi tu
- Không có tặc tâm xuất gia.

Bốn trường hợp trước có liên quan tới luật pháp, nếu nhận cho người xuất gia ở chùa, ắt không tránh khỏi những khó khăn đối với việc điều hành tự viện. Còn điều rốt sau, kẻ có tặc tâm xuất gia sẽ là mối họa không ít ở chốn thiền môn, tạo nên sự chia rẽ, bất hòa giữa chúng, cho nên đừng nghĩ rằng hễ là thầy phải có đệ tử xuất gia. Thật ra, không phải thầy nào tu cũng có duyên độ cho đệ tử xuất gia cả đâu. Độ được người xuất gia càng tốt, còn như không độ cũng tốt không kém. Đối với đệ tử xuất gia tôi có 6 điều khuyên tấn như sau:

1- Cho dù được thầy tin cậy, lúc nào cũng phải tỏ ra mình là học trò, phải tận tâm lo Phật sự thay nhọc cho thầy.

2- Làm việc phải có dự án, sắp đặt chu đáo mọi chi tiết để tránh đổ lỗi nhau vào giờ chót, gây nên xáo trộn, gập rút, không giữ được hòa khí.

3- Thể hiện tâm bố thí rộng rãi, không nên phung phí của Tam Bảo mà tổn phước, phải nghĩ đến những nơi đang cần giúp đỡ.

4- Trong chúng phải biết kính nhường khiêm hạ, không nên dựa thế thầy làm cho huynh đệ bất hòa nhau.

5- Dù được bốn đạo tin tưởng, kính mến, lúc nào cũng phải biết khiêm tốn cẩn trọng; luôn luôn nhỏ nhẹ, ân cần và thân thiện.

6- Phải thành thật với chính mình và lúc nào cũng biết phục thiện, sửa đổi lỗi mình, không tìm xét lỗi người khác.

Suy nghĩ, thực hành 6 nguyên tắc trên là xứng đáng trưởng thành, nối chí nguyện thầy tổ hoàng đạo pháp, tiếp dẫn hậu lai báo ân Đức Phật và thầy tổ một cách trọn vẹn trong tình sư đệ gắn bó lâu dài.

Mong quý vị ghi nhớ bấy nhiêu lời chân tình và chúc tất cả thành tựu tâm nguyện người xuất gia “phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chúng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu, như tổ Qui Sơn Linh Hựu thiền sư đã dạy.

Tiền thể, bút giả ghi lại 2 bài thơ của một pháp hữu đề tặng để bày tỏ đạo tình cao đẹp đáng quý:

Đồng vọng về quê hương xứ Quảng dẫu yêu hồn cố quận
 An lòng nơi đất khách Úc châu mài miệt với tha phương
 Bảo địa trở muôn hoa tô điểm sơn hà bao cảm tú
 Lạc bang ngời sắc thắm chở che muôn loại hưởng đài
 vàng.

Thanh sử rạng ngời, tham phương cầu học
 Chí những mong đèn trả bốn ơn dựng xây nền chánh
 pháp

Nghiệp thành muôn thuở truyền trì mạng mạch
 Nguyện tròn tuệ giác trải tâm từ cứu khổ độ quần sinh.
 Sa môn Thích Huệ Minh ngày 1/6/2006.

Đồng An là pháp danh, Bảo Lạc là pháp tự và Thanh Nghiệp là pháp hiệu của tôi. Pháp hữu Huệ Minh đã khéo léo lòng trong bài thơ 8 câu, mỗi câu 12 chữ liệt tả trọn hoài bão chí nguyện của người được đề cập. Ngoài ra, thầy còn làm một bài Đường luật thể thất ngôn bát cú (8 câu mỗi câu 7 chữ):

Đạo hạnh

Chí cả mong đèn nguyện ước duyên
 Xuất dương du học nổi chân truyền
 Phù Tang một thuở công đèn sách
 Úc quốc bao phen lập đạo tràng
 Sự nghiệp huy hoàng nên danh sử
 Cơ đồ đạo hạnh rộng vô biên
 Tình quê ấp ủ bao nhung nhớ

Đất khách đa mang môi đạo huyền
Pháp Bảo, Sydney ngày 6 tháng 8 năm 2006
Huệ Minh

Cho tới nay, sau 56 năm ở chùa tôi chỉ giúp được cho ít vị xuất gia mà thôi. Vì tự nghĩ có đệ tử xuất gia đông càng thêm vất vả; phải có bổn phận hướng dẫn họ nên người hữu ích kế thừa sự nghiệp của Như Lai. Nếu có đệ tử không như ý, thầy trở nên bất an, tổn lực cũng chẳng khác ở đời một người cha có con bất xứng cũng đủ khiến cho tổn thọ.

- **Quy y cho Phật tử:** Từ khi truyền thừa cho đệ tử kế nghiệp từ năm 2006 đến nay, tôi không quy y cho Phật tử tại gia nữa. Định cư tại Úc năm 1981 cho đến năm 2006 là 25 năm tôi quy y tất cả trên 70 lần, trung bình mỗi năm 3 lần vào các ngày đại lễ. Mỗi lần quy y tối thiểu 10 người, đông nhất lên đến 50 người. Đó là chưa kể những lần quy y ở ngoại quốc và các tiểu bang khác ngoài New South Wales như tại Tokyo năm 1986, tại Moscow (Nga), tại Bihar (Ấ Độ)... lên tới hơn một nghìn Phật tử tại gia. Lúc đầu, nam giới tôi cho pháp danh chữ Chúc theo dòng kệ của tổ Minh Hải – Pháp Bảo thiền lâm tế Chúc Thánh, tôi pháp danh Đồng An, tự Bảo Lạc, hiệu Thanh Nghiệp như bài kệ của tổ khai sáng môn phái:

Minh thiết pháp toàn chương
 Ấn chơn như thị đồng
 Chúc Thánh thọ thiên cử
 Kỳ quốc tộ địa trường
 Đắc chánh luật vi tông
 Tổ đạo giải hạnh thông
 Giác hoa bồ đề thọ
 Sung mãn nhơn thiên trung.

Mỗi đời truyền pháp lấy một chữ, ngài Minh Hải lấy chữ Minh câu đầu bài kệ; tôi chữ Đòng ở cuối câu 2 thuộc thế hệ thứ 10, đời thứ 43. Tổ Minh Hải đời 34 cho tới tôi trải qua 9 đời theo bài kệ. Trong khi quy y cho Phật tử nữ tôi đặt pháp danh chữ Diệu, nhưng nhận thấy việc làm ấy không có căn cứ, vì mất cội nguồn tông tổ, nên sau khi đã quy y lên tới 500 Phật tử, tôi đổi lại pháp danh cho nam, nữ đều chữ “Chúc” hết là chữ thứ 11 theo bài kệ truyền pháp, để sau này quý vị còn tìm được phổ hệ của mình. Pháp danh chữ “Chúc” chung cho cả giới xuất gia và tại gia. Có một vấn đề thật hết sức tế nhị: những Phật tử đã quy y lâu rồi, muốn quy y lại, tôi tùy hoàn cảnh mà quyết định. Chẳng hạn, Phật tử đã quy y hồi nhỏ, do cha mẹ dẫn đi chùa và cho con quy y, nay lớn lên không nhớ pháp danh mình và cũng không biết thầy là ai cả. Có trường hợp quy y và bổn sư đã viên tịch, còn nhớ pháp danh, tôi khuyên nên giữ pháp danh đã thọ và chỉ nghe giới lại thôi. Việc làm của tôi trước rày là vậy; để cho Phật tử có tinh thần biết tôn sư trọng đạo. Có nhiều lý do Phật tử không am tường, vị thầy tinh thần có bổn phận nhắc nhở đồ nhớ lại lai lịch, ý nghĩa ngày quy y hướng về đạo Phật. Nếu người đã quy y thọ giới mà chưa thực hành đạo, vì cuộc mưu sinh, học hành, con cái... nay đã đủ để khắc phục, dành thì giờ trong đường tu niệm, trừ dứt những lỗi lầm tội cấu đã tạo từ trước hầu có một đời sống tốt đẹp an vui. Nhận thấy đa phần Phật tử tin Phật mà không học Phật, nên niềm tin không khéo lại rơi vào chỗ mê tín, vị thầy cần nên giúp đỡ trong trường hợp này cho họ vượt qua trở ngại. Thay vì nói những điều làm cho Phật tử hoang mang cho ta khác đời, đó không phải minh sư mà là thầy tà mặc pháp phục của Phật lại làm việc của ma vương, ác đảng. Chắc hẳn trong giáo pháp lúc nào vẫn có những hạng người như thế, hưởng chi ngày nay là thời kỳ mạt pháp, nhiều kẻ lợi dụng phát huy chủ nghĩa cá nhân vẫn mê hoặc người nhẹ dạ cả tin, sống thiếu ý thức, do không tin lý nhân quả, khiến cho đạo pháp chưa đến lúc diệt phải diệt.

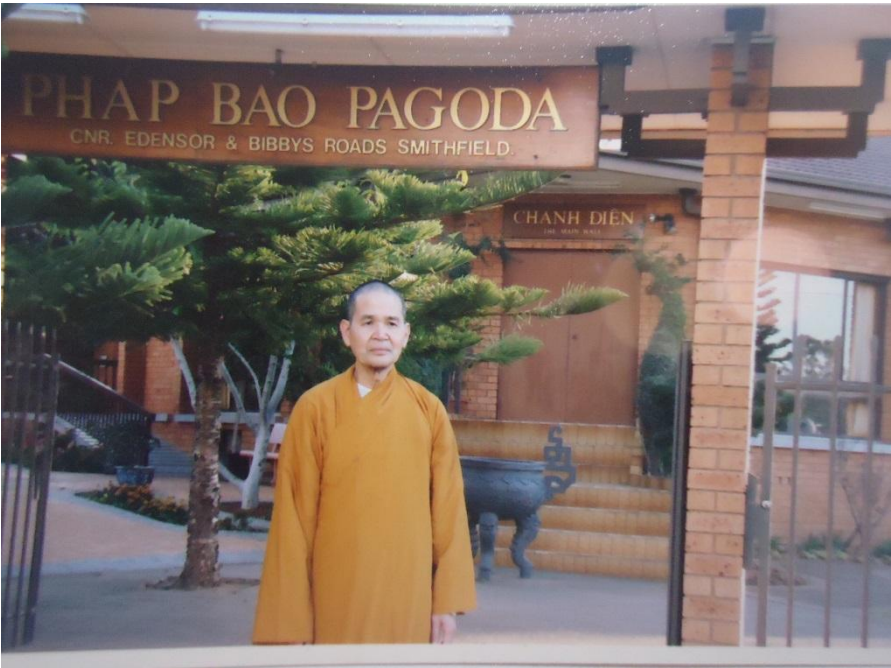


***Chú bé năm nào nay đã trở thành Trụ Trì kế thừa
Tín Tàng Viện, Hachioji Tokyo***

Ngày nay chúng ta đi tìm những bậc chân tu thật là khó, nhất là nhiều đạo tràng không phải là những nơi thích hợp, nằm trong phố thị đông người thiếu trang nghiêm – không phải chốn lan nhã – của nơi tịnh địa già lam. Những vấn đề xảy ra cho Phật giáo nghiêm trọng trong những năm gần đây đều do người đệ tử Phật gây nên, cả hai giới xuất gia và tại gia đều là nhân trực tiếp tác động làm cho Phật giáo mất uy tín, người tín đồ hoang mang; khiến dư luận có quá nhiều thành kiến đối với

Phật giáo. Cũng nhờ niềm tin Tam Bảo kiên cố, các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam hải ngoại nhận thức sáng suốt lèo lái theo đúng đường hướng nên vượt qua bao nhiêu chướng duyên nghịch cảnh. Mong rằng con đường chơn chánh của chúng ta sẽ quang huy phát tiết mà vai trò của người xuất gia là điềm tựa vững chắc cho người Phật tử nương theo làm cho cơ đồ Phật giáo mỗi ngày càng được củng cố, phát triển theo đà tiến của nhân loại trong thế kỷ thứ hai mươi mốt này.

- **Năm thứ 2000:** Một thiên niên kỷ mới vừa bước qua, mới đó mà đã qua mười hai năm. Ngày nay nhân loại đang phải đối diện với nhiều sự thử thách với thiên nhiên, dịch bệnh của thiên tai và nhân họa. Phật giáo cũng gặp ách nạn không kém ở khắp mọi nơi trên thế giới. Nạn lớn gọi là pháp nạn, nạn nhỏ là tai nạn làm giới lãnh đạo Phật giáo vô cùng khó khăn mới vực dậy được trong hiện tại. Bốn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi, Âu Châu, Hoa Kỳ và Canada, 3 năm bị tứ bề ngộ nạn, từ năm 2008 – 2010 tưởng chừng tan nát rã rời, do Giáo chỉ số 9 từ trong nước tung ra và văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ phụ họa, với những thành viên bất xứng. Rất may là 4 giáo hội này biết ý thức vai trò của mình, đã ngồi lại với nhau tìm giải pháp cứu nguy con thuyền Phật giáo sắp bị chìm giữa cơn lốc của đại dương. Dù vậy, chư tôn lãnh đạo Phật giáo Việt Nam hải ngoại vẫn mong Hòa Thượng Quảng Độ - Viện Tăng Thống – tìm phương hóa giải những mối bất bình gây bức xúc trong hàng giáo phẩm của Giáo Hội từ trong nước ra đến hải ngoại, hầu hàn gắn những mất mát to lớn trong thời gian qua.



Đình viên Tự Viện Pháp Bảo – Sydney – Úc Đại Lợi

Bản thân chúng tôi cũng hết sức cố gắng để xây dựng cơ đồ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại bằng nhiều cách trong sự cần hành tinh tấn tu tập, giữ giới hạnh thanh tịnh trang nghiêm làm nơi qui hướng cho hàng Phật tử xuất gia và tại gia. Dù cố gắng nhiều vẫn chỉ làm được một số việc, tuy thân tâm muốn được yên để tu tập mà Phật sự cứ phải tiếp tay làm!

Theo như tôi quan niệm: Ra làm việc là cần phải tiếp xúc, đã tiếp xúc hẳn có đụng chạm không tránh khỏi. Sự đụng chạm dù nhỏ cũng chẳng hay ho gì đối với một người đã trải qua nhiều năm lăn lộn, phấn đấu với mọi nghịch cảnh chường duyên trong đạo. Năm 2000 cũng là năm mà tôi tìm cách rút lui để dần dần buông xả hết mọi việc cho rảnh trí vào những năm cuối đời.

Một mặt tiền đồ Phật giáo tương lai phải nhắm tới hai khía cạnh: giáo dục và lập thêm cơ sở đào tạo cho lớp người kế thừa. Chúng tại chùa Pháp Bảo, sự học tập theo gia giáo mà không theo cấp bậc, vì số lượng không đông. Chỉ những vị có học lực ra ngoài học theo chương trình của bộ Giáo Dục mới đạt học vị như sở nguyện. Đối với Phật tử tại gia, chùa chú mục tới tu và học rất tinh cần. Học vào những khóa tu Bát Quan Trai, huân tu Tịnh Độ hay khóa tu Gieo Duyên cuối năm và những buổi giảng pháp ngày chủ nhật qua những chủ đề thiết thực như: Bồ tát hạnh, Bồ đề tâm, Lục độ, bát chánh đạo, tứ đế, tứ nhiếp pháp, tư tưởng Tịnh Độ, thân trung ấm v.v... giúp hành giả rất nhiều trong việc áp dụng giáo pháp vào đời sống hàng ngày một cách cụ thể, lợi lạc. Mặt khác, tu viện Đa Bảo tại Campbelltown được thành lập vào tháng 6 năm 2000, nhằm mục đích đào tạo tăng tài cho Phật giáo. Như dự định, chúng tôi có chương trình trao đổi du học tăng giữa Việt Nam và Úc. Chương trình mở rộng thí nghiệm này phải được sự yểm trợ rộng rãi để mới duy trì lâu được. Tuy nhiên, việc đó không khó bằng nhân sự, nhất là thành phần du học sinh tăng ni. Sau khi tạo được cơ sở dù chưa đầy đủ lắm, chúng tôi theo dõi việc bảo lãnh ở các chùa, số tăng ni từ Việt Nam ra hải ngoại, không đề cập đến các nước khác, chỉ riêng tại Úc châu, đa số việc bảo lãnh đều không thành công. Đó cũng là lý do để chúng tôi học hỏi mà mãi cho đến mười năm sau vẫn chưa tìm ra được giải pháp thích hợp. Bây giờ tôi nghĩ không nên mở rộng nữa mà cần phải thu hẹp lại, việc đầu tiên là đổi địa điểm sinh hoạt từ Campbelltown dời về Lithgow thuộc vùng núi đồi Blue Mountain từ tháng 4 năm 2011 đến nay. Địa điểm mới này như một nơi thích hợp cho việc tấn tu hành đạo đối với những vị thích sống về nội tâm. Dĩ nhiên, tên gọi vẫn giữ tên cũ là tu viện Đa Bảo, nơi đã tổ chức cho 6 khóa tu Ưu bà tắc năm 2011 và khóa tu cuối năm rồi lên đến hàng trăm hành giả vô cùng được pháp lạc. Đến năm 2012 và 2013 này sẽ tổ chức những

khóa tu cho Ưu bà tắc và có khóa tu chung cả Ưu bà tắc và Ưu bà di. Trong tương lai, sẽ có những khóa tu nhập thất cho các vị hành giả chuyên biệt muốn có nơi riêng biệt yên tĩnh. Nơi đây cảnh trí chung quanh khu vực từ động vật đến thực vật hay nói theo như kinh sách là hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh rất nên thơ dễ mến.

Hữu tình chúng sanh tức là loài động vật, tại vùng núi đồi này có những loại thú rừng như Kangaroo, chim lạ: két màu, kookaburra, Wallabies....; vô tình chúng sanh có các loại cây như gum tree, hoa waratah, hoa hồng tím, ao nước, lều mọi da đỏ, look out, môi sinh đất đá và đặc biệt nhất là khí hậu mát lạnh quanh năm, nên nhà không cần thiết bị máy điều hòa mùa hạ vẫn mát mẻ như thường. Vào mùa đông như năm rồi hay có tuyết rơi dày đến cả tắc và 4, 5 lần như vậy. Sương mù hầu như sáng nào cũng có, nên một tháng có đến 20 ngày gặp sương mù giăng giăng khắp cùng nơi, khiến cho các tài xế mất kém phải vất vả lăm để lái xe đi vào vùng cao nguyên u tịch và trong lành này. Những chú Kangaroo ở đây thật dạn dĩ không sợ người ta, như chúng đã quen rồi, trông người nào cũng thương quý loài động vật nhảy bằng hai chân sau thật lạ này. Có những buổi sáng còn tinh sương, sau thời công phu khuya xong, tôi đi về ngôi nhà trên đồi lúc chưa hừng sáng đã thấy Kangaroo ra ăn cỏ. Để ý theo dõi, tôi thấy bọn chúng chỉ kiếm ăn chừng một giờ đồng hồ từ 6:00 giờ sáng đến trước 8 giờ là trốn về chỗ trú ẩn. Buổi chiều từ 6 đến 8 giờ tối lại xuất hiện như trở lại nơi chốn quen thuộc cũ kiếm ăn cho tới tối mịt, có bữa đến 9 giờ tối, sau thời kinh Tịnh Độ lúc 20:30 giờ mà mấy chú vẫn còn cặm cụi lật từng cọng cỏ nhai ngấu nghiến ngon lành. Mỗi lần nghe tiếng động mấy chú lại đảo mắt về tai co hai giò trước đứng nhìn quanh có gì nguy hiểm ụp tới hay không. Khi đã biết là an toàn bảo đảm mấy cô cậu lại tiếp tục kiếm chất nhét đầy vô hầu bao và cũng vừa hết một ngày. Loại thú mà đặc biệt chỉ có ở Úc này, người Tàu gọi là đại thử tức là chuột túi.

Theo tôi nên gọi nguyên tiếng địa phương Kangaroo là đúng nhất, vì thấy trong các tự điển như bách khoa và động vật đều dùng từ phổ thông này nên ngày nay không ai còn lạ gì giống Kangaroo nữa. Vì gần gũi với chúng quen thuộc lâu có hôm để ý thấy bọn choai choai cũng hiểu chiến đấu để, chúng đánh boxing coi cũng đẹp mắt như các võ sĩ thi đấu kịch liệt trên võ đài, qua các pha nhào lộn ác liệt chết bỏ! Chúng dù nhỏ con mà trông cũng dai sức lắm, đấm đá độ trong vòng nửa tiếng đồng hồ rồi thôi, anh nào cũng mệt lả lui về hậu cứ dưỡng sức để ngày hôm sau lâm trận tiếp tục. Ngược lại, phái quần thoa không tỏ ra hùng dũng lại mang bầu tâm sự ảm con trong túi giấu trước bụng vào mùa đông coi bộ cũng nặng nề vất vả như người đàn bà mang thai trong bụng qua chín tháng mười ngày vậy. Tại vườn chùa tu viện Đa Bảo có hai anh chiến tướng lớn xác to con cao cỡ 1 mét, nặng chừng 80 ki lô như con bò con, lại thỉnh thoảng mới xuất hiện, không ra ăn cỏ thường xuyên như bọn nhỏ khác mỗi ngày. Không thấy có ai nghiên cứu loài động vật có túi này, nên không rõ mạng sống của chúng kéo dài bao lâu. Tuy có điều tôi đoán chúng sống trong các hang đá có sẵn mà không tự đào hang được, vì chân trước yếu đuối ngô nghê không đủ sức và bản tính không giống như chuột.

Cách đây độ mười lăm năm chính phủ Úc có luật bảo vệ Kangaroo không cho săn bắt chúng. Nhưng từ 10 năm nay luật cấm đã hủy bỏ, một phần vì các nông gia bị chúng làm hư hại hoa màu quá nhiều, nên yêu cầu nhà nước phải có biện pháp. Thay vì bảo vệ loài vật ăn hại nên bảo vệ giới nông gia mới có ích lợi cho đất nước hơn. Một mặt khác, dân số Kangaroo tăng nhanh khủng khiếp mà thịt của chúng vốn được nhiều người ưa thích, nên kỹ nghệ xuất khẩu Kangaroo ra ngoại quốc cũng thu về nguồn lợi đáng kể.

Vì ở những nơi khác bị con người săn bắt lấy thịt; những con Kangaroo sống trên đất già lam thật là hạnh phúc, vì không ai nữ đụng tới sợi lông của bọn chúng. Nhưng hãy coi chừng,

nếu không phải những người tu hành, chúng mày dạn dĩ kiêu đó hẳn có ngày toi mạng như chơi. Con người có lý trí mà nhiều lúc còn bị đánh lừa tàn đời; huống chi loài động vật non gan yếu mật; lại mức tiến hóa quá chậm, có chết oan mạng vẫn là chuyện thường.

- Chim két: Trong các loại chim, chim két là loài khôn nhất, chúng bắt chước làm theo y hệt các động tác của con người; cũng như học nói được tiếng nói loài người. Có nhiều loại như két trắng mỏ vàng lớn con như con gà mái tơ, két khoan cổ nhỏ con, két màu xanh, đỏ vàng không nhỏ không lớn. Ở gần chùa Pháp Bảo có khu công viên nơi mà Hội Đồng thành phố làm chỗ giải trí cho trẻ con với đủ đồ chơi: xích đu, leo dây, nhảy nhún... Mỗi buổi sáng tôi hay đi thể dục qua khu vực có trò chơi này, có hôm vắng người tôi theo dõi mấy chú chim két trắng đánh đu như trẻ nhỏ, chú lắt qua, chú đẩy lại, chú kéo dây trông thật dễ thương, rồi cũng hò hét ré ó hệt như bọn trẻ không khác. Thì ra, loài vật cũng khôn lanh đáo để, nếu không để ý theo dõi làm sao giống chim két biết nhào lộn trên chiếc đu dây như trẻ con chơi vậy. Còn như két học nói tiếng người, nếu ta nuôi chúng và lột lưỡi, tập nói một thời gian, những con két sẽ lập nói được một số tiếng quen thuộc dễ dàng, như chào khách tới nhà, mời khách dùng cơm, mời uống nước, chào từ già v.v...; loại két màu hay trắng đều tập học nói được tiếng người. Có điều lạ là tu viện Đa Bảo hồi còn ở Campbelltown cũng có loại két màu rồi nay tại vùng Blue Mountain chúng cũng lại xuất hiện, nhưng chưa gần gũi thân thiện, có lẽ vì thời gian quá ít nên chúng chưa làm quen được với những sinh hoạt của người ở đây. Nhân nói về loài chim két, tôi có viết câu chuyện một kiếp mong manh nay ghi lại đây để độc giả cùng chiêm nghiệm.

Một kiếp mong manh

Sáng thứ sáu ngày 23 tháng 7 năm 2010, lúc ra vườn tưới cây kiếng, tình cờ tôi mục kích cảnh đột tử của một đê tử rất thân thương. Chú ấy thỉnh thoảng có tới tận thất để thăm tôi và thường thì chú đi đủ đôi chứ ít khi đi một mình. Ba năm trước đây (2006) lúc phái đoàn thầy trò thầy Như Điển trước ngày từ giã tu viện Đa Bảo một hôm, chú này và 5, 6 cô chú áo xanh, đỏ, khăn quàng tới trước cửa reo mừng làm cuộc tiễn đưa. Chú không phải người nhưng thuộc loài điều cầm, và cũng có linh tính biết trước việc gì diễn ra.

Loại kết khoan cổ màu xanh đỏ, vàng này rất hiếm quý, người ta nuôi tới khi khôn lớn, lột lượt và tập chúng nói được tiếng người rất là rõ ràng, tuy không nói được nhiều, nhưng thuộc loài khôn ngoan rất mực. Mấy chú kết trên tu viện Đa Bảo là loài điều thú hoang (wild life) không có ai nuôi dưỡng, mấy chú tìm tới tu viện chỉ muốn làm quen quý Thầy, quý Sư chú, vì nhận thấy họ có bộ áo vàng, nâu, lam gần như tương đồng bộ lông đẹp của kết nhà ta. Ngồi bên cửa sổ nhìn ra và cũng có ý theo dõi, tôi đã chứng kiến nhiều lần cặp kết màu xinh đẹp lớn con này hay sà xuống máng xối lấy nước, tìm mồi hay líu lo chuyện trò thật vui nhộn. Tự nhiên chứng kiến chú đê tử thân thuộc của mình nằm chết sấp trên đá bên mấy chậu lan phía sau nhà, tôi giật mình tắt vòi nước vội, và trong ý thức cứ tưởng con chim còn sống, nếu chẳng may xối nước trúng phải lên mình nó mùa đông lạnh giá này thì rồi đời một chúng sanh! Từ từ nâng kết lên, tôi mới hay nó chết đã mấy tiếng đồng hồ rồi. Một cách automatic tự động, tôi trầm lặng đọc 3 biến Chú Vãng Sanh cầu nguyện cho nó thoát kiếp chim đê tiến xa hơn trong kiếp tái sanh. Nhờ quan sát kỹ tôi phát hiện ra cái chết bất đắc kỳ tử của chú chim nhỏ này, là bị va phải cửa kiếng quá mạnh mà nó cứ tưởng khoảng không nên bay sầm vào đê mắc nạn. Hằng nào vài tiếng đồng hồ trước đó, đang ngồi trong phòng làm việc, tôi nghe tiếng “bốp” như ai chọi đá vô cửa, tôi lặng thinh luôn. Thế là tiếng vô tình đó lại báo hiệu một chúng

sinh lia đời. Cảnh này thường xảy ra ở chùa Pháp Bảo mà tôi được chứng kiến, nhưng không phải loại kết mà là chim sáo. Có trường hợp bị tán vô kiếng đau điếng chim lụy rơi xuống đất nằm thở lầy sức ít phút rồi bay được đề theo bầy, kể chuyện gặp nạn cho nhau nghe trong tiếng riu rít.

Lúc gặp con chim chết nằm bất động đã gần đến giờ thọ trai, tôi để nó nằm yên tại chỗ trở vào lo công việc của tôi. Xong bữa ngộ trai, tôi lấy cuốc đào đất rồi nhẹ nhàng đem con chim chôn cất trong tiếng niệm Phật cầu siêu cho nó được vãng sanh, không phải làm kiếp chim nữa. Nỗi đau mát mát của vợ con, bạn bè nhà chim cũng hết như sự tử biệt sanh ly của con người. Niềm chua xót, thương tiếc vô vàn không dễ một phút nguôi ngoai được. Con kết mái ngày hôm sau tướng dáo dác hót hã bay tới hiện trường tìm kiếm người bạn tình trong vô vọng qua tiếng kêu nã nuột đoạn trường! Ôi thật vô vàn thống thiết! Kiếp thú cầm còn trọng nghĩa phu thê, huống nữa con người có luân thường đạo nghĩa lại phụ bạc nhau sao?

Chúng kiến cái chết bất thành linh của con chim kết, cho ta cơ hội nghĩ ngợi nhiều hơn tới những cái chết của con người hay chúng sanh. Có nhiều cái chết bất ngờ mà ta thường gọi là chết bất đắc kỳ tử, không ai dự phòng trước được như: đói khát mà chết, no quá nên chết, chết vì lạnh, giận tức uất hơi mà chết, ngộ thờ: chết, lửa đốt cháy mà chết, say sưa mà chết, mê sắc mà chết, tham lam của cải mà chết, rơi trong nước chết, núi lở đá đè chết, động đất chết, trót cuốn chết, sóng thần: chết, đất sụt trùi chôn vùi chết, nhà sập chết, bị cướp tấn công mà chết, tai nạn xe cộ, thuyền bè máy bay mà chết, ra trận chết, phạm pháp chết, thiên tai bão bùng: chết, nước lụt dâng tràn mà chết, bệnh dịch mà chết, ung thư chết, mộng mị kinh hãi chết, tà nhập mà chết, điên khùng: chết, ma quỷ ám hại mà chết, cạp beo tấn công mà chết, rắn cắn thấm độc: chết, bị sét đánh chết, bị trúng độc chết, bị kẻ oán giết hại, bị thư ếm bùa ngãi mà chết. Và còn nhiều cái chết ngặt nghèo nữa: bị trúng gió chết, sanh nở khó

mà chết, gạch đá rơi trúng chết, nhánh cây gãy rơi đụng chết, té cây mà chết, kinh sợ lo âu chết, hồng thi buồn phiền: chết, cầu danh chẳng toại mà chết, mưu tính thất bại mà chết, tự trầm chết, treo cổ chết, nhảy sông chết, dùng súng tự sát, mổ bụng chết, tẩm xăng thiêu chết, bị oan không biện bạch được chết, bị ngược đãi bỏ rơi chết, bị khủng bố chết...và hàng trăm cái chết không lường trước được.

So với loài chim bay thú chạy thì cái chết đột ngột của con người thâm hơn nhiều! Có những trường hợp chết không được mai táng, thi thể uơng sinh, hôi hám mất vệ sinh làm ảnh hưởng xấu tới hoàn cảnh chung quanh không ít. Xác chết một con thú hay con chim nhỏ cho dù không được chôn cất, việc hại môi trường cũng không mấy đáng kể bằng con người.

Nhân theo dõi sát sự cố trên cho tôi có vài điều nhận xét: xin ghi ra đây để chúng ta suy gẫm:

1) Nhân chi vạn vật ư tối linh: Con người là loài khôn ngoan hơn các loài vật khác. Do suy nghĩ và tự phong cho mình một phẩm vị cao ngời như thế, con người luôn tự cao và đâm ra kiêu ngạo, coi thế giới loài vật như cỏ rác mà lại quên đi loài người do sự giáo dục mới nên. Nếu loài vật được huấn luyện, giáo dục như nhà hát xiếc, người nuôi thú vật chuyên nghiệp thì những con vật này thuần hóa, biết nghe theo mệnh lệnh chủ sai khiến. Từ đó suy ra, con người đâu khôn hơn loài vật mấy, nếu đem sánh với hạng người loại thấp nhất trong thế giới người.

2) Vật dưỡng nhơn: có nghĩa loài vật sinh ra để cung cấp thịt, lông, da, ngà, sừng, móng vuốt...cho con người sống phè phỡn, béo mập trên sự bất công, gian ác mà vẫn cứ phớt tỉnh không hề biết hồi tâm trở lại. Có thật đúng là giống thú vật sinh ra để nuôi người? Sao không đặt lại vấn đề, lúc người gặp cọp, beo, gấu, sói...xem có đủ can đảm mạo nhận, hay phó mặc tro ra để nhơn dưỡng vật?

Cổ nhân phán một câu rất thấm thía: “khôn nhà đại chợ” là trong tình huống như vậy.

3) Khôn nhà đại chợ: chúng ta hay áp chế, bắt nạt đê qua mặt được người thân, bạn bè quen biết. Còn tới chỗ đông người lại nhút nhát, nín khe miệng câm như hến. Ai nói sao cũng được, bảo gì vẫn vâng theo mà không có lấy một lời phản biện hay phân tích đúng sai để tìm cách giải quyết. Do tư tưởng hay đứng ra thói quen này mà con người hành xử nhiều lúc gây nên lỗi lầm, xấu ác có phương hại cho thanh danh mình, uy tín gia đình hay rộng ra cho cả tập thể của xã hội nói chung. Do cách suy nghĩ sai lầm cục bộ như đã huân tập sâu trong tiềm thức khiến ta cứ tưởng rằng mình là ghê gớm như “ông trời con” dưới thế! Điều này không nhằm chỉ cá nhân mà còn nói đến tập đoàn và ngay như cả cơ chế của một chế độ cũng không ngoại lệ.

4) Ý thức đại khôn: Chắc hẳn một điều rằng ai trong số chúng ta cũng muốn mình khôn tốt bụng. Nên nhiều lúc kém khôn cũng ráng tạo cho mình khôn, do vậy mà làm hại nhiều người khác, vật khác do cái tâm gian tham ác độc muốn cho riêng ta độc tôn, độc thiện và độc tài. Biết trước được hậu quả chúng sanh làm, nên Phật đã ân cần dạy kỹ người mới xuất gia nhập vị xuất thế, chúng Sa Di rằng: “Nhược phạm phu tự ngôn chúng Thánh. Như ngôn dĩ đắc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán quả đẳng, giai thị đại vọng ngữ, kỳ tội cực trọng” (Nếu người phạm phu tự phong cho mình đã chứng Thánh. Như nói đã chứng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán v.v... đều thuộc loại đại vọng ngữ; người ấy mắc tội rất nặng).

Tâm chúng sanh là như thế! Tu lâu vẫn không đắc là vậy.

5) Vi nhơn nan: Làm người khó là câu nói phát xuất do chính đức Khổng Tử. Trong kinh 42 chương, Đức Phật Thích Ca dạy chương thứ 12, con người không những làm được thân người khó mà có tới 20 điều khó cần phải cẩn trọng đối phó ứng xử để mong vượt ra khỏi. Như người nghèo làm bố thí: khó; kẻ giàu sang học đạo: khó; thầy của không khởi tâm tham: khó; nhịn sắc nhịn dục: khó; cưỡng lại già, bệnh, chết không thể được, không cách dùng vật gì mà chống đỡ, cũng không ai lãnh chịu thay thế được. Dù chí thân như cha mẹ, vợ chồng, con cái...cũng không ai thay cho ta được. Cho nên chư Tổ Đức khuyên rằng: *“Vây nên ai nấy phải gắng sức tu hành, chuẩn bị chu đáo cho con đường sắp tới. Hướng chi ngày tháng qua nhanh chẳng đợi, kiếp người ngắn ngủi trong gang tấc, hơi thở này khó giữ, việc sống chết không sao lường trước!”*

(Quy Nguyên Trực chỉ q. Trung: thân là gốc khổ, giác ngộ sớm tu)

Có thơ rằng:

*Phụ mẫu thâm ân chung hữu biệt
Phu thê nghĩa trọng giả phân ly
Nhân tình tợ điều đồng lâm tức
Đại hạn lai thời các tự phi.*

Nghĩa:

Cha mẹ ân sâu còn ly biệt
Vợ chồng nghĩa trọng cũng phân ly
Nhân tình nào khác chim chung ngủ
Sáng lại tìm đường mỗi hướng bay...

Cho nên ta phải thật sự sống cho có tình có nghĩa, trang trải tình thương đến với mọi loài chúng sanh như chim, thú, chuột, sâu, kiến...cho chí loài thấp sanh, hóa sanh và ngay cả những côn trùng nhỏ nhít cũng đều có mạng sống như con

người. Đừng vì vô minh, tham si... mà đoạt mạng kẻ khác để rồi phải đền mạng không đời này cũng sang kiếp khác khó mà tránh khỏi. Phật dạy người Phật tử không những tôn trọng mạng sống của mọi loài mà còn khuyên ta phóng sanh, bố thí... để ban an lành và cứu khổ nạn cho những kẻ bất hạnh, thiếu may mắn. Nhờ vậy mà loài chim bay thú chạy sát cận bên ta để nhận thức ăn từ nơi bàn tay của người giàu lòng bi mẫn. Không những thế, người Phật tử còn trải rộng lòng từ tế đối với loài vô tình chúng sanh như cỏ cây, đất đá, sông ngòi, biển cả, môi sinh, vạn vật trong vũ trụ.

Mỗi người hãy chung sức chung lòng làm sạch và làm đẹp môi trường chung quanh cuộc sống, là chúng ta sống đúng theo lời Phật dạy, luôn được khỏe mạnh, an lạc và hạnh phúc. Đó cũng chính là mẫu sống lương thiện theo chân tinh thần: Bi – Hùng – Lực của người Phật tử chân chánh để xây dựng một nhân sinh và một vũ trụ quan thanh bình và hòa hợp.

Với mấy nhận xét trên, nếu có điều chi không hài lòng được tất cả. Xin hãy để ngoài tai đừng vin vào lòng chi cho thêm bận rộn; và suy nghĩ thêm: Ô, ý đó là của nhà sư, đâu ăn nhập gì tới ta đâu mà phải quan tâm cho nhọc xác! Xin chân thành niệm ơn tất cả quý đọc giả đã đọc hết ý lời khó nghe và trắc ẩn như thế.

Kỷ niệm mùa Vu Lan báo hiếu

Viết vào sáng thứ bảy ngày 24/07/2010

Tu viện Đa Bảo Campbelltown

- Rừng cây khuynh diệp – gum trees: loại gum trees ở Úc có hàng trăm loại da đỏ, lá nhỏ, có loại da trắng, lá không nhỏ không lớn; loại lên khỏi mặt đất chỉ ra 3, 4 nhánh, loại da sần sùi, thân u nần cây thấp, loại thân cây thẳng thơm, vươn lên cao vút trên trời xanh. Tại Đa Bảo hầu hết đều là cây gum trees thuộc loại này. Lần đầu mới lên đây, tôi trông rừng cây như có

hồn phát tiết được sức sống làm thu hút sự chú ý của tôi không ít. Rừng là rừng hoang nhưng cây cối lên có trật tự như ai sắp đặt hàng lối tựa lính tập không bằng. Trông cây nào cây nấy mạnh khỏe thẳng băng, da dễ mịn màng như con người tuổi nửa chừng xuân; trông giống khu rừng già (rain forest) ở một nơi xa lạ nào đó mà tôi đã có dịp thăm viếng tại Âu Châu hay đảo Victoria xa xôi của Canada hay núi rừng Yosemite của Hiệp Chúng Quốc Hòa Kỳ, hoặc rừng nguyên sinh tại đảo Tasmania của Úc hay núi Nga Mi, Cửu Hoa Sơn – Trung Quốc. Loại khuynh diệp màu trắng này mỗi năm thay vỏ một lần vào cuối đông đầu hạ. Lớp vỏ thoái hóa rơi rụng xuống đất vô trật tự mất vệ sinh, báo hại ta phải mất công dọn dẹp mới trả lại vẻ đẹp tự nhiên như trước. Sau đó, lớp vỏ mới mọc ra làm cho cây gum trees thêm mập mạnh trông sáng hẳn lên như con người thay bộ quần áo mới làm tăng thêm vẻ đẹp. Mùa đông tại đây rất lạnh nên trong nhà phải có lò sưởi đốt củi lấy than cung ứng sức ấm cho ta. Vì thế, Đa Bảo cũng không ngoại lệ, củi đốt không phải lo, có cả rừng cây làm gì đến đổi khan hiếm củi. Hệ thống sưởi này chỉ ở miền quê còn duy trì như mẫu sống xưa của người dân Úc lưu lại. Về phần công dụng của cây gum trees có rất nhiều: lá cây người ta dùng ép lấy dầu khuynh diệp trị bệnh cảm hoặc nấu nước xông cũng hết bệnh, tùy theo bệnh nặng nhẹ. Gỗ khuynh diệp làm trụ đèn rất chắc và bền hay đem dùng vào kỹ nghệ xây cất cũng rất thông dụng. Ngày nay người ta còn trồng khuynh diệp để xay lấy bột dùng trong kỹ nghệ chế biến giấy ở khắp mọi nơi trên thế giới như giấy ta đang dùng.

Tuy nhiên, luật kiểm lâm ở Úc rất nghiêm ngặt, hễ ai vi phạm bị phạt rất nặng. Trừ những khu nông lâm trồng cây kỹ nghệ chủ nhân mới có quyền đốn hạ; còn những rừng nguyên sinh khác muốn đốn cây phải xin phép, dù là sở hữu chủ của tài sản. Nhờ người dân ý thức, tôn trọng luật pháp nên đất nước đâu đâu cũng tươi đẹp, trong lành, mát mẽ, trật tự gọn gàng. Nhìn rừng cây gum trees trên núi đồi tu viện Đa Bảo tôi có cảm

ngiht như có sức sống hay hơi thở con người vậy. Trông thấy chúng thông dong tự tại tựa hồ những đạo sĩ rửa sạch bụi trần trong dáng an nhiên giải thoát. Cây cảnh cũng làm trợ duyên cho hành giả rất nhiều trong tiến trình tu tập để quán chiếu sâu học hỏi, suy niệm từng giây phút. Đẹp nhất là những hôm trời có sương mù hay tuyết rơi bao phủ trên đầu những ngọn cây trắng xóa như những tiên ông đạo cốt đang vận thần thông vào trần cứu nhân độ thế. Cũng có những hôm trời nổi cơn giông tố, sấm sét khiến nhiều thân cây va chạm nhau phát ra tiếng kêu rảng rặc như cầu xin cứu mạng sắp lìa đời. Thế mới hay loài vô tình cũng vươn lên đây sức sống.

- Hoa Waratah: Ở Úc trên 30 năm tôi chưa bao giờ thấy hoa waratah cho tới tháng 10 năm 2010 nhân đi xem sở nhà đất tại Lithgow để mua làm tu viện; ghé tạt vào công viên quốc gia tại Blue Mountain, xem cảnh mới thấy hoa được trưng bày triển lãm.

Hoa Waratah thuộc loại hoa rừng màu đỏ tươi trông thật đẹp mắt. Cây lên cao độ 2m, lá có răng cưa dài độ 12mm. Mỗi cây trở chừng 4 tới 6 bông, bông có hai lớp: lớp dưới xè 4 cánh đỡ như hoa sen, lớp trên chỉ chít độ năm mươi đài hoa, thêm đầu mỗi đài có móc ngoéo như cái lông nhím. Tất cả đều chụm lại bầu bình giống quả bí rợ, nhìn toàn thể cánh hoa lớn bằng cái chén ăn cơm; cánh dày nên có thể cất xuống để lâu tới cả tháng mới tàn. Trên đất tu viện Đa Bảo có nhiều hoa waratah, làm tăng thêm cảnh quang vào mùa xuân, hoa nở đầu tháng 9 và 10, giữ vẻ tươi thắm cho tới hết tháng 11 hoa bắt đầu héo tàn. Có lẽ trong hoa có mật ngọt nên ong thường bu lại chung quanh vào mùa hoa nở. Đọc trong tự điển bách khoa (Australia & New Zealand Encyclopedia) thấy ghi rằng, waratah thuộc họ với Proteaceae chỉ có tại New South Wales, miền đông Victoria và đảo Tasmania. Cây thân mọc lên thẳng hay cây nhỏ có tên khác là Florae. Đặc biệt vùng Blue

Mountain cũng như dọc theo Katoomba, Mt Victoria, Mt Wilson, Mt Banks, Lithgow...có rất nhiều hoa waratah thắm tươi tô điểm mùa xuân thêm sắc màu mượt mà ý vị. Đứng gần ta có cảm tưởng hoa như có thần sắc, nếu không muốn phong cho là hoa thần, vì màu đỏ thắm tự nhiên đập mạnh vào mắt khách tham quan không thể rời bước đi được mà phải dừng lại ngắm hoa.

Hoa waratah không đẹp quý phái như hoa lan, nhưng tinh anh thánh thiện như hoa sen lại đủ sức dày dặn tuyết sương.

Thiên nhiên góp phần làm đẹp đời sống của chúng ta, làm tươi mát tâm hồn khi gặp những vấn đề khó khăn, thoải mái lúc ngoạn cảnh, thư giãn sau công việc làm và dễ chịu khi ta nhìn cảnh đẹp như công viên, núi rừng, sông ngòi, bãi biển. Vì vậy, mọi người phải cố gắng bảo vệ giữ gìn môi trường sạch sẽ, gọn gàng, vì con người có văn hóa – văn minh – khác những loài động vật không có học, không biết chữ. Để ý khi lái xe đi trên đường tài xế nhìn thấy cây cảnh người ta trồng hai bên – giữa con lươn – được chăm sóc kỹ, cắt xén cẩn thận làm cho khách cảm thấy an tâm, thư giãn. Đến những khúc đường quanh co, lối rẽ không an toàn ta thấy những bức tường nghệ thuật được xây lên với cảnh trí phác họa sinh động, thỉnh thoảng có những chiếc cầu bắc ngang hoặc thông sang bên kia sông hay sườn núi kiến trúc xinh xắn nhằm giúp cho tài xế tươi mát tâm hồn trong lúc đang tập chú vào tay lái không gây ra tai nạn. Lối đi bộ dành cho khách bộ hành ở hai bên lề đường đều có hoa nở trang điểm như bức tranh thêm vào sức sống vươn lên cho con người. Thế giới của loài vô tình mà còn giữ vẻ đẹp tự nhiên như thế, hưởng chi thế giới của loài hữu tình, nhất là loài người văn minh lại không biết duy trì và làm đẹp môi trường chung quanh cuộc sống chúng ta để bảo vệ hành tinh xanh này hay sao?



Cổng Tam Quan ngôi Tự Viện Pháp Bảo Sydney



Đức Quan Âm lộ thiên trong vườn chùa

Nguyện Ước

Nhìn lên trời bầu trời cao lồng lộng, nhìn xuống đất mặt đất rộng thênh thang. Dù vậy, tầm nhìn của đôi mắt vẫn có giới hạn, phần cao chỗ rộng mà ta cố dùng nhiều hình dung từ hướng người theo tri thức của ta, nó cũng chỉ nằm trong ốc đảo, như con ếch nằm dưới đáy giếng trông lên trời và vũng nước chung quanh nó, đang sống nhớn nhợ với cái thế giới riêng tư không ai xâm phạm tới. Có biết đâu rằng bầu trời cao rộng ấy chỉ là một phần của các hành tinh đang vận hành trong không gian như các nhà khoa học đã đang khám phá.

Nếu so với Phật nhãn – con mắt của bậc tu chứng – thì nhà khoa học về tầm nhìn, chỗ biết kém xa gấp trăm ngàn vạn lần. Qua tiến trình tu chứng, Đức Phật đã khám phá được ngoài thế giới chúng ta đang sống còn có vô số thế giới khác; cũng như ngoài cõi trời này, còn có tới những 33 cõi trời của cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Sự khác biệt giữa học hỏi đạt được của nhà khoa học; và do tu chứng nên các nhà đạo học, không thể dùng toán số, phương tiện hay thí dụ sánh ví được. Mặt đất dù rộng bao la theo tầm nhìn và hiểu của ta, nhưng chưa phải ta thấy đúng hết mà chỉ mới đúng được một phần. Vì trong thế giới diệu vợi vô cùng tận đó, ta không thấy hết đâu là biên giới, bên bờ nên tưởng như vĩ đại lắm, kỳ thật nếu đi sâu hơn chút nữa qua so sánh này để thấy sự hơn kém giữa biển cả, núi non, đất liền: tam sơn, tứ hải, nhất phần điền. Cái ta nhận là mệnh

mông bất tận đó, giờ đây trông nhỏ bé vô cùng, không thấm đầu cả. (Trích lời tựa sách “Thoáng Quyện Ân Từ của tác giả).



Cổng ngôi Tự Viện Pháp Bảo, Sydney

Nhìn lui lại quá khứ, không phải để luyện tiếc tự mãn, tự hào nhưng để học hỏi, quán xét, rút kinh nghiệm những gì lợi ích cần làm và những điều sai lầm xấu ác nên tránh. Năm 1957, lúc đó một thiếu niên 15 tuổi phát tâm xuất gia, tâm hồn trong trắng tựa tờ giấy nguyên tuyền chưa có chữ viết như đứa bé tập đi, tôi học từ cách đi, đứng, nằm, ngồi là bốn oai nghi của người xuất gia. Nhưng chắc một điều chỉ học là chính, còn những chuyện bên lề đỡ, tránh, né, trượt, ngã, vấp, té... không có kinh nghiệm, cũng chẳng có dự tính, lại còn vô phương đối phó, chống đỡ. Nhưng được cái là tuổi trẻ ngây thơ chân thật, dễ giáo hóa, dễ thích nghi với hoàn cảnh nên học được nhiều kinh nghiệm quý báu hữu ích trong đời sống tu tập. Nhắc lại thời dĩ

vãng thân thương chất trực tôi có nhận định: học đâu biết đó, ngoài ra không biết gì thêm hay có khi học mà cũng chẳng biết gì. Đường đi nước bước, chỉ theo đường thẳng mà không biết đường cong và hầm hố, chông gai, chướng ngại dần bày nên dễ bị sa sụp. Đó là tất cả sự thật ở đời mà người tu trẻ cũng y hệt như bao nhiêu người khác. Đi xa hơn một chút trong việc tiếp xử: một mực tin người, vì thế bị lợi dụng có khi phải tan thân mất mạng qua những lời tăng bốc, tán dương ca tụng mà không hay biết; cho tới lúc nhìn lại đã rơi vào chỗ thân tàn lụn bại, làm vật hy sinh một cách đáng thương! Trong trường đời, ai chưa gặp đắng cay, thất bại, khoan nói tới suông sẻ thành công. Những thử thách ở đời, theo tôi là thước đo giá trị con người để định vị đúng vai trò của họ trong tương lai. Nói đến tương lai của Phật giáo phải nhìn qua nhiều góc cạnh đa diện mà cá nhân là thành phần quyết định của tập thể.

Thế hệ kế thừa: Trong đêm liên hoan mừng tôi được Giáo hội tán phong giáo phẩm Hòa Thượng 18 tháng 10 năm 2003 do chúng đệ tử xuất gia tổ chức tại tự viện Pháp Bảo, Sydney. Trong lời cảm niệm tôi bày tỏ bốn điều vui để chia sẻ với tăng ni và Phật tử tham dự:

1. Những gương mặt kỳ cựu từ đầu vào thập niên 80, hôm nay đã quy tụ hầu như đông đủ. Sau 25 năm – một phần tư thế kỷ - mỗi người một hướng trong sinh kế; và trong số đạo hữu Phật tử kỳ cựu cũng có người đã vào nằm yên trong lòng đất lạnh.

2. Ngôi chùa Pháp Bảo từ ngày còn nhỏ tí teo, cho tới nay đã được xây lên tầm cỡ như quý vị thấy đó, nó không đơn giản như chúng ta ngồi đây, tưởng tượng hình dung. Nhìn lại đoạn đường đã đi qua là cả một sự phấn đấu không ngừng trong

tinh thần nhẫn nại. Thật quả là một kỳ công, nhờ hồng ân Tam Bảo và long thần hộ pháp mật thù gia hộ.

3. Điều đáng tán dương là mỗi thành viên Phật tử của bốn tự đều biết tu tập đạo giải thoát, sửa đổi thân tâm trở nên thiện lương theo chân tinh thần của người Phật tử.

4. Sau những tháng năm dài qua nhiều thử thách, nhất là thành phần nhân sự luôn luôn thay đổi. Nhưng vẫn giữ được vị thế ưu việt của một ngôi tự viện mà người chủ trì như bác lái đò đưa khách sang sông. Bao nhiêu đợt khách xuống lên, ông lái vẫn vững tay chèo cho khách được cập bến bình an. Nhờ sự kiên trì tha thiết như thế mà Pháp Bảo ngày nay đã có người kế thừa để dòng pháp mạch mãi được lưu lộ không bị ngưng trệ nghẽn thông.



Hình chụp năm 2006

Kế thừa không có nghĩa là thừa hưởng một gia tài đồ sộ có sẵn của cha ông để lại mà làm sáng đẹp, triển khai phát hiện giá trị tâm linh tức là thừa kế trí tuệ của Như Lai để đạt đến giải thoát thành Phật. Như thế, người xuất gia cần phải dũng mãnh hăng hái dần thân để thừa tiếp sự nghiệp bằng cách tiến bước đi tới. Như qua câu chuyện của Lama Lobsang Rampa Rinpoche kể lại trong tiểu sử của ông: “Khi tôi lên năm tuổi, tôi được đưa đến trường nhập học. Lúc ấy tôi chỉ mới lên năm. Chiều hôm ấy, cha tôi nói rằng sáng hôm sau tôi sẽ được gọi vào trường. Và ông bảo tôi: “Cha mẹ sẽ không tới đó để hỗ trợ con đâu. Mẹ con sẽ không có mặt ở đó, bởi thế nào bà cũng rơi nước mắt, và nếu như con thấy mẹ khóc thì chắc con sẽ tiếp tục quay lại để nhìn theo bà; và trong gia đình ta chưa từng có một người đàn ông nào mà lại quay lưng nhìn về phía sau bao giờ cả. Ta cũng sẽ không có mặt ở đó, bởi vì sau khi lên ngựa, nếu như con ngoái nhìn trở lại, thế thì con sẽ chẳng còn là con ta nữa, thế thì cánh cửa của gia đình này sẽ mãi mãi khép lại với con. Những gia nhân sẽ chào tạm biệt con sáng mai. Hãy nhớ, không được phép quay lại nhìn sau khi đã lên lưng ngựa. Chưa từng có người nào trong gia đình ta mà lại ngoái lại nhìn lui cả”. Đứa bé năm tuổi thức dậy lúc bốn giờ sáng hôm sau và dẫn ngựa ra. Những gia nhân vẫy tay chào tạm biệt. Ngay khi nó bước ra, có một gia nhân nhắc nhở: “Cậu chủ nhỏ! Hãy cẩn thận! Người ta có thể quan sát cậu từ xa cho tới tận ngã tư, cha cậu đang theo dõi từ trên gác đây. Không được ngoái lui lại nhìn trước khi cậu đến ngã tư. Mọi đứa trẻ trong nhà này đều đã phải khởi hành như thế cả, nhưng chưa từng có ai ngoái lui nhìn lại về sau”. Người hầu cũng nói với cậu: “Nơi cậu được gọi đến học không phải là một trường bình thường. Những đấng nam nhi vĩ đại của đất nước này đều đã từng học ở đó. Sẽ có một cuộc khảo hạch nhập học rất khó khăn. Vì thế dù bất cứ điều gì xảy ra, cậu hãy cố gắng mọi cách để vượt qua được kỳ thi nhập học, bởi nếu

cậu thất bại, sẽ không còn chỗ nào dành cho cậu trong căn nhà này nữa”.

Trong cuốn tự truyện của mình, vị Lama kể lại rằng khi ngồi trên lưng ngựa; “nước mắt bắt đầu chảy, nhưng làm sao tôi có thể ngoái nhìn lại căn nhà, nhìn lại cha mình? Tôi đang ra đi vì một cái gì không biết. Tôi còn quá nhỏ, nhưng tôi không được phép nhìn lại, bởi chưa hề có ai trong gia đình tôi từng quay lưng nhìn lại. Nếu cha tôi mà thấy được, ông ấy sẽ đuổi tôi khỏi gia đình mãi mãi. Vì thế tôi cố gắng tự chủ và nhìn về phía trước. Tôi không bao giờ nhìn lại”.

Đứa trẻ tới trường. Cậu bé mới năm tuổi – người ta không biết khả năng cậu tới đâu. Vị hiệu trưởng nói: “Cuộc khảo thí nhập học ở đây rất khó. Mi hãy ngồi ở cổng và nhắm mắt lại, không được mở mắt ra chừng nào ta chưa trở lại – dù bất cứ điều gì xảy ra. Đây chính là thử thách nhập học của mi. Nếu như mở mắt thì mi sẽ bị trả lại về nhà, vì kẻ nào không có nỗ lực mạnh ấy bên trong chính hấn để ngồi đây và nhắm mắt trong một chốc lát thì sẽ không thể nào học được gì cả. Cánh cửa học tập sẽ khép lại. Vậy thì mi sẽ chẳng xứng đáng. Hãy đi và làm chuyện khác đi”.

“Đứa bé ngồi gần cổng trường với đôi mắt nhắm. Đám ruồi nhặng bắt đầu quấy rối, nhưng nó biết rằng nó không được phép mở mắt ra, bởi một khi đã mở mắt thì vấn đề chấm dứt. Có những đứa trẻ đi vào và đi ra cổng trường, vài đứa bắt đầu xô đẩy nó, xô khác trên chọc nó, nhưng nó quyết định sẽ không mở mắt, kéo hồng hết mọi chuyện. Và nó nhớ lại những gia nhân trong nhà đã bảo với nó rằng, nếu như nó không vượt qua được kỳ thi thử thách nhập học, ngôi nhà người cha sẽ vĩnh viễn đóng lại với nó”.

“Một giờ trôi qua, rồi hai giờ trôi qua – nó vừa ngồi nhắm mắt vừa sợ rằng, biết đâu mình sẽ lầm lẫn mà lại mở mắt

ra chẳng. Chung quanh có rất nhiều cám dỗ để xem: con đường đông đúc, trẻ em chạy chơi chung quanh, lũ ruồi đang quấy rối nó, một số đứa khác lại trêu chọc và ném sỏi vào nó. Nó muốn mở mắt ra xem vị thầy đã tới hay chưa. Một giờ trôi qua, hai giờ trôi qua, ba giờ, bốn giờ - nó đã ngồi đó suốt cả sáu giờ! Sáu giờ sau, vị thầy đến nói: “Này con, cuộc thi nhập học của con đã xong. Hãy đi vào, con sẽ trở thành một thiếu niên có ý chí mạnh mẽ. Con sẽ có quyết tâm trong con để làm bất cứ điều gì con muốn. Ngồi được năm hay sáu giờ nhắm mắt ở lứa tuổi này quả là một sự kiện lớn”. Vị thầy ôm lấy nó và nói: “Con đừng lo, người ta đã sai những đứa bé đó trêu chọc con đấy. Người ta sai chúng phá con một chút để dụ xem con có mở mắt ra không”.

Vị Lama viết: “Lúc đó, tôi nghĩ rằng người ta đã đối xử với tôi quá nghiêm khắc, nhưng bây giờ, lúc gần cuối đời, tôi cảm thấy lòng tràn đầy biết ơn với những người đã từng nghiêm khắc với tôi. Họ đã đánh thức một điều gì đó trong tôi, một sức mạnh ngầm nào đó đã trở nên hoạt động”.

(Hành trình nội tại của Osho do Chánh Tín biên dịch).

Cách giáo huấn kiểu ấy theo tôi thật là tuyệt vời, một phương pháp xoáy sâu vào tâm lý hơn cả giáo dục mười lần để lưu ấn tượng vào tâm thức trẻ vô cùng hữu hiệu. Nhìn chung, cả đôi bên đều cố gắng chịu khó nhẫn nại đầy can trường mà đạt đến mục đích. Con đường Phật đạo dài lâu hun hút trong vô số kiếp luân hồi, hành giả cần phải trải qua bao nhiêu cuộc ma sát nẩy lửa mới toại thành tâm nguyện. Để người kế thừa có được cái quyền và được tự do xếp đặt công việc mà tôi gọi nôm na là giao việc phải tin tưởng. Với nhận định “người có trách nhiệm nhất là vị thầy phải xét xem trình độ khả năng của người thích hợp để giao phó công việc. Kinh nghiệm cho ta thấy một số những công việc không hoàn tất hay thành tựu là do những điều

kiện hoặc hoàn cảnh làm trở ngại. Yếu tố tài chánh cũng góp phần không nhỏ trong công việc, nếu biết theo đúng phương pháp, tinh thần rõ ràng, sòng phẳng. Hãy ngồi lại kiểm điểm những ưu khuyết điểm, người trách nhiệm phải chỉ rõ những điểm sai, đưa ra cách giải quyết để khắc phục. Người nhận việc nên lắng nghe, nhận khuyết điểm sửa sai; chắc chắn công việc của tổ chức sẽ được duy trì... Trước khi muốn giao việc phải nhắm tới người nhận việc có đủ khả năng hay không? Hoàn cảnh có thuận lợi để người ấy nhận lãnh vai trò được giao phó không? Đừng kiểm soát quá chặt chẽ hay xen vào những việc nhỏ. Khiến khó xử, cho dù thân thiết như cha con hay thầy trò cũng vậy. Phàm làm việc gì cũng phải có lập trường và dứt khoát; đối với người lãnh đạo mà tư tưởng lúc thế này, lúc thế khác, tức là không quyết định dứt khoát, chắc chắn khiến cho công việc khó trôi chảy mà nhiều lúc công việc hoằng pháp bị đình đốn ngưng trệ”. Tuy nhiên người thực hiện Phật sự cũng phải biết lắng nghe, học hỏi kinh nghiệm của sư trưởng, bằng hữu để bổ túc cho việc làm của mình được đầy đủ đạt kết quả tốt. Như thế mới xứng đáng kẻ hậu sinh biết chu toàn trách nhiệm của mình trong sứ mạng tuyên dương giáo pháp làm hưng long Tam Bảo.

Buông xả không có nghĩa buông xuôi: Con người sống ở đời chúng ta ưa nắm bắt quá nhiều, bằng chứng hiển nhiên: đứa bé mới sinh ra đời hai tay đã nắm chặt không mở. Nắm giữ nhiều thứ mà cụ thể là tiền bạc, của cải, danh vọng, địa vị, tình yêu, sự nghiệp, tham lam, nóng giận, hơn thua, được mất, khổ vui, nhiễm tịnh... Người ta phải khổ nhọc vất vả mất công săn đuổi suốt đời mà kết quả tay trắng vẫn hoàn trắng tay, vì chẳng giữ được gì khi hơi thở chấm dứt.

Sự thật này không đủ sức thuyết phục con người từ bỏ những ham muốn trần tục, nên ai nấy cố ra sức trong thời xuân trẻ chiếm hữu, tranh đoạt lúc về già cho bằng được, dù phải hy sinh đến thế mấy, người ta vẫn cố níu bám không chịu buông xả. Kể cả người đệ tử Phật chưa đi sâu vào Phật lý cũng không ngoại lệ, trong mấy cái tầm thường như chuyện ăn, ngủ, làm việc, giải trí, tình dục, bạn bè, tiếp xử, giận ghét, ghen tức, thù hận v.v... Thế nên, suốt cả cuộc đời con người cứ đuổi theo những danh vọng hão huyền, những bóng hồng trong tâm tưởng, cho tới lúc hơi tàn lực kiệt, hỏi mấy ai từ bỏ, buông xả? Bàu nhiệt huyết hay sự hăng say của con người lúc trẻ là vậy, hễ cái gì đã lọt vào tay là cố siết chặt hơn mạnh thêm kéo sợ buông mất. May nhờ Đức Phật ra đời chỉ dạy lý vô thường, luật nhân quả... mà chuyển hóa được tâm ý người đời. Nếu như suốt đời bạn chưa hề chứng kiến cảnh tử biệt sanh ly của người thân, làm sao bạn có thể hiểu được đời vô thường để dự liệu tới phiên mình. Bạn chưa đau khổ vì người yêu thì không có đủ kinh nghiệm trong tình trường như những người thất bại khác. Để tiến trên con đường đạo một cách vững chãi và an lạc, Đức Phật dạy chúng ta buông xả, cho chí hai tay đã buông xuống hết vẫn chưa gọi buông xả. Như câu chuyện chàng Vô Não cầm dao rượt đuổi theo Đức Phật khi xưa, là một bài học vô cùng thâm thúy với những ai có quan tâm. Hầu hết chúng ta cũng hết Vô Não, cứ nghĩ rằng hai tay mình phải sạch là bỏ hết không còn giữ lại gì. Buông xả như thế quá dễ, quá giản dị ai làm lại chẳng được. Cái khó là buông cái tâm kia mới quan trọng, một khi tâm bám chấp chưa chịu rời, liệu có gì buông nổi không? Nêu dẫn thêm chuyện đời nay: Một hôm gặp đạo hữu Chúc Cảnh tới chùa Pháp Bảo lễ Phật, thường thì ông đi xe đạp từ nhà rồi bỏ xe lên xe lửa, tới trạm gần chùa xuống xe, ông mới đạp xe vào chùa. Ông tuổi 86, kể ra như thế cũng hãy còn khỏe hơn nhiều người khác đi đứng không tự nhiên. Đốt hương lễ

Phật xong ra ngoài gặp tôi, tôi chào đón và hỏi: lâu nay sao ít thấy ông đi chùa?

Ông vừa cười vừa trả lời:

- Độ này sao trong người lôi thôi quá!

- Có nghĩa là: ...

- Nghĩa là các cơ bắp đã trở nên mỏi mệt, đi đứng chậm chạp không còn như lúc trước, tụi nhỏ (đám con) không cho ra ngoài một mình, vì sợ té ngã phải mắc công nằm nhà thương.

- Theo tôi, ông vẫn còn đi xe đạp ngon lành mà!

- Coi vậy chớ hay quên bắt tử lăm ông ơi!

- Nhưng có một thứ mà ông không bao giờ quên đâu. Đó là tiền, ông đồng ý?

- Ủ hế! Cũng là chuyện lạ đời chứ!

Nói chung không những tiền bạc mà bất cứ thứ gì hễ tâm bám chấp thì không cách nào buông bỏ được. Ở đời năm thứ tình, tiền, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ như bám sát chúng ta không rời gang tấc, nên ai cũng khổ lụy, than van nhưng không thoát ra được. Riêng tôi chưa buông xả hết, ngồi kiểm điểm lại cũng gặt hái được nhiều điều khả quan:

Không sử dụng Iphone, không xài business cards, không lái xe, không nữ sắc, không cà phê, không thuốc lá, không ủi quần áo, không có thẻ tín dụng, không bỏ công phu... Nếu chỉ có thế, lại cũng chẳng khác gì người buông hai tay; còn cái tâm kia mới ác liệt chứ. Tự cung khai lý lịch tắt ngang của tôi thế này: tánh tôi hay nóng giận đồ lửa, nhưng nay tuổi lớn rồi, hạ hỏa rất nhiều. Nếu phải kể, nó đã giảm xuống tới bảy chục phần trăm. Thêm một điều tệ hại khác là tánh độc tài mà ở đời chẳng mấy ai ưa, tôi đã vun vén nó vuron lên tới tột đỉnh. Ai làm không vừa ý là net, chê liền tại chỗ... và tôi đã thất bại với các vị cộng tác ở chùa, ít ra cũng làm phật lòng vài ba Phật tử buồn phiền không ít. Việc đó giúp tôi khắc phục cải thiện, sửa sai

mãi, cho tới nay sau nhiều năm đãi lọc, đã bỏ được đến sáu chục phần trăm. Hiện giờ tôi đang áp dụng điều cần hành: việc ác đã sanh khiến cho tiêu diệt, là một trong bốn pháp chánh cần giúp hành giả trong tiến trình tịnh hóa thân tâm.

Theo tôi, người chiến sĩ có thời kỳ hưu chiến, còn tăng sĩ không có chế độ nghỉ ngơi đó, họ phải luôn luôn chiến đấu ngày đêm trừ ba độc tham – sân – si để thanh tịnh ba nghiệp: thân – khẩu – ý. Tham sân si trừ dứt là một bước tiến nhảy vọt như cây đã đốn gốc dù có mạnh đến mấy cũng không đủ sức vươn lên được nữa. Thân cây rể cái yếu đi thì các rể phụ không có gì đáng kể, đáng lo cả. Vấn đề là ta phải sửa soạn đất tâm bằng phẳng bơm năng lượng vào mầm Bồ Đề cho cội tuệ giác sum suê đâm chồi nảy lộc, kết quả giải thoát an lạc, niết bàn tịnh cảnh.

Bầu trời cao rộng: Suốt mấy hôm liền, trời Đông Kinh trở lạnh đến độ tàn nhẫn, có hôm tôi phải mặc đến 5 lớp áo nhưng vẫn cảm thấy chưa thấm đủ vào đâu so với cái lạnh cắt da của tiết trời cuối đông Nhật Bản. Đôi khi hai tay bị tê cứng lúc có dịp ta phải ra ngoài nên trông như có vẻ thừa thãi, lúng túng mặc dầu vẫn biết tay chân là bộ phận quan trọng của cơ thể.

Sứ Quán Úc tại Tokyo báo cho hay bằng điện thoại là tôi đã có Visa. Khi chưa nhận được giấy tờ gì, tôi đã nhiều lần hối thúc họ sớm đúc kết hồ sơ cho trường hợp hi hữu xin nhập cảnh vào Úc của tôi bằng nhiều cú phone không mấy được hài lòng, vì hồ sơ của tôi đã được chính phủ trung ương chấp nhận từ ba tháng trước. Mặc dầu vậy, khi đã hay tin có giấy chiếu khán chính thức, tôi không cảm thấy khoái mà lại đâm ra lo là bởi nhiều duyên cớ. Trước đó không lâu, tôi có nhận được một điện tín hỏa tốc của một người không tên đánh đi từ Cabramatta, lưu ý tôi mấy việc khi tới Úc. Không phải những lời hăm dọa cản ngăn được con đường tôi đang đi mà là những bủa vây, dọa

dẫn nói về những gì đang xảy ra tại Úc nhất là tại Sydney, thuộc về các tổ chức, hội đoàn Phật giáo làm tôi đâm lo ngại đến độ phải dè dặt. Một tháng sau, tôi lại nhận được một lá thư thật thâm tình của người quen cũ, cũng với thái độ e dè, úp mở, anh ấy viết cho tôi rất nhiều về những sự việc mà tôi tạm gọi là không mấy tốt đẹp của một vài hội đoàn Phật giáo. Cho tới giờ này, khi đã đặt chân tới Úc, tôi mới nhận ra là anh bạn vì ở quá xa Sydney nên chưa nắm rõ được hết mọi diễn tiến của vấn đề cho thật trọn vẹn. Nhưng khi vừa tới nơi, tôi cũng đã viết phúc đáp cho anh ấy để đa tạ lòng tốt mà anh đã dành cho tôi trong việc đã kể ra một số các dữ kiện làm hành trang nhập cuộc.



Cây Bồ Đề trong sân chùa Pháp Bảo, Sydney

Vừa lấy xong Visa, tôi phải lo một chỗ ngồi trên phi cơ cho chuyến đi mạo hiểm sắp tới, mặc dù tôi đã có sẵn trong tay

từ hơn hai tháng trước. Khi tới quầy vé của hãng Philippine Air Lines ở phố Yuraku – Cho –Tokyo ghi tên giữ chỗ, tôi mới cảm thấy tấm vé như dài thêm ngày tháng hơn ra. Họ buộc tôi phải chờ bốn tuần lễ và chỉ được quyền ghi tên chờ để chờ xem có hành khách nào thiếu may mắn vào giờ chót hủy bỏ chuyến bay như trường hợp bị đau ốm, tai nạn chẳng hạn, để tôi mới có thể chen vào thế chỗ được. Thôi đành ghi tên đại cho ngày sang Úc của tôi là 15/2.

Những ngày sau đó, những mối lo ngại trong tâm cứ luôn bám sát quanh tôi. Tôi gọi điện thoại thẳng lại cho bộ phận văn phòng chính của hãng máy bay ở Nagacho để xác định lại một lần nữa là tôi đã có ghi ở chi nhánh rồi, để may ra hồi thúc họ xếp đặt một chỗ ngồi cho tôi. Thật tình tôi nóng lòng muốn biết chắc ngày đi của tôi để giã từ mấy người quen thân cũng như tiện việc báo tin cho bên Úc hay để một số quý đạo hữu tiện bề hướng dẫn.

Đối với tôi, Úc Châu là một xứ mà mọi việc hãy còn xa lạ, ngỡ ngàng! Tôi những tưởng văn phòng chính của hãng máy bay có đủ thẩm quyền để tin tưởng được, nào ngờ họ vẫn lập luận bằng những điều mà tôi không muốn nghe thêm nữa. Họ nói thêm:

- Xin ông gắng chờ, chúng tôi sẽ dành ưu tiên số một cho ông, khi nào có chỗ trống chúng tôi sẽ báo cho ông ngay.

Tôi trả lời là tôi tin tưởng vào lời văn thương mại của ông là sự thật. Độ một tuần sau, tôi điện thoại lại văn phòng hãng một lần nữa để biết kết quả ra sao. Họ cho hay là họ cũng muốn có một chỗ để cho tôi đi cho rảnh nợ, nhưng hiện lúc đó việc sắp xếp một chỗ ngồi như thế hình như vượt ngoài khả năng của họ. Thật là buồn năm phút, tôi liền sắp đặt kế hoạch, chả cần nói chuyện với mấy ông airmen chính hiệu nữa. Tôi trở lại hòa hoãn với chi nhánh, nơi tôi đã có dịp tiếp xúc lần đầu. Nhìn vào tấm vé có ghi dấu ám hiệu ưu tiên của tôi, cô thư ký bấm loạn xà ngẫu vào máy tính computer, vừa cười vừa bảo tôi

là OK. Tôi đâm ra lo ngại, bèn hỏi lại một lần nữa cho chắc là cô không đùa đấy chứ? Cô ân cần chỉ cho tôi từng nút chấm đỏ đã có người và phần còn thừa ra một khoanh trống trắng dành cho ông khách báo khổ chính là tôi. Cô cũng lại giở món chương nhà nghề ra để đáp lễ tôi bằng một đòn đau điếng là “Chắc ông hài lòng rồi chứ?”

Tôi lanh mồm chương tiếp bằng một đòn tâm lý nhẹ cân rằng tiền tôi đã bỏ ra, tôi muốn có được một cái quyền tối thiểu như ý. Theo như tấm vé có ghi sẵn hàng chữ đỏ là khi nào quý khách muốn đi, xin ghi tên giữ chỗ trước đó 72 tiếng đồng hồ. Thế thì tại sao quý vị hành hạ tôi quá! Cô ta coi bộ áp dụng thủ ngôn ngữ nhà nghề không khá đối với một ông khách chậm hiểu, bèn hạ giọng:

- I am sorry.

Tôi bèn làm một màn cảm ơn cô ta và trở về trong niềm vui nho nhỏ. Từ đó mới yên chí là mình đã biết chắc chắn ngày giờ lên đường để còn lo xếp, gói hành trang cho một chuyến đi không hẹn ngày trở lại.

Ngày đi càng gần kề, công việc càng dồn dập khiến tôi suốt ốm và sụt giảm mất mấy kí lô. Gia tài sự nghiệp của tôi chẳng có là bao nhiêu, ngoài sách vở ra, tôi không còn bất cứ món đồ quý giá nào khác. Sách đối với tôi là một thứ gia bảo vô giá nên luôn luôn được trân trọng, giữ gìn. Một số bạn bè biết ý nên khi muốn tặng tôi quà, thay vì mua thứ nọ vật kia kèn càng vô ích, lại biếu tôi vài cuốn sách nghiên cứu, tôi rất hài lòng. Cho đồ đạc vào thùng xong, tôi còn phải ỳ ạch khuân ra bưu điện để gửi. Mỗi thùng đồ phải bị giới hạn do quy định của luật lệ giao lưu quốc tế. Có vài lần, vì muốn nhét thêm mấy quyển sách nhỏ vào một lỗ trống nào đó của chiếc thùng rồi khệ nệ mang tới bưu điện để còn phải cân lại, bị họ buộc phải tháo ra, coi bộ thật vất vả và tốn công. Tưởng những lần như vậy đã

làm cho tôi sáng mắt ra, nhưng vì cái cân quá độ ở nhà nên tôi vẫn bị buộc phải lấy bớt đồ ra nhiều lần nữa.

Ân nhân và thân hữu khi hay tin tôi sắp rời xa Nhật, điện thoại tới thăm hỏi thật thâm tình và mời dự nhiều buổi tiệc chia tay rất cảm động qua những lời nhắn gửi đúng nghĩa Việt - Nhật đề huề. Thượng Tọa Kyjyo Nishimura, ông thầy bảo đảm của tôi đã dặn dò chí thiết. Ông bảo rằng:

- Thay vì trở lại Việt Nam, ông lại đi sang một chân trời xa lạ khác, nghịch chiều với Nhật Bản, thế thì khi nào thì trở lại thăm chơi?

Tôi nghẹn ngào đến rơi nước mắt. Tôi trả lời thầy như đùa là chừng nào có đủ tiền tôi sẽ ghé thăm xứ Anh Đào thơ mộng và cũng để thăm thầy luôn thể, lúc đó chắc thầy già lắm! Thầy như không được mấy hài lòng với câu nói hư hư thực thực của tôi. Sau cùng, thầy chỉ dặn tôi cố gắng giữ gìn sức khỏe là điều trên hết. Tôi hứa là xin thầy cứ yên tâm, vì từ khi đặt chân tới Nhật cho tới ngày rời khỏi là 7 năm, tôi chưa tốn tiền đi bác sĩ. Khí hậu lạnh xứ đảo mà cơ thể tôi cũng chịu đựng được nổi thì đối với một xứ nóng có vẻ Việt Nam như Úc, tôi nghĩ, mọi việc sẽ được tốt đẹp. Thầy yên tâm và tin những lời tôi là sự thật.

Trong số các thân hữu, anh T.C.T đã khóc trước mặt tôi thật sự. Theo anh, đối với tình gia đình, anh chưa từng tỏ ra quyến luyến nhiều, nhưng đối với tôi, T. phải mũi lòng khi nói lên lời từ giã để đưa tôi về một xứ xa mà anh em thường cố ý đùa là “qua bên kia thế giới”.

Sáng 15 tháng 2, bầu trời Tokyo như tối sầm lại khiến tôi đâm lo, nếu chẳng may có tuyết rơi hay sương mù làm cản con tàu mang tên số 431 của tôi lại thì bất hạnh cho tôi quá, vì đã báo tin tôi tới Sydney ngày giờ hẳn hoi rồi.

Hôm tiễn tôi ra phi trường có thầy C.T., M.T., A.T. và các anh TCT, NTB, NVT. Chuyên bay cất cánh lúc 14 giờ mà

tôi phải rời nhà từ 10 giờ cho kịp, vì từ Tokyo tới phi trường Narita phải mất gần 3 giờ tàu điện kể cả xe bus. Đến nơi, tôi chỉ còn thừa 45 phút để cân hành lý và qua các thủ tục xuất cảnh thông thường. Trái với dự định là sẽ có một cà phê mạn đàm để cho thỏa tâm chân tình mà chur vị đã ưu ái dành cho, mọi người chỉ có thì giờ để nghỉ tại phòng đợi không đầy 10 phút, và như chưa ai tỏ được ra câu gì thì chiếc loa oan nghiệt đã réo gọi hành khách liên hồi, khiến chúng tôi đành cắt ngang câu chuyện để người đi chỉ kịp ngoái cổ, vẫy tay chào kẻ ở lại và người ở lại như không mấy hài lòng cho một việc chia tay quá vội đến như thế! Cổng vào phi cơ khép lại để tách biệt hẳn hai lối đi dành cho hành khách và người đưa tiễn. Tâm trạng tôi lúc đó thật khó mà diễn tả ra được bằng lời. Thôi xin giã từ tất cả và chúc lành đến với mọi người. Tôi một mình khuất hút đi vào bên trong mấy lớp cửa kính để còn nhìn lại bên ngoài thấy mọi người còn đang đứng đó đợi chờ... Qua khu cấm địa thứ nhất, tôi trình vé máy bay và họ đưa số thứ tự chỗ ngồi đã ấn định sẵn. Cổng oan nghiệt số hai cũng sắp được mở ra để cho hành khách, nếu là người đi biệt như tôi, phải trả lại những giấy tờ cần thiết cho chính phủ Nhật. Tôi trình Visa, họ đòi thẻ ngoại kiều và Passport. Sau khi xem các giấy tờ của tôi xong, viên chức Bộ Di Trú lật qua lật lại cái thông hành của tôi, vì ông vốn biết giấy ấy vừa mới hết hạn hôm tháng 11 năm rồi. Ông ta bèn mở một màn đạo đức giả hỏi tôi:

- Giấy của ông đã hết hạn thế này sao chính phủ Úc cũng chấp thuận cho nhập cảnh định trú vĩnh viễn?

Tôi không muốn dài dòng tốn thì giờ vô ích vì chuyến bay cũng sắp tới giờ, hơn nữa, người Nhật họ cũng muốn cho mình đi cho rảnh nợ, có điều thiếu thấp hương đưa tiễn thôi. Tôi chỉ cười và nói rằng “Mặc dầu giấy tờ của tôi như vậy đó mà họ thuận cho tôi đi mới hay”. Ý tôi muốn nói là ông có tức thì đi kiện đi nhưng theo phép xã giao sơ đẳng, tôi không tiện diễn đạt ra thành lời. Thấy tôi ăn nói khó nghe, ông ta bỏ sang màn

khác, bèn hỏi tôi đi rồi còn trở lại Nhật nữa không? Tôi hạ mình xuống 90 độ và chậm rãi đáp:

- Thưa ông, nếu có đủ điều kiện tôi sẽ tới thăm quý quốc, ngại gì, nhưng mà liệu lúc đó quý ông có cho tôi nhập cảnh nữa không?

Ông ta tỏ ra lúng túng hiện ra trên nét mặt qua câu nói thật lễ độ và có hàm lưỡi câu ở bên trong. Tôi giao hoàn món nợ tiền khiên qua tay ông là thể ngoại kiều mà tôi hằng canh cánh bên mình trong suốt thời gian du học. Ông cười trừ, vì biết là đã thua trí một người đồng chủng giống da vàng đã từng ăn ở, học hỏi, giải trí nơi đất Phù Tang văn vật qua nhiều năm tháng. Ông ta bảo:

- Được rồi, xin thành thật cảm ơn sự lao khổ của ông trong thời gian lưu trú tại nước chúng tôi.

Mới nghe qua câu nói, ta có cảm nghĩ thật là đạo đức, nhưng đối với tôi câu ấy có phần trêu tức nên cảm thấy không được hài lòng một chút nào cả. Công oan trái số ba sắp diễn ra. Tôi đi vào một lối đi xa hun hút, lạnh lùng như một tên tử tội sắp bị đem ra hành quyết. Tại đây, họ buộc tôi phải bỏ tất cả hành lý xách tay ra để cho qua máy rà. Theo tôi, có lẽ họ kiểm soát vật nguy hiểm chăng? Tôi nhận lại đồ ở phía bên kia, cách chỗ tôi đứng chừng năm thước. Họ lục soát tôi đến độ thậm tệ khắp cả mình không còn sót một chỗ nào cả, xin lỗi, chỉ còn chừa một chỗ bất khả xâm phạm mà thôi. Một viên cảnh bị bóp nhằm cái máy tính bỏ túi áo và hỏi tôi vật gì cứng cứng, tôi cho hay là món đồ an toàn không phương hại tới luật pháp quốc gia. Họ thấy tôi không còn chỗ nào đáng nghi nữa, bèn xin lỗi, cho đi. Từ đó vào tới thang máy bay, con đường xa tít bí mật. Tôi đi biệt khuất dần có một mình, nhỏ dần.

Vào ngòi được an toàn trong lòng phi cơ tôi mới nghĩ rằng chuyến đi này đã được thành tựu. Lúc đó vừa đúng 13 giờ

45 phút. Vì một vài trục trặc về kỹ thuật nên chuyến bay bị trễ độ 30 phút tức 2 giờ 30 phi cơ mới cất cánh.

Động cơ máy bay chuyển động làm hành khách rợn người. Tiếng máy phóng thanh inh ỏi lưu ý mọi người thắt dây nịt an toàn, rồi toàn thân phi cơ từ từ nhúc nhích. Tôi biết mình sắp được nhấc bổng lên cao xa dần mặt đất. Độ 15 phút sau, con tàu trù trù rồi chuyển bánh, chống đầu lên cất cánh nhẹ nhõm rồi khỏi phi đạo vùng lên!

Thế là tôi đang già từ xứ Nhật thân yêu. Bầu trời Tokyo như nhỏ lại, xa dần. Tôi hận mình đã bỏ lộn mấy cuốn sách vào va li đồ thừa ký phải gởi theo giá đắt lúc này, giờ đây không có gì đọc cho vui. Ngồi cùng hàng với tôi còn có 4 người Phi Luật Tân trẻ tuổi khác. Họ đang trở về nước sau một chuyến du lịch ngắn. Họ bắt chuyện hỏi tôi đi đâu. Tôi trả lời là cuộc hành trình của tôi còn dài và sẽ đi trót tuyến đường còn lại khi tới Manila, nghĩa là tôi còn phải đổi chuyến bay để sang Sydney. Họ lấy làm tiếc là một việc kém vui, vì 4 nam nữ thanh niên này đều xuống khi tới lãnh thổ họ. Ngồi lâu tôi không biết phải làm gì cho hết giờ, bèn mượn báo Japan Times để đọc cho tỏ ra ta cũng là một “foreign passenger” hạng nặng. Thật tình tôi đâu có chú tâm tới những gì có ở trong trang báo! Tôi đang để tâm tới tận đâu đâu xa thăm thẳm, mù khơi! Nhìn ra bên ngoài, tôi thấy toàn một màu mây trắng. Trước khi đi, một vài thân hữu cũng căn dặn tôi khi gần đến thủ đô Phi, chịu khó nhìn ra phía ngoài để thấy bầu trời Việt thân yêu, để mà thương cho thân phận lưu lạc, chia lìa. Tôi cố ý nhìn, nhưng trời sắp nhá nhem tối.

Lúc phi cơ hạ cánh tại phi cảng quốc tế Manila thì đã suýt soát 7 giờ. Máy bay đang hạ dần xuống và hành khách lại được lưu ý về dây nịt an toàn. Tôi cũng nịt lại cho nó được bảo đảm. Trời ơi! Phố thị như tươi hẳn ra với ánh đèn màu xanh đỏ giống hệt như thủ đô Sài Gòn thuở nào!

Bầu trời xứ Phi vào đêm quang đảng quá! Nóng ơi là nóng! Những cục nọ áo ấm mang từ Nhật sang khiến tôi cởi bỏ ra không kịp. Lúc đó mới thấy như thừa đồ ra không biết nên bỏ vào đâu cho tiện. Tôi lại mấy gian hàng gần đây để mua một cái túi ni lông xách tay mới có thể giải quyết được tận gốc cái sự luộm thuộm này. Nghe tôi hỏi mua, cô bán hàng mặc dù không chuyên bán món này vẫn nhờ người tìm cho tôi một cái bao nylon (hình như chỉ để dùng thì phải) với cái nhìn soi mói. Tôi hỏi giá, cô ta bảo xin biểu ông chớ giá cả gì. Tôi cảm ơn trong niềm vui khó tả và cứ nghĩ họ tốt như thế này với một du khách xa lạ như tôi.

Tại phòng đợi, ngoài tôi ra, còn có một thanh niên người Nhật, sang Úc theo chương trình du học lữ hành (vừa học vừa xem qua cách sinh hoạt) tự túc ngắn hạn một năm, không còn bất cứ một người mũi tẹt da vàng nào khác. Một tiếng đồng hồ sau, tôi lại càng thấy xa lạ hơn khi có một chuyến bay khác vừa trút hành khách đủ cả các sắc dân mà tôi không thể nào phân biệt nổi là người của nước nào cả. Tôi nói với anh ấy:

- Anh nhìn xem, ở đây chúng ta không tìm thấy bóng dáng của một người như mình đi cùng chuyến nữa mà là người của năm châu bốn biển.

Anh ta khom người liếc xem và nói rằng câu nói của tôi gọi cho anh nhớ nhà và muốn trở về ngay, chớ không muốn đi tiếp nữa.

- Trước khi đi Úc, tôi đã gặp sự chống đối của gia đình vì tôi là con cả, anh nói tiếp.

Câu nói chân tình của anh làm tôi đâm ngại, mặc dầu tôi cũng đang mang một tâm trạng đa diện, xô bồ lúc này.

Lúc 8 giờ tối, độ 300 hành khách được đưa tới một nhà hàng sang trọng cách đó chừng 500 thước bằng xe bus để dùng cơm tối. Thay vì chuyến bay 211 khởi hành đi Sydney lúc 9 giờ 15 như trong vé đã ghi, bây giờ lại được đổi lại là 10 giờ 40 tức 23 giờ 40 giờ Nhật Bản, nên bữa cơm được kéo dài hơn một

tiếng đồng hồ để hành khách khỏi có cái cảm giác dư thừa thì giờ.

Sau khi cơm nước xong, họ đưa chúng tôi trở lại phòng đợi. Đồng hồ đã chỉ 10 giờ 30, rồi 10 giờ 40 mà cũng không thấy ai nhúc nhích. Không khí nhộn nháo của hành khách trong phòng khiến cho nhân viên hàng không khó chịu, hay là họ khó chịu ngay chính họ vì đã gây ra sự chậm trễ này. Mọi người chỉ mong được thông báo là phi cơ bị trễ vì bất cứ một lý do nào đó để được an tâm. Nhưng tất cả vẫn ngồi yên bất động. Tôi đâm ra lo và hỏi anh bạn Nhật phải chăng chúng ta đã nghe lầm chuyến bay. Nếu chẳng may mọi người đã đi hết mà chúng ta còn ngồi đây thì anh nghĩ sao? Lúc đó gương mặt anh ta trông thật thảm não làm sao! Tôi biết anh ta không còn để ý đến chuyến bay nữa. Anh trả lời tôi rằng còn có mọi người đang chờ chớ không riêng gì chúng ta đâu mà bận tâm. Dù vậy, tôi vẫn chưa an lòng, vì họ toàn là những người xa lạ nói đủ các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý, Bồ, Bỉ, Á-Rập... ai mà hiểu cho nỗi. Đúng 11 giờ rưỡi, mọi người mới được gọi lên xe bus ra cổng số 2 để đến chiếc phi cơ số 211 đang chờ ở đó từ lúc nào. Con tàu cũng khá lớn đủ để chứa được độ trên dưới 300 hành khách. Mọi chỗ ngồi đều có người choáng hết cả. Phi cơ bắt đầu cất cánh lúc 12 giờ 10 ngày 16. Tất cả chúng tôi đều quá mệt mỏi vì buồn ngủ nên hình như chẳng ai để ý tàu ra khỏi phi đạo từ lúc nào. Ai nẩy đều có dễ giấc ngủ hay chớp mắt một chút cũng đủ sức để chịu đựng qua đêm. Lúc này đây là lúc tôi nghĩ rất nhiều về xứ Việt thân yêu, vì ở đó có biết bao nhiêu kỷ niệm đậm đà. Tôi ước gì con tàu chuyên hướng để cho tôi đi về đất mẹ tôi mơ! Và khi đó tôi cảm nghe tâm trạng mình cũng không lấy gì làm khác với anh bạn người Nhật đã bộc lộ lúc nãy. Tôi đâm ra cảm nín lại thường để nhìn ra ngoài những tầng mây to tướng trắng đục đang lững lờ trôi dạt trong bầu trời xa lạ, xanh lơ! Sao tôi lại có thể đi được như thế này? Thế thì ngày về xứ

Việt của tôi hãy còn xa lãng lác, vì tôi đang nghĩ tới tấm giấy chiếu khán định trú vĩnh viễn tại Úc.

Chỉ trong vòng 3 năm sau, tôi có quyền thay đổi quốc tịch. Tôi đang nghĩ tới lúc đó tôi không còn là Vietnamese nữa mà sẽ là Australian chính hiệu. Ý nghĩ của tôi lúc đó đã tới hồi nặng ký và đầu óc đâm ra căng thẳng thậm tệ. Tôi cố dỗ giấc ngủ để tìm lấy một chút bình an cho tâm hồn, nhưng tôi nào có chợp mắt được! Tôi lại lo lắng là tại phi trường Sydney có nhiều người đang đợi tôi qua nhiều giờ mòn mỏi. Như dự định thì chuyến bay sẽ tới nơi lúc 7 giờ 45 sáng nay. Tôi nhìn vào đồng hồ, kim đã chỉ 1 giờ 30 mà con tàu như hãy còn dật dờ luyến tiếc xứ hoa lệ trời Phi nên chưa chịu bay bổng nhanh hơn như ý tôi muốn.

Phó mặc cho dòng ý thức đi qua, tôi không muốn nghĩ gì khác hơn là chuyến bay sớm tới đích để may ra có tìm lại cho mình được một chút thanh thản, an bình nào không, còn như theo cái đà này, đầu óc tôi chắc sẽ vỡ tung ra mất trước khi đặt chân lên đất Úc. Tôi cố nhắm mắt lại để quên những hình ảnh quen thuộc cứ hiện về rõ mồn một. Còn con đường tương lai nữa! Rồi đây tôi phải làm gì? Phương pháp áp dụng ra sao? Và những gì tôi phải đương đầu khi tới Úc? Bao nhiêu ý nghĩ hỗn độn, xô bồ làm tôi khó chịu. Thật đúng như mấy câu thơ:

Đi là chết trong lòng một ít

Vì chẳng mấy khi muốn mà lại được đi

Xin rất nhiều nhưng chấp nhận chẳng bao nhiêu...

Trời sáng dần, tôi nhìn ra bên ngoài, nhiều đám mây trắng mỏng man dại dật dờ như muốn làm quen với con tàu mang nhiều hành khách sang xứ Úc xa xôi, nhưng làm sao mây đuổi theo cho kịp vận tốc quá nhanh của con tàu nặng trĩu hai cánh xòe đang lướt gió ngàn theo một lối mòn quen thuộc qua những chuyến đi về cố hữu lâu nay?

Thật đẹp, phương đông một màu hồng đỏ ửng, tôi không còn phân biệt nổi đâu là bên bờ, lãnh thổ quốc gia. Trời cao, đất

thăm, mây bay, mây trăm mạng con người đang lơ lửng giữa độ cao 4000 thước như đi không muốn nổi, vì vận tốc quá nhanh của phi cơ khiến cho ta không còn có cái cảm giác quân bình được nữa.

Vừa đúng 9 giờ sáng, mọi người như ức đoán mơ hồ là con tàu đang lướt nhanh về phía ranh giới Úc, khiến ai nấy đều thò đầu nhìn ra ngoài. Máy bay thấp dần, núi đồi trùng điệp với những cánh đồng cò bay thẳng cánh khiến cho ai nấy mỗi mắt dõi nhìn... Hằng gì xứ Úc rộng có khác, tôi nghĩ thầm trong bụng. Lúc 9 giờ 40, phi cơ hạ cánh. Tôi cứ nghĩ đó là phi trường Sydney. Phi cơ vừa tắt máy, hành khách được thông báo là hành lý cứ để nguyên tại chỗ. Thì ra vì lý do đình công nên máy bay không thể đến trực tiếp Sydney được. Tại đây hành khách được dẫn đi như đàn gà con bước theo chân mẹ. Ai nấy đều có vẻ dại khờ đến độ quê mùa, cho dù to con lớn xác như dân Đức, Anh... cũng cần có kẻ dẫn dắt, chỉ đường, vì xứ này đâu phải là quê hương của chính họ!

Sau khi trình giấy tờ để được đóng dấu Melbourne vào tấm vé nhỏ cầm nơi tay, tôi mới hay là mình đã ghé một nơi không định trước. Một lúc sau, mọi người lại trở lại phi cơ để tiếp tục chuyến bay độ một giờ nữa. Tàu hạ cánh mọi người thở phào nhẹ nhõm vì biết rằng chuyến đi như vậy được xem như an toàn. Hành khách sắp hàng ra cửa để làm thủ tục nhập cảnh vào Úc. Tới lượt tôi, mặc dù tôi đã điền đầy đủ phiếu lý lịch được phát cho tôi trên máy bay hơn 3 giờ trước, viên chức sự vẫn nặng nề phang thêm một câu:

- How long do you stay in Australia?

Tôi phần đã mệt, phần nóng lòng không biết bên ngoài cửa còn có ai đủ can đảm chờ chuyến bay trễ 5 tiếng của tôi không, không trả lời mà chỉ đưa tay chỉ vào góc bên phải của tờ giấy Visa có ghi chữ “Indefinite”. Ông ta có vẻ hài lòng, đóng dấu cái cộp rồi khoát tay cho tôi đi để người sau kế tục. Đến

chỗ nhận hành lý, tôi chờ cho đồ đạc của mình đi qua để nhận lại đủ số 3 thùng. Khi nhận được đồ, tôi nhìn lại thì thiên hạ đã chớp mắt hết trội mấy cái xe đẩy. Tôi phải khó khăn lắm mới chạy lại được hàng góc xa đẩy một cái xe ỳ ạch lại để khuôn đồ lên rồi đưa ra ngoài. Thay vì bị mở va li kiểm soát từng món như những người ra trước, tôi lại đẩy thẳng xe ra ngoài theo cánh cửa tự động mà chẳng thấy có ai để ý tới mình.

Thôi thì nhẹ nhõm, phơi phới. Nhìn về phía tay phải ở đằng xa, tôi đã thấy quý bác, các anh chị cầm cờ Phật giáo vẫy chào, mừng thầy đến. Tôi đưa tay cao đáp lễ mọi người rồi tiếp tục đẩy xe đồ đi ra. Mọi người đều vui vẻ, hài lòng phụ giúp tôi đưa đồ ra khỏi xe. Thấy quý bác vui vẻ, tôi cũng vui lây, mặc dầu trong người tôi cảm thấy không được khỏe lắm sau một thời gian dài lo lắng cộng thêm sự mất ngủ. Được mọi người thăm hỏi, tôi cũng nói chuyện huyên thuyên, giờ nghĩ lại không biết lúc ấy mình đã nói những gì? Có điều chắc chắn là mặt mày tôi hốc hác đến độ khó coi. Một ký giả báo “Sydney Morning Herald” đến xin chụp một tấm hình theo lối xã giao thượng đẳng. Họ đã tỏ ra hết sức lịch sự với một người có lối ăn mặc khác thường như tôi và tấm hình chụp được biết sẽ được đăng trên báo để trình với dân bản xứ là có một ông sư người An Nam vừa đặt chân tới bản địa và định đặt bản doanh luôn tại vùng đất Sydney văn vật này.

Do cách ăn mặc lạ mắt của tôi mà nhà báo muốn tò mò tìm hiểu về gốc tích cùng sự nghiệp gia phong. Tôi buộc lòng phải nói thật cái học nghiệp không mấy khá ở một xứ xa và những dự định trong tương lai. Thật tình thì tôi không muốn hình mình được đưa lên báo, vì mặt mày xấu xí qua nhiều đêm mất ngủ. Vả lại, tôi cũng muốn hoạt động âm thầm, không cần ai biết tới.

Ra khỏi phi trường Sydney, tôi mới thấy rõ mình thật sự đã có mặt tại Úc Châu mà từ lâu tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Thay vì sang Hoa Kỳ, Gia Nã Đại... tôi lại chuyển hướng để đến đây với một ý niệm chân thành là muốn gần gũi để săn sóc tinh thần cho đồng bào Phật tử từ mọi lớp tuổi, nếu thấy hợp cảnh, thuận duyên. Tôi cùng đi với quý bác, mấy anh trên xe hơi thẳng về ngôi chùa không tên số 1. Bởi vì chùa đã được khánh thành, hay nói đúng hơn là lễ An vị Phật đã được thực hiện trước đó 2 tháng, nhưng mọi người đều dành cho tôi cái quyền ưu tiên là đặt tên cho ngôi chùa chưa có tên này. Ai cũng nghĩ là chuyện khôi hài, nhưng đó lại là sự thật.

Tôi không muốn viết thêm dài hơn nữa những gì sau đó mà chỉ muốn đúc kết một chuyến đi. Có người chắc sẽ thắc mắc hỏi: Tại sao lại dùng đề tài kỳ cục, khó hiểu, tôi xin được trả lời rằng cái đầu tóc và chiếc áo nhà tu cũng đã khác đời rồi, thì mong quý vị cũng niệm tình hoan hỉ...

Trưởng dưỡng đạo tâm: Đề cập tới trưởng dưỡng đạo tâm ở đây e không ổn. Vì có người sẽ nêu lên câu chất vấn: nếu vậy xưa nay quý thầy, quý sư cô ở chùa làm gì? Mới nghĩ vấn đề dường như không thực tế, nhưng chính ra nó đúng thực với đời thường. Vì đời đạo song hành kia mà! Mượn câu nói của Khổng Tử áp dụng trong trường hợp của đời người: “Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh (người 30 tuổi phải có sự nghiệp tức là công việc làm ổn định, đến khi đã 40 tuổi không còn sai lầm nữa và từ 50 tuổi trở đi người ta lo tu tâm dưỡng tánh).

Mặc dù lúc trẻ người ta cũng để ý tới đạo, nhưng niềm tin không sâu bằng lúc đã bước vào tuổi trung niên. Ở vào lớp tuổi này con người đã chứng chạc vững các mặt gia đình, con cái, sự nghiệp, tiếp xử... mặt tư tưởng cũng xoáy sâu vào

hướng tâm linh, ta nghĩ tới tuổi già và đường tu niệm có nhiều thuận duyên thích hợp. Thử tạm chia cuộc đời của người tăng sĩ ra thành 3 giai đoạn:

- Tăng sinh từ Sa di lên Đại Đức: 10 tuổi đến 25 tuổi
- Hoằng pháp từ Đại Đức lên Thượng Tọa: 25 tuổi đến 40 tuổi
- Kiến lập đạo tràng: từ 40 đến 70 tuổi.

Giai đoạn ba cũng là thời kỳ mà vị giáo phẩm dành thì giờ nhiều hơn cho việc tu niệm để trưởng dưỡng đạo tâm thiết thực nhất. Từ trưởng dưỡng đây có nhiều ý nghĩa mang tánh cách chuyên môn mà một người tăng trẻ chưa già dặn đủ kinh nghiệm để theo đuổi. Phải đợi tới lớp tuổi 60 trở lên tất cả mọi việc đều đã sẵn sàng thầy dành thì giờ tu niệm, quán chiếu sâu các pháp: vô thường, khổ không, vô ngã là 3 pháp ấn. Vì nó mang dấu ấn sẵn như vậy không thể khác được. Thời kỳ này ở đời gọi là hưu trí, nhưng trong đạo là thời gian quan trọng đối với người tăng sĩ. Tùy theo khả năng và tâm nguyện, thầy tự lập thời khóa công phu và làm việc. Có vị say mê trong việc dịch kinh, viết sách, làm thơ, có vị nhập thất ẩn tu dứt hết mọi duyên bên ngoài. Nếu không còn bận lo chùa chiền, đệ tử, bổn đạo... thầy rảnh rang tâm trí để trọn vẹn thì giờ vào việc tu tập, quả là điều lợi lạc biết bao nhiêu. Hiện giờ Phật giáo đang cần có những vị chân nhân, tôn giả như thế để làm biểu tượng cho Phật pháp được trường tồn. Chỉ cần các vị ngồi đó không nói gì nhưng qua đạo phong như nói lên tất cả. Tương tự, có vị mở đạo tràng nơi non cao rừng vắng qui tụ đồ chúng dạy chuyên về Kinh, luật, luận, Kim Cang thừa hay Mật Tông, là một hình thức khác cũng chung cùng ý nghĩa nói trên. Một bậc chân sư như thế, chúng ta đang cần và luôn cầu nguyện cho tâm nguyện của người con Phật đạt thành. Hầu hết chúng ta tu tập chỉ mới đi tới giai đoạn thấy đạo hay kiến đạo. Do vậy ta cần phải đi qua giai đoạn tu đạo và chứng đạo thì mới có sự chuyển hóa và

giải thoát. Có vị tỳ kheo mới làm được chút ít Phật sự hay học được giáo lý sâu mầu của Phật liền có cảm giác cho rằng cuộc đời mình đã được thay đổi. Thật tế không phải dễ dàng như vậy, vì giữa cái thấy và biết cách nhau khá xa như người tìm vàng thấy được vàng; chuyển hóa cũng giống đãi lọc tinh luyện vàng và đem vàng dùng làm gì, ấy là trị liệu vậy. Như thế cũng chỉ có tính cách tương đối, đối với đạo thời gian tu tập phải trải qua nhiều kiếp không dễ một sớm một chiều đạt được nên việc chứng đạo cũng dài lâu như thế. Cần nắm bắt ý niệm buông xả cách tinh tế mới trị dứt chứng tham – sân – si; căn bệnh đã trừ tức là thân tâm trở nên khỏe mạnh.

Thân tâm khỏe mạnh lành lặn là người có hạnh phúc an lạc. Nhờ có sự chuyển hóa mà được an lạc nên luôn tỉnh thức, người có tỉnh thức mới suy quả tìm nhân mà chặn đứng được mọi kết quả không lành. Đó là đạt đạo giải thoát.

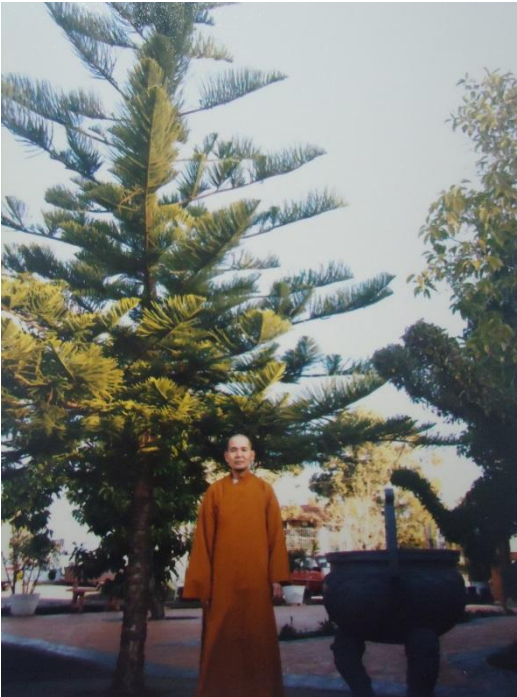
Nêu dẫn kinh thí dụ thêm: “Đừng bị kẹt vào một trong hai cực đoan. Những gì mà ta tiếp xúc nếu biết là chúng có tính cách nguy hại thì ta phải quyết tâm buông bỏ, đừng vướng víu. Đừng làm một điều gì để sau này ta sẽ oán trách chính ta. Phải biết từ khước nhìn và nghe những gì có thể làm cho tự thân ta ô nhiễm” (kinh Ưu Điền Vương, do Thích Nhất Hạnh dịch giải).

Bám víu, ôm chặt do mắc vào tánh cực đoan nên chúng sanh mê lầm đi trong lịch kiếp luân hồi, vì thế Phật dạy chúng ta phải buông xả để được rảnh rang tự tại. Và: “những cái gì ta đã ngỡ là của ta, cần được buông bỏ. Những giáo pháp minh sát cần phải nắm lấy để hành trì. Nếu tha thiết muốn có lợi ích chân thực thì mình sẽ đạt được tuệ giác về Không, bởi vì nhìn vào các pháp và thấy được tướng không của chúng cho nên mình biết tất cả vốn là không” (kinh Tu Đà Lợi, do Thích Nhất Hạnh dịch giải). Do chấp thủ ta không thấy được nghĩa không của lời Phật dạy, nên đâm ra nghi ngờ về chỗ thấy, nghe của mình, nên

giờ đây: “Vị sa môn đối với tất cả các pháp, không còn có nghi ngờ gì nữa. Với những gì thấy và nghe, vị ấy thường làm phát khởi chánh niệm để nhận diện. Vị ấy là kẻ đã thực sự nghe và thấy được (bốn) sự thật, là kẻ có nền tảng và năng lượng của sự hành trì, là kẻ không còn tạo tác nghiệp thế gian, và không còn bị kéo theo sáu đối tượng của giác quan nữa” (kinh Ma Kiệt Phạm Chí, do Thích Nhất Hạnh dịch). Đó là ý nghĩa Phật dạy về sự buông xả mà người xuất gia không thể không ứng dụng trong tu tập để đạt đến mục đích.

Nhập vào dòng pháp lạc: Lúc đầu mới ra diễn giảng tôi lo lắng đủ chuyện, nhìn xuống thính chúng mình không tự chủ được, mặc dù tôi có đứng lớp mà vẫn mang tâm trạng ấy, hướng chi người chưa từng xuất chiêu bao giờ. Nỗi lo lắng của tôi chung qui có mấy điểm: sợ nói sai giáo lý, không giải đáp trôi những vấn nạn, khớp trước số cử tọa trí thức, quên hay lạc đề bị quê... Nhưng tôi có kỹ thuật riêng của mình như soạn kỹ dàn bài, chép các đề mục chính trong lòng bàn tay, photo trang sách cần thiết để trước mặt... Nhờ đó, mỗi lần lên bục giảng tôi nói thoải mái, dần dần thành quen không lo lắng nữa. Vả lại, cũng học hỏi thêm từ những giảng sư khác, họ chỉ dẫn nhiều điều cần thiết và tôi lấy đó làm kinh nghiệm. Vị giảng sư phải có đủ hai tiêu chuẩn này là bảo đảm thuyết phục được thính giả: hiểu giáo lý thông suốt (sâu sắc) và khoa ăn nói giỏi; ngoài ra sắc diện tươi vui, cử chỉ tự nhiên, hài hước và nghệ sĩ tánh v.v... cũng là lối thu hút người nghe chú ý theo dõi bài giảng từ đầu chí cuối. Không có gì chán nản bằng bên trên thầy giảng còn bên dưới cử tọa ngồi ngủ gật hay nói chuyện, làm cho đôi bên đều mệt mỏi; nhất là đừng để buổi giảng tắt ngang mà phải gây được không khí hào hứng cho mọi người thoải mái. Món bửu bối mà tôi thỉnh thoảng có đem ra xài là đừng hẳn không tiếp tục nói lúc đang giảng, nếu nghe phía dưới thính chúng nói

chuyện hay nghe điện thoại. Làm như vậy, tự động người ngồi bên nhắc khéo làm cho hội trường trở nên linh hoạt cũng làm đương sự áy náy ngừng ngay động tác thiếu lịch sự của mình. Nghệ thuật diễn giảng cũng phải biết tâm lý thính chúng, nếu thấy họ mệt mỏi giảng sư phải thay đổi ngay cách trình bày, chẳng hạn nghỉ giải lao 10 hay 15 phút hoặc mời một người lên hát hay kể chuyện vui hay chính thầy công hiến tiết mục vui, nếu thấy hợp sở thích của mình. Việc diễn giảng với tôi sau 5 năm đã thành quen thuộc, có khi tới hội trường mà chưa có đề



*Dù nắng hạ mưa đông, tùng vẫn
màu xanh lục*

tài trình bày, tôi mời thính chúng chọn chủ đề để tôi triển khai buổi giảng cho mọi người nghe. Việc đó có vẻ hơi tự phụ, vì sợ mất thì giờ soạn bài, đọc sách, biên chép nhưng đã chắc gì đầy đủ, sâu sắc ý nghĩa, nên sau này tôi bỏ hẳn cách ấy không còn áp dụng nữa. Thật vậy, một bài giảng giá trị phải có chiều sâu, còn để lại trong lòng người nghe nhiều điều bổ ích lợi lạc.

Đi nghe vị giảng sư không phải tới xem mặt vị ấy có dễ coi

không, già trẻ thế nào, giọng Trung, Nam, Huế hay Bắc mà theo dõi đề tài có rõ ràng mạch lạc không, để rút tĩa bài học tu tiến,

nên không giống như xem cải lương, hát bộ hay kịch nghệ. Mặc dù đây cũng là môn nghệ thuật nhưng là siêu nghệ thuật, nên có hơi kén khách một phần. Xác định như thế thì vị giảng sư không gì khác hơn là một nghệ sĩ đa năng mới đóng trọn được vai trò diễn giảng.

Những năm đầu mới định cư tại Sydney, chùa còn thiếu người tôi phải làm nốt mọi việc như trong buổi đại lễ, vừa diễn giảng đồng thời cũng là Trưởng Ban Tổ Chức. Đây bước sang phạm vi khác, tôi kể ra để quý vị Trú Trì rút kinh nghiệm. Chùa Pháp Bảo Sydney mỗi năm có 3 đại lễ: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán, mỗi lần như vậy qui tụ khá đông đồng bào Phật tử. Trước lễ một tháng hay vài tuần tôi rất lầy lăm lo lắng nhiều khía cạnh: thời tiết, người hợp tác, sự cố bất thường nên lần nào cũng hơi ngao ngán đại lễ diễn ra. Thế nhưng, không làm sao tránh khỏi tổ chức đại lễ cho được, nhưng nay thì tình thế hay hoàn cảnh có khác, tôi không còn bận tâm lo lắng những ngày đại lễ nữa mà xem mọi chuyện bình thường như ngày tháng năm đi qua vậy thôi.

Điều lo lắng đó của tôi chưa bày tỏ với ai, nay mới chính thức công khai ghi lại đây để lưu niệm.

Thời tiết tại Sydney vào tháng 5 dương lịch Phật Đản thỉnh thoảng có mưa, còn như lễ Vu Lan tháng 8 mưa hầu như thường xuyên. Trời không những mưa mà còn vùn vùn làm giông làm gió nữa mới ớn chớ. Lễ đài dựng lên, Phật cụ trưng bày trang trí, quan khách có mặt, vũ khúc dâng hoa... đã chuẩn bị đâu đó xong xuôi. Nếu chẳng may trời không thương chiếu cố cho trận mưa, dịp lễ xem như húp cháo, là từ lóng mà quý thầy hay nói đùa vui. Từ gần 30 năm về trước, tết Quý Hợi 1983 chùa Pháp Bảo lúc bấy giờ còn thuê nhà tạm tại Lakemba, chúng tôi tổ chức hội chợ Tết, mượn công viên Willey Park của Hội Đồng Thành Phố Canterbury. Sáng hôm tổ chức lễ trời mưa

tâm tả chung quanh vùng đông Sydney, lúc công phu sáng 6 giờ bên ngoài bầu trời đen nghịt, tôi tung kính xong, đứng nhìn ra cửa sổ thấy rêu, trong bụng cứ nghĩ: cái cảnh này thức ăn biết phải xử lý làm sao cho hết đây? Ai tới dự hội chợ Tết để bán thức ăn, trình diễn văn nghệ? Vì đây là lễ hội Tết đầu tiên của chùa bày ra trước công chúng. Tôi vẫn giữ vẻ bình tĩnh, nhưng tâm luôn cầu nguyện cho trời dứt mưa; cho tới 9 giờ sáng, mặt trời lộ hiện, tôi đốc thúc các Ban tiến hành mọi thứ cho kịp lễ khai mạc lúc 10 giờ 30. Cờ xí, biểu ngữ, các gian hàng được dựng lên chớp nhoáng và lễ diễn ra như dự định. Khách dự khá đông, thức ăn chay, bánh chung, bánh tét được nhiều người ưa thích mua về dùng dịp Tết. Các gian hàng, nhất là bánh mứt được khách hàng chiều cố nhiều nhất, kể đến tới các món chay thơm ngon cũng được bà con nhiệt tình ủng hộ. Đồng thời trong ngày hội chợ còn có lễ hăng thuận của Micheal Robert - Lan, nên cũng có phần xôm tụ với nhiều màu sắc hấp dẫn. Hội chợ cho tới lúc 15 giờ là chấm dứt. Sau khi Ban Tổ Chức đã thu dọn đồ đạc rút về vừa đến chùa, trời đổ mưa như thác không kịp thoát nước. Đó là trận đầu chùa thoát nạn trong sự hân hoan và tin tưởng của nhiều người. Vài năm sau, tới lễ Vu Lan là trời xáng mưa lớn vào ngay cuối tuần Pháp Bảo tổ chức lễ, nhưng có điều lạ là mưa ở đâu thì mưa mà ông trời vẫn chừa vùng chùa lại mới nhiệm màu đầy huyền bí. Ân đức mà Pháp Bảo thừa hưởng qua nhiều lần như vậy, nên có người cá với nhau về chuyện mưa hay không trong những dịp đại lễ. Không những Phật tử mà quý thầy cũng nghĩ ông trời thương thầy Bảo Lạc nên chưa gặp tả toi trong một cuộc đại lễ nào ở Pháp Bảo. Người trong cuộc, tôi lại không nghĩ vậy, phước đức có lúc đầy lúc vơi, làm sao có đủ cho ta tự tin được; nếu nghe vị nào bàn về sự mầu nhiệm tại chùa tôi liền đính chính: Không đâu, đó là chuyện cũ – việc của mấy năm về trước – nay chùa không còn giữ được thuần túy như vậy đâu. Quý vị chờ xem, sau lễ hãy kết

luận hẳn cũng chưa muộn. Đúng là nhờ Phật gia hộ, mọi Phật sự chùa Pháp Bảo từ đầu tới nay đều thành tựu viên mãn.



*Quanh năm lá vẫn xanh tươi
Cội tùng chôn chở che người thiện tâm*

Nói qua về phân nhân sự ủng hộ chùa cũng tương đối đông, nhất là quý vị Ưu bà tắc, từ trước tới nay cũng vậy, có tăng chú chưa giảm. Tại sao tôi phải lo lắng nhiều người phụ tay trong dịp đại lễ? Vì tôi e không làm xong được việc lớn nên phải lo thôi, chẳng hạn, những vị phát tâm vào các Ban, nhưng tới ngày lễ lại bị bệnh, đi xa, có người thân qua đời, con đau bận săn sóc, có khách ở xa tới thăm... Không phải những trở ngại sao? Hay lo là tánh tôi xưa nay, thật ra, tới ngày lễ có nhiều

người không ghi danh mà vẫn tới giúp việc đông gấp hai lần trong Ban Tổ Chức. Điều đó nên đáng mừng chứ sao lại lo nhỉ! Như của cải cha mẹ để lại con tiêu xài lâu ngày cũng phải hết; thì sự phát tâm công quả của Phật tử có gì bảo đảm còn hoài? Do suy nghĩ đơn giản như vậy nên tôi với trách nhiệm phải chu toàn trong công việc phụng sự Tam Bảo. Còn những gì là biến cố hay sự việc bất thường? Ở đời chúng ta sống không làm sao làm hài lòng được hết mọi người, có chỉ trích phê phán, gây nên những sự cố là điều không thể tránh được. Cho nên “phòng bệnh hơn chữa bệnh” là câu nói trên đầu môi của mọi người; huống chi tôi do ít phước kém tu nên có số người không thích, vì lẽ đó họ có thể thử thách xem mình có đủ sức nhẫn nại vượt qua? Thật ra từ trước giờ công việc Tam Bảo của Pháp Bảo luôn được thuận duyên trôi chảy, không gặp sự cố nào làm ngăn chướng khó khăn cả. Vẫn có khó khăn nhưng rồi mọi việc đều thành tựu như ý nguyện.

Cảm niệm chân thành để tạ ơn Tam Bảo, thầy tổ, ân sư, phụ mẫu... mật thù gia hộ bằng nhiều phương tiện mà mắt phàm ta không nhận ra được. Nhờ hồng ân chư Phật, Phật pháp nhiệm mầu trợ duyên cho đệ tử rất nhiều trong mọi thời gian và hiện tại để làm Phật sự; gần bốn mươi năm (1967 – 2005) làm việc, từ 10 năm nay tôi lui về sống gần gũi núi rừng, thiên nhiên, thú rừng, cây cỏ... thật là an lạc và tâm đắc. Đây là nguồn pháp lạc hay tặng phẩm có được xin dâng lên hồi hướng về pháp giới chúng sanh đều viên thành Phật đạo. Nguyện cầu đất nước Việt Nam được tự do, người dân no ấm có nhân quyền và các quyền căn bản; cầu nguyện Phật pháp mãi trường tồn và thế giới chấm dứt binh đao để người người nhận chân ra được vị Phật tương lai nơi bản tâm.

*(Tu viện Đa Bảo vùng đồi núi Blue Mountain) (Lithgow)
ngày 19 tháng 2 năm 2012 (28 tháng giêng năm Nhâm Thìn).*

Tỳ kheo Thích Bảo Lạc

Thu sang

*Thu đã sang rồi ai có hay
Cỏ cây thay áo dáng thân gầy
Lá vàng lác đác lìa rơi rụng
Tiếc nuôi vờn lên thoảng gió bay*

*Thu đã sang rồi huynh có hay
Sắc thân tàn lụn những tháng ngày
Tâm tư phờ phạc so đo tính
Níu kéo được nào vụn tâm tay*

*Thu đã sang rồi đệ có hay
Lốp lốp bồi thêm tuổi hạ dày
Tác cao, hạnh cả chừng như đã
Tóc bạc, da mỗi tẻ hại thay!*

*Thu đã sang rồi tỷ có hay
Nương thân vào chốn cửa không này
khỏa khuây kinh kệ tu hạnh xả
Mặc cuộc phù vân mãi vẫn xoay*

*Thu đã sang rồi muội có hay
Tổ, Thầy trông cậy những ai đây?
Này huynh, này đệ, này tử muội
Đạo pháp chung lòng quyết dựng xây*

*Thu của năm nào thu vẫn đây
Núi non, đồng nội khắp đông tây
Thôn trang, phố thị cùng vũ trụ
Lững thững lưng trời xám sắc mây.*

Sông Thu

*Núi đồi Đa Bảo, tiết Thanh Minh 6/4/2006
Campbelltown NSW Australia.*

Sách cùng tác, dịch giả



- Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo <i>Tái Bản Tại HK</i>	<i>Lần thứ tư</i> 83
- Như Giòng Ý Thức	Pháp Bảo 84
- Tông Phái Phật Giáo Nhật Bản (Dịch)	Viên Giác 85
- Cho Cây Rừng Còn Xanh Lá (Thơ Sông Thu)	Pháp Bảo 85
- Hồng Ân Khảo Luận	Pháp Bảo 86
- Hương Sắc Thiên Quán	Pháp Bảo 86
- Hướng Về Đông Phương Mẫu Nhiệm	Pháp Bảo 87
- Luận Đại Thừa Bảo Yếu	Pháp Bảo 88
- Những Đóng Góp Của HPGVN Tại NSW	Pháp Bảo 89
- Kinh Hoa Thủ (Dịch)	Pháp Bảo 90
- Qui Sơn Cảnh Sách (Dịch)	Pháp Bảo 91
- Cho Trọn Hiếu Ân	Pháp Bảo 91
- Văn Thù Vấn Kinh (Dịch)	Pháp Bảo 91
- Kinh Vô Cấu Xung (Dịch)	Pháp Bảo 92

- Diệu Lý Nhân Quả Báo ứng (Dịch)	Pháp Bảo 92
- Kinh Danh Hiệu Phật (Dịch)	Pháp Bảo 93
- Mây Nước Thanh Bình	Pháp Bảo 94
- Kinh Tịnh Luật & Báo Tạng (Dịch)	Pháp Bảo 95
- Kinh Âm Trì Nhập (Dịch)	Pháp Bảo 95
- Đối Thoại Thiền 1	Pháp Bảo 96
- Truyền Thống Đẹp	Pháp Bảo 97
- Bát Nhã Lý Thú (Dịch)	Pháp Bảo 98
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Tinh Nghĩa (Dịch)	Pháp Bảo 98
- Luận Giải Kinh Kim Cang Bát Nhã (Dịch)	Pháp Bảo 99
- Kinh Kim Cang Bát Nhã Tinh Yếu Giảng Luận	Pháp Bảo 00
- Kinh Bát Nhã Nhân Vương Hộ Quốc (Dịch)	Pháp Bảo 01
- Kinh Bát Nhã NVHQ Thần Bảo Ký (Dịch)	Pháp Bảo 02
- Kinh Văn Thù Sám Hối Diệt Tội (Dịch)	Pháp Bảo 03
- Kinh Kiết Tường & Tán Dương CĐ Chư Phật	Pháp Bảo 03
- Đối Thoại Thiền Tập 2	Pháp Bảo 03
- Kinh Báo Nữ Thịnh Văn	Pháp Bảo 04
- Từ Lòng Đất Nở Hoa	Pháp Bảo 04
- Tinh Túy Những Bài Tán Phật Bồ Tát I, II, III & IV	Pháp Bảo 05
- Tinh Hoa Bát Nhã Tâm Kinh (Dịch)	Pháp Bảo 05
- Nhân Vương Bát Nhã (Dịch)	Pháp Bảo 05
- Hoa đàm ngát hương	Pháp Bảo 06
- Bách Trượng Thanh Quy (dịch)	Pháp Bảo 07
- Kinh Đại Tập & Công đức trang nghiêm	Pháp Bảo 08
- Nguồn mạch tinh khôi	Pháp Bảo 09
- Thoáng quyen ân từ	Pháp Bảo 10
- Ấn độ trầm mặc	Pháp Bảo 11
- Chân đế - Tục đế dung thông	Pháp Bảo 12





*Hình chụp năm tác giả (Thích Như Điển)
65 tuổi (11. 2.2013)*

MỤC LỤC

trang

Chương I	: Tuổi thơ	201
Chương II	: Mốc thời gian	231
Chương III	: Xuất gia học Đạo	239
Chương IV	: Hương lúa chùa quê	267
Chương V	: An cư, thọ giới	283
Chương VI	: Những ngôi chùa nổi tiếng tại Hội An	299
Chương VII	: Xa Hội An	327
Chương VIII	: Tạm biệt Sài Gòn	353
Chương IX	: Đại Học Nhật Bản	371
Chương X	: Trở lại Việt Nam	387
Chương XI	: Trở lại chùa xưa	403
Chương XII	: Lời cuối	423
Cùng một tác giả		431
Phương danh ấn tống		435

Tuổi thơ

Đất nước Quảng Nam trong hiện tại có nhiều người ngoại quốc biết đến là nhờ có phố cổ Hội An và Mỹ Sơn. Đây là hai địa phương trong lúc chiến tranh ít có người nhắc đến; nhưng vào thời bình, đã có rất nhiều người vắng lai. Đứng về phương diện lịch sử thì đã có nhiều người biết; nhưng đứng về phương diện địa lý cũng như địa linh nhân kiệt thì quả là Quảng Nam có nhiều điều đáng nói, trong đó có hai địa danh này.

Từ năm 1600 đến năm 1640 cửa biển Hội An luôn có thuyền buôn tấp nập đến từ Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ và xa hơn nữa như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Pháp, Ý v.v... Vì lễ Chúa Nguyễn ở Đàng Trong chủ trương tự do mậu dịch; trong khi đó vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài sợ áp lực của Trung Quốc; nên ngoại giao với chính sách bế quan tỏa cảng.

Từ đó đến nay suốt trên dưới 400 năm lịch sử đã có không biết bao nhiêu người đến và cũng có không biết bao nhiêu người đã ra đi và cũng không ít những người đã nằm xuống tại thành phố này. Có những ngôi chùa được xây lên và cũng đã có không biết bao nhiêu thành trì bị đập phá. Cũng có lắm trường học được tân trang trên những ngôi chùa cổ của Chiêm Thành còn sót lại một vài di tích cũ. Hội An nằm bên bờ

sông Thu, chảy ra cửa Đại. Vì vậy Hội An là cái đích để cho bên lở bên bồi và thành phố này cũng đã phải hứng chịu không biết bao nhiêu thiên tai, lụt lội và bão táp, mưa sa. Thế nhưng ngày nay Hội An vẫn còn đó với những mái ngói rêu phong cổ kính được lợp theo lối âm dương theo người nhà Minh bên Trung Quốc. Vì lẽ cư dân ban đầu đến đây là những người chạy tỵ nạn nhà Thanh (1640) và mong phục hồi lại nhà Minh, nên những gì tốt đẹp của nhà Minh, người Trung Quốc tỵ nạn tại thành phố này đều giữ gìn rất cẩn mật.

Dòng sông Thu Bồn bắt đầu từ thượng nguồn của dãy Trường Sơn, mang phù sa đến bồi đắp cho các làng dọc suốt một chặng đường dài trước khi đổ ra cửa Đại. Dòng sông này ngày nay đã đi vào thi ca và lịch sử. Sông không sâu nhưng cũng đủ để cho trẻ mục đồng ngạo nghễ dắt trâu qua lại đến giữa dòng. Mùa mưa nước đổ xuống từ thượng nguồn đã khiến cho dòng sông trở nên hung dữ. Chính sông này đã nuôi sống không biết bao nhiêu con người, mà chính dòng sông này cũng đã mang theo không biết bao nhiêu sinh mạng của người và vật khi những cơn lụt lội tràn về.

Mỹ Sơn nằm về mạn Bắc của Cầu Chìm và Hòn Non Trục. Đây là địa danh và là kinh đô cổ nổi tiếng của người Chăm vào thế kỷ thứ 10 đến 16. Vua Trần Nhân Tông gả Huyền Trân Công Chúa cho Chế Mân vào cuối thế kỷ 13, có lẽ nàng đã về làm dâu tại cố đô này. Sau khi rước dâu về nước, hai Châu Ô và Châu Lý mới được sát nhập vào nước Đại Việt của chúng ta. Do vậy kinh đô này đã nổi tiếng một thời qua mỗi tình Chiêm Việt cách đây 700 năm ấy.

Ngày nay Mỹ Sơn cũng chỉ còn lưu lại dấu vết của những thành quách đã đổ nát; nhưng đã vang bóng một thời. Bây giờ nếu có ai đó tìm lại chôn này cũng chỉ để nhớ thương

cho một thời dĩ vãng đã trôi qua trong ngậm ngùi thương tiếc. Vì người xưa bây giờ đâu còn nữa.

Tổ Tiên tộc Lê của tôi có lẽ đã từ Thanh Hóa hay Nghệ An vào đây lập nghiệp từ thuở xa xưa ấy và làng tôi được sinh ra nằm tại ấp Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, quận Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam ngày nay. Địa phương này nằm gần Quốc lộ số 1 và ở vị thế trung gian giữa Mỹ Sơn và phố cổ Hội An; nên vấn đề giao thông cũng rất thuận lợi.

Ngày xưa chắc nơi này còn trống vắng; nên Hạc về nhảy múa, quây quần; nên những người di dân đến đây đặt cái tên nghe thật hay, vì có sự hiện hữu của loài chim quý ấy chăng? Tên thôn đã đẹp mà tên xã cũng đẹp nữa. Vì nơi đây có con sông Thu Bồn uốn khúc; nên gọi là xã có dòng sông đẹp và xã này là 1 trong 18 xã của quận này chung quanh bao bọc bởi sông; nên gọi là Duy Xuyên. Ông bà mình ngày xưa khi đặt tên địa phương thường hay chọn những danh từ tượng trưng hay tượng thanh để đặt và ngay cả tên người cũng vậy. Đây có lẽ là cái chất phác của nhà nông đã sản sinh ra những tâm hồn thật thà như vậy.

Tôi ra đời tại nơi đây vào năm 1949. Thời điểm này mới sau khi chấm dứt Đệ nhị Thế chiến mấy năm (1945) và đây cũng là thời gian tranh giành của các Đảng Phái để đến năm 1954 quê hương tôi lại bị chia đôi vào ngày 20 tháng 7 ở vĩ tuyến 17; nơi sông Bến Hải hiền hòa kia. Quê hương tôi đã nhiều lần bị chia cắt ở sông Gianh, sông Bến Hải và cũng đã được thống nhất nhiều lần; nhưng lòng người ở hai miền bị chia cắt và mỗi lần thống nhất lại với nhau như thế lại nghi kỵ cũng như tìm cách thôn tính, sát phạt nhau. Đây là nỗi đau thương của dân tộc, mà con người phải nhận lấy hậu quả ấy.

Chung quanh nhà tôi ở có vườn và bao bọc vườn có ruộng. Vườn dùng để trồng rau cải cung cấp nuôi dưỡng cho gia

đình. Nếu rau cải dư, nhỏ đem ra chợ đầu làng bán để đổi lấy mắm, muối, cá tôm. Trong vườn nhà có trồng cau, trầu, bí, bầu, mướp, đậu. Trong vườn có thêm chuồng trâu bò và heo gà nữa. Thỉnh thoảng gà vịt cũng hiện hữu trong khung cảnh của một nhà nông ở miền quê.

Nước uống được lấy từ giếng. Nước này dùng để nấu ăn, tắm giặt và chùi rửa. Thức ăn đã có gạo, bắp, cây trái quanh năm nơi vườn nhà cung cấp.

Ruộng có hai loại. Đó là ruộng cao và ruộng thấp: Ruộng cao dùng để trồng khoai lang, sắn, bí, bầu, đậu, rau. Ruộng thấp dùng để trồng lúa và cho nước vào để nuôi sống cây lúa, chờ cho đến ngày trở đòng đòng, kết thành bông, thành trái và chờ ngày lúa chín vàng thì gặt đem về phơi khô để cho vào vựa hay vào lu. Người ta làm ruộng rất công phu. Ngày xưa không có máy móc thì dùng sức người và sức của trâu bò là chính. Đây là sức lực để xới lên những luống đất đã bị bỏ hoang, cỏ mọc um tùm. Sau khi cày xới lên rồi, người ta phải làm cho đất nhuyễn lại và bón phân vào. Tiếp đến hạt giống được tria vào đây và chờ ngày cho hạt giống ấy nảy mầm, sau đó bón phân và tỉa lá v.v...

Trong khi đất thấp phải cho nước vào để cày, rồi bừa; khiến cho đất nhuyễn ra và người ta đem mạ cấy trồng vào nơi những thửa ruộng đã chứa đầy nước và phân này. Độ một tháng sau là lúa đã bắt đầu xanh. Có nhiều loại lúa 3 tháng đã có thể gặt được; nên gọi là lúa Ba Trăng. Có nhiều loại lúa cần thời gian lâu hơn; nhưng ngày nay có những loại lúa trồng trong một thời gian rất ngắn đã có kết quả rồi.

Nhà tôi không nghèo mà cũng chẳng giàu có. Vì trong nhà không có người giúp việc. Tất cả mọi công việc đều do cha mẹ và các anh chị tôi đảm trách. Nếu ngày mùa đến, trong làng hay làm việc theo cách vắn công với nhau; nghĩa là ngày hôm

nay nhà này có cấy lúa thì mấy người chị đến cấy dùm cho họ và ngày sau nhà mình cấy lúa thì những người mà ngày trước mình đi cấy, họ đến nhà mình cấy để trả công trở lại. Đây gọi là cấy vắn công; không tính đến tiền bạc. Không biết ngày nay sau bao nhiêu biến thiên của thời đại và lịch sử công việc nông tang của những ngày xa xưa ấy có còn giữ lại chẳng hay đã vang bóng một thời?



Nhà thờ tộc Lê tại làng Mỹ Hạc, Xuyên Mỹ, Duy Xuyên

Nhà nông mỗi năm có 2 mùa mưa nắng. Mùa nắng họ lo cày bừa gặt hái. Mùa mưa họ lo ươm tằm dệt lụa, chăm nón, hái rau và làm những nghề phụ nhẹ nhàng khác, nhằm tăng thêm phần thu hoạch cho gia đình. Có một lần nào đó tôi đã viết về „chiếc nón bài thơ“ đã có lần đăng trên báo Viên Giác và sau này có đăng vào trong tuyển tập truyện ngắn kỷ niệm 25 năm chùa Viên Giác. Đây là kết quả của những công việc không tên lúc tôi còn nhỏ đã phụ giúp cho gia đình.

Gần xã Xuyên Mỹ là xã Xuyên Châu; nơi dệt lụa và nuôi tằm rất nổi tiếng. Lụa Mã Châu là lụa có tiếng từ xưa đến nay. Nơi đây cũng đã ghi lại dấu chân của người học sĩ tài ba Lê Thanh Hải, sau này đi xuất gia có pháp hiệu là Thích Tâm Thanh. Quê tôi nghèo hơn nhiều quận lỵ khác; nhưng được cái là giàu phước và giàu đức; nên trong làng tôi có đến 50 người đi xuất gia; ngày nay đa phần là Hòa Thượng, Thượng Tọa, Sư Bà, Ni Sư. Riêng gia đình tôi đã có hai vị Hòa Thượng. Nếu kể luôn cả những xã lân cận trong quận thì con số xuất gia khó tính hết được. Vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 vừa qua, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi đã về Chiangmai, Thái Lan để dự lễ khánh thành ba tôn tượng Tây Phương Tam Thánh tại chùa Cực Lạc Cảnh Giới do Thầy Hạnh Nguyễn trụ trì; chúng tôi đã tạo ra một cơ hội thứ 2 để sum họp gia đình (lần thứ nhất vào năm 2010). Lần này chỉ 100 người và lần trước có cả 200 người đến từ Việt Nam tham dự; trong đó những thành viên 4 đời của gia đình gần 100 người và 100 người còn lại kia là quý Thầy Cô và bạn bè đến từ quê hương xứ Quảng. Lần này cháu Lê Văn Sinh phát biểu rất hay, đại ý như thế này:

„Có người nằm mơ, sáng hôm sau trở thành triệu phú; nhưng ít ai có thể nằm mơ để một sớm một chiều mà trong một gia đình đã có hai vị Hòa Thượng đang nổi tiếng một thời“.

Câu nói tuy đơn sơ mộc mạc; nhưng phải trải nghiệm qua một thời gian dài hành đạo trên dưới 50 năm mới có được ngày hôm nay như vậy. Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xuất gia từ năm 1957 đến nay 2013 là 56 năm và tôi xuất gia từ năm 1964 đến nay là 48 năm. Gần nửa thế kỷ ấy, chúng tôi là những người xuất thân từ quê hương xứ Quảng này và chính quê hương Xuyên Mỹ thân thương ấy đã có lần Thầy Hiệu Trương trường Tiểu Học tại đây tên là Phan Thế Tập pháp danh Như Thế đã có bài thơ rằng:

„Xuyên Mỹ ơi! chiều nay ta nhớ lắm
 Nhớ Mỹ Đình xanh biếc những hàng cau
 Nhớ Mỹ Nga chạy dài bên ruộng lúa
 Nhớ Mỹ Xuyên vườn tược muôn màu
 Ta về đây! Ta về thăm Xuyên Mỹ
 Thăm những nàng chằm nón tuổi đôi mươi
 Da trắng, mắt xanh miệng mãi tươi cười
 Tâm hồn đẹp trong thân hình tráng kiện... “

Chỉ ngần ấy vần thơ cũng đã diễn tả được trọn vẹn hình ảnh của quê hương tôi của những ngày tháng thanh bình rồi.



Gian giữa và gian kể nhà thờ tộc Lê

Thời gian từ năm 1949 đến năm 1958 tôi không thể mừng tượng nổi việc gì đã xảy ra với chính mình. Khi hỏi lại anh chị tôi, thì chẳng có người nào có thể kể lại mạch lạc việc gì cả. Có lẽ thời gian đã trôi qua quá lâu và việc nông tang, đồng áng chồng chất lên hai vai người nông dân xứ Quảng nên

chẳng ai muốn để ý đến việc gì của tuổi thơ, đầu cho đó là của mình hay của những người thân trong gia đình mình đi nữa.

Thời gian tôi nhớ rất rõ là kể từ năm 1956 đến nay. Thuở ấy tại làng Mỹ Hạc có một ngôi trường vách bằng phen tre. Mái lợp rạ, có 3 gian dùng để dạy học. Trường này nằm ngay nơi vị trí cây Duối; nên gọi là trường Cây Duối. Cây Duối không phải là cây Đa mà cũng chẳng phải là cây quít, cây mận. Hình ảnh cây Duối không lớn như cây đa, mà cũng chẳng nhỏ như cây quít. Lá màu xanh, cành chen với lá và đến mùa cho quả vàng, lũ học trò nhỏ chúng tôi rất vui khi nhặt những quả này để cho vào miệng; nhưng ở dưới cội Duối này người ta hay đem những bình vôi sứt miệng để vào đó và nhiều người bảo rằng: Nơi ấy linh thiêng lắm; nên bọn nhỏ chúng tôi chẳng ai dám leo trèo lên thân cây Duối, mà chỉ đứng chung quanh để hái quả mà thôi.

Cha tôi sắm cho tôi một bình mực và một cây bút rông (rond), một quyển tập và dẫn tôi đến trường. Hôm ấy là một buổi sáng mai mùa thu năm 1956. Thầy giáo đáng người thấp, tóc hớt ngắn gọn, tuổi độ 18, 20. Ông tên là Trịnh Đức Hoàng. Những ngày đầu ông ta nói gì chúng tôi không rõ, mặc dầu đều là tiếng Quảng Nam. Thầy người xã An Bình vào đây dạy học. Thuở ấy tôi chẳng biết ai trả lương cho Thầy, nhưng chúng tôi thì chỉ có bề chăm lo học tập. Đầu tiên Thầy viết lên bảng mấy chữ cái: a, b, c, d, đ rồi bắt chúng tôi lặp lại. Sau đó tập viết và tập học thuộc lòng. Những ngày đầu lũ trẻ chúng tôi chỉ thích chơi và ít ham học, cho nên Thầy cho về sớm và ngày 2 buổi chúng tôi vẫn cắp sách đến trường như vậy, bất kể là mưa nắng. Ngày trời mưa Mẹ tôi cho tôi một cái Tơi chằm bằng lá núi để đi học. Cái tơi có 2 cánh tay xỏ vào và ở xa trông như một con gà con mới vừa mọc cánh; nhưng rất ấm; nếu có gió lạnh từ phương xa thổi đến. Sau này mới có áo mưa làm bằng Nylon,

chứ ngày ấy bọn học trò chúng tôi toàn làng mang những chiếc áo toi được chằm bằng lá rừng ấy.

Từ vẫn đơn đến vẫn kép, từ vẫn xuôi đến vẫn ngược... cả năm 56 – 57 ấy chúng tôi đã học xong năm dự bị và cũng còn gọi là lớp Năm của thời ấy. Niên khóa sau 1957-1958 tôi được lên trường Mỹ Hiến để học lớp Tư cũng do Thầy Trịnh Đức Hoàng dạy. Niên học ấy tôi chẳng biết mình đã học được những gì; nhưng chỉ nhớ có mấy việc như sau:

„Việc đầu tiên là con đường từ nhà đi qua nương nước, đi quanh qua nhà chị Hai; sau đó qua một bãi tha ma; đến một quán bán lẻ và cuối cùng mới đến trường. Trường bấy giờ được xây bằng gạch và có 4 bức tường ngăn mưa gió; không như trường Cây Duối của năm học vừa qua. Cái ngán của tuổi thơ là sợ ma khi đi ngang qua dãy mồ hoang vắng ấy. Nếu lúc đó có trẻ con nào nghịch ngợm làm ma để nhất, chắc hồn vía tôi cũng sẽ chạy đi chơi nơi khác rồi. Cũng hên là chẳng có trò nào làm việc ấy.

Thấy lũ bạn uống chai xá-xị màu tím tím, xanh xanh phát thèm mà chẳng có tiền để mua. Cứ đứng đó mà nhìn. Chẳng bù lại với ngày nay, có không biết bao nhiêu là nước giải khát; nhưng đâu có uống hết được thứ nào !

Còn trò chơi thưở ấy lũ học trò của chúng tôi bẻ những cây Keo để làm que, còn trái keo dùng để ăn; nhưng rất hôi miệng. Cầm một nộm que và một hòn sỏi thầy lên để đếm hơn thua. Ngoài ra trò nhảy dây và chơi đòn gánh cũng là những môn quen thuộc thưở bấy giờ. Đứa nào hay đội nào thua thì phải cõng đội thắng đi một hay ba vòng. Thế là huê.

Cuối năm 1956 tất cả chúng tôi đều được lên lớp và được dời lên Trường Tiểu Học Xuyên Mỹ ở tận trên Miếu Cây Kén, cách nhà chừng một cây số đi bộ. Niên khóa năm 1958-1959 tôi học lớp Ba; năm 1959-1960 học lớp Nhì và năm 1960-1961 học

lớp Nhất. Các lớp này do Cô giáo Cửu, Thầy Nhượng, Thầy Tài và Thầy Phan Thế Tập dạy.

Thông thường các Trường Tiểu Học thuở ấy chỉ học có buổi sáng và buổi chiều thì học trò giúp việc đồng áng cho gia đình. Những môn học được dạy nơi này là: Toán, tập đọc, văn, công dân giáo dục, sử, thể thao v.v... Chương trình học không khó lắm; nhưng tôi thì học dốt vô cùng. Vì lẽ về nhà không có người kèm thêm. Tất cả đều tự học; nên cuối năm tốt nghiệp Tiểu Học ấy tôi đứng hạng gần chót trong số 36 học sinh lúc bấy giờ. Tự nhiên cũng chẳng buồn, vì chẳng nghĩ đến tương lai là gì và phải cần những gì nữa; nên học xong về nhà xếp vở lại để đó.

Trong những năm học tại Trường Tiểu Học Xuyên Mỹ này tôi có quen thân với hai người bạn tên là Nguyễn Thông và Phan Đức Lợi; nhưng nay thì hai người này cũng không còn trên dương thế nữa để chuyện trò. Phan Đức Lợi sau khi tốt nghiệp Tú Tài II ở Việt Nam, sang Nhật Bản du học vào năm 1970. Năm 1972 khi tôi sang Nhật có gặp Lợi một hai lần. Sau năm 1975 chúng tôi không còn gặp nhau nữa vì chính kiến khác nhau. Bẵng đi một thời gian không liên lạc, sau đó nghe Thông cho biết là Lợi đã bị bệnh gan và đã qua đời tại Nhật cách đây độ 10 năm về trước. Đây là một người bạn thuở ấu thơ vẫn còn ghi đậm dấu ấn, ân nghĩa nghìn trùng.

Người thứ hai là Nguyễn Thông, sau khi xong Trung Học tại miền Trung, Thông vào học Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn; đến năm 1975 tốt nghiệp phân khoa báo chí, sau ra làm cho báo Saigon Times; nhưng cách đây 2 năm Thông đã quy y Tam Bảo với Pháp danh là Nguyên Minh và cũng đã ra người thiên cổ với tuổi đời chỉ mới 62 lúc ấy để lại một vợ và hai con, trong khi con đường công danh còn rạng rỡ. Quả thật duyên và nghiệp, tốt và xấu... cuộc đời này luôn có nhiều mặt khác nhau.

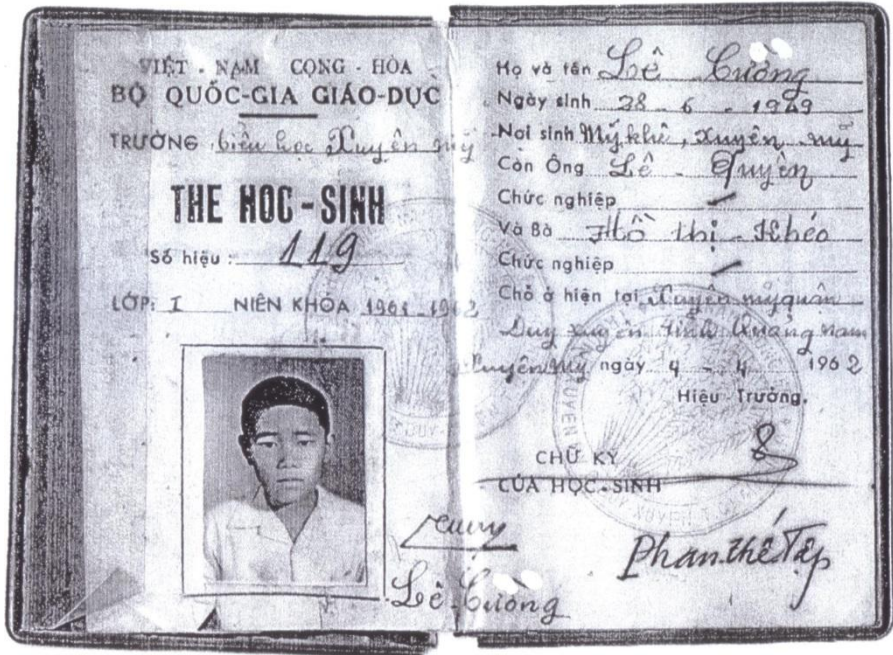
Không ai ngờ được mà cũng chẳng ai tránh được bởi hai chữ vô thường.

Giờ này có nhắc đến hai bạn thời còn học Tiểu Học thuở xa xưa tại làng quê Xuyên Mỹ tôi chỉ nhớ đến gương mặt hiền từ của hai bạn mà thôi. Rồi đây kẻ trước người sau, ai rồi cũng phải bước qua chiếc cầu sanh tử ấy cả.

Dưới những tàng cây phượng vĩ trở bông vào hè nơi mái trường Tiểu Học Xuyên Mỹ ngày ấy đã để lại trong tôi không biết bao nhiêu là dấu ấn của tuổi thơ. Thuở ấy đọc và viết được chữ quốc ngữ là một hãnh diện cho gia đình và cả làng xóm nữa. Cho nên sau Tiểu Học có nhiều người đã tiến vào Trung Học, là những cánh cửa đang đợi chờ họ và mang đến cho họ một tương lai rực rỡ hơn. Còn tôi có lẽ có nhân duyên với cửa chùa; cho nên chùa chiền vốn là nơi quen thuộc để tôi lui tới.



Thẻ học sinh Tiểu học năm 1962 vẫn còn dùng tiếng Pháp



Thờ thanh bình của những ngày tháng có trăng rằm và không trăng như mông một Gia Đình Phật Tử Hà Linh thường sinh hoạt; tôi theo Dĩnh là đứa cháu lớn trong nhà để tập tễnh vào sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử này. Chùa Hà Linh nằm gần Quốc lộ số 1. Từ nhà tôi, muốn đến đây phải trải qua một cánh đồng bát ngát toàn là những ruộng lúa và bí khoai. Ngày nay Chùa Hà Linh vẫn còn đứng sừng sững đó với gió sương và ghi lại không biết bao nhiêu là chứng nhân của lịch sử. Nào là chiến tranh đổ nát thời chinh chiến: Nào là vị Hội Trưởng này qua đời, vị Hội Trưởng kia kế nhiệm. Chùa cũng đã mời gọi các vị Cao Tăng đại đức từ Tỉnh Hội về đây làm lễ quy y truyền giới cho hàng trăm, hàng ngàn Phật Tử và thuyết pháp cho họ nghe để họ trở nên những người lương thiện. Chùa cũng đã nuôi dưỡng những tâm hồn trẻ thơ và nay có những người trở thành Hòa Thượng, Sư Bà... Nơi đây đã sản sinh ra không biết bao nhiêu con người như vậy.

Vì là chùa quê, không có bánh trái nhiều vào những ngày rằm hay mùng một; nhưng tôi nhờ theo Mẹ đi chùa từ tấm bé; nên hình ảnh của ngôi chùa, lòng từ bi của Đức Phật đã thấm nhuần trong từng hơi thở, từng giọt máu của mình. Dầu cho nhân thế có đổi thay qua bao nhiêu triều đại; nhưng chính hình ảnh ngôi chùa này là hình ảnh của dân tộc tôi đã cuu mang và che chở cho dân mình qua không biết bao nhiêu là chặng đường của lịch sử. Chùa không đứng bên này hay bên kia, mà đứng lên trên và đứng ra ngoài mọi tranh chấp của đời thường. Vì lẽ tính dân tộc không mang màu sắc này hay màu sắc khác mà hồn thiêng ấy chỉ có hun đúc từ bi, lòng vị tha, chứ không dung chứa một thói tật nào.

Nếu tôi không nhờ Cha và Mẹ hướng dẫn cho đi chùa làng từ thuở nhỏ thì mình đã không có ngày hôm nay được sống dưới sự chở che của mái nhà Phật Pháp như thế này. Chính tinh thần ấy, sự sống này đã gói trọn tình quê trong tôi, dầu đi đâu hay sống bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này. Đi đến đâu và ở đâu, hình ảnh ngôi chùa xưa là một chất liệu dưỡng nuôi cho tâm thức mình trên vạn nẻo đường trần.

Từ khi đi Oanh Vũ của Gia Đình Phật Tử Hà Linh, rồi lên ngành Thiếu cho đến ngày đi xuất gia, tôi đã thuộc khá nhiều bài hát như: Trai Đoàn Áo Lam.

Trai đoàn áo lam tiến bước lên đường
Nhịp nhàng theo gió sớm chiều ngát hương
Tâm hồn sáng tươi chứa chan niềm vui
Đem bao chí cường lời ca đạo thiêng ...

Hay bài :

Một hôm một hôm mùng một đến chùa
Em đi là đi với Mẹ mua vài hoa sen
Đến chùa đến chùa dâng cả hồn em

Lên trên là trên Đức Phật lòng em chí thành
 Nhịp kinh nhịp kinh vang dậy trong lòng
 Hòa theo là theo tiếng mõ chuông đồng vang đưa
 Mỗi tình mỗi tình mến cảm khi xưa
 Còn ghi là ghi trong dạ trẻ thơ tâm thành
 Cầu xin cầu xin Phật Tổ ban lành
 Từ bi là bi gia hộ con thành trẻ ngoan
 Từ rày, từ rày con bỏ chơi hoang
 Mà chuyên là chuyên đi họp đoàn con vui vầy ...

Hay bài : Dòng A Nô Ma
 Dòng A Nô Ma sóng nhấp nhô bờ lau xanh
 Nhìn dòng nước biếc, Thích Ca Ngài vừa xuất trần
 Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng
 Ta đang quyết tìm đạo sáng cứu chúng sanh
 A Nô Ma vẫn còn chúng sanh luôn nhắc hoài
 Nơi Lâm Tỳ Ni còn ghi bao ngày vui
 Thành Ca Tỳ La sống yên vui đời Tịnh Vương
 Người người yêu quý Thích Ca Ngài vừa giáng trần
 Muông chim hát mừng đóa hoa thơm ngát trời
 Muôn hào quang ngời rạng chiếu khắp núi sông ...

Rồi “dây thân ái”, “Chị Trưởng chúng em” v.v... có thể tôi không còn nhớ mạch lạc được nữa; nhưng những bài hát như vậy đã ăn sâu vào tâm thức của tuổi thơ tôi lúc nào cũng chẳng biết qua hình ảnh chiếc áo lam của Gia Đình Phật Tử, hình ảnh chiếc áo nâu của các vị Tăng Sĩ v.v... tất cả là những hình ảnh đẹp để mang tôi vào Đạo sau này.

Vào ngày mùng 8 tháng 2 âm lịch năm 1957 Hòa Thượng Bảo Lạc trong đêm khuya đã trốn nhà đi ra Chùa Non Nước để xuất gia. Thuở ấy tôi mới 8 tuổi Tây bước sang 9 tuổi ta; cái tuổi chưa biết gì nhiều; nhưng khi nghe cha mẹ và các

anh chị khóc lóc, cố đi tìm cho ra dấu vết, sau khi đọc những bức thư của Thầy ấy để lại thì mới biết rằng người anh thứ bảy ấy không còn ở lại với gia đình nữa. Năm đó Thầy 15 tuổi. Quả thật là một điều lạ với xóm làng. Vì thuở ấy trong làng tôi chưa có ai đi tu cả; ngoại trừ Sư Bà Diệu Tâm, nhà ở bên trên đường muong nước gần nhà. Gặp ai tôi cũng bị hỏi, nhưng thuở ấy, đâu có biết ý nghĩa của việc đi xuất gia là gì.



Bàn thờ phụ mẫu thờ tại nhà người anh thứ tư

Năm 1960 Thầy Hiệu Trường Phan Thế Tập cưới vợ tại Hà Mật. Thế là cả bọn học sinh lớp Nhất của chúng tôi do Văn Công Huân và Thu hướng dẫn đi dự đám cưới của Thầy. Thuở ấy Thầy còn trẻ lắm. Chắc hơn 20 tuổi là cùng. Cô Nga là con gái nhà giàu, sánh vai cùng Thầy Hiệu Trường là một danh giá của gia đình và đám học trò chúng tôi là hình ảnh để hỗ trợ Thầy trong lễ cưới ấy.

Thời gian trôi qua chẳng biết là bao lâu; có lẽ cũng trên dưới gần 30 năm. Bỗng một hôm tôi nhận được thư Thầy gọi từ Việt Nam qua Đức và nhờ tôi giúp đỡ cho con trai của Thầy là

Phan Quốc Bửu đang du học tại Tiệp sang Đức để tiếp tục con đường học vấn sau ngày bức tường Bá Linh sụp đổ (ngày 9.11.1989). Kể từ đó, Thầy trò lại có cơ duyên hàn huyên tâm sự với nhau và lúc nói chuyện điện thoại hay viết thơ, chúng tôi luôn nhắc đến hình ảnh của ngôi trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở nào.

Một ngày đẹp trời của 20 năm về trước, Thầy và Cô đã đến chùa Viên Giác Hannover. Cô đã tự động xin quy y với tôi và tôi cho Pháp danh là Thiện Tánh. Riêng Thầy Hiệu Trưởng Phan Thế Tập đã quy y với Thầy tôi và Sư Phụ tôi cho Pháp danh là Như Thế. Phan Quốc Bửu cũng đã quy y Tam Bảo và tôi cho Pháp danh là Thiện Kim. Sau khi được ty nạn và vào quốc tịch Đức cũng như tốt nghiệp Đại Học Hannover, Bửu đã cùng vợ con sang Hoa Kỳ để làm việc và nay đang định cư tại San Jose. Quả thật trái đất tròn. Chẳng ai ngờ được một việc gì cả. Việc ấy tôi đã chẳng đợi chờ; nhưng đã đến. Đồng thời cũng có lắm việc trông mong chờ đợi nhưng chẳng đến bao giờ.

Tôi đề nghị Thầy Phan Thế Tập nên lập một quỹ học bổng cho trường Tiểu Học Xuyên Mỹ. Bây giờ thì trường xưa đã bị chiến tranh thiêu hủy rồi. Chỉ còn lại tên gọi thôi; nhưng con em của bạn bè ngày xưa còn lại khá đông; nên giúp đỡ những em này. Thế là Thầy Bảo Lạc và tôi đã bắt đầu cho quỹ học bổng khiêm nhường mỗi năm 300 – 500 đô la cho mỗi lần phát. Lần đầu phát vào ngày 22 tháng 3 âm lịch, nhắc lại ngày qua đời của thân mẫu chúng tôi vào năm 1966. Lần thứ hai phát vào ngày 28 tháng 6 nhằm vào sinh nhật của tôi. Tính cho đến năm 2012 này là đúng 20 năm như vậy. Địa điểm phát học bổng luôn luôn thay đổi. Lúc thì ở nhà của Sửu, của Hùng, của Đáng. Lúc thì nhà từ đường họ Lê; lúc thì trường Tiểu Học mới v.v... Đây là cơ hội để cho con em của Cựu Học Sinh Xuyên Mỹ có gắng vươn lên. Ngoài ra sau này Thầy Tập còn đề nghị tôi phát cho học sinh trường Trần Quý Cáp tại Hội An nữa.

Mỗi năm vào ngày mồng 3 hay mồng 4 Tết âm lịch các anh chị em cựu học sinh trường Tiểu Học Xuyên Mỹ còn tổ chức buổi hội ngộ chung vui để thể hiện tinh thần “tôn sư trọng đạo” nữa. Một gói quà nhỏ gửi đến Thầy Tập, Thầy Nhượng, Thầy Tải, Thầy Hoàng ... là những hình ảnh thật đơn sơ; nhưng đã gói ghém tình nghĩa Thầy trò từ năm 1956, 57, 58, 59, 60, 61 đến nay... chừng ấy thời gian trôi qua, nếu dùng đốt tay tính nhầm lại, nay cũng đã trên dưới hơn 50 năm rồi. Cô Cửu đã ra đi; nhưng những Thầy khác vẫn còn có mặt nơi dương thế, để nhìn mặt cháu con mình thành tựu trên con đường học vấn, để kể tục mái trường xưa.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 vừa qua tại chùa Cục Lạc Cảnh Giới tự ở Chiangmai, Thái Lan, cũng đã diễn ra một cuộc họp mặt gia đình lần thứ 2 thật đầm ấm sau hơn 40 năm xa xứ của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi. Đặc biệt có 8 người bạn học cũ từ những năm tháng còn học Tiểu Học thuở thiếu thời cũng đã đến đây thăm viếng. Đây cũng là một chuyến đi lịch sử từ Việt Nam qua Lào, rồi từ Lào qua Thái Lan và trở lại Việt Nam cũng bằng xe Bus. Thế mà mọi người đều vui vẻ như ngày hội lớn. Bây giờ bạn bè ai cũng đã hai ba thứ tóc trên đầu; có người đã có cháu nội, cháu ngoại lớn khôn; nhưng khi nhắc lại những trò chơi thuở nhỏ như đánh bi, bắn dây thun ... khiến ai nấy cũng nhoèn miệng cười.

Không biết khi con người giàu có về tiền của, họ sống sung sướng trên những món ăn cao lương mỹ vị, vợ đẹp con ngoan như thế nào; nhưng giàu tình người, giàu lòng tri kỷ, sự giúp đỡ lúc cần thiết, tấm lòng cho quê hương... đối với tôi nó quan trọng vô cùng. Mình có thể hy sinh, chịu sự thiếu thốn thiệt thòi; nhưng nếu những ai cần đến mình thì mình không thể chối từ được. Đây là niềm vui của tôi khi được giúp đỡ họ. Nếu không có họ thì mình đâu có cơ hội để làm phước giúp đời và giúp người. Nhờ họ mà lòng từ bi của tôi mới có cơ hội phát

triển thêm. Xin cảm ơn Thầy Tập và cảm ơn những người bạn của thuở thiếu thời.

Con của họ và cháu của họ sẽ là những người có trình độ học vấn cao hơn cha mẹ chúng thuở xa xưa; nhưng chắc rằng cái tình ấy càng cao hơn nữa; khi chúng nghĩ về những bậc cha ông, có được những con người đã biết hy sinh để cho chúng ăn học nên người như vậy.

Trong làng tôi có nhiều nhà thờ tộc Hồ, tộc Văn Công; nhưng chưa có nhà thờ tộc Lê. Giữa làng có một ngôi miếu thờ Thần và mỗi năm tại đây có hai kỳ xuân thu tế lễ. Trong làng chọn người tuổi cao và đạo đức ra đứng làm chánh bái. Thông thường cha tôi là người được mời làm việc này. Ông khăn đóng áo dài chỉnh tề và trước khi vào lễ trôi lên 3 hồi chiêng trống để nghinh thần. Bên tả và hữu đều có hai người phụ lễ đứng đó sẵn và mỗi khi xướng lên như:

Hưng bái (mọi người cùng bái)

Chước tửu (rót rượu)

Giai quỳ (đồng quỳ xuống)

Mọi người đều thể hiện kính trọng vị thần làng như thế; còn bọn nhỏ chúng tôi chỉ đứng chơi xớ rớ đầu đó, chờ người lớn sai vặt cái gì thì chạy để lấy công. Cuối cùng rồi cũng được những nắm xôi hay quả chuối cúng thần. Thế mà chúng tôi lấy làm đắc ý lắm. Vì ngày thường họa hoàn lắm, bọn con nít của chúng tôi mới có được những ân huệ này.

Cha tôi sinh năm 1898 và mất ngày mùng 9 tháng 7 năm 1986. Ông thọ 89 tuổi, quy y với Thầy Như Vạn, trụ trì chùa Phước Lâm Hội An với Pháp danh là Thị Tế. Ông là người thuộc thế hệ cũ, giỏi cả chữ Nho lẫn chữ quốc ngữ. Tôi được sinh ra vào năm 1949; nghĩa là khi ông gần 50 tuổi, tôi là người con út trong gia đình được ra đời. Dáng người khỏe mạnh, hình như chẳng đau ốm ngày nào. Ông hay bốc thuốc Nam để cứu

giúp người bệnh, xem ngày lành tháng tốt để gả cưới hay ma chay. Khi tôi còn nhỏ nhớ có lần có người mượn ông đi “soi môi”, ông nhận lời; thế là cảm được qua sự khai khiến của người khác, chạy đến nơi khác tìm người chết đã thất lạc. Tục lệ này đã có từ ngày xưa, mà ngày nay người ta gọi là những nhà ngoại cảm. Thời gian có khác đi và hình thức cũng không giống nhau; nhưng nội dung chỉ để tìm cho ra những người bị chết mà hồn phách, mồ mả không còn trọn vẹn.

Sau khi chúng tôi đi xuất gia, trong làng cũng trọng vọng tuổi cao của ông; nên ông đã có giai đoạn được bầu làm Khuôn Hội Trưởng chùa Hà Linh trong nhiều năm khi chùa này chưa có Tăng Sĩ trụ trì.

Hình ảnh đẹp nhất của ông mà tôi nhớ rõ là ông cặp dù đi thăm nuôi tôi ở tù vào mùa hè năm 1966 khi đã xuất gia tại Hội An. Thuở ấy là thuở “bàn Phật xuống đường” và phong trào “Thanh niên quyết tử” đang bị hoạn nạn qua việc kêu gọi của Hòa Thượng Thích Trí Quang.

Ông đứng tần ngần trước trại giam mà lòng tôi quặn thắt, khi mình còn ở tuổi 17, chưa làm được gì cho Đạo, cả cho Đời. Ông rơm rớm nước mắt chào già từ và biết rằng con mình mặc dù đi tu; nhưng vẫn còn nằm trong vòng lao lý.

Đến mùa hè năm 1974 khi tôi từ Nhật về thăm quê lần cuối, cũng là lần cuối gặp ông, để năm 1986 ông đã nằm xuống mà ngay cả Thầy Bảo Lạc và tôi cũng đã chẳng hiện diện được trước quan tài.

Còn Mẹ như một vầng trăng rằm không bị một áng mây che. Mẹ là tất cả. Khi con đau ốm, khi đói ăn, khi đi học. Tất cả đều do Mẹ làm người hướng đạo. Không có Mẹ, tôi sẽ không biết đi chùa; không có Mẹ tôi sẽ không có cơ hội ăn chay và không có Mẹ, tôi đã không trở thành người xuất gia sau này. Ca dao, tục ngữ, văn học Việt Nam đã viết về Mẹ rất nhiều rồi.



Ông Lê Quyên

pháp danh Thị Tế

Sinh năm Mậu Tuất (1898)

Mãn kiếp Ta Bà, xả thân tứ đại ngày 14. 08. 1986 tại Việt Nam.

tức mùng 09.07 Bính Dần.

Thượng thọ 89 tuổi.

An táng tại Tổ Đình Phước Lâm, Hội An, Quảng Nam

Thiết tưởng tôi không cần nhắc lại nhiều ở đây nữa. Ở đây tôi chỉ muốn nhắc lại người Mẹ của mình; người Mẹ của đồng quê, nắng cháy; người Mẹ của quê tôi cày lên sỏi đá; người Mẹ mà một nắng hai sương tần tảo nuôi con, muốn cho con cái khôn lớn, đã chẳng đòi hỏi nhận lại một điều gì. Dầu cho điều ấy nhỏ nhất đi chăng nữa. Trên đời này có lắm người Mẹ như thế. Thịnh thoảng cũng có những người Mẹ ở ngoài vòng tay với của các con; nhưng những người Mẹ như thế rất hiếm hoi trong đời này.

Trong vườn nhà tôi có nhiều khoảnh đất trống; nơi đó là giang sơn của Mẹ. Mẹ trồng rau tần ô, ngò, cải bẹ xanh, rau diếp cá, tía tô, rau ngò gai, đậu đũa, đậu ngự v.v... quanh năm suốt tháng, lúc nào tôi cũng thấy Mẹ chăm bón mảnh vườn nhỏ xinh xinh ấy, giống như chăm bón đời sống tâm linh của mình. Hết nhổ cỏ lại bỏ phân vào gốc; hết tưới nước lại bắt sâu v.v... Khi rau lên cao Mẹ lại cắt rau đem ra chợ làng quê để bán. Thuở ấy tôi không còn nhớ rõ là chợ họp mấy ngày trong tuần; nhưng có ngày chợ đông lắm. Trong làng ai có thứ gì mang ra thứ đó để đổi chác, mua bán với nhau. Hầu như chẳng có thứ gì đắt giá, đa phần là nón lá, chuối, mít, ổi, đu đủ và rau trái vườn nhà. Thịt thà và cá mắm cũng có; nhưng đây là xa xỉ phẩm của quê tôi. Hình như chỉ những ngày lễ trọng đại trong năm, họ mới bày bán những thứ ấy tại chợ làng quê này. Bây giờ mỗi lần hình dung lại làng quê ấy, bên cây đa chợ Đình, lòng tôi lại bồi hồi xúc động, chẳng nói lên được lời.

Những ngày rằm, mồng một tôi theo Mẹ đi chùa và chính đây là cái nhân duyên sau này đi xuất gia học đạo. Ôn của Mẹ ngoài công sinh dưỡng ra, Mẹ đã cho con cả một bầu trời đạo pháp, rộng rãi thênh thang vô cùng tận, không có biên giới nào cản ngăn cả. Bây giờ ở tuổi 64 tôi mới thấm thía cho những ý nghĩa này. Cái ý nghĩa thâm sâu ấy, người ta không thể dùng lời nói để diễn tả, mà chỉ có sự cảm nhận mà thôi.

Mẹ tôi thuộc thế hệ cổ xưa, bà sinh năm 1908, kém cha tôi 10 tuổi. Bà mất năm 1966, lúc ấy bà mới 58 tuổi, còn tôi thì đã xuất gia được 2 năm, từ năm 1964 tại Hội An. Ngày ấy chiến tranh rất tàn khốc ở miền quê, vào ban đêm thì mặt trận về, bắt dân phải đi học tập. Còn thanh niên thì đào hầm trú ẩn. Ban ngày thì lính quốc gia đi tuần, bắt dân phải lấp hết những hầm hố ấy lại. Rõ là cảnh khổ của người dân, phải sống trong vùng xôi đậu như thế. Mỗi ngày một nắng hai sương đã đành, nay lại còn hai thế chế khác nhau sống chung trong một đất nước, khiến cho con người lại càng khổ tâm hơn nữa. Tất cả những khó khăn, người dân phải lãnh hết; còn những cấp lãnh đạo họ ngồi tại Sài Gòn, Hà Nội; nào ai có biết đến thân phận của người dân là gì?

Tôi nhớ rất rõ, hôm đó chuẩn bị làm tuần 49 ngày cho anh trai thứ sáu của tôi, đi lính Nhân dân Tự vệ bị chết. Trên đường đi về từ chùa Phước Lâm, đến chợ Cẩm Hà, đối diện với tôi là xe chở thương từ trạm Nam Phước trở đến. Có người nhận diện ra tôi, nên đã báo tin rằng Mẹ tôi, Bác tôi đã qua đời, vì quả bom tối hôm qua nả từ cầu Cầu Lâu vào nhà ông Trọng. Thế là có nhiều người bị thương và hai người chết. Trong xe chở thương này có cả chị thứ năm của tôi nữa. Ôi! một nhà tan thương biết nói thế nào cho hết nỗi khổ của nhân sinh đây. Tôi lặng người, sau khi đã khóc hết nước mắt để tiễn đưa Mẹ vào nơi chôn vĩnh viễn nghìn thu. Hôm đó là ngày 27 tháng 3 âm lịch năm 1966. Thầy Bảo Lạc ở Sài Gòn không về được tôi chỉ một mình đưa tang Mẹ; mà sau này Thầy Phan Thế Tập, cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở bấy giờ đề nghị lấy ngày mất của Hiền Mẫu tôi làm ngày trao giải thưởng do Hòa Thượng Thích Bảo Lạc từ Úc gửi tặng; cho đến nay cũng đã 20 năm rồi.

Khi còn sống Cha cày bừa, Mẹ cấy lúa và làm vườn. Còn tôi tuổi nhỏ chỉ biết đi học và họa hoằn lắm khi Mẹ nhờ lúc nhỏ

tóc bạc, lúc nhặt sạn trong gạo, lúc cho lúa vào cối xay hay theo Mẹ đi chợ v.v... tất cả đều cũng được trả công xứng đáng, khi thì cây cà-rem, lúc thì một nắm xôi bắp v.v... tất cả đều có điều kiện.

Lúa miền quê có nhiều loại; nhưng đa phần ngày xưa người ta cấy ruộng thấp, phải cho nước vào để nuôi cây lúa. Sau một hay hai tháng, người ta phải làm cỏ cho lúa; đến khi lúa trở đòng đòng người ta lại phải xịt thuốc trừ sâu. Hương thơm của mùa lúa trở rất ngọt ngào; nhất là những đêm trăng rằm khi chúng tôi có dịp đi sinh hoạt Gia Đình Phật Tử băng qua những ruộng lúa này. Chung quanh những đám ruộng ấy có bờ đê quanh co đầy cỏ mọc. Trẻ mục đồng có thể cắt cỏ này về cho trâu bò ăn trong những ngày không có cây bừa.

Chùa Hà Linh là một trong những ngôi chùa cổ của quê tôi được bao bọc bởi những ruộng lúa như thế. Tuổi thơ của tôi cũng được bao bọc quanh mình bằng tình yêu thương của cha mẹ và anh chị em trong gia đình. Vì vậy hình ảnh ngôi chùa, làng quê, bụi chuối, lũy tre làng v.v... luôn ẩn hiện bên tôi, mặc cho tôi có thời gian sống ở thị thành nhiều hơn gấp ba hay bốn lần thời gian sống tại nơi chôn nhau cắt rốn ấy. Tôi vẫn là một đứa bé hạnh phúc; bởi vì chung quanh mình đều đầy đủ, không thiếu thốn bất cứ một loại tình thương yêu nào.

Thú vui của tuổi thơ ngoài việc bán bi, đánh cờ gánh ra; còn có thú vui chăn trâu hay chăn bò nữa. Năm ngựa hay năm sập trên lưng trâu để trâu gặm cỏ; hay trâu trở về chuồng là một niềm vui khó tả. Tôi ngựa mặt lên trời để đếm từng lùm mây bay qua. Có khi là một ông Tiên râu bạc; có lúc có hình ảnh của Đức Quan Thế Âm. Đôi khi lại hiện ra một vài hình thù kỳ dị... tất cả là một trò cút bắt. Thoạt hiện ra đó rồi thoạt mất đó. Không có áng mây nào nhất định cả. Tất cả đều di động và thay đổi vô chừng. Thử ấy tôi đâu biết rằng đường đời cũng ngang

đọc, đọc ngang như những cụm mây kia; khi thì nổi, khi thì chìm. Nếu ai thông dong tự tại như những cụm mây kia thì cuộc đời của họ có muôn vàn màu sắc. Ngược lại, nếu ai đó chỉ dừng lại ở một nơi chốn nào, thì cuộc sống kia bị giới hạn; giống như những đám mây xanh trắng kia bị cơn gió lốc chặn đường, khiến chúng tan ra từng mảnh nhỏ, rồi tìm cách hợp hợp tan tan... trong khung trời vô định ấy.

Thú vui tuổi thơ của tôi thuở ấy là cỡi bò lội nước trong những con lụt lội. Con bò thường sợ nước; nên chúng bươn vội đến đò cao; trên đò cao ấy tự hợp không biết bao nhiêu là đế nhũi, chuồn chuồn, châu chấu ngay cả những con bọ hung to tướng, hình thù xấu xí và khi nhìn thấy những cái càng màu đen to lớn của chúng, chúng tôi lại có ý ngại ngùng.

Bò lúc nào cũng chỉ tìm đến cỏ. Thỉnh thoảng mới quơ trộm lúa xanh dọc đường; nhưng nhiệm vụ của kẻ chăn bò là không cho bò ăn bậy, để bị những nông dân khác quở mắng. Khi lớn khôn lên và nhất là lúc xuất gia học đạo, tôi xem 10 cách chăn trâu, cũng giống như chăn tâm mình thôi. Vì tâm vốn không có bờ ngăn cách. Bò cũng vậy; nếu không khéo chăn bò thì không thể nào chăn tâm mình được.

Sau này vào đời, chăm lo cho thân mình hay nuôi dạy đệ tử, tôi cũng đã ứng dụng phép chăn bò của tuổi ấu thơ ấy, thế mà được việc. Tôi quan niệm rằng mỗi con ngựa, mỗi con trâu hay mỗi con bò, chỉ có một dây cương, một dây mũi. Ngựa hay trâu bò chỉ theo một người khiến duy nhất để nó có thể đi tới, đi lui, quẹo qua phải hay trái v.v... trong một lúc, nếu có nhiều người cùng khiến, thì ngựa, trâu hay bò không biết hướng nào mà đi. Từ đó việc lãnh đạo quân chúng cũng giống như vậy. Tôi đồng ý thay đổi người lãnh đạo và không đồng ý trong lúc người lãnh đạo đang cầm cương, lại có nhiều người muốn hướng dẫn nữa, thì con ngựa kia chẳng biết đường nào mà đi.

Gia đình tôi có cha mẹ và 8 anh chị em gồm 5 trai và 3 gái. Người chị cả năm 2012 này đã 85 tuổi. Tôi là út mà cũng đã 64 tuổi rồi. Nghĩa là trung bình trong 3 năm, cha mẹ tôi cho một người con ra đời. Chị Hai, chị Ba và chị Năm, anh Tư, anh Sáu, anh Bảy (tức Hòa Thượng Thích Bảo Lạc), anh Tám và tôi thứ chín. Trong hiện tại tôi chỉ còn 2 chị và 2 anh. Hai anh trai và một chị gái đã qua đời trong chiến tranh và bệnh hoạn.

Chị Hai tôi người trung bình, lầy chồng lúc 20 tuổi. Nay chị đã 85, 86 tuổi rồi. Cái tuổi của quên lãng, cái tuổi của con cái, cháu chắt đầy nhà; nhưng chồng chị đã mất sớm và chị phải lo cho một đại gia đình như vậy. Chị đi lấy chồng, thỉnh thoảng ngày Tết, ngày giỗ gì bên nhà cha mẹ tôi, chị mới dẫn con cái về. Đa phần theo nghề nông, đầu tắt mặt tối với công việc một nắng hai sương. Nhớ có lần sau khi đi xuất gia rồi, trở về thăm quê, tôi tìm lên nhà để thăm chị; nhưng được biết chị đi cắt rau muống để ngày mai ra chợ bán. Tôi lặn lội tìm đến đám rau chào hỏi và thăm chị. Chị lặng lẽ lặn tay vào lưng quần lấy ra một cuộn giấy bạc cuốn tròn và đếm mấy tờ 10 đồng tặng cậu Chín. Hình ảnh ấy đã gần 50 năm rồi; nhưng tôi vẫn nhớ mãi. Nhớ để ghi lại hình ảnh của một người chị nhà quê dân dã, chất phác, hiền lành. Hầu như ít nói. Thỉnh thoảng có gì cần chị mới có ý kiến mà thôi.

Năm 2003 tôi có đón chị, anh Bốn, chị Năm và vợ anh Sáu sang Đức thăm, lần ấy gặp vào ngày 28 tháng 6, là sinh nhật của tôi. Tôi nói chị kể lại lúc nhỏ tôi như thế nào, thì chị bảo rằng: Thầy kể đi! kể làm sao được khi tôi mới sinh ra, thế là chị em cùng cười. Lúc tôi sinh ra, chị đã đi lấy chồng được một hai năm rồi. Và lại người nhà quê, ít ai muốn nhắc lại chuyện xưa, dầu cho chuyện ấy có tốt đến đâu đi nữa; cho nên gọi họ là những người sống giản dị là vậy. *Giản* là đơn giản, tinh lược, sơ sài. *Dị* là dễ dãi, dễ dàng. Họ sống không cầu kỳ mà rất thật thà và chất phác. Bây giờ thì lưng chị đã còng nhiều, đứng đi đều

phải nhờ đến con cháu; cái bệnh, cái chết cũng đã đến gần kề. Tôi khuyên chị, nên cố gắng niệm Phật, ngày rằm tháng giêng năm Quý Ty vừa rồi chị đã ra đi vĩnh viễn ở tuổi 86.

Chị Ba thì lấy chồng xa, tận cầu Câu Lô và chỉ sinh được một cháu gái, đến năm 1954 chồng đi tập kết; chị sống như vậy để nuôi con và sau khi đưa con gái đi lấy chồng, chị vẫn sống như vậy cho đến ngày qua đời, cách đây mấy năm về trước.

Anh chị Bốn năm nay đã 80 tuổi; nghề nghiệp chính là thợ mộc. Anh chị có nhiều con cháu và nay ở tuổi về chiều lo tu niệm cũng như chăm sóc nhà thờ tộc Lê trong những ngày giỗ quải và kỵ cúng ông bà. Mới đây vào ngày 27.10.2012 chúng tôi có tổ chức cho gia đình, con cháu qua Chiangmai, Thái Lan sum họp lần thứ hai, cả anh chị đều có mặt. Mặc dầu tuổi lớn như vậy, ngồi xe Bus từ Việt Nam qua Lào, rồi qua Thái. Đi về cả 4 ngày 2 đêm; nhưng hai ông bà vẫn còn khỏe mạnh. Đó cũng là cái phước của gia đình.

Lần này sau hơn 40 năm Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi mới gặp lại người anh rể thứ Năm. Trông anh nhỏ thó so với ngày xưa; nhưng rắn chắc. Vì là người nhà nông. Chắc tuổi anh cũng đã gần 80 rồi. Cháu nội của anh có đứa tốt nghiệp đại học. Đây cũng là niềm vui của gia đình vậy. Chị Năm bây giờ bệnh hoạn; nên lần này chị không tháp tùng cùng gia đình được.

Người anh thứ Sáu đã mất từ năm 1966 và người chị dâu, vợ của anh ở vậy nuôi con cho đến con cái trưởng thành.

Người anh thứ Bảy là Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và người anh thứ Tám sinh năm 1945 và cũng chính năm tản cư của Đệ nhị Thế chiến này anh đã mất khi mới một tuổi.

Người cuối cùng trong gia đình là Tôi. Đúng là „giàu út ăn, khó út chịu“.

Gia đình tôi không giàu có cũng chẳng nghèo nàn; nghĩa là một nhà nông thuộc hạng trung lưu của quê hương xứ Quảng. Nếu Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và tôi không nhờ được ánh sáng Phật Pháp thì cũng đã chẳng có được ngày hôm nay.

Năm 1957, sau khi Hòa Thượng Bảo Lạc đã xuất gia tại chùa Non Nước một năm, gia đình cha mẹ tôi đón xe đò đi Đà Nẵng, rồi qua Non Nước để thăm Thầy. Chùa Linh Ứng là nơi Cố Hòa Thượng Thích Trí Hữu trụ trì và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc tu học ở đó cho đến năm 1960. Cũng nhờ những chuyến đi thăm ông anh tu tại đó mà tôi có ý hướng vọng về đời sống tu hành sau này. Từng điếm nhỏ như thế; những giọt nước mới tạo nên biển đại dương và trong biển cả đại dương kia, không thể thiếu những giọt nước lúc ban đầu này.

Tâm Bồ Đề của tuổi thơ khó khơi dậy, khi không có những thuận duyên trong cuộc sống. Do vậy trợ duyên trong 37 phẩm trợ đạo là những điều kiện căn bản vô cùng khi ai đó muốn trao thân, gởi phận nơi chốn thiền môn.

Nhà tôi thuở ấy ba gian một chái, lợp ngói và phía dưới là nhà bếp dùng cho sinh hoạt của gia đình như nấu nướng, ăn uống, xay lúa, giã gạo, chằm nón, sàan trấu v.v... Đây là một bức tranh rất sinh động của nhà quê trong lúc quê hương đất nước thanh bình.

Bên cạnh nhà của tôi, có nhà anh Cọng, là anh em chú bác ruột và xa xa kia là nhà của Bà Bác Soạn. Bác là chị dâu của cha tôi và khi Bác trai mất, Bác ở vậy nuôi anh Vĩnh và anh Cọng nên người, Bác không tái giá. Ngày 27.3.1966 Bác đã cùng với Mẹ tôi bị tử nạn và ngày nay hai bà vẫn được giỗ chung trong một ngày.

Anh trai đầu Lê Văn Vĩnh, con của Bác, sau Đệ nhị Thế chiến đi vào Bồng Sơn ở Bình Định, lập nghiệp, cũng như cưới các vợ kế tại đó. Mỗi năm có giỗ quai, anh lại dẫn vợ con về

thăm quê một lần để giới thiệu với bà con dòng họ. Ngày nay mặc dầu anh đã qua đời; nhưng con cháu anh vẫn về quê Mỹ Hạc để thăm viếng người thân. Trong số các cháu nội ngoại của anh, có nhiều cháu đã tốt nghiệp đại học trong hiện tại.

Gia đình anh Cọng có 6 người con gồm 5 trai và 1 gái. Con đầu của anh học chung Tiểu Học với tôi một lớp nhưng sinh năm 1950 và nay đã vãng sinh ở tuổi dưới 60. Những người em khác của Cọng như: Phát, Sinh, Cương, Nhị, Phụ nay đã có cháu nội ngoại và con cháu của các gia đình này đều tốt nghiệp đại học, đang sinh sống tại Bình Long, mặc dầu các con của anh chị Cọng vẫn theo nghề thợ mộc.

Trước đây chừng 15 năm, từ quê hương xứ Quảng, anh Bốn tôi có gởi thơ cho Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi muốn xây dựng một nhà Từ Đường họ Lê ở quê hương để thờ cúng ông bà. Tôi nghĩ rằng người đi xuất gia rồi, đâu cần phải làm việc ấy nữa; nhưng Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi sau khi bàn bạc, cân nhắc kỹ lưỡng rồi mới ra điều kiện như sau:

Xây nhà Từ Đường thì được; nhưng ở phía Tiền phải thờ Phật và Hậu thờ Tổ. Đây là cái cốt của chúng tôi, để gia đình có giỗ quải không cúng mặn mà chỉ cúng chay thôi. Cuối cùng thì mọi người đã đồng ý. Từ đó Hòa Thượng Bảo Lạc lo bảo trợ, xây dựng nhà Từ Đường họ Lê ở Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ, quận Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Còn tôi lo bảo trợ giúp đỡ cho việc xây dựng nhà Từ Đường họ Lê tại Bình Long, thuộc Miền Nam Việt Nam cả hai ngôi Từ Đường này đều xây dựng lên với hình thức như một ngôi chùa.

Ngôi Từ Đường họ Lê tại miền Nam có sinh hoạt cho cả Gia Đình Phật Tử và những đêm 14 hay 30 âm lịch đều có tổ chức lễ Sám Hối cho cả đại gia đình cũng như cho những người Phật Tử đang định cư tại đó. Chúng tôi nghĩ rằng: Người dung nước lã mà mình còn giúp đỡ được. Tại sao thân nhân, dòng họ

lại không được giúp đỡ. Nghĩ cho xa hơn, nếu không có họ, thì đâu có mình ngày nay. Do vậy dòng tộc, thân quyến cũng là cái duyên trong bao đời, để ta mới có thể xuất gia học đạo được. Xa hơn nữa, khi nghĩ về Đức Phật và Chư Tổ cũng chưa có ai đi ra ngoài nguyên tắc này khi chúng ta vẫn còn hiện hữu nơi trần thế đầy pháp duyên sinh này cả.

Mốc thời gian

Tuổi trẻ thường không lo nghĩ gì nhiều về tương lai. Bởi vì nghĩ rằng mình còn nhiều thì giờ, hơi đâu mà vội. Thời kỳ sau Tiểu Học là thời kỳ của cha mẹ mình hay định liệu cho mình là nên đi học nghề hay tiếp tục con đường đèn sách. Chính tuổi trẻ cũng là tuổi „gần trời xa đất“ ngược lại với tuổi già mà người ta thường hay nói „gần đất xa trời“. Người còn ít tuổi xem trời cao bao nhiêu thì cũng muốn với tới; nên ý hướng ấy đã rất gần trời rồi; trong khi đó thì hai chân không đứng vững nơi mặt đất. Đến khi tuổi già gần kề, người ta không dám lià mặt đất để đi lại, mà hay bám sát vào đất để giữ thăng bằng. Vì cái chết sẽ mang ta vào lòng đất lạnh. Người già không sợ bất cứ một cái gì hết; họ chỉ sợ không nâng nổi hai bàn chân lên để đi trên tam cấp; chẳng bằng với lúc còn trẻ, bay nhảy, chạy trốn mộng mơ trên con đường danh vọng vốn hão huyền này.

Chữ *thời* hay *thì* nếu viết bằng chữ Hán gồm có hai bộ. Đó là bộ nhật và bộ tự. Bộ tự gồm hai bộ là bộ thổ và bộ thốn, hai bộ này ghép lại thành cái chùa. Chùa là nơi công phu, kinh kệ, tu tập của Tăng Ni diễn ra hằng ngày đều đặn, không sai trái, không bỏ sót như ánh mặt trời ngày hai buổi lên xuống tỏa chiếu khắp thế gian. Cả 3 bộ hợp lại gọi là thì hay thời.

Còn *gian* cũng gồm hai bộ. Đó là bộ môn và bộ nhật. Bộ môn tức là hai cánh cửa của nhà hay của chùa. Khi ánh sáng

mặt trời rọi chiếu vào cánh cửa này, tạo nên một không gian, một khoảng cách; nên gọi là gian.

Cả hai chữ *thì* và *gian* đều có liên hệ đến cửa chùa từ nghìn năm xa xưa ấy. Đó vốn là văn hóa Á Đông của chúng ta, không ai chối cãi được điều nào cả.

Giữa năm 1961 đến tháng 5 năm 1964 ấy là mốc thời gian mà tôi vẫn còn sống với hương đồng cỏ nội, với ruộng vườn quê hương, với cha mẹ, anh em bạn bè và làng xóm; trong thời gian này tôi theo học những nghề sau đây.

Trong nhà có ông anh thứ Sáu đi lính; nhưng có nghề hớt tóc. Ông ta thấy tôi say mê nhìn ngắm đến người được hớt tóc. Ông ta bảo tôi nếu muốn học thì ông truyền nghề cho. Ông ta lý luận rằng: Dầu là ông nào đi nữa, khi đi hớt tóc, mình cầm tóc trên đầu họ để hớt; nên đây là một nghề rất cao quý. Em cố gắng học đi. Tôi nghe ông anh nói quá có lý đi chớ. Do vậy theo anh Sáu đi hớt tóc dạo mấy ngày ở các xóm khác; nhưng thấy nghề này tuy không phũ phàng thật; nhưng cũng chẳng có tương lai lâu dài. Nên không có ý tiếp tục học nghề này.

Những lúc đi sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử như vậy tôi có trao đổi với một vài người bạn để tạo hướng tương lai cho mình, trong đó có Thạch, em Ni Sư Diệu Nghĩa đang đi học thợ may tại trường Phan Sào Nam; nên tôi cũng đã xin cha mẹ cho tiền mua xe đạp để đạp theo sau Thạch và lên trường Phan Sào Nam để học thợ may. Trường này chỉ dạy chữ cho những học trò trung học đệ nhất cấp từ đệ thất cho đến đệ tứ; nhưng ông Thầy dạy may mượn phòng học trống lúc các trò không học để dạy cắt may. Thuở ấy độ 10 người học; tôi có lẽ là đứa học trò nhỏ nhất và vì vào sau nên chẳng hiểu số đo nách, đo ngực, đo hông là gì; nên khi cắt quần và áo, chỉ bằng giấy thôi, cứ sai hoài; thế rồi tự động bỏ học. Ông Thầy cũng chẳng thèm tìm hiểu người học trò tối dạ như tôi để làm gì.

Vì là con út nên được nuôi chiều; ít bị la mà muốn gì, cha mẹ hay chiều theo ý ấy. Trong khi đó ông anh thứ Tư của tôi đã lập gia đình nhưng vẫn còn ở chung với cha mẹ và đi làm thợ mộc với ông anh chú bác gần nhà. Nghề này thuở ấy thịnh hành lắm. Người ta cất nhà bằng gỗ mít hay gỗ sò, gỗ lim rất nhiều. Đây là sau thời kỳ đệ nhị thế chiến, không còn chiến tranh nữa; cũng là thời ăn nên làm ra nên người ta đua nhau xây dựng rất nhiều. Thế là cha mẹ bảo anh Bốn tôi, nên gọi tôi đi học nghề thợ mộc. Có lẽ “bụi nhà không thiêng” nên anh tôi đem tôi gọi cho một ông Thầy làm thợ mộc, có cả một hãng kinh doanh gỗ trên Hà Mật. Tên là ông Ký. Mới đầu gặp ông ta, tôi ít có cảm tình. Vì thấy mắt to và hơi lãnh đạm. Chỉ có bà vợ và cô con gái là dễ gây thiện cảm.

Ngày hai buổi, sáng đạp xe đi, chiều đạp xe về để học nghề thợ mộc, không kể cuối tuần hay rằm, mùng một. Đầu tiên là học cưa cây. Ban đầu hai người cưa tay một khúc cây nhỏ; sau đó cưa dần đến những cây lớn có đường mực được nẩy vào đó. Ông bà mình có câu tục ngữ “thẳng mực tàu” dùng để chỉ cho sự mực thước và cái nghề đứng đắn này. Bình mực gồm một nắm dăm bào và mực là một lô bồ hóng từ trên trần nhà bấp lẩy xuống để hòa chung với nước. Tất cả đều ngâm vào trong một cái bàu kê cả sợi dây dùng để nẩy mực. Đầu dây mực có một hòn chì. Lúc muốn nẩy cho thẳng, người học nghề dùng đầu dây kia gắn cho thật chặt vào thân cây mít và đầu kia kéo thẳng lại phía sau. Sau khi nhắm tới nhắm lui đầu đó, đoạn nẩy mực. Danh từ “cầm cân nẩy mực” có lẽ cũng xuất phát từ những hình ảnh này. Nhiều lúc thân cây lớn và cứng quá hai người học nghề chúng tôi phải để bên trên một bình nước; cưa đến đâu, nước nhỏ đến đó cho dễ cưa và suốt một ngày như vậy nhiều lúc hai người chỉ cưa được chừng 5 hay 7 mét cây là cùng. Tùy theo độ dày mỏng của tấm ván.

Học cưa xong, lại học bào. Người mình gọt trái cây hay bào gỗ cũng thường hay từ trong đũa ra; trong khi đó người Âu Châu và người Nhật họ đẩy từ ngoài đũa vào. Nội chừng này việc, nếu phân tích kỹ ra, mỗi dân tộc có một tập quán khác nhau. Đa phần các nước trên thế giới đều như thế. Chỉ có người Việt Nam là hơi khác mà thôi. Tôi chẳng biết tại sao; nhưng người Việt Nam mình hay có cái tật là: “xưa bầy nay bắt chước”.

Ví dụ như đi học thì Thầy, Cô giáo bắt buộc học trò phải viết tay phải; nếu viết tay trái thì khẻ tay cho bỏ ghét, khẻ cho đến bao giờ người học trò ấy bỏ tay trái để dùng tay phải mới thôi. Ngày nay những ông làm lớn như Tổng Thống Mỹ Clinton và Obama đều viết tay trái. Thế mà mấy ông này đứng trên thiên hạ cả mấy tỷ người. Trong khi đó mình vẫn viết tay mặt; nhưng chữ nghĩa văn chương cũng chỉ giới hạn có ngần ấy thôi.

Người Ấn Độ không ai cầm dao, nĩa tay trái để ăn hết. Vì họ nghĩ rằng tay trái rất dơ bẩn. Cái quan niệm này do Tôn Giáo gây nên ấn tượng. Do vậy đưa cái gì quan trọng mà đưa tay trái thì người Ấn Độ không làm. Vì tay này chỉ để rửa trôn; không nên ưu tiên hơn tay mặt. Tôi đã đi Ấn Độ nhiều lần và để ý thấy điều này là đúng. Nghĩa là cái gì thuộc về truyền thống, nó khiến cho người ta tuân phục như vậy; nhưng chắc gì đã hay?

Ví dụ như vấn đề giáo dục của Á Châu chúng ta từ ngày xưa và mãi cho đến ngày nay cũng vậy người học trò chỉ học những cái gì từ ông Thầy, bà Cô dạy, đi thi làm trúng đầu đề ra thi là đậu. Trong khi đó cái học của Âu Mỹ là cái học sáng tạo. Nghĩa là ông Thầy dạy cái gì mà người học trò muốn học, chứ không phải dạy những gì mà ông Thầy hay bà Cô muốn dạy. Xem ra giữa Đông Tây có quá nhiều sự chênh lệch nhau về phương pháp giáo dục. Cho nên cũng có nhiều triết gia nói rằng: “Đông Tây không bao giờ gặp nhau” là vậy.

Trong khi Linh Mục nhà thờ đứng làm lễ đại diện cho Chúa thì xoay ra; còn các vị Sư luôn xoay vô Đức Phật để tìm lại Đức Phật của chính mình. Họ gọt táo từ ngoài đưa lưỡi dao vào bên trong mình; trong khi đó người Việt mình thì ngược lại. Họ đa phần đi bên trái còn mình đi bên phải. Họ ăn nĩa và muỗng; còn mình thì ăn đũa. Họ đi giày, mình đi dép. Họ chú trọng tư tưởng cá nhân; mình cho đó là ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa v.v... Thôi thì có cả hàng trăm, hàng ngàn thứ như vậy. Ngày nay may nhờ có khoa học tiên bộ, đời sống của con người có nhiều cơ hội để tiếp xúc với nhau; nên việc ngộ nhận ít đi dần và chính từ đó đã tạo ra sự thông cảm dễ dàng hơn giữa nhiều quốc gia trên thế giới.

Bào gỗ lớn rồi bào gỗ nhỏ. Sau một thời gian như vậy ông thầy Ký bảo những lớp đàn anh lớn hơn chỉ cho tôi lấy thước kẻ để đo và đục nên những con mộng, sau khi đã bào được một chân ghế hay một chân giường; hoặc giả một chân bàn v.v... kẻ ra thì tôi chẳng sáng dạ gì, chỉ được một chút dễ thương khi sai bảo, tôi không bao giờ chống chế lại, dầu cho việc ấy đúng hay sai; nên được nhiều người mến là vậy. Có khi tôi đóng được chiếc ghế dựa rồi đem ra đánh giầy nhám và đánh *verni* màu nghệ, trông cũng đẹp mắt, không thua gì lớp đàn anh mấy. Thịnh thoảng tôi đóng được cái bàn; nhưng ông Thầy nheo mắt tỏ vẻ không hài lòng và hãy để cho ở nhà dùng. Khi đóng giường thì chỉ được phép làm chung với những người học nghề lâu hơn.

Nghề thợ mộc có lẽ là nghề mà tôi học lâu nhất; ít ra cũng trên một năm trời. Nghĩa là từ giữa năm 1963 đến tháng 5 năm 1964. Thời gian này là thời gian tôi đi chùa đều đặn và cũng là thời gian Phật Giáo tranh đấu với chính quyền của Ngô Đình Diệm rất căng thẳng.

Một hôm đi Gia Đình Phật Tử, tôi và Văn Phú Mười rủ nhau đạp xe đạp đi chùa Non Nước và Tam Thai để ngoạn cảnh. Đến đó cảnh chùa đã làm cho tôi thật ngây ngất trong lòng và kể từ thời gian đi chùa ấy về, lòng tôi cứ tự hỏi rằng mình có thể xin cha mẹ cho mình đi xuất gia chăng ? Thế rồi kế hoạch của tôi tự thực hiện như sau:

Trong khi gia đình ăn mặn thì tôi tìm cách ăn chay và khi gia đình có tiệc vui, tôi hay lẩn tránh. Nhiều lúc mẹ tôi thấy thế không an tâm cho cậu con trai út này nên đã làm một hũ tương treo lên trên trần nhà bếp, khi nào tôi ăn cơm thì dùng đến. Trong vườn nhà tôi nào chuối, nào thơm, nào rau quả rất nhiều. Đó là nơi cung cấp cho tôi những món ăn thật thanh khiết. Ở tuổi 13, 14 là độ tuổi đang lớn và độ tuổi rụt rè. Nhiều lúc muốn thưa thật với Cha Mẹ và anh chị là con muốn đi tu, xuất gia học đạo. Tâm thì nghĩ vậy nhưng miệng thì chẳng nói thành lời. Thế là cứ ngấp ngừng mãi, chờ cho đến một hôm khi ngồi nhỏ mạ chung với ông thân, tôi mới bộc bạch rằng: Thưa cha! Con muốn đi tu. Ông ta chẳng trả lời mà chỉ bảo rằng: Anh con đã đi tu rồi đó! Ông ta không trả lời trực tiếp câu thưa hỏi của tôi mà nói ý ấy có nghĩa là trong nhà đã có người đi xuất gia rồi thì đâu có cần đi tu nữa. Tôi đem ý này thưa cho Mẹ biết. Mẹ bảo rằng: cứ chờ cho lớn sẽ hay.

Tất cả đều không chống đối mà cũng chẳng thuận tình. Nhân một cơ hội khác tôi thưa với Cha và cha bảo rằng: Nếu Mẹ con đồng ý thì Cha sẽ đồng ý và khi thưa với Mẹ thì bà bảo rằng: Nếu cha con đồng ý thì Mẹ sẽ đồng ý. Sau khi tham khảo ý kiến của hai đấng từ thân rồi, tôi quyết đi thêm một bước nữa có ý mạnh mẽ hơn. Đó là rủ đưa cháu ban đêm cùng đi đến chùa Hà Linh ngủ, chứ không ngủ ở nhà nữa. Trong khi đó tôi chuẩn bị hành trang như xin quy y Tam Bảo với Thầy tôi năm 1963, lúc ấy là Đại Đức Thích Long Trí và tôi có pháp danh do Thầy tôi đặt là Như Điện, kể từ đó đến nay. Đồng thời tôi âm

thậm chuẩn bị cho việc ra đi của mình bằng cách xin tiền của mấy bà chị để may những bộ áo vạt hò màu lam và màu nâu để sẵn đó. Chờ cho cơ hội đến thì mình sẽ xa nhà.

Vào lúc 8 tuổi tôi đã chứng kiến cảnh ra đi ban đêm của Thầy Bảo Lạc vào ngày mùng 8 tháng 2 năm 1957. Khiến cho cả nhà khóc lóc tìm kiếm. Bây giờ tôi chọn giải pháp khác. Tôi sẽ ra đi trong thanh thiên bạch nhật để cho gia đình khỏi lo và biết được tôi đi đâu cũng như làm gì. Ý chí của tôi lúc ấy rất mạnh. Ban ngày vẫn đi làm thợ mộc, sau đó về nhà ăn cơm, tối đến chùa ngủ; sáng ra về nhà; vẫn tươi cười và lễ phép với Mẹ Cha. Nhưng trông nét mặt của ông bà thì đủ biết. Họ lo lắng và biết chắc rằng một ngày nào đó tôi lại bỏ nhà ra đi nữa.

Điều mà cả gia đình đoán không sai. Đó là ngày rằm tháng 5 năm Giáp Thìn (1964). Sau khi đám giỗ của ông Nội, tôi thừa cha mẹ và anh chị lên đường. Hành trang của tôi thuở ấy là một chiếc xe đạp và một valise nhỏ đựng đồ dùng cá nhân, trong đó có những bộ áo quần vạt hò và một vài đồ dùng khác. Hôm đó tôi còn nhớ có cả đại diện của Gia Đình Phật Tử Hà Linh đến tham dự đám giỗ của Nội tôi và chia tay với tôi nữa.

Trong khi tôi vui mừng vì được đi xuất gia và ngoái mắt nhìn lại nhà thấy Mẹ và các chị nước mắt lưng tròng, đứng nhìn người em út ở tuổi 14, 15 một thân một mình hướng về chùa Viên Giác tại Hội An để xuất gia học đạo. Hôm đó là một ngày hoàng đạo mà mãi cho đến bây giờ gần 50 năm rồi, tôi cũng đã chẳng quên.

Xuất gia học đạo

Lẽ ra tôi phải xin phép Sư Phụ của mình trước khi đi đến chùa Viên Giác ở Hội An; nhưng tôi đã không làm điều đó. Cứ nghĩ rằng đi đến chùa rồi, xin phép Thầy sau. Cái khó khăn mấu chốt là gia đình. Nếu rời bỏ gia đình được, trước sau Thầy cũng cho mình thế phát. Cái suy nghĩ của trẻ thơ thật đơn giản. Điều này thể hiện ý chí của mình một cách mạnh mẽ như vậy.

Tôi đạp xe từ nhà ngang qua ngã chùa Hà Linh rồi Quốc Lộ số 1. Khi qua khỏi cầu Câu Lâu có 2 cách rẽ. Một đi thẳng ra Vĩnh Điện rồi quẹo phải theo đường nhựa đi xuống Hội An. Cách thứ hai là rẽ liền tay mặt khi đi khỏi cầu Câu Lâu, theo con đường đất mòn, không được tráng nhựa phẳng phiu như đường kia. Đi một đoạn khá dài rẽ trái và nhập vào đường lớn tại làng Thanh Chiêm, xã Cẩm Hà. Tôi đã chọn con đường thứ hai này đầy bóng mát của những lũy tre làng. Chung quanh mình lúc ấy chẳng có gì làm cho tôi phải bận tâm nữa; chỉ mong một mực đến chùa, để trình lên Thầy nguyện vọng của mình.

Thầy nhìn tôi từ đầu đến chân, đoạn hỏi:

- Con từ đâu đến ?

- Dạ! Con từ Mỹ Hạc, xã Xuyên Mỹ đến.

- Con muốn đi tu đã được cha mẹ đồng ý không?

- Bạch Thầy, con đã xin phép và cha mẹ con đã đồng ý.

Thầy nhìn tôi một hồi lâu như thế rồi nói tiếp:

- Trong thời gian ở tù, Thầy bị tra tấn nhiều lần, bây giờ phải đi Sài Gòn để chữa bệnh, Thầy không trực tiếp lo cho con được, để Thầy viết cho con một lá thư và mang thư này ra chùa Phước Lâm, nơi ấy Thầy Như Vạn đang trụ trì. Con ở đó có chúng lý đồng, cùng tu học với họ có lẽ tiện hơn và khi nào Thầy từ Sài Gòn về, sẽ báo tin cho con hay để về đây làm lễ xuống tóc.

- Bạch Thầy con xin vâng.

Thầy vào trong phòng mình lấy ra một bộ đồ vật hồ màu trắng đã phai màu và trao cho tôi, bảo rằng: Hãy mặc bộ đồ này khi ra chùa Phước Lâm.

Thầy không biết rằng tôi đã chuẩn bị nhiều bộ đồ mới hơn thế nữa đang có trong valise của mình; nhưng tôi rất trân quý bộ đồ vật hồ này. Cách đây mấy năm khi tưởng niệm về Thầy, tôi đã viết một bài về “chiếc áo ngày xưa ấy”.

Chùa Viên Giác vào năm 1964 còn thô sơ lắm. Chánh điện chùa được sửa đổi lại từ một ngôi đình thờ Thần; nên mái chùa không cao. Gian giữa thờ Đức Bổn Sư. Hai bên tả hữu thờ Quan Âm, Địa Tạng bằng hình vẽ; lúc bấy giờ chưa có tượng. Phía sau tôi mù mịt, cũng là nơi thờ Tổ và Thập Điện Minh Vương cũng như một vài khung hình thờ người quá cố.

Bên tay trái của chánh điện, từ ngoài nhìn vào là những lớp học; cạnh đó có nhà bếp; nơi bà Chín đang ở làm công quả cũng như lo việc bếp núc cho chùa. Phía sau nhà bếp là nơi để cối đá xay đậu nành, làm đậu hủ. Phía sau cùng là nhà vệ sinh, phòng tắm và chen vào khoảng giữa là một lô đất còn bỏ trống.

Bên tay phải từ ngoài nhìn vào có một dãy nhà vốn là những lớp học cũ dùng để dạy học. Tiếp sau là nhà ông Thầy Chất và sau cùng là nhà của bà Ba.



Chùa Viên Giác Hội An năm 2012

Trước sân chùa Viên Giác có hai cây đa thật cao lớn, cành lá sum suê. Đa màu xanh khi Xuân đến Hạ về. Đa rụng lá khi Thu sang Đông lại. Những chú điểu ở chùa này không ai là không quét lá đa, cũng như quét thời gian trôi qua trong quãng đời niên thiếu của mình như chú Tùng, chú Đồng, chú Thứ, tôi, Hùng, Ngô v.v... Nay thì một số người đã hoàn tục, Thứ làm Giáo sư Đại Học ở Sài Gòn; chỉ còn một vài người vẫn còn mặc áo nâu sòng; trong đó có tôi.

Trần Trung Đạo hiện ở Mỹ làm những bài thơ nổi tiếng về cây đa này và năm 2012 có viết chung với tôi tác phẩm “Dưới Bóng Đa Chùa Viên Giác”, thuở ấy Đạo là một học sinh đến từ vùng bị chiến nạn Mã Châu, xin Thầy tôi tá túc để ăn

học từ Tết Mậu Thân năm 1968. Tuy vậy những kỷ niệm đầu đời ở đây làm cho Trần Trung Đạo không bao giờ quên, đầu cho ngày nay đã có con, có cháu; nhất là bóng cây đa già đã che chở cho những tâm hồn trẻ thơ khi sinh sống dưới mái chùa này.



*Cổng Tam Quan chùa Viên Giác
Hội An năm 2012*

khá đông, Thầy tôi cho những người này làm tạm những ngôi nhà tranh, sau khi đã đổ đất lấp đầy hai hồ rau muống ấy, để họ làm nhà che mưa che nắng. Thế rồi ngày lại tháng qua nơi này đã trở thành cái chợ, buôn bán sầm uất; khiến cho bộ mặt của ngôi chùa không còn quang đãng như ngày xưa nữa.

Sau khi dùng cơm trưa tại chùa Viên Giác, tôi hỏi thăm đường đi để chạy xe đạp ra chùa Phước Lâm. Hành trang của

Trước chùa là cổng Tam Quan xây theo lối xưa có cổng chính và hai cổng phụ. Mới trông nó gồ ghề và ít thẩm mỹ; nhưng nghe đầu chùa Viên Giác tại Hội An cũng đã được nhà nước liệt vào những “di tích văn hóa” của phố cổ Hội An. Trước cổng Tam Quan có một con đường đất dẫn chạy vào, nối liền với đường cái lớn chắn ngang phía trước. Hai bên đường dẫn vào chùa thuở tôi mới đến vào năm 1964 là những hồ rác và sau này Thầy tôi cho dọn sạch, cho nước vào và trồng hai ao rau muống ở đó. Đến năm 1968, 1969 người nhập cư vào phố Hội

tôi thuở ấy chỉ có tấm lòng cầu đạo là chính, quên đi tất cả mọi sự nhọc nhằn; chỉ mong một điều là được xuất gia học đạo. Đường đi từ chùa Viên Giác đến chùa Phước Lâm phải băng qua nhà thờ Thiên Chúa giáo, miếu ông Cọp, chùa Chúc Thánh, Mã Thanh Minh của Ngũ Bang và cuối cùng mới đến chùa.

Đây là lần đầu tiên tôi đến chùa này. Nhìn xem phong cảnh, thấy rất đẹp mắt, nhất là qua cái nắng chói chang rọi chiếu vào mặt người nơi cồn cát dài đã được vượt qua; giờ này đối diện với màu xanh dịu mát của cây cảnh vườn chùa, khiến cho khách vãng lai dễ sanh tâm mến mộ. Đầu tiên là cổng Tam Quan xây theo kiểu cổ; nhưng khách bộ hành phải dùng lối mòn bên cạnh; chứ không đi vào cổng chính. Ở giữa sân chùa là một vườn hoa đủ loại. Kế tiếp là một bình phong và hai bên tả hữu có Đông Đường lẫn Tây Đường. Đó là nơi để Thầy trụ trì và Tăng chúng ở. Tiếp theo Đông Đường là nhà Trù và sau Tây Đường là liêu Đông và liêu Tây.



Cổng Tam Quan chùa Phước Lâm năm 2012

Chánh điện chùa Phước Lâm vào tháng 5 năm 1964 là chánh điện cũ; đến tháng 10 năm ấy Thầy trụ trì Thích Như Vạn mới cho dỡ ngói, đập tường; đúc bê-tông và dựng nên ngôi chùa mới còn tồn tại cho đến ngày hôm nay. Phía sau chánh điện là nhà Tổ; nơi thờ Long Vị của các bậc Tổ Sư, từ Ngài Thiệt Dinh đến Ngài Vĩnh Gia và các vị trụ trì truyền thừa qua các thời đại. Phía sau cùng là giếng nước và nhà xe nhang tạo kinh tế cho chùa cũng như nhà kho chứa đồ thực dụng.



Chánh điện chùa Phước Lâm năm 2012

Vườn chùa Phước Lâm rất rộng. Tuy là đất cát; nhưng những cây Bàng, cây Nhãn Lồng, dứa và xoài vẫn xanh tươi và cho hoa quả rất nhiều. Điều chúng, chúng tôi ngày hai buổi phải luân phiên tưới nước những cây cảnh được trồng nơi vườn chùa này. Thịnh thoảng có những luống rau lang và cải bẹ xanh được những người có kinh nghiệm trồng, cốt để phụ lực cho chùa trong những bữa ăn thanh đạm. Ngoài kia là những lu tương to tương mà sau này tôi mới có dịp tìm hiểu đến cách làm tương như thế nào.

Tổ Sư Minh Hải người Trung Quốc đến Hội An vào cuối thế kỷ 17 khai sơn chùa Chúc Thánh. Trong khi Ngài ở Hội An đã biệt xuất ra một dòng kệ truyền thừa cho cả Pháp Danh và Pháp Tự của người xuất gia. Trong đó có Ngài Thiệt Dinh, vốn là vị Tổ khai sơn của chùa Phước Lâm này. Ngài thuộc đời thứ hai của việc truyền thừa trong Môn Phái Lâm Tế Chúc Thánh. Rồi các Ngài với Pháp Danh bắt đầu như Pháp... Toàn... Chương... Ấn... v.v... Tất cả đều mang đến những thành quả đạo đức sáng ngời cho quê hương xứ Quảng. Mãi đến đầu thế kỷ thứ 20, cố Đại Lão Hòa Thượng Vĩnh Gia đã là một bậc long tượng vang bóng một thời của quê hương địa linh nhân kiệt này.

Vào đầu thế kỷ thứ 20 tại chùa Phước Lâm có tổ chức một Đại Giới Đàn để truyền giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và cho các Phật tử Cư sĩ. Lúc này cố Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, cố Hòa Thượng Thích Giác Nhiên từ Huế cũng vào đây để xin thọ giới Tỳ Kheo tại giới đàn ấy, mà sau này các Ngài đã trở thành Đệ nhất Đức Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ năm 1964 đến 1973 và Ngài Giác Nhiên kế tục làm Đệ nhị Tăng Thống từ năm 1973 đến sau năm 1975. Như vậy đây là một ngôi Tổ Đình rất đặc biệt mà tôi có cái may mắn đặt chân đến để xuất gia cũng như tu tập tại chốn Tổ này.

Tôi mang lá thư giới thiệu của Thầy tôi để trình cho Thầy Như Vạn. Sau khi đọc xong, Thầy cho Thị giả đi gọi chú Hạnh Thu đến và giao tôi cho chú Hạnh Thu. Chú này lúc ấy là Chúng Trưởng của chùa, đang đi học lớp Đệ ngũ trường Diên Hồng về thể học cùng với chú Hạnh Đức và Hạnh Chơn. Chú Hạnh Thu người mảnh khảnh, chân đi guốc, mình mặc chiếc áo vạt hò màu nâu dài tha thướt. Chú chỉ cho tôi nơi ăn, chốn ở và những công việc làm hằng ngày như: học kinh, làm việc chúng, dọn dẹp v.v... lúc ấy tôi quá mừng vui nên cái gì cũng dạ hết.

Nghĩa là không có việc nào tôi từ chối. Vì nghĩ rằng mình sẽ làm được.

Trong chùa có hai chú xuất gia lúc lớn tuổi là chú Hiền và chú Thông. Họ chỉ cho tôi cách hô chuông u minh trước giờ công phu khuya và Tịnh Độ vào buổi tối. Chú Hiền thì chỉ cho tôi cách xe nhang như thế nào. May mà lúc ấy có bà Năm đang làm công quả tại chùa; nên không ai chỉ cho tôi cách nấu ăn như thế nào; nếu lúc ấy không có người làm bếp, thì ngày nay tôi đã rành cách nấu nướng cho một bữa ăn như thế nào.



Dãy nhà Tây (mới) nơi chúng tôi cư trú

Chú Hạnh Thu dẫn tôi đến một tấm bảng lớn treo trên tường, có ghi đầy đủ pháp danh và chức vụ của từng chú một và giải thích rất tỉ mỉ, cứ theo đó mà liên hệ. Ví dụ như vị Chúng Trưởng lo tổng quát cho toàn chúng. Chúng Phó lo phụ trách và thay thế cho Chúng trưởng khi vắng mặt. Rồi quản chúng, tri

viên, tri khách, tri tạng, tri khổ, thị giả v.v... Một lô danh từ mới tôi phải học thuộc lòng. Mới vào chùa quả thật cái gì cũng mới mẻ; mới từ cách đi đứng, nằm, ngồi, ăn, nói, tiếp khách, nói chuyện, tu niệm v.v... tất cả tôi đều phải học và phải tập. Học là một chuyện mà tập là chuyện khác quan trọng hơn nhiều. Đây là công hạnh của người xuất gia thuở ban đầu cần phải tự rèn luyện cho tự thân của mỗi người.

Nhiệm vụ đầu tiên của tôi là học kinh và người dò bài cho tôi là đích thân chú Chúng trưởng Thích Hạnh Thu. Kinh đầu tiên tôi phải học, đó là kinh Lăng Nghiêm. Người đời thường bảo: “Đi lính sợ ải, làm sãi sợ Lăng Nghiêm”. Thế mà giai đoạn đầu tiên tôi đã phải dấn thân vào. Tôi không hỏi chú cách học như thế nào, mà đem kinh lên chánh điện, nhờ chú Hiền chỉ dùm; nhưng ngược lại chú nhờ tôi chỉ cho chú học. Vì chú không biết mặt chữ quốc ngữ. Vả lại lớn tuổi rồi mới vào chùa tu, có nhiều điều bất tiện lắm. Nhờ đọc cho chú học thuộc lòng mà tôi cũng phải nhớ theo. Cách học của tôi là cứ nhắm một câu cho thuộc, sau đó nối với câu hai; câu hai thuộc lòng, nối với câu thứ 3 và cứ thế cho hết trang này sang trang khác, đệ này qua đệ khác. Muốn chắc ăn phải học thuộc thật kỹ từng hàng, từng trang và sau đó lắp lại với nhau thì không thể nào quên được. Có lẽ nhờ cách học này mà sau này đi học trường đời hay trường đạo, bất cứ trường gì và học môn gì, tôi cũng có thể đứng ở hạng khá hoặc giỏi, chứ không còn lẹt đẹt như khi còn học ở Tiểu Học nữa; nhưng ngoại trừ môn âm nhạc là tôi chào thua. Cho đến giờ này tôi cũng không biết nốt nào là đô; nốt nào là rê; nốt nào là sol cả. Vả lại người xưa cũng thường nói: “Lăng Nghiêm thì bà già, Di Đà lại Xá Lợi”. Trong kinh Lăng Nghiêm những từ “bà già bà đẻ” cứ lặp đi lặp lại rất nhiều lần, nếu không để ý sẽ lộn hàng này qua hàng khác, đệ này qua đệ khác và kinh Di Đà cũng vậy. Từ “Xá Lợi Phất” được lặp đi

lặp lại rất nhiều lần. Nếu không để tâm sẽ dễ bị lộn phần Xá Lợi Phất này qua phần Xá Lợi Phất khác là vậy.

Trong vòng hơn một tháng tôi đã học thuộc lòng xong 3 đệ Lăng Nghiêm và nhận được tin vui từ chùa Viên Giác để Thầy Bồn Sư làm lễ thể phát xuất gia chính thức. Nghe tin ấy trong lòng thật mừng rỡ. Vì nguyện vọng của mình đã đạt thành. Thế là tôi xin phép Thầy trụ trì và cả Chúng Phước Lâm được rời Chúng trong một ngày một đêm và ngày mai sẽ trở lại chùa, để cùng Chúng tu học.

Buổi lễ chỉ đơn giản thôi. Thầy khấn nguyện trước Tam Bảo rồi xuống tóc cho tôi. Hôm ấy là ngày vía Đức Quan Thế Âm; nhưng tại sao chùa vắng khách thập phương như vậy ? Có lẽ Thầy từ Sài Gòn đi chữa bệnh mới về, ít có người biết. Và lại lễ xuất gia của tôi, một chú Tiểu bình thường, đâu có gì để phải bận tâm ai; ngay cả gia đình của tôi cũng không biết được việc này nữa huống là. Sau khi cạo tóc xong, Thầy gọi đến phòng khách để dặn dò mấy việc, trong đó có việc quan trọng là:

- Sắp đến ngày khai giảng rồi, chú nên lo sách vở để đi học.

- Thưa Thầy đi học gì ?

- Học văn hóa, chứ học gì nữa !

- Bạch Thầy! Đi tu rồi, còn phải đi học để làm gì ?

Thầy nhìn tôi có vẻ không bằng lòng lắm, rồi người quay sang nơi khác.

Cái suy nghĩ đơn thuần của tuổi thơ là vậy. Theo tôi nghĩ – tu rồi còn phải đi học để làm gì ? Thế nhưng suy nghĩ này đã sai từ thuở ấy. Bây giờ ngay cả tuổi “gần đất xa trời” rồi, tôi vẫn thấy còn cần phải học nữa và theo tôi: khi nào nắp quan tài đập lại thì người ta mới không học nữa và nếu còn hơi thở thì còn phải học hỏi như thường.

Thuở ấy tại Hội An có trường công lập Trung Học Trần Quý Cáp và trường Trung học Tư thực Diên Hồng do ông Ngô Đình Thống làm Hiệu Trưởng. Trường Bồ Đề Hội An đang bắt đầu xây dựng và qua niên khóa sau (1965-1966) trường tạm dạy tại chùa Tỉnh Hội và giữa niên khóa này các lớp học được dời tạm qua học nơi trường vừa mới hoàn thành; trong khi đó trường vẫn còn tiếp tục kiến thiết.



Trường Bồ Đề ngày xưa, nay trở thành trường Nguyễn Duy Hiệu (2012)

Bây giờ nhìn lại học bạ của trường Trung Học Diên Hồng cấp, tôi thấy mình vẫn còn nằm ở dạng trung bình; chưa thuộc thành phần học sinh giỏi. Tôi để ý trong lớp có một chú tên là Phạm Phú Chín pháp danh Như Phẩm là Tăng chúng của chùa Long Tuyên học rất giỏi, tháng nào cũng đứng nhất hay nhì lớp. Từ đó tôi quan sát cách học của chú như sau: Trước khi đến lớp, chú ôn bài cũ rất kỹ và đồng thời chuẩn bị cho bài mới cũng chu đáo. Do vậy khi Thầy hỏi đến đâu chú đều trả lời thông suốt. Thế là được 9 điểm trên 10. Đây là số điểm cao lúc bấy giờ. Ngày xưa lối học của ta là lối học từ chương, học thuộc lòng. Ngay cả bài tiếng Pháp như:

Le corp d'humain.

Le corp d'humain comprend trois parties...

(Thân thể người ta – Thân thể người ta chia làm 3 phần...) cứ thể và cứ thể, trả bài đầy đủ sẽ được điểm cao. Nhiều lúc tôi bị ông Thầy Nguyễn Đình Hiến dạy Pháp văn mắng cho là: Các chú Tiểu chỉ trả bài như con vẹt. Chẳng khác tụng kinh chút nào hết! Tôi không giận ông ta về câu mỉa mai ấy. Nhờ vậy mà sau này mình cố gắng nghiên cứu kinh điển nhiều hơn nữa. Ông Thầy này lớn con, to tướng và với học trò chúng tôi, xem ông như ông Thiện lẫn ông Ác của chùa Phước Lâm không khác nhau là bao. Trong lớp Đệ Thất niên khóa 1964-1965 ấy có thêm chú Quý (Giải Trọng), chú Tuất, chú Sanh (Nhu Hoàn) và một vài cô thuộc chùa Bảo Thắng Sư Nữ nữa.

Trường Diên Hồng nằm ngay chợ Hội An, là một nơi rất thuận tiện cho việc di chuyển. Tuy nhiên trường xây theo kiểu Pháp, mà bên trong lại trang trí theo Trung Hoa. Ở giữa có một sân chơi rất nhỏ; không đủ chỗ cho học trò các lớp nô đùa. Đây là trường tư thực; nhưng chúng tôi được miễn đóng học phí, vì là các chú Tiểu thuộc các chùa tại Hội An. Ở Việt Nam chúng ta ngày xưa được cái này cũng đáng tán dương và không nên quên ơn nghĩa ấy. Mặc dầu cho trường ấy các ông bà Hiệu Trưởng theo Thiên Chúa giáo hay các Đảng Phái khác và là những trường tư thực có thu học phí những học sinh khác bình thường; nhưng với các Tăng Sĩ thì hầu như được hoàn toàn miễn phí, giống như các trường công lập hoặc hệ thống trường Bồ Đề. Trong những trường này như: Tại Hội An có trường Trung Học Diên Hồng của ông Ngô Đình Thống. Tại Sài Gòn có trường Trung Học Cộng Hòa của ông Phạm Văn Vận và trường Trung Học Văn Học của ông bà Trần Bích Lan. Điều này trực tiếp hay gián tiếp nhằm cổ vũ cho những người xuất gia có cơ hội học tập để sau này ra giúp đời và phụng sự đạo.

Từ chùa Phước Lâm muốn đến được trường Diên Hồng hay trường Bồ Đề Hội An, chúng tôi phải đạp xe đạp qua nhiều bãi cát dài độ chừng 2 cây số như thế giữa trưa hè nắng chói ánh thái dương; mồ hôi mồ kê thấm đầy cả áo vạt hò và áo nhựt bình. Thế mà chúng tôi chẳng thấy mệt là gì. Nhiều khi đi ngang qua miếu ông Cọp cũng ngoái đầu nhìn vào quan sát xem thử có ông Cọp thật nào xuất hiện không, ngoài ông Cọp được đắp bằng xi-măng, trông cũng giống ông Cọp thật lắm.

Mùa Thu năm 1966, Thầy Như Vạn cho dỡ mái ngói chùa, bắt đầu việc đại trùng tu ngôi chánh điện và nhà Tổ. Vì lâu ngày đã bị dột nát, không cách nào có thể để tiếp tục tình trạng như xưa nữa. Thuở ấy có một số thanh niên từ Đại Lộc, Duy Xuyên, Điện Bàn chạy loạn về chùa xin làm công quả. Cũng chính nhờ lực lượng này mà Thầy trụ trì đỡ phải lo một phần tài chánh trả công cho họ, chỉ lo cơm nước đầy đủ cho họ mà thôi. Trong số này có chú Thị Việt, sau này xuất gia với Hòa Thượng Như Vạn với Pháp tự là Hạnh Thiên và Thầy ấy đã trụ trì Tổ Đình Vạn Đức cho đến ngày viên tịch cách đây mấy năm với cương vị là một Hòa Thượng. Một chú nữa tên là Huân, Pháp danh Thị Tập; nay là Hòa Thượng, đương kim trụ trì chùa Ân Triêm ở chợ chùa thuộc Thị trấn Nam Phước. Cả hai vị này đều xuất gia sau tôi và họ đã đóng góp tích cực cho các Tổ Đình lúc ấy; nhờ vậy mà họ đã có nhân duyên với Đạo cho đến ngày nay.

Thuở ấy nào là chú Vinh, chú Phong, chú Bạ, chú Hạnh Chơn, chú Như Lê, chú Hạnh Thu, chú Hạnh Đức v.v... gần 20 chú như vậy. Chúng tôi sống rất vui và hòa hợp theo tinh thần lục hòa đã được viết và dán sẵn trên tường. Bây giờ có chú đã lên Hòa Thượng như chú Hạnh Đức, có người trở thành trụ trì Tổ Đình Phước Lâm như Thầy Thị Vinh với Pháp tự là Hạnh Hoa. Ngày tôi xuống tóc, đã có chú tại Tổ Đình Phước Lâm rồi. Thầy ấy lanh lẹ và xóc vác; nên được quý Thầy thương. Còn

chú Như Lệ, chú Hạnh Thu đã ra người thiên cổ. Ngày nay tôi có thờ hai vị này nơi bàn thờ những vị xuất gia, đã quá vãng tại chùa Viên Giác Hannover để tri ân họ. Dẫu sao đi nữa, những bước chân chập chững đi vào Đạo của tôi đã có sự hướng dẫn nhiệt tình của họ từ thuở ban đầu ấy. Đúng là: “thương hải biến vi tang điền”. Nghĩa là: “bãi biển biến thành ruộng dâu” là thế. Ở đời đâu ai biết được chữ ngờ. Có những người và những việc đã chắc thật như nắm trong tay; nhưng vẫn nằm ngoài tầm tay với như thường. Đó là trường hợp của chú Hạnh Đức thi Trung Học Đệ Nhất cấp năm 1965-1966. Trong khi chú ấy học thật giỏi; nhưng thi lại trượt. Còn chú Hạnh Thu chỉ học chăm chỉ thôi, lại đậu. Người đồng niên với tôi là chú Như Phẩm. Chú này học chung với tôi từ Đệ Nhất đến Đệ Tứ trường Bồ Đề.



Cổng Tam Quang Chùa Phước Lâm

Đến năm Đệ Tứ niên khóa 1967-1968 những người đậu từ thứ nhất cho đến hạng năm được qua trường công lập Trần Quý Cáp để học. Thế là tôi và chú, Dương Hứa Nguyên, Phùng Rân và Huỳnh Thị Xuân Hương rời trường Trung Học Bồ Đề, qua

học Đệ Tam tại Trần Quý Cáp; chỉ có Dương Hứa Nguyên và tôi cùng Phùng Rân là học chung lớp Đệ Tam Ban A niên khóa 1968-1969 ấy; còn hai người kia học khác lớp; nhưng cùng trường.



Cuối niên học này tôi đi Sài Gòn; còn chú Như Phẩm vẫn ở lại quê hương Hội An. Học giỏi như vậy mà thi Tú Tài II vẫn trượt như thường. Từ đó chú trở thành người thất chí, không thể học cao hơn được nữa. Đâu có ai ngờ như thế, ngay cả tôi lúc bấy giờ ở Sài Gòn sau khi đậu Tú Tài II lo chuẩn bị đi du học Nhật Bản, nghe tin này cũng chẳng thể tin vào tai mình được nữa, lúc Dương Hứa Nguyên báo tin như vậy. Bây giờ Dương Hứa Nguyên đã trở thành Bác sĩ sau năm 1975; còn Huỳnh Thị Xuân Hương trở thành một Dược sĩ nổi tiếng tại Sài Gòn. Thuở thiếu thời có những chuyện vui vui cũng xin kể lại để gửi cho đời cũng như cho người quen lẫn kẻ chưa quen. Đó là việc kỳ

thị giữa nam nữ học chung trong một lớp. Tôi và chú Như Phẩm thường hay đứng nhất hay đứng nhì trong lớp tại trường Bồ Đề và quyết không bao giờ cho Huỳnh Thị Xuân Hương giựt hai vị trí này cả. Thế là tôi và chú Chín chia phần với nhau là: nếu tháng này chú đứng nhất, thì tôi đứng nhì. Tháng sau chú ít giờ tay một hai lần thì tôi sẽ được vị trí nhất; còn chú giữ vị trí thứ hai; quyết không cho con gái đứng lên trên mình nghe. Thế là từ Đệ Lục cho tới Đệ Tứ trong 3 năm liền như vậy; không có một nữ sinh nào lọt vào vị trí nhất nhì cả, mà cuối năm Đệ Tứ niên khóa 1967-1968 ấy tôi đứng nhất toàn trường, đứng nhất toàn lớp và lãnh phần thưởng hạnh kiểm toàn trường. Đó là 3 phần thưởng rất xứng đáng qua sự học tập chuyên cần của mình trong thời gian ấy.

Vào khoảng tháng 10 âm lịch năm 1964 nhằm năm Giáp Thìn, một cơn lụt rất lớn xảy ra cho cả miền Trung. Riêng



Quảng Nam và Quảng Ngãi là hai tỉnh lãnh hậu quả nặng nề nhất. Người và gia súc chết vô số kể. Nhà cửa hư hoại, làng mạc bị cuốn trôi theo dòng. Đây là thời điểm tang thương nhất của Quảng Nam vào năm 1964 sau cuộc tranh đấu năm 1963 chưa đầy một năm. Những ngày tháng ấy tôi nghỉ học và ở tại chùa Phước Lâm. Đêm về nằm nghe gió thổi, mưa tuông. Thỉnh thoảng các chú lớn đi vào chùa Tỉnh Hội để thăm và về lại chùa Phước Lâm cho biết tình hình mực nước đã đến đâu rồi. Một số chú tiếc của, đem gạo bị ngấm nước về chùa Phước Lâm để đồ bánh xèo; nhưng mùi hôi của gạo bị ngấm nước, chẳng ai màn nhìn đến.



Chùa Tỉnh Hội Quảng Nam ngày ấy, nay là chùa Pháp Bảo - Hội An.

Học sinh các trường Trung Học thưở ấy cũng tập trung tại các trường Trần Quý Cáp và những nơi không bị ngập nước để làm từ thiện như giúp đỡ người già cả, bệnh hoạn; hoặc giả cứu thương, chăm sóc cho trẻ con bị lạc cha mẹ v.v... Thưở ấy tôi chưa tham gia vào đội hình này; nhưng một hôm trong lòng

thấy chẳng yên sau con Đại Hồng Thủy ấy; nên xin phép Hòa Thượng Như Vạn và Đại Chúng về lại quê xưa để thăm cha mẹ và gia đình. Dĩ nhiên là Thầy đã không chống đối, mà còn khuyến khích nữa.

Dọc đường đi từ Hội An về Vĩnh Điện rồi cầu Câu Lâu, đâu đâu cũng thấy rác rến và xác trâu bò chết trương sinh lên gấp đôi gấp ba bình thường và mùi hôi thối bắt đầu xông ra chung quanh, ai đi qua đó cũng lợm giọng. Dắt chiếc xe đạp men theo đường mòn và đường đất lở. Chỗ nào còn tốt thì nhảy lên xe đi, chỗ nào lồi lõm lại xuống xe và tiếp tục con đường trở về quê cũ. Khi về đến nhà, gặp cha mẹ tôi vẫn bình yên và hỏi thăm các anh chị và các cháu, không ai bị tổn thương gì cả. Đó là một niềm vui. Chỉ bị thiệt hại một ít tài sản như heo, bò, gà, vịt mà thôi.

Cha tôi kể lại cho nghe những ngày ngồi trên gác nhà để canh mấy lu lúa và con trâu; còn mẹ tôi thì nhắc lại làm sao để có trà cau ăn cho đỡ lạnh. Bà bảo rằng: mỗi lần hút thuốc xong, cha tôi không vứt những tàn thuốc ấy, mà ông ta dán lên những góc cột trong nhà. Thấy tuy không thơm mỹ lắm; nhưng trong những cơn giông bão, lụt lội, chợ búa không đông, thì đây là giải pháp tuyệt vời để giải quyết cái thèm khát của người ăn trà hay hút thuốc. Ông tìm cách thu hết các tàn thuốc lại, vắn thành nhiều điếu lớn để hút. Còn bà thì lấy những tàn thuốc ấy xắt nhỏ lại để nhét vào môi, thay thế cho trà cau lúc không có. Rõ ràng là: “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” là vậy. Con người là một động vật thông minh nhất trong tất cả các động vật. Dầu cho ở trong hoàn cảnh nào, nhiệt độ nào... họ vẫn có thể sống để vượt qua tất cả. Lúc giàu có cũng như khi nghèo nàn; lúc sống ở Phi Châu, Âu Châu hay miền Cực Bắc xa xôi của quả địa cầu; nơi nào họ cũng có thể thích nghi được cả.

Một kỷ niệm xảy ra trong thời gian thăm nhà lần đầu sau trận lụt ấy tôi không bao giờ quên, đó là câu chuyện về những trái Ô Ma hay trái hột gà. Đây là một loại cây giống như cây ổi nhưng lá dài, thân cây không cao lắm, gồm nhiều cành. Đến mùa ra hoa, kết trái, cây cho hương thơm về đêm tỏa khắp vườn nhà. Ngoài hương hoa bưởi, hương hoa lài ra, hương hoa Ô Ma cũng không phải là không gây chú ý. Trái Ô Ma giống như trái xoài; nhưng ruột thì bở và màu giống như lòng đỏ trứng gà; nên có nơi gọi là “trái hột gà”. Mẹ kể rằng tôi về đây thăm, chẳng có gì gởi theo, Bà cho vào xách tôi mấy quả Ô Ma và bảo rằng: hãy đem theo mà dùng. Tôi không biết tài sản của mẹ lúc ấy còn gì nữa; chứ những quả hột gà này bà sẽ đem ra chợ để đổi lấy trầu cau đem về nhà cho hai ông bà dùng. Quả thật tình mẹ thương con không bờ, không bến là vậy. Hai tay tôi đón nhận những quả Ô Ma mà giờ đây sau gần 50 năm trôi qua, tôi vẫn còn nhớ lại hình ảnh ấy rất rõ ràng.

Năm học Đệ Thất trôi qua tương đối dễ dàng và năm học Đệ Lục (1965-1966) chúng tôi dời về dưới mái hiên chùa Tỉnh Hội. Thuở đó có Thầy Nguyễn Xuân Thanh, Thầy Trợ dạy tiếng Pháp, Thầy Kế dạy Toán, Thầy Tuyên dạy Vật Lý, Cô Yến, cô Lan dạy Vạn Vật, Thầy Thông dạy Vẽ, Thầy Mạo dạy Công dân Giáo dục, Thầy Liên dạy Sử Địa v.v... Tất cả những học bạ của tôi thuở bấy giờ, cho đến nay tôi vẫn còn mang theo bên mình. Vì tôi đã ra đi vào thời điểm trước năm 1975; nên những kỷ niệm xưa, cho đến nay vẫn còn giữ lại đầy đủ. Thầy nào phê ra sao, Cô nào ghi như thế nào... trong những học bạ ấy vẫn còn nơi thư phòng tại chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc.

Ngày ấy chúng tôi phải đọc sách của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, Hoàng Đạo v.v... và sau khi đọc những cuốn như: Hồn Bướm Mơ Tiên, Đoạn Tuyệt, Nửa Chừng Xuân, Anh Phải Sống, Gánh Hàng Hoa v.v...

chúng tôi lại phải lên thuyết trình. Nhờ vậy mà thú ham đọc sách đã bắt đầu; chứ ngày xưa tôi ngại nhìn vào sách lắm: Bây giờ thấy có nhiều người không thích đọc sách cũng dễ cảm thông thôi. Nếu hiểu rằng: “trong sách có ngọc” thì ai cũng sẽ tìm ngọc ấy để mà tiêu xài. Câu nói trên có cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Ai muốn hiểu sao cũng được cả.

Ban ngày chúng tôi đi học ở trường, trưa về chùa ăn cơm đạm bạc, sau đó phụ dọn dẹp trong chùa, rồi đi công phu chiều; đến tối thỉnh chuông. Có nhiều đêm có trăng các chú trong chùa bị điều đi đẩy xe bò trên Thanh Hà cùng với các anh chị đang làm công quả tại chùa để chở gạch. Nhiều câu chuyện thi ca, nhiều câu hò, điệu hát và nhiều mối tình cũng chớm nở giữa những người đi làm công quả với nhau ở thời gian tuổi độ xuân thì này. Họ chẳng có tội lỗi gì cả. Đó là chuyện tự nhiên của con người. Vì họ không phải là những người xuất gia, mà chỉ là những người đến chùa làm công quả. Nếu thuận duyên thì tiến đến con đường giải thoát; nếu nghịch cảnh thì trở lại đường trần để nói lại chuyện sanh tử ngày xưa. Đây là những việc xưa như trái đất, khi mà con người hiện hữu trên quả địa cầu này luôn tái diễn những việc như thế.

Quà thưởng cho chúng tôi sau những lần đẩy xe gạch cực nhọc từ lò gạch Thanh Hà về chùa là những tô cháo ngọt hay những chén cơm ngào đường ăn phải xúc bằng lá mít. Đồ ăn chỉ đơn giản thế, mà sức ăn của tuổi trẻ lại vô cùng; nên chỉ quá một đêm thôi, là chúng tôi lấy lại sức để thức dậy sớm đi thời công phu khuya và tiếp theo là lau quét phòng Thầy. Dừng sáng rồi đạp xe đạp đi đến trường để tiếp tục việc học.

Khi mùa mưa bão lụt lội của năm Giáp Thìn đã đi qua, trong quần chúng hầu như chẳng ai còn cây chuối nào để lấy lá đem ra chợ bán và dùng để gói đồ. Thế là lá Bàng được thay vào đó để đáp ứng nhu cầu này. Nguyên là trước nhà Đông

chùa Phước Lâm có một cây bàng rất lớn, đến mùa lá rụng, những chú Tiều như chúng tôi quét lá cũng ngẩn ngơ thôi. Vì lá to và nhiều vô số; nhưng nay được chú Hiền đi chợ về báo rằng: các chú nên hái lá bàng để đổi những nhu yếu phẩm khác cho chùa. Thế là chúng tôi có cơ hội để trèo cây mà chẳng ai nổi trách móc hay la rầy. Cây bàng là loại cây đa, hình thù sần sùi, chẳng thấy ra quả, mà chỉ toàn là lá một màu xanh biếc. Hái mấy ngày rồi cây bàng cũng trụi lá; nhưng đây cũng là một kỷ niệm khó quên của đời mình, khi còn làm Điều tại chùa Phước Lâm vào năm 1964 kia.

Sau khi tôi đi xuất gia được một năm tại Tổ Đình Phước Lâm Hội An thì một hôm nhận được một lá thư của Hòa Thượng Bảo Lạc từ Sài Gòn gửi về. Nội dung thư được Thầy cho biết là không đồng ý cho sự đi xuất gia của tôi. Lý do Thầy đưa ra là trong nhà có một người đi tu đã đủ rồi. Và lại đời sống của một Tăng nơn phải chịu nhiều sự khổ nhọc, không nên tiếp tục con đường ấy nữa. Sau khi đọc xong lá thư này, tôi suy nghĩ rất nhiều; nhưng nghĩ lại cho cùng, mình đâu có lỗi làm gì. Khi đi xuất gia đã được cha mẹ đồng ý và Thầy Bốn Sư cũng mới vừa làm lễ thế phát cho năm rồi. Đây là hai động cơ chính, mà tôi vẫn tiếp tục con đường tu và cũng đã không gửi thư trả lời lại cho Thầy. Lúc ấy đâu có biện minh thế nào đi chẳng nữa thì Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cũng khó chấp nhận; nên tôi đành chọn giải pháp làm thỉnh là hay nhất.

Ngày xưa tất cả mọi sự việc xảy ra, kết quả thường đến chậm. Ví dụ như muốn viết một lá thư cũng phải suy nghĩ vài ngày và đôi điều muốn trình bày. Trước đó phải viết nháp rồi đọc đi đọc lại nhiều lần để sửa những lỗi sai. Sau đó mới chép lại tử tế, bỏ vào bì thư niêm phong lại, đoạn đem ra bưu điện dán tem gửi đi. Thư đến tay người nhận cũng mất chừng ba đến bảy ngày. Còn ngày nay nhắc điện thoại lên là có thể tha hồ kể lể, tâm sự hay nói chuyện gì mà mình muốn nói, sẽ đến tai

người nghe liền. Chẳng bù với bây giờ chỉ cần mở máy lên, nghĩ sao viết vậy, không cần đọc lại; nhấn nút gọi là vài phút sau người nhận được thư, đầu cho ở bất cứ nơi chân trời góc biển nào, cũng có thể nhận được liền. Quả là khoa học tiến bộ, đã mang lại mọi tiện nghi cho con người như thế. Tuy nhiên cái hại cũng sẽ luôn đi kèm với cái tiện lợi kia. Vì lẽ đã nhanh lại càng muốn nhanh hơn; cho nên lỗi này chồng lên lỗi khác là vậy. Lỗi không xem lại kỹ càng, lỗi không viết hoa, lỗi không bỏ dấu; nên đọc lên thấy ý và lời sai, người đối diện liền bị chạm tự ái, thế là lời qua tiếng lại chẳng hay ho gì.

Kể từ ngày có Internet đến nay, trên dưới 10 năm, con người ra chiều thoải mái lắm. Vì rất tiện lợi. Ngồi ở nhà có thể làm việc của hãng xưởng được. Thầy giáo nhiều khi không cần đến trường, họp hành không cần phải có mặt, mà ngồi ở nhà bật máy lên cũng có thể hội thảo với nhân viên của mình được. Rồi giảng pháp, rồi nghe kinh cầu an, cầu siêu v.v... tất cả đều có sẵn trên màn ảnh từ thượng vàng đến hạ cám chẳng thiếu món nào. Có nhiều Thầy tiên liệu rồi đây Phật Tử cũng không cần phải đi chùa. Vì khi mở máy lên, muốn đi chùa nào mà chẳng có. Cũng sẽ có màn trình diễn quy y với Internet cũng không chừng. Những người bảo thủ thì không rờ đến máy này, mà người đã quen dùng rồi thì khó bỏ được. Thật sự ra chiếc máy nó chẳng có tội tình gì; chẳng qua chỉ là phương tiện trong cuộc sống. Điều quan trọng là mình có thể làm chủ nó hay để nó làm chủ mình mà thôi.

Sau năm 1975 muốn gọi thư từ hay điện thoại về Việt Nam, quả là điều “trần ai mai khổ”. Bên đầu dây này la muốn bẻ ống nghe luôn; nhưng đầu kia cứ hi, hả, không nghe được gì cả. Thế mà đã hẹn trước với bưu điện rồi đó. Thư từ bị kiểm duyệt, tiền bạc khó gửi vào Việt Nam. Quả thật thông tin thời bấy giờ đúng với chính sách “bế quan tỏa cảng”. Còn ngày nay thế giới đã tiến bộ vượt bực về ngành điện tử, Việt Nam chúng

ta không thể dừng chân tại chỗ, mà phải vươn lên để theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại; nếu không, chúng ta chạy sao theo kịp nổi với Thái Lan, Đại Hàn và Đài Loan, đừng nói gì các nước Âu, Mỹ khác.

Tôi vẫn theo mới; nhưng vẫn giữ gìn cái xưa. Vì lẽ không phải cái xưa nào cũng xấu, cũng quê mùa, mà ngược lại cũng có những mỹ tục, những phong tục, những tập tục cần phải giữ gìn. Còn những gì thuộc về hủ tục thì nên bỏ. Ví dụ như bản thân tôi, cho đến năm nay (2012) vừa viết vừa dịch tổng cộng 61 tác phẩm từ nhiều ngôn ngữ khác nhau sang tiếng Việt; nhưng tôi vẫn chọn lối viết tay, chứ không dùng Computer để đánh máy trực tiếp. Vì tôi quan niệm rằng: đây là cơ hội để giữ lại thủ bút của mình cho ngày sau; còn đánh máy nhanh đấy; nhưng nhiều khi lỡ quên giữ lại trong bộ nhớ, nếu chẳng may nhấn lộn một nút nào đó, tất cả những công trình biên chép, dịch thuật trong mấy tiếng đồng hồ trước đây đã không có cánh mà bay, làm sao có thể tìm lại được bài vở cũ. Còn viết tay, dẫu sao đi nữa, chữ nghĩa vẫn còn đó, có thể sửa tới sửa lui, mà không sợ mất một chữ. Có lẽ đây là cái chấp của tôi và quan niệm riêng của mình, nếu độc giả thấy không tiến bộ thì cũng không nên bắt chước làm theo.

Những năm 1958, 1959 khi Hòa Thượng Bảo Lạc còn tu ở chùa Linh Ứng tại núi Ngũ Hành Sơn thì gia đình hay đi thăm Thầy. Nhân cơ hội ấy tôi cũng leo đèo theo sau cha mẹ để đi chùa và để được ăn cơm chay. Cơm chay ngày ấy chẳng có gì ngoại trừ chén cơm nóng ăn với rau chấm tương. Thế mà ngon đáo để. Mãi cho đến bây giờ tôi vẫn không thể nào quên được những chén cơm đầy đạo vị của chùa Linh Ứng thuở nào, nhất là sau khi đã leo lên hàng trăm bậc thang cấp mới đến Vọng Hải Đài và Huyền Không Động cũng như chùa Linh Ứng, rồi trở lại nhà Trù với chén cơm tương là một thang thuốc vi diệu không lời. Thuở ấy tôi còn nhỏ, chỉ biết quan sát chứ chưa nhận

định gì cả. Ví dụ như thấy các chú Tiểu học chữ Hán phải dùng lá chuối để viết. Tôi không thể hình dung được là chùa núi lúc ấy rất nghèo, không có tiền để các chú mua sách vở và bút mực để học viết và tập viết; mà thấy để chỉ thấy mà thôi. Dầu sao đi nữa cái học ngày ấy cũng đã giúp cho quý Thầy ngày nay thành người hữu dụng cho Đạo và cho Đời.

Đến năm 1965 hai thời công phu sáng chiều tôi đã thuộc nằm lòng và chú Hạnh Thu đề nghị với Thầy Như Vạn cho tôi làm Thị Giả thay cho chú Phong. Thế là tôi có cơ hội gần gũi hầu Thầy. Việc làm Thị Giả căn cứ trên bốn bộ luật Tiểu. Đó là Tỳ Ni, Oai Nghi, Sa Di và Cảnh Sách. Nội dung của luật Tỳ Ni là những cử chỉ đi, đứng, nằm, ngồi của một người xuất gia phải học và hành trì. Ví dụ như trước khi bước xuống giường phải đọc Chú gì, khi ăn cơm, uống nước, xĩa răng, đi đại tiện và tiểu tiện, rửa tay, khi hô chuông, khi ngồi Thiền v.v... tất tất đều phải nhớ ghi nằm lòng, không được quên hoặc thực hành thiếu sót bừa bãi.

Người tu có 24 oai nghi cần phải giữ gìn như: trước khi vào phòng Thầy phải làm sao, ra đi với Thầy phải làm sao, đứng hầu Thầy, người Thị Giả phải như thế nào, nhất nhất đều phải để ý Thầy cần gì nơi mình. Còn nhỏ chỉ học chừng ấy thôi; đến khi lớn lên rồi mỗi Thầy Tỳ Kheo phải cần đến 3.000 oai nghi tế hạnh. Đó là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhân cho 250 giới thành 1.000 oai nghi. Một ngàn oai nghi này phải giữ gìn trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Tổng cộng thành 3.000 là vậy. Và lại chữ *Thị* là gần; *Giả* là kẻ, người học trò, đệ tử. Nghĩa là người luôn gần gũi lo lắng, chăm sóc cho Thầy mình. Cho nên buổi tối phải hầu Thầy, đôi khi buổi sáng cũng phải hầu Thầy nữa. Sau đó là quét nhà, nấu nước pha trà, rửa ly tách v.v... chỉ chừng ấy công việc thôi, cũng mất khá nhiều thì giờ rồi. Ngày xưa các chùa hay dùng nước giếng để nấu ăn, giặt giũ, đâu có nước máy như bây giờ. Muốn có phải đun sôi bằng

củi bổi hay lá tre. Vì chùa không dùng điện nên tất cả đều dùng đèn cầy và than, củi để đun sôi cơm nước; cho nên tốn rất nhiều thì giờ.

Giới Sa Di tôi chưa thọ; nên chưa được học. Còn Cảnh Sách thì mỗi tuần học một hay hai trang, lúc bằng chữ Nho, lúc bằng chữ hoặc âm Hán Việt. Văn Cảnh Sách rất hay, do Ngài Quy Sơn Linh Hựu Thiền Sư biên soạn. Mãi cho đến bây giờ mỗi khi đọc lại hoặc dạy chúng, tôi thấy những lời giáo huấn của Ngài rất hay, có thể ứng dụng cho mọi thời đại, dầu cho khoa học có tiến bộ đến đâu đi chăng nữa, thì những căn bản đạo đức làm người của Phật Giáo vẫn trụ vững với thời gian năm tháng như thường.

Thời gian từ 1964 đến 1966 là thời gian Hòa Thượng Thích Chơn Phát làm Giám Đốc trường Trung Học Bồ Đề Hội An, Hòa Thượng Thích Như Huệ đi Tuyên Úy Phật Giáo, Hòa Thượng Thích Như Vạn lo trùng tu Tổ Đình Phước Lâm và xây dựng trường Bồ Đề Hội An. Trong khi đó Sư Phụ của tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí lo vấn đề hành chánh và xã hội cho Giáo Hội Tỉnh nhà. Đây là tứ trụ Thiền Gia của Hội An thuở ấy. Bốn cây thạch trụ này đã chống đỡ cho giang sơn đạo pháp của xứ Quảng Nam trong 50 năm qua. Nếu không có họ, chúng tôi đã không có những điểm tựa cho lúc ban đầu và ngay cả bây giờ cũng vậy. Mỗi vị Thầy có một số quý Thầy, quý Chú đệ tử quy y và xuất gia; nên Hội An thuở ấy lực lượng Tăng Ni rất hùng hậu; không có chùa nào nuôi dưới 10 Điều ăn học; có chùa như chùa Long Tuyền hay Phước Lâm có cả hàng 20 Chú đệ tử cấp sách đến trường Đồi (trường Phổ Thông) 9 tháng. Ba tháng còn lại đi học trường Đạo, trong các Tổ Đình hay các Phật Học Viện nơi có tổ chức an cư kiết hạ. Một năm 12 tháng chúng tôi chẳng có ngày nào rảnh. Thế mà vui, học và tu là những mục đích chính của chúng tôi lúc bấy giờ nên ai cũng rất hoan hỷ.



Chùa Long Tuyên tại Hội An, nơi Hòa Thượng Thích Chơn Phát trụ trì ai cả.

Bạn ngoài đời, tôi đã kể sơ qua một vài người còn và một vài người đã mất. Bạn Đạo cũng có một vài người, tuy không thân lắm; nhưng cũng là chỗ thâm tình ở chốn thiền môn. Chúng tôi quen nhau qua việc học tán, tụng; quen nhau qua sự lui tới của quý Thầy của chúng tôi, trong đó có Thị Duyên, Thị Kinh và Thị Hạnh. Cả 3 đều ở chùa Tinh Hội, đều là đệ tử xuất gia của Hòa Thượng Như Huệ. Thuở ấy chú nào cũng để chóp và rất xinh. Mỗi chú theo làm Thị Giả hầu Thầy mình một cách khác nhau, không ai giống ai cả.

Sau khi tôi từ già Hội An năm 1969 đi vào Sài Gòn tiếp tục việc học, cũng là khoảng thời gian không liên lạc với quý chú này. Mãi cho đến năm 1975 tôi vẫn không được tin tức của họ. Thế rồi một ngày nọ cách đây chừng 15 năm, tôi đã được một lá thư của Thị Duyên viết thật dài, gửi qua Đức và mong tôi té độ để được trở lại làm người xuất gia khi trải qua một cuộc đời khá trái ngang từ sau năm 1975 cho đến thời điểm ấy. Sau này tôi đưa Thị Duyên qua Ấn Độ xuất gia và năm 2005 đưa qua Đức thọ giới Tỳ Kheo để kể tục con đường xuất gia đã dang dở một thời gian dài.

Hạnh Giải Thị Duyên vốn là một ông Thầy Giáo dạy văn chương; nên chữ nghĩa rất bay bướm, viết trông rất đẹp mắt; nhìn dáng đi, nụ cười của Hạnh Giải nhiều người dễ cảm tình ngay. Do vậy mà Thầy ấy đã một lần bị lưới tình của học trò vây bủa, rồi hoàn tục, rồi sinh con, đẻ cái, rồi ly dị và đây cũng chính là cơ hội để Hạnh Giải tái lập chí nguyện xuất trần thượng sĩ của mình. Bây giờ thì Hạnh Giải đang ần tu và chỉ thích tu thiền. Âu đó cũng là nhân duyên đã định trước vậy.

Thị Hạnh và Thị Kính cũng đã bỏ tu sau năm 1975 và ngày nay cũng đã tu trở lại, sau khi đã hướng dẫn gia đình con cái đi vào nẻo Đạo. Ở đời thật chẳng ai ngờ là vậy. Nhưng cũng nhờ vào các dư báo của đời trước; nên họ vẫn còn là những người hộ đạo cho đến giờ này. Vì vậy Đức Phật đã dạy rằng: Tất cả các pháp đều bất định. Không có một pháp nào trên thế gian này mà không thay đổi. Nếu các pháp không thay đổi, sẽ không phù hợp với nhân duyên sanh, mà không nhân duyên sanh thì không phải là Phật Giáo.

Thời gian vẫn trôi nhanh không dừng lại bất cứ một giây phút nào, tôi vẫn lớn khôn qua sự giáo dưỡng của Thầy Tổ và Đại Chúng. Sống dưới sự che chở của Đức Phật, lòng từ bi của mọi người chung quanh, tôi cảm thấy ấm lòng, không có gì phải phân vân và cũng chưa bao giờ tự đặt ra câu hỏi cho mình là: Ngày mai mình sẽ ra sao đây ?

Đã không có câu hỏi được nêu ra thì dĩ nhiên đã không có câu trả lời đi kèm. Đời tôi cứ thế mà bồng bênh trôi. Cái gì đến tôi để cho tự nhiên đến; cái gì muốn ra đi, tôi để cho đi. Không thương tiếc, không sầu muộn, không vắn vưng, dầu cho đó là một cái gì quan trọng đối với đời mình đi chăng nữa; có lẽ đây là cách sống của tôi trong quá khứ và trong hiện tại; nên chung quanh mình lúc nào cũng có những giá trị thực tiễn của nó.

Hương Lúa Chùa Quê

Trong kinh Trường A Hàm, Đức Phật dạy rằng: “Ngày xưa ngày xưa cõi đất này rất sạch sẽ và cơm gạo ngũ cốc cũng có dư thừa, tự sinh sản. Con người không cần làm lụng cũng có của để dùng. Con người thuở ấy ai cũng có thần thông và đa phần con người đến đây từ cõi Trời Quang Âm Thiên”.

Đầu tiên con người thấy đất đai màu mỡ; nên lấy ngón tay của mình chấm vào đất và đưa vào miệng để mút thử, thấy ngọt ngọt; con người cảm thấy vui thích và cứ thế lấy đó mà dùng. Mỗi người lại tự suy nghĩ: Nếu mình không lấy để dành thì ngày một, ngày kia sẽ không có đồ ăn. Từ đó tâm tích lũy tồn tại, ai ai cũng lo lấy đồ ăn có sẵn trên mặt đất để cung phụng cho cái đói và những nhu cầu cho mình. Thế rồi mọi người tự be bờ, đắp lũy để tạo thành những thửa ruộng như ngày nay, rồi canh tác, cày cấy, trồng trọt để có cái riêng cho mình. Khi đã có ruộng vườn, tức phải có chủ nhân của miếng ruộng kia. Rồi tá điền, điền chủ, Thôn trưởng, Xã trưởng lại xuất hiện, để ngày nay tiếp tục gọi là Vua Chúa, Tướng lãnh, Thủ tướng, Tổng thống v.v...

Như vậy con người khởi đi từ cái tham nên mới có sự phân chia như ngày hôm nay và cũng chính từ lòng tham ấy mà thần thông đã mất. Con người ngày nay chỉ có tranh đấu và đấu

tranh để tồn tại và sẽ đi đến sự giải thể qua các giai đoạn của thành, trụ, hoại, không trên quả đất này. Đây là những bản kinh cổ điển của Phật Giáo được viết bằng tiếng Pali và được dịch sang chữ Hán cũng như tiếng Việt. Mới đọc, ít người khó tin được. Vì cái chấp thủ của con người; trên thực tế những gì Đức Phật đã dạy trong mấy ngàn năm qua không có một điều gì sai quấy và phản lại khoa học cả. Đây là một Đạo học của nhân loại, một cách sống hợp với lòng từ bi và sự lợi tha cho mọi người cũng như mọi loài. Ai tin được, người ấy cứ tin, ai hiểu được, người ấy cứ hiểu. Đức Phật cũng đã từng dạy rằng: “Đến với ta để thực hành chứ không phải chỉ có tin”. Đây là lời dạy rất sáng suốt của một bậc giáo chủ.

Như vậy ngũ cốc đã có sẵn nơi thế giới này tự ngàn xưa; trong đó có lúa, mè, đậu, bắp, khoai. Những thứ này là những đồ dùng cho con người và muôn vật. Nó tự biến thể qua nhiều dạng thức khác nhau để làm nên nhiệm vụ sản sinh các thực vật và cung cấp sự sống cho con người cũng như những động vật khác. Ăn là một động tác, hít thở là một động tác, suy nghĩ cũng là một động tác và làm việc là một động tác khi biểu hiện, dễ nhận thức hơn. Con người đã vì cái ăn, vì sự sống mà tranh giành giết chóc với nhau. Do vậy Tôn Giáo giữ một vai trò quan trọng để kiểm soát cái bất thường nơi con người và tạo nên sự quân bình cho cuộc sống giữa đời sống tâm linh và vật chất kia.

Người Á Châu chúng ta dùng lúa gạo làm chính gồm có các dân tộc lớn như Ấn Độ, Trung Hoa, Mông Cổ hay các dân tộc nhỏ như Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam và các nước Đông Nam Á Châu khác. Trong khi đó các xứ Âu Châu và Phi Châu khí hậu khắc nghiệt hơn, do lạnh quá và nóng quá, các thứ lúa sinh sản tại Á Châu khó tồn tại ở Âu hay Phi Châu được; nên tại đây họ trồng lúa mạch hay lúa mì để sản xuất ra những thực

phẩm khác, cũng chỉ để nhằm cung cấp lương thực cho con người. Mục đích cũng chỉ để phục vụ cho cái ăn, cái mặc của con người qua nhiều thời đại khác nhau. Ngày xưa số cư dân trên quả đất này rất ít; nhưng ngày nay đã có hơn 6 tỷ người sinh sống, tồn tại và nghe đâu đến cuối thế kỷ thứ 21 này, dân số lên đến 10 tỷ. Như vậy con người lấy cái gì để ăn đây? Đây là một câu hỏi khiến cho nhiều nhà xã hội học phải đau đầu; nhưng nếu đúng như Thánh Gandhi đã nói thì ta không có gì để lo ngại cả. Ông ta bảo rằng: „Thực phẩm trên thế giới này không bao giờ thiếu; chỉ có lòng tham của con người không bao giờ đủ mà thôi“. Như vậy nếu con người biết dừng lại lòng tham thì sẽ không khổ. Cũng vì tham ăn nên mới mất hết thần thông. Bây giờ tham sống; nên mới chém giết lẫn nhau. Cuối cùng rồi cũng chỉ đem đến sự đổ vỡ và cái họa diệt vong cũng gần kề.

Đầu năm 1966 tại chùa Phước Lâm xảy ra nhiều chuyện không vui trong chúng, khiến nhiều chú cũng lo toan, không biết tương lai của mình sẽ ra sao; nhưng cũng nhờ phép sống lục hòa trong chùa đã giữ lại sợi dây hòa khí, vốn xưa nay đã là giềng mối của chốn Thiền lâm và có lẽ mãi mãi cho đến sau này cũng vậy; nên mọi việc cũng đã trôi qua một cách nhẹ nhàng êm thấm.

Thế rồi ngày 27 tháng 3 năm 1966 đã đến, tôi và Hòa Thượng Bảo Lạc đã mất đi người Mẹ của mình. Phần tôi ở gần; nên đã về thăm quê trong những dịp như thế ấy, nhằm gián tiếp an ủi người cha trong khi Mẹ đã ra đi. Sau tuần thất thứ nhất, tôi trở lại chùa Phước Lâm và có ý xin Thầy Như Vạn về lại quê xưa để giúp Cha trong mùa gặt sắp tới, nhân ngày chung thất của Mẹ. Đây là cái cơ để xa chùa, xa Thầy, xa Chúng trong một thời gian và mục đích là báo ân báo hiếu.

Tôi sinh ra trong gia đình con nhà nông mà chẳng biết cày bừa, cấy lúa. Vì lẽ từ nhỏ đã có gia đình lo. Bây giờ nhân việc Mẹ mất, trở lại quê xưa để giúp Cha thu hoạch vụ mùa. Những người đi trước làm sao, tôi cố làm theo như vậy. Ví dụ như họ xắn quần lội xuống nước và tay mặt cầm liềm cắt lúa, tay trái đỡ bó lúa; đến khi đầy ôm, mang lại bó lúa để đập. Bó lúa gồm một tấm phen được dựng cao trong một cái bồ, khỏi tầm người đứng; đoạn chẻ lúa ra từng lọn nhỏ đứng thẳng người đập mạnh lên trên một cái sạp để hạt lúa rớt vào trong bồ và phần bên trên không rơi ra ngoài ruộng là nhờ có tấm phen che sẵn. Lúa đã được đập xong, chỉ còn cọng rạ. Rạ này người ta phơi khô để cho trâu bò ăn, hay bện lại thành từng lớp để lợp nhà. Có nơi làm bồi đốt để nấu cơm; có nơi ủ rơm thành nấm. Quả thật cây lúa từ khi mới thành hình cho đến lúc trở đòng đòng, kết thành bông, tạo thành hạt... rồi thành gạo, thành cơm. Mỗi một giai đoạn, cây lúa từ thân đến hạt đều cung cấp cho con người nhiều việc khác nhau, nhằm giúp cho con người khắc phục những khó khăn nhất định trong cuộc sống hằng ngày.

Đứng cắt lúa và đập lúa tôi không ngại; chỉ ngại khi thấy những con đĩa nhún mình đo tới bám sát vào đùi của mình. Lúc ấy chỉ có la hoảng chạy lên bờ. Trong khi đó anh chị tôi đều cười và bảo rằng: Chẳng có gì để đáng lo cả. Hãy đứng yên đó và nhổ nước miếng vào chỗ bị đĩa cắn, đĩa sẽ buông ra ngay và lấy một mảnh lá toi đang mang hay lá đang đội nón trên đầu áp vào vết thương, máu sẽ ngưng chảy và đó là kết quả của một công việc. Tuy đơn giản; nhưng không có những bài học của nhà nông thì mãi cho đến bao giờ ta cũng sẽ không thực hành được những kinh nghiệm thực tế ấy.

Sau khi gặt lúa về nhà có nơi dùng trâu hay bò đập lên bông lúa để có hạt lúa rời; nhưng nhiều nhà nông cho rằng việc này không bằng đập lúa để cho hạt lúa còn nguyên vẹn hơn. Sau khi đập lúa xong, người ta phải phơi lúa cho khô qua nhiều

ngày nắng. Mỗi ngày lấy cào lúa cào đi cào lại bao nhiêu lần để cho hạt lúa đôi phía. Ngày cuối cùng người ta „dê lúa“. Dê lúa là danh từ của nhà nông; có nghĩa là một người đứng thẳng mang thúng lúa „dê“ xuống đất, phía sau có một người cầm chiếu hay quạt lớn quạt đều tay; những hạt nặng rơi thẳng xuống mặt đất; những hạt lép bay ra phía trước. Cuối cùng người ta chỉ đong những hạt chắc đổ vào lu và những hạt lép cho gà vịt ăn.

Khi nào muốn có gạo thì phải xúc lúa trong lu ra xay bằng cối xay tay. Cối xay có 2 thớt. Thớt trên nặng và quanh mặt thớt có gắn những kim loại để có thể nghiền được. Thớt dưới không di chuyển nằm yên và chung quanh thớt dưới có đường mương cho gạo chảy ra. Lúa được bỏ vào phần trên cùng của thớt bên trên. Khi nào lúa trong vòng tròn sắp hết thì người cho lúa phải tiếp tục cho lúa khác vào. Sau khi xay xong thì gạo này có cả trấu và gạo nằm chung. Các chị lúc ấy đổ gạo hỗn hợp này lên một cái sàng; gạo được sàng và được sảy thật kỹ. Lúc ấy sẽ có một loại trấu và gạo lúc hình thành. Nếu kỹ nữa thì đem gạo lúc này giã vào cối một lần nữa, sẽ có gạo trắng. Thế là nhà nông có một bữa cơm nguyên chất mặn nồng và đầy cả tình cảm quê hương trong ấy.

Đó là vào thời buổi xa xưa khi phương tiện máy móc chưa xuất hiện ở miền Trung nhiều; nghe đâu sau này sau khi gặt lúa, người ta chở lúa đến nhà máy xay lúa. Máy xay hay máy nghiền, máy gặt hoặc máy sảy chỉ làm việc trong một hai ngày là lúa đã sạch vỏ, tạo thành những hạt gạo trong ngần dùng để ăn hay đem ra chợ bán, tùy theo sở thích của gia đình.

Ngày xưa khi còn Mẹ, tôi vẫn được dạy rằng: “Cơm là hạt ngọc của trời, dùng phí phạm nó. Sau này sẽ làm heo gà để ăn lại cơm thừa đổ tháo ấy“. Lời Mẹ dặn tuy không mang tính triết học. Thế nhưng nó cũng ứng với kinh điển của Phật dạy tự

ngàn xưa. Nghĩa là hạt cơm ấy có gốc gác là những hạt ngọc từ cõi Trời mang đến. Điều này cũng không khác gì món cơm ở cõi Trời Hương Tích mà Ngài Duy Ma Cật đã nấu để dâng cúng cho Chư Tăng. Món cơm ấy có khả năng cung cấp cho nhiều người; nhưng nồi cơm vẫn còn nguyên vẹn.

Lần này trở lại quê, tôi đã mang vóc hình của người Tăng sĩ, đầu cạo nhẵn, mình mặc áo nhật bình. Do vậy có nhiều người trầm trồ rằng: „Nhà ông Quyên có phước quá, có cả hai người con đi xuất dương“. Ý nói rằng đi xuất gia tu học; nhưng bà nọ bảo là đi xuất dương; thế mà điem này cũng hẳn đúng cho những năm sau đó là Hòa Thượng Bảo Lạc và tôi đã xa rời khỏi nước trước 1975 để sang Nhật Bản du học. Đây là những kết quả không định trước, mà cũng đã có không biết bao nhiêu người muốn; nhưng đã thành tựu được gì đâu; chẳng qua là nhờ hiện báo và dư báo tốt hoặc xấu của mỗi người còn sót lại.

Chùa Hà Linh quê tôi vẫn còn hiện hữu đó, sừng sững với gió sương, chứng kiến không biết bao nhiêu sự tang thương đổ nát của quê hương qua chiến tranh bị tàn phá và ngôi chùa làng quê tôi cũng đã là chứng nhân của lịch sử; chứng kiến không biết bao nhiêu kẻ đến người đi. Có kẻ thành người hữu dụng cho đất nước, mà cũng có người vì chính kiến khác nhau nên kẻ đứng bên này; người đứng bên kia đối diện nhau như hai đường thẳng song song chưa bao giờ gặp nhau được. Ngoài ra chùa cũng là nơi mang đến bao nhiêu hạnh phúc cho dân làng. Vì chùa bây giờ đã sản sinh ra rất nhiều người xuất gia, mà ngày nay đã có rất nhiều Hòa Thượng, Sư Bà, Ni Sư vốn đã xuất thân từ Gia Đình Phật Tử Hà Linh này.

Chùa nằm trên vị trí thật cao; nhưng nhiều lúc nước lụt lớn vẫn có thể kéo nước vào. Do vậy sau này Ban Đại Diện cũng như Ni Sư Trụ Trì có viết thư vận động nhờ chúng tôi giúp đỡ để xây một Tăng Xá hai tầng, nhờ khi tai trời ách nước

có xảy ra thì cũng có nơi che chở những con người vốn chịu nhiều cực khổ nơi thôn quê, dân giả này. Điều này chúng tôi đã đáp ứng để thể hiện việc xây dựng tái tạo kia trong đó có cả Hòa Thượng Bảo Lạc, bản thân chúng tôi, Sư Bà Diệu Tâm, Ni Sư Như Viên, Ni Sư Diệu Phước v.v... Đây là cái tình quê và cái nghĩa của nơi chôn nhau cắt rốn mà chúng tôi đã thể hiện trọn vẹn khi còn đang ở ngoại quốc ngày nay, nhằm hỗ trợ cho quê hương có một nơi yên ổn khi xuân đến đông về.

Trước chùa có một sân nhỏ, là nơi để cho Gia Đình Phật Tử sinh hoạt. Hai bên vườn chùa trồng bí đao và bí rợ. Đây là sản phẩm của nhà nông. Vùng chùa quê này quanh đi quẩn lại cũng chỉ sản xuất được một số hoa màu chính như: lúa, bắp, đậu và những hoa màu phụ như: bí, bầu, rau, cải v.v.... Nông dân chủ yếu bám vào miếng đất của mình để cày xới, trồng trọt; nhằm tạo thêm đời sống vật chất cho gia đình mình có đủ cái ăn cái mặc; nhưng trời lại chẳng thương tình họ. Khi mùa mưa, mùa lụt đến, tất cả tài sản họ làm được trong năm, đều bị cuốn hút theo dòng lũ ấy. Thế là đi đong cả một công trình. Họ lại bắt đầu cho năm khác và cứ thế, năm này qua tháng nọ, một nắng hai sương họ phải chịu dài dàu như vậy.

Những ngôi chùa Tổ như Phước Lâm, Long Tuyền, Chúc Thánh còn có ruộng đất quanh chùa hay ở những nơi khác. Đây là những đất đai mà ngày xưa vua quan hay những nhà điền chủ đã cúng cho chùa. Nhà chùa cho dân chúng làm thuê và mỗi năm đến mùa gặt, chủ đất đến gặt lúa chung với người thuê đất và chia hoa lợi đem về chùa mình: nhờ vậy mà các chùa Tổ mới có huê lợi nuôi Tăng Chúng ăn học. Còn các chùa tại nhà quê, như chùa Hà Linh; nơi tôi được sinh ra chưa được cái phước ấy. Mãi cho đến khi tôi đi xuất gia, ngôi chùa ấy vẫn chưa có trụ trì. Mọi sự đóng góp đều do dân làng chung sức lại với nhau để xây dựng.

Sở dĩ những ngôi chùa Tổ có được nhiều ruộng đất như vậy vì chùa đã thành lập lâu đời và Trụ Trì hay Phương Trượng của những ngôi chùa Tổ ấy là những vị cao Tăng, đạo cao đức trọng như Tăng Cang hay Hòa Thượng, danh tiếng lẫy lừng. Do vậy vua quan mới trọng vọng và cúng dường vào đó. Từ xa xưa đến nay các chùa Việt Nam chúng ta đều sinh hoạt theo hệ thống này; nghĩa là Sơn Môn hay Giáo Hội không có một uy quyền tuyệt đối như các Tôn Giáo khác và không có mệnh lệnh từ trên đưa xuống, vì chẳng có giáo quyền; nhưng Đạo Phật và chùa viện được tồn tại lâu đời trong dân chúng là nhờ vào uy đức của chư Tăng ảnh hưởng đến tín đồ. Chính nhờ công đức của chư vị Tổ Sư mà đã nuôi sống cả một dòng Thiền hay Tịnh Độ và nhờ vậy Đạo Phật đã có mặt trong dân gian từ thượng tầng cơ sở cho đến nơi thôn quê hẻo lánh. Nơi nào có người dân sinh sống; nơi đó đều có sự hiện hữu của một ngôi chùa, tùy theo số lượng dân cư sinh sống tại đó mà chùa sẽ được lập nên ít hay nhiều.

Chùa chiền tại Việt Nam được chia ra nhiều loại như sau:

Chùa Tổ - Đây là những ngôi chùa lớn, có mặt lâu đời tại xứ sở đó. Đầu tiên những ngôi chùa này cũng chỉ là những am tranh do các vị Hòa Thượng nổi tiếng về đây xây dựng để nhập thất và hành Thiền. Sau này vị Thầy ấy nổi tiếng qua công hạnh tu tập của mình, chùa được các đệ tử xây dựng quy mô hơn, thay thế cho am tranh kia và vị ấy có xuất ra dòng kệ để truyền thừa. Ví dụ như Tổ Minh Hải khai sơn Tổ Đình Chúc Thánh ở Hội An; Tổ Nguyên Thiều khai sơn chùa Quốc Ân ở Huế v.v... Tất cả đều lệ thuộc vào công hạnh của vị Tổ Sư ấy. Thông thường những ngôi Tổ Đình như vậy độc lập về mọi phương diện với tín đồ. Chùa do chư Tăng quản lý và xây dựng. Phật Tử chỉ góp công, góp của vào để tạo nên chôn Già Lam thanh tịnh, nhằm có nơi chôn cho Phật Tử tu hành.

Chùa Tỉnh Hội hay Quận Hội là những ngôi chùa có tính cách hành chánh, là trụ sở của Tỉnh của Quận và ở đây do Ban Hộ Tự nắm quyền. Vị trụ trì nếu có cũng chỉ là một vị lãnh đạo tinh thần đúng nghĩa, không chi phối vào việc chùa và việc Hội. Đây là điểm đặc biệt khác với chùa Tô.

Chùa làng, chùa tư là do làng xã dựng nên hay những người giàu có bỏ tiền ra để thành lập. Sau đó trong làng đi thỉnh Thầy, Cô về trụ trì và chùa tư cũng giống như vậy. Đa phần những chùa này khó nuôi Tăng chúng. Vì tất cả đều lệ thuộc vào làng, xã hoặc tư nhân. Chỉ có vị Sư trụ trì là có thể ở lâu dài tại nơi đây để chăm sóc hương khói cho chùa, cúng đám cầu an, cầu siêu cho dân chúng trong làng.

Ngoài ra cũng có những ngôi chùa làng không hoặc chưa có Thầy, Cô về trụ trì, vì nơi đó hẻo lánh, kinh tế khó khăn, hoặc giả những chùa lớn tại tỉnh nhà không đủ Tăng, Ni để cung cấp về lo chăm sóc những chùa này; trong đó có chùa Hà Linh tại quê tôi là một. Tỉnh trưởng có những lễ lớn như Phật Đản hay Vu Lan, Ban Hộ Trì về Tỉnh cung thỉnh chư Tôn Đức giảng sư về đây giảng một hai ngày và tổ chức các buổi lễ quy y Tam Bảo cho Phật Tử tại gia, sau đó các Ngài trở lại trụ xứ của mình và mọi sinh hoạt tại địa phương đều do các Cư sĩ đảm nhiệm.

Trước năm 1975 chùa Hà Linh cũng cùng chung số phận với bao nhiêu chùa khác trong tỉnh là trong một thời gian dài không có Thầy, Cô trụ trì; mặc dầu nơi này sản sinh ra không dưới 30 vị đi xuất gia đầu Phật; nhưng sau khi rời khỏi làng quê, quý vị này có cơ hội đi là đi tới luôn, ít có vị nào quay trở lại. Nếu có chăng chỉ là thăm viếng trong một thời gian ngắn mà thôi. Không phải người ta chê chùa quê; nhưng vì người trong làng vốn đã quen biết quá lâu, quá nhiều; giờ đi xuất gia rồi, dẫu cho có lên đến bậc Ni Sư, Hòa Thượng họ vẫn nhớ hình

ảnh của chú trẻ mục đồng chăn trâu thuở nhỏ hay cô bé gánh nước thuê dạo nào, thật khó làm việc vô cùng, dầu cho vị ấy có khả năng nhiều đi chăng nữa. Cho nên họ chọn giải pháp đi xa và ở xa quả là vậy.

Sau năm 1975, Giáo Hội có thêm nhiều nhân sự trẻ; nên bây giờ chùa Hà Linh cũng đã có một Ni Sư thuộc miền khác về đây trụ trì. Do vậy không khí sinh hoạt của chùa có vẻ ấm cúng hơn.

Trong khi ở lại quê để giúp cho gia đình thu hoạch mùa màng và làm tuần 49 ngày cho Mẹ vào năm 1966 ấy, đêm nào tôi cũng về chùa Hà Linh để nghỉ ngơi và kinh kệ. Sáng sớm hôm sau về nhà dùng điểm tâm và lại xách nón ra đồng để cùng cha và các anh chị tiếp tục công việc nơi những thửa ruộng còn lại. Cuối cùng rồi chữ Hiếu cũng tạm yên, tôi trở lại chùa Phước Lâm tại Hội An trong mùa hè năm 1966 ấy.

Như trên quý vị cũng đã đọc qua, vì trong Chúng có việc không vui; nên tôi cũng đã tìm cách vắng xa chùa một thời gian. Nay tuần 49 của Mẹ tôi cũng đã qua rồi. Đây là cái cơ để tôi xin phép Hòa Thượng Như Vạn về lại chùa Viên Giác để đi học cho gần. Và lại thuở ấy không có ai hầu Thầy Bồn Sư, ngoài chú Thứ, trong khi đó tại chùa Phước Lâm có nhiều chú lo cho Thầy. Thầy nhìn tôi có ý trừ trừ và Thầy cũng đã nhận ra rằng; đó không phải là ý chính thúc đẩy tôi phải về lại Viên Giác; nhưng nếu đã muốn thế, thì Thầy cũng thuận lòng cho.

Lúc ấy chùa Phước Lâm đã lợp ngói xong và ngôi chùa bây giờ bề thế nhiều hơn xưa rất nhiều. Nơi đây dấu sao đi nữa cũng đã ghi lại nhiều kỷ niệm đẹp trong đời làm Diệu, lúc mới xuất gia học đạo của tôi. Suốt cả trong cuộc đời của mình, mãi cho đến bây giờ gần 50 năm trôi qua, tôi vẫn không bao giờ quên được hình ảnh ngôi chùa và tuổi thơ của tôi đã sống tại đây 2 năm, từ năm 1964 đến năm 1966.

Con người có thể già đi về hình hài và tư tưởng; nhưng rất trẻ con khi những ký ức của tuổi thơ hiện về. Vì vậy đã có không biết bao nhiêu văn nhân thi sĩ nuối tiếc tuổi thơ hay tuổi học trò là vậy. Lúc còn nhỏ, mình đã chẳng làm nên tích sự gì; nhưng chính cái không tích sự ấy đã trở thành sự tích cho Đời và cho Đạo về sau này khi mà cuộc đời của vị Tăng Sĩ ấy đã theo Phật về Tây. Ý tôi không phải muốn tự tô bồi cho mình một chỗ đứng; nhưng tôi chỉ muốn ghi lại cuộc đời của mình thật rõ ràng, để ngày sau, nếu có ai đó tìm lại bước chân xưa, thì có cơ sở để dò tìm. Dĩ nhiên là tôi không thể ghi lại hết sự thực 100% được. Vì có những sự thực quá phũ phàng; nên tôi sẽ lướt qua. Vì càng đào sâu vào sự thực thì sự thực ấy sẽ trở thành phản sự thực. Và lại tất cả cái gì hiện có trên đời này đâu có gì là chân thực mà đi tìm cái thực; nhưng nếu có tìm ra được cái thực đi nữa, thì cái thực ấy cũng chỉ là giả danh mà thôi. Bản chất của cuộc đời này vốn là như vậy.

Tôi về lại Viên Giác vào mùa hè năm 1966 cũng là thời gian chuẩn bị lễ Khánh thành Tây Đường đã được xây dựng trong thời gian qua. Bây giờ dãy nhà này khang trang hơn; có phòng khách, nhà giảng và phòng nghỉ của Sư Phụ. Tầng trên dùng để cho khách đặc biệt của Sư Phụ nghỉ lại khi viếng thăm chùa Viên Giác và bên ngoài là tầng thượng tiếp nối với nhà Trù cũ kỹ ngày xưa. Thầy tôi rất vui khi thấy tôi về và cũng chẳng gạn hỏi gì thêm, sau khi tôi đã thừa ý chính là về đây gạn Thầy cũng như đi học cho gạn. Thầy bảo qua nhà Đông có Bác Thị Tâm đang ở đó, hãy ở chung gian phòng với Bác.

Lúc ấy tôi cũng đã 17 tuổi rồi. Cái tuổi của chẳng khôn cũng chẳng dại. Đây là cái tuổi của sự phán đoán có lẽ chín chắn hơn và cũng là cái tuổi có nhiều suy tư hơn thuở còn nhỏ. Mùa hè năm ấy có phong trào đưa bàn thờ Phật xuống đường của Hòa Thượng Thích Trí Quang chủ trương và Phong trào Thanh Niên Quyết Tử tại tỉnh nhà cũng rất mạnh. Tôi thường

thấy lính tráng, Gia Đình Phật Tử, nam thanh nữ tú vào ra giảng đường nhộn nhịp hằng ngày. Lúc ấy chú Thứ làm Thị Giả cho Thầy và lo trà nước cho nhiều chính khách nên biết mặt, nhớ tên rất nhiều người. Khi nào có gì hơi khả nghi, chú lại tin cho tôi biết. Ví dụ như có cô nào đó vào nói chuyện với Thầy cả mấy tiếng đồng hồ mà chưa xong; có ông Đại úy ấy thấy quá hùng hồn. Hình như bà kia là giao liên cũng nên... hết tin này đến tin khác, tôi cũng chỉ quan sát và đợi chờ, không phản ứng và cũng chẳng quan tâm nhiều.

Thông thường con người tự nghĩ mình là đúng; nên mới thực hiện một điều gì đó, hay bảo vệ cho một lý tưởng nào đó của mình. Bởi vì ý kiến kia do sự chấp thủ dẫn đầu; nên khó mà nói rằng điều ấy đúng hay sai. Nó đúng với người này mà sai với người kia và trong thiên hạ có cả thiên hình vạn trạng cách suy nghĩ khác nhau, bảo làm sao cho giống mình được. Từ đây mới có sự tranh luận và giành phần thắng lại cho mình. Thắng hay thua, thành hay bại cũng giống như „giọt nước sương mai trên đầu ngọn cỏ“ mà thôi! Có đó rồi mất đó; hiện hữu đó rồi tan biến đó; đẹp đó rồi xấu đó... ai hiểu được điều này thì cũng chẳng nên bám víu một vật gì ở thế gian để làm gì. Tất cả đều do sự hòa hợp và tất cả cũng sẽ tan rã. Chỉ chờ đợi thời gian sẽ trả lời cho những sự kiện có không này.

Thình lình vào một buổi sáng tinh sương, sân chùa Viên Giác tại Hội An náo động bởi những chiếc áo kaki màu xanh của lính. Họ là những người lính của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã được lệnh trên; nên đột nhập vào chùa để bắt những người chủ chốt, trong đó có Thầy tôi và một số anh em Huynh Trưởng của Gia Đình Phật Tử đang sinh hoạt trong Phong trào Thanh Niên Quyết Tử mặc áo đà thay vì áo lam. Họ là những người sẽ chết vì Đạo và cho Đạo.

Tôi quan sát những người lính này họ làm gì và những kết quả thật bất ngờ khi họ cúi tay vào lư nhang lấy ra những quả lựu đạn còn mới. Khi vào sau hậu Tổ họ đem ra một mớ truyền đơn tuyên truyền của cộng sản ra hô hoán là những Anh Em Quyết Tử này đang in Ronéo và có cả cờ Giải Phóng nữa. Đây là bằng chứng để họ bắt đi tất cả. Thật sự ra bằng chứng ấy cũng chỉ là một sự nguy hại đối với những kẻ đương quyền mà thôi. Vì họ đang có quyền và có súng đạn trong tay: còn Phật Giáo không có gì hết; ngoại trừ một tấm lòng cho quê hương, cho dân tộc và đạo pháp.

Tôi cũng đã đọc xong quyển „Trí Quang tự truyện“ của Hòa Thượng Trí Quang viết trong thời gian gần đây; nhưng thật sự không tìm được câu giải đáp chính đáng của giai đoạn tranh đấu năm 1966 do Ngài chủ trương. Có lẽ Ngài ngại viết ra sự thật. Vì sự thật bao giờ cũng phũ phàng; nhưng nếu nhân vật chính còn ngại ngùng thì tất cả những báo chí phê bình cũng chỉ là những quyết đoán mà thôi. Sự thật như thế nào xin dành cho khoảng không im lặng vậy.

Thầy tôi bị bắt, tôi cũng theo cùng. Khi đến Ty Hành Chánh tỉnh Quảng Nam thì họ đưa Thầy tôi lên máy bay trực thăng, còn tôi và một số anh em Gia Đình Phật Tử họ đưa qua nhà lao bên cạnh trường Trần Quý Cáp. Thời gian này là thời gian khai cung, thời gian bị ở biệt lập, thời gian bị tra tấn, thời gian tạo ra sự nghi kỵ lẫn nhau. Họ nhốt chung chúng tôi với tù hình sự. Khi vào đây lại gặp chú Duyên và chú Phần ở chùa Tỉnh Hội cũng bị bắt vào đây. Có lẽ đây cũng là kế hoạch tổng tấn công các chùa chiền miền Trung, giống như năm 1963 thời ông Diệm.

Năm đó ngoài những Sư Cô ở chùa Bảo Thắng thăm nuôi hằng tuần ra, chùa Viên Giác tại Hội An chẳng có ai đi thăm chúng tôi. Vì Thầy tôi đã bị bắt; chúng lý chùa Viên Giác

tan hàng; chỉ còn có Bà Chín ở lại chùa; trong khi cửa chính chùa cũng không mở và chuông u minh cũng chẳng gióng được ngày nào.

Sau mấy tuần hỏi cung họ cũng đã chẳng tìm ra được một manh mối nào. Vì giữa Phật Giáo tranh đấu thuở bấy giờ không có sự liên hệ với bất cứ một đảng phái quốc gia hay cộng sản nào cả. Phật Giáo vẫn là Phật Giáo của dân tộc, không toa rập với ngoại bang để làm hại dân mình. Do vậy Phật Giáo không đứng bên này lẫn bên kia, mà đứng lên trên mọi khuynh hướng đối kháng của thời đại và đứng trong lòng của dân tộc. Sống cùng đồng cam cộng khổ với dân tộc; Phật Giáo không sống cho chính mình mà chính vì sự lợi ích của tha nhân và sự hưng thịnh của Tổ Quốc về sau này. Từ đó họ nói lòng chúng tôi, cho ra ở 2 nhà vòm phía trước, đối diện với Tiểu Khu Quảng Nam và vẫn nằm bên cạnh trường Trung Học Trần Quý Cáp.

Sau 3 tháng như vậy có lệnh được phóng thích. Hôm đó có Hòa Thượng Thích Trí Minh, Trụ trì chùa Tỉnh Hội cùng với ông Phạm Ngọc Chi, Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Nam đến khuyên giải vài điều, rồi chúng tôi ai lại về chùa nấy. Có ở tù rồi mới biết người xưa nói không sai như: „một ngày ở trong tù bằng một ngàn ngày ở ngoài“. Khi chưa mất sự tự do, người ta thường không để ý đến sự tự do là gì; nhưng khi sự tự do đã mất, lúc ấy người ta mới thấy sự tự do là vô cùng quan trọng. Đúng như trong Truyện Kiều, Cự Nguyễn Du đã diễn tả rằng: „Đoạn Trường ai có qua cầu mới hay“. Khi còn ở bên đầu cầu này hay đầu kia, đề bạt nhiều ý kiến; nhưng khi tự mình cất bước qua cầu; nhất là chiếc cầu bắc ngang giữa Đời và Đạo hay chiếc cầu sinh tử, tử sinh, thì lúc ấy mới biết biệt nghiệp của mình lành dữ như thế nào.

Tôi về lại chùa Viên Giác Hội An thấy cửa đóng then cài. Đi từ ngõ vào chùa chỉ cảm nghe như tiếng lá đa xào xạc, không một bóng người qua lại, trông rất đìu hiu. Đặt chân lên chánh điện, tôi mở toang cánh cửa chính đầy màn nhện giăng để cho ánh sáng lọt vào bên trong đoạn dò dẫm lên bậc trên, dưới chân mình chạm vào một lớp bụi thời gian, cảm nghe chùng như lâu lắm mới có người đặt chân đến. Tôi cúi sập người xuống lễ Phật ba lạy rồi gióng lên 3 tiếng chuông gia trì, lòng mình cảm thấy trống vắng lạ thường. Bỗng bà Chín từ đâu đã xuất hiện, mở hé cánh cửa chùa nhìn thấy tôi, bà la lên. Ôi! Ông Điền! Chỉ có thế mà nước mắt lại tuôn trào. Tiếp đến tôi hỏi chuyện bà về ai còn, ai đã ra đi và tin tức về Thầy mình ra sao v.v... kể từ ngày hôm ấy tiếng chuông u minh lại bắt đầu vang vọng.

Sau khi quét dọn chánh điện và sân chùa xong, ông Cửu Y nghe tin tôi về cũng ghé thăm và một vài người Phật Tử ở ngoài đó cũng bắt đầu tụ họp lại, để tụng kinh niệm Phật vào những đêm Sám hối và Rằm, mong một để chờ ngày Thầy tôi trở về. Độ chừng một tháng sau thì Thầy được trở lại chùa xưa và quý chú cũng lục tục trở lại Viên Giác tự. Thầy không vui mà cũng chẳng buồn, lúc nào cũng cảm thấy như Thầy bán khoán cho một điều gì đó.

Sau ngày bàn Phật xuống đường tại miền Trung, Hòa Thượng Thích Hành Đạo đơn vị Đà Nẵng và Hòa Thượng Thích Như Huệ đơn vị Quảng Nam chính thức đưa đơn từ chức lên Nha Tuyên Úy Phật Giáo. Các Ngài trở về đơn vị của mình để sinh hoạt như xưa. Kể từ năm 1966 trở đi Hòa Thượng Thích Chơn Phát nghỉ làm Giám Đốc trường Trung Học Bồ Đề Hội An và Hòa Thượng Thích Như Huệ đảm nhận chức vụ này cho đến những năm về sau. Trong khi đó trường Bồ Đề vẫn tiếp tục xây dựng, do Hòa Thượng Thích Như Vạn làm Đốc Công và mới đây (17.12.2012) nhân lễ Đại khánh Bát tuần của Hòa

Thượng Thích Như Huệ, Phương Trượng chùa Pháp Hoa tại Adelaide, Nam Úc, Ngài cho biết rằng: Thời gian từ năm 1964 đến năm 1968 Công Binh đã giúp cho việc xây dựng trường Trung Học Bồ Đề Hội An rất nhiều, như chỗ gỗ, chỗ xi-măng, chỗ đất, chỗ sắt v.v... nhưng lúc ấy họ đã cho không và không tính đồng nào; nên Giáo Hội mới có được một ngôi trường khang trang như vậy.

Cho đến bây giờ mỗi lần hồi tưởng về những ngày ở tù của năm 1966 này, tôi hay nhớ lại hình ảnh của cha mình đi thăm nuôi, đứng kẹp dù trước cổng trại tù Hội An để han hỏi vài lời rồi trở về quê trong vội vã. Hình ảnh ấy đã làm cho tôi xúc động và tôi cũng đã chẳng hỏi nhờ đâu mà cha biết tin. Thế nhưng người đã đến. Cái tang Mẹ mới cách đó mấy tháng. Bây giờ lại chịu lãnh án tù không chờ đợi ở tuổi 17; trong khi mới xuất gia được gần 3 năm. Thời gian như ngừng trôi và không gian như đọng lại, chỉ có sự chiêm nghiệm vào bề sâu của tâm hồn, tôi mới thấy tình phụ tử, tình mẫu tử là gì. Dầu cho người con ấy sau này có trở thành là gì đi chăng nữa, trong tinh thần huyết thống, nó vẫn là đứa con trong kiếp này và nhiều kiếp khác ở trong sự sinh tử luân hồi kia.

Bây giờ cuộc sống của tôi tại chùa Viên Giác đã bước sang một bước ngoặt mới. Vì những khung cửa đã sạch nhện giăng; nhưng đường đời muôn vạn nẻo, tôi vẫn phải dõng theo để củng cố tâm Đạo của mình.

An Cư, Thọ Giới

Năm 1966 là năm đầy sóng gió với cuộc đời tu sĩ non trẻ của tôi. Nào thay đổi chỗ ở, nào vào tù, nào tang Mẹ, nào mất mát niềm tin của tuổi thơ v.v... thế mà dòng thời gian cứ mãi lặng lẽ trôi, tôi vẫn tu, tôi vẫn học, vẫn đi vào cuộc đời giông bão ấy.

Về lại Viên Giác đời sống nội tâm yên ổn hơn. Tuy nhiên tôi phải đối diện với công việc. Vì trong các chú Tiểu như: Thứ, Ngô, Sơn lúc bấy giờ, tôi là người to con lớn xác hơn cả. Đây là cơ hội để bà Chín „xem mặt mà bắt hình dong“ bảo tôi mỗi tháng hai lần vào ngày 14 và 30 nếu tháng âm lịch ấy đủ phải xay đậu nành và chú Ngô phụ bà Chín sàng sớm ngày rằm và mồng một mang đậu ra chợ bán. Dĩ nhiên là tôi thích xay đậu hơn việc đi bán đậu. Chú Ngô còn nhỏ ít mắc cỡ. Còn tôi lúc ấy đã 17 tuổi rồi, lỡ đi bán đậu, gặp các bạn học cùng lớp sẽ bị chế giễu; cho nên cuối cùng rồi tôi đã chọn công việc nặng nhọc kia.

Thứ thuở ấy còn nhỏ, đi đâu và đứng ở đâu cũng cần móng tay; nhưng được cái là học giỏi, lanh lẹ nên Thầy tôi chọn chú làm Thị Giả đi đây, đi đó với Thầy. Thế mà sau 75 không tu nữa, ra đời làm đến Giáo Sư Đại Học trong hiện tại. Thứ giữ nhiệm vụ cho đậu và nước vào cối xay; còn tôi chỉ có nhiệm vụ quay cối cho đều để có được những thùng nước đậu nành trắng xóa là được rồi. Nước đậu ấy đem đổ vào vải để „bông“ cho ráo, chỉ còn xác đậu. Đó là nước nhất. Đạn đổ nước lạnh vào

bã đậu „bồng“ một lần nữa để có được nước thứ nhì. Cả 2 nước đậu ấy dồn chung lại đổ vào nồi để bà Chín nấu và canh cho đến khi nào nước đậu sôi, lấy một ít nước đậu còn lạnh đổ vào nồi, để nước sôi trong nồi hạ xuống. Tiếp theo dùng thạch cao đổ vào thau, quậy cho đều; đoạn đem nước đậu vừa nấu sôi đổ vào thau, khuấy cho đều tay cho đến khi nào đậu đông lại thì dừng. Còn xác đậu thấy ra bên ngoài dùng để cho heo ăn hay làm phân bón cho cây cỏ.

Độ 15 phút sau, đậu đông cứng rồi, đem đậu ấy đổ vào một khuôn đậu, bên dưới có lót sẵn vải và đổ đậu đông kia vào đây khuôn, sau đó bắt các chéo vải lại, đập lên trên một tấm ván vừa cái khuôn đậu, tiếp theo lấy đá đè lên bên trên miếng ván ấy, để cho nước chảy hết ra ngoài, chỉ còn toàn là đậu nguyên chất thì dỡ khuôn ra và cắt thành từng miếng, rọng vào trong nước, kế tiếp đem ra chợ bán. Đậu này người miền Trung gọi là Đậu Khuôn. Vì đậu được làm nằm trong khuôn gỗ. Miền Bắc gọi là Đậu Phụ. Thực sự ra đậu phụ nếu viết bằng Hán văn, nó chỉ có nghĩa là hạt đậu nành mà thôi. Người Hoa gọi là Đậu Hủ. Chữ Hủ có nghĩa là thối. Đậu này mà ủ lâu ngày có thể làm chao, làm tương được. Thật sự ra gọi cách nào cũng đúng cả. Vì trong cả 3 danh từ ấy chữ đậu vẫn đóng vai trò chính.

Thuở ấy có một người đàn bà trung niên tên là Cô Bốn từ Cẩm Nam hay sang đây làm công quả trong những ngày rằm, mồng một như thế để phụ cho Bà Chín, kể cả việc đi bán đậu sau này, khi Bà Chín bị tai nạn giao thông mất. Thế là Cô Bốn có lý do chính thức ở lại chùa luôn thay thế nhiệm vụ của Bà Chín lâu nay. Chúng Diệu chúng tôi không ai được hỏi ý kiến và cũng không hợp chúng để đầu thêm người vào. Nếu là chùa Phước Lâm thì chú Hạnh Thu đã làm nhiệm vụ ấy rồi. Chúng tôi không thắc mắc mà chỉ để ý những việc làm của người đàn bà tuổi trung niên ấy mà thôi. Bà này chỉ biết có Thầy trụ trì,

còn Diệu chúng tôi hay bị bà la mắng, chửi xéo khi có người hỗ trợ bà. Chúng tôi cảm thấy bơ vơ vì không có ai bên vực cho mình; nên cũng tủi thân; chỉ biết nhìn nhau và tự thông cảm cho thân phận làm người tu của mỗi chú trong giai đoạn này mà thôi.

Thân ở trong chùa mà tâm ít yên vì ngoại cảnh chung quanh chi phối nhiều quá nên tôi đã xin Thầy mỗi tối xuống nhà bà Huỳnh để nhờ anh Tiến chỉ bài cho học. Đây cũng chỉ là cái cớ để xa chùa. Nhớ là khi xưa còn làm thân Cư sĩ. Tuy sinh hoạt ở nhà; nhưng lúc nào cũng hướng đến chùa và đến chùa Hà Linh ngủ lại qua đêm. Còn bây giờ thân đã làm Tăng sĩ mà không muốn ở chùa, tâm lại hướng đi hướng khác. Quả thật đời này có nhiều khúc quanh là vậy.

Kể ra nhà ông bà Huỳnh này là một nhà rất tốt. Nhà có hai chị gái lớn là chị Mai và chị Hồng. Anh Tiến chỉ là học sinh Trung Học Đệ Nhị Cấp trường Trung Học Trần Quý Cáp đến ở trọ mà thôi. Tôi nhờ anh chỉ toán cho một thời gian, đâm ra tự tin hơn; chứ thật ra lúc ấy tôi chưa biết giải phương trình một cách rành mạch. Anh Tiến chỉ cho tôi cách học thuộc những công thức như: „Sign đối với huyền, Cosign kề huyền; tan đối với kề, cotan kề đối“. Hoặc giả cách rút căn số và cách giải phân số v.v... Sau thời gian chừng 3 tháng như vậy tôi không đến nhà bà Huỳnh nữa và Thầy tôi cũng chẳng la rầy gì cả. Có lẽ sự vắng mặt của chúng tôi, Thầy tôi không để ý chăng ?

Tôi hỏi ý Thứ và Bác Thị Tâm bây giờ mình phải làm sao, thì tất cả đều chọn giải pháp „im lặng là vàng“. Thế rồi từ đó trở về sau; chuyện gì xảy ra trong chùa Viên Giác này, chúng tôi hầu như là: „xúc sự vô tâm“ không quan hoài đến; chỉ muốn lo làm xong bốn phận của mình mà thôi.

Ngoài ra tôi cũng biết thêm nghề chằm nón; nên mua lá, vành và khuôn nón về để xây nên những chiếc nón bài thơ xinh

xinh và đem đi bán tạo thêm kinh tế cho chính mình trong việc mua sách vở, bút mực. Thuở ấy cũng hay! Chúng tôi chẳng ai nghĩ rằng: Cuộc đời của mình sẽ ra sao sau này khi không có tiền bạc dính túi. Chúng tôi lúc đó hầu như vô sản. Nếu có ai về quê thăm, các anh chị cho chút đỉnh, dùng tiền ấy để dành, cất kỹ; chờ cho có việc gì trọng đại mới đem ra dùng, còn tương lai phía trước, mình phải sống như thế nào, hầu như chẳng có chú nào để ý đến. Chúng tôi chỉ có bốn phận tu, học và làm việc; Thầy trụ trì cung cấp cho cơm, gạo, nước non là đủ.

Ở trước vườn chùa Viên Giác thuở ấy có một khoảng đất trống. Ở đây được trồng những dây khoai lang, chúng tôi có bốn phận tưới chúng và chú Ngô là người có nhiệm vụ cắt rau theo mệnh lệnh của cô Bốn để mỗi ngày chúng tôi có được rau lang luộc, rau lang xào, rau lang chiên, rau lang nấu canh v.v... mỗi ngày đều có rau lang đổi món và mỗi tuần đều lặp đi lặp lại xoay vần như vậy. Thế mà chúng tôi vẫn khỏe mạnh như thường. Nếu không nhờ Phật độ, làm sao chúng tôi có thể vượt qua được những giai đoạn thử thách cả nội tâm lẫn ngoại cảnh như vậy.

Niên khóa 1966-1967 tôi đã học lớp Đệ Ngũ tại trường Trung Học Bồ Đề và mùa hè năm 1967 chùa Long Tuyền có tổ chức an cư kiết hạ cũng như giới đàn; nên tôi xin phép Sư Phụ lên chùa Long Tuyền để được nhập chúng an cư tu học. Thầy tôi đồng ý ngay và đây cũng là cơ hội để tôi xa Viên Giác trong 3 tháng hè ấy. Lẽ ra Sư Phụ cũng nên cho biết, đây là chùa của Sư Ông Phổ Thoại sáng lập và trong hiện tại Sư Bác Chơn Phát trụ trì; nhưng Thầy tôi đã không tạo sự gận gũi ấy cho tôi, sau này tôi mới hiểu khi ra làm việc với nhau, giữa Sư Bá và Sư Phụ có nhiều quan điểm không giống nhau; nên tình huynh đệ, pháp lữ trong chón Thiên Môn không khẩn khít với nhau lắm. Chúng tôi hàng hậu học, đệ tử chỉ có biết như thế thôi và hầu

như chẳng ai đại gì đi hỏi lý do tại sao để dễ bị mắng nhiếc cũng là chuyện bình thường thôi.

Chùa Long Tuyên nằm trên một cồn cát gần Thị xã Thanh Hà, chung quanh toàn là mồ mả; nhưng trong vườn chùa có cả một rừng cây „Võ“ cho quả vào mùa hè thật là ngọt ngào. Quanh chùa được rào bởi một hàng cây nhân tạo để cho trâu bò khỏi vào bên trong phá tháp hay mồ mả vốn có sẵn trong chùa. Chúng tôi vốn là những người học cùng lớp với nhau tại trường Bồ Đề nên rất dễ thân thiện với nhau; trong ấy có chú Giải Trọng, Như Hoàn là hai người mà chúng tôi thân thiết và gần gũi nhất; chúng tôi đã kết nghĩa anh em từ thuở ấy. Như Điền nhỏ tuổi nhất, sinh năm 1949 làm em út. Như Hoàn sinh năm 1947 làm anh kế; còn Giải Trọng sinh năm 1946 lớn nhất làm anh cả. Ngoài ra chú Như Phẩm, chú Bảy, chú Quít, chú Tuất cũng đang ở chùa này và đang học chung lớp, cũng là những người bạn dễ thương. Họ là những người đệ tử cùng Thầy và nếu họ nhận tôi vào hàng vai vế thì chúng tôi là anh em Chú Bác trong cửa chùa với nhau; nên cũng chẳng xa lạ gì.

Đây là mùa tập sự an cư đầu tiên của chúng tôi. Thời khóa rất nghiêm ngặt, gồm có tọa thiền và công phu khuya. Sau khi điễm tâm lên lớp học buổi sáng; đến trưa cúng Ngọ và dùng quả đường. Tiếp đó nghỉ trưa và chiều lên lớp học nữa. Kế tiếp đi công phu chiều, sau đó dùng cháo và tối lại ôn bài, cuối cùng là tịnh tọa trên giường lúc 10 giờ đêm để đi ngủ và ngày hôm sau cũng lặp lại nguyên như vậy.

Thầy dạy thì có Hòa Thượng Chơn Phát dạy giáo lý căn bản trong 37 phẩm trợ đạo. Thầy Chánh Thiện dạy chữ Hán, Thầy Như Huệ dạy cách thức diễn giảng và nghi lễ, Thầy Như Vạn dạy về hành chánh, Thầy Như Luận dạy về sinh hoạt Tăng Ni... Chúng tôi tuổi còn trẻ nên học bao nhiêu môn đầu óc vẫn tiếp thu bình thường không có gì khó khăn cả. Riêng chỉ có

những ngày sám hối, bố tát, tụng giới và lễ lạy Thù Ân là vất vả hơn một chút. Vì có sám hối hồng danh, tụng giới và lạy Chúc Tán vào sáng ngày rằm cũng như mùng một. Đây là những nghi lễ của Thiên Môn đã có lâu đời tại Việt Nam và đã trở thành một truyền thống, không có chùa nào là không thực hiện. Nhờ vậy mà cho đến ngày nay, ở ngoại quốc đã hơn 40 năm rồi, tôi vẫn không quên Chúc Tán vào những ngày Sóc ngày Vọng này. Riêng kinh Thủ Lăng Nghiêm là một Thần Chú rất quan trọng cho tất cả mọi Tăng Sĩ; nên kể từ khi đi xuất gia cho đến ngày nay gần 50 năm dài, tôi không bao giờ xao lãng hành trì Thần Chú này.

Kỷ niệm thì bao giờ cũng đẹp, mà đẹp nhất là kỷ niệm của tuổi học trò. Chúng tôi vừa là học trò, vừa là chúng đệ tử của các chùa nên cũng có những niềm vui nho nhỏ của mình. Ví dụ như trong mùa an cư kiết hạ có giờ tịnh tâm ngồi thiền trước khi đi ngủ. Nếu ngồi thiền trên chánh điện hay Thiền Đường thì chẳng có vấn đề gì để nói. Vì nơi ấy có vị Thiền Chủ đi tuần, thấy ai bị hôn trầm thì cảnh sách ngay. Việc cảnh sách bằng cách lấy thiền trượng đánh vào vai phải hay vai trái để thiền sinh khỏi bị ngủ gục. Đàng này Hòa Thượng Chơn Phát cho chúng tôi ngồi thiền trên chiếc đơn của mỗi người. Vì chùa miền quê có muỗi; nên mỗi chiếc đơn đều có phủ lên đó một chiếc mùng. Chúng tôi thả mùng hết xuống và ngồi đầu lưng sát lại với nhau, cứ thế mà thiền. Khi đầu lưng như vậy có nhiều chú ngáy lớn tự nhiên, khiến cho Thầy Như Luận đi tuần tra bắt gặp; thế là kế hoạch của chúng tôi bị bại lộ, bị phạt và cả chúng đều phải lên sám hối hết. Tuổi trẻ thật ngây thơ là vậy.

Hoặc giả khi học trong trường Bồ Đề chú này bị cặp đôi với cô nữ sinh kia; tuy không tỏ tình với nhau; nhưng nhìn nhau khi ra vào lớp cũng cảm thấy bẽn lẽn trong lòng. Có nhiều lúc tụi bạn viết giả thư rơi và chữ ký để chọc nhau và cuối cùng rồi đầu cũng vào đó. Thuở ấy tôi còn nhớ có giờ toán chạy. Nghĩa

là Thầy Kế ra đề toán và cả lớp đều làm. Ai đáp án nhanh, kể từ người số 1 đến số 10 sẽ được chấm điểm. Tụi học trò biết chúng tôi làm toán nhanh; nên chúng cột vạt áo sau của chúng tôi vào thành ghế, khi vừa làm xong, chỉ lo chạy lên nộp cho kịp giờ, chẳng may vạt áo dài sau bị rách toạt. Thế là chúng nó cười thật lớn; trong khi đó chúng Diệu chúng tôi đang lo toan là ai sẽ vá lại dùm chiếc áo bị sút chỉ này đây.

Ngày xưa đời sống ở Tu Viện hay Chùa Tổ rất khổ sở. Hầu như người ta không chú trọng đến cái ăn, cái mặc, mà đầu cho có chú trọng đi chăng nữa thì đời sống của người dân vẫn còn quá khổ, làm sao đời sống trong chùa khá hơn được. Quanh đi quẩn lại chỉ có gạo, muối, tương, chao vẫn là những món ăn thường nhật của nhà chùa. Chỉ có Thầy Trụ Trì hay Thầy Giám Viện được các bà Tịnh Hạnh Nhơn nấu riêng một mâm cơm có cả đậu hủ kho tương và một đĩa rau luộc. Như thế là tươm tất lắm rồi. Nhưng mâm cơm này, sau khi hầu Thầy, Thị Giả được dùng, có đâu chia đều cho chúng được. Vì chúng quá đông. Ngày ấy hầu như chúng tôi không phàn nàn về chuyện ăn uống và ngay cả chuyện tu học cũng không dám có ý kiến. Trên bảo sao, dưới nghe vậy. Học nhiều hay học ít là tùy theo mỗi người. Còn chương trình dạy ở chùa và ở trường cứ như thế mà theo. Ai học được, cuối năm đủ điểm lên lớp. Ai không đủ điểm ở lại học thêm một năm nữa. Không như ở ngoại quốc, khi lên Trung Học người ta chia ra từng loại học sinh khác nhau để tiếp tục đi học chữ, học nghề, hay học trường đặc biệt. Đây là cái học quá xưa cũ, mà cho đến nay vẫn chưa thấy cải tiến được bao nhiêu. Thông thường cha mẹ nào chẳng muốn cho con mình học tiếp tục vào Đại Học; nhưng đứa con ấy bị khó khăn với học trình ngay từ ngưỡng cửa của Trung Học, thì làm sao học cho nổi khi vào Đại Học. Thế mà cứ đẩy con mình vào.

Nhà chùa thì sao? Việc giáo dục của nhà chùa còn cồng hơn trường đời nữa. Nghĩa là tất cả cho vào một lớp; không tính

tuổi tác khác nhau; không để ý trình độ hiểu biết khác nhau và thị hiếu khác nhau. Có lẽ vì không đủ Giáo Thọ cũng như nếu có chia ra nhiều lớp thì những trò học dở, những chú học không tiến bộ ấy sau này sẽ làm gì ? Đây là một câu hỏi chưa có đáp số; nên các trường Đạo đều giữ nguyên lại cách dạy xưa cũ ấy.

Trong mùa An Cư Kiết Hạ năm ấy tôi kết thân với chú Giải Trọng và chú Như Hoàn, mặc dầu tuổi tác của chúng tôi chênh lệch nhau; nhưng cả ba đều học chung một lớp. Thầy Giải Trọng học trung bình, không có gì xuất sắc lắm. Anh Như Hoàn học giỏi hơn; nhưng hai Sư huynh ấy không người nào chạy theo kịp tôi. Có lẽ tôi trẻ hơn nên lanh lẹ hơn chăng ? Cái học nào đối với tôi cũng dễ dàng từ giáo lý đến chữ Hán; từ tán tụng cho đến học thuộc lòng. Khi trả bài cho Thầy giáo hay các Thầy dạy trong Đạo, tôi không bỏ sót một cơ hội nào để tự giới thiệu khả năng học thuộc lòng của mình, mỗi khi được dò bài.

Cuối niên học 1969 tôi vào Sài Gòn tiếp tục con đường tu học của mình, không còn liên lạc với quê hương xứ Quảng nữa. Thời gian ấy kéo dài mãi cho đến năm 1975 và kể từ đó không được tin tức của nhau; nhưng sau này nhờ những người ty nạn đến định cư tại Đức và thư từ qua lại, tôi biết rằng Thầy Giải Trọng, Thầy Như Phẩm vẫn còn tu tại chùa Long Tuyền; chú Như Hoàn và một số chú khác đã ra đời. Biết chỉ để biết vậy thôi, làm sao để có cơ hội gặp gỡ đây.

Năm 2003 là năm kỷ niệm tôi trở về ngôi Phương Trượng, lúc ấy tôi 54 tuổi. Đây là cơ hội để cung thỉnh một số chư vị Tôn Đức từ quê hương đến tham dự lễ này, đặc biệt là quý vị từ quê hương xứ Quảng. Thế là chúng tôi có cơ hội gặp nhau. Điều này chúng tôi chưa bao giờ nghĩ đến, thế mà nay cơ hội đã được mở ra. Đến năm 2008 tôi được tấn phong lên phẩm vị Hòa Thượng trong Giới Đàn Pháp Chuyên cũng đã có cơ hội mời chư Tôn Đức Tăng Ni từ Quảng Nam sang Đức một lần

nữa. Lần này cũng có Thầy Giải Trọng đến tham dự, đồng thời chúc mừng 60 năm sinh nhật của tôi. Kế tiếp đó là tháng 10 năm 2010 tại Cục Lạc Cảnh Giới ở Chiangmai, Thái Lan, rồi tại Hoa Kỳ và năm 2012 này tại Adelaide, Úc Châu. Bây giờ chúng tôi ai cũng đã già, tóc mấy màu trải qua cùng mưa nắng. Thầy Giải Trọng bây giờ hay ngồi vai Sám Chủ trong các Đại Trai Đàn và thỉnh thoảng giữ ngôi vị Gia Tri trong các Đàn Tràng Chấn Tế.

Như Hoàn Phạm Sanh đã không còn liên lạc từ lâu; nhưng bỗng một hôm của năm 2011, Như Hoàn cho biết là sẽ sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với con cái. Từ đó tôi đã nối kết lại liên lạc và hẹn nhau vào tháng 3 năm 2012 nhân chuyến hoằng pháp lần thứ 8 tại Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ gặp nhau tại Trung Tâm Quảng Đức tại Riverside thuộc miền Nam California. Quả thật quả đất tròn; nên chúng tôi đã có được những ngày hội ngộ thật là ý nghĩa. Bây giờ Như Hoàn đóng vai trò của một người Phật Tử thuần thành lo hộ trì cho Đạo; trong khi đó tôi được cung thỉnh như là một vị Pháp Sư chủ giảng tại đạo tràng này ngày hôm đó. Cuộc đời này mấy ai biết được chữ ngờ. Ngờ làm sao được ngày xưa chúng tôi là Huynh Đệ tu hành dưới mái chùa Long Tuyên năm 1967 và đã học chung Trung Học Đệ Nhất Cấp trường Bồ Đề Hội An từ năm 1964-1968. Thật ra không ai trong chúng tôi tiên liệu được việc gì cả. Thế mà bây giờ hai người bạn học ngày xưa lại ở hai vị trí khác nhau.

Ngay cả Thầy Hạnh Đức và Thầy Như Phạm, họ cũng muốn gặp tôi để thăm hỏi; nhưng hơn 40 năm trôi qua, chưa một lần được hội ngộ bao giờ. Thời gian không biết sẽ còn kéo dài trong bao lâu nữa; nhưng nếu có niềm hy vọng, chắc có ngày sẽ gặp nhau. Mong sẽ được như vậy.

Khi dạy và khảo bài chúng tôi trong mùa An Cư Kiết Hạ này, quý Thầy thấy chúng tôi đã thuộc lòng hai thời công phu

sáng chiều và các oai nghi căn bản; nên đề nghị với Ban Giám Hiệu nhà trường cho chúng tôi đi thọ giới Sa Di. Chúng tôi những người được đề nghị khi nghe ai cũng mừng; nhưng ai cũng đều lo âu. Vì lẽ tất cả các môn thi, đều sẽ được thi thuộc lòng và không có thi viết.

Xuất gia là một công đức rất lớn và thọ giới là một phước báu vô ngần; nên chúng tôi hăng hái ôn bài để đi thi, chính thức trở thành một Sa Di trong thiền môn. Vì lâu nay chúng tôi chỉ là một tịnh hạnh nhơn mà thôi. Sau khi thọ Sa Di 10 giới; người ấy mới trở thành đệ tử xuất gia chính thức và mang họ Thích ở đầu Pháp Danh. Năm ấy sau khi giải chế an cư, chúng tôi tập trung tại Phật Học Viện Phổ Đà ở Đà Nẵng để chờ giờ kiểm điểm các giới tử và nghe Hòa Thượng Đàn Đầu khai đạo giới tử dạy răn.

Giờ khảo hạch kinh, luật, luận rất căng thẳng. Vì Tuyên luật sư là Hòa Thượng Thích Trí Hữu. Ai trong chúng tôi cũng ngán. Vì Hòa Thượng là một bậc long tượng của Phật Giáo Quảng Nam; một người hành trì giới luật đệ nhất. Do vậy các giới tử lo lắng vô cùng. Khi được hỏi đến, mỗi người tự khai pháp danh và Thầy Tổ của mình ra và khi Hòa Thượng dạy đọc thuộc lòng Kinh Lăng Nghiêm đệ nhất hay đệ tam, rồi một vài chú trong thập chú, đoạn nghi một hồi, có hai Thầy phụ khảo ngồi chấm điểm. Chỉ riêng việc thấy ba Thầy đường đường Tăng tướng ngồi đó, chúng tôi cũng đủ khiếp vía rồi; chưa nói gì đến việc khảo hạch. Tiếp đến Hòa Thượng hỏi tại sao đi xuất gia ? Ý nghĩa của hai chữ xuất gia là gì và một vài bài chú trong Tỳ Ni Nhật Dụng; xong đầu đó Hòa Thượng bảo lui ra. Thế là mừng khắp khởi.

Mãi cho đến về sau này những Giới đàn như: Thiện Hòa được tổ chức năm 1983 tại Los Angeles Hoa Kỳ; Giới đàn Đại Nguyên ở Marseille, Pháp quốc năm 1988 và các Giới đàn tại

Âu, Úc, Mỹ và đa phần chúng tôi được mời làm Tuyên Luật Sư, có nhiệm vụ khảo hạch các giới tử Sa Di và giới tử thọ Tỳ Kheo, xem ra ai ai cũng có cùng tâm trạng. Vì các giới tử này không biết là vị Tuyên Luật Sư sẽ hỏi mình những gì, trong khi kinh, luật, luận rộng mênh mông vô số kể, học suốt đời cũng chưa xong. Ở đó, một chú Tiểu nhỏ bé như chúng tôi thuở ấy làm sao chu toàn trách nhiệm: „tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự“ cho được.

Giới đàn năm 1967 tại Đà Nẵng do Cô Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu làm Đàn Đầu; Hòa Thượng Tôn Thắng trụ trì chùa Diệu Pháp làm Yết Ma; Hòa Thượng Tôn Bảo trụ trì chùa Vu Lan làm Giáo Thọ; Hòa Thượng Trí Hữu làm Tuyên Luật Sư và 7 vị Tôn Chứng Sư khác trong tỉnh nhà được mời đến truyền giới. Thông thường sau khi thọ giới


GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

GIỚI-ĐÀN SA-DI

Số 1172 /CĐTG

Tổ-chức tại Chùa Long Xuyên Hội An
P.L. 2501 - Ngày 21 tháng 7 năm 1967.

<p>GIỚI-TỬ:</p> <p>Tên họ <u>Lê Cường</u> Pháp danh <u>Như Điền</u> Pháp hiệu Tu <u>Đạo Minh</u> Ngày sanh <u>28.8.1949</u> Chánh quán <u>Suy Viên Quang An</u> Trụ quán <u>Chùa Viên Giác</u> Bồn Sư <u>Thích Long Trí</u></p>	<p>THẬP-SƯ:</p> <p>Hòa-thượng đàn đầu <u>Trần Bắc</u> Yết-ma A-xà-lê <u>Trần Giác</u> Giáo-thọ A-xà-lê <u>Đương Hải</u> Tôn-chứng Tăng-già I <u>Chơn Phát</u> Tc-n-chứng Tăng-già II <u>Trí Minh</u> Tôn-chứng Tăng-già III <u>Trí Giác</u> Tôn-chứng Tăng-già IV <u>Như Văn</u> Tôn-chứng Tăng-già V <u>Long Hải</u> Tôn-chứng Tăng-già VI <u>Chánh Thiện</u> Tôn-chứng Tăng-già VII <u>Thanh Sơn</u></p>
--	--



CHỨNG-MINH
 Thành phố, ngày 21 tháng 8 năm 1967.
 Thủ-đoạn viên Tăng-Thống
 Long-vi-viên Tăng-vụ Tăng-sự



Thầy giảng: **THÍCH-TỬ-NHƯ**

Thọ giới tại Đà Nẵng nhưng chứng điệp lại Long Xuyên

có cấp giới điệp; nhưng những giới tử đến từ Hội An do Tăng Sự của Hội An đề nghị; cho nên chứng điệp của chúng tôi có xuất xứ là chùa Long Xuyên. Có lẽ lúc ấy Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Trung Ương chỉ cho mỗi nơi, mỗi năm được mở một giới đàn; cho nên mới xảy ra việc hành chánh phải được phân chia như vậy cho hợp lý.

Sau khi thọ giới Sa Di, chúng tôi về lại chùa xưa; bây giờ có thêm tấm y vàng đắp lên người, trông chững chạc và bệ vệ làm sao. Phật Tử chùa Viên Giác tại Hội An ai cũng khen rằng: Chú Điển đắp y vào thấy trang nghiêm lắm.

Những năm 1967, 68, 69 ấy chiến trận ở biên thùy rối động; nên số thanh niên đi lính bị tử vong cũng không ít. Do vậy mà chúng tôi bị điều đi cúng đám ma liên miên ngoài giờ học của mình. Cũng nhờ Thầy Tư Toàn và chú Đồng kèm cho việc tán tụng, ngay cả tập cho việc đọc sớ, cúng vong v.v... nên ngày nay tôi mới có cơ hội để chỉ lại cho quý Thầy đệ tử bây giờ. Nếu không có cơ hội thực tập, làm quen, nghe qua rồi nhớ nằm lòng ấy, thì cơ hội tuyên dương pháp ngữ không có. Trong các chùa Việt Nam thật ra người còn sống hộ trì cho chùa đã đành; nhưng người đã chết, họ cũng giúp chùa không ít, qua những nghi lễ như ma chay, cưới hỏi này. Có nhiều người trong gia đình không biết đạo; nhưng nhờ có người quen thân như cha, mẹ hay anh em qua đời, đến dự lễ, nghe quý Thầy tụng kinh và đôi khi có nói một vài bài pháp kể từ ngày người thân nằm xuống cho đến 49 ngày, thân nhân trong gia đình lợi lạc không biết là bao nhiêu. Đây cũng là cơ hội để nhiều người biết quy y Tam Bảo và trở thành những Phật Tử thuần thành sau này.

Đi cúng đám có cái vui là được đãi ăn ngon và sau khi cúng xong, gia chủ còn hậu tạ cho Thầy cả một số tiền cũng như bánh, chuối. Thế là chúng tôi được chia phần để hưởng lộc.

Từ đó Thầy cả mới chỉ thêm cho là „chú này giọng tụng còn yếu quá, chú kia tán như vậy là được rồi“. „Lẽ ra lời Duy Nguyên ấy phải để cho Duy Na; nhưng chú này đã xồm giọng v.v...“. Thôi thì bao nhiêu tràng cười hả hê lại có dịp đến với lứa tuổi thanh xuân của chúng tôi lúc bấy giờ còn giòn hơn là bắp rang trong nồi nữa.

Những cuối tuần rảnh rỗi tôi được theo Thầy tôi hay Thầy Tư Toàn đi qua Cẩm Nam hay ra đến đảo Cù Lao Chàm để cúng đám hoặc thuyết giảng nữa. Cứ mỗi lần có cơ hội đi xa là mỗi lần học thêm được một vài bài học, hay có thêm được một vài người bạn mới. Đến Cẩm Nam tôi có quen thân với Nguyễn Lụa và Lê Viết Tấn. Sau này có Lê Hùng Anh và người này năm 1968 về chùa Viên Giác để ở tạm một thời gian và tập sự xuất gia bên Khất Sĩ. Nay là một giảng sư nổi tiếng bên Khất Sĩ tại Vĩnh Long có đạo hiệu là Pháp sư Thích Giác Ánh.

Cẩm Nam là một khu cồn đất; nơi đây là cái đảo của hai nhánh sông Thu Bồn được chẻ ra ở điểm cuối, trước khi dẫn nước trôi về nơi cửa Đại. Bên này Cẩm Nam là Phố cổ Hội An và bên kia là làng Kim Bồng làm nghề chạm trở và dệt chiếu. Những ngôi nhà cổ Hội An thời trước do các thợ chuyên môn của Trung Quốc đưa sang, rồi họ sinh sống làm ăn tại Phố Hiến này, cuối cùng họ chết ở đây và nghề mộc chạm trở ấy đã được truyền lại cho người dân Kim Bồng này; nên mãi cho đến thế kỷ thứ 21 nghề mộc Kim Bồng vẫn còn vang bóng một thời. Đó là chưa kể đến những ngày xa xưa của thế kỷ 17, khi mà Chúa Nguyễn Đàng Trong cho tự do mậu dịch ở phố Hội An thì các thuyền buôn từ Âu Châu tấp nập đổ đến đây để buôn bán trao đổi với nhau. Thông thường trên những thương thuyền lớn nhỏ ấy họ mang theo những vị Giáo sĩ có nhiệm vụ giải tội cho những con chiên của họ và đến đất Đàng Trong để thăm dò tình hình dân tình ở đây như thế nào, rồi từ đó họ xuống thuyền ở chờ cho có gió Nam mới trở về lại cố quốc. Trong thời gian ở

đây, họ đến trú ngụ tại làng Thanh Chiêm thuộc xã Thanh Hà, gần phố Hội. Các vị Giáo sĩ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha lắng nghe phát âm tiếng Việt của người Việt Nam mình và họ ghi chú ra bằng những mẫu tự tiếng La Tinh. Rồi những dấu nhấn như sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng v.v... Mới đầu tiếng Việt còn thô sơ lắm; nhưng trải qua thời gian năm tháng mấy trăm năm; tiếng Việt ngày nay đã trở thành một loại quốc ngữ cho gần cả 100.000.000 người để nói, đọc, nghe và viết nhằm trao đổi, thông cảm bằng văn tự này. Ngày xưa chúng ta học sử và biết rằng: Công này là do Giám Mục Alexandre De Rhodes; nhưng ngày nay Viện ngữ học tại Hà Nội đã bác bỏ điều ấy và cho rằng: tiếng quốc ngữ của chúng ta ngày nay xử dụng được xuất phát từ làng Thanh Chiêm Hội An và người có công tìm ra cách phát âm của chữ quốc ngữ là các Giám mục người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Tại Cẩm Nam người ta cũng có trồng lúa, trồng bắp và trồng dừa. Mỗi lần sang thăm Cẩm Nam hay đi cúng kiến tại các gia đình Phật Tử ở đây, chúng tôi mang về chùa Viên Giác không biết bao nhiêu là cây trái vùng quê ấy. Ở Cẩm Nam có gió mát quanh năm. Vì chung quanh đảo nhỏ này được bao bọc bởi sông và biển; nên người dân ở đây đa phần sống về nghề chài lưới và nghề nông.

Xa xa khỏi Hội An chừng ba bốn cây số là Cù Lao Chàm. Nơi đây người ta lấy Yến để bán cho người Hoa tại phố Hội. Nghề lấy tổ yến đã có từ xưa đến nay. Tương truyền rằng ăn yến được bổ dưỡng rất nhiều; nên người ta đua nhau làm giàu về sự đôn đãi ấy. Trên đảo đa phần dân chài ở, làm nghề chài lưới; nhưng ở giữa đảo có một ngôi chùa tên là Hải Tạng đã được dựng lên từ bao đời nay, mà trong Kiến Văn Tiểu Lục của Lê Quý Đôn cũng như trong quyển „Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập 1“ của Giáo sư Tiên sĩ Trí Siêu Lê Mạnh Thát có đề

cập đến. Theo ông Lê Quý Đôn thì cho rằng Minh Châu Hương Hải Thiền Sư là tác giả của bài thơ:

*Nhạn quá trường không, ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô lưu tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm.*

Nghĩa:

*Nhạn bay qua bầu trời, ảnh chìm dưới đáy nước
Nhạn không có ý lưu dấu vết, nước cũng không hề ghi lại
ảnh hình.*

Đây là bài thơ Thiền diễn tả về cái không rất hay và nổi tiếng một thời; nhưng theo Giáo sư Lê Mạnh Thát thì cho rằng: „Đây là bài thơ của Minh Châu Hương Hải Thiền Sư người Trung Hoa chứ không phải người Việt Nam. Việc chép sai ấy là do Lê Quý Đôn tác ý“.

Nguyên là Minh Châu Hương Hải Thiền Sư có liên hệ với một vài vị cận thần của Vua Lê Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài; nên đã bị đày sang Đàng Trong. Trong khi ở Đàng Trong thì Minh Châu Hương Hải Thiền Sư cũng không được sự tin dùng của các Chúa Nguyễn thời bấy giờ; cho nên Ngài đã chờ cho đêm thanh cảnh vắng cùng với đoàn tùy tùng quy thuận về phương Bắc. Sử nước ta đã viết như vậy; nhưng thử hỏi: Nếu không phải là người tài đức, danh tiếng thì đâu có được vua quan chú ý. Ở đây Ngài Minh Châu Hương Hải này chắc chắn phải là một vị Thiền Sư phái Tào Động, tài đức vẹn toàn nên các Chúa Nguyễn Đàng Trong ban đầu mới dung nạp và cho lập chùa Hải Tạng tại Cù Lao Chàm này; nhưng đầu là của ai, vấn đề ấy không quan trọng. Điều quan trọng là trong văn học Việt Nam của chúng ta có được một bài thơ Thiền tuyệt vời như thế, chúng ta nên trân quý và nên thể hiện tấm lòng cung kính những bậc tiền nhân đã vì tinh thần „vô tư chí công“ mà đã để lại cho đời một bài thơ tuyệt vời như vậy.

Vì dân ở đây đa phần theo nghề biển. Nếu không làm cá họ cũng chẳng biết làm gì. Do ruộng đất trên Cù Lao Chàm này rất ít. Cho nên khi lễ quy y Tam Bảo được tổ chức tại đây thì những người xin quy y, giới thứ nhất họ không giữ trọn vẹn được. Nên đáp rằng: Con xin cố gắng. Ở đây tôi làm quen với một người Phật Tử tên Văn và anh này về sau trở thành một Phật Tử thuần thành của chùa Viên Giác tại Hội An; mỗi tháng thường vào Viên Giác để sinh hoạt Gia Đình Phật Tử và sau này tổ chức Gia Đình Phật Tử tại Cù Lao Chàm được thành hình tốt đẹp là do công lao một tay của anh gầy dựng nên.

Gọi là Cù Lao Chàm có lẽ ngày xưa đây là nơi sinh sống của người Chàm, chứ thật ra trên đảo ngày nay không còn sót lại dấu tích gì của người Chàm cả. Tại Quảng Nam ngày nay chỉ còn lưu lại di tích Mỹ Sơn là một công trình kiến trúc nghệ thuật của người Chàm của một thuở xa xưa từ trước thế kỷ thứ 13, cho đến sau khi Châu Ô và Châu Lý được sát nhập vào nước Việt Nam thì những di tích của người Chàm đã bị người Việt đập phá dần. Đây là một sự mất mát lớn trong vấn đề bảo tồn những di sản văn hóa của thế giới ngày nay.

Năm 1967 trôi qua lặng lẽ với tuổi học trò Trung Học của chúng tôi và năm này riêng tôi có được nhiều cơ hội trong việc tu và việc học. Tuy là cái học, cái tu ở chùa Tổ, không sâu sắc bằng những Phật Học Viện; là những nơi đào tạo chuyên khoa cho Tăng Sĩ; nhưng với các chùa quê tại phố Hội lúc bấy giờ đã là một sự cải cách không nhỏ. Ấu đó cũng là nhờ vào sự động viên của quý Hòa Thượng Thích Chơn Phát, Thích Như Huệ, Thích Như Vạn, vì quý Ngài này đã một thời xuôi Nam du học tại các Phật Học Đường Lương Xuyên và Ấn Quang; nên chúng tôi mới thừa hưởng được những hồng ân như thế.

Những ngôi Chùa nổi tiếng tại Hội An

Nếu không có sự kiện nhà Trần soán ngôi nhà Lý do Trần Thủ Độ chủ mưu vào năm 1224 thì đã không có Hoàng Tử Lý Long Tường cùng tướng sĩ và ba quân chạy sang Triều Tiên để tỵ nạn. Vì lúc ấy những người thuộc nhà Lý không thích những hành động nghịch đời, đi ngược đạo lý của Trần Thủ Độ. Nếu không có Hoàng Tử Lý Long Tường thì đã không có dòng họ nhà Lý có mặt tại Triều Tiên để đến bảy, tám trăm năm sau vẫn còn nhớ đến quê cha đất tổ và trở về lại Việt Nam để viếng thăm lăng miếu của Tổ Tiên họ.

Nếu không có nhà Thanh lên chiếm ngôi nhà Minh tại Trung Hoa vào năm 1640 thì đã không có những người bài Thanh phục Minh chạy đến Đàng Trong để xin tỵ nạn. Nếu không có sự kiện này thì Hội An vai trò lịch sử của nó không sáng chói như ngày hôm nay.

Nếu không có ba anh em Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đứng lên khởi nghĩa chống lại quân của Nguyễn Ánh từ năm 1780 thì Nguyễn Ánh và quan quân không có cơ hội để chạy sang Thái Lan tá túc. Nếu đã không có sự kiện này thì làm sao tại Thái Lan ngày nay vẫn còn lại 18 ngôi chùa được xây dựng từ thuở ấy đến nay.

Nếu không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì làm sao có cả gần 3 triệu người bỏ nước ra đi và đang định cư khắp nơi trên thế giới. Nếu không có những nhà Sư và các Phật Tử đi cùng thì không thể có 600 ngôi chùa Phật Giáo lớn nhỏ được xây dựng khắp nơi trên 5 châu lục này; mang giáo lý nhiệm mầu của đấng Thế Tôn đến cho người Việt và người dân bản xứ, nhằm xoa dịu những đau thương của tâm thức xảy ra trong cuộc sống hằng ngày.

Tất cả những sự kiện lớn tiêu biểu bên trên được khởi đầu bằng chữ „NẾU”. Chữ „nếu“ ấy nếu đứng bên này để nhìn và lý giải thì nó thuận tai; nhưng nếu đứng bên kia để nhìn sự việc, thì trở thành trái ngược. Do vậy lịch sử xảy ra cũng chỉ là những sự kiện; còn việc đúng sai của từng việc hay từng triều đại, từng thời kỳ lại là việc khác nữa. Tất cả cũng chỉ nằm dưới cái nhìn tương đối mà thôi.

Riêng Hội An có một nét đặc thù khác. Vì lẽ không phải người từ Hội An ra đi, mà các nơi khác đến Hội An để sinh sống lập nghiệp. Đây là câu chuyện đáng nói hơn cả. Ngày nay nếu ai đó có đến thăm Hội An sẽ thấy một ngôi chùa Cầu, trên đó người người qua lại và xe cộ vẫn có thể chạy qua được. Cho đến ngày nay người ta vẫn không biết là chiếc cầu có hình thức ngôi chùa này đã được xây dựng từ thời nào, chỉ thấy 2 bên đầu cầu người ta có tạc tượng của hai con chó và hai con khỉ. Cho nên nhiều người đoán là chùa Cầu ấy được xây dựng từ năm Thân và đến năm Tuất thì xong; hoặc giả từ năm Tuất và đến năm Thân thì hoàn thành. Chùa có hình vòm, hai bên có lối đi dành cho người đi bộ và ở giữa lót bằng ván và cầu bắc qua một nhánh sông nhỏ chảy ra sông Phó Hiên, nằm cận Tòa Hòa Giải thuở xưa. Cầu không lớn nhưng có lẽ do người Nhật xây; nên gọi là Chùa Cầu Nhật Bản.

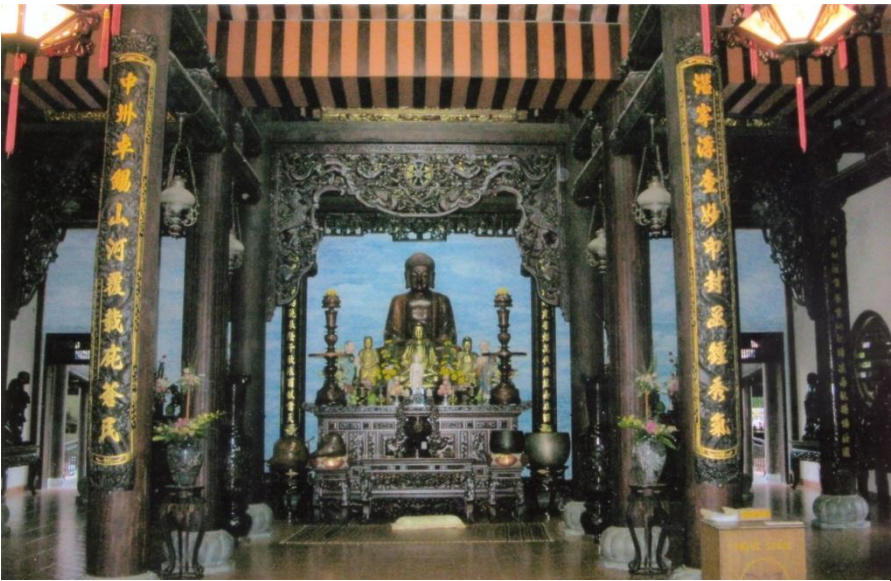
Hội An chỉ có mấy con đường chính. Thông thường những con đường này có chiều dài một vài cây số tính từ bến xe Hội An xuống tới chùa Bảo Thắng Sư Nữ; nhưng bề ngang rất hẹp. Nhiều nhà cổ kiến trúc thông thương từ con đường này qua con đường khác và hai bên mặt đường dùng làm các cửa tiệm buôn bán.

Khi an cư lạc nghiệp tại Hội An sau năm 1640 họ, những người chạy nạn đã lập ra chùa Ngũ Bang và chùa Ông Bồn. Chùa Ngũ Bang gồm các Bang của người Triều Châu, Phước Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam. Đây là những bang gần biên giới Việt Nam nhất; nên họ đã dùng thuyền đi tỵ nạn nhà Thanh một cách dễ dàng. Lúc ấy họ không ghé Hà Nội. Vì họ biết rằng Vua Lê, Chúa Trịnh trị vì Đàng Ngoài thuở ấy bị lệ thuộc nhà Thanh bên Trung Hoa nên họ đã dong buồm đi tiếp đến cửa biển Hội An để vào đây xin tỵ nạn và đã được những Chúa Nguyễn Đàng Trong cho họ ở lại một cách dễ dàng. Có lẽ nhờ trước đó từ năm 1600 đến 1640; trong 40 năm trời ấy dân quân Đàng Trong đã làm quen với các thương thuyền của Trung Hoa, Nhật Bản hay xa hơn nữa như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ấn Độ v.v... nên luật lệ hàng hải lúc ấy chắc cũng đã hình thành; nên những người tỵ nạn nhà Thanh đã có cơ hội tốt để ở lại Hội An sinh sống, xây dựng cơ sở và lập thành phố Hội, tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Theo Hải Ngoại Ký Sự của Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán đã đến Hội An vào giữa thế kỷ thứ 17 và Ngài đã mô tả lại sự sinh hoạt buôn bán của Hội An lúc bấy giờ rất sầm uất, sau đó Ngài đi vào Bình Định và trước khi trở lại Trung Quốc, Ngài đã được Chúa Nguyễn Phúc Chu yêu cầu về lại quê hương Ngài, thỉnh cho được Tam sư Thất chứng sang Đàng Trong, chứng minh giới đàn tại kinh đô Huế vào cuối thế kỷ thứ 17. Trong chuyến đi kia, Ngài Nguyễn Thiệu được thỉnh làm Đàn Đầu Hòa Thượng và 9 vị Đại Sư khác, mỗi người nhận một

nhiệm vụ khác nhau trong Hội Đồng Thập Sư. Sau khi truyền giới tại Huế và Hội An, Ngài Nguyên Thiệu trở về Bình Định, các vị Đệ tử khác như Ngài Minh Hải Pháp Bảo, Minh Lượng Thành Đăng chọn thành phố Hội An để ở lại. Có lẽ lúc đó người Hoa ở thành phố này đông đúc, việc giao tiếp không gặp khó khăn nên quý Ngài đã ra cồn cát phía Đông thành phố để lập am tranh và tu hành tại đó.

Nhờ vào uy tín và đức độ của các Ngài nên am tranh nơi Ngài Minh Hải cư ngụ đã trở thành ngôi Tổ Đình Chúc Thánh ngày nay và am tranh nơi Ngài Minh Lượng trú ngụ, nay đã trở thành ngôi Tổ Đình Vạn Đức. Đây là hai ngôi chùa cổ nhất tại Hội An do người Trung Hoa xây dựng và sau này các bậc Tổ Sư người Trung Hoa không còn tại thế nữa, thì các thế hệ



Chánh Điện Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An

truyền thừa của người Việt Nam tiếp tục lo vấn đề “y bát chơn truyền” này. Ngày xưa khi các Ngài từ Trung Hoa qua Việt Nam truyền giới, chắc rằng quý Ngài cũng không nghĩ rằng

phải ở lại nơi quê hương đất Việt này. Thế nhưng nhân duyên và hoàn cảnh đã giữ chân quý Ngài lại. Từ đó các Ngài xuất kế truyền thừa về người Việt Nam ở thế hệ thứ hai như Ngài Thiệt Dinh (xây dựng chùa Phước Lâm); Ngài Pháp Chuyên Luật Truyền; Ngài Toàn Nhật Quang Đài đều là những danh Tăng của xứ Quảng đã tiếp nối được dòng Thiền ấy.



Tổ Đường thờ Tổ Minh Hải tại chùa Chúc Thánh



Toàn cảnh Tô Đường Chúc Thánh

Cách kiến trúc của hai ngôi chùa Tô Chúc Thánh và Vạn Đức giống hệt như các chùa được xây dựng tại Trung Hoa. Từ ngoài đi vào có cổng Tam Quan. Ở giữa là một hoa viên lớn. Kế tiếp là một bình phong, hồ sen. Theo sau hai bên Tả Hữu xây Đông Đường và Tây Đường. Chính giữa xây Tiền Đường rồi Chánh Điện, lầu chuông, lầu trống. Phía sau là liêu Đông, liêu Tây rồi mới đến Tô Đường. Sau liêu Đông là nhà Trù, giếng nước và giữa nhà Tô, liêu Đông, liêu Tây có một khoảng đất vuông hình chữ khẩu, dùng làm nơi săn sóc cho cây kiểng. Chỉ có một điều là chùa chiền tại Trung Quốc cao ráo và to lớn hơn; trong khi đó các chùa Trung Quốc xây dựng ở Việt Nam thì thấp hơn và nhỏ hơn. Có lẽ do khí hậu phương Nam mưa nhiều hơn nắng và đời sống của người Nam phương không trù phú bằng người phương Bắc nên những kiến trúc chùa viện thuở xa xưa có sự cách biệt này chăng ?

Ngày nay nếu ai đó có cơ hội đi đến xứ Trung Quốc hay Nhật Bản sẽ thấy điều tôi dẫn chứng không sai. Vì có những cây cột chùa của Đông Đại Tự (Todaiji) hay Đông Bản Nguyên Tự (Higashi Honganji) tại Nara và Kyoto cao sừng sững đến hơn cả 30 mét và thân cây cột 2, 3 người ôm vẫn còn thừa. Hoặc giả những ngôi chùa Nam Hoa ở Quảng Đông, Nga Mi ở Tứ Xuyên Trung Quốc v.v... khi xem xong phải cúi đầu bái phục cho ý chí và sức lực của người xưa quá kiên cường. Cách đây hàng ngàn năm về trước, phương tiện xây dựng còn thô sơ, con người còn chột vạt về vật chất; thế nhưng đời sống tâm linh của họ cao vời vợi như những cây cột chùa kia; nhờ vậy họ mới lập nên những ngôi cổ tự để đời sau tôn thờ.

Khi học trong văn Cảnh Sách tôi nhớ Tô Quy Sơn Linh

Hựu dạy rằng: “Đời người xưa các bậc Tổ đức sống như cây Tùng, cây Bách. Đời ngày nay chúng ta nếu không làm được thân cây Tùng cây Bách thì hãy làm dây leo, Tùng cao đến đâu thì dây leo hãy leo đến đó”. Thế mà đã có mấy người leo đến đích được, đa phần chỉ bò quấn bò quanh bên gốc tùng, gốc bách; đâu có ai đủ can đảm để leo lên cây Bách cây Tùng ?

Cây này sống cả hàng trăm, hàng ngàn năm trên núi cao, trong rừng rậm. Dầu cho đông



Chánh Điện chùa Vạn Đức - Hội An

sang lạnh lẽo, tuyết phủ triền miên; nhưng lá tùng và lá bách vẫn xanh thắm với thời gian. Thân cây vẫn cứng cáp, không bị gió sương, giá buốt chi phối. Do vậy cái bản thể của Tăng Già phải sừng sững như vậy thì Đạo Phật mới được trường cửu dài lâu trên thế gian này. Đó là những lời khuyên mà cũng là những lời chỉ thị cho đàn hậu học, bắt buộc phải làm theo. Nếu không được như vậy thì Phật Pháp sẽ suy tàn.

Hoặc trong giới thứ 8 của Sa Di có dạy rằng: “Cao Phong Diệu Thiên Sư tam niên lập nguyện bất triêm sàng đẳng”. Nghĩa là Ngài Thiên Sư Cao Phong Diệu lập nguyện trong 3 năm lưng không hề dính chiếu. Như vậy có nghĩa là Ngài chỉ ngồi, đi và đứng; còn động tác thứ tư là nằm, Ngài đã chối từ trong 3 năm như vậy. Thật sự ra trong 4 động tác này, động tác nằm là lâu và nhiều nhất trong 24 tiếng đồng hồ của một ngày đêm; nhưng người xưa đã thể hiện được; còn chúng ta ngày nay thì yếu đuối vô cùng. Trong khi ý chí không có mà cứ mong thành tựu được những việc phi thường.

Tại Hội An ngoài hai chùa Tổ cổ nhất trên 300 năm như Chúc Thánh, Vạn Đức còn có các chùa Tổ như Phước Lâm, Long Tuyền. Đây là những chùa Tổ do các bậc Tổ Sư người Việt Nam xây dựng và truyền thừa cũng đã trên dưới 200 năm lịch sử. Những ngôi chùa này tôi đã có dịp giới thiệu với quý vị chi tiết phía trên rồi. Ngoài ra tại Hội An còn có chùa Viên Giác hay chùa Tĩnh Hội, nay gọi là chùa Pháp Bảo cũng mới được xây dựng chừng 100 năm nay. Đó là những ngôi chùa Tăng.

Tại Hội An cũng có một ngôi chùa Ni nổi tiếng do Sư Bà Thích Nữ Đàm Minh xây dựng và sau này Sư Bà Thích Nữ Như Hường cũng như Sư Bà Thích Nữ Diệu Hạnh kế tục trụ trì. Ngày xưa cũng như nay ngôi chùa Sư Nữ Bảo Thắng đã đào tạo rất nhiều Ni tài và tại chùa này cũng có xây dựng Ký Nhi Viện

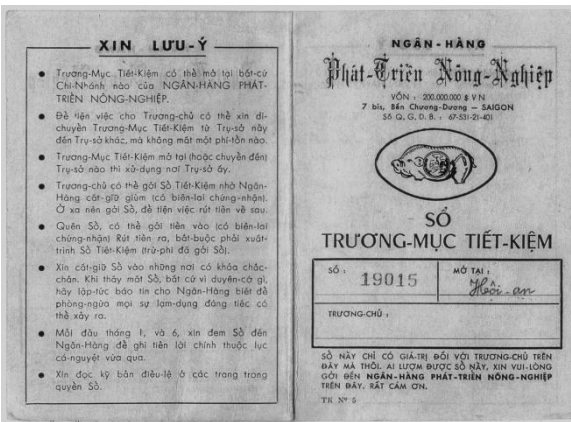
để giữ trẻ và giáo dục thiếu nhi theo tinh thần Phật Giáo từ tuổi mới lọt lòng mẹ.



Chùa Sư Nữ Bảo Thằng tại Hội An (ảnh năm 2012)

Nhớ lại niên học 1967-1968 tôi được trường Trung Học Bồ Đề Hội An phát cho 3 phần thưởng. Hôm đó chờ cả hai, ba

chiếc xích-lô mới hết. Sau khi lãnh thưởng, Sư Bà Thích Nữ Như Hường ghé tai tôi bảo rằng: “Nhờ chú mùa hè này xuống chùa Bảo Thằng kèm cho các Cô môn Pháp văn và Toán lý hóa”. Tôi nghe như nhẹ nhõm trong lòng. Vì cái



Một trong 3 phần thưởng tối ưu của năm 67-68

học của mình, ngày nay đã đi đến được kết quả như vậy.

Thế rồi mùa hè năm ấy, tôi đạp xe đạp từ chùa Viên Giác xuống chùa Sư Nữ Bảo Thắng mỗi tuần 2 lần vào ngày thứ ba và thứ năm để kèm cho quý Cô đang học trường Bồ Đề và Trần

TRƯỞNG - CHỦ :		TRƯỞNG-MỤC TIẾT-KIỆM SỐ : 19.015				
	NGÀY	RÚT RA	GÓI VÀO	Tiền LỜI	KẾT-SỐ	DẤU-HIỆU NGHIỆP-VỤ VÀ SỐ TRƯỞNG-MỤC
1	26-6-68		500		500	GTK/19015
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
XIN LUÔN-LUÔN KÝ TÊN GIỐNG HẾT NHƯ CHỦ KÝ MẤU ĐÃ ĐỀ NẠP.						
XIN CẮT-GIỮ SỔ NÀY VÀO NHỮNG NƠI CÓ KHÓA CHẮC-CHẮN.						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
TRƯỚC KHI RỜI NGÂN-HÀNG, XIN XEM LẠI SỔ CỎI NGHIỆP-VỤ VÀ SỐ TRƯỞNG-MỤC CÓ ĐƯỢC GHI ĐÚNG KHÔNG ? KHI ĐỔI ĐỊA-CHỈ, XIN BÁO CHO NGÂN-HÀNG BIẾT ĐỊA-CHỈ MỚI.						

Gửi 500\$ VN từ năm 1968 đến nay vẫn chưa lấy ra và chưa tính tiền lời.

Hường, Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Hạnh v.v... là những tấm gương của Ni giới quê hương xứ Quảng Nam ngày ấy.

Trong những cuộc tranh đấu năm 1963 rồi 1966 nếu chư Tăng Quảng Nam ở trong vòng lao lý kể cả Sư Phụ tôi và Hòa Thượng Thích Như Huệ mà không có quý Sư Bà và quý Ni Sư, Sư Cô bảo bọc, lo lắng, thăm nuôi v.v... thì ngày nay đâu còn có những bậc long tượng của Phật Giáo như: Cô Hòa Thượng

Quý Cáp lúc bấy giờ. Trước khi vô học tôi được Sư Bà tiếp tại phòng khách rất trình trọng, sau đó vào lớp và trước khi ra về lại chùa còn được dùng mấy ly chè đậu ván hay hạt sen ngọt lịm đến cả cổ. Hương vị ấy cho đến giờ này tôi cũng đã chẳng quên bao giờ. Hình ảnh dịu dàng của Sư Bà Từ Hạnh trụ trì chùa Châu Phong ở Thanh Quít, nay cũng đã gần 100 tuổi, Cố Ni Trưởng Thích Nữ Như

Thích Tâm Thanh, Sư Cô Diệu Định vị pháp thiêu thân v.v... chỉ chừng đó thôi Hội An và những ngôi chùa này đã đi vào lịch sử.

Nhắc lại ngôi chùa Tổ Chúc Thánh tại Hội An, tôi cũng muốn trải bày một ít tâm sự nơi đây; nếu không nói bây giờ thì ngày sau sẽ dễ quên đi và ít có cơ hội đề đề cập đến.

Tuy tôi sống xa quê cho đến năm 1991 cũng đã gần 30 năm ở tại ngoại quốc; nhưng lúc nào cũng nhớ nghĩ về quê hương, trong đó có các chốn Tổ Đình và Thầy Tổ của mình. Khi nghĩ về Chúc Thánh thấy Hòa Thượng Thích Trí Nhân đã lớn tuổi, trong khi Thầy Hạnh Chánh thì đi học phương xa; nên tôi đã có thư về thăm Thầy tôi và Hòa Thượng Thích Trí Nhân, gợi ý với quý Ngài là nên trùng tu lại Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An. Vì lẽ đây là chốn Tổ đã sản sinh ra không biết bao nhiêu là bậc long tượng của Phật Giáo như: Tổ Khánh Anh, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, Hòa Thượng Thích Hành Trụ v.v... Vả lại năm 1991 chùa Viên Giác ở Đức đã xây xong và khánh thành đợt một; nên tôi đã đề ra một phương án có thể khả thi được. Đó là sự đóng góp của con cháu Tổ ở khắp nơi, nên chia đều ra mới công bình. Đầu tiên tôi đề nghị mỗi châu lục đóng góp 100.000 US\$. Ví dụ như tại Âu Châu, tôi đại diện quyền góp số tiền ấy. Tại Úc Châu Hòa Thượng Thích Như Huệ và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc lo. Tại Mỹ Châu thì Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn đảm trách. Một phần tư còn lại các chùa thuộc môn phái Chúc Thánh ở Sài Gòn và các tỉnh thành miền Trung đóng góp. Kế hoạch thì rất hay; nhưng có lẽ nhân sự trong tỉnh lúc bấy giờ chưa thống nhất; mãi cho đến sau này khi Hòa Thượng Thích Trí Nhân viên tịch rồi, Thầy Đồng Mẫn kế thế trụ trì Tổ Đình, công việc xin giấy phép trùng tu Tổ Đình mới tiến hành khả quan. Tuy trước đó Thầy Hạnh Chánh cũng đã góp ý trong vấn đề này; nhưng Thầy Hạnh Chánh lúc

ấy đang học ở Ấn Độ xa xôi; nên ý kiến của Thầy ấy không ảnh hưởng trực tiếp được.

Sau khi có giấy phép trùng tu rồi, chúng tôi ở ngoại quốc bắt đầu vận động một cách mạnh mẽ và kết quả đã như kế hoạch được đặt ra. Riêng ở Mỹ có Hòa Thượng Chơn Điền, Hòa Thượng Thanh An và Hòa Thượng Hành Đạo chứng minh và Thầy Hạnh Tuấn lo vận động, đôn đốc thực hiện những bữa cơm chay gây quỹ tại Santa Ana, San Jose, Houston, Chicago và Montreal. Kết quả phần Mỹ Châu đã đóng góp vào công trình trùng tu Tổ Đình gần 150.000 US\$. Trong khi đó Âu Châu không gây quỹ mà chỉ kêu gọi Phật Tử đóng góp, con số cũng vừa đúng 100.000 US\$. Tại Úc Châu Hòa Thượng Thích Như Huệ và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc tổ chức những bữa cơm chay quỹ trùng tu Tổ Đình kết quả cũng trên dưới 100.000 Úc kim. Trong khi đó tại quê hương vừa xây dựng vừa lo trả tiền xây cất, thiếu hụt đâu, ở trong nước lo trang trải cho đủ và sau gần 3 năm thi công mọi công trình đã được hoàn thành.

Ngày khánh thành cách đây 5 năm về trước, phần tôi phát nguyện cúng dường Trai Tăng cho 1.000 vị. Gọi là Thiên Tăng Hội. Đây cũng là lần đầu tiên tại Hội An có lễ khánh thành trong 3 ngày, có cả mấy ngàn Tăng Ni và Phật Tử câu hội, trong cũng như ngoài môn phái và quý Ngài tại Trung Ương cũng đã về đây tham dự Đại Lễ Khánh Thành này. Phải nói một lời không ngoa là cho đến thời điểm ấy, tại miền Trung Việt Nam chưa có chùa Tổ nào được có cơ ngơi rộng rãi, đồ sộ, xứng đáng là chốn Đại Tùng Lâm như Chúc Thánh vậy. Sau này nhờ Thầy Như Tịnh viết bộ “Thiên Phái Lâm Tế Chúc Thánh” truy tầm tổ tông của từng miền một; nên sơn môn Tổ Đình Chúc Thánh, con cháu của Tổ càng ngày càng hội tụ về đông hơn.

Ở ngoại quốc, Châu Mỹ và Châu Úc mỗi năm đến ngày ky của Tổ Minh Hải vào mồng 7 tháng 11 âm lịch đại diện các chùa thuộc môn phái Chúc Thánh đều có cử hành ngày húy ky của Tổ để nhắc lại công hạnh của các Ngài đã đến quê hương xứ Quảng hơn 300 năm trước; nhờ đó mà ngày nay môn phong tử đệ ở khắp nơi mới đượm nhuần được ân pháp vũ.

Số: 483

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHIẾU CÔNG ĐỨC
ĐẠI TRƯNG TU TỔ ĐÌNH CHÚC THÁNH
HỘI AN - QUẢNG NAM
 ĐT : 0510.950024 - ĐD : 0905247034

Nhận công đức của: T.Đ. Phương Trưởng Pháp danh: THÍCH NHƯ ĐIỀN
 Địa chỉ: Chùa Viên Giác, Đức Quốc
 Phát tâm hỷ cúng: 100.000 USD.
 Viết bằng chữ: Một trăm ngàn dollars Mỹ

Nguyên cầu chư phật, chư tổ gia hộ chư Tôn đức, cùng quý vị vô lượng an lạc, vô lượng công đức, sở nguyện viên thành.

Người nhận (ghi rõ tên, chữ ký) Chứng minh Ngày: 5 tháng 8 năm 2007
 TUN. Hòa Thượng Trưởng Ban Điều Hành
 Trụ trì Kiêm Phó Ban Xây dựng

Thiền Sư THÍCH ĐỒNG MẪN

Năm 1991 lễ khánh thành chùa Viên Giác tại Hannover được cử hành trong một tuần lễ vào cuối tháng 7 đến đầu tháng 8 năm ấy. Đây là cơ hội để tôi cung thỉnh chư Tôn Đức khắp nơi trên thế giới về Hannover Đức quốc để chứng minh và tham dự lễ khánh thành; nhân cơ hội này, tôi cũng đã gửi thư mời về Sư Phụ của tôi để thỉnh Ngài sang chứng minh trong những ngày lễ trọng đại kia. Giấy tờ bên chính quyền Đức đã xong;

nhưng chờ mãi mà Passport phía Việt Nam vẫn không cấp. Chờ cho đến gần xong lễ khánh thành, họ mới cấp Passport cho Sư Phụ và Ngài đến Đức, lễ khánh thành đã xong; nhưng Ngài còn cơ hội hiếm hoi là gặp lại được Hòa Thượng Thích Như Huệ, người bạn Đạo cố tri năm nào, tại phi trường Frankfurt trong mấy tiếng đồng hồ để hàn huyên tâm sự sau bao nhiêu năm xa cách qua việc sắp xếp của Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn. Riêng tôi và Tử Độ chùa Viên Giác đến phi trường Hannover để đón tiếp Thầy tôi.

Thầy vẫn trẻ, khỏe, đẹp lão như những năm xưa và gặp tôi, Thầy ôm sát vào lòng để nhớ lại tình Thầy trò đã lâu năm không gặp. Lúc ấy đã có Thầy Hạnh Tấn, Thầy Hạnh Bảo xuất gia rồi; cho nên tôi giao qua cho mấy Thầy làm Thị Giả cho Sư Ông. Phần tôi mỗi ngày hầu trà Thầy một lần vào mỗi buổi sáng sau giờ công phu khuya tại chùa mới. Ngoài ra mỗi cuối tuần Thầy Thiện Sơn đưa Thầy sang Pháp thăm chùa Khánh Anh cũng như một số chùa khác; hoặc giả Ngài đi xe cùng tôi đến



Tám trường của Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đi điều khi Sư Phụ viên tịch.

các Chi Hội và các chùa trong nước Đức để thuyết giảng và thăm viếng.

Thầy Hạnh Tuấn còn ở lại cả nửa tháng sau mới về lại Hoa Kỳ; nên cũng đã có cơ hội hầu chuyện với Thầy tôi về tình hình của Giáo Hội trong nước dưới sự lèo lái của Cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Nói gì thì nói; nhưng nói đến vấn đề hành chánh hay tổ chức của Giáo Hội thì chúng tôi chỉ có đứng vòng tay nghe thôi. Không biết Thầy đã học ở đâu mà có kinh nghiệm đây mình. Do vậy khi Viện Hóa Đạo còn lưu vong ở Quảng Ngãi. Cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã mời Thầy tôi đảm trách chức Chánh Văn Phòng Viện Tăng Thống để giúp đỡ cho Hòa Thượng thuở bấy giờ. Đến ngày Thầy tôi vãng sanh, cả hai Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có đi một tẩm trướng để thờ, mãi cho đến bây giờ vẫn còn sáng ngời nơi Linh Đường thờ Sư Phụ tại nhà Tây chùa Viên Giác ở Hội An.

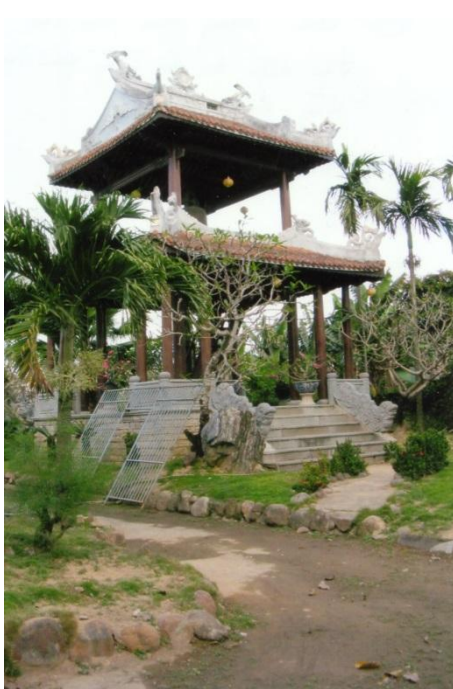
Hình như tôi có duyên với Thầy Như Vạn và Thầy Như Huệ hơn là Thầy Bồn Sư của mình. Quý Thầy này tôi không ngại ngần khi thừa bạch một việc gì; nhưng với Thầy Bồn Sư sao thấy có cái gì khó nói. Mặc dầu trong sách “Châu Ngọc Hồi Ký” của Thầy, Thầy đã viết và nói về người đệ tử thân thương là tôi bằng những lời lẽ rất đậm nghĩa Thầy trò; nhưng ở một điểm sâu kín nào đó của tâm hồn có cái gì đó thật là khó diễn tả.

Thường thường học trò, đệ tử hay trách Thầy mình là thế này hay thế nọ; nhưng đâu có ai biết rằng: Thầy vẫn thương mình đó chứ! vẫn lấy mắt dõi trông theo Phật sự của đệ tử mình thành tựu ở phương xa và tất cả mọi động tác của đệ tử, Thầy mình đều rõ biết; nhưng người đệ tử vẫn chưa hài lòng. Sau này khi có đệ tử xuất gia đông; tôi đã rõ tâm trạng của Thầy mình

nhều hơn nữa. Nhiều khi mình còn chứng tỏ sự thông thái, hiểu biết và thành thạo của mình đối với Thầy; nhưng việc ấy chỉ bằng thừa.

Trước khi Thầy viên tịch vào 14 năm trước, Thầy đã làm tờ di chúc chùa Viên Giác tại Hội An cho tôi trụ trì và có lời nhắn gởi sau thư là nên chăm sóc cho Như Tịnh để lo lắng những điều cần thiết khác; trong khi Sư huynh Tâm Thanh vẫn còn đó, mà Thầy đã không đề cập gì. Đây là cái tích tắc, cái thông minh trong việc xử thế của Thầy trong khi sống cũng như lúc sắp ra đi.

Năm 2003 khi tôi trở về ngôi Phương Trượng, có nghĩa là mọi quyền hạn đều giao lại cho vị Trụ Trì, lúc ấy là Thầy Hạnh Tấn. Vì tôi muốn thông dong trong việc tu niệm cũng như



Gác chuông chùa Viên Giác tại Hội An do Thầy Như Tịnh xây dựng.

dịch kinh, viết sách trong những ngày còn lại với cuộc đời và nhân cơ hội này Tông Môn Pháp Phái của Chức Thánh từ Quốc Nội đến Hải Ngoại có mặt đầy đủ, tôi chính thức công cử Thầy Như Tịnh lên trụ trì chùa Viên Giác tại Hội An, thay thế cho tôi, như chúc thư của Sư Phụ lúc sanh tiền đã để lại. Vì lẽ tôi ở ngoại quốc lâu năm, chưa có cơ hội để về thăm quê hương; nên không thể đảm nhận chức vụ trụ trì chùa Viên Giác Hội An được. Nay thì mọi việc đã đầu vào đó. Ở ngoại quốc tôi đã có các Thầy đệ tử lo chăm sóc chùa

Viên Giác tại Hannover. Còn tại Hội An có Sư đệ Như Tịnh tiếp nối con đường của Sư Phụ chúng tôi đã đi qua và tiếp tục thực hiện những hoài bão của Sư Phụ về những gì mà Ngài chưa làm được.

Sau một tháng ở Đức, Thầy muốn về lại Việt Nam, mặc dầu Visa ở Đức của Thầy còn giá trị gần 2 tháng nữa. Tôi và quý Chú đưa Thầy xuống phi trường Frankfurt để Thầy về lại Sài Gòn. Nghe đâu khi về đến Sài Gòn, Thầy phải bay thẳng ra Hà Nội để phúc trình chuyến đi vừa rồi theo lệnh trên ban xuống.

Từ khi xuất gia năm 1964, đến 1969 tôi xa Hội An, năm 1972 xa Việt Nam đi Nhật du học; chưa bao giờ tôi có cơ hội để hầu chuyện với Thầy như cả tháng trong năm 1991 ấy. Đây là niềm vui của tôi và tôi cũng muốn giải tỏa một số khúc mắc giữa Thầy trò, tại sao lâu nay có những vấn đề như vậy. Dĩ nhiên là tôi cũng đã không thừa hết thật 100%, vì sự thật thì ít người muốn nghe mà khi nghe rồi thì nó không còn thật nữa. Vì lẽ vạn pháp đều không mà. Hiểu được như vậy cho nên tôi dừng câu chuyện lại ở nơi nào đáng dừng.

Đó là cơ hội chót để tôi bộc bạch với Thầy vì sau này mãi cho đến ngày Thầy viên tịch, tôi không có cơ hội để gần gũi Thầy được một ngày nào nữa, vì quan san cách trở cũng như mọi việc đã được an bài rồi.

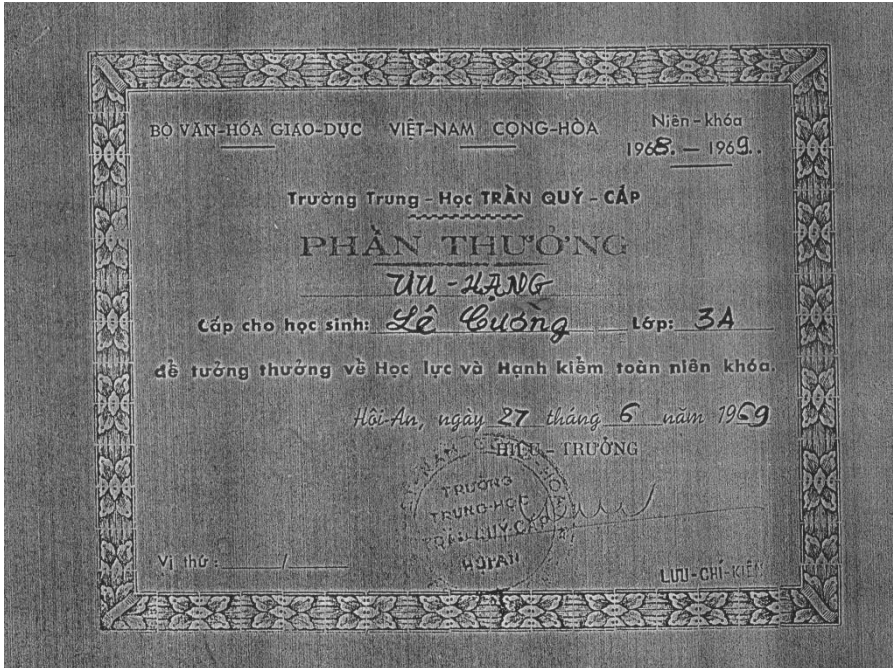
Thầy ra đi xếp lại một khúc quanh lịch sử của đời mình. Mặc dầu trong “Châu Ngọc Hồi Ký” Thầy cũng đã nói; nhưng chưa nói hết. Hôm nay chúng con ôn lại những kỷ niệm này cũng chỉ để tưởng nhớ đến ân đức của người xưa, nhằm nhắn nhủ cho chính mình hay những người đời sau, bao giờ lịch sử cũng sẽ lặp lại như thế. Ngày nay “Chương Đức Đường” nơi khuôn viên chùa Viên Giác tại Hội An, Sư đệ Như Tịnh đã lập nên một ngôi nhà trang trọng để thờ Thầy, Thầy Tâm Thanh và con, có lẽ ý Thầy ấy cũng muốn ghi lại cho hậu thế biết rằng cả

3 vị Thầy ấy đều có những đóng góp nhất định cho lịch sử, cho đạo pháp và đặc biệt cho việc đào tạo Tăng tài cho mai hậu. Thầy có Thầy Như Tú đã đỗ Tiến sĩ tại Đại Học New Delhi Ấn Độ tháng 3 năm 2012. Thầy Tâm Thanh có đệ tử Nguyên Tân cũng đỗ Tiến sĩ cùng khoa với Thầy Như Tú và còn có đệ tử Hạnh Giới tốt nghiệp Tiến sĩ Đại Học Hannover Đức quốc năm 2003 và Hạnh Giả cũng tốt nghiệp Tiến sĩ tại Đại Học này vào cuối năm 2011, đầu năm 2012 lãnh bằng tốt nghiệp.

Cái học thật ra nó không bằng cái tu; nhưng cái tu nếu thiếu sự học, quả thật khó thành tựu với sự tiến bộ của khoa học ngày nay. Do vậy cả tu và học phải song hành thì cơ may mang giáo lý của Đạo Phật vào đời mới dễ dàng được. Hội An tuy nghèo về vật chất; nhưng văn học và văn hóa không nghèo. Nay dưới mái chùa Viên Giác nơi “Chương Đức Đường” đã nói lên được tất cả những điều đó. Sự thành tựu của Đệ tử chính là sự hoan hỷ của mình; nhưng tiếc rằng Sư Phụ và Sư huynh Tâm Thanh không còn có mặt trên cuộc đời này để chứng kiến cho sự thành công của những người Đệ tử của mình như vậy. Do vậy con vẫn thường nói rằng: “Bằng cấp không thể làm cho mình giải thoát; nhưng nếu muốn mở cánh cửa giải thoát kia, không thể thiếu sự tu và sự học được”.

Tưởng nên nhắc lại, niên khóa 1968-1969 tôi được qua trường công lập Trần Quý Cáp tại Hội An để học Ban A chuyên về Vạn Vật và Toán Lý Hóa. Thuở đó ở Việt Nam, khi học sinh qua Trung Học Đệ Nhị Cấp phải chọn Ban để học và chọn thêm một sinh ngữ phụ nữa. Đây là 2 vấn đề mà cần phải lưu tâm. Ban B chuyên về toán. Ban C là Ban văn chương. Lúc tôi học Trung Học Đệ Nhị Cấp Ban D không còn nữa. Ban D vốn là Ban Cổ Ngữ, chuyên Hán văn. Trung Học Đệ Nhất Cấp 4 năm tại trường Bồ Đề tôi lấy Pháp văn làm sinh ngữ chính, qua trường Trung Học Trần Quý Cáp tôi chọn Anh văn làm sinh ngữ phụ. Bao năm nay học ở trường Đạo, mặc dầu vẫn học văn

hóa phổ thông. Bây giờ qua học trường Phổ Thông công lập, chỉ toàn là học sinh giỏi và không đặt nặng vấn đề Tôn Giáo; nên không có giờ học giáo lý trong chương trình. Và lại giáo sư cũng không nhất thiết phải là những người Phật Tử thuần thành. Vì trường công lập người ta không chú trọng đến vấn đề này.



Tuy là trường công lập; nhưng tôi cũng đã đỗ ưu hạng vào cuối năm Đệ Tam niên khóa 1968 – 1969.

Mùa hè năm 1968 tôi an cư kiết hạ tại chùa Tỉnh Hội. Lúc ấy vẫn còn Hòa Thượng Thích Trí Minh làm trụ trì và Hòa Thượng Thích Như Huệ làm giảng sư của Giáo Hội. Các chú thì có chú Phần, Thị Điềm, Thị Thiện, chú Duyên, chú Hạnh, chú Kinh v.v... An cư tại đây thanh thoi hơn ở chùa Long Tuyền. Vì lẽ Thầy dạy ít nên chúng tôi học ít môn hơn. Còn những giờ công phu bái sám, tọa thiền vẫn giống như tại chùa

Long Tuyên thuở nào. Sau này vào năm 1972, Long Tuyên đã chính thức thành Phật Học Viện thì tôi đã không còn có mặt nơi quê hương Việt Nam nữa. Nơi đây sau này cũng đã đào tạo được một số Thầy nổi tiếng vẫn còn hoạt động Phật sự tại Canada như Thầy Tâm Hòa hay nhà văn Vĩnh Hảo tại Hoa Kỳ.

Chùa Tỉnh Hội là cơ quan hành chánh của Tỉnh Giáo Hội nên người người qua lại, ngày đêm tấp nập vô cùng. Không khí tu học cũng có đó; nhưng đa phần nghiêng về hành chánh của Giáo Hội. Tuy nhiên trong 3 tháng An cư Kiết hạ tại đó, chúng tôi cũng đã học hỏi rất nhiều từ Thầy Như Huệ cũng như Thầy Như Vạn và các chú lớn khác.

Trong năm học này tôi có quen với Nguyễn Mậu Dũng, một thanh niên cao ráo đẹp trai và cùng học một lớp đệ tam A mà mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn trao đổi thư từ với Dũng cũng như giúp đỡ cho Dũng hằng năm với một số tiền thật khiêm nhường; chỉ vì đơn thuần là tình bạn và Dũng cần sự giúp đỡ ấy. Dũng và các bạn học thuở ấy bây giờ ai cũng đã có cháu nội, cháu ngoại hết rồi; nhưng tình bạn vẫn là tình bạn. Đã có nhiều lần đi chơi ở Cù Lao Chàm với Dũng và Tiến. Sau này vào Sài Gòn học Đại Học, Dũng có ghé chùa Hưng Long thăm tôi và chúng tôi cũng đã có chuyến du ngoạn mấy ngày tại Vũng Tàu chung với Cường và Dũng thật là ý nghĩa.

Tình bạn, tình học trò, tình Thầy, tình Cô giáo của thuở còn nhỏ sao mà nó trong trắng dễ thương chi lạ. Nó không có sự tính toán, đo lường, kể lể hay thắc mắc gì cả. Cứ thương thì nói là thương. Điều gì không thích thì bảo là không thích. Cứ như thế mà xong. Còn những loại tình khác đa phần thuộc về sự đối đãi nhiều hơn. Cho nên người ta hay quý nhau tình bạn là vậy.

Từ chùa Viên Giác Hội An nhiều khi tôi thả bộ xuống trường Trần Quý Cáp, như trên đã nói, thuở ấy tôi học buổi

chiều. Vì buổi sáng ở chùa có thời gian ôn bài cũng như học kinh kệ và giáo lý. Và lại buổi sáng ở chùa có gì cần sai biểu Thầy dễ sai hơn. Từ ngày đó chúng tôi 5 người đỡ đầu trường Trung Học Đệ Nhất Cấp Bậc Đền qua đây không còn chung lớp nữa; trong đó có chú Như Phạm Phú Chín và Huỳnh Thị Xuân Hương. Riêng Hương có lẽ chọn giải pháp khác, không học chung với chúng tôi để có cơ hội đứng vị trí cao hơn vào cuối năm. Nếu học chung với chúng tôi, chắc gì cô ta có cơ hội ấy.



Trường Trung Học Trần Quý Cát tại Hội An ngày nay (ảnh 2012)

Hồi Đệ Ngũ và Đệ Tứ, khi tôi còn học Vạn Vật với cô giáo Huỳnh Thị Thúy Lan và sổ của tôi bao giờ điểm Vạn Vật cũng là 18 hay 19 trên 20 điểm và cuối năm Đệ Tứ, Cô phê trong học bạ mà ngày nay tôi cũng còn giữ mấy chữ là: “học hạnh kiêm toàn”, không ngờ nhờ sự học và điểm ghi ấy mà tôi tìm lại được Cô giáo cũ dạy Vạn Vật ngày xưa, lúc ấy tôi đã ở Tây Đức.

Nguyên là năm 1977 tôi đã đến định cư và ty nạn tại Đức. Vào những năm 1979, 1980, chúng tôi thành lập các Chi Hội Phật Tử tại Hamburg và Berlin sau khi đã thành lập Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Đức trước đó. Có một lần tôi lên Hamburg làm lễ xong, lúc ấy chưa có Chùa Bảo Quang, có một anh Phật Tử người Huế đưa tôi ra xe lửa về lại Hannover và nhờ đó có cơ hội hỏi chuyện là ngày xưa anh ở Việt Nam làm việc tại đâu, thì anh bảo rằng: “ tại Ty Thủy Lâm Quảng Nam”. Tôi nghe anh nói giọng Huế nên liền tưởng đến Cô giáo Lan dạy Vạn Vật cho chúng tôi thuở nào; nên hỏi anh có quen biết cô ta không, thì anh bảo rằng: “đó là bà xã”. Từ đó, có lẽ cũng đã cách xa gần 20 năm tôi mới có cơ hội liên lạc lại với Cô giáo cũ và Copy học bạ của mình có những lời phê của Cô khi xưa để cho Cô xem. May mà lúc ấy học giỏi; nếu chẳng may học dở chót lớp như hồi còn học Tiểu Học thì cũng chẳng dám nhìn nhận Thầy, Cô cũ làm gì. Cô là một Phật Tử rất thuần thành và người chồng cũ của Cô, chính là anh Nguyên Trí Nguyễn Hòa, làm Trưởng Ty Thủy Lâm Quảng Nam tại Hội An thuở nào; nay là Chủ bút báo Viên Giác tại Đức cũng đã 20 năm rồi.

Đúng là thời gian xoay vần, không gian dẫu cho có thay đổi; nhưng con người với tấm lòng “ôn cố tri tân” thì đi đâu và ở đâu cũng sẽ gặp được những điều may mắn cả.

Trong sân trường Trần Quý Cáp có những hàng phượng vĩ rất đẹp. Hè về phượng nở ve kêu, báo hiệu cho mùa nghỉ đã đến. Có những học sinh ở trọ tại Hội An vội vã về quê thăm gia đình cũng như giúp đỡ cho gia đình trong công việc đồng áng, để sau 3 tháng hè trở lại Hội An tiếp tục công việc học hành. Thuở ấy những vùng như Quế Sơn, Trà Kiệu, Đại Lộc v.v... là những vùng xôi đậu, nên có nhiều cô, cậu học sinh sau mùa nghỉ hè về thăm quê, không còn trở lại mái trường xưa nữa. Họ có thể là những người có lý tưởng, muốn theo du kích hoặc bộ

đội, bỏ ngang việc học để làm theo tiếng gọi của con tim; nhưng cũng có thể vì chán chường những sự sinh hoạt hằng ngày xảy ra nhan nhản tại Hội An, Đà Nẵng nên họ đã bỏ học ra đi để bảo vệ lý tưởng của họ. Đây là thời điểm có nhiều điều đáng nói nhất.

Tết Mậu Thân, một cái Tết khó mà quên được. Mới sáng ngày mùng một đã thấy lộ nhố một số người mặc đồ đen, mang súng AK xuất hiện trước cổng chùa Viên Giác. Tôi bảo chú Thứ chạy ra xem có việc gì thì chú bảo rằng: “quân du kích tiếp thu Hội An”. Ai trong chúng tôi ở chùa lúc đó cũng rất ngỡ ngàng. Vì tôi qua không nghe bao nhiêu tiếng súng, mà bây giờ quân du kích đã xuất hiện ở thành phố này rồi. Sau đó họ giải tán và chúng tôi tìm cách lần dò xuống chùa Tinh Hội để tìm hiểu sự tình. Dọc đường đi, tôi thấy những xác người cháy đen còn nằm treo lủng lơ trên dây điện, vì họ lấy những cây rựa bằng sắt để chặt điện cao thế; nên bị điện giật chết. Không biết đây gọi là hy sinh cho việc gì? Tất cả đều do sự không học và không được đào tạo mà ra. Nếu người có học không ai dạy gì mà lấy sắt để chạm vào điện cả. Trong cảnh tượng hãi hùng ấy, ai cũng ngán ngẩm; chỉ có tắc lưỡi và không nói nên lời.

Sáng ngày mùng một Tết Mậu Thân, rồi mùng hai, mùng ba và những ngày sau nữa những người Phật Tử từ Cẩm Nam rời những vùng bất an như Duy Xuyên, Điện Bàn, Quế Sơn v.v... đổ về chùa Viên Giác đông nghẹt. Một mặt để nghe ngóng và mặt khác cũng muốn trốn khỏi nơi sinh sống của mình. Vì họ không muốn bom đạn lấy đi mạng sống của họ. Trong đám chạy loạn này có cả Trần Văn Nhơn tức nhà thơ Trần Trung Đạo và Lê Hoàng Anh tức là Sư Giác Ánh bây giờ.

Nhơn thì mảnh khảnh, dáng điệu thư sinh. Hầu như ít nói, thân thiện với Thứ nhiều hơn tôi. Khi tôi rời Hội An vào giữa năm 1969, lúc ấy Nhơn vẫn ở lại chùa Viên Giác để đi học

Trung học Đệ Nhị Cấp trường Trần Quý Cáp. Con người im lặng đến thế mà sau này nổi tiếng một thời với bút hiệu làm thơ và viết văn là Trần Trung Đạo. Nhất là hai bài thơ nói về **Cây Đa Chùa Viên Giác** và **Bao Giờ Nhỉ Tôi Về Thăm Xứ Quảng?** Đây là 2 bài thơ nói lên tâm trạng của Nhơn mà cũng là tâm trạng của nhiều người, trong đó có tâm trạng của tôi; nhất là tâm trạng của người xa quê hương mấy mươi năm rồi, chưa về thăm xứ Quảng.

*“Bao giờ nhỉ tôi về thăm xứ Quảng
Mười năm dài mồ mẹ có còn chẳng
Cỏ có cao hơn nổi nhớ trong lòng
Đất có lạnh hơn mùa đông Bắc Mỹ*

*Hải Vân đứng ngậm ngùi bao thế kỷ
Chảy về đâu lai láng nước Thu Bồn
Tuổi học trò tôi hay đứng ven sông
Nghe tiếng vỗ bên kia cầu Vĩnh Điện*

*Còn đâu nữa những con đường đầy kỷ niệm
Những bạn bè năm xưa lạc nơi đâu
Tóc chưa xanh mà vội đã hoeen màu
Thuở ly loạn tìm nhau trong ký ức*

*Cho tôi ghé thăm trường Trần Quý Cáp
Những màu rêu gạch ngói cũ có còn chẳng
Bài thơ xưa còn đọng mãi bên thềm
Tôi vẫn viết nhưng thơ buồn hơn trước*

*Đường Hội An chưa mưa đà ngập nước
Những căn nhà lụp xụp nối vai nhau
Đình Cẩm Phô, khu Khổng Miếu Chùa Cầu
Tên nghe lạ nhưng vô cùng thân thiết*

Cho tôi ghé thăm bến đò Nam Phước
Lần cuối cùng em đến tiễn tôi đi
Giờ chia tay sao chẳng nói năng gì
Nghìn năm để buông sầu trong ánh mắt

Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quế
Đứng bên cầu chợ Đuộng nước buông xuôi
Mùa Sim lên tím rục cả lưng đồi
Hương ngậy ngát tôi mộng làm thi sĩ

Ai đứng đó bên kia bờ Giao Thủy
Khăn lụa vàng còn chít ở ngang vai
Nghiep tầm tang khuya sớm vẫn đua đòi
Nghề canh cấy chắc còn nhiều cực khổ

Trong tim tôi có một dòng máu đỏ
Sẽ có ngày chảy đến tận Câu Lô
Nước sông Thu dầu lụt lội vẫn đục ngầu
Nghe vẫn ngọt hơn bòn bon Đại Lộc

Bao giờ nhĩ tôi về thăm Đà Nẵng
Gió ngàn khơi thổi lạnh xuống sông Hàn
Bến Bạch Đằng còn chẳng chuyển đò ngang
Ngày hai buổi nói qua cầu An Hải

Em trường Nữ nay có còn trở lại
Thả thư tình trên chợ đấm con trai
Đường Hùng Vương thuở ấy thật là dài
Nhưng rất ngắn trong những chiều chung bước

Mây có phủ trên đỉnh chùa Non Nước
Mưa có buồn giăng kín bãi Tiên Sa
Về đi thôi sương xuống tận Sơn Chà
Còn chẳng nhĩ mỗi chân tình trên cát

*Rồi một thuở tôi ôm đàn đứng hát
 Bài ca buồn tiếng quốc vọng đêm khuya
 Quảng Nam ơi! Khúc ruột đã chia lìa
 Chiều viễn xứ ngâm ngùi cho Non Nước*

*Tôi đã bảo thơ tôi buồn hơn trước
 Đời lưu vong chưa hẹn bước quay về
 Câu hỏi này chỉ để hỏi tôi nghe
 Bao giờ nhĩ tôi về thăm xứ Quảng.*

Đọc xong 56 câu này đã mệt nhoài. Thế mà tôi cũng đã ngâm bài thơ này tại chùa Quan Âm ở Montreal dạo nào để gây quỹ xây dựng Tổ Đình Chúc Thánh tại Hội An. Nhon đứng đó gảy đàn cho tôi ngâm và chắc Nhon cũng chẳng bao giờ nghĩ là có ngày như vậy.

Nhon sống tình cảm sâu sắc với quê hương và đậm đà với Đạo Pháp cũng như của Dân Tộc. Do vậy hồn thơ đậm nét quê hương. Tôi có thể đọc suốt mấy ngày mấy trăm bài thơ của: Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương, Nguyễn Bính, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến hay thơ Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Lục Vân Tiên v.v... nhưng tôi chưa hề làm một bài thơ nào. Chỉ làm được một bài thơ Đường luật 8 câu đọc nhất vô nhị trong đời vào ngày 5 tháng 9 năm 2012; nhưng bài thơ này suốt đời, các độc giả cũng khó có cơ hội đọc được.

Tôi chỉ thích viết văn và đọc sách; mặc dầu văn của tôi không có gì bóng bảy chải chuốt; nhưng có tính tả chân, dễ viết; không khách sáo, rỗng tuếch và cũng chẳng cầu kỳ. Thịnh thoảng ở đâu đó ngồi nghe một người nào đó nhắc lại tư tưởng của mình qua mấy đoạn văn, cũng cảm thấy vui vui. Ví dụ như Pháp ngữ này: “Con xin nguyện mình làm dòng sông để chuyên chở những trong đục của cuộc đời và con xin nguyện làm mặt

đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế”. Câu Pháp ngữ này đã đi vào lòng người.

Đây chính là hai hạnh nguyện của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và hạnh nguyện của Ngài Địa Tạng. Cách cứu khổ của Ngài Quan Âm không phân biệt màu da, ngôn ngữ. Hành động ấy cao cả giống như dòng nước trôi xuôi, chảy bất tận vào nơi đâu cần chảy. Còn đất vốn có tính nhẫn, mà hạnh nguyện của Ngài Địa Tạng lại vô cùng; nên với tôi, đây cũng là những lời đại nguyện vậy.

Hôm đó Nhơn nghe tôi ngâm không hay; nhưng cả một tấm lòng của người con xứ Quảng đang sống xa xứ nghĩ về quê hương. Có lẽ anh ta cũng cảm động lắm. Nhiều lúc có những giọt nước mắt âm thầm được giấu sau nếp áo; nhưng nào có ai biết, ai hay. Mười năm, hai mươi năm sau gặp lại, nhắc những kỷ niệm xưa, chắc là chúng tôi không bao giờ quên hai cây đa chùa Viên Giác và bài thơ của quê hương xứ Quảng này. Mới đọc lên nghe toàn là những địa danh của xứ Quảng Nam; nhưng nghĩ cho cùng và nghe cho kỹ, nội dung bài thơ thấm thía vô cùng.

Lúc đó còn có Nhiêu và Cúc ở tận cầu Câu Lâu về đây tá túc đi học nữa; nên chùa bây giờ rất đông đúc học trò. Cô Bốn có thêm Cúc phụ nhà bếp; Thầy tôi có Nhơn và Thứ. Còn tôi, chú Đồng, chú Như Biên phụ Thầy Tư Toàn đi cúng đám và làm những công việc của chùa. Bây giờ sau hơn 40 năm nhìn lại, thấy chẳng còn ai mang hạnh nguyện độ sanh, mà tất cả đã và đang hòa tan vào trong dòng đời hư ảo ấy.

Thời gian này ở chùa Viên Giác đông đúc; nên chúng tôi thường hay họp Chúng để phân chia công việc. Mỗi người một nhiệm vụ như: Lê Hùng Anh gánh nước tưới cây; Ngô dọn cơm, cắt rau; Sơn, Nhiêu phụ rửa chén. Tôi đi công phu khuya và công phu chiều. Hôm nào bận học buổi chiều thì chú Ngô

hay Bác Thị Tâm thay thế. Thứ làm thị giả cho Thầy, lái xe đi đây đi đó. Nhon phụ những công việc tiếp khách trà nước v.v...

Trong năm này có nhiều chuyện không hay xảy ra trong chùa Viên Giác. Tôi, chú Đồng và Thứ đi tìm mọi cách để can ngăn; nhưng chúng tôi đuối lý và điều đúng, đều hay nằm nơi kẻ có quyền; nên lúc ấy tôi rất buồn, muốn tìm một giải pháp khác để thay đổi và âm thầm tìm cách rút lui khỏi chùa Viên Giác này để đi càng xa càng tốt.

Thuở ấy Thầy Tâm Thanh đang ở Sài Gòn cũng đã chẳng hay biết chuyện gì đã xảy ra ở Viên Giác Hội An cả. Còn Thứ, Nhon cũng như bao nhiêu người khác âm thầm chấp nhận và chịu đựng; nên đã chẳng có một ý kiến gì thể hiện lúc ấy cả; nhưng dẫu sao tôi cũng phải cảm ơn cho cuộc chia ly, ra đi vội vã này. Nếu không có ngày ra đi khi vừa học xong Đệ Tam Ban A ấy, có ở lại Hội An tiếp tục học cho xong Tú Tài I rồi Tú Tài II như nhiều Thầy, Cô khác thuở bấy giờ thì Nhật Bản, Âu Châu rồi Úc Châu hay Mỹ Châu vẫn còn là một chân trời xa lạ.

Hội An ơi! Ta vẫy tay chào mi.

Xa Hội An

Mỗi khúc quanh trong cuộc đời của mỗi người đều có lý do và giá trị thực tiễn của nó. Có thể điều ấy đối với mình là đúng; nhưng với kẻ khác là sai. Hoặc ngược lại đối với mình hoàn toàn sai, còn người kia lại đúng. Thật sự ra đúng và sai trong cuộc đời này chỉ là sự đối đãi mà thôi. Vì không có cái gì tuyệt đối cả và cũng chẳng có ai trong chúng ta là hiện thân của chân lý; nên phải như thế này hay như thế kia là tùy thuộc vào nhân duyên lúc ấy vậy.

Tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu sự ra đi. Có người ra đi không bao giờ trở lại. Có người ra đi vì bị áp lực này hay áp lực khác; khiến cho họ không thể tự giải quyết được và nhiều người cũng đã tìm đến cách quyên sinh; hoặc cởi áo nhà tu, trả lại cho chùa, thế là xong chuyện. Bởi lẽ cuộc đời vẫn còn tiếp diễn; cho nên những cái gì là thường của nhân thế, nó cứ thế mà biến hóa vô cùng. Ví dụ như đa phần người xuất gia, khi muốn đi tu đều do sự tự nguyện, thì bây giờ, sau khi sống với Đạo 10 năm, 20 năm hay 30 năm đi nữa, nếu có vấn đề gì đó xảy ra đối với cá nhân kia, thì chính đương sự phải tự giải quyết và không ai có thể xen vào đó để lãnh phần trách nhiệm cả. Dĩ nhiên không nhất thiết chỉ là chuyện tình cảm lem nhem, mà là áp lực của Thầy trò, của bốn đạo, của công việc, của tư tưởng v.v... Ngày xưa những quyết định như thế thường âm thầm xảy ra; vì vấn đề thông tin còn hạn chế. Ngược lại ngày

nay khi khoa học về thông tin tiến bộ, việc gì đó mới xảy ra tại đây thì khắp năm châu bốn bể đã biết rồi. Do vậy dư luận cũng sẽ là một áp lực lớn, đôi khi chỉ có tính cách một chiều, khiến ai đó tự chống đỡ không nổi nữa, thì đành phải thúc thủ mà thôi. Kể ra các vị Thầy lớn hay xa hơn nữa là Giáo Hội vẫn chưa xử lý đúng mức về vai trò của mình trong việc tư vấn cũng như giúp đỡ cho những người sa cơ lỡ bước như vậy, mà đa phần đâu phải do họ muốn. Tất cả chỉ vì bị hoàn cảnh bức bách mà thôi. Cuối cùng rồi ai có khả năng vươn lên, người ấy sống còn; nếu chẳng may bị hụt hẫng giữa đường đời, người ấy tự đi vào ngõ cụt.

Cái học bao giờ nó cũng giúp cho lý trí quyết định một cách sáng suốt; nhưng nhiều lúc cái học nó cũng chẳng giúp được gì cho ta, nếu cái đức của ta còn quá mỏng, mà nghiệp của ta còn dày, thì sự quyết định ấy nghiêng về nghiệp chứ không thể nghiêng về phía bên đức được. Tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu người đã bỏ áo nhà tu và đã tìm cách khuyên bảo đủ điều; nhưng cuối cùng rồi cũng không mạnh bằng cái ước muốn của người ấy. Điều này quan trọng vô cùng. Dấu hiệu của sự thặng dư không quan trọng, mà điều quan trọng là người ta chủ tâm làm sao cho có sự thặng dư kia. Ở đây tâm thức cũng vậy, ta làm chủ tâm; chứ ta không thể để tâm của mình bị động và khiến mình làm gì thì làm. Cái ta bây giờ là cái ta đại thể; chứ không còn là cái ta của tiểu ngã nữa.

Trong kinh Dịch có câu: cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cử. Nghĩa là cái gì đến đường cùng sẽ được thay đổi, khi thay đổi rồi, lại thông suốt. Khi đã được thông suốt rồi, ắt sẽ được lâu bền. Cuối cùng rồi cũng sẽ được lặp đi lặp lại như vậy. Do vậy mới gọi là Đòi. Đòi là một khoảng thời gian vô tận và không gian vô cùng, với bao nhiêu thiên biến vạn hóa được lặp đi lặp lại như vậy.

Trường hợp của tôi xa Hội An có lẽ vì tự thấy mình không đủ khả năng để chứng kiến những gì đang xảy ra nơi chùa Viên Giác; nên vào một buổi sáng, sau thời công phu khuya của mùa Thu năm 1969, tôi y áo vào phòng Thầy xin đi Sài Gòn để tiếp tục việc tu và việc học. Lần này Thầy chỉ im lặng và Thầy vào phòng ngủ lấy mấy ngàn đồng tặng cho người Đệ tử đi tha phương cầu học đầy thôi. Đây không phải là một hình phạt, mà cũng không phải là một phần thưởng. Vì lẽ sự ra đi này do tôi chọn lựa.

Hành trang của tuổi học trò chẳng có gì ngoài mấy quyển kinh và sách vở của nhà trường. Tôi ra Đà Nẵng lấy máy bay đi Sài Gòn và tự đón xe Lam về chùa Hưng Long ở số 298 đường Minh Mạng thuở ấy. Thật ra trước đó tôi đã nhờ Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xin cho tôi trú ngụ tại chùa Hưng Long để đi



Chùa Hưng Long tại Sài Gòn (ảnh chụp năm 2012)

học rồi; nên tôi mới mạnh dạn như vậy. Sau khi đến chùa, tôi được Hòa Thượng Thích Pháp Ý trụ trì chùa này sắp đặt cho chỗ ăn, chỗ ở và cho biết một vài việc cần thiết phải làm tại chùa trong khi ở tại đây. Mới vào Sài Gòn cái gì thấy cũng lạ. Lạ từ đèn đỏ, đèn xanh cho đến những sinh hoạt tập nập hằng ngày trong khu phố này.

Chùa Hưng Long vốn là chùa cổ, có thể sánh vai với chùa Bửu Đà và chùa Ấn Quang. Đây là những ngôi chùa do chư tôn đức từ Quảng Nam vào Sài Gòn khai sơn từ hơn 100 năm nay. Do vậy cách kiến trúc cũng theo xưa và đặc biệt tuy chùa nằm trung tâm giữa Ngã Sáu và Ngã Bảy Sài Gòn nhưng vẫn còn dùng nước giếng và cầu tiêu nhà tắm chung nhau; nhưng là loại cầu tiêu hầm. Có lẽ thành phố Sài Gòn phát triển sau sự có mặt của ngôi chùa này; nên quý Hòa Thượng trụ trì thờ trước không muốn chùa bị đô thị hóa; nên vẫn giữ theo cách xưa như vậy. Bên cạnh chánh điện, hậu Tổ, phòng tiếp khách, nhà trù và một dãy nhà Tăng được xây cao lên 3 tầng. Chính ở ngôi nhà này tôi được ở, được ăn, được tu học cho đến ngày 22 tháng 2 năm 1972 thì lên đường sang Nhật Bản du học.

Tại chùa lúc ấy ngoài hai vị chánh phó trụ trì là anh em ruột ra còn có các Thầy lớn như Thầy Quảng Cầm, Thầy Thông Cổ, Thầy Minh Nghiêm và một Đại Chúng độ 20 Thầy. Dưới bếp thì có Bà Ngoại Năm. Tuy già cả; nhưng cả chúng ai cũng thương bà. Đa phần giữ nguyên bà lo bếp núc cho chùa, họ chỉ biết có vị Sư trụ trì, còn Tăng chúng thì họ không quan tâm đến; nhưng ngoại Năm là một biệt lệ. Tăng chúng đâu có đi học về trễ, vẫn còn phần cơm để lại như thường, nếu Thầy ấy hay Chú ấy có dặn dò ngoại trước khi đi học.

Nguyên tắc căn bản của chùa này là mỗi ngày phải tụng hai thời kinh sáng chiều hoặc là sáng tối. Thời kinh sáng bắt buộc tất cả mọi người trong chùa đều phải có mặt; riêng thời

kinh tối hay chiều, Tăng chúng trong chùa có quyền chọn một trong hai thời kia. Nếu Thầy ấy hay Chú ấy có thi Tú Tài I hay Tú Tài II thì chỉ còn tụng một thời thôi. Đó là thời kinh Lăng Nghiêm buổi sáng và một trong 2 thời còn lại, có thể nghỉ để ôn bài. Nếu ai mỗi ngày chỉ tụng kinh có một thời, thì chỉ dùng cơm được một bữa, nếu ai tụng hai thời thì dùng hai bữa cơm trưa, tối đầy đủ. Nếu chẳng tụng thời nào thì bị úp chén cả ngày đó. Đây là một hình phạt tượng trưng và hầu như không bị phạt quỳ hương hay những hình thức khác như các chùa tại miền Trung. Đặc biệt Hòa Thượng trụ trì lúc nào Ngài cũng hiện diện đầy đủ trong hai thời công phu sáng và tối. Đây chính là tấm gương sáng cho tôi soi suốt cả một dặm đường dài khi hành đạo tại ngoại quốc hơn 40 năm nay.

Hòa Thượng lớn tuổi; nhưng lúc nào Ngài cũng tinh tấn dậy sớm, làm vệ sinh cá nhân xong mới bấm chuông báo thức cho Đại Chúng cả 3 tầng lầu. Thế mà Chúng vẫn im phăng phắc. Hòa Thượng cầm một cây chổi lông gà đi từ tầng 3 xuống tầng 2 rồi tầng 1, đến từng giường và từng phòng lấy chổi lông gà gõ lên mùng và nói rằng: các ông tu hành gì mà chệnh mảng vậy, đã đến giờ công phu rồi“. Thế là cả 3 tầng lầu đều trở nên sinh động, ai lo phần nấy, y áo chỉnh tề để lên chánh điện làm lễ buổi sáng. Chùa chiền tại Việt Nam có một thông lệ là dậy quá sớm. Có lẽ bị ảnh hưởng về thời tiết cũng nên. Nếu tụng trễ, mặt trời lên nhanh, nóng nực. Do vậy mà chùa nào cũng 4 giờ sáng đã động chuông u minh rồi và độ 4 giờ 30 là khởi đầu cho buổi công phu sáng. Sau đó là một khoảng thời gian trống độ 1 tiếng đồng hồ hơn, dùng để chấp tác hay học bài. Sau buổi điếm tâm là mỗi người mỗi việc. Ai đi học buổi sáng thì chuẩn bị lên đường; ai đi học buổi chiều thì làm công việc trực nhật của mình vào buổi sáng.

Ở chùa này hầu như ngày nào cũng có đám cúng. Do vậy Tăng chúng sống tương đối đầy đủ cho cái ăn, cái mặc, không

cực khổ như miền Trung và đặc biệt là trái cây. Nếu ai đó có hỏi tôi là: Thầy thích cái gì ở miền Nam này ? thì tôi không ngại ngần để trả lời rằng: „trái cây“. Trái cây miền Nam đủ loại. Loại nào cũng có, ngon tuyệt vời. Nào cam, nào bưởi, nào mận, nào chôm chôm. Những thứ này ở miền Trung chỉ có những người nào bị bệnh mới được dùng. Vì trái cây hiếm quý, đắt đỏ. Vả lại giao thông chỉ có đường hàng không, còn tàu lửa và xe hơi, hầu như không thông dụng. Sở dĩ như vậy vì những con đường thuộc miền quê Trung Việt không có an ninh.

Tiền đây tôi cũng xin mở ngoặc để ghi lại mấy dòng cho đời sau biết là tại sao tôi không ăn giá và không dùng sấu riêng. Sấu riêng đối với nhiều người là món ăn tuyệt vời đấy chứ! Nhưng riêng tôi không dùng được, vì mùi sấu riêng tôi chịu không nổi. Sở dĩ chịu không nổi vì miền Trung không có loại trái cây này. Chỉ đơn giản thế thôi và tôi không ăn nó từ xưa đến tận bây giờ. Riêng giá thì có liên quan đến đậu xanh và đây là lý do. Nguyên là chùa Phước Lâm tại Hội An, thuở tôi còn ở đó cứ tối 14 hay tối 30 là cô Năm hay chị Sắc thường nấu chè đậu xanh để cúng lễ Sám Hối. Sau khi cúng xong, chúng Diệu của chúng tôi được dùng những chén chè này; nhưng ác hại thay trong những chén chè ngọt lịm đường phèn ấy, thỉnh thoảng lại bị một vài hạt đậu xanh còn sống, sót lại; khi cắn trúng những hạt đậu này, nó có một mùi hôi kinh khủng. Từ đó tôi không ăn chè đậu xanh và cũng không ăn giá luôn. Vì lẽ mùi của giá sống cũng tương tự như mùi của hạt đậu xanh hôi, tôi nghĩ vậy. Tuy tôi không dùng hai loại này; nhưng trong chùa thì tự do, tôi không cấm, mà còn khuyên Tăng Chúng dùng nữa. Vì đó chỉ là lý do riêng của mình, làm sao cấm họ được.

Sau khi đã ổn định chỗ ở rồi, tôi hỏi thăm quý Thầy lớn hơn đang ở chùa là nên chọn trường nào để đi học. Cuối cùng tôi chọn trường Cộng Hòa ở Vườn Chuối; nơi Giáo sư Phạm

Văn Vận làm Hiệu Trưởng đề học đệ nhị tại đây niên khóa 1969-1970.

Tôi từ miền Trung vô Sài Gòn mọi cái gì cũng lạ lẫm. Từ cái đi, cái học, cái tu và nhất là đời sống văn minh của Sài Gòn khác xa miền Trung thuở ấy rất nhiều. Bạn Đạo chưa quen được bao nhiêu người, trong khi bạn Đời lại chẳng có ai. Tôi làm quen với một người tên là Phạm Nam Hải, đặc biệt anh này vẽ rất đẹp, đang học Ban A, cùng lớp đệ nhị buổi chiều với tôi, tôi làm quen với Hải chỉ đơn thuần vì quyển tập vạn vật của Hải vẽ quá đẹp. Thế rồi Hải rủ tôi đến nhà thăm trong những dịp cuối tuần và từ đó, trong chỉ một năm học thôi, mà tôi quen cả gia đình Hải cho đến ngày hôm nay, tính ra cũng đã 45 năm rồi.

Nhà Hải ở đường Trần Quang Diệu, gần đường Trương Minh Giảng. Muốn đi đến nhà Hải, từ Ngã Sáu lấy xe Lam đi hướng chợ Trương Minh Giảng là có thể đến được nhà của Hải. Tuy nhà xây trong hẻm; nhưng nhà có 3 tầng. Tầng trên dùng để thờ Phật và là nơi Hải có bàn học tại đó; bên cạnh là phòng của chị Nguyệt. Tầng dưới là phòng của ông bà Phạm Nam Vân, ba má của Hải ở cùng với các em Hải. Tầng dưới cùng là phòng khách và chỗ nghỉ của bà Cụ cùng cô Năm. Đây là một đại gia đình đang sống chung với nhau thuộc tam đại đồng đường rất hạnh phúc. Gia đình của ông bà cũng từ Bắc di cư vào Nam năm 1954, kể cho đến năm 1969 thì cũng chỉ mới 15 năm mà cơ ngơi đã khá vững vàng rồi. Ông đi làm cho tòa báo Chính Luận và trong lúc tôi đến học bài chung cùng Hải để thi Tú Tài I năm 1970 thì không thấy anh Sơn đâu; nhưng sau này ngược lại Sơn cùng gia đình của anh có liên lạc với tôi rất chặt chẽ.

Ở Đời hay Đạo gì cũng vậy, có nhiều điều mình nghĩ như vậy; nhưng nó đâu có xảy ra như vậy. Có nhiều điều mình không nghĩ và không mong đợi; nhưng nó vẫn đến như thường.

Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: „Trùng trùng duyên khởi, trùng trùng biến hiện“ là vậy.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Sơn anh của Hải, vốn là phi công đã bay ra đảo Guam và gặp vợ tại đó. Sơn có viết thư qua Nhật hỏi tôi về tin tức của gia đình. Lúc ấy gia đình của anh Sơn không có ai chạy tỵ nạn cả; ngoài anh và cô Hiền, vợ anh. Thế là chúng tôi có liên lạc với nhau từ dạo ấy. Khi đến Mỹ, tôi gửi tặng cho anh Sơn và cô Hiền mấy cây rau răm và mấy cọng rau húng của tôi trồng tại Nhật; giống này có xuất xứ từ Việt Nam; năm 1974 tôi đã mang qua trồng tại chùa Bồn Lập

(Honryuji) ở Hachioji gần Tokyo. Mãi cho đến năm 1977 khi tôi qua Đức, vẫn còn liên lạc với gia đình này và đây cũng là cái duyên để tôi đến Mỹ lần đầu tiên tại Gainesville thuộc Tiểu bang Florida Hoa Kỳ vào năm 1979. Kể từ đó gia đình anh Phạm Nam Sơn đã quy y với tôi, tôi cho Pháp danh là Thị Phước và Đỗ Ngọc Hiền pháp danh Thị Hạnh. Rồi họ thay đổi chỗ ở như White Plains gần New York hay North

TRUNG HỌC TỬ THỰC
CỘNG HÒA
335/4 Ph. thanh Giản
SÀI GÒN

Đ. T: 92.459

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỊ ĐỀ I LỤC CÁ NGUYỆT
(Niên khoá 1969-70)

Học sinh Sở Cường
Lớp 11 Ấu buổi chiều

BÀI THI	Hệ số	Điểm nhân với hệ số	HẠNG	CƯỚC CHỮ
Luận văn	2	24	13	
Giảng văn	2	36	1	
Công Dân	2	46	6	
Sinh ngữ I	1	15	8	
Sinh ngữ 2	1	09	10	
Sử Địa	2	32	13	
Lý Hoá	3	51	6	
Văn vật	3	48	13	
Tổng cộng	16	261		

Điểm trung bình 16,31 Thứ hạng 4 / 60
Lời phê của ô. Hiệu Trưởng

Saigon, ngày 24 tháng 1 năm 1970
Hiệu Trưởng
PHẠM-VĂN-VÂN


Vào Sài Gòn hơi trễ; nhưng lục cá nguyệt đầu năm đệ II tôi được xếp hạng 4 trên 60 học sinh.

Corolina; nơi đâu tôi cũng đã có liên lạc và có đến chỗ họ ở trong nhiều lần. Đặc biệt anh chị phát nguyện ăn chay trường từ lâu và con cái thì đã thành tài. Ngoài ra anh chị cũng như những người em đang hộ trì Tam Bảo một cách đặc lực trong các công việc hoằng pháp, in kinh ấn tống, đúc tượng, làm chùa v.v... đây là những công đức, mà nguyên nhân xa, chính là nhờ Phạm Nam Hải, người bạn học năm 1969-1970 thuở nào tại trường Cộng Hòa mà có được.

Thuở ấy dạy lý hóa cho chúng tôi là Giáo sư Chu Bá Tước. Ông này dạy rất hay và tôi cũng không ngờ là năm 1986 đã gặp lại gia đình Thầy tại chùa Phước Huệ ở Miami. Thế rồi từ đó lại có liên lạc với Thầy và Cô cùng gia đình cho đến ngày hôm nay. Cách đây chừng 10 năm khi Thầy và Cô dời về vùng Houston nắng ấm, tôi lại có dịp gặp gia đình Thầy tại chùa Tịnh Luật của Thầy Tịnh Trí. Thế là Thầy và Cô đã quy y Tam Bảo với tôi, tôi cho Thầy pháp danh là Thiện Phẩm và Cô với pháp danh là Thiện Tịnh. Đây thật là nhân duyên. Nếu không có cái duyên học trường Trung Học Cộng Hòa của Giáo sư Phạm Văn Vận năm ấy, thì cũng đã không có cái duyên làm Thầy ngoài đời và Đệ tử trong Đạo này. Cho nên những gì Đức Phật dạy đã không sai một mảy may nào là vậy.

Ngày xưa dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa, nếu những thanh niên dưới 18 tuổi đi thi không đậu Tú Tài thì phải nhập ngũ; ngoại trừ những người con trai một trong gia đình; hoặc những người bị bệnh tật di truyền. Do vậy các thanh niên thuở ấy phải chăm học lắm, mới đỗ đạt trong những kỳ thi này. Tất cả họ đều phải đặt hết sức lực và sự cố gắng cho chuyện học hành thi cử. Tôi và Hải đã học chung với nhau và khảo bài với nhau để xem thử việc học bài của mình đã đến đâu rồi. Bỗng nhiên có một việc xảy ra cũng vui vui, xin ghi lại nơi đây để làm kỷ niệm. Nguyên là có một cậu học sinh thật là đẹp trai tên là Thạch Quân C. vào một chiều đã đến chùa Hưng Long muốn

gặp tôi và cho tôi biết số ký danh cũng như sẽ thi tại trường Kiến Thiết. C. bảo: „có gì nhờ chú giúp đỡ, vì cùng vắn; nên ngồi gần nhau. Rủi bị trượt sẽ bị đi lính; còn chú thì có giấy hoãn dịch Tôn Giáo“ và tôi đã thực hiện trong tinh thần của Bồ Tát hạnh này. Chính năm đó Phạm Nam Hải và Thạch Quân C. đều đậu, cả hai nhà đều mừng và tặng cho tôi một cây viết cũng như đãi một lần ăn đặc biệt ở tiệm cơm chay Bồ Đề Duyên tại Chợ Lớn thưở nào. Mới đây từ Hà Nội, Thạch Quân C. có liên lạc với tôi. Hiện tại anh ta đang làm việc tại một cơ quan xuất nhập cảng đồ gốm, chắc cũng sắp về hưu rồi.

 <p>DỘI QUỐC PHÒNG NHA ĐÔNG VIÊN</p> <p>P. HOAN-DỊCH</p> <p>CHỨNG - CHỈ</p> <p>QUÂN - DỊCH</p> <p>Họ Tên: LE-CUONG</p> <p>Sinh: 28-6-49, Quang-Nam</p> <p>Thẻ căn-cước số: 01598434</p> <p>Cấp tại: Hoi-An, 9-9-69</p> <p>gia-chi: Chùa Hưng Long 298</p> <p>Mình Màng Cho Lon</p> <p>017049 QP/DV/HD2</p>	<p>TÌNH - TRẠNG QUÂN - DỊCH</p> <p>Thuộc lớp tuổi nhập-ngũ. Được tại hoãn-dịch cơ thời hạn về lý do tôn-giáo (GHPGVNTN/An-Quang)</p> <p>Cơ hiệu-lực đến: 31-7-72 (Ba mươi một tháng bảy nam một ngàn chín trăm bảy mươi hai) 24 Th.7. 1971</p> <p>K.M.C. 3567 ngày</p> <p>T.L. Thiếu-Tướng BÙI-DÌNH-DAM Giám-Đốc Nha Động-Viên</p> <p>Đại-Tá TÔN-THẤT-DÌNH Chánh-Sự-Vụ Sở Quân-Dịch</p> <p>số: <i>M. Quach</i></p>	<p>số: _____</p>
---	--	------------------

Giấy hoãn dịch vì lý do tôn giáo

Vì trường Trung Học Cộng Hòa của ông Phạm Văn Vận thưở ấy không có lớp Đệ Nhất Ban A; nên tôi và Hải đổi qua trường Trung Học Văn Học ở đường Phan Thanh Giản. Hải học buổi sáng và tôi học buổi chiều. Tại trường này có nhiều điều đặc biệt.

Điều đặc biệt đầu tiên là bà Nga vợ ông Giáo sư Trần Bích Lan làm Hiệu Trưởng; nhưng người ta biết và nói về ông Trần Bích Lan nhiều hơn là bà Nga. Ông Trần Bích Lan tức nhà

thơ Nguyên Sa thuở ấy dạy triết cho chúng tôi. Ông có một cái tật là vào lớp vẫn đội mũ; học trò chưa hỏi tại sao thì ông bảo rằng: bệnh cao máu không thể đi đầu trần được, mặc đầu ở trong lớp học và tiếp đến ông ta hỏi liền chúng tôi khi mới lần đầu tiên vào lớp là:

- Các anh chị học triết. Vậy triết là gì vậy ?

Cả lớp chưa có ai giơ tay thì Thầy tự trả lời rằng:

- Triết là những gì người ta chẳng hiểu khi nói ra. Ấy gọi là triết học.

Cả lớp ồ lên thật lớn và Thầy bảo im ngay. Nói vậy không đúng sao mà cười.

Kỷ niệm cả năm học triết với Thầy Trần Bích Lan nào Tam Đoạn Luận rồi Nhị Nguyên Luận... chúng tôi chẳng còn nhớ gì nhiều; ngoại trừ cái ấn tượng lúc ban đầu kia.

Vì là Ban A nên chúng tôi phải học bài tử, và phải học thuộc lòng. Do vậy các Ban khác gọi chúng tôi là ban „gạo“. Gạo ở đây có nghĩa là gạo bài. Học vụn vặt, chúng tôi phải học thuộc lòng như tụng kinh Lăng Nghiêm, vậy mới mong đỡ đạt.

Đặc biệt thứ hai là chúng tôi học trực tiếp với Giáo sư Đỗ Danh Tâm. Ông ta là một nhà vụn vặt học danh tiếng đương thời, vừa là Thầy giáo vừa là tác giả cuốn sách vụn vặt đệ nhất mà chúng tôi đang học thuở bấy giờ. Thầy người nhỏ thó, ăn nói nhỏ nhẹ, đeo kính cận. Cả lớp ai cũng mến cái phong vị của Thầy. Thật ra làm Thầy của lũ học trò Trung Học không có dễ. Nếu thánh chúng yên lặng ngồi nghe thì tốt. Nếu không, chúng sẽ tìm mọi cách để tẩu chay.

Điều đặc biệt thứ ba trong năm học cuối cùng của bậc Trung Học này là tôi có 3 người bạn thân. Đó là Ngô Lương Kim, Hiếu và Phúc. Cả 3 người này đã là những Dục sĩ nổi

tiếng đương thời và họ cũng là người sắp về hưu nay mai và những Dược phòng tại Sài Gòn, Long Hải, Cần Thơ sẽ do con cái của họ đảm trách.

Ngô Lương Kim thuở ấy chưa là Phật Tử thuần thành; nhưng sau này tôi được biết con của Kim cũng đã xuất gia với Hòa Thượng Thích Thanh Từ tại Tu Viện Thường Chiếu. Còn hai vợ chồng cũng đang lo con đường tu niệm khi tuổi về già; hoặc xuất gia hoặc tại gia khi không còn làm việc nữa. Thật ra cuộc đời này mấy ai biết được chữ „ngờ“ là vậy. Từ kinh nghiệm bản thân cho đến ngoài xã hội; trong Đạo lẫn ngoài Đời tôi hay quán hai chữ „như thị“ là vậy. Nghĩa là cái gì đến cứ để cho nó đến, cái gì đi hãy để cho nó ra đi. Không bận tâm, không vướng mắc. Đây là hạnh xả ly mà ai trong chúng ta cũng cần lưu tâm đến để thực hành.

Ngày ấy thi Tú Tài I chỉ một lần; còn thi Tú Tài II được 2 lần và mỗi lần cách nhau trong một tháng. Nghĩa là thi Tú Tài II kỳ đầu xảy ra trước kỳ thi Tú Tài I nửa tháng và nếu ai đó thi rớt kỳ I của kỳ Tú Tài II thì sẽ được thi lại kỳ II sau một tháng của kỳ I và sau nửa tháng của kỳ thi Tú Tài I. Như vậy đây là cơ hội để cho những sĩ tử có cơ duyên làm lại cuộc đời. Nếu không thì công quân trường đang chờ đợi họ. Được biết năm ấy có Phạm Nam Hải và Thạch Quân C. đều rớt Tú Tài II nên phải ghi tên nhập ngũ và từ đó chúng tôi chẳng có cơ hội gặp lại nhau.

Thi Tú Tài II kỳ một, tôi thi tại trường Kỳ Đồng và xem bảng kết quả tại trường Gia Long. Khi đi thi cũng như khi xem kết quả, Hòa Thượng trụ trì hỏi tôi là tại sao không đi xem bảng? Tôi trả lời rằng: Con nghĩ là con đủ điểm để đậu thì đâu có cần đi xem bảng làm gì! Thế nhưng thấy người đi, mình cũng đi. Khi đến trước Trường Nữ Trung Học Gia Long xem bảng dò từ vắn A đến vắn C, có một khoảng trống không có vắn

C, tôi cũng đâm lo; nhưng cuối cùng rồi tên mình vẫn nằm đó. Thế là buông xả được không biết bao nhiêu là gánh nặng trên hai vai với Đạo Đòi hai ngã. Trong khi những thí sinh xem không thấy tên mình thì tui nghỉu và chờ kỳ thi đợt II trong một tháng nữa.

Về lại chùa Hưng Long, tôi báo tin vui cho Hòa Thượng Pháp Ý và tiếp đó đạp xe đạp lên báo tin cho Hòa Thượng Bảo Lạc ở Lưu Học xá Huyền Trang; nằm ở Hương Lộ 14 Phú Thọ, gần Trường Đua. Thuở ấy chùa không có số điện thoại, mặc dầu Sài Gòn là một thành phố văn minh nhất nước; nên sự liên lạc có phần chậm trễ. Hình như Sư Phụ của tôi cũng nghe tin qua người khác, chứ không phải chính thức từ tôi báo về.

Trong thời gian ở Sài Gòn từ năm 1969 đến đầu năm 1972, tôi hay lui tới chùa Ân Quang ở 243 đường Sư Vạn Hạnh, Chợ Lớn, để xem phòng phát hành kinh sách. Đến Phật Học Viện Huệ Nghiêm ở gần nơi Hòa Đồng Tôn Giáo để thăm cơ sở của Giáo Hội đã một thời đào tạo không biết bao nhiêu vị Thầy danh tiếng qua sự giáo dưỡng của Hòa Thượng Thích Bửu Huệ, Hòa Thượng Thích Thiện Tâm và Hòa Thượng Thích Thanh Từ; trong đó có Hòa Thượng Thích Tâm Thanh, là Sư huynh của tôi, đã xuất gia tại chùa Tỉnh Hội Quảng Nam với Thầy tôi vào cuối năm 1963 và sau đó Thầy tôi gởi Thầy Tâm Thanh vào Phật Học Viện Huệ Nghiêm tu học và Thầy là một trong những người trở thành giảng sư đầu tiên của Viện này.

Hòa Thượng Thích Như Tín, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và quý Thầy khác như Thầy Ngô Hạnh, Thầy Quảng Hạo v.v... thuộc chúng Huyền Trang của Phật Học Viện Huệ Nghiêm vừa học Phật học và vừa học thế học, sau khi tốt nghiệp tại đây, quý Thầy chúng Huyền Trang được sự đỡ đầu của Hòa Thượng Thích Huyền Quang nên quý Thầy đã lập nên Lưu Học Xá Huyền Trang để tiếp tục đi dạy học tại các trường

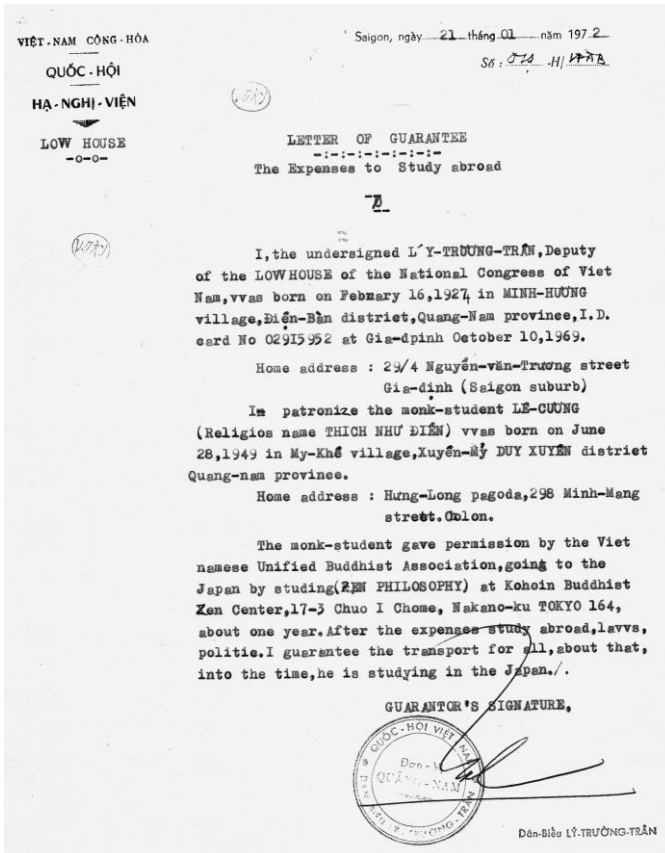
Bồ Đề và một số quý Thầy khác tiếp tục học lên Đại Học như Thầy Thiện Trí, Thầy Bảo Lạc v.v...

Nơi đây tôi cũng đã lui tới nhiều lần và lần này đến báo tin cho Hòa Thượng Bảo Lạc vui cũng như nhờ Thầy giới thiệu với Thầy Lâm Như Tạng, đang du học ở Nhật, mà trước đây cũng là Tăng Sĩ cũ của Phật Học Viện Huệ Nghiêm. Thầy Bảo Lạc nhận lời ngay và trong thời gian một tháng giữa năm 1971, tôi đã nhận được thư phúc đáp của Thầy Như Tạng gửi từ Nhật Bản về chùa Hưng Long tại Sài Gòn. Lòng mừng khắp khởi. Vì lẽ con đường tương lai đã rộng mở.

Ngay lúc ấy có hai việc để làm. Việc thứ nhất là ghi tên ở Đại Học Khoa học và tôi muốn theo Ban A tiếp tục nên chọn học Chứng Chỉ **SPCN**; nếu trong trường hợp giấy tờ đi du học chưa được, thì theo học phân khoa này. Khi ghi tên thử ấy, tôi thấy có cả Ngô Lương Kim, Hiếu và Phúc là bạn học cũ năm nào của trường Văn Học cũng ghi tên ở bàn ghi danh kế cận. Thật ra trước đó tôi đã viết một thư bằng tiếng Pháp gửi sang chùa Buddhistisches Haus ở Frohonau Berlin để xin Visa vào Đức du học cũng như xin ở chùa này và họ cũng đã trả lời lại một thư bằng tiếng Pháp là chùa không có khả năng tài chánh. Thật ra tôi cũng đã đến Nha Du Học để xin đi Đức; nhưng tuổi cao hơn bình thường, vì lẽ tôi tốn đến gần 3 năm đi học nghề trước khi đi xuất gia; cho nên tốt nghiệp Tú Tài II ở vào tuổi 22 là tuổi không nằm trong quy định của Bộ. Từ đó tôi mới dò thử qua con đường Tôn Giáo; nhưng cuối cùng vẫn không được chấp nhận.

Bên phía Việt Nam Cộng Hòa thì phải có Tú Tài II của Bộ Giáo Dục; một phiếu lý lịch số 3 không phạm pháp và một giấy bảo lãnh của người có khả năng cung cấp tài chánh suốt trong thời kỳ du học tại Nhật; mặc dầu tôi đã được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tỉnh Quảng Nam là Hòa

Thượng Thích Trí Giác và Sư Phụ của tôi bảo đảm cho học bổng mỗi tháng độ 30 đến 50 US\$; nhưng chính quyền họ không chịu. Cuối cùng tôi đã nhờ đến ông Dân Biểu Lý Trường Trân, Dân biểu đối lập ở Hạ Nghị Viện, vốn là anh ruột của Sư Phụ tôi, đứng ra làm giấy bảo lãnh tài chánh này.



Giấy bảo lãnh tài chánh của ông Dân Biểu Lý Trường Trân

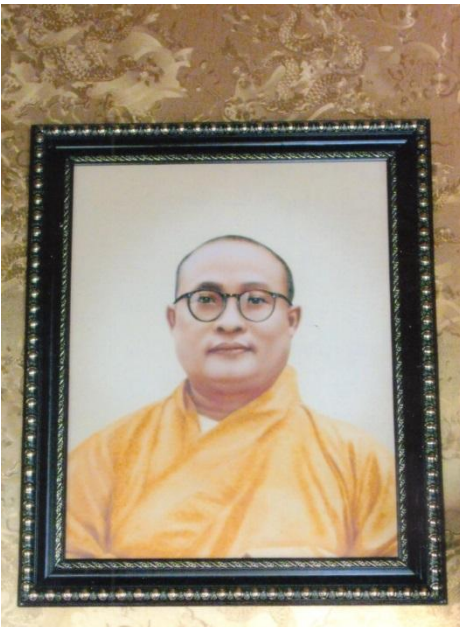
Phản Giáo Hội, phải có giấy chứng nhận học Đạo và việc này Phật Học Viện Huệ Nghiêm đã chứng nhận với chữ ký của Hòa Thượng Thích Minh Châu vốn là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa Giáo Dục của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Thống Nhất lúc bấy giờ. Chừng ấy giấy tờ vẫn chưa đủ, tôi phải đến chùa Ấn Quang để xin Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Thiện Hoa làm giấy miễn ký quỹ hồi hương cũng như giấy giới thiệu của Giáo Hội. Tất cả những giấy tờ này ngày nay tôi vẫn còn giữ.

Hòa Thượng Viện Trưởng hỏi tôi rằng:

- Tôi nghe nói ở Nhật hoa Anh Đào đẹp lắm phải không?
- Bạch Thầy, con đi du học xong rồi con sẽ về.

Thầy nhìn tôi cười và bảo hãy xuống văn phòng để Hòa Thượng Thích Huyền Quang làm giấy chứng nhận để gởi lên Bộ Giáo Dục và Bộ Nội Vụ.

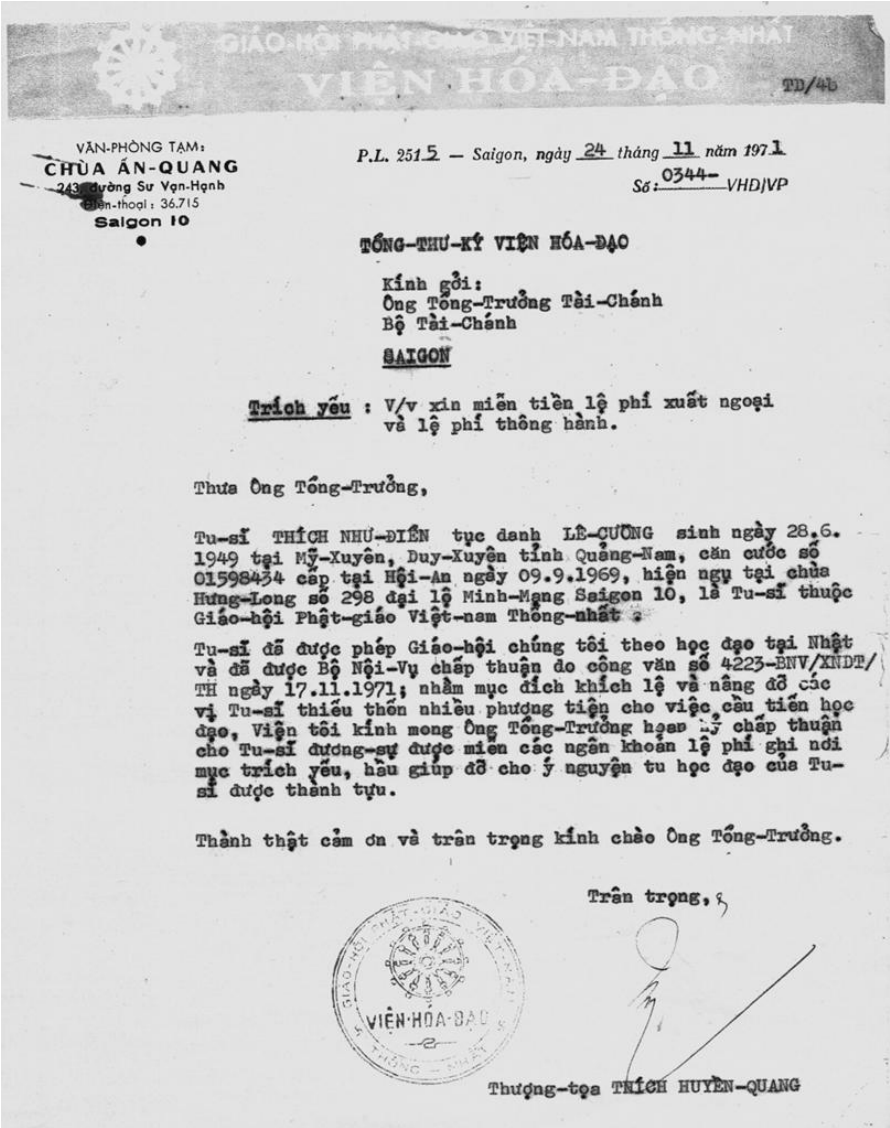


Di ảnh của Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN từ năm 1966-1973 thờ tại chùa Ấn Quang Sài Gòn (ảnh chụp 2012)

Câu trả lời của tôi không biết có đúng ý của Hòa Thượng không; nhưng đến năm 1973 thì Hòa Thượng đã viên tịch trong khi tôi ở Nhật. Với tuổi đời chưa đến 60, là một vị Viện Trưởng có đức tu và đức nhiếp hóa đồ chúng cho đến nay, chưa có người nào sánh kịp.

Câu trả lời của tôi cho đến nay vẫn còn chưa thực hiện được là chưa về nước để phục vụ cho Giáo Hội, mặc dầu cái học căn bản ở Đại Học cũng đã xong. Nhiều lúc nghĩ vậy, mà không phải vậy. Có nhiều việc đã nằm trong tầm tay

thực sự; nhưng cuối cùng rồi đầu cũng chổng vào đầu cả.



Giấy xin miễn lệ phí của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN gửi Bộ Tài Chánh.

Còn một điều nữa cũng khá quan trọng; đó là vấn đề thọ giới Tỳ Kheo của tôi. Sư Phụ tôi biết rằng: Trước sau gì tôi cũng xa quê; nên Người khuyên rằng năm 1970 từ Sài Gòn nên về Đà Nẵng để thọ giới đàn Vĩnh Gia năm ấy; nhưng tôi lấy cớ là đang thi Tú Tài I rất bận. Cuối cùng cơ hội ấy đã qua đi; mãi cho đến năm 1971, Tu Viện Quảng Đức tại Thủ Đức của Hòa Thượng Thích Quảng Liên có tổ chức Đại Giới Đàn, tôi mới có cơ hội làm đơn để cầu xin thọ Đại Giới.

Khoảng tháng 11 năm 1971 tôi đến Tu Viện Quảng Đức ở Thủ Đức. Lúc ấy Hòa Thượng Thích Quảng Liên còn làm Hiệu Trưởng trường Bồ Đề Sài Gòn (Nguyễn Văn Khuê cũ). Ngài làm Trưởng Ban Kiến Đàn. Hòa Thượng Thích Trí Thủ

GIÁO - HỘI PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM THÔNG - NHẬT

GIỚI - ĐÀN TỖ - KHEO


Tổ chức tại TU- VIỆN QUẢNG- ĐỨC – Thủ-Đức Tỉnh Gia-Định
(P. L. 2515 ngày rằm tháng Tám năm Tân Hợi (3 - 10 - 71))

GIỚI - TỬ :	THẬP - SƯ :
Tên họ <u>LÊ - CHƯỜNG</u>	Hòa-Thượng đàn đầu <u>Thích Tâm-Như(Trí-Thủ)</u>
Pháp danh <u>Như-Điền</u>	Yết-ma A-Xà-Lê <u>Thích Phước-Bình</u>
Pháp hiệu <u>Giải-Minh.</u>	Giáo-Thọ A-Xà-Lê <u>Thích Hưng-Sơn</u>
Ngày sanh <u>năm 1949</u>	Tôn-chúng Tăng-già I <u>TT. Thích Thiện-Tường</u>
Chánh Quán <u>Quảng Nam</u>	Tôn-chúng Tăng-già II <u>TT. Thích Trí-Đức</u>
Hiện trú <u>Chùa Hưng Long, Saigon</u>	Tôn-chúng Tăng-già III <u>TT. Thích Tác-Nghi</u>
Bổn - Sư <u>Đại-Đức Thích Long-Trí</u>	Tôn-chúng Tăng-già IV <u>TT. Thích Huệ-Hưng</u>
	Tôn-chúng Tăng-già V <u>TT. Thích Bửu-Hộ</u>
	Tôn-chúng Tăng-già VI <u>TT. Thích Thiên-Dịnh</u>
	Tôn-chúng Tăng-già VII <u>TT. Thích Thiện-Thanh</u>

Chứng khản

Saigon, ngày 20 tháng 11 năm 1971

T. U. N. Viện Tăng - Thống
TỔNG ỦY-VIÊN TỔNG-VỤ TĂNG SỰ



VIỆN CHỦ TU-VIỆN QUẢNG-ĐỨC

Thượng-Tọa QUẢNG-LIÊN

Chứng điệp thọ giới Tỳ kheo năm 1971

làm Đàn Đầu Hòa Thượng, Hòa Thượng Thích Hành Trụ làm Tuyên luật sư và các vị Danh Tăng tại Sài Gòn, Gia Định nằm trong Hội Đồng Thập Sư trong đó có Hòa Thượng Thích Thiên Định làm Tôn Chứng. Giới tử quy tụ cả trên 300 Tăng Ni và đến đây để xin thọ các giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni.

Ngày nay Trung Hoa, Đại Hàn và Việt Nam đều căn cứ theo Luật Tứ Phần để truyền trao giới pháp. Nghĩa là một giới đàn đúng nghĩa phải có Tam Sư và Thất Chứng. Đó là Đàn Đầu Hòa Thượng, Yết Ma và Giáo Thọ A Xà Lê. Còn 7 vị kia làm Tôn chứng sư. Trên thực tế một giới đàn như thế ngày nay không còn tồn tại ở Nhật Bản nữa. Vì đa phần chư Tăng Nhật Bản chỉ thọ Bồ Tát Giới, chứ không thọ Tỳ Kheo. Trong khi đó các giới đàn ở các xứ Phật Giáo Nam Tông lại tổ chức khác hơn các xứ theo Bắc Tông.

Cách đây 10 năm tôi có dịch một tác phẩm tên là: „Nghiên Cứu Giáo Đoàn Phật Giáo Thời Nguyên Thủy“ từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và tiếng Đức; trong đó tác giả của sách này đã nghiên cứu cách thọ giới ngày xưa rất tường tận và chia ra ít nhất là 10 kiểu thọ giới khác nhau như:

1) Tự thọ giới. Đó là trường hợp của Đức Phật. Do Ngài tự làm sáng giới thể và giới tánh; nên Ngài đã thành Phật, không ai truyền giới tướng Tỳ Kheo cho Ngài cả.

2) Thiện Lai Tỳ Khiêu. Tức là những vị đã đầy đủ giới đức trang nghiêm, khi gặp Đức Phật, Ngài chỉ cần nói như vậy thì tóc trên đầu các Ngài rụng xuống và trở thành tướng của một vị Tỳ Kheo.

3) Quy y Tam Bảo để trở thành Tỳ Kheo. Có những vị trí tuệ tuyệt vời. Chỉ cần nói: Con xin quy y Phật, con xin quy y Pháp, con xin quy y Tăng, tự nhiên trở thành bản thể thanh tịnh của một vị Tỳ Kheo.

4) Tam Sư Thất Chứng. Như trường hợp ở trên đã rõ.

5) Tam Sư Ngũ Chứng. Nghĩa là cần 5 vị Tôn chứng sư là đủ.

6) Tam Sư Nhị Chứng. Đó là 3 vị Đàn Đầu Hòa Thượng, Yết Ma và Giáo Thọ và 2 vị Tôn chứng Tăng Già. Trong luật dạy rằng: Ở những nơi biên địa, không đủ chư Tăng, có thể cho thọ Tỳ Kheo với Tam Sư Nhị Chứng.

7) Thọ Phương Trượng. Nghĩa là một Thầy một trò. Vì việc gấp rút phải đi xa hay chiến tranh; giữa Thầy trò có thể truyền giới Tỳ Kheo cho nhau. Nếu vị Thầy thấy người học trò, Đệ tử ấy nên lãnh giới pháp của Phật để hành trì.

8)... 9)... 10)....

Nghĩa là có nhiều cách khác nhau để trở thành hình tướng của một vị Tỳ Kheo. Sau lễ thọ Tỳ Kheo thì phải thọ Bồ Tát giới xuất gia và sau đó có nhiều vị thọ „tán hương“ trên đầu để cúng dường chư Phật và chư vị Bồ Tát. Phần tôi sau phần khảo hạch kinh, luật, luận đã được Hội Đồng chấm điểm cho điểm cao nên đề nghị được đại diện các giới tử để tác bạch xin lễ trong Đại Giới ấy. Chỉ riêng việc „tán hương“ cúng dường tôi không thọ nhận. Vì lẽ tôi đang chuẩn bị thi Tú Tài II, cũng như sắp đi học xa, sợ „tán hương“ xong không biết có gì trục trặc xảy ra cho đầu óc của mình không; nên tôi xin phép Hội Đồng khảo thí được miễn khâu này. Vì vậy ngày nay một số quý Phật Tử có thể thấy trên đầu của chư Tăng, Ni tại sao có vị lại có 3 dấu chấm tàn nhang, mà có vị lại chẳng có. Ngày nay thì ít còn giới đàn nào làm lễ „tán hương“ này nữa; nhất là ở ngoại quốc này, nếu có chuyện gì xảy ra thì Bộ Y Tế họ cho rằng: mình tự hủy hoại thân thể, đâu có ai biết rằng đây là hình thức cúng dường chư Phật đã có từ ngàn xưa như trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 23 về Ngài Dược Vương và Ngài Dược Thượng Bồ Tát đã thiêu thân cúng dường rồi.

Ngày xưa người Đệ tử ít tự nguyện xin đi thọ giới, nhất là thọ giới Tỳ Kheo. Vì tự nghĩ rằng mình còn nhỏ, chờ cho khi nào kinh, luật, luận vững vàng rồi mới thọ. Cho nên Thầy Bôn Su bảo năm lần bảy lượt, lúc ấy mới chịu nghe theo. Chẳng bằng với bây giờ, Tăng Ni ở ngoại quốc này mới vào chùa đôi ba năm, việc hành Diệu chưa xong, đã xin phép Thầy Bôn Su cho đi thọ giới lớn; nếu ở đâu đó có tổ chức giới đàn.

Trên nguyên tắc một Tỳ Kheo tuổi phải đủ 20 mới được lãnh thọ giới; nhưng cũng có nhiều trường hợp không cần đủ như vậy. Ví dụ trường hợp ông Tô Đà Di mới 8 tuổi, Phật đã cho thọ giới Tỳ Kheo. Khi ông đến trước Phật, quỳ lạy đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, Phật dạy ngồi và hỏi:

- Ông từ đâu đến ?

- Bạch Thế Tôn! Ba cõi chẳng đâu là nhà của con cả.

Chỉ một câu trả lời như thế thôi, so ra người già 80 tuổi chắc gì đã liễu ngộ. Do vậy Đức Phật đã cho ông làm Tỳ Kheo ngay.

Trường hợp khác, nếu có đứa bé nào đó khi sinh ra đã được ở trong chùa và xuất gia tu học đến 18 tuổi, bước sang 19 tuổi, mặc dầu tuổi chưa đủ 20 vẫn được thọ giới Tỳ Kheo. Lý do là Đồng Tử này đã ở chùa từ nhỏ. Mỗi năm được tính thêm một tháng. Mười tám năm được tính cộng thêm 18 tháng tuổi nữa; tức gần đủ 20 tuổi. Những người như thế vẫn được thọ giới. Hoặc giả những người thông minh trí tuệ được thọ „Tam Đàn Cụ Túc“ cùng một lúc. Tức là buổi sáng thọ giới Sa Di, buổi chiều thọ giới Tỳ Kheo và buổi tối thọ giới Bồ Tát.

Tất cả những quy luật này đều do Phật chế. Ngay cả vị Tổ cũng không ai được quyền chế ra luật này và ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 ngày nay, Ngài cũng đã không làm việc đó. Ngày xưa chư Tổ tại Trung Hoa và Việt Nam có chế ra như:

Thiền Môn Quy Củ, Bách Trượng Thanh Quy, hay những điều lệ cho Tăng Chúng; nhưng tuyệt nhiên giới và luật thì không. Chúng ta nên lưu ý về vấn đề này.

Thọ giới Tỳ Kheo xong, có chứng điệp thọ giới đem nộp lên Tổng Vụ Tăng Sự tại chùa Ấn Quang để được chứng nhận. Phía bên Việt Nam cả Đạo lẫn Đời xem như giấy tờ tạm xong, còn chờ giấy bên Nhật gửi về, khi ấy mới chính thức nộp đơn xin đi du học tại Bộ Giáo Dục được.

Từ Nhật, Thầy Như Tạng đã liên lạc được với ông Ký giả Akiyama Testsu và nhờ ông ta làm giấy bảo lãnh cho tôi những việc, trong khi tôi du học tại Nhật về mọi hành vi liên quan đến luật pháp và tài chánh. Thật sự ra, đây là một đòi hỏi quá đáng cho tất cả sinh viên Việt Nam du học tại Nhật thuở bấy giờ. Trong khi đó phía Việt Nam thuở ấy ông Ngô Khắc Tỉnh làm Bộ Trưởng Giáo Dục, ông ta khuyến khích và chấp nhận một cách dễ dàng cho những sinh viên muốn đi du học ở Nhật khi đã đầy đủ giấy tờ.

Ơn này tôi luôn nhớ. Vì nếu không có Thầy Như Tạng chạy cho hai giấy này thì tôi khó mà có cơ hội sang Nhật được. Giấy thứ hai, Thầy Như Tạng nhờ Thầy Minh Tâm đến Thiền Sư Sogen Omori ở Shibuya chứng nhận dùm. Thuở ấy Hòa Thượng Minh Tâm có qua lại quen biết với Thiền Sư này; nên tôi đã nhận được giấy bảo trợ ngay. Ngài lúc ấy làm Viện Trưởng Viện Đại Học Phật Giáo Hanazono thuộc Lâm Tế Tông tại Kyoto. Một người võ sĩ đạo và đồng thời là một Tăng Sĩ Thiền Sư rất có quyền thế với các chính khách Nhật Bản lúc đương thời.

昭和 51 年 1 月 16 日

法務大臣殿

横浜市緑区奈良町 2743

秋山 哲

ベトナム人 Le Cuong 氏
に南米身元保証書

Le Cuong 氏に同じ。下記の宛て保証します。

言

1. 日本滞在中の生活費及び帰国旅費を負担します。
2. 日本滞在中は、日本国の公衆の負担とならぬ援助、もしくは保護は一切を受けません。
3. 日本滞在中は、日本国の法令を遵守せしめようとする。その他の身元一切の責任を担います。

以上

毎日新聞社 (株)

50.5 ⑤

Giấy bảo trợ của ông Akiyama từ Nhật gửi về

Tùng tá giấy tờ ấy tôi phải chạy về Đà Nẵng để xin phiếu lý lịch số 3, chạy vô Sài Gòn để làm những giấy tờ cần thiết. Rồi liên lạc qua Tokyo bằng thư từ với Thầy Như Tạng để hỏi thăm hồ sơ đã đến đâu rồi. Tất bật chỉ một mình. Thế rồi một ngày đẹp trời cuối năm 1971, tôi đã có tên đi xuất ngoại được đăng

tải ở Bộ Nội Vụ gần Bureau Điện Trung Ương Sài Gòn. Nổi mừng vui nào tả hết được khi trong tay đã có Passport xanh lá cây của Việt Nam Cộng Hòa cấp. Thế là tôi tức tốc để làm những chuyện còn lại như: lo vé máy bay, về thăm quê, báo tin cho bạn bè, từ giã những người thân v.v...

Xa Hội An trong tế nhị; bây giờ trở lại Hội An đã là ông Tú và nay mai xa quê hương đất nước để đi du học Nhật Bản. Chỉ chừng ấy thôi, tôi thấy cũng đã không cô phụ bởi chính mình, mà cũng chẳng biết rằng những khó nhọc gì còn chờ đợi mình trong tương lai nữa.

Lần này tôi về lại Hội An đã có y áo Tỳ Kheo để đánh lễ Sư Phụ và tạ ân Thầy. Đồng thời cũng cảm ơn Thầy đã giới thiệu với ông Lý Trường Trân, Dân Biểu Hạ Nghị Viện làm giấy bảo lãnh; cho nên Bộ Nội Vụ mới cho đi một cách dễ dàng như vậy. Kế tiếp là vấn đề tài chánh. Tôi thưa Thầy như chi đề mà thưa. Vì biết rằng kinh tế của chùa lúc ấy chẳng có gì cả, chỉ ngoài khoai bắp thường nhật. Thầy lặng lẽ bảo rằng: Hãy vào lại Sài Gòn đi; trước ngày lên đường Thầy sẽ vào và tài chánh nếu kẹt, chạy qua hỏi Tâm Thanh chạy giúp cho. Ngoài ra tôi cũng đánh lễ tạ ơn Thầy đã có liên hệ với ông Tô Văn Tám; người có con gái là Tô Ngọc Yến đang du học tại Nhật thuở ấy, giới thiệu cho ông Ký giả Akiyama. Nếu không, tôi đã chẳng có cơ hội này. Sợi dây thân tình chỉ là một giấy bảo lãnh, mà vào tháng 11 năm 2012 này sau hơn 40 năm ông bà Akiyama vẫn đến thăm tôi, khi tôi và Phái đoàn Phật Tử 85 người đến từ 14 quốc gia tại Âu Mỹ để tham dự lễ Khánh thành Chùa Việt Nam của Hòa Thượng Thích Minh Tuyên tại tỉnh Kanagawaken, gần Tokyo vừa qua. Đúng là tình người muôn thuở !

Lúc ấy tôi đi đến các chùa Tổ như Phước Lâm, Chúc Thánh, Vạn Đức để đánh lễ tạ ơn cũng như đến chùa Long Tuyên, Tinh Hội, Bảo Thắng để báo tin mừng. Đồng thời nhân

cơ hội này tôi cũng về thăm quê; nơi còn cha già ở lại đó để chăm sóc nhà cửa và vườn tược; trong khi các anh chị tôi và các cháu đã dời ra gần Đà Nẵng ở tạm trong những căn nhà mới cất thật chật chội vô cùng.

Người đi thì bao giờ cũng vui, vì đã có mục đích. Còn kẻ ở lại, vì nhiều lý do khác nhau, họ phải tồn tại nơi chôn nhau cắt rún ấy. Mới trông như là những điều nghịch lý; nhưng đó là một bức tranh tương tức của cuộc đời. Vì cái này sinh thì cái kia sinh. Cái này diệt thì cái kia sẽ diệt. Dòng đời là một sự biến ảo lạ lùng, không ai biết được rồi ngày mai sẽ ra sao. Chỉ có thể biết rằng trong hiện tại ta phải làm gì để ngày mai như thế nào, thì điều ấy có thể.

Tôi trở vào Sài Gòn trong niềm vui và chỉ còn mấy tháng nữa sẽ đi; nhưng cũng ghi danh đi học Nhật ngữ tại Trung tâm Triều Dương Nhật Ngữ cho một khóa đàm thoại vỡ lòng để làm vốn liếng trước khi bước sang xứ sương mù tuyết phủ vào Đông và hoa Anh Đào sẽ nở rộ vào mùa Xuân ấy.

Tạm biệt Sài Gòn

Bao nhiêu chờ đợi, bấy nhiêu ngóng trông, rồi ngày ấy cũng phải đến. Có nhiều việc đến bất chợt, có nhiều khi đến một cách hững hờ, mà cũng có lắm việc dự định sẵn sàng; nhưng lại không đến. Người xưa nói: „Mưu sự tại nhân thành sự tại thiên“ là vậy. Con người có thể vạch ra mọi phương cách, đường hướng, chủ đích; nhưng sự thành tựu ấy không phải chỉ riêng có con người quyết định được, mà phải qua yếu tố thứ ba. Đó là tha lực, là phước đức, là hậu báo, dư báo của mỗi người.

Khoảng thời gian này gần Tết Nhâm Tý nên các hãng máy bay lúc nào cũng đầy khách; cho nên tôi chọn qua Tết hãy đi. Lúc ấy thành thơ hơn, và lại xa quê chưa biết bao lâu, ở lại Việt Nam ăn thêm một cái Tết nữa để vui vẻ với các bạn đồng đạo. Tiền vé máy bay thì Thầy Bảo Lạc cho. Tiền túi đã có quý Phật Tử lo, chỉ có tiền học, đang chờ đợi Sư Phụ từ quê vào; nếu Sư Phụ không vào được, sẽ đến nhờ Thầy Tâm Thanh ở chùa Phổ Hiền tại Ngã Tư Bảy Hiền giúp đỡ. Lúc ấy Air Vietnam có đường bay dài nhất cũng chỉ mới đến Tokyo, hầu hết là bay quanh Đông Nam Á, chứ chưa vươn ra khắp ngoại quốc. Từ ngoại quốc đến có hãng PANAM của Mỹ; ngoài ra rất ít thấy máy bay Âu Mỹ đáp tại sân bay Tân Sơn Nhất lúc bấy giờ. Muốn đi từ Sài Gòn đến Tokyo phải dừng hai nơi để đón khách. Đó là Hồng Kông và Đài Bắc. Từ Sài Gòn bay đến phi

trường Haneda độ 8 tiếng đồng hồ, kể cả 2 lần nghỉ ở hai phi trường trên.

Tối ngày 21 tháng 2 năm 1972 có một số bạn học cũ như Nguyễn Thông, Ngô Lương Kim, Lương Văn Bé, Thạch Quân C. đến chùa ở lại và đến sáng ngày hôm sau 22 tháng 2 năm 1972 nhằm ngày mồng 8 tháng giêng năm Nhâm Tý có Hòa Thượng Bảo Lạc, Hòa Thượng Như Tín, Thầy Quảng Hạo, Thầy Ngô Hạnh cùng một số quý Thầy và quý Phật Tử từ Lưu Học xá Huyền Trang đến chùa Hưng Long để đưa đi. Bên chư Ni thì có Ni Sư Như Viên, Ni Sư Huệ An và một vài Ni Sư quen biết khác. Phía gia đình thì có anh Hồ Đấu cũng như anh em bên ngoại và bên bạn học Đời có thêm Hiếu, Phúc, Hùng cũng đã đến sân bay Tân Sơn Nhất để tiễn đưa. Vì Thầy tôi vào không được; cho nên Sư Huynh Thích Tâm Thanh đến thay thế tiễn biệt tôi lên đường và cũng mang sứ mệnh của Sư Phụ đến. Ngày ấy Thầy Tâm Thanh tặng cho tôi một tờ giấy bạc 20 đồng của Việt Nam Cộng Hòa còn mới tinh; nay Thầy Tâm Thanh đã quá vắng; nhưng tờ giấy bạc ấy tôi vẫn còn trân quý gìn giữ bên mình. Rõ ràng tôi là con người sống nhiều với kỷ niệm, dầu cho kỷ niệm ấy lớn hay nhỏ, trước sau gì tôi cũng ghi vào lòng hay giữ lại đâu đó để lâu lâu nhìn lại món đồ, biết là ai đã tặng cho mình và người ấy bây giờ có còn không ? Ở đâu và đi đâu ? v.v...

Ngày xưa tôi hay tích tụ cả hàng ngàn lá thư như vậy; nhưng 2 năm rồi (2011) khi Thầy Hạnh Giới cho dọn phòng của tôi cho gọn gàng hơn, thì những thư từ ấy và những đồ vật không cần thiết tôi đã cho hỏa thiêu tất cả. Bây giờ những gì của đất trời, xin trả lại cho trời đất. Ngoài ra thỉnh thoảng tôi cũng có làm lễ huân tặng, đem tặng lại cho chư Tăng Ni cả hàng trăm món đồ mà tôi đã nhận được từ khắp nơi nhân ngày sinh nhật của mình.

Kỷ niệm bao giờ cũng đẹp; nhưng nó cũng sẽ tàn phai. Điều quan trọng là mình nên xếp lại những kỷ niệm ấy để vào nơi đâu của cõi lòng mình thì mỗi người tự an bài cho kỷ niệm ấy một chỗ xứng đáng. Nhiều khi kỷ niệm xưa sẽ hiện về bất chợt trong giấc mơ, hay lắm lúc trong khi chuẩn bị đi ngủ, có nhiều hình ảnh thân thương lại hiện về trong trí nhớ. Thế rồi trí óc lại có cơ hội để mở tung không gian và thời gian quá khứ ấy để cho tâm thức có cơ hội lắng chìm sâu vào dĩ vãng. Nhiều khi cũng có thể là kỷ niệm xấu, ta muốn xua đuổi đi cho nhanh; nhưng lắm lúc cũng có những kỷ niệm ta muốn quên mà quên chẳng được. Có ai đó khóc thầm trong đêm để tưởng nhớ một người thân đã nằm xuống và thỉnh thoảng vẫn có những giọt nước mắt, ngậm ngùi nhỏ lệ trong đêm đen nhằm hồi tưởng về một quãng đời dĩ vãng. Với tôi, những kỷ niệm đau thương hầu như ít hiện về, đa phần là những giấc ngủ an lạc, ít mộng mị.

Một đoàn người áo nâu đứng xếp hàng để chụp hình tại phi trường Tân Sơn Nhất, khiến cho ai đó dẫu vô tình cũng phải lưu tâm đến sự hiện diện quá đông của chúng tôi. Hôm đó có cả Thầy Chánh Phó trụ trì chùa Hưng Long cũng đi đưa tiễn nữa. Nay thì Thầy không còn trên dương thế; nhưng có hai điều lúc nào tôi cũng nhớ mãi bên lòng.

Việc thứ nhất là ngày mai tôi lên đường sang Nhật; nhưng tối hôm đó Hòa Thượng đưa cho tôi một cọc tiền Việt Nam bảo rằng: Ông mang tiền này qua bên ấy xài. Tôi cảm ơn Ngài và thưa rằng: Bên đó không xài tiền này mà chỉ xài đô-la hay tiền Yen mà thôi. Thế là Ngài cất vào túi.

Việc thứ hai tôi vẫn còn nhớ rõ. Đó là ngày đã có Passport và Visa Tòa Đại Sứ Nhật cấp rồi, tôi đến Tổ đường y áo sẵn sàng xin đánh lễ Hòa Thượng và xin Hòa Thượng cho tôi sang Nhật Bản du học. Hòa Thượng không nói gì; nhưng Ngài quay qua tôi dạy rằng:

„Ông biết không! Có những người tôi muốn họ đi khỏi chùa này mà họ không đi. Còn ông, tôi đâu có muốn ông đi mà ông bỏ chùa này và bỏ tôi để ra đi“.

Nghe mà ngậm đắng trong lòng được. Có lẽ Hòa Thượng thấy tôi đi tụng kinh Lăng Nghiêm đều đặn và cả 3 năm trời ở tại đây tôi chỉ chuyên tu niệm và học hành, chưa bao giờ làm phiền Thầy và phiền Chúng một điều gì cả. Do vậy mà Hòa Thượng đã nói lên điều nhận định ấy chẳng? Dẫu sao đi nữa, con cũng cảm ơn Thầy. Vì chính Thầy là bóng cây che mát cho chúng con trong những ngày lưu trú tại đây.

Tôi chọn ngày 22 tháng 2 năm 1972 là sự chọn lựa tình cờ thôi. Thế mà ngày này trở nên quan trọng. Đó chỉ là một sự trùng hợp. Ngày này chính là ngày mà Tổng Thống Nixon đi thăm Mao Trạch Đông tại Bắc Kinh, đánh dấu một thời gian chiến tranh lạnh giữa hai chủ nghĩa đã qua, họ bắt tay nhau và một trang sử mới đã được bắt đầu từ đó. Thật sự ra việc này cả thế giới cũng chẳng ai ngờ. Thế mà việc đã đến.

Khi vào trong lòng máy bay Air Vietnam rồi và phi cơ chuẩn bị ra phi đạo để cất cánh, tôi ngoái nhìn lại quê hương và bầu trời Việt Nam một lần cuối cùng trước khi giã từ quê mẹ thân yêu. Sau khi máy bay cất cánh được mấy phút, từ trong buồng lái phát ra âm thanh bài hát: „Xuân Này Con Không Về“ qua giọng ca của Duy Khánh làm tôi tan nát cả cõi lòng. Khi chưa xa quê thì muốn từ bỏ cho nhanh, để đi tìm một cái gì đó mà mình đã mong đợi lâu nay; nhưng nay mọi điều kiện đã đầy đủ, lúc ấy tôi lại muốn quay trở lại quê hương mình, trong khi máy bay vẫn trực chỉ hướng Hồng Kông.

Phi hành đoàn thông báo cho biết là „máy bay sắp đáp xuống Hương Cảng, hành khách hãy nịt dây an toàn và chờ cho máy bay dừng hẳn mới được di chuyển và quý khách có 2 tiếng đồng hồ để nghỉ ngơi. Nếu quý khách muốn rời khỏi máy bay

thì hãy mang những vật tùy thân theo và trở lại máy bay đúng giờ“. Tôi theo đoàn người rời khỏi ghế ngồi và đi xuống khỏi máy bay. Đầu tiên thấy Hồng Kông văn minh quá; thuở ấy đã có máy rà chung quanh người để kiểm soát vũ khí và kim loại, trong khi đó Việt Nam mình vẫn chưa có những loại máy ấy. Ở phi trường họ buôn bán đủ mặt hàng. Tôi đến chỉ để xem cho biết, đâu có dám mua một vật gì, vì là người tu, tôi không đua đòi mấy. Vả lại trong túi cũng chẳng có bao nhiêu tiền và đâu biết được rằng chuyện gì sẽ xảy ra cho mình khi mình còn chân ướt chân ráo tại xứ người; nên đành thúc thủ lên máy bay vào chỗ cũ ngồi lại.

Phi trường Đài Bắc thuở đó chưa bằng phi trường Tân Sơn Nhất, thế mà mấy chục năm sau, phi trường Đài Bắc bây giờ phát triển to lớn gấp mấy mươi lần thời đó và dĩ nhiên Việt Nam trong hiện tại không thể lấy gì để sánh nổi. Họ phát triển còn mình thì giậm chân tại chỗ hằng hai ba chục năm. Bây giờ ta có chạy theo, cũng khó mà kịp họ. Ngay như các nước Thái Lan, Singapore, Miến Điện... Việt Nam cũng khó sánh bằng. Vì Việt Nam phát triển quá chậm.

Ở Nhật mùa ấy là mùa rét; nhưng tôi chỉ mang sandale và đầu đội nón lá, thân mặc chiếc áo Nhựt Bình nâu để cho Thầy Như Tạng dễ nhận diện. Sau khi làm thủ tục nhập cảnh, tôi vào nơi lấy hành lý thấy một hình ảnh thật là lạ lùng và đẹp mắt. Đó là hành lý của mình tự động chạy đến trước mắt của mình và hành lý của ai người ấy tự kéo khỏi đai quay kia. Đây là hình ảnh văn minh đầu tiên của xứ Nhật đập vào mắt tôi và gây ấn tượng tốt. Vì những câu chuyện chở hành lý như vậy, thuở ấy ở Sài Gòn chưa có.

Sau khi ra khỏi công quan thuế nhìn khắp nơi chẳng thấy Thầy nào đi đón, vì người Nhật với người Việt Nam hình dáng đâu có khác nhau bao nhiêu, chỉ có họ ăn mặc lịch sự hơn, trong

khi miền Nam Việt Nam mình thuở đó về kinh tế vẫn còn kém thua họ. Tôi cố ý tìm một chiếc áo nâu hay màu lam nhưng chẳng thấy. Bỗng đâu trong đám người đầu đen đó, có ai gọi tên tôi: „Thầy Như Điền“. Tôi mừng quá, nhìn qua hướng ngoắc tay kia. Đó chính là Thầy Như Tạng. Hai bên chào hỏi nhau và Thầy đón Taxi cho chúng tôi đi về hướng khu phố Shinagawa. Thấy bên Nhật xe chạy bên tay trái, tôi cũng hơi ngạc nhiên và quan sát nhà cửa hai bên đường cũng ít có cao ốc, đa phần là những nhà gỗ. Thầy Như Tạng giải thích vì động đất nên Tokyo không xây nhà lầu cao tầng như New York. Trên xe Taxi Thầy nói sao tôi nghe vậy và Thầy hướng dẫn như thế nào thì tôi chỉ có dạ dạ vâng vâng mà thôi.

Hôm đó Thầy Chơn Thành vẫn đi làm; khi chúng tôi về nhà thì đã có bà chủ nhà người Nhật mở cửa sẵn rồi. Tôi quan sát từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, thấy nhà cửa người Nhật khác với mình rất xa. Nói chung là sạch sẽ; nhưng chật chội và không đầy đủ tiện nghi. Sau đó Thầy Chơn Thành về và Thầy Như Tạng giới thiệu tôi cũng như gửi tôi nơi nhà trọ của Thầy Chơn Thành một thời gian.

Rõ ràng là trước khi rời xa khỏi đất nước, chỉ biết đi được là tốt rồi. Còn con đường tương lai trước mắt chẳng biết ra sao cả. Câu „trời sanh voi, sanh cỏ“ rất đúng với người Việt Nam; nhưng người Nhật hay người Âu Châu họ tính toán rất kỹ trước khi đi đâu hay làm bất cứ vấn đề gì. Đêm hôm đó tôi nằm trên những chiếc Tatami Nhật Bản cảm thấy xa lạ và nhớ quê hương thật nhiều. Thật ra tôi không hối hận việc chọn lựa của mình khi xa Sài Gòn để hội nhập vào một xã hội mới khác. Ngược lại tôi phải cảm ơn tất cả mọi người và mọi việc đã xảy ra trực hoặc gián tiếp đối với đời mình. Trong đó ơn nghĩa của Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành là một.

Đa phần quý Thầy qua đây vừa đi học, vừa đi làm; nếu không như vậy thì sẽ không có tiền để đóng học phí và trả tiền nhà hằng tháng. Học phí Đại Học thuở ấy mỗi năm các sinh viên phải đóng ít nhất là 2.000 đến 5.000 US\$ tùy theo từng phân khoa một. Ngày ấy 100 đô-la đổi ra được 30.000 Yen; thế mà 40 năm sau, khi tôi trở lại Tokyo lần này 100 đô-la chỉ còn 8.000 Yen thôi. Cầm chừng ấy tiền, chỉ đi xe chung quanh Tokyo trong vòng một ngày vẫn không đủ. Đây là lý do chính mà quý Thầy phải đi làm. Công việc có đủ loại, từ nhà hàng cho đến làm đường sá, cầu cống, nhà cửa, tiệm bán rau quả v.v... nghĩa là ai cần gì thì quý Thầy đều có thể đi làm cả.

Tôi quan sát mọi việc xảy ra chung quanh mình, cái gì không hiểu thì hỏi trực tiếp Thầy Chơn Thành hoặc điện thoại cho Thầy Như Tạng. Tôi không cô đơn, vì trước tôi đã có nhiều Thầy đang học tại đây, tôi chỉ lắng nghe những lời khuyên và sau đó tự quyết định cho công việc của mình. Điều tôi quyết định là sẽ không đi làm trong năm đầu để lo học Nhật ngữ thật ráo riết. Khi Nhật ngữ giỏi thì việc đi tìm ra công việc làm không khó. Vả lại tôi đem tiền theo do Sư Phụ và các Phật Tử cho vẫn đủ cho ít nhất là 6 tháng đầu. Việc gì xảy ra sau đó sẽ lo tiếp theo.

Tôi ghi danh học Nhật ngữ tại trường Nhật ngữ ở Yottsuya. Mỗi ngày học 4 tiếng và mỗi tuần học 5 ngày. Trường này dạy theo cách đào tạo chính quy để sau một năm là sinh viên ngoại quốc có thể thi đậu vào các Đại Học Nhật Bản. Mỗi khóa học như vậy có 3 tháng. Nếu ai học giỏi, cuối khóa thi được trên 90 điểm thì sẽ lên khóa 3, không cần học khóa 2 nữa. Chữ Nhật thật ra rất xa lạ với tôi, mặc dầu trước đó ở Việt Nam tôi đã theo học gần 3 tháng; nhưng bây giờ chữ nghĩa nó đi đâu hết rồi. Tất cả đều phải bắt đầu lại từ đầu. Quyển sách màu đỏ viết bằng mẫu tự La Tinh có nhan đề là Nihongo no Hanashikata (cách nói tiếng Nhật). Quyển này học cho đến nửa

năm thì đổi qua học loại chữ Hiragana có kèm theo một ít Hán tự. Vì lẽ chữ La Tinh chỉ học lúc ban đầu; khi đi sâu vào văn học Nhật Bản không thể chỉ dùng chữ này. Bởi cách phát âm thì giống nhau; nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Nếu không viết thành chữ thì không rõ nghĩa. Ví dụ câu: Kore wa Hana desu. Chữ Hana có nghĩa là cành hoa mà đồng thời cũng có nghĩa là lỗ mũi nữa. Do vậy không viết chữ Hán là không xong; nhưng chữ Hán đối với tôi không ngại, khi nhỏ ở trong chùa đã học rồi. Ở đây chỉ cần học cách phát âm mà thôi. Ngoài ra chúng tôi phải học thuộc lòng quyển Toyokanji (Đương dụng Hán tự) cả cách viết và cách phát âm nữa. Nói gì thì nói; nhưng cách học thuộc lòng vẫn ứng dụng trong mọi trường hợp và mọi hoàn cảnh được. Với tôi, chuyện học thuộc lòng không có gì trở ngại cả. Vì là dân „gạo bài“ mà.

Học xong khóa I tôi dự định nhảy lên khóa III; học xong khóa III tôi bỏ khóa IV và chỉ học khóa V là khóa cuối cùng cho học trình ấy. Ngày ấy trong lớp có nhiều học sinh và sinh viên đến từ Việt Nam, Thái Lan, Đài Loan thỉnh thoảng thấy có một vài người Tây Phương cũng đến học; nhưng với người Mỹ, người Đức khó nhất với họ là chữ Hán; chứ không phải tiền bạc bị khó khăn như chúng tôi. Lâu lâu có giờ tranh luận khi đã học lên lớp cao. Thế là chúng tôi có cơ hội để trau dồi kiến thức Nhật ngữ của mình.

Ở với Thầy Chơn Thành được một vài tháng tôi dọn ra ở riêng. Vì ở chung nhà chật chội cũng như khó ôn bài. Từ đó tự nấu ăn, tự đi chợ và tự đi học. Nhiều lúc tôi tiện tặn không dám tiêu xài gì nhiều, đã có mấy lần ăn cháo thay cơm. Thầy Như Tạng hỏi tại sao thì tôi bảo là để dành tiền đóng học phí của trường. Nhưng cuối cùng rồi cũng được quý nhơn phò hộ. Đó là việc gặp lại được Phan Đức Lợi; người bạn học cũ thời trường Tiểu Học Xuyên Mỹ thuở nào; nay ở xứ lạ quê người, qua sự giới thiệu của Nguyễn Thông, tôi đã không ngại ngừng gì để hỏi

mượn tiền của cậu ta. Lợi cho mượn mấy chục vạn ngay và sau này tôi đã hoàn lại cho Lợi. Bây giờ cả Lợi và Thông không còn nữa. Hai bạn đã ra đi quá sớm, khi tuổi đời mới trên dưới 60. Quả thật trên đời này có rất nhiều loại tình, mà tình bạn người ta thường đặt lên cao nhất. Nó không màu mè, không tính toán, chỉ thuần một ý nghĩa của sự trong trắng vị tha mà thôi.

Bước tiếp theo tôi dọn nhà một lần nữa để ở chung với Diệp Vân Sơn và Tôn Thất Hoàng. Ở chung như vậy để chia tiền mướn nhà với nhau cho đỡ nặng và cũng trong thời gian này tôi tập đi làm thêm ngắn hạn ở giữa khóa Nhật ngữ, đồng thời tôi cũng liên lạc về quê hương báo tin cho Sư Phụ tôi về việc học của mình. Thuở đó chị Tô Thị Ngọc Yến con ông Tô Văn Tám trước khi đi về nước có để lại một số tiền tại Nhật và Thầy tôi đã nhờ chị Yến chuyển cho tôi mượn. Sau này tôi có hỏi ông Tô Văn Tám tại Mỹ là Thầy tôi có hoàn lại số tiền ấy chưa thì bác ấy bảo rằng: „Chuyện ấy đã xưa rồi, giữa Bác ấy và Thầy tôi đã giải quyết xong“. Như vậy tôi an tâm, nếu không, tôi áy náy vô cùng.

Bây giờ số tiền học cho đến cuối năm đã đủ. Tôi dốc chí vào việc học và việc thi cử vào Đại Học sắp đến. Người thì đi chọn trường công lập để thi; kẻ thì chọn trường tư thục. Chẳng biết sao khi tôi đọc đến tên trường Đại Học Đế Kinh (Teikyo) tôi có cảm tình ngay và đưa đơn vào Đại Học này để thi ngành Giáo Dục học; trong khi đó Đại Học Phật Giáo Risso (Lập Chánh) cũng nằm không xa mấy chỗ tôi tạm trú; nhưng trường này vẫn chưa có duyên với tôi thuở bấy giờ.

Nếu tôi nhớ không lầm, các thí sinh từ người Nhật cho đến ngoại quốc, đề thi đều giống nhau và chỉ thi có 3 môn. Đó là Nhật ngữ, Anh ngữ và Lịch sử. Ba môn này đối với tôi không khó mấy, vì lẽ đây là những môn „gạo“ của tôi. Nếu có ngại thì ngại cho tiếng Nhật và tiếng Anh. Vì vốn liếng tiếng Anh của

tôi chỉ mới học ở Trung Học Đệ Nhị Cấp có 3 năm, trong khi đó Pháp vẫn tôi vững hơn. Vì đã học 7 năm liên tục tại trường; nhưng ở Nhật, Pháp vẫn ít có Đại Học nào lấy làm sinh ngữ chính; nên phải đành „nhắm mắt đưa chân“ là vậy. Sau khi thi độ một tuần, có giấy báo gọi về là tôi đã đậu; Tôn Thất Hoàng thì đậu Đại Học Kagoshima, Sơn thì ở Tokyo. Thế là 3 đứa chúng tôi chuẩn bị trả nhà và mỗi người sẽ đi mỗi ngả để lo cho chuyện tương lai học hành của mình.

Trong giấy báo thi đậu của tôi có ghi là học phí năm đầu 30 vạn Yen, thuở ấy tương đương với gần 1.000 US\$. Nếu trong vòng một tháng không nộp đủ tiền, xem như kết quả của kỳ thi này không còn giá trị nữa. Lúc ấy tôi biết nói cùng ai đây ! Thầy thì ở xa quá, mà bạn bè thì chẳng có ai; trong khi chung quanh mình ai cũng cần tiền để đóng học phí cho niên học mới. Tôi đành phải gọi cho Thầy Như Tạng để báo tin vui, đồng thời tôi nhờ Thầy ấy giúp đỡ cho mượn hoặc mượn giùm ai đó để giải quyết cho vấn đề này. Sau một vài phút suy nghĩ, Thầy ấy bảo rằng: Tôi thì chẳng còn bao nhiêu; nhưng tôi sẽ giới thiệu Thầy với ông Lê Quang Tuấn. Hai ông bà này chắc chắn là có tiền, để tôi liên lạc thử xem. Thầy hỏi tôi cần thêm bao nhiêu nữa ? Tôi bảo rằng: Chỉ cần 10 vạn nữa thôi và Như Điền đã có đây gần 20 vạn rồi. Thầy ấy bảo cứ yên tâm và chờ điện thoại hồi báo trong tuần sau.

Thời gian chờ đợi nó dài vô tận. Vừa sốt ruột vừa lo toan; không biết là mình sẽ có kết quả gì không ? Đi thi không sợ hỏng mà giờ đây đậu xong sợ không đủ tiền đóng học phí, quả là điều khó coi vô cùng. Tôi lúc ấy cũng có gọi điện thoại cho Hòa Thượng Minh Tâm và Hòa Thượng Chơn Thành cũng như Hòa Thượng Nguyên Đạt; nhưng cuối cùng cũng chỉ nhận được những lời khuyên là nên như thế này, nên như thế kia; chứ trên thực tế vẫn chưa có kết quả cụ thể nào.

Thế rồi vào một chiều đông giá lạnh của Đông Kinh vào cuối năm 1972 ấy, Thầy Như Tạng hẹn tôi gặp nhau ở nhà gare Shibuya và cùng nhau đi đến nhà ông Lê Quang Tuấn pháp danh Quảng Phụng. Sau khi trình bày sự việc, ông bà đồng ý cho tôi mượn 10 vạn Yen và trả lại sau thời gian 6 tháng. Tôi mừng như được quà đặc biệt và một giấy nợ đã viết sẵn, tôi chỉ cần ký tên vào đó để nhận số tiền kia. Dẫu sao đi nữa tôi cũng xin cảm ơn hai ông bà. Nếu lúc ấy không có hai ông bà là những Việt kiều duy nhất đang sinh sống tại Tokyo có tâm lòng từ tâm như vậy thì tôi không biết là đời mình sẽ trôi theo định hướng nào đây. Năm 1975 ông bà sang Pháp và sau đó định cư ở Hoa Kỳ. Cuối cùng ông xuất gia đầu Phật với Cố Hòa Thượng Thích Huyền Vi, Tăng Thống hệ phái Linh Sơn trên quốc tế; còn bà cũng xuất gia đầu Phật ở Mỹ; nhưng sau một thời gian làm Trụ trì chùa Linh Sơn ở Paris; Ông Quảng Phụng ngày ấy bây giờ với Pháp tự là Thầy Thích Trí Nguyên; Thầy gặp tôi với thái độ khác và tôi cũng đã nhắc lại chuyện xưa để cảm niệm ân đức của Thầy. Còn bà thì sau khi xuất gia cũng đã qua đời vì tuổi lớn. Bây giờ cả hai vị đều không có mặt trên cuộc đời này nữa; nhưng một lời cảm ơn với giấy trắng mực đen như thế này vẫn không có trễ. Điều này thể hiện tấm lòng giữa con người và con người với nhau, khi gặp khó khăn trong cuộc sống mà biết giúp đỡ nhau là điều quá tuyệt vời rồi.

Kinh nghiệm bản thân của mình khi tu học tại ngoại quốc như vậy; nên sau này khi ra hành đạo tại Đức quốc, thỉnh thoảng tôi có nhận được những thư từ cầu cứu từ quê hương trong những năm vật chất còn khó khăn; hay sau này quý Thầy Cô đi du học tại Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Đức, Hoa Kỳ v.v... tôi đã không nề nào làm nợ cho đành mà cố gắng giúp đỡ trong khả năng của mình bắt đầu chính thức từ năm 1994 đến năm 2012 này. Trong suốt 19 năm trường ấy tôi và chùa Viên Giác tại Hannover Đức quốc đã giúp đỡ cho gần 170 Tăng

Ni tại Ấn Độ; hằng trăm Tăng Ni sinh tại Quảng Nam và Học Viện Phật Giáo Việt Nam và cũng gần 300 Tăng Ni đã và đang du học tại khắp nơi trên thế giới. Cho đến cuối năm 2012 này đã có 132 vị Tăng Ni đã ra trường với cấp bằng Tiến Sĩ và còn một số quý vị khác nữa sẽ tiếp tục ra trường; nhưng đến cuối năm 2012 này tôi quyết định ngưng tất cả những trợ cấp này vì lý do không còn khả năng để tiếp tục được nữa, cũng như tình hình kinh tế Việt Nam đã thay đổi; nên quý Thầy, quý Cô có thể tìm nguồn tài chánh khác để lo cho việc học. Vì bây giờ dễ dàng hơn ngày xưa cách đây 20 năm về trước.

Cuộc sống của mỗi người trong chúng ta đều có nhiều khúc quanh như vậy. Hãy tự cố gắng vượt qua. Hãy tự chiêm nghiệm khả năng có thể của mình và hãy vững tin rằng mình sẽ làm được điều đó và hãy đừng bỏ cuộc bất cứ một việc gì, khi chúng ta chưa trải qua thử thách. Do vậy tôi vẫn thường hay nói rằng: Hãy đừng tự cao, đừng tự mãn, đừng tự đại, đừng tự hào... mà hãy tự tin vào chính mình. Vì mình là nhân vật chính để quyết định rất nhiều công việc trọng đại của đời mình. Và chỉ có chính mình mới có thể tự quyết định cho lối đi của mình mà thôi.

Khi chưa xa quê, tôi và có lẽ trong đó cũng có nhiều người, muốn rời bỏ quê hương sớm chừng nào hay chừng ấy và đến Nhật hay ra ngoại quốc mình sẽ tìm hiểu, học hỏi những điều tốt đẹp hơn để mình làm hành trang cho cuộc sống của mình; nhưng điều ấy tôi đã lầm. Quê hương mình không phải cái gì cũng xấu xa hết, mà quê người không phải cái gì cũng đẹp hết. Ví dụ Phật Giáo ở Nhật có nhiều điểm trội hơn Việt Nam chúng ta cần phải học; nhưng không phải là tất cả mọi phương diện. Ví dụ như đời sống thanh tịnh độ thân của một Tăng Sĩ Việt Nam vẫn có một giá trị tinh thần thanh tịnh và cao khiết; trong khi ở Nhật Bản họ đã bỏ quên đi giá trị này từ lâu

rồi. Do đó khi ở ngoại quốc mình lại càng có nhiều cơ hội để thẩm định cho giá trị tâm linh hơn.

Sau khi lo việc đóng học phí xong xuôi yên ổn đâu đó rồi tôi mới lo đến chỗ ở. Đây là một đề tài không nhỏ đối với mình thuở ấy. Người ta thường nói: „cái khó nó bó cái khôn“ rất đúng trong mọi trường hợp và hoàn cảnh; nhất là hoàn cảnh của tôi trong hiện tại. Dầu cho tôi có khôn lanh, giỏi giang bao nhiêu đi chăng nữa, nó cũng sẽ chẳng giúp được gì cho mình trong hoàn cảnh này. Thôi thì „một liều ba bảy cũng liều“, tôi điện thoại cho Thầy Như Tạng hỏi thăm ý kiến của Thầy ấy và riêng tôi chỉ muốn vào chùa Nhật ở để sinh hoạt với họ nhằm trau dồi Nhật ngữ và tìm hiểu đời sống của Thiên Môn. Thầy ấy nói rằng: „Việc này chỉ có thể Thầy Minh Tâm giúp được. Vì trước đây Thầy Minh Tâm có ở trong chùa Joenji (Thường Viện Tự) ở Shinjuku, để nhờ Thầy ấy hỏi xem thử sao“. Sau mấy ngày chờ đợi tôi được báo tin rằng: „Ông Thầy ở Shinjuku có người con đang Trụ trì chùa Honryuji (Bồn Lập) ở Hachioji (Bát Vương Tử) sẵn sàng đón nhận tôi về chùa ấy ở. Từ đó đi học Đại Học Teikyo gần hơn“. Tôi nghe mà như nhẹ cả tấm lòng. Vì ít ra mình khỏi phải đóng tiền nhà và tiền sinh hoạt phí hằng ngày là được rồi.

Vị Sư trụ trì chùa Thường Viên ở Shinjuku là thân phụ của Thầy Oikawa Shinkai (Cập Xuyên Chơn Giới) tại Hachioji. Ngài một thuở đã làm Viện Trưởng Viện Đại Học Lập Chánh của phái Nhật Liên Chánh Tông và trường này nằm tại nhà gare Gotanda. Mới đầu tôi nghĩ rằng đây là trường lấy tên của Jean Jacques Rousseau nhưng không phải. Chữ Rissso ở đây có nghĩa là Lập Chánh. Hai chữ này lấy từ Lập Chánh An Quốc Luận mà Ngài Nhật Liên đã viết tâu trạng tâu lên triều đình vào thế kỷ thứ 13 khi quân Mông Cổ sang xâm chiếm Nhật Bản thuở bấy giờ. Ông Cụ Hòa Thượng này gọi là Oikawa Shingabku, Ngài rất có từ tâm với người Việt Nam. Mỗi khi Phật Giáo Việt Nam

tổ chức lễ Phật Đản hay Vu Lan đến mượn chùa Ngài làm lễ, Ngài đều hoan hỷ. Đây là một ngôi chùa bề thế, giàu có tại trung tâm phố thị gần nhà gare Shinjuku. Thuở ấy Hòa Thượng Minh Tâm đã ở đây một thời gian, nhờ vậy mà Thầy Minh Tâm mới giới thiệu giùm cho tôi đến ở Hachioji được. Đó là thời điểm đầu năm 1973.

Thầy Oikawa Shinkai rất hiền từ. Thầy là một học giả tiếng Pali. Đã có mấy năm du học tại Tích Lan; nên hiểu tâm trạng và hoàn cảnh của sinh viên ngoại quốc rất nhiều. Tiếng Anh Thầy rất giỏi và tên tuổi của Thầy bây giờ vẫn còn lưu lại nơi Đại Học Risso cũng như trên văn đàn Nhật Bản. Thầy dạy cho sinh viên cao học tại Đại Học Risso tiếng Pali mỗi tuần 2 giờ thôi. Bao nhiêu thì giờ còn lại Thầy ở tại chùa, dành thì giờ để viết lách, nghiên cứu và chủ trì những lễ nghi quan trọng.

Chùa Honryuji vốn là chùa cổ đã có mặt tại thành phố Hachioji độ 600 năm; nên Đàn Gia, Tín Đồ và mả mồ trong vườn chùa cũng khá đông đúc. Chùa xây về hướng đông và cách nhà gare Hachioji độ 15 phút đi bộ. Nóc chùa lợp ngói bằng đồng; nhưng toàn thể nội tự đều được xây dựng bằng gỗ. Đặc biệt người Nhật họ không sơn phết nhiều màu sắc ở trong hay ngoài chùa như người Hoa hay người Việt; nếu có, chỉ một màu vàng trang nhã sơn phết các tượng Phật và tràng phan bảo cái mà thôi. Trước chùa có một nhà thờ Tứ Thiên Vương và rất nhiều tượng Địa Tạng. Từ cổng Tam Quan nối dài vào sân chùa là hai hàng cây Ginko; cây này có hạt, mùi rất nồng; nhưng lá cây Ginko y dược Trung Quốc chế ra được nhiều loại thuốc nhằm chữa bệnh mắt và gan. Phía sau vườn chùa là mả mồ của Đàn Na, Tín Đồ. Thuở tôi mới đến, từ văn phòng cho đến chánh điện, khu lưu trú của chư Tăng, nhà bếp, nhà tắm v.v... đều còn giữ lại dáng cũ xưa. Sau này khi tôi về thăm lại chùa cũ thì đã hoàn toàn đổi mới. Chùa này theo phái Nhật Liên; ở giữa chánh điện thờ một câu viết theo chữ cổ: Nam Mô Diệu Pháp Liên

Hoa Kinh và tượng của Ngài Nhật Liên ngồi trong khám thờ. Ngoài ra tôi không thấy thờ Phật Thích Ca hay Di Đà gì cả.

Hoa viên của chùa rất đẹp. Giữa chánh điện và khu văn phòng cũng như phòng khách có một khoảng đất trống vuông vức; ở giữa có một cái ao nuôi cá KOI, sáng nào Thầy trụ trì cũng ra đây cho cá ăn và nhìn ngắm mây trời thông dong bay lượn, thỉnh thoảng mây lướt qua và sà xuống tận đáy hồ, làm như giữa cá, nước và mây là một vậy. Thuở tôi đến, gia đình của Thầy ở trong chùa này gồm có bà vợ và bốn đứa con, gồm 2 trai và 2 gái. Nay tất cả đều đã trưởng thành và đã trở thành Trụ trì hai ngôi chùa Joenji cũng như Honryuji này để thay thế cho Ông Nội và Ba của mình.

Thầy gặp tôi một cách tự nhiên và nói vài câu xã giao bằng tiếng Nhật, đoạn nói người nhà dẫn ra phía sau để chỉ cho chỗ nghỉ và người ấy nhắc nhở cho tôi những công việc hằng ngày, hằng tuần và những công việc mà tôi phải đảm trách. Người ấy sau này tôi được biết là Thầy Sakai, trước đây cũng ở chùa này làm nhiệm vụ ấy và nay đã lập gia đình nên đã lãnh chùa riêng và thuở ấy Thầy làm Chánh Văn Phòng của Đại Học Risso tại Gotanda. Công việc của tôi là chùi dọn, lau quét chánh điện, phòng khách, thư phòng, nhà ngủ mỗi ngày 2 lần và mỗi buổi chiều thay nước nhà tắm Ofuro, sau đó đổ nước mới vào để đun sôi lên và những ngày kế tiếp đều phải làm như vậy. Mới đầu nghe chữ được chữ mất; nhưng dần dà rồi mọi việc cũng quen đi. Bấy giờ tiếng Nhật của tôi đã thành thạo rồi.

Mỗi buổi sáng tôi có nhiệm vụ lấy nước còn ấm trong Ofuro đem lên hành lang chánh điện. Sau khi quét dọn, phủ bụi xong, tôi mới lấy khăn nhúng vào trong thùng nước, đoạn cúi rạp mình xuống và bắt đầu lau chùa. Khi lau phải lau thật lùi để cho mình khỏi bị dính nước và những vết dơ không hiện lên. Những năm học ở Đại Học sau này tôi vẫn làm như vậy; chò

cho có Nakatomi, Matsugawa và Shimizu cũng như Thầy Như Mẫn An Thiên vào ở chung, thì tôi mới ngưng nhiệm vụ này. Vì đã có họ thay thế tôi làm những công việc kia.

Một hôm tôi thưa với Thầy trụ trì rằng:

- Thưa Thầy! Chùa vốn đã sạch, tại sao mỗi ngày phải lau chùi 2 lần vậy ?

Thầy bảo:

- Nếu người tu hành như ông mà lau cái chùa không sạch thì làm sao lau cái tâm cho sạch được.

Tôi nghe câu này như choáng váng cả mặt mày. Kể từ đó tôi luôn luôn lau cho thật sạch chùa để cố gắng lau tâm mình nữa và tôi sợ cái dơ bản của thân lẫn tâm từ ngày nghe được câu pháp ngữ ấy.

Thật ra người Nhật sống và làm việc rất nghiêm túc. Việc nào ra việc đó; chuyện nào ra chuyện đó, không có nhập nhằng. Đúng giờ, sạch sẽ và tin tưởng lẫn nhau là những yếu tố căn bản để xây dựng nên nước Nhật kể từ thời Minh Trị Duy Tân cho đến nay (1868-2012). Trước đó họ vẫn còn theo lẽ lối của Á Châu; nhưng kể từ ngày duy tân trở đi họ học theo nền văn minh Âu Mỹ như trọn vẹn và họ đã xây nhuyễn nền văn minh này trở thành nền văn hóa của Nhật. Thật là tuyệt vời. Ngày nay nếu có ai đó đi thăm viếng nước Nhật sẽ thấy được những điều của tôi vừa nêu trên; nghĩa là những nơi công cộng ít thấy những rác rưởi vô tình nằm đâu đó, mà tất cả đều được bỏ vào giỏ rác cận kề do sự ý thức của người dân bất kể là con trẻ hay người già. Tinh thần trách nhiệm của họ đối với bản thân, gia đình và xã hội rất tích cực. Không đòi hỏi người khác phải làm gì, mà tự đòi hỏi nơi khả năng thực tại của mỗi người. Người Nhật dạy con họ rằng: „Quê hương ta chẳng có gì ngoại trừ sông và núi, khi các con lớn lên, các con phải tự lực đem

sức mình học hỏi, làm việc để tạo dựng cho quê hương, đất nước của chúng ta giàu mạnh hơn“. Họ dạy con họ từ tắm bé như vậy. Cho nên những điều như thế, chúng ta cần phải học hỏi thêm.

Còn giờ giấc đối với họ hầu như không sai giây phút nào; nghĩa là đúng giờ theo tiếng Việt, be on times theo tiếng Anh, Pünktlich sein theo tiếng Đức và Chuẩn thời (chunsu) theo tiếng Trung Hoa. Nếu có trễ nhiều lắm là 3 đến 5 phút; không bao giờ họ đến trễ hằng 30 phút đến một giờ đồng hồ như người Việt Nam mình. Điều này chúng ta cũng cần phải học nơi họ. Đây là những điều căn bản mà học giả Đỗ Thông Minh đi đâu cũng thuyết trình cho người Việt mình nghe để thấy tinh thần trách nhiệm của người Nhật.

Ofuro tiếng Nhật viết là Phong Cung. Nghĩa là nơi tắm cho gia đình hay đoàn thể. Có những Ofuro lớn có thể chứa hằng trăm người và mỗi làng, mỗi khu phố có vài ba nơi như vậy. Bởi lẽ ở Nhật đất chật người đông; nên nhà tư ít có ai xây phòng tắm; chỉ có nhà chùa đất đai tương đối rộng hơn tư nhân; nên họ cho xây những Ofuro tại chùa. Đây là một loại nồi tắm bằng gang có độ chứa chừng 200 lít nước. Họ xây gắn liền bồn tắm này vào trong hầm và phía ngoài chừa chỗ để đun củi vô. Nhiệm vụ của tôi mỗi ngày sau khi đi học ở Đại Học về là lo cho phần vụ này trước khi ăn tối. Đầu tiên hốt hết than và tro ra, sau đó bỏ củi vào môi lửa và đun sôi. Khi nào thấy hơi lên và độ nóng chừng 60°C là được. Đến tối, cả gia đình lần lượt vợ chồng, con cái, rồi sau đó đến Tăng Chúng vào đây tắm rửa. Cách tắm của họ là xối rửa thật sạch mình mây, đoạn nhảy vào Ofuro để ngâm, kế tiếp lên bên trên cọ xát xà-phòng, dội nước bên ngoài sạch sẽ, sau đó vào Ofuro ngâm lại một lần nữa là xong. Thời gian mỗi người tắm độ 10 đến 15 phút và hầu như người Nhật ngày nào cũng tắm như vậy cả. Đây là một thói quen, một tập tục có tự ngàn xưa.

Mỗi năm người Nhật có 4 lễ chính. Đó là Tết Nguyên Đán, Lễ Vu Lan và hai Lễ Thanh Minh vào mùa Xuân và mùa Thu. Tiếng Nhật gọi là Ohigan (Bỉ Ngạn). Cứ mỗi lần như thế, Tăng Chúng chúng tôi phải giúp chùa bằng nhiều cách khác nhau. Ví dụ như những Thầy người Nhật thì đi đến những nhà của Đàn Gia hay Tín Đồ cúng cho họ; ai không rành tiếng Nhật như tôi và Thầy Vipassi người Tích Lan thì đi làm mộ cỏ của chùa. Lúc ấy có cả Thường cũng xin vào đây ở trọ nữa; nên chúng tôi có cả 3 người đảm nhận việc này thay thế cho hai ông bà cụ già vốn đã giúp việc này cho chùa kể từ mấy chục năm qua. Khi tiếng Nhật của tôi đủ để giao tiếp và nhất là đã thuộc lòng phẩm thứ 2 là Phẩm Phương Tiện trong kinh Pháp Hoa và phẩm thứ 16 Như Lai Thọ Lượng Phẩm bằng tiếng Nhật thì tôi không còn phải đi làm mộ cỏ nữa mà mặc áo đắp y Tăng sĩ Nhật Bản đi đến các nhà Đàn Gia, Tín Đồ để cúng.

Đẹp và xấu; đúng và sai; hay và dở v.v... là những cặp đôi đối đãi ở đời; nhưng có điều ở đây thì đúng, ở chỗ khác thì sai. Hoặc giả người này cho cái này là phải; trong khi đó người khác cho là trái. Quả là phức tạp vô cùng. Thôi thì trong trường hợp này phải chấp nhận câu tục ngữ của Việt Nam là: „Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài“ là được vậy.

Đại học Nhật Bản

Muốn đánh giá dân tộc ấy văn minh tiến bộ như thế nào, hãy nhìn vào cách sống của nhân dân nước ấy. Đây là cách nhận định của riêng tôi khi đã đi thăm hơn 70 quốc gia trên địa cầu này và hơn 40 năm sống tại Nhật, tại Đức cũng như một vài nơi trên thế giới. Kết quả ấy nó chẳng là gì; nhưng qua thời gian, sự nhận thức, phương cách nhìn... người ta có thể đi đến một kết luận như vậy.

Kể từ năm 1868 nghĩa là gần 150 năm nay, khi vua Minh Trị chủ trương Duy Tân đất nước Nhật Bản về mọi phương diện, trong đó có phương diện giáo dục toàn diện cho quần chúng, thì nước Nhật đã trở thành một trong nhiều nước tiến bộ vượt bậc nhất nhì trên thế giới. Sở dĩ được như vậy, vì mọi phương diện đều phát triển đồng đều. Ông ta chủ trương „Nghĩa vụ giáo dục“ cho mọi người dân. Nghĩa là thuở ấy mọi người sinh ra ở Nhật Bản đều phải tốt nghiệp Tiểu Học. Đây là một cái nhìn không sai quấy của một bậc quân vương khi muốn cho dân mình giàu, nước mình mạnh. Đến năm 1972 khi tôi sang Nhật Bản du học, hầu như mọi người đều tốt nghiệp Tú Tài II; nghĩa là xong Trung Học Đệ Nhị Cấp, tổng cộng 12 năm cấp sách đến trường cho hơn 100 triệu dân thuở ấy và ngày nay (2012) sau hơn 40 tôi trở lại Nhật từ người tài xế Taxi đến người làm công sở hay trong xưởng, hầu như ai ai cũng có bằng Đại Học. Nước Nhật là một nước hầu như không có nạn mù

chữ; trong khi đó văn minh như Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Anh v.v... đều có mấy phần trăm đến mấy mươi phần trăm có những người không biết đọc và biết viết, chỉ biết nói và biết nghe mà thôi.

Đây chính là niềm hãnh diện của nước Nhật. Cho nên ai tới nước này rồi cũng phải ngã mũ chào là vậy. Chào ở đây không phải sợ hãi mà là sự bái phục, sự ngưỡng mộ. Vì ít có dân tộc nào làm được như nước Nhật. Tuy tiếp thu những cái mới thuộc về tân học một cách trọn vẹn; nhưng cái hay, cái cũ họ không bao giờ bỏ. Vì những điều này đã trở thành cái nếp văn hóa của quê hương xứ sở này như: Trà Đạo, Hoa Đạo, Thơ Đạo, Kiếm Đạo v.v... Người Tây Phương khi đến xứ hoa Anh Đào này rồi, ít có người nào chê bai cách tiếp thu nền văn học nghệ thuật nước ngoài, thay vào đó họ rất cảm phục cho một dân tộc có tinh thần võ sĩ đạo như vậy.

Cả nước Việt Nam chúng ta thời ấy chỉ có một Đại Học Phật Giáo duy nhất. Đó là Đại Học Vạn Hạnh tại số 222 đường Trương Minh Giảng Sài Gòn; nhưng Đại Học Phật Giáo này cũng chỉ tồn tại được từ năm 1964 đến năm 1975 thì chấm dứt và hình như chưa có cấp bậc Tiến Sĩ. Rồi sau này từ năm 1984 đến 2012 gần 30 năm như vậy tám nhãn hiệu Đại Học Phật Giáo vẫn chưa được chính phủ công nhận, mà phải trải qua các giai đoạn như: Học Viện Phật Giáo Việt Nam, Học Viện Vạn Hạnh v.v... chỉ có tiếng Anh dùng cho ngoại quốc là Đại Học; nhưng tiếng Việt thì chưa. Tại sao như vậy? Và họ ngại gì cho sự văn minh, tiến bộ của một đại bộ phận dân tộc là Phật Giáo? Những người lãnh đạo đất nước Việt Nam nên đi ra ngoại quốc để học hỏi và nhất là nước Nhật, có rất nhiều điều để chúng ta có thể nghiên cứu được.

Thế mà ở Nhật vào thời điểm năm 1972 ấy cứ mỗi Tông Phái Phật Giáo đã có từ 3 đến 5 Đại Học rồi, mà ở Nhật có trên

dưới 10 Tông Phái lớn như: Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, Tịnh Độ Chơn Tông, Nhật Liên, Sáng Giá Học Hội, Lập Chánh Giáo Thành Hội, Lâm Tế, Tào Động, Mật Giáo v.v... Đó chỉ là những Đại Học Phật Giáo; còn Đại Học Phổ Thông ngoài đời nhiều vô số kể, có cả hàng ngàn Đại Học như vậy. Mỗi Đại Học có nhiều phân khoa khác nhau được mở ra từ Cử Nhân đến Cao Học và Bác Sĩ. Đến nay (2012) tôi chưa có số thống kê chính thức; nhưng tại Nhật Bản có không dưới 3.000 Đại Học và tại mỗi Đại Học như vậy có cả mấy chục ngàn sinh viên. Người Nhật ít thấy họ hãnh diện về việc này. Vì họ thấy chuyện ấy cũng là việc bình thường thôi. Tôi hỏi Yamada, người bạn Nhật học cùng lớp rằng: Tại sao cậu đi học đại học để làm gì vậy? Yamada trả lời rằng: „Thì ai học xong Trung Học đệ nhị cấp rồi đều phải đi học Đại Học, chứ biết đi đâu bây giờ“. Đó là câu trả lời thực tế để chứng minh cho việc học của người Nhật.

Thật ra dẫu cho có tu hay có học đến đâu cũng chỉ để giải quyết những nhu cầu tâm linh và nhu cầu vật chất như: ăn uống, ngủ nghỉ, làm việc và những chuyện đời thường là chính. Còn kết quả của việc tu việc học như thế nào là tùy theo khả năng của người kia vậy. Ví dụ như có một sinh viên ra trường đi xin việc làm ở một hãng nợ, khi được phỏng vấn, ông chủ hỏi rằng:

- Tại sao anh chọn hãng tôi để vào làm?

- Sở dĩ tôi chọn hãng của ông, vì tôi muốn hãng của ông phát triển thêm, từ đó đời sống của nhân viên cũng như của gia đình tôi có cơ hội để tự tồn và phát triển.

Nếu trả lời rằng: Vì hãng ông trả lương cao hay công việc nhẹ đối với tôi, thì đã bị đánh hỏng rồi. Trong khi đó có nhiều người Việt Nam khi được hỏi đến công ăn việc làm thì họ trả lời rằng:

- Thưa Thầy! Việc con làm nhẹ lắm mà lương cao.

Người Nhật sẽ không bao giờ trả lời như thế cả. Họ sẽ trả lời rằng:

- Công việc của tôi làm rất nặng nhọc, xứng đáng với sức lực và đồng lương của tôi.

Người Nhật ít nói về mình. Họ hay nghe người khác phát biểu, đến phiên mình thì rất cẩn trọng và đặc biệt người Nhật ít khoe khoang về mình. Khi hỏi đến và nếu có ai tìm hiểu thì họ mới nói giới hạn cho nghe thôi; nếu chưa thân thiết lắm. Còn người Việt Nam mình thì thôi, chưa chi đã trải hết tấm lòng của mình cho mọi người biết rồi; nào là con tôi đậu Kỹ sư này, Bác sĩ kia, đưa con gái và con dâu đang làm trong bệnh viện nọ v.v... Hình như người mình có tính hơi khoe khoang và muốn người khác biết về mình hơn là mình muốn biết người đối diện.

Muốn đi đến Đại Học Teikyo tại Hachioji thuở ấy tôi phải đi bộ từ chùa Honryuji đến nhà gare Hachioji và đi đường Keio Lines, xe chạy qua đến Takahata Hattsudo. Từ đó lấy xe Bus đi đến phía sau Đại Học thì xuống xe. Nếu đi từ Shinjuku ra thì xuống trước đó một trạm; nhưng cũng phải bắt lấy xe Bus để đi đến trước Đại Học Teikyo.

Đại Học này có dạy từ Mẫu Giáo đến Tiểu Học và Trung Học; nên học sinh và sinh viên rất đông. Học sinh Trung Học phải mặc đồng phục áo trắng quần xanh nước biển. Nữ sinh áo trắng và váy màu xanh như nam. Thắt cà-vạt, đi giày. Trong khi đó sinh viên Đại Học thì đa dạng, ai muốn phục sức như thế nào, tùy theo ý của mỗi người.

Lúc tôi học năm thứ nhất của Đại Học này (1973), Đại Học còn thô sơ lắm. Họ mới vừa xây xong một giảng đường lớn để có chỗ học cho các buổi giảng đông, nhiều sinh viên tham dự; hoặc tổ chức những buổi lễ phát chứng chỉ tốt nghiệp, văn nghệ liên hoan v.v... còn đa phần chúng tôi học ở những dãy nhà cũ, vốn là trường Trung Học đã xây lâu đời. Sau này Đại

Học Teikyo nổi tiếng về các phân khoa như Y học, Thể dục, Anh văn, Giáo dục v.v... thì họ đã xây dựng rất bề thế, không khác gì những Đại Học hiện đại trên thế giới. Ngày nay Đại Học Teikyo đã có đại diện khắp các châu; nhiều nhất là Hoa Kỳ và ngay tại Đức cũng có chi nhánh của Đại Học Teikyo này ở Berlin. Năm 2008 tôi có dẫn Hạnh Giả và Hạnh Bảo về lại thăm trường xưa thì thấy trường lúc ấy đã thay đổi quá nhiều, không còn nhận diện ra được nữa. Ngày xưa khi chúng tôi ngồi trên xe Bus để đến trường còn có cơ hội ngắm hai bên đường đi nào là ruộng lúa, luống rau v.v... nhưng bây giờ chỉ toàn là nhà cửa và đường sá mở rộng hơn. Chỉ còn người gác-dan và ông Chánh Văn Phòng là còn nhận diện được. Từ Giáo sư cho đến sinh viên, chẳng ai biết mình là ai cả.

Ngày đầu của tháng 4 năm 1973 chúng tôi vào học giờ Tâm lý Giáo dục của ông Giáo sư già Yoshida. Ông ta hỏi tất cả những sinh viên trong lớp rằng:

- Các anh chị em chọn ngành giáo dục để học. Vậy giáo dục là gì thế ?

Chẳng có sinh viên nào trả lời hết, mà ai nấy đều lo thủ phận mình biên biên, chép chép thế thôi. Đoạn ông giải thích:

- Giáo là dạy, dục là mong cho trở thành. Nghĩa là mong cho trở thành việc hiểu biết qua lời dạy thì gọi là giáo dục. Còn tâm lý hầy? Tâm lý là tâm lý. Thế là cả lớp phá lên cười, đánh tan bầu không khí nặng nề kia.

Năm đầu học chỉ để làm quen; chứ Thầy giảng cứ giảng, mình nghe cứ nghe; nhưng cuối cùng đâu có hiểu được bao nhiêu; nên tôi đã tìm cách làm quen với các bạn ngồi gần. Trong suốt 4 năm Đại Học ấy tôi đã quen với Yamada và Iyoda. Đây là hai người bạn cùng khoa cùng lớp mà mãi cho đến bây giờ tôi vẫn còn liên lạc với nhau. Mới đây vào ngày 4 tháng 11 năm 2012 nhân lễ khánh thành chùa Việt Nam tại Hanbara

thuộc quận Aichi, tỉnh Kanagawa gần Tokyo, tôi đã có cơ hội gặp lại Iyoda và cả hai ông bà bảo lãnh Akiyama nữa, là những người của hơn 41 năm về trước, mà tôi đã cậy nhờ. Bây giờ họ đã lớn tuổi và có người cũng sắp về hưu; nhưng mối liên hệ ấy vẫn còn, quả là điều quý hiếm.



Ông Bà Akiyama và Iyoda có mặt tại chùa Việt Nam ở Nhật Bản vào ngày 4.11.2012.

Mùa tháng 4 thường là mùa hoa Anh Đào nở. Trong vườn chùa Honryuji hay trong khuôn viên Đại Học Teikyo; nơi nào cũng có thể ngắm nhìn được những màu hoa xinh xắn ấy. Cây Anh Đào không cao; nhưng tàn lá sum sê và khi hoa nở không bao giờ có chen lá vào đó. Toàn hoa là hoa. Hoa màu hồng nhạt. Dĩ nhiên là có rất nhiều loại; nhưng tựu chung hoa Anh Đào màu hường nhạt. Người ta hay tụ năm tụ ba dưới những gốc cây Anh Đào như thế để đọc sách, uống trà, uống rượu, ngắm trăng v.v... nhưng rất tiếc hoa chỉ nở trong một

tuần rồi tàn. Nếu ở Tokyo hoa thường nở từ ngày mùng 8 tháng 4 dương lịch, cũng là ngày lễ Hana Matsuri (Lễ Đản Sanh) cho đến hết ngày 15 hoa sẽ tàn; nhưng nếu ở miền Nam như Okinawa hay Kagoshima thì hoa nở sớm hơn mấy ngày và nếu là miền Bắc như Sendai hay Hokkaido hoa sẽ nở trễ hơn từ trung tuần tháng 4 dương lịch trở đi. Nếu quý vị muốn đi xem hoa Anh Đào của xứ Nhật thì hãy chọn những thời điểm trên. Còn ai đó muốn nhìn nét đẹp mùa Thu của Nhật Bản như thế nào thì hãy đến đó vào cuối tháng 10 đầu tháng 11 dương lịch, quý vị sẽ xem thấy những bức tranh thiên nhiên đẹp tuyệt vời.

Ở Nhật có nhiều tổ chức khác nhau của người Việt mà một sinh viên Tăng sĩ như chúng tôi cần phải hiện diện. Đó là Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Nhật Bản, Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật; còn tại các Đại Học mà các sinh viên theo học cũng có thể tham gia các Hội tại đó.

Từ năm 1966 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước đã cử Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh làm Phân Bộ Trưởng Phân Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Pháp. Sau đó các Chi Bộ tại Lào, Ấn Độ, Nhật Bản được thành lập. Vì lẽ quý Thầy, quý Cô sau khi tốt nghiệp tại Ấn Độ đều về nước làm việc hay đi Hoa Kỳ để định cư; nên Chi Bộ tại Ấn Độ và Lào không còn nữa. Duy nhất chỉ còn Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật là còn tồn tại từ ấy cho đến ngày hôm nay, trải qua các thời kỳ của Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Minh Tuyền làm Chi Bộ Trưởng và thưở ấy chúng tôi có cơ quan ngôn luận là tờ báo Khuông Việt; nhưng sau này không còn nữa. Thông thường mỗi tháng chúng tôi họp một lần (trước năm 1975); nhưng nếu có việc gì cần thiết thì chúng tôi họp bất thường. Việc này duy trì cho đến năm 1975-1978 thì không còn liên tục nữa, vì một số quý Thầy đã đi khỏi Nhật Bản để đến tỵ nạn và định cư tại Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Úc v.v...

Thật sự ra sinh viên lúc đó có 2 Hội hoạt động song hành. Một Hội thân với chính phủ và Hội kia ban đầu hoạt động có tính cách bí mật có tên là Beheito (Việt Nam Hòa Bình Thống Nhất Hội). Những người ở Hội này đa phần là những người chống chính phủ miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ; mãi cho đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì họ hiện nguyên hình. Thế nhưng một số lớn trong những người này cũng không được chính quyền lúc bấy giờ chấp nhận. Có lẽ họ ngại những người trí thức ở ngoại quốc lâu năm, biết nhiều vấn đề của thế giới cả hai mặt; nên họ cũng chỉ chấp nhận cầm chừng, ví dụ như đi về Việt Nam dễ dàng, thân nhân đoàn tụ v.v... nhưng quyết định về Việt Nam ở luôn thì có rất ít người.

Trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Nhật lúc ấy có 3 thành phần. Đó là những vị Tăng Sĩ ra đi từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phái Ấn Quang, quý vị thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phái Việt Nam Quốc Tự. Ngoài ra một số quý vị ra đi từ phái Phật Giáo Cổ Truyền Cổ Sơn Môn nữa. Khi ra đi và ở ngoại quốc rồi thì ai cũng bình đẳng như ai. Cái khó là làm sao ngồi chung lại được với nhau để thực hiện những công việc Phật sự. Thế mà Hòa Thượng Thích Minh Tâm lúc bấy giờ với vai trò Chi Bộ Trưởng đã thể hiện trọn vẹn được việc ấy.

Học bạ của tôi cuối niên học năm thứ nhất ấy không đến nổi tệ. Tuy là mới năm đầu học tại Đại Học. Người Nhật cho điểm khác với Việt Nam mình. Những ai có điểm cao từ 90 đến 100 thì gọi là „Ưu“. Từ 80 đến 90 thì gọi là „lương“ và từ 70 đến 80 thì gọi là „khá“. Dưới 70 điểm phải thi lại. Như vậy điểm họ chấm không căn cứ trên 50/50 mà căn cứ ở số điểm cao như vậy. Hầu như tôi không phải thi lại môn nào cả. Thông thường sinh viên chọn những môn chính và kèm theo những môn phụ. Nếu mấy năm đầu chọn nhiều mà học không nổi cũng khốn; nhưng nếu có thời giờ và khả năng vẫn là một điều tốt. Vì

để thời giờ lo cho luận văn trong năm thứ 4 của mình. Thông thường sinh viên hơi lười; tới đâu tính đó. Còn mình vốn là người ngoại quốc, nếu học bị ở lại lớp thì tiền đâu để đóng cho năm sau. Đó là những cái khó khăn rất thực tế mà mình phải cố gắng vượt qua ở buổi ban đầu ấy.

Đến năm thứ hai (1974) tiếng Nhật tôi đã vững vàng; nên Thầy trụ trì Oikawa có bảo tôi đi cúng đám với Ngài và sau đó trong các lễ Ohigan, Obon, Ngài bảo các Thầy lớn khoan vùng cho tôi và cầm tấm bảng đồ để đi. Chỗ nào có nhà đàn gia tín đồ thì tự động gõ cửa vào nhà để cúng. Đầu tiên là chào hỏi và bảo rằng: từ chùa Honryuji đến tụng kinh. Thế là các ông bà già mở cửa và mời vào bàn Phật để tụng kinh. Sau khi tụng kinh xong, họ thường lấy ra một phong thư màu trắng; trong ấy có gói 1.000 hay 2.000 Yen để cúng dường. Có nơi có thì giờ thì các vị này mời uống trà, ăn bánh nói chuyện. Tôi nhờ những câu chuyện như vậy mà giỏi tiếng Nhật, mãi cho đến bây giờ tiếng Nhật vẫn còn gần như là tiếng mẹ đẻ, tôi ít quên là nhờ thực tập nhiều trong lúc ở chùa và đi cúng như thế này. Điều quan trọng hơn là nhờ vậy tôi có đủ tiền để đóng học phí cho Đại Học; không phải đi làm ở ngoài, mà cũng chẳng phải cực nhọc nhiều. Chỉ làm công việc chùa thôi. Có một lần sau khi tụng kinh xong, một cụ lớn tuổi người Nhật mời tôi ngồi uống trà và bắt đầu câu chuyện:

- Thầy từ đâu đến vậy ?

- Ô! Tôi ở xa lắm! Đi đến 8 tiếng đồng hồ máy bay lận.

Cụ suy nghĩ một hồi lâu rồi tiếp:

- Nước Nhật này bé tí teo. Đi đâu mà xa quá vậy. Thầy có làm đi bằng xe lửa chẳng?

- Không! Thưa Cụ. Tôi đi máy bay đấy.

- Vậy nơi ấy là nơi nào?

- Thưa! Nước Việt Nam ạ.

- Ôi giỏi! Nước Việt Nam! Chúng nó tàn ác quá nhỉ? Anh em huynh đệ mà bắn giết nhau mấy chục năm chưa dừng nghỉ. Thật là tội nghiệp (Kawaisoo).

Cụ nhấn mạnh chữ Kawaisoo nhiều lần như thế rồi nhìn đi một hướng xa xôi nào đó như để hướng về một điều gì trong dĩ vãng chăng? Chữ Kawai tinh từ có nghĩa là dễ thương; nhưng chữ Kawaisoo danh từ có nghĩa là đáng thương hại, tội nghiệp quá đi thôi! đoạn Cụ quay qua tôi.

- Thế mà tôi làm. Thấy Thầy mặc Tăng y người Nhật, tụng kinh tiếng Nhật thật hay, tôi cứ tưởng là một vị Tăng sĩ Nhật.

Khi nghe được những lời chân thật của ông cụ già Phật Tử chùa Honryu như vậy tôi vững tâm. Vì tiếng Nhật mình đã không còn khó khăn như thuở ban đầu nữa. Bây giờ đây đã tiến bộ nhiều rồi. Trong nhiều bữa ăn hay cuộc hội họp tại chùa, Thầy Oikawa hãnh diện về tôi; nên giới thiệu với mọi người và tôi cũng đã có đôi lời để chào hỏi và cảm ơn họ. Thật ra tôi giỏi tiếng Nhật cũng nhờ bà vợ của Thầy trụ trì. Bà này người sắc sảo; nhưng rất đánh đá như bao nhiêu người đàn bà khác trên thế gian này. Bà ta nói, la, dằn... bằng mọi ngôn từ và mọi hành động, hầu như tôi đều hiểu tất cả những tiếng địa phương cũng như những tiếng lóng của Nhật nữa, mặc dầu tôi đang nói tiếng tiêu chuẩn của vùng Tokyo này. Thật ra cái tu, cái học không bao giờ thừa thãi hết. Cứ cố gắng rồi mọi việc sẽ đến. Cho nên người xưa có rất nhiều câu ca dao và tục ngữ để ca tụng về việc học này. Ví dụ như:

- Thất bại là mẹ đẻ của thành công.

- Nhân bất học bất tri lý, ngọc bất trát bất thành khí, ấu bất học lão hà vi

- Trường học là lò đúc nhân tài.
- Học hải vô nhai cần thị ngạn
- Thanh không hữu lộ, chí vi thê.

Dĩ nhiên là còn rất nhiều câu tục ngữ hay hơn như thế nữa nếu ai đó trong chúng ta có thì giờ để nghiên cứu đến. Vì lẽ xưa nay chưa ai phủ nhận sự tu và sự học cả. Trên từ Vua Chúa, dưới cho đến thiên hạ đủ hạng người. Nếu ai có tu và có học, người ấy sẽ đứng ở một vị trí xứng đáng trong cuộc đời. Dĩ nhiên cũng có nhiều người không cần con đường học vấn cũng thành công như thường, mà họ chẳng cần bằng cấp, cũng như chẳng qua trường lớp nào. Trường hợp ở Việt Nam mình có ông Nguyễn Hiến Lê, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Ở Đài Loan có Ngài Ấn Thuận, Ngài Tinh Vân. Ở Nhật có ông Thủ Tướng Tanaka đã làm Thủ Tướng của nước Nhật, mà là người chưa đỗ bằng Tiểu Học. Họ là những học giả, tự nghiên cứu và tự đi vào đời bằng kinh nghiệm sống của mình hay nói xa hơn là dư báo của họ trong kiếp này còn tốt; nên họ mới được như vậy.

Năm 1973 có tin Thầy Như Mẫn, Sư Đệ của Thầy Như Tạng sang Nhật du học. Thầy Như Tạng có ý nhờ tôi lo cho Thầy Như Mẫn vào ở chung chùa với tôi. Tôi hoan hỷ vô cùng, vì mình có thêm người bạn mới để nói chuyện. Khi Thầy Như Mẫn An Thiên mới đến Nhật, tôi cũng đã hướng dẫn cho Thầy ấy như Thầy Như Tạng và Thầy Chơn Thành giúp tôi thuở xưa. Nghĩa là Thầy ấy gặp vấn đề khó khăn như trường học, cách di chuyển, cách tìm lớp học và ngay như tài chánh, tôi đều giúp đỡ. Trước là để trả ơn Thầy Như Tạng, sau là thể hiện tình đồng hương với nhau. Thầy Như Mẫn An Thiên ở chùa này cho đến năm 1978 thì dọn ra ngoài ở và vẫn tiếp tục học lên Hậu Đại Học Lập Chánh sau này. Tuy nhiên trong 4 lễ lớn của năm, Thầy ấy vẫn về chùa Honryuji để đi cúng giúp cho Thầy trụ trì. Thầy ấy chăm học; nhưng tôi chưa gọi là một người bạn được.

Vì Thầy ấy hay giấu giếm nhiều điều, ngay cả tuổi thật của mình. Thế là tôi không gần. Tuy nhiên sau này khi Thầy học gần xong có nhờ tôi bảo lãnh sang Đức để thăm khi còn nơi chùa cũ vào những năm 1987-1988, tôi đã thực hiện điều ấy và Thầy có ý muốn sang Úc để thăm và định cư, nhờ tôi giới thiệu với Hòa Thượng Bảo Lạc. Việc này tôi cũng đã thực hiện xong và sau khi Thầy từ chùa Pháp Bảo ra riêng, tôi cũng đã đến thăm chùa Minh Giác của Thầy ấy tại Sydney mấy lần. Đến khi nghe Thầy An Thiên tự thiêu tại vườn chùa Minh Giác, tôi rất ngỡ ngàng và chỉ viết một lá thư gửi FAX qua; chứ không đi dự lễ tang. Tang lễ của Thầy ấy đã được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan đứng ra lo liệu thập phần viên mãn.

Bây giờ có nói gì đi nữa thì chuyện đúng sai xin gửi lại cho đời. Đúng để làm gì và sai để làm gì khi mà nắp quan tài đã khép lại? Duy nhất chỉ có một điều là Thầy đã hiểu rõ lý do tại sao Thầy làm như thế là đủ rồi; còn người ngoài làm sao hiểu hết được tâm tư tình cảm của Thầy thuở ấy ra sao mà phán đoán. Nói như vậy thì công lý, luật pháp để làm gì? Dĩ nhiên là rất cần; nhưng những luật đời này làm sao qua nổi nhân quả được. Do vậy tôi vẫn thường hay nói với chính mình và với học trò đệ tử của mình rằng: Trên đời này có cái đúng và cái sai, nhưng nhân quả không đúng thì thôi, chứ không bao giờ sai cả. Câu này tôi luôn học nằm lòng để tự răn mình, để không than phiền ai và nếu có, chỉ than phiền mình thiếu tu, thiếu phước mà thôi.

Ngày xưa người ta quý bạn hơn cả người thân của mình trong gia đình; nhưng ngày nay tìm được một tình bạn như thế thật khó vô cùng. Ấu đó cũng chỉ là nhân duyên của mỗi người trong cuộc đời này mà thôi. Qua sách vở, văn chương ta thấy có những tình bạn thật tuyệt vời nhưng cũng có nhiều mối tình khó nói, khó than thở, khó trao lại cho ai thì họ tự mang theo mình

và chôn chặt những loại tình ấy vào thiên thu, cho trôi vào dĩ vãng.

Mùa nghỉ xuân năm 1974 tôi xin phép Thầy trụ trì được đi thăm những bạn bè thân quen từ Nam chí Bắc nước Nhật và sẽ đi bằng xe lửa. Thầy Oikawa hỏi tôi là có chắc chắn chưa và có cần gì không? Đoạn Thầy lấy cho tôi 10 vạn Yen để lên đường. Đây có lẽ cũng là một loại tiền thưởng. Vì công việc chùa tôi làm thông suốt, không bỏ sót một việc gì và sau niên khóa thứ nhất tôi đã thi đậu tất cả các môn. Tôi cảm ơn Thầy và khăn gói khởi hành chỉ một thân ra đi trong muôn vạn dặm.

Đến Hokkaido để thăm thành phố đẹp tuyệt vời này về đêm và đi thăm bộ lạc Ainu là dân thiểu số duy nhất còn sống trên đất nước này. Họ vẫn còn vắn váy và ở nhà chòi. So ra cái văn minh của Nhật tại Tokyo và phố thị hầu như họ chẳng bị chi phối và bị ảnh hưởng gì nhiều. Họ ăn uống theo đồ ăn của họ; nói ngôn ngữ của họ và nhất là truyền thống xưa sao nay vậy họ vẫn bảo tồn nền văn hóa cổ truyền này. Đến đây để tắm suối nước nóng và thăm phong cảnh địa phương. Vì ở đây không có người Việt Nam nào quen; nên tôi trở lại Sendai và Fukushima để thăm cô Hồ Thị Kiều đang học tại đó.

Năm 1980 sau khi ở Đức được 3 năm, trên đường sang Úc và về lại Nhật, tôi đã đón Kiều qua Đức, qua sự giới thiệu của tôi và làm vợ của Bác sĩ Văn Công Trâm trong một thời gian dài trên dưới 20 năm, rồi mối tình ấy tan rã. Bây giờ Kiều vẫn còn ở Đức; nhưng sự thành công của Kiều ở Nhật là do ông Ishikawa vốn là vị Trụ trì của chùa Long Tuyền ở Fukushima cuu mang Kiều từ thuở nhỏ.

Đến Gunma để thăm Nguyễn Tiến Quang đang học tại đó lúc bấy giờ. Ở đây tôi đã mua nhiều bộ tự điển Nhật Anh quan trọng. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn lưu giữ trong thư viện

của chùa Viên Giác tại Hannover. Sau này có vài lần gặp Nguyễn Tiến Quang ở Pháp và ở Mỹ.

Đến Osaka để thăm Phan Đức Lợi. Ngày nay Lợi và Thông không còn trên cõi đời này nữa; nhưng đây là những người bạn thật tuyệt vời, mặc dầu giữa tôi và họ, Đời Đạo khác nhau, có lý tưởng phụng sự cho quê hương Tổ Quốc cũng khác nhau nữa; nhưng không vì thế mà tình người lại xao lãng; nhất là tình bạn khi còn học Tiểu Học tại trường Xuyên Mỹ năm nào từ những năm 1957 đến năm 1961.

Tôi dùng thuyền để đi sang Sikokku thăm chùa của Nakatomi; đến Hagi để thăm chùa của Matsunaga và đến Sizuoka thăm chùa của Sizumi. Tất cả đều là những kỷ niệm tuyệt vời cho chuyến đi ấy. Trong quyển „Đường Không Biên Giới“ xuất bản tại Đức cách đây chừng 20 năm, tôi đã kể rõ về những chuyến đi này. Đặc biệt Thầy Hạnh Tấn đã minh họa bức hình tôi cỡi ngựa tại Hagi vào mùa thu để làm bìa sách rất đẹp.

Sau đó dùng xe lửa tiếp tục đi Kyushu rồi Kagoshima để thăm Tôn Thất Hoàng. Đây là người bạn ở trọ cùng nhà trong khi học Nhật ngữ tại Tokyo. Hoàng thuở ấy được đậu vào trường công lập Kugoshima nên không phải đóng học phí nhiều. Mỗi năm chỉ đóng tượng trưng một ít tiền văn phòng mà thôi. Hoàng dẫn tôi đi thăm núi lửa và đặc biệt là củ cải trắng của vùng này. Vì có núi lửa hoạt động; nên củ cải to vô cùng. Nếu những người con gái Nhật Bản nào bị ví chân họ là củ cải thì các nàng giận lắm. Vì bắp chân như thế rất lớn.

Mới đây (2012) tôi có gặp lại Iyoda tại Nhật Bản, anh ta có nhắc lại chuyến đi Nigata vào mùa Đông năm 1973, đến thăm nhà của Yamada, vốn là bạn học chung trường và chung lớp tại Đại Học với chúng tôi. Iyoda nhắc lại mối tình giữa anh ta và cô em gái của Yamada thuở ấy. Mới chỉ mấy ngày thôi, mà trông như họ đã quen nhau lắm rồi. Cuối cùng rồi ai về lo

công việc này. Em của Yamada đã có chồng có con và nay đã có cháu. Còn Yamada vẫn ở độc thân như vậy. Iyoda cũng đã lập gia đình từ lâu, có hai con và nay là công chức sắp về hưu của thủ phủ Chofu.

Iyoda cũng nhắc lại chuyến đi đó, tôi bị quẹo chân vì trượt tuyết chưa quen. Vùng Nigata tuyết nhiều lắm và đây cũng là một kỷ niệm đẹp khó quên vô cùng trong đời sinh viên của tôi ở Nhật.

Sau hơn một tháng tôi trở về lại chùa. Mọi sinh hoạt vẫn bình thường. Thầy trụ trì vẫn như xưa, các con ông bà ta vẫn đi học đều. Chỉ có bà là hơi khó chịu, vì công việc không chạy máy, khi thiếu tôi tại chùa này; nhưng hai ba ngày sau rồi việc đâu cũng vào đấy cả.

Con người là một động vật rất khôn ngoan có lý trí cao nhất trong các loài động vật khác. Nhưng một điều hay là dễ quên. Nếu cái gì cũng nhớ hết, và sự nhớ ấy, cả việc tốt lẫn việc xấu, chắc cũng phải xếp hàng mấy chục nghìn cây số vẫn chưa hết. Vì trong mỗi sát na đều có sự biến hiện vô cùng này.

Trở lại Việt Nam

Kokkukai kaikan tức là Quốc Tế Hội Quán; nơi đây các sinh viên ngoại quốc, trong đó có cả sinh viên Việt Nam cư ngụ và cũng là nơi các sinh viên ở ngoài đến đây thăm viếng, cũng như hội họp và ăn cơm rẻ tiền. Hội Quán nằm gần nhà gare Okubo. Muốn đến đây phải đi ngang qua một tiệm ăn Việt Nam, người chủ là Bà Định. Bà ta có chồng người Nhật và là một Phật Tử rất thuần thành. Vào thời điểm 1973 khi Hòa Thượng Thích Minh Tâm chuẩn bị sang Pháp, bà có ý muốn giúp quý Thầy một cơ sở để làm ăn, chỉ chuyên bán nước đá và nước ngọt ở Ikebukuro. Nguồn lợi có được, giúp cho quý Thầy đang gặp khó khăn về học phí. Thế là Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt và tôi xung phong vào ở đó (lúc này tôi chưa vào ở chùa Honryuji). Sau một thời gian kinh doanh phải nói là thất bại, vì ngôn ngữ không rành và không biết phương pháp tiếp đãi khách hàng. Thế là đóng cửa sau 3 tháng; nhưng dẫu sao đi nữa chúng tôi cũng cảm ơn bà. Vì nhờ bà với tấm lòng hảo tâm như vậy, chúng tôi mới rõ được lòng người, khi ở một đất nước xa lạ vẫn có những tâm hồn độ lượng, cứu người giúp đời như thế.

Tôi cũng hay đến cư xá quốc tế này để thăm Nguyễn Chánh Khê và một vài người bạn hữu khác như Ngô Chí Dũng, Huỳnh Lương Thiện v.v... Họ là những sinh viên xuất sắc, tuy mỗi người có một hướng hoạt động khác nhau. Lê Tùng Phương bây giờ đang ở Pháp, ngày ấy cũng ở đây. Chúng tôi có

những buổi mạn đàm chung mà cũng có những buổi nói chuyện riêng, vì đa phần các anh chị em sinh viên này đều là Phật Tử, không khí thật cởi mở và thân tình. Trong những câu chuyện bình thường ấy có người bảo rằng: „Hè năm nay (1974) chính phủ cho phép các sinh viên du học về thăm quê và còn ưu đãi nữa. Nghĩa là những nơi nào có Air Vietnam bay đến, sinh viên về nước nghỉ hè họ chỉ lấy có nửa tiền thôi và di chuyển, ăn ở trong quốc nội cũng vậy“. Đó là một tin vui cho mọi người, trong đó có tôi. Thật sự ra tôi cũng chưa muốn về lại thăm quê trong thời gian này; nhưng cơ hội tốt như thế đâu có đến lần thứ hai. Và lại đây là chủ trương của ông Hoàng Đức Nhã, cố vấn cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu thuở ấy có ý tốt để chiêu dụ các sinh viên về nước, để sau này học xong, họ trở lại quê nhà phục vụ cho quê hương. Đồng thời khi xem truyền hình, tôi thấy tình hình chiến sự ở Việt Nam mỗi ngày một gia tăng thêm. Cuối cùng rồi tôi cũng xin phép Thầy trụ trì Oikawa về thăm Việt Nam trong vòng một tháng của mùa hè năm 1974 ấy.

Nghe tôi đi Việt Nam như vậy, Nakatomi và Matsunaya, hai Tăng sĩ Nhật ở chung cùng chùa cũng muốn đi Việt Nam cho biết. Cuối cùng có thêm hai vợ chồng ông Tanaka ở gần chùa cũng xin đi. Do vậy đoàn của chúng tôi gồm 5 người tất cả. Từ Haneda Nhật Bản bay về lại Việt Nam cũng phải bay qua Đài Bắc, Hồng Kông rồi mới đến Tân Sơn Nhất, tổng cộng mất hết 8 tiếng đồng hồ.

Đến Sài Gòn được chùa Hưng Long cho người đi đón và tôi hôm đó có cuộc hội ngộ nhỏ tại chùa Hưng Long với Thầy trụ trì, Thầy Phó trụ trì cùng Tăng chúng bốn tự và một vài vị Thầy ở xa đến thăm. Chương trình về lại quê hương lần này của tôi dự định đi thăm Huế, Đà Nẵng, Hội An, Đà Lạt và Cần Thơ cũng như học lái xe hơi. Hai tuần lễ đầu tiên tôi dành thì giờ cho việc đi thăm những nơi tại Sài Gòn trước và sau đó mới đi

những nơi xa, cùng đi với 4 người Nhật kia và sau khi họ về nước, tôi mới đi học lái xe.

Những ngày đầu tiên ở lại chùa Hưng Long gặp hai chuyện khó khăn. Đó là ngủ trên bộ ván ngựa đau lưng vô cùng và tại chùa khi tắm không có nước nóng. Quý Thầy trong chùa trên tôi là mới đi xa có mấy năm mà đã quên Việt Nam rồi. Thật ra hơn 2 năm ở Nhật tôi đã hội nhập vào đó không biết bao nhiêu điều, bây giờ trở lại Việt Nam thấy có nhiều cái xa lạ. Huống gì là bây giờ nữa, sau chừng ấy năm, gần 40 năm rồi còn gì, nếu kể từ thời điểm năm 1974, tôi chưa có lần nào về nước, thì độ cách biệt giữa trong và ngoài nước chắc xa nhau rất nhiều, nhất là về tư tưởng. Vì ở ngoại quốc, sống dưới thể chế tự do; người ta có thể nói bất cứ điều gì mà người ta muốn nói; chứ không phải khi phát biểu phải ngó tới dòm lui như Việt Nam mình. Do vậy tôi chưa về Việt Nam trong hiện tại, đây là lý do chính vậy.

Tôi vừa nói tiếng Việt lẫn tiếng Nhật khi cần thông dịch cho 4 người Nhật đi cùng; nên ai cũng trầm trồ rằng: „Thầy Như Điền mới đi Nhật có mấy năm mà giỏi tiếng Nhật quá xá“. Tôi nghe cũng cảm thấy vui vui; nhưng cũng chẳng có gì lạ về việc này cả. Vì „ở bầu thì tròn, ở ống thì dài“ kia mà. Khi con người bị ném vào một môi trường nào đó, bắt buộc phải thích nghi; nếu không, mình sẽ bị sống bên ngoài lề xã hội. Đây là nguyên tắc của các cuộc sống. Cũng có một số người thích nghi với cuộc sống mới quá nhanh; nhưng cũng có một số người lớn tuổi không quen ngôn ngữ, thức ăn và văn hóa tại xứ người; nên sau năm 1975 đã có nhiều người luôn nhớ về quê hương và luôn khắc khoải mong cho có ngày trở về; trong khi đó, giới trẻ họ luôn nhìn tới tương lai ở một chân trời cao rộng khác và họ xem Việt Nam cũng như một nước ngoại quốc nào đó nằm trên bản đồ thế giới vậy.

Hòa Thượng Thích Như Tín, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thầy Ngô Hạnh, Thầy Quảng Hạo và một số quý Thầy đang sinh sống tại Lưu Học xá Huyền Trang thuở ấy có làm một bữa tiệc mừng để đón tiếp chúng tôi. Sau bữa tiệc linh đình kia Hòa Thượng Bảo Lạc kêu tôi nói riêng là: „Hòa Thượng cũng muốn đi du học Nhật Bản. Vì tình hình Việt Nam không có gì khả quan mấy. Vả lại mới đi Nhật có mấy năm mà sao tiếng Nhật giỏi quá vậy?“. Tôi nói rằng: Nếu Thầy muốn như vậy thì hãy chuẩn bị tất cả những hồ sơ cần thiết, sau khi đi các nơi về Như Điền sẽ gom hồ sơ lại mang qua Nhật và sẽ làm giấy tờ giúp cho Thầy.

Song song đó tôi cũng đã giúp cho Thầy Minh Tuấn ở chùa Hưng Long và hồ sơ đi Nhật của Thầy ấy tôi đã làm trước khi về lại Việt Nam lần này và hy vọng khi qua lại Nhật, Thầy ấy sẽ có giấy nhập cảnh Nhật. Qua kinh nghiệm của chính tôi, Thầy Như Mẫn An Thiên, Thầy Minh Tuấn; nên việc lo giấy tờ cho Hòa Thượng Bảo Lạc chỉ trong vòng 3 tháng là xong, sau khi tôi trở lại Nhật vào năm 1974.

Đi thăm Đà Lạt thơ mộng, tôi dẫn 4 người Nhật theo cùng. Họ đã đến Hồ Than Thở, Thác Prenn, Thác Cam Ly và xem một vài thắng cảnh khác, sau đó lên phi trường Liên Khương để bay ra Huế rồi vào Đà Nẵng. Chủ yếu của tôi là về lại chùa Tổ cũng như chùa Viên Giác ở Hội An để đánh lễ Sư Phụ và làm sao có thì giờ về quê thăm Thân Phụ của mình. Năm đêm tại chùa Viên Giác Hội An, để nhìn ánh sáng hỏa châu chiếu sáng lập lòe suốt đêm và nghe tiếng đại bác nổ đi đùng rạt cả hai vành tai; nên hôm sau tôi quyết định không về quê và nhờ người lên quê đón thân phụ tôi xuống chùa Viên Giác để thăm. Như vậy an toàn cho cả tôi và 4 người Nhật đi cùng nữa. Đó là lần gặp Thân Phụ sau cùng cho đến năm 1986 người đã ra đi ở tuổi 89 tuổi.

Sau khi đi thăm phố cổ Hội An và Chùa Cầu Nhật Bản cũng như cho 4 người Nhật ăn Cao Lâu chay và Mì Quảng đặc biệt; họ chẳng còn lời nào để tán dương ẩm thực ở Việt Nam nữa. Vì ở Nhật làm gì có tô Cao Lâu và Mì Quảng bốc khói như vậy. Mỗi dân tộc đều có một cách ăn uống khác nhau. Ví dụ như người Ấn Độ vẫn ăn cơm như Việt Nam chúng ta; nhưng cái gì cũng cho cà-ri vào đó, đồng thời họ ăn ớt rất nhiều. Người Nhật cũng ăn cơm; nhưng cơm của họ dẻo như xôi và thức ăn thì ngọt chứ không mặn như Việt Nam. Còn người Trung Quốc thì dùng quá nhiều dầu; người Đại Hàn lại quá nhiều ớt và tỏi. Khi qua Tây Phương, lối ẩm thực lạ khác hẳn Á Châu chúng ta; nhưng đó là phong vị của từng dân tộc để họ có thể bảo tồn đặc sản văn hóa ẩm thực của họ.

Sau khi đưa 4 người Nhật này về lại Sài Gòn và họ trở lại Tokyo thì tôi đi ghi danh học lái xe Jeep cũng như xe gắn máy ở gần trường đua ngựa Phú Thọ. Lúc nào không có giờ học thì tôi đi thăm bạn bè hoặc phố thị. Một hôm đang đi trên đường Lê Lợi thấy ai giống Nguyễn Thông, người bạn cũ năm nào; nên đã tặng cho anh ta một cây quạt Nhật Bản. Đến mấy ngày sau đó, tôi ghé thăm Đại Học Vạn Hạnh lại gặp Nguyễn Thông nữa và bảo rằng: Hôm trước mình đã tặng quà cho bạn rồi. Thông trở mặt nhìn và bảo rằng: Bạn về lúc nào mình đâu có biết và chưa gặp lần nào mà! Thế là tôi đã lầm. Người mà tôi gặp tại đường Lê Lợi tức là Bác sĩ Văn Công Trâm đang du học tại Đức và về lại thăm quê hương trong dịp này cũng giống như trường hợp của tôi và bao nhiêu sinh viên khác trở lại quê hương. Trâm cũng là bạn cũ hồi Tiểu Học; nhưng nhìn Trâm lại nghĩ là Thông. Nhân cơ hội này tôi mời Thông đi Cần Thơ với tôi một chuyến cho vui. Thông nhận lời.

Miền Tây Việt Nam tôi mới biết Mỹ Tho và Cần Thơ; ngoài ra chưa biết nơi nào cả. Đến Mỹ Tho để thăm Lê Văn Thành cũng đi du học Nhật và về lại thăm quê; nên chúng tôi đã

ở nhà của Thành lúc đó mấy ngày và Thành giới thiệu công thức làm nước mắm, nghề truyền thống của gia đình ra sao và cuối cùng chúng tôi đã lấy xe đò đi Cần Thơ. Đến Cần Thơ chẳng quen ai, chúng tôi đến bến Ninh Kiều để nói chuyện một hồi về tương lai của đất nước và cảm nghĩ của mỗi người. Bắt đầu từ đó tôi và Thông có cách nhìn về quê hương khác nhau theo chiều hướng của mỗi người. Tối đó chúng tôi xin tá túc tại một ngôi chùa và ngày hôm sau chúng tôi cùng dậy để đi công phu khuya. Đặc biệt chùa này sau khi tụng Lăng Nghiêm xong, Thầy trụ trì cho đi kinh hành quanh điện Phật cả 7 vòng luôn, mồ hôi nhễ nhại sau khi kết thúc một thời kinh.

Trên đường về Thông chỉ lơ đãng nhìn bèo trôi trên dòng nước khi ngồi trên phà và tôi nói Thông cứ chọn trái cây để mua đem về biếu cho Nguyệt. Ngày ấy họ chưa cưới nhau; nhưng sau này họ đã trở thành vợ chồng, sống chung với nhau và có hai con. Cách đây 3 năm, Thông đã quy y Tam Bảo với pháp danh là Nguyên Minh; người bạn cũ của tôi ấy đã về với những lời cầu nguyện khi hơi thở cuối cùng với câu Phật hiệu Nam Mô A Di Đà.

Cho hay con người hay muôn vật cũng vậy, khi đến đường cùng họ phải bám víu vào một cái gì đó để tự tồn, khi mà niềm tin vào lý tưởng của họ đã không đạt được trong cuộc sống như họ đã suy nghĩ. Khi ở Đức tôi có phone về Việt Nam cho Thông và bảo Thông cũng như Nguyệt, vợ Thông, nên tụng kinh Thủy Sám hay Lương Hoàng Sám cho Thông nghe và chính Thông khi rảnh cũng như những lúc bệnh tình không bị hành hạ thì Thông cũng đã chiêm nghiệm lời kinh qua những trang sách để trước mặt. Đời người ai rồi cũng phải một lần ra đi; nhưng có kẻ ra đi yên tĩnh và cũng có lắm người chưa muốn ra đi mà phải bị ra đi, vì có bao nhiêu mối lo chưa giải quyết xong. Con gái đầu của Thông tốt nghiệp Đại Học ở Canada và đã về nước làm việc. Đứa con trai thứ hai đang học dở dang Đại

Học tại Seattle Hoa Kỳ phải trở về nước đưa tang cha. Có lẽ cậu này cũng khó mà tiếp tục con đường học vấn của mình khi người cha không còn nữa. Không biết rằng tờ báo Saigon Times nơi Thông đã làm việc lâu năm có giúp gì cho hoàn cảnh của gia đình này chăng?

Người nào sống lâu trên đời này cũng sẽ có dịp để chứng kiến cho bao nhiêu cuộc ra đi như vậy. Nghĩ cho cùng thì ai trong chúng ta rồi cũng phải chết; nhưng tại sao trong lúc sống hờn giỗi nhau, chửi bới nhau, sát phạt nhau, thậm chí còn chém giết với nhau để tranh tiền, tranh tình, tranh danh, tranh lợi. Nhưng để làm gì? Chắc tất cả mọi người đều đã biết câu trả lời hết rồi. Thế mà thế giới này cứ đấu tranh. Tại sao người ta không hiểu cái hậu quả trước để rồi chẳng gây nhân bất thiện, để cho cuộc đời này còn đẹp đẽ hơn nhiều không?

Kể lại chuyện đi học lái xe cũng vui vui. Tôi đã học lái gần 20 tiếng đồng hồ như vậy. Thầy dạy lái xe bảo rằng: „Thầy hãy ghi tên để thi lấy bằng“. Tôi đồng ý. Thế là giờ thi đã đến, tôi lái theo sự điều khiển của ông Thầy lúc queo trái, lúc queo phải, lúc chạy thẳng; nhưng xe thì không có đèn *xi-nhanh*; cho nên nếu muốn queo trái thì phải bỏ một tay lái ra giờ tay bên tay trái, đoạn queo và hình như xe cũng chẳng có kính chiếu hậu nữa. Nếu muốn queo mặt thì giờ tay lên trên mui xe làm dấu để queo mặt. Thế là xong. Sau này khi qua Đức, tôi thấy quý Thầy quý Chú phải học lý thuyết rồi thi thực hành, đi xe bánh tuyết vào mùa đông và thi đủ loại, đủ thứ... thế mà nhiều khi còn rớt lên rớt xuống; còn học lái như kiểu Việt Nam qua đây chắc phải học lại từ đầu.

Sau khi thi đậu lái xe hơi xong, tôi trở về lại chùa Hưng Long. Ngày hôm sau có người đến gõ cửa chùa và báo cho tôi biết là Thầy chưa thi xe gắn máy, mặc dầu Thầy đã có học. Tôi hỏi lại: Bây giờ phải làm sao, vì tuần tới tôi đã trở lại Đông

Kinh rồi? Người ấy bảo rằng: „Chẳng có gì hết. Nếu Thầy thông cảm lo cho chúng tôi là được“. Thế là tuần sau tôi đã có cả 2 bằng lái xe hơi và xe gắn máy. Đặc biệt có cả bằng lái xe quốc tế nữa.

Trở lại Nhật tôi chỉ lái có 2 lần và bỏ lái từ đó cho đến nay. Đó là lần dọn nhà giùm cho Thầy Như Tạng cũng thất bại và lần thứ hai lái chạy tại Hachioji. Kể từ đó Thầy trụ trì Oikawa không cho lái nữa. Thầy ấy viện cớ rằng: Bên Nhật đi bên tay trái, còn ở Việt Nam lái bên tay phải. Và lại ở Nhật đông xe, không nên lái. Thế là bằng lái xe của tôi từ đó cho đến nay chỉ đổi thêm một lần nữa ra tiếng Đức vào năm 1978 và cho đến nay vẫn chưa xảy ra một tai nạn nào. Vì suốt gần 40 năm qua, tôi chưa bao giờ lái thêm một lần nào nữa cả.

Nếu tôi định cư ở Mỹ, Canada hay ở Úc chắc tôi cũng phải tự lái xe hơi. Vì lẽ những nước này đất đai rộng rãi; mỗi lần di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia tốn rất nhiều thời gian và giao thông công cộng không tốt như Âu Châu; cho nên hầu như bắt buộc quý Thầy Cô ở các nơi trên phải tự lái xe. Tuy nhiên có một số Hòa Thượng lớn tuổi không lái, vì còn nhờ vào đệ tử xuất gia hay tại gia được, mỗi lần đi đâu thì đã có người đưa đón.

Riêng tôi, ở Đức hay nói chung ở Âu Châu quý Thầy, quý Cô lớn tuổi ít tự lái xe. Vì lẽ giao thông công cộng của Âu Châu rất tiện lợi. Ngoài máy bay ra còn có tàu lửa, tàu điện, xe Bus v.v... cứ mỗi giờ; mỗi nửa giờ, mỗi 15 phút chạy theo hướng mình muốn đi. Cho nên việc tự lái xe cũng không còn cần thiết nhiều như ở những châu lục khác nữa.

Năm 1974 ấy tôi cũng có dẫn 4 người Nhật đi thăm gia đình ông Phạm Nam Vân, ba mẹ của anh Sơn và Hải. Lúc ấy cả hai người đều đi lính. Ở nhà chỉ còn bà Cụ, hai ông bà và những em nhỏ của Sơn, Hải đang đi học tại các trường Trung Học mà

thôi. Bà Cụ vẫn niệm Phật như ngày nào. Cô Năm vẫn độc thân và lo chăm sóc cho cả gia đình. Còn bà má của anh Sơn và Hải sống với cung cách của một mệnh phụ phu nhân thời ấy. Tôi muốn giới thiệu với 4 người Nhật này một gia đình Việt Nam tiêu biểu như vậy.

Người xưa thì bảo rằng: „Ở trong vòng tròn, mình ít khi biết vòng tròn này tròn hay méo. Khi nào đứng bên ngoài nhìn vào mới biết được méo hay tròn“. Điều này rất chính xác. Nếu chúng tôi không đi ra khỏi nước Việt Nam, không có cơ hội để tiếp xúc với người nước ngoài thì chúng tôi chẳng biết quê hương của chúng tôi người ngoại quốc nhìn như thế nào cả. Trong khi đó chính mình lại hãnh diện về mình rất nhiều.

Ngày ấy Cộng Sản Việt Nam rất khéo tuyên truyền qua hình thức của Mặt Trận Giải Phóng; nên đa phần người ngoại quốc nghĩ rằng: Mặt Trận này là do người Miền Nam bắt mẫn chế độ; nên đã đứng lên kêu gọi thế giới chống lại chính quyền Miền Nam Việt Nam. Từ đó những phong trào sinh viên thế giới ủng hộ Mặt Trận rất nhiều; nhưng quốc tế đâu có biết rằng đứng sau lưng họ chính do Bộ Chính Trị ở Hà Nội điều khiển. Người ngoại quốc chỉ thấy trên truyền hình hằng ngày xảy ra những vụ Mỹ ném bom ở Khe Sanh, Mỹ ném bom ở Quảng Ngãi, Mỹ đốt nhà ở Cai Lậy v.v... rồi quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bắn phá dân lành, quân đội này theo sự chỉ huy của Mỹ v.v... nhưng người ngoại quốc đâu có biết rằng bên trong tầm bình phong bộ đội xuôi Nam ấy đã có những toán binh của Trung Quốc thay đổi quân phục bộ đội Việt Nam để đánh giùm, khi bị bắt được những người này, họ không biết nói tiếng Việt, chỉ âm ớ mấy chữ, rồi cuối cùng cũng nói ra tiếng Trung Hoa lục địa. Thế nhưng những hình ảnh như vậy không được đưa lên truyền hình. Cho nên thế giới đâu có phân biệt chánh tà là gì và ai đánh thuê cho ai. Đây là vấn đề tuyên truyền quá yếu của

Việt Nam Cộng Hòa đối với thế giới tự do bên ngoài thuở ấy; nên dễ bị phản cảm.

Thời đó nếu tôi nhớ không lầm là ông Đỗ Vạng Lý, theo đạo Cao Đài, làm Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Tokyo. Mỗi năm có buổi tiệc tất niên hay tân niên, quy tụ rất nhiều sinh viên về Tòa Đại Sứ để hàn huyên tâm sự; nhưng hình như tình hình chiến sự của quê hương, Tòa Đại Sứ cũng ít đề cập đến mà chỉ thi hành những nhiệm vụ bên trên giao phó thôi. Tôi cũng đã đến đây nhiều lần để làm giấy tờ như gia hạn Passport và tham gia những lễ lộc; nhưng hình như ít ai để ý đến mình. Nhớ có một lần nhân cơ hội gặp gỡ này mà tôi gặp lại được ông Thầy cũ dạy Nhật ngữ tại Trung Tâm Triều Dương ở Chợ Lớn, trước khi tôi lên đường sang Nhật. Thầy trò bắt tay mừng vui. Hỏi ra mới biết Thầy được đi tu nghiệp tiếng Nhật và tôi cũng đã có mời Thầy đến chùa Honryuji để thăm một vài bữa trước khi Thầy trở lại Việt Nam. Thuở ấy tiếng Nhật tôi đã khá, có nhiều câu người Nhật nói, tôi phải dịch lại cho Thầy. Quả thật trên đời này có nhiều chuyện trái ngang như vậy. Có lúc làm Thầy, có lúc làm trò, có lúc làm Đệ tử nữa. Cho nên tôi vẫn hay nói rằng: „Những gì người khác biết mà mình không biết thì họ là Thầy mình. Còn những gì mình biết mà họ không biết, thì mình là Thầy họ“. Hãy lưu tâm về vấn đề này! chẳng có gì để hãnh diện cả. Vì biển học thì vô bờ, mà sự hiểu biết của chúng ta có giới hạn. Ai không thay đổi hình thức và tư tưởng đúng lúc, thì người ấy đã lỗi thời.

Từ những nhận định bên trên, mà cũng là theo quan niệm giáo dục của tôi học được là: „Giáo dục là nhân bản của con người. Mỗi thế hệ chỉ chu toàn được một số công việc; thế hệ này chỉ tiếp sức cho thế hệ kế tục, chứ không thể lo mãi cho đến thế hệ thứ ba được. Vì thế hệ thứ ba sẽ do thế hệ thứ hai truyền đạt qua“. Điều này cũng giống như bắt một nhíp cầu vậy. Nhíp cầu của quá khứ không thể bắt thẳng qua nhíp cầu của tương

lai. Mà nhịp cầu quá khứ chỉ có thể bắt trực tiếp qua nhịp cầu trong hiện tại, rồi nhịp cầu hiện tại bắt tiếp tục qua tương lai. Nếu không làm được như vậy, thì sẽ lỡ một nhịp cầu.

Cách đào tạo học sinh hay Tăng sĩ ngày xưa ở Việt Nam cũng khác xa với ngày nay rất nhiều. Người Thầy thao thao bất tuyệt về sự hiểu biết của mình, không cần hỏi học trò có hiểu điều mình nói gì không. Vì lẽ người học trò chỉ cần học điều của Thầy giảng là đủ. Trong khi đó cái học tại Âu Mỹ lại khác. Nghĩa là vị Thầy phải dạy cái gì mà người học trò muốn nghe, muốn học; chứ không phải dạy cái gì mà ông Thầy muốn dạy.

Tôi có 45 đệ tử xuất gia và nhiều đệ tử y chỉ cũng như trong hiện tại có gần 20 đồ tôn cả Tăng và Ni. Dĩ nhiên qua thời gian năm tháng đã có một số quý Thầy quý Cô ra đời và một số thì quá vãng. Họ là những người trực tiếp học từ tôi; nhưng tôi cũng để cho họ tự do chọn lựa pháp môn tu, nếu họ thấy thích hợp và đến thế hệ thứ ba thuộc Đồ Tôn thì tôi không có ý kiến và không có trách nhiệm nữa. Thế hệ này do Thầy của họ chịu trách nhiệm. Sau mấy mươi năm hướng dẫn tôi thấy cái tu và cái học ở ngoại quốc này họ chọn tư tưởng cá nhân làm chủ đạo. Nghĩa là cái gì người đệ tử; học trò thích thì nên khuyến khích họ lao mình vào đó để tu và để học. Dĩ nhiên là họ sẽ khước từ việc đề nghị của Sư Phụ. Vì theo họ hiểu rằng: Họ học, họ tu là cho chính họ chứ không phải cho Thầy mình. Nhiều Thầy thường hay bảo thủ cho rằng cách dạy của mình là đúng và người học trò phải theo; nhưng sự trả hiếu ngày nay nó khác xa ngày xưa nhiều rồi. Cái hiếu ngày nay nó cũng giống như „mì ăn liền“. Không có gì để hy vọng họ để rồi thất vọng. Vì mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh sống, mỗi hoàn cảnh tu học của người xuất gia ngày nay ở ngoại quốc nó khác nhau một trời một vực với nửa thế kỷ trước rồi. Nhiều bậc Thầy lo lắng là không ai kế thế mình và làm theo những gì mình đã dạy; nhưng nghĩ lại cho cùng thì chính mình đã làm được những gì như Sư

Phụ mình kỳ vọng chưa ? Nếu mà ngày nay Sư Phụ vẫn còn tại thế thì Ngài sẽ phán cho một câu là: „Tại sao nó chẳng làm theo lời mình dạy vậy cả ?“ Lúc đó mình sẽ nghĩ sao đây?

Tôi suy nghĩ như thế này: Nếu mình có chết đi, cây cỏ, núi rừng, sông biển, con người, muôn vật vẫn còn tồn tại ở thế gian này mà, đâu có ai chết theo mình mà mình phải lo. Họ phải ở lại với đời để họ tiếp tục những công việc còn lại của họ. Nó cũng giống như hơi thở vậy; nếu ở trên không trung cao, chúng ta phải thở bằng khí oxy. Nếu ở cõi trần này ta sẽ thở bình thường theo sự hít vào thở ra của phổi. Nếu ở dưới nước ta sẽ nín hơi thở dài hơn để ta được tồn tại trong môi trường đặc biệt như vậy. Cả 3 trường hợp trên đều vì sự tồn tại của sự sống. Nếu không là như vậy thì ta sẽ chết. Nhưng chết đâu có ý nghĩa gì ngoài việc tiếp tục sự sống khác kia. Vậy tại sao ta phải băn khoăn là thế giới này không có ta, sẽ thiếu đi một nhân vật quan trọng và Đệ tử không có ta họ sẽ hư đốn, khó khăn. Xin thưa! Không đâu - họ sẽ là những người gương mẫu cho thế hệ khác trong tương lai vậy.

Quê cha, đất tổ, tiếng mẹ đẻ, dân tộc, đạo pháp, tình người v.v... vốn là những danh từ trừu tượng; nhưng nó đã nằm sâu đâu đó nơi tận đáy lòng khi nghĩ đến và nhớ về, không ai là không hồi tưởng đến nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Dù cho quê người có đẹp bao nhiêu đi chăng nữa, hầu hết ai cũng nhận định rằng không bằng quê mình, nơi đó mình được sinh ra, được lớn lên, được nghe tiếng ru của mẹ ở tuổi đầu đời. Dầu cho làm đến ông gì đi nữa; người ta cũng không thể nào quên được nguồn gốc của mình. Vì nơi ấy có tình người, có hồn dân tộc.

Cũng có những trường hợp ngoại lệ như ông Phó Thủ Tướng nước Đức ngày nay là Dr. Philipp Rösler, ông sinh ra tại Sóc Trăng ở Việt Nam vào năm 1973; mới 9 tháng tuổi đã được

người cha nuôi Đức đến Việt Nam đón đem về Đức làm con nuôi. Sau gần 40 năm; ông ta lên làm Phó Thủ Tướng và Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế của đất nước Đức, là một trong những nước giàu có nhất nhì trên thế giới về nhiều phương diện. Đây cũng là cơ hội để báo chí phỏng vấn ông về nguồn gốc của mình. Tuy ông tự nhận mình là người Đức; nhưng chưa chắc người Đức đã hoàn toàn chấp nhận ông như thế. Vì lẽ da ông vàng, mũi ông thấp, tóc ông vẫn đen. Chỉ tiếc rằng ông không nói được một tiếng mẹ đẻ nào cả. Có lẽ vì thế mà cái tình quê hương và tình người phai nhạt đi chăng ? Nhưng chắc chắn một điều khi các con ông lớn lên, chúng nó sẽ hỏi Ba sinh ra ở đâu, thì ông không thể nào nói dối với chúng là nước Đức được. Bởi vì ông không giống người Đức.

Dầu đi đâu, ở đâu hay làm bất cứ điều gì người ta vẫn tưởng nhớ về quê hương là vậy; nhưng quê hương có chấp nhận mình hay không là việc khác. Ngày xưa thời nhà Đường bên Trung Quốc có một người học sinh nghèo tên là Hạ Tri Chương. Ông ta lưu lạc bốn phương trời và tìm không ra cha mẹ mình nữa. Ông tự tìm kế sinh nhai và tự học hành đỗ đạt thành tài ra làm quan. Khi về hưu ông nhớ lại quê nhà; nên đã làm một chuyến viễn du. Dĩ nhiên trên đường về quê ấy có nhiều điều đáng nói và ông đã để lại bài thơ cho đời như sau:

*Thiếu thiếu ly gia lão đại hồi
Hương âm vô cải, mấn mao thôi
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức
Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai.*

Tôi tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

*Tuổi nhỏ xa quê già trở lại
Giọng quê không đổi, tóc mai thay*

*Nhi đồng tuy thấy, nhưng chẳng biết
Cười hỏi khách rằng, đến nơi đâu ?*

Một trong hai thế hệ trôi qua, mình trở lại thăm quê nhà, sẽ trở thành một người khách xa lạ. Vì những người thân quen, lớn tuổi đã ra đi; chỉ còn lũ trẻ chơi đùa đầu đó, thấy ông khách lạ quá nên mới cười và hỏi ông ở đâu đến vậy ? Khiến khách phải chạnh lòng. Dầu sao tiếng mẹ đẻ ông vẫn giữ nguyên thô ngữ của chốn này; tuy tóc mai đã bạc, mắt đã mờ, da nhăn; nhưng không vì thế mà không còn tình người để khiến ông trở lại quê nghèo này.

Có lẽ lòng tôi cũng giống như ông Hạ Tri Chương một phần nào. Vì lẽ tôi mới xa quê hơn hai ba năm mà nay đã muốn về thăm nhà. Với tôi cũng hên một điều là lúc ấy Sư Phụ, Thân Phụ và Huynh Đệ, bạn bè vẫn còn sống. Cho nên khi trở lại Nhật Bản sau một tháng ở Việt Nam năm 1974 ấy đã làm cho tôi mãn nguyện vô cùng. Dầu cho bây giờ tôi có về lại quê hương thăm thú đi chăng nữa; nhưng gần 40 năm nay quê hương đã thay đổi quá nhiều, tình người không còn như xưa nữa và tâm trạng của tôi cũng như tâm trạng của bao nhiêu người đang ở ngoại quốc ngày nay cũng chỉ thế thôi.

Có một điều mà tôi vẫn luôn luôn hoài bão. Đó là việc giữ gìn ngôn ngữ Mẹ đẻ Việt Nam. Thông thường người ta nói rằng: đứa bé ấy nói tiếng Mẹ đẻ, chứ ít ai nói nó nói tiếng cha của nó. Vì cha nó có đẻ nó bao giờ đâu. Do vậy nếu Mẹ là người Việt Nam thì không nên quên dạy con mình bằng ngôn ngữ của mình. Nhờ ngôn ngữ, quê hương mà người Việt Nam như dòng họ nhà Lý đã xa quê từ năm 1224 đến nay mà họ vẫn không quên nguồn cội. Họ đã trở về và ta cũng sẽ trở về khi quê hương không còn một điều kiện nào ràng buộc đối với những người đã bỏ nước ra đi, dầu bất cứ lý do gì.

Sau đây là bài thơ nhan đề „Cuộc hành trình vĩnh tục“ của Tiến sĩ Lâm Như Tạng, bậc ân nhân, đã tặng tôi nhân dịp ấn hành tập hồi ký, kể lại chuyện cũ năm xưa.

*Ngày hai mươi mốt
Tháng mười hai
Năm sáu chín
Đến Đông Kinh, trời đất đã vào đông
Bước viễn du từ đây kiếp lang thang
Xa Tổ Quốc, một mảnh hồn cô độc*

*Góc phố mưa giăng, đời trôi vào cơn lốc
Cửa quê hương khói lửa điêu tàn
Có gì đâu ! Những xác cháy thành than
Của trẻ thơ và những người quả phụ
Của cụ già, những lính trẻ hoang mang
Nhà tranh cháy, ôi những người chưa đủ
Một miếng cơm, trống vắng cảnh cơ hàn
Nơi xứ lạ, ngày qua ngày lấm nổi...
Không thể nào nguôi trong sách vở nhà trường
(Đại Học Minh Trị và Đại Học Đông Kinh)*

*Nhớ hôm ấy là một ngày thiếu nắng
Hai mươi hai
Tháng hai
Năm bảy hai
Đón Thầy qua, thêm một người vào cuộc
Kiếp lưu vong này, hải giác thiên nhai
Những địa danh: Bát Vương Tử, Tokyo...
Chùa Bốn Lập
Đại Học Đế Kinh và Lập Chánh*

*Tất cả nay đã trở thành quá khứ
Cảnh trời Tây trong giấc mơ viễn xứ
Viên Giác chùa thiêng lưu dấu mãi muôn đời*

*Và hôm nay
Ngày mười chín
Tháng một
Năm hai ngàn mười ba
Nơi tái ngộ là ngôi nhà tôi ở
Số Bốn Ba:
Bốn phương Như Ngọc Như Hoa
Ba ngàn cõi tịnh một tòa trầm hương
Những dấu chân xưa dù cát xóa vô thường
Vẫn lưu lại một hành trình vĩnh tục.*

Sydney ngày 19.1.2013

Lâm Như Tạng

Trở lại chùa xưa

Đến nước Nhật có nhiều điều để xem. Ở nước Nhật có nhiều điều để nói. Đi khỏi nước Nhật có nhiều điều để tiếc thương và trở lại nước Nhật cũng là một đề tài lớn, mà tôi sẽ viết tất cả trong chương cuối này để xếp lại một cuộc đời sinh viên Tăng Sĩ tại xứ người, trước khi sang xứ Đức để học hành và làm việc.

Ở đâu quen đó. Đây là chuyện bình thường. Ngay như người từ Mỹ đi du lịch qua Úc, họ khen nước Úc đẹp; nhưng họ bảo: tuy vậy nhưng tôi phải trở lại quê tôi. Nói cho cùng, tất cả chúng ta đều là những người tỵ nạn trên quả địa cầu này. Bởi vì do cái chấp thường hằng nên chúng ta cho rằng: đây là quê ta, đó là quê người, mà ta và người, người và ta cũng chỉ là những cánh chim bạt gió, những loại cây chùm gởi, qua lại trong vũ trụ này mà thôi.

Chiếc máy bay Air Vietnam đưa tôi trở lại Tokyo trong mùa hè năm 1974 ấy; không biết bây giờ nó đã ra sao rồi, sau gần 40 năm thăm thăm của thời gian? nhưng tôi thì vẫn còn đây. Vẫn còn sáng suốt để viết những gì mình còn nhớ. Rủi một mai đây chẳng nhớ lại được một điều gì thì quả là điều đáng tiếc biết bao nhiêu !?

Trở lại chùa xưa để tiếp tục học cho hết năm thứ 2 Đại Học. Hai năm đầu này học những môn chung chung và qua năm

thứ 3 sẽ chọn môn chuyên khoa của mình muốn học và năm thứ 3 cũng sẽ là năm chuẩn bị cho luận văn ra trường. Nếu có lỡ đĩnh trong chuyện học thì cũng chỉ được phép trong hai năm đầu. Còn hai năm sau là học rớt ráo để ra trường. Ở Nhật và ở Mỹ chế độ học và thi vào Đại Học rất khó; nhưng khi đã đậu được vào rồi, sinh viên cứ thế đóng học phí, thi cử và tính năm để ra trường; không như ở Đức và một vài nước Âu Châu khác. Họ không thi vào Đại Học, chỉ ghi danh và học đến khi nào muốn thi ra trường thì thi. Cho nên có nhiều sinh viên ở Đức học ở Đại Học đến 20 Semester vẫn chưa tốt nghiệp. Lý do hầu như Đại Học nào ở Đức cũng không thu học phí; nếu có, chỉ là tiền bút mực giấy tờ thôi. So ra học phí Đại Học của Nhật và của Mỹ thì khủng khiếp lắm.

Chế độ Tiểu Học của Mỹ và của Nhật 6 năm và Trung Học 6 năm nữa. Cộng chung thành 12 năm. Thế nhưng ở Đức đến 13 năm. Gần đây họ mới rút ngắn Trung Học và Tiểu Học còn lại 12 năm; nhưng trước đây 5 năm nước Đức vẫn theo chế độ giáo dục cũ. Ở Hoa Kỳ và ở Nhật sinh viên học 4 năm ở Đại Học, 2 năm ở Cao Học và 3 đến 5 năm là ra trường Tiến Sĩ. Trong khi đó Cử Nhân ở Đức 5 năm và thuở xưa họ không có chương trình Cao Học. Tốt nghiệp 5 năm Đại Học Đức cộng với 13 năm Trung & Tiểu Học. Cuối cùng vẫn 18 năm để có bằng Cao Học; giống như các nước khác. Gần đây chương trình Đại Học của Đức cũng đã mở thêm các khoa Cử Nhân 4 năm, Cao Học 2 năm và Tiến Sĩ từ 3 đến 5 năm.

Thầy Minh Tuấn giấy tờ đã xong, tôi đi ngoại giao với Thầy Yamada, Viện chủ chùa Kim Cang Viện (Kongoin) chùa cũng nằm gần chùa Honryuji nơi tôi ở mấy năm nay. Tiện nhất là cùng nằm trên một con đường Ueno của thành phố Hachioji này. Thuở ấy nếu tôi xin Thầy Oikawa để Thầy Minh Tuấn về đây ở chung cũng được; nhưng tôi sợ ở ba, bốn người Việt Nam

chung một chùa Nhật thì bao giờ mình mới giỏi tiếng Nhật được. Thế là tôi quyết định đi tìm chùa cho Thầy ấy ở.

Thầy Yamada hay đi Việt Nam thường xuyên. Do vậy giới thiệu một Thầy Việt Nam vào ở chùa của Thầy ấy, không có gì trở ngại, mà Thầy ấy còn vô cùng hoan hỷ nữa. Khi Thầy Minh Tuấn đến đây, Thầy ấy cũng chẳng hiểu tiếng Nhật nào; chỉ nhìn cách nói và hành động ra dấu là có thể thấu triệt được người đối diện mình muốn nói gì. Một hôm Thầy Yamada nói bằng tiếng Nhật, có ý bảo Thầy Minh Tuấn đi lau giùm chiếc xe hơi; nên đưa chìa khóa xe cho Thầy ấy. Thầy Minh Tuấn nghe không hiểu cho nên vào phòng thay áo quần thật đẹp vào garage lùi xe và đứng chờ Thầy Yamada ra. Thầy Yamada sau một hồi làm công chuyện trên chánh điện bước ra thấy Thầy Minh Tuấn đang đứng đó với bộ dáng chờ đợi trong bộ đồ đẹp, chuẩn bị đi. Lúc ấy Thầy Yamada chẳng biết nói cách gì khác hơn là lấy mấy xô nước và đồ lau xe ra để đó. Lúc này Thầy Minh Tuấn mới hiểu ý và đi thay đồ để rửa xe.

Thật ra ngôn ngữ không đơn giản. Khi học và thực hành mỗi ngôn ngữ muốn cho giỏi trong các phương diện như: đọc, nghe, viết và nói ít nhất phải tốn vài năm. Có khi còn phải lâu hơn như thế nữa. Nơi đây thử định nghĩa như thế nào là một người nói giỏi ngôn ngữ? Theo tôi, một người giỏi ngôn ngữ là người ấy khi đàm thoại với người địa phương lúc nào họ cười mình cười, lúc nào họ vui mình vui, lúc nào họ sầu não, mình cảm thông cho họ. Thế là giỏi. Ngược lại, một người ngoại quốc nói ngoại ngữ không thông như: phát âm không đúng, văn phạm không rành; không phải chuyện cười mà mình cười, hay ngược lại. Đồng thời không nắm hết được ý chính của người đối diện nói, thì xem như hỏng cả đầu đến đuôi. Vấn đề quan trọng ở đây là ý chính của câu chuyện. Nếu nghe một câu chuyện mà không nắm rõ ý chính người ta muốn nói gì thì việc học ngoại ngữ ấy cần phải xét lại.

Năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba và cả năm thứ tư giờ Nhật ngữ của tôi cũng xem như là quốc ngữ trong phân khoa này, tôi chọn ông Thầy Okata. Mỗi lần học, ông ta biểu tôi đem tờ báo Yomiuri ra đọc phần „Thiên Nhơn Thịnh Ngữ“ cho ông nghe và ông ta bảo tôi phân tích vấn đề. Đây là tiêu đề của tờ báo. Nó cũng giống như Thư Tòa Soạn của báo chí Việt Nam mình. Thôi thì đủ chuyện của thiên hạ sự. Đôi khi có đoạn nói về chính trị đương thời, lắm khi lại chen vào đó một câu chuyện cổ tích, hay những điển tích và thành ngữ khó hiểu. Chỗ nào tôi không rành, tôi dừng lại đó và chờ cho ông ta giải thích. Được một cái hay là chỉ một mình tôi học với ông; nên ông tha hồ hỏi chuyện tôi và tôi cũng tha hồ nói chuyện với ông ta. Nhờ vậy tiếng Nhật của tôi giỏi. Khi ông cho tôi đọc như vậy ý ông cũng muốn khảo hạch tôi có rành những phát âm chữ Hán không. Nếu không rành và không thuộc mặt chữ thì không thể đọc được. Chữ Hán và tiếng Nhật có cái khác biệt với tiếng Anh, tiếng Pháp cũng như tiếng Đức là: Nếu không thuộc mặt chữ thì không đọc được. Còn các ngôn ngữ kia, mặc dầu ý nghĩa không biết nhưng cũng có thể đọc được như thường. Cuối cùng ông phê cho tôi mấy chữ là: „Thiên tài của ngôn ngữ học“. Thực ra đây cũng chỉ là việc thường thôi! Nhưng là một niềm vui. Vì có người học trò nào mà chẳng thích việc này!

Muốn học và đọc cũng như nói, nghe, viết thông thạo tiếng Nhật phải biết 4 loại chữ: loại chữ thứ nhất là chữ Roma. Đó là cách viết theo mẫu tự La Tinh a, b, c để dành cho người ngoại quốc học tiếng Nhật lúc ban đầu. Ngày xưa tiếng Nhật cũng dùng hoàn toàn bằng chữ Hán như Việt Nam chúng ta; nhưng đến thế kỷ thứ 13, Ngài Kukai (Không Hải) Đại Sư vốn là vị sáng Tổ của Chơn Ngôn Tông đã thiết lập một loại chữ Hiragana để đọc và viết những chữ Hán đơn âm. Ví dụ như „ie“ là cái nhà; nhưng nếu viết chữ „Gia“ này đứng chung với một chữ Hán ở phía sau hay phía trước, nó trở thành danh từ và chỉ

cần ghép âm là đọc được. Ví dụ như: Katei (gia đình), Kazoku (gia tộc), Kagu (gia cụ) v.v... Người Việt Nam mình lanh lẹ nên thấy âm nào na ná cứ ghép đại vào đọc cũng đúng như thường. Ví dụ như chữ „ lịch “ đọc là „ reiki “, ghép vào với chữ „ sử “ đọc là „ sĩ “. Vậy Reikisi tức là lịch sử. Bất cứ chữ nào khởi đầu bằng chữ Hán đều có thể ứng dụng được việc này cả. Độ đúng chừng 60 đến 70 phần trăm. Dĩ nhiên là có rất nhiều chữ ngoại lệ. Mặc dầu Đạo Phật Nhật Bản ngày hôm nay đã bị thế tục hóa rất nhiều; nhưng công sức tạo ra ngôn ngữ cho người Nhật sử dụng ngày hôm nay, không phải bị lệ thuộc Trung Quốc nhiều thì phải nói đến công đức của Ngài Không Hải vậy. Đi xa hơn nữa: Trà Đạo, Thơ Đạo, Kiếm Đạo, Hoa Đạo v.v... đều có sự đóng góp tích cực của Phật Giáo từ thời buổi xa xưa kia.

Chữ Katakana sau thời kỳ Minh Trị Duy Tân (1868) mới thành hình. Vì lẽ chữ này chỉ để dùng đọc tên tuổi của các địa phương hay nhân vật ngoại quốc và rất ít thông dụng trong tiếng Nhật hằng ngày. Ngày xưa người Trung Hoa cũng phiên âm chữ Pháp Montesquie thành Mạnh Đức Tư Kiêu, đó ai đọc mà hiểu được. Ngày nay người Nhật tiến bộ hơn, họ dùng tiếng Katakana phiên âm na ná danh từ chính để đọc. Cũng tạm thôi, vì nghe quen mới hiểu; chứ mới nghe thì khó vô cùng.

Sau 3 tháng tôi trở lại Nhật đã nhận được tin vui từ Thầy Bảo Lạc báo tin là hồ sơ thị thực vào Nhật đã xong. Lúc ấy tôi vừa đi học và cũng vừa tìm hiểu thêm những chùa viện chung quanh phố Ueno thì được Thầy Oikawa cho biết là nên đến Shinso-in (Tín Tùng Viện) cách đây chừng một cây số về hướng Bắc để hỏi thử xem. Cuối cùng rồi cũng đã có kết quả tốt là hai ông bà chủ chùa rất hoan hỷ để đón nhận người anh ruột của tôi vào ở chùa này. Chùa này theo phái Thiên Tào Động. Chắc là Hòa Thượng Bảo Lạc ở đây sẽ thích hợp hơn.

Mùa Đông năm đó 1974-1975 Thầy ấy không đo được cái lạnh của Đông Kinh như thế nào; nên Thầy đã mặc áo Nhựt Bình lam mỏng đi dưới mưa tuyết, kết quả là chảy máu cam. Nhưng Thầy rất vui. Đây là lần đầu tiên Thầy Bảo Lạc thử sức với cái lạnh của Đông Kinh thuở ấy và những ngày tháng đầu tiên kia Thầy mỗi ngày nhận được cả hàng tá lá thư của học trò Trung Học từ Việt Nam gửi sang. Chỉ bóc thư và đọc không cũng tốn rất nhiều thì giờ; nhưng thuở ấy là một niềm vui. Nếu bây giờ có tình trạng này, chắc ai cũng chẳng mong đợi làm gì. Vì thì giờ đâu để đọc. Những ngày tiếp theo, Thầy đi học Nhật ngữ và sau đó thi đậu vào Đại Học Komazawa học về Phân khoa Xã Hội Học còn Thầy Minh Tuấn thì vào học tại Đại Học Takaozan (Cao Dã Sơn) của Tông Chơn Ngôn.

Để chuẩn bị vào năm thứ 3 của Đại Học (1975-1976) tôi chọn môn Anh ngữ giáo dục làm chuyên ngành. Đây là một thử thách lớn. Vì lẽ ở Việt Nam tôi chọn Pháp văn làm sinh ngữ một, học 7 năm tại Trung Học; còn Anh văn sinh ngữ 2; chỉ học có 3 năm Trung Học đệ nhị cấp ở Việt Nam và hai năm Đại Học này, đâu có thấm thía gì. Thế mà cả gan thật. Khi chọn môn này có cái vui là được đi thực tập giờ dạy Anh văn tại các lớp Trung Học đệ nhị cấp của trường. Học sinh Nhật thấy tôi mặc áo Nhựt Bình của Tu sĩ, ban đầu họ chẳng biết là gì. Nhưng sau dần dần chúng cũng quen đi. Mới đầu nói tiếng Nhật; nhưng sau đó dùng toàn Anh văn để giảng bài. Chúng phục lắm; nhưng chúng đâu có biết rằng: tất cả đều có giáo trình của trường đã soạn sẵn hết. Cứ học thuộc lòng trước đó là ngày hôm sau lên bục giảng, giảng bài được rồi. Đây là chỗ „thủ“ của mấy Thầy Cô giáo mà. Ngay như làm toán cũng đã có đáp số trước rồi nữa. Có lẽ Bộ Giáo Dục sợ các Thầy Cô giáo không rành toán, sẽ đáp số sai. Nếu dạy như vậy thì học sinh khi thi sẽ không đậu. Đây là điều cấm kỵ vậy. Kể ra làm nghề gì nó cũng có những nguyên tắc và những điều khó nói của

nghe ấy. Miễn rằng nghề kia không phụ bạc lương tâm và khả năng của mình là được rồi.

Nhờ có học trước, trước khi lên giảng bài thực tập Anh văn cho lớp mà tiếng Anh tôi tự tin hơn. Đúng là đâu phải làm Thầy là giỏi, mà làm Thầy chính là học hỏi để mình trở thành ông Thầy có kinh nghiệm nhiều hơn khi đứng lớp hoặc lúc vào đời.

Đầu năm 1975 tình hình chiến sự miền Nam Việt Nam gia tăng dữ dội, mặc dầu Hiệp định Paris đã ký kết vào đầu năm 1973 là các phe đều phải ngưng chiến để tái lập hòa bình cho hai miền của quê hương đất nước. Thế nhưng mỗi ngày xem truyền hình thấy những mũi tên đỏ từ từ lấn chiếm và tràn xuống từ phương Bắc hết Quảng Trị đến Huế, rồi Đà Nẵng, Kontum, Nha Trang, Ban Mê Thuột v.v... lúc ấy tôi chẳng biết làm gì hơn là cầu nguyện. Báo chí Nhật đưa tin hằng ngày, hằng giờ, khiến cho tôi phải lo lắng; nhưng không biết phải tính như thế nào đây? Vào sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi đang học năm thứ 3 tại Đại Học Teikyo, Hachioji thì có điện thoại từ chùa Honryuji gọi vào văn phòng trường báo tin cho tôi biết là Sài Gòn đã thất thủ. Lúc ấy học trong trường này chỉ có 3 người Việt Nam đó là: tôi, Ký và Nguyễn Thị Kim Cúc. Cả 3 đều học 3 phân khoa khác nhau; nhưng hôm đó tự dưng gặp nhau trong thang máy của Thư Viện trường. Câu hỏi của cô Cúc là: Bây giờ mình phải làm gì đây? Ký bảo: Chắc phải mang Passport lên Tòa Đại Sứ Việt Nam để gia hạn. Thế là chúng tôi bỏ học cả ngày hôm đó để đi làm giấy tờ.

Khi đến Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa ở nhà gare Yoyogi thì thấy cả hàng mấy trăm sinh viên đang đứng sắp hàng tại đó. Lúc bấy giờ tâm sự của ai cũng giống nhau và cũng chẳng biết tính như thế nào đây. Người muốn bỏ Nhật đi Mỹ đoàn tụ cùng gia đình. Người muốn đi Pháp; nhưng thuở ấy những sinh viên

học chưa ra trường như tôi còn rất nhiều; nên họ quyết ở lại Nhật học cho xong Đại Học rồi cái gì đến nó sẽ đến. Có người lo xa, sợ Nhật bắt mình trả lại Việt Nam như thời kỳ phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh thì cũng khôn. Nhưng cũng có nhiều ý kiến góp vào là: Thời đó đã xa rồi; cho nên cũng tạm yên tâm.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng được Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa đóng lên Passport có giá trị cho đến ngày 29 tháng 4 năm 1980; nghĩa là 5 năm nữa. Trong 5 năm ấy có không biết bao nhiêu là vật đổi sao dời. Trong khi đó Tổ chức Beiheito (Việt Nam Hòa Bình Thống Nhất Hội) đã bắt đầu lộ diện, mang cờ đỏ sao vàng vào tiếp thu Tòa Đại Sứ. Bức tranh vân cẩu đã hiện nguyên hình. Cuộc đời bao giờ cũng có hai mặt tốt và xấu, được và thua. Những kẻ bỏ lỡ cơ hội, giờ đây lo khăn gói lên đường để tìm một phương trời khác ẩn nhẫn nuôi thân, chờ thời. Còn những người cơ hội chủ nghĩa nhảy ra múa may quay cuồng để lập nên những thành tích mới.

Một điều phải nói ngay và nói thẳng là xin cảm ơn đất nước Việt Nam, xin cảm ơn Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa thuở ấy đặt tại Tokyo. Nếu không có con dấu gia hạn Passport 5 năm kia thì chúng tôi không có cơ hội đi ra ngoại quốc tiếp tục và chúng tôi cũng không có pháp lý để ở lại Nhật nữa; nhưng nhờ là lúc đó chính quyền cộng sản Việt Nam chưa lập bang giao liên với Nhật Bản nên đa phần người Nhật thả nổi đời sống của anh em sinh viên chúng tôi. Cũng may là mỗi năm ra Sở Ngoại Kiều, họ đều tiếp tục đóng dấu gia hạn cư trú vào Passport của Việt Nam Cộng Hòa, mặc dầu chính quyền này không còn pháp lý nữa sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Trong khi đó tại Đức và Âu Châu cũng như Mỹ và Úc các chính phủ đã có chính sách tỵ nạn rõ ràng; nên các anh em sinh viên có thể tạm trú rồi sau này làm đơn xin tỵ nạn, họ cấp thẻ tỵ nạn. Cuối cùng đủ năm tháng làm đơn xin vào quốc tịch của nước

đó. Mãi cho đến nay (2012) có nhiều sinh viên ở trước năm 1975 tại Nhật; nhưng vẫn chưa vào quốc tịch Nhật; chỉ giữ lại tư cách thường trú nhân và mỗi lần muốn đi ra ngoại quốc họ phải xin Visa rất khó khăn, đồng thời phải xin tái nhập quốc vào nước Nhật nữa.

Ở Đời hay Đạo gì cũng vậy, trong cái rủi lại có cái may; trong cái may đã hàm chứa cái rủi trong ấy rồi. Do vậy ông bà ta thường hay nói rằng: „Đâu có ai giàu ba họ và đâu có ai khó ba đời“ là nằm trong ý nghĩa này vậy. Phương hướng thì có Đông, Tây, Nam, Bắc. Khí hậu thì có Xuân, Hạ, Thu, Đông và con người có lúc vinh, lúc nhục, lúc giàu, lúc nghèo, lúc khổ đau, lúc hạnh phúc... ấy cũng là những việc bình thường thôi. Điều quan trọng là chúng ta có đủ can đảm và ản nhẫn để vượt qua hay không; đó mới là điều đáng nói vậy.

Những người học tại Nhật lúc ấy sau này sang Pháp như: Lê Tùng Phương, Nguyễn Chánh Lý, Huê, Lê Vinh, Sơn, Ký v.v... họ đều thành công và đa số có mặt trong Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thuộc chùa Khánh Anh và họ hỗ trợ cho Hòa Thượng Minh Tâm từ đó đến nay cũng đã gần 40 năm rồi. Những người qua Mỹ như: Anh Phụng, Trần Phước Anh, Nguyễn Quang Dục và một số lớn cư ngụ tại California cũng thành công vượt bực. Một số qua Canada để định cư như: Phong, Hoàng v.v... cũng không kém những người đi Hoa Kỳ là mấy. Ở Đức chỉ có tôi, cô Thu Cromme, cô Hồ Thy Kiều và hình như không còn ai nữa. Riêng ở Úc thì có Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Thầy An Thiên và một số anh em sinh viên khác cũng đã chọn đất lành này mà tạo dựng cho mình và tương lai của con cái mình có một chỗ đứng thật vững vàng. Điều này rất đáng tán dương. Chỉ có một điều hơi tiếc là đi đâu cũng nghe than phiền rằng: Người Việt Nam chẳng đoàn kết. Điều ấy hẳn đúng. Tôi bây giờ phải nghĩ lại rằng: „May mà người Việt

Nam không đoàn kết đó. Nếu đoàn kết lại hết thì thế giới này sẽ mệt. Vì người Việt Nam mình quá giỏi“.

Ở Đức, Bộ Giáo Dục làm thống kê cho biết là: Sau khi đậu Trung Học có 15 phần trăm người Thổ Nhĩ Kỳ ghi tên vào Đại Học. Người Đức có 60 phần trăm; còn con em Việt Nam mình tuy số ít nhưng chiếm 65 phần trăm. Như vậy người Việt Nam cũng đáng ghi vào sổ kỷ lục của thế giới rồi. Từ những người Hoa, người Pháp, người Nhật họ đến chiếm đất đai và quê hương của mình. Điều đầu tiên là họ chia ra để trị. Nếu để chung một khối làm sao họ bẻ gãy được sức mạnh này. Họ phân hóa, phân tán bằng nhiều hình thức khác nhau như: Lợi dụng, mua chuộc, nói xấu, ly gián v.v... khiến cho những người vì lợi dưỡng có thể tin ngay điều kia là đúng. Cuối cùng rồi chỉ người mình bôi mặt đá nhau thôi. Tôi rất xấu hổ về điều này. Cho nên chọn giải pháp yên lặng, không phê bình, không chỉ trích, không lên mặt dạy đời ai cho tâm mình an ổn để còn làm những việc khác nữa và điều quan trọng là „để xem con tạo xoay vần đến đâu“ nữa. Đại gì mình bị mắc mưu. Mưu ấy có thể vì ganh tị, đố kỵ, bè phái, chủ nghĩa v.v... Tất cả đều là chữ „giả danh“ hết. Có gì đó mà phải bận tâm. Một cây củi thật lớn, không ai làm gì được, phải chẻ ra từng thanh củi nhỏ mới đem chụm lửa được. Đây là cái khôn ngoan của con người đối với thực vật và động vật. Không lẽ giữa con người và con người, ta cũng đối xử với nhau như thế chẳng? Điều ấy hẳn vô lý. Bao nhiêu năm ở Nhật và ở Đức tôi đã học được điều này và sẽ ứng dụng cho đời mình, cho đến khi nào nấp quan tài đập lại.

Mỗi người trong chúng ta chỉ sống một giai đoạn ngắn trong hành trình sinh tử này rồi cũng phải ra đi thôi. Tại sao chúng ta lại sát phạt nhau để làm gì ? Nếu chúng ta biết rằng: mình giỏi thì người khác cũng giỏi hơn mình, hay bằng mình, thay vì đố kỵ nhau; nên tìm cách học hỏi lẫn nhau và xây dựng một trường học, một Tôn Giáo, một xã hội, một cộng đồng lớn

manh có phải ích lợi hơn nhiều không ? Nếu ai trong chúng ta cũng nghĩ được như vậy thì chúng ta là những người phạm đang học làm hạnh Thánh. Nếu không được như thế chắc các vị Thánh Nhơn trên đời này cũng sẽ buồn lắm vậy.

Những ngày cuối năm 1975 sang đầu năm 1976 tôi rất bận rộn cho việc chuẩn bị chọn đề tài để viết luận văn ra trường. Đề tài tôi chọn lúc ấy là: Meiji ni Okeru Nihon no Eigo Kyoiku (Giáo dục Anh ngữ dưới thời kỳ Minh Trị). Khi đọc sách và nghiên cứu về đề tài này, tôi mới thấy ông vua Minh Trị là một ông vua rất tuyệt vời. Người đã thấy cái sai của dân tộc Nhật, chọn cái mới cho quê hương mình. Đầu tiên là bỏ tiền đầu tư cho con em Nhật Bản sang các nước Âu Mỹ tân tiến để du học. Sau khi tốt nghiệp thành tài về nước, họ đã phục vụ cho quê hương của họ một cách tích cực như ngày hôm nay. Ví dụ như về giáo dục họ học theo Đức; ngoại giao theo Anh; văn học theo Pháp, kỹ nghệ theo Mỹ v.v... Tất cả đều vì một mục đích chung là xây dựng quê hương Nhật Bản cho phú cường.

Luận văn của tôi thuở ấy viết bằng tiếng Nhật và kết quả là „tối ưu“ trong bao nhiêu luận văn khác. Cả luận văn gần 200 trang viết tay, ông Thầy chỉ sửa lại có mấy chục lỗi nhỏ. Bản chính viết tay này, cho đến nay tôi vẫn còn giữ để làm kỷ niệm. Còn bản chép tay sạch sẽ thì đã nộp cho Thầy chấm điểm và Thầy đã để lại Thư Viện trường Đại Học Teikyo. Năm 2008 khi có dịp về lại thăm Đại Học này, luận văn của tôi được một vài trường Đại Học trong nước Nhật như Đại Học Iwaki Tandai cho in ra phổ biến cho sinh viên trong những bài giảng của các giáo sư. Đây là một niềm vui. Vì dầu sao đi nữa, tôi cũng chỉ là một người ngoại quốc ở xứ này, mà khả năng Nhật ngữ và Anh ngữ như vậy, mình cảm thấy không thẹn với lòng khi dốc tâm vào ngành giáo dục.

Thế mà sau này khi ra làm việc Đạo chẳng ứng dụng với cái nghề dạy học là mấy. Đây là cái nghề cao cả mà tôi đã có ý chọn từ đầu, khi bước chân vào Đại Học. Tuy vậy tinh thần của học đường, tinh thần tự tin, tự trọng và trách nhiệm của người Nhật tôi vẫn lồng vào để giới thiệu trong các buổi giảng cho các Tăng Ni sinh viên hay các Phật Tử đó đây trên khắp thế giới để họ có thể chọn ra một phần nào áp dụng vào trong cuộc sống, thì quý hóa biết là dường bao.

Đại Học ở Nhật thường khai giảng vào tháng tư; giữa đó là nghỉ hè, nghỉ thu, nghỉ Tết và kết thúc Semester mùa Đông thường là tháng một hay tháng hai dương lịch. Trên thực tế một năm học 2 Semester; nhưng mỗi Semester trừ đi tính lại còn độ 3 tháng là cùng. Cái học ở Đại Học không giống như Trung Học. Đa phần theo chủ nghĩa tự do. Thầy giảng cứ giảng, sinh viên nghe hay không là chuyện riêng của mỗi người. Có nhiều sinh viên cả năm trời chỉ thấy xuất hiện có mấy buổi, rồi nghỉ luôn. Có thể cái học đối với họ không hứng thú mấy. Cuối năm 1976 cũng là năm chuẩn bị ra trường. Thầy trò vui vẻ tổ chức hết tiệc này đến tiệc nọ. Trường Đại Học Teikyo thuở đó có tổ chức đi Hakonei thật là vui. Phong cảnh vào mùa Thu ở Nhật đẹp tuyệt vời, ít có nơi nào trên thế giới được như vậy. Rồi đây mỗi người sẽ đi mỗi ngã. Có người sẽ đi dạy học, có người sẽ thi vào ngành công chức và có người dự định học lên cao hơn.

Riêng tôi chọn học tiếp lên Cao Học, vì lẽ học 4 năm ở Đại Học giáo dục đủ rồi. Đây cũng là thời điểm báo ân cho Thầy trụ trì. Vì lẽ ở chùa Honryuji theo phái Nhật Liên Tông mà không đi học Đại Học này ở bậc Cao Học thì xem đâu có được. Tôi chỉ đoán ý của Thầy Oikawa thôi! Dĩ nhiên là tôi không có ý muốn trở thành Tăng Sĩ thực thụ của họ. Nếu muốn, cũng có thể được; nhưng điều ấy không xảy đến với tôi. Vì tôi hiểu rằng: Tương lai của tôi ở nơi khác, chứ không phải ở chôn này. Tôi thấy rằng: Làm người xuất gia mà còn vương bận gia

đình thì đâu còn gọi là xuất gia nữa; mặc dầu đời sống vật chất của họ rất đầy đủ; nhưng để làm gì? thì đó là câu hỏi mà mình cần phải trả lời dứt khoát với chính mình. Lúc ấy tôi và bà vợ Thầy trụ trì Oikawa có nhiều mẫu đối thoại vui vui. Xin viết lại đây để làm kỷ niệm.

- Ô! Tôi thấy mấy Thầy Việt Nam đẹp trai, học giỏi mà không lấy vợ uống quá !

- Đi tu gì mà còn có vợ con kỳ quá vậy ?

Bà tiếp:

- Kể ra mấy ông mới kỳ chứ. Còn có gia đình mới là chuyện bình thường.

Những câu chuyện như thế thường xảy ra trong chùa này; nhưng tôi là khách Tăng cho nên không vượt qua khỏi giới hạn của mình, rồi dừng ngay tại đó. Dĩ nhiên là không có kết luận.

Tôi nhận được mẫu đơn ghi danh thi vào Cao Học của Đại Học Risso phân khoa Phật Học. Tôi điền tất cả và lúc ấy tôi lấy tiếng Hán làm sinh ngữ chính và tiếng Pháp làm sinh ngữ phụ. Kể ra tôi cũng bạo gan thật. Vì lẽ chữ Hán theo kinh điển xưa cũng đâu có dễ. Nhưng bài thi vào Cao Học năm ấy cũng hên là họ cho chấm câu về 5 thời giáo hóa của Đức Phật, theo cách phân định của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư. Còn tiếng Pháp tôi không ngại, đã vượt qua một cách tự nhiên. Đầu năm 1977 chuẩn bị đi lãnh bằng tốt nghiệp và cũng lo thi vào Cao Học Đại Học Phật Giáo Risso nên cũng rất bận rộn. Đại Học này có các Hòa Thượng đi trước đã học và tốt nghiệp như: Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Chơn Thành. Ngài Thánh Nghiêm người Đài Loan cũng đã tốt nghiệp Tiên Sĩ tại Đại Học này vào năm 1975. Sau đó Ngài về lại Đài Loan rồi đi Mỹ và cuối cùng Ngài về

(昭 証第 号)

成 績 証 明 書

昭和 48. 年 4. 月 日 文学部教育学科入学
昭 和 48. 年 月 日 同 上 在学・卒業見込・卒業退学・除籍

8393

LE CUONG
昭 和 25 年 6 月 25 日 生

授 業 科 目	単 位	成 績	授 業 科 目	単 位	成 績	授 業 科 目	単 位	成 績
倫 理 学	4	可	教 育 評 価 論	4	可	米 文 学 史	4	
哲 学	4	良	教 育 方 法 論	4	可	西 洋 文 学 史	4	優
論 理 学	4	良	社 会 教 育 概 論	4	良	英 文 文 学 法	4	可
国 文 学	4		教 育 社 会 学	4	良	英 語 科 教 育 法	4	可
中 地 理 学	4		教 育 日 本 学	4	可	日 本 史 概 説	4	
日 本 史	4		教 育 行 財 政 学	4	優	外 国 史 概 説	4	
西 洋 史	4	優	学 校 教 育	4	可	地 理 学 概 論	4	
東 洋 史	4		教 育 学 演 習 I	2	良	倫 理 学 概 論	4	
民 族 音 楽	4		教 育 学 演 習 II	2	良	政 治 学 原 論	4	
			教 育 学 演 習 III	2	優	経 济 学 原 論	4	
			教 育 心 理 学 演 習 I	2	可	経 济 政 策	4	
			教 育 心 理 学 演 習 II	2	良	日 本 経 济 学	4	
			学 業 論 文	6	優	地 志	4	
						刑 法 各 論	4	
						親 族 相 続 法	4	
						保 險 海 商 法	4	
						法 哲 学	4	
						行 政 法 各 論	4	
						劳 働 法	4	
						地 方 自 治 論	4	
						比 較 憲 法 論	4	
						社 会 科 教 育 法	4	
						国 語 学 概 論	4	
						国 語 概 論	4	
						文 章 表 現 演 習 2	4	
						日 本 文 学 史 I	2	
						日 本 文 学 史 II	4	
						日 本 文 学 史 III	4	
						日 本 文 学 史 IV	4	
						日 本 文 学 史 V	4	
						書 写	4	
						上 代 文 学	4	
						中 古 文 学	4	
						中 世 文 学	4	
						近 世 文 学	4	
						近 代 文 学	4	
						現 代 文 学	4	
						国 語 科 教 育 法	4	
						一 般 教 育 科 目		
						外 国 語 科 目		
						保 健 体 育 科 目		
						専 門 教 育 科 目		選 修
						教 科 専 門 科 目		
						合 計		

単位および成績は上記の通りであることを証明する

昭 和 年 月 日 帝 京 大 学 長 沖 永 荘 一

Thành tích của 4 năm học tại Đại học Teikyo

Đài Loan đề lập nên phái Pháp Cổ Sơn tại đó (xem thêm Thánh Nghiêm tự truyện).

Có một lần vào năm 1973 khi Thầy Trí Quảng còn ở Nhật, tôi nhớ mãi điều này, Thầy ấy và tôi vừa lên con dốc thật

cao để đến nhà ông Quảng Phụng. Thầy Trí Quảng có đồ tôi rằng: Đố Thầy Như Điền con đường dốc tiếng Nhật gọi là gì? Thuở đó tôi bí. Nếu tiếng Nhật tôi thuở ấy giỏi và đáp trúng thì đã có thưởng của Thầy rồi. Lúc về nhà dở tự điễn ra tra mới biết là „Sakamichi“ tức là „con đường ngược, con đường dốc“. Khi Thầy còn du học tại Nhật, Thầy là người thanh thản nhất trong việc tu cũng như việc học. Thuở ấy có Sư Bà Vĩnh Bửu lo cho Thầy học phí. Còn bây giờ thì đã có nhiều người lo. Cho hay mỗi người trong chúng ta có một phước báu khác nhau như vậy. Nếu có duyên, Hòa Thượng Thích Trí Quảng đọc được những dòng chữ này thì Thầy sẽ nhớ lại „Con đường ngược dốc“ lúc lên nhà Đạo Hữu Quảng Phụng cách đây hơn 40 năm về trước.

Nói chung, chúng tôi chư Tăng Ni đi du học Nhật Bản từ thời xa xưa như: Hòa Thượng Thích Thiện Ân, Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm, Hòa Thượng Thích Tâm Giác, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, Hòa Thượng Thích Thiền Định, Hòa Thượng Thích Minh Lễ, Hòa Thượng Thích Trí Hiền, Ni Sư Thích Nữ Như Chánh v.v... (những vị này đã viên tịch) ; rồi đến Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Tâm, Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Hòa Thượng Thích Trí Đức, Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Chơn Minh, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Hòa Thượng Thích Nguyên Đạt, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, chúng tôi, Thầy An Thiên, Thầy Minh Tuấn v.v... chẳng có vị nào làm cho Giáo Hội phải phiền lòng cả, mà tất cả chúng tôi đã đem hết sức mình ra để phụng sự cho Đạo ở trong cũng như ngoài nước, được nhiều thành quả tốt đẹp như ngày hôm nay. Tất cả đều do công bồi dưỡng của Giáo Hội cho nhân tài Phật Giáo và nhờ nước Nhật mà chúng tôi mới được như vậy.



昭 52 証 第 76 号



卒業証明書

本籍 ベトナム

レ 7 オン

昭和 1949 年 6 月 28 日生

上記の者は昭和 52 年 3 月 25 日 本学 文学部

教育 学科を卒業したことを証明いたします。

昭和 52 年 4 月 13 日

帝京大学長 冲 永 莊



Bằng tốt nghiệp Đại Học Teikyo

Chỉ có 4 vị chính thức ra đời. Đó là Thầy Quảng Minh, Thầy Nguyên Hồng, Thầy Long Nguyệt và Thầy Như Tạng.; nhưng với học vị Cao Học hay Tiến Sĩ của những vị này cũng đã giúp cho chính họ hay gia đình họ và xa hơn là cho Đạo trên nhiều phương diện phát triển Đạo Phật khác nhau như: Xuất bản sách báo, làm tự điển, dạy ngoại ngữ, dạy Phật học cho quần chúng v.v... Dĩ nhiên con đường của Đạo Phật nó không dừng ở đó mà vẫn được tiếp nối với thế hệ sau này như Thầy Nguyên Tâm, Thầy Giác Dũng cũng đã tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại quê hương xứ mặt trời mọc này và họ sẽ là những người tiếp tục cho tương lai Phật Giáo nói chung.

Lễ tốt nghiệp Đại Học của tôi chỉ có bà Akiyama đi dự. Ông bà là người bảo lãnh cho tôi. Lúc ấy ông ta đang làm việc tại Indonésia nên không có mặt. Tôi yêu cầu bà mặc Kimono trong ngày vui này. Tôi đã cùng với mấy ngàn sinh viên của nhiều phân khoa khác nhau của Đại Học Teikyo vào đầu năm 1977 ấy vẫn còn lưu giữ mãi lại kỷ niệm này nơi tâm mình.

Sau khi lãnh bằng tốt nghiệp xong vào một buổi sáng mai, tuyết bên ngoài vẫn còn rơi, thế mà người đưa thư hỏa tốc đã đến. Thầy trụ trì ký nhận thư và Thầy ấy reo lên: Thầy Như Điền đã „hợp cách“ rồi! Hợp cách là tiếng Hán-Nhật. Có nghĩa là người đã thi đậu cái gì đó. Riêng tôi thì đậu vào Cao Học Phật Giáo của Đại Học Risso ở Gotanda.

Học phí năm đó Thầy Oikawa cho trọn vẹn để tôi đóng cho trường. Tôi có một tháng để đi nghỉ, thăm viếng bạn bè và để chuẩn bị cho học kỳ mới. Vì là năm đầu cho nên các nghiên cứu sinh làm quen với Thầy giáo để chọn môn học và nghe thuyết trình tổng quát cũng như chuẩn bị cho đề tài viết tiểu luận của mình. Tôi học ở đây một thời gian tự nhiên thấy không khí trong chùa thuở ấy khó chịu vô cùng; nên tôi muốn đi xa một chuyến để buông bỏ tất cả những phiền muộn của cuộc đời

và của sự nghiên cứu tại Đại Học này. Dĩ nhiên là Thầy trụ trì và phu nhân không vui lắm; nhưng ý tôi đã quyết; nên ông bà đã chấp nhận cho sự ra đi của tôi.

立 正 大 学

受験番号 63

合 格 証

大学院文学研究科 博士課程 仏教学専攻 第壹学年

氏名 レ、クオン

貴君は大学院入学試験に合格と決定したことを証する

昭和五十二年 一月二十七日

立正大学長 菅 谷 正



Giấy chứng nhận hợp cách vào Cao Học Đại Học Risso

Bác sĩ Văn Công Trâm vốn là bạn học cũ từ Tiểu Học và sau này khi đến Đức; Bác sĩ Trâm quy y với tôi, tôi cho pháp danh là Thị Minh. Nếu không có Trâm làm giấy bảo lãnh và nếu không có Passport đóng dấu 5 năm thuở ấy thì tôi khó mà nhận được Visa vào nước Đức. Đúng là phước báu tôi có; nên mọi việc đều thuận chiều và ngày 22 tháng 4 năm 1977 chiếc máy bay Lufthansa đã mang tôi từ Haneda Tokyo đến Ancarachi rồi Hamburg, để từ đó đến nay (2012) hơn 35 năm rồi tôi có cơ duyên với Phật Tử Việt Nam tại Đức và phần còn lại của đời mình từ 1977 về sau này sẽ được viết nối tiếp bởi một cuốn sách khác.

Dẫu sao đi nữa với tôi, việc đầu tiên là tôi phải tạ ơn Tam Bảo, Cha Mẹ, Thầy Tổ, Huỳnh Đệ, bạn bè. Vì không có những ân tình sâu dày trong nhiều đời nhiều kiếp này thì tôi đã không hiện hữu được trên cõi đời này để có cơ hội báo đền những ân sâu nghĩa trọng ấy. Đặc biệt với những người Đệ Tử xuất gia và tại gia của tôi cũng thế. Chính họ là cái nhân tố để tôi tiến thân và tôi cũng đã học hỏi được từ họ rất nhiều. Có nhiều bài học mà ta không thể dùng bằng lời nói để thể hiện; chỉ cần nhìn vào đó, ta có thể học hỏi suốt cuộc đời cũng chưa hết nữa.

Cũng xin cảm ơn hai người đàn bà đặc biệt. Đó là Cô Bón tại chùa Viên Giác ở Hội An và bà vợ Thầy trụ trì Oikawa chùa Honryuji ở Hachioji thuở nào. Nếu không có những sự kiện ngang trái tại chùa Viên Giác Hội An thuở nào thì tôi đã không có lý do và cơ hội để đi Sài Gòn. Nếu không đi Sài Gòn thì việc xuất dương ra ngoại quốc để học hành, chỉ là việc mơ tưởng. Nếu tôi không về lại Việt Nam năm 1974 để thăm quê hương thì đã không có một số sự kiện kéo dài tiếp theo sau đó và nếu Bà Oikawa là người Đàn Bà Nhật như tôi mong đợi thì tôi đã không có cơ hội để đi Đức và ở luôn tại đó cho đến ngày nay. Tất cả đoạn văn này đều mang chữ „nếu“ đi đầu; nhưng tất

cả những chữ „nếu“ ấy đã cho tôi một cơ hội tiến thân vượt bậc. Vì nhờ họ và những nhân duyên thuận nghịch chông chéo lên nhau mà tôi đã thành công và vượt lên tất cả. Điều này rất đúng với những gì mà Đức Phật đã dạy trong „luận Bảo Vương Tam Muội“.

Giờ đây ngồi nghĩ lại việc đời và việc tu học. Ở tuổi 65 này đã trải qua gần 50 năm xuất gia học đạo, tôi mới thấy pháp duyên sanh của Đức Phật thuyết cho hàng đệ tử là tuyệt vời. Vì cái này có cho nên cái kia có. Cái này không cho nên cái kia không. Tất cả đều phụ thuộc vào nhau và tồn tại cũng như thay đổi với nhau, không một cái gì sống độc lập cả. Do vậy ta phải cảm ơn mọi người và mọi loài, nếu không có ta cũng là một khoảng trống thiếu ý nghĩa trong cuộc sống bình thường này.

Trên trời, dưới đất, bốn phía chung quanh tôi đều là ân nghĩa. Tôi không trách móc ai; ngược lại tôi phải cảm ơn họ. Vì nếu không có họ thì sự hiện hữu của mình trên cõi đời này đâu có giá trị gì. Nhờ tất cả mà mình được trưởng thành, được sống trong sự hiểu biết, có tình thương đồng loại bên mình, có được sự hiểu biết và nhận định rõ ràng để tiến tu đạo nghiệp. Trong tâm tôi giờ đây rất thanh thản vì đã làm được những gì mình muốn làm, đã viết được những gì mình muốn viết, đã nói được những gì mình muốn nói và cũng đã nghe được những gì mình muốn nghe và đoạn hồi ký này viết chung với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Phương Trượng chùa Pháp Bảo Sydney Úc Châu đã khép lại một quãng đời thơ ấu và thanh niên của riêng tôi, trong khi tôi vẫn còn minh mẫn.

Tuổi đời sẽ chông chát, ngày tháng sẽ qua đi; chẳng biết rồi mai đây sẽ còn chi nữa; nhưng những trang giấy trắng mực xanh này là bằng chứng hiện hữu của mình tại núi đồi Đa Bảo vùng Blue Mountains Úc Châu này đã cru mang Thầy trò chúng tôi suốt trong 10 năm qua. Xin vô vàn đa tạ.

Lời cuối

Người xưa thường nói „thu trung hữu ngọc“ nghĩa là trong sách có của quý. Của quý hay ngọc ngà châu báu ấy là lời dạy của Thánh Hiền. Khi ta đọc sách, nếu cố gắng tìm tòi, sau khi xếp sách lại, ta sẽ nhận được một điều gì đó mới lạ để học hỏi, để sửa mình. Mới đây tôi có đọc quyển Kim Các Tự của tác giả Kimura, quyển sách dày hơn 600 trang ấy, riêng tôi lấy ra được hai điều. Việc thứ nhất tác giả cho rằng: Không phải những hành động có thể làm thay đổi thế giới mà những ý tưởng của con người mới có thể khiến thế giới thay đổi được. Việc thứ hai, chuyện bình thường thôi; nhưng ông ta đã phát hiện về pháp duyên sanh trong Phật Giáo. Đó là: Khi xe di chuyển thì con người ngồi yên và khi xe dừng lại thì con người di chuyển.

Khi đọc Gandhi tự truyện hay Thánh Nghiêm tự truyện hoặc Trí Quang tự truyện v.v... tôi cũng đã nhận chân rất nhiều điều hay. Ví dụ như Thánh Gandhi nói rằng: „Thực phẩm trên thế gian này không bao giờ thiếu, chỉ có lòng tham của con người không bao giờ đủ mà thôi“. Chỉ một câu thành ngữ này chúng ta có thể học hỏi và nghiền ngẫm suốt cả một cuộc đời cũng chưa xong. Đây là những điểm hay cần phải học, cho nên tôi phải lặp lại lần thứ hai.

Khi đọc Thánh Nghiêm tự truyện tôi cảm phục cho cái nhẫn nhục của người xưa. Ví dụ như sau khi đậu Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Rizzo ở Nhật Bản rồi, Ngài qua New York ở

chùa Đông Sơ Thiên Tự; nhưng đã bị Ban Hộ Tự xem Ngài không ra gì, Ngài bỏ chùa ra đi làm kẻ không nhà, ăn uống, ngủ, nghỉ đều dưới gầm cầu xe lửa, trải qua 6 tháng như vậy, Ngài mới trở lại chùa. Những bậc Thánh người ta thực hiện một điều gì đó thường khác người phàm. Trong khi người phàm muốn làm Thánh lại đi trái ngược lại những điều trên.

Bây giờ tôi thấy nhiều người khi đọc sách ít chọn điều hay trong sách, mà cứ tìm tòi moi móc những lỗi nhỏ trong sách rồi đưa lên báo chí Internet để phê bình chỉ trích, nhằm chứng tỏ ta hiểu biết, ta rành rẽ thật nhiều; nhưng thật ra ý chính của tác giả của quyển sách thì người đọc không nắm bắt được. Thật là đáng lấy làm tiếc. Người yêu sách, quý sách dĩ nhiên là có rất nhiều trên thế gian này; nhưng xin đừng quan tâm đến những người thiếu thiện chí như trường hợp bên trên, khiến chúng ta dễ bị thiếu thốn những sách hay mà các tác giả muốn cống hiến cho bạn đọc. Nếu như vậy thì quả là điều mất mát to lớn vô cùng cho kho tàng văn hóa của chúng ta.

Từ năm 2003 đến cuối năm 2012 bước sang năm 2013, đúng 10 năm như lời ước nguyện của tôi là sau khi trở về ngôi Phương Trượng chùa Viên Giác tại Hannover, Đức quốc, mỗi năm tôi sẽ dành ra 3 tháng vào mùa Đông để sang Á Châu và Úc Châu tịnh tu, nhập thất, hành trì, dịch kinh, viết sách v.v... và quả thật ước nguyện này năm nay đã thành tựu viên mãn. Tôi trở lại Đức và trong thời gian tới sẽ ở tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức nhiều hơn là chùa Viên Giác tại Hannover. Trong những năm tới tôi chỉ về Viên Giác trong những mùa An Cư Kiết Hạ để lễ lạy cho xong bộ kinh Đại Bát Niết Bàn thì tôi cũng sẽ ở lại lâu hơn tại Viên Đức. Kinh này gồm 2 quyển; mỗi quyển khoảng 700 trang. Chúng tôi đã lạy hết quyển một và quyển hai đã lạy được 300 trang. Còn hơn 300 trang nữa là tôi sẽ hoàn nguyện của mình. Chắc cũng

còn chừng 5 năm nữa mới xong. Lúc ấy gần 70 tuổi rồi. Tôi sẽ chọn pháp môn niệm Phật miên mật cho đời mình vậy. Ngoài ra những lễ lớn như: Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng, Phật Đản, Vu Lan và những khóa tu, tôi cũng sẽ có mặt tại chùa Viên Giác. Vì đây là chùa Tổ và Phật Tử lui tới nhiều năm rồi; nên tôi không thể bỏ họ trong những cơ hội về chùa như thế được.

Về Á Châu chủ yếu là Thái Lan và Ấn Độ. Đến Thái Lan ghé thăm Cực Lạc Cảnh Giới tự tại Chiangmai độ một tuần lễ rồi sang Ấn Độ. Đến Ấn Độ tôi thường ở tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác Bồ Đề Đạo Tràng. Ở đó tôi hay làm những việc như bố thí cho người nghèo, thăm viếng và phát học bổng cho Tăng Ni sinh viên Việt Nam đang du học tại Ấn Độ, cúng dường Trai Tăng và tu học cho chính mình ngay dưới cội Bồ Đề, nơi Đức Phật thành đạo cách đây 2.556 năm về trước. Đồng thời tôi cũng thăm viếng quý Thầy đang trông coi Trung Tâm và những người Ấn Độ đang giúp việc tại đó. Công việc ở Ấn Độ xong rồi, tôi lại lấy máy bay đi sang Sydney.

Phải thành thật nói rằng Thầy trò chúng tôi đã có những ngày tháng an lạc trên núi đồi Đa Bảo vùng Campbelltown suốt 8 năm qua và 2 năm gần đây dời về vùng Blue Mountains vùng núi đồi với sương mù và gió lộng này. Cảnh trí ở đây thật tuyệt vời và thiên nhiên vẫn còn trong lành, mặc cho thế sự bên ngoài thăng trầm như thế nào đi nữa, khi vào vùng này, xem như mọi việc đã gác qua một bên rồi. Ngày xưa tôi không biết người ta vào núi tu tiên như thế nào, chứ bản thân tôi suốt hơn 2 tháng ở trên núi đồi này giống như những áng phù vân lơ lững giữa không trung và không còn nghĩ ngợi gì nhiều với những vấn đề đang xảy ra chung quanh mình nữa.

Công việc của tôi hằng ngày là sáng thức dậy vào lúc 5 giờ 20, sau đó làm vệ sinh cá nhân. Đến 5 giờ 45 là giờ ngồi

thiền và đúng 6 giờ là thời kinh Lăng Nghiêm bắt đầu. Sau thời kinh, nghỉ ngơi một chút rồi dùng điểm tâm. Đúng 8 giờ 30 tôi bắt đầu ngồi vào bàn viết. Viết mãi cho đến 9 giờ rưỡi, sau đó tiếp tục viết cho đến 11 giờ 45 phút. Dùng trưa đúng 12 giờ và sau khi dùng trưa, tôi nghỉ trưa đến 2 giờ chiều và 2 giờ rưỡi bắt đầu cho công việc buổi chiều. Tôi viết cho đến 4 giờ thì nghỉ cho đến 4 giờ rưỡi. Từ 4 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi là giờ xem và sửa lại những gì đã viết trong ngày. Tiếp đó đi tưới hoa và cây cỏ chung quanh Tu Viện. Giờ cơm tối là 6 giờ chiều. Đúng 7 giờ 30 phút tôi đến trước bàn Phật để tịnh tọa và niệm 10 tràng hạt 108; tiếp đến trì một biến kinh Kim Cang. Sau cùng là hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Đến 9 giờ 30 phút tối lên giường, nghỉ cho đến sáng hôm sau. Đó là thời gian một ngày của tôi.

Mỗi chủ nhật là ngày nghỉ và nhiều khi giữa tuần có một buổi chiều thứ tư đi thăm những phong cảnh chung quanh Tu Viện của vùng núi đồi Blue Mountains này.

Sống như thế mà an lạc, làm được rất nhiều việc và tự chiêm nghiệm lấy mình khi mà mình cần nhìn sâu vào nội tâm nhiều hơn nữa. Cuối cùng rồi chẳng có gì để phải bận tâm và vướng mắc. Vì tất cả, cuối cùng cũng chỉ là một cái không to tướng mà thôi.

Đây là quyển sách thứ 61 mà tôi và Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi, viết chung thành một tập hồi ký để lưu dấu lại những ngày xa xưa cũ. Nếu để lâu sau này, chưa chắc gì, chúng tôi sẽ còn viết được như thế này. Vì năm nay Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đã 72 tuổi và tôi cũng đã 65 tuổi rồi. Cái tuổi mà người xưa thường nói: 80 tuổi trở lên chỉ tính từng ngày, 70 tuổi trở lên chỉ tính từng tháng và 60 tuổi trở lên chỉ tính từng năm. Vậy có được mỗi ngày, mỗi tháng hay mỗi năm để sống, để viết, để trao truyền lại những gì đã đi qua trong

đòi mình lại cho thế hệ đi sau, quả là điều nên làm biết bao nhiêu. Nếu không được như vậy quả là một sự mất mát không gì có thể sánh được.

Năm 2003 tôi đã bắt đầu dịch tác phẩm Đại Đường Tây Vực Ký từ chữ Hán sang tiếng Việt. Đây là tác phẩm thứ 39 của tôi và nay sau 10 năm như thế, tôi đã cho xuất bản đến tác phẩm thứ 61 này. Như vậy trong 10 năm ấy tôi đã cho ra đời 22 tác phẩm. Trung bình mỗi năm 2 tác phẩm. Đó là những tác phẩm được viết hay dịch của tôi trong mùa An Cư Kiết Hạ mỗi năm 3 tháng tại chùa Viên Giác Hannover từ sau rằm tháng tư đến rằm tháng bảy. Trên thực tế ở thất Đa Bảo này tôi đã hoàn thành 10 tác phẩm bằng những ngôn ngữ như sau:

- Từ Hán văn dịch ra Việt văn: Đại Đường Tây Vực Ký, Đại Thừa Tập Bồ Tát học luận.

- Từ chữ Nhật dịch ra tiếng Việt gồm: Thiên Lâm Tế Nhật Bản, Tịnh Độ tông Nhật Bản, Tào Động Tông Nhật Bản, Nhật Liên Tông Nhật Bản và Chơn Ngôn Tông Nhật Bản.

- Từ tiếng Anh dịch ra tiếng Việt và dịch chung với Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng quỳên: Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ.

- Từ tiếng Đức dịch ra tiếng Việt là quỳên: Những bản văn Căn bản Tịnh Độ Tông Nhật Bản.

- Tiếng Việt hoàn toàn là tập Hội Ký này viết chung với Hòa Thượng Thích Bảo Lạc.

Trong 10 tác phẩm ấy có 4 loại là ngoại ngữ và một loại là tiếng Mẹ đẻ hoàn toàn. Hy vọng đây là những đóng góp nhỏ nhoi của chúng tôi cho văn hóa Phật Giáo nước nhà và cho những ai muốn tìm hiểu đến Phật Pháp.

Chư Phật đã huyền ký rằng: Trong tương lai Phật cũng không còn ở đời, chư Tăng Ni và chùa viện cũng không còn tồn tại nữa. Chỉ có Pháp là duy nhất còn lại trên cõi đời này. Vậy việc dịch thuật, chú thích kinh điển hay in ấn tổng cúng dường để Pháp này được lưu hành quả là điều quý hóa biết là dường bao!

Trong kinh Kim Cang Đức Phật cũng đã dạy rằng: Nếu có người giàu có đem bảy thứ báu như vàng, bạc, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não, lưu ly nhiều như cát sông Hằng đem ra bố thí trong vô lượng vô biên ức kiếp, công đức của người này vẫn chưa bằng công đức của những người hiểu và trì kinh Kim Cang chỉ 4 câu kệ thôi. Đây chính là điều cốt lõi của Pháp. Do đó Pháp vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta biết cúng dường Pháp tức là biết cúng dường Phật. Biết cúng dường Phật tức là biết cúng dường Pháp. Do vậy Phật dạy rằng: Ai hiểu Pháp người ấy sẽ hiểu Phật, ai hiểu Phật người ấy sẽ hiểu Pháp là vậy. Trong mọi sự cúng dường, cúng dường Pháp là tối thượng hơn hết.

Ngày 22 tháng 10 năm 2012 năm nay tôi rời khỏi Đức cùng phái đoàn 50 người đến Chiangmai và ở lại tu học cũng như khánh thành 3 Tôn Tượng Tây Phương Tam Thánh cũng như gặp gỡ bà con trong gia đình lần thứ hai. Đến ngày 29 Phái đoàn chúng tôi sang Nhật, gặp thêm 35 người nữa từ Hoa Kỳ, Canada và Âu Châu đến. Phái đoàn bây giờ nâng tổng số lên 85 người. Chúng tôi đi hành hương trên 2 xe Bus để đến Nara, Kyoto, Fuchu, Hiroshima, Tokyo, Kamakura và đặc biệt là dự Lễ Khánh Thành Chùa Việt Nam nơi Hòa Thượng Thích Minh Tuyên trụ trì vào ngày 4 tháng 11 năm 2012 vừa rồi. Ngày 5 chúng tôi đi Ấn Độ và ở tại Ấn Độ đến ngày 12 thì sang Sydney. Tất cả phái đoàn 85 người chia tay nhau ở phi trường Narita và Bangkok, duy chỉ một mình tôi là độc lộ trường thiên, vẫn còn đi mãi cho đến ngày 15 tháng 11 thì có mặt tại

Adelaide để tham dự Lễ Hiệp Kỳ Chư Lịch Đại Tổ Sư tại chùa Pháp Hoa kỳ 6. Lễ Khánh thành Bảo Tháp Tam Bảo và kỷ niệm 30 năm thành lập chùa Pháp Hoa. Đặc biệt kỳ này có tổ chức lễ Thượng thọ Bát tuần cho Hòa Thượng Thích Như Huệ. Ngày 19.11. về lại Sydney và ngày 20 tháng 11 lên núi Đa Bảo.

Ngày 21 và 22 tháng 11 năm 2012 vừa qua tôi ổn định lại chỗ ở, chỗ làm việc cũng như viết bài và Thư Tòa Soạn cho báo Viên Giác số tháng 12. Sáng ngày 23 tháng 11 tôi bắt đầu viết tập Hội Ký này. Mỗi ngày viết trung bình 15 trang viết tay. Mỗi trang 38 dòng và cho đến hôm nay ngày 8 tháng 12 năm 2012 tôi viết lời cuối này chấm dứt ở trang số 200. Như vậy tổng cộng chỉ trong vòng 15 ngày tôi đã viết xong phần của mình. Khi viết Hội Ký này tôi không chia ra chương trước hay đề tài như viết tiểu thuyết, chỉ cố gắng viết thật là thật từ tuổi thơ đến lúc đi xuất gia học đạo tại Hội An, rồi Sài Gòn và Nhật Bản. Thế mà cũng đã chia thành 11 Chương rõ rệt. Đó là chưa kể Lời Cuối. Nếu đánh máy và dàn trang thành A5, chắc phần tôi cũng trên dưới 200 trang. Riêng phần Hòa Thượng Bảo Lạc có lẽ ít hơn; nhưng đây là tất cả những tấm lòng của chúng tôi muốn trao lại cho người sau. Nếu quý Phật Tử hay Đệ Tử xuất gia và tại gia đọc được những đoạn đường của chúng tôi, có thể lấy đó mà chiêm nghiệm cho đời mình, thì đó cũng là điều quý hóa rồi. Nếu chẳng may có bị đụng chạm một cá nhân nào đó thì tôi xin sám hối. Vì đó là lỗi sơ sót của mình, chứ không phải của người khác. Riêng những nhân vật trong sách này từ Tăng sĩ cho đến Cư sĩ đều là những người thật, việc thật, nhưng nếu chẳng may tôi nhắc lại còn sót trong vô tình thì cũng xin quý vị niệm tình hoan hỷ. Điều ấy chứng tỏ rằng trí óc của tôi đã bắt đầu đi vào chỗ quên lãng rồi.

Sau khi hoàn thành bản thảo này, chú Sanh thư ký văn phòng chùa Viên Giác đánh máy trong nhiều ngày, sau đó tôi đọc lại một lần nữa để sửa ý và lời. Cuối cùng sẽ nhờ Đạo hữu

Nguyên Trí Phù Vân, Chủ bút báo Viên Giác, xem lại lỗi chính tả lần cuối trước khi đem in. Ngoài ra anh Như Thân làm công việc Layout, Thầy Hạnh Bồn lo vấn đề sắp đặt để in ấn tại Đài Loan, cố làm sao cho hoàn chỉnh, tốt đẹp cũng là những công đức cần niệm ân đến. Khi đọc sách, nếu nội dung lời cuốn mà bìa sách không đẹp thì cũng khó lòng mà làm cho hài lòng người đọc được. Do vậy tôi sẽ nhờ Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng nhờ Phật Tử trình bày bìa sách cho kỳ này, nhằm làm tăng giá trị của quyển sách hơn lên. Trong sách này có trích đăng 3 bài thơ của Thầy Như Thể Phan Thế Tập, Hiệu trưởng Trường Tiểu Học, Phật Tử Thị Nghĩa Trần Văn Nhơn (Trần Trung Đạo) và đặc biệt là bài thơ của Thầy Lâm Như Tạng. Tuy là thơ mới làm đây; nhưng ý thơ thuộc về 40 năm về trước. Xin niệm ân tất cả quý vị đã được nêu tên bên trên.

Cuối cùng xin cảm ơn những vị đã góp tịnh tài để ấn tống sách này. Nếu không có quý Phật Tử tại Úc Châu, Âu Châu và Hoa Kỳ nói chung cũng như nước Đức nói riêng thì tác phẩm hồi ký này vẫn chưa được xuất bản. Xin cảm ơn tất cả quý vị đã lưu tâm hỗ trợ cho việc này. Điều vô cùng quan trọng là xin cảm ơn những người đã đọc tác phẩm này.

Xin cầu nguyện cho thế giới hòa bình và nhân sinh an lạc.

Cùng Một Tác Giả

1	Truyện cổ Việt Nam 1 & 2 *	Nhật ngữ	1974, 1975
3	Giọt mưa đầu hạ *	Việt ngữ	1979
4	Ngõ ngang *	Việt ngữ	1980
5	Lịch sử Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trước và sau năm 1975 *	Việt & Đức ngữ	1982
6	Cuộc đời người Tăng sĩ *	Việt & Đức ngữ	1983
7	Lễ nhạc Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1984
8	Tình đời nghĩa đạo *	Việt ngữ	1985
9	Tìm hiểu giáo lý Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1985
10	Đời sống tinh thần của Phật Tử Việt Nam tại ngoại quốc *	Việt & Đức ngữ	1986
11	Đường không biên giới *	Việt & Đức ngữ	1987
12	Hình ảnh 10 năm sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức *	Việt & Đức ngữ	1988
13	Lòng từ Đức Phật *	Việt ngữ	1989
14	Nghiên cứu Giáo Đoàn Phật Giáo thời nguyên thủy I, II *, III *	dịch từ Nhật ngữ ra Việt & Đức ngữ	90, 91, 92
17	Tường thuật về Đại hội Tăng già Phật Giáo thế giới kỳ 5 khóa I tại Hannover, Đức Quốc	Việt, Anh, Đức ngữ	1993
18	Giữa chốn cung vàng *	Việt ngữ	1994
19	Chùa Viên Giác	Việt ngữ	1994
20	Chùa Viên Giác	Đức ngữ	1995
21	Vụ án một người tu *	Việt ngữ	1995
22	Chùa Quan Âm (Canada)*	Việt ngữ	1996
23	Phật Giáo và con người *	Việt & Đức ngữ	1996
24	Khóa giáo lý Âu Châu kỳ 9	Việt & Đức ngữ	1997
25	Theo dấu chân xưa * (Hành hương Trung quốc I)	Việt ngữ	1998

26	Sống và chết theo quan niệm của Phật Giáo *	Việt & Đức ngữ	1998
27	Hội kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma *	Việt & Đức ngữ	1999
28	Vọng cổ nhân lâu (Hành hương Trung Quốc II)	Việt ngữ	1999
29	Có và Không *	Việt & Đức ngữ	2000
30	Kinh Đại Bi * (dịch từ Hán văn ra Việt văn)	Việt & Đức ngữ	2001
31	Phật thuyết Bồ Tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa Kinh *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2001
32	Bhutan có gì lạ?	Việt ngữ	2001
33	Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2002
34	Cảm tạ xứ Đức *	Việt & Đức ngữ	2002
35	Thư tòa soạn báo Viên Giác trong 25 năm (1979 - 2003, 2004)	Việt ngữ	2003
36	Bốn Sự kinh *	dịch từ Hán văn ra Việt ngữ	2003
37	Những đoàn văn viết trong 25 năm qua	Việt & Đức ngữ	2003
38	Phát Bồ Đề Tâm kinh luận *	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
39	Đại Đường Tây Vực Ký	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2004
40	Làm thế nào để trở thành một người tốt	Việt ngữ	2004
41	Dưới cội bồ đề	Việt ngữ	2005
42	Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
43	Bồ Đề Tư Lương luận *	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2005
44	Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
45	Giai nhân và Hòa Thượng *	Việt ngữ	2006
46	Thiền Lâm Tế Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ ra Việt ngữ	2006

47	Luận về con đường giải thoát	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2006
48	Luận về bốn chân lý	Dịch từ Hán văn sang Việt ngữ	2007
49	Tịnh Độ tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2007
50	Tào Động tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2008
51	Phật Giáo và khoa học	Việt ngữ	2008
52	Pháp ngữ	Việt ngữ	2008
53	Những mẫu chuyện linh ứng của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
54	Nhật Liên tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2009
55	Chân Ngôn tông Nhật Bản	Dịch từ Nhật ngữ sang Việt ngữ	2010
56	Chết an lạc, tái sanh hoan hỉ	Dịch từ Anh ngữ sang Việt Ngữ	2011
57	Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng	Việt Ngữ	2011
58	Tư tưởng Tịnh Độ Tông	Việt ngữ	2012
59	Những bản kinh căn bản của Tịnh Độ Tông Nhật Bản	Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ	2012
60	Dưới bóng đa chùa Viên Giác	Việt ngữ, viết chung với Trần Trung Độ	2012
61	Diệu Pháp Liên Hoa kinh / Văn cú	Dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt	2013
62	Hương Lúa Chùa Quê (Hoài Niệm Tuổi Thơ)	Việt ngữ viết chung với H.T. Thích Bảo Lạc	2013

Chú thích : (*) hết

Quý vị muốn download những bài giảng pháp của Hòa Thượng Phương Trượng
Chùa Viên Giác Hannover thì xin vào trang :
www.wiphatgiaio.de ; www.quangduc.com ;
www.viengiac.de; hoặc www.hoavouu.com

Phương Danh Ấn Tống

Danh sách quý Đạo Hữu & Phật Tử ấn tống quyển
 “HƯƠNG LÚA CHÙA QUÊ” (Hoài Niệm Tuổi Thơ)
 của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và Hòa Thượng Thích Như Điển.

-Úc Đại Lợi:Hồng Thái Bình 100USD. Viên Hương 100USD. Bửu Trí 100 AUD. Tiên Ngọc 100AUD. Con ĐH. Tiên Ngọc 100AUD. Thanh Triệu & Thanh Phú 200AUD. Diệu Hoàng 50AUD. Lệ Tâm 100AUD. HHHL Chúc Lâm Lạc Dân Cường 400AUD. Quảng Thanh & Quảng Thịnh 400AUD. Gđ. ĐH Chúc Bình & Ngọc Nghiêm 500AUD. Khóa Tu Giao Duyên thứ 15 chùa Pháp Bảo 400AUD. ĐH. Diệu Mai 500AUD. Chúc Nguyên 100AUD. Chúc Hiếu 100AUD. Chúc Nhân 80AUD. Hiền Nhã 600AUD. Thiện An & Thiện Lạc 500AUD. Minh Thành 100AUD. ĐH. Hồ 100AUD. Thiện Minh & Huệ Ngọc 100AUD. Chúc Hân 100AUD. Quảng Hậu 100AUD. Diệu Yên và hai con 300AUD. Diệu Hạnh 200AUD. Diệu Huyền 200AUD. Chúc Khương 100AUD. Gđ. Sư Cô Giác Trí 500AUD. Cô Giác Niệm 200AUD. Gđ. ĐH Chúc Ý 1.000AUD. Gđ. ĐH Diệu Tấn 200AUD. Chúc Quyên & Thanh Hà 400AUD. Gđ. Chúc Liêm 200AUD. Thanh Niệm & Thanh Vy 100AUD. Ấn danh 50AUD. ĐH. Thạch 200AUD. Nguyên Hạnh Tiêu Glen 100AUD. Gđ. ĐH Hồng Hoàng 500AUD. HHHL Chúc Lâm 200AUD. Thanh Bảo 50AUD. Thiện Đăng & Huệ Ngọc 200AUD. Thanh Liễu & Thanh Đoàn 300AUD. Gđ. Cô Diệu Liên 200AUD. Diệu Hồng 500AUD. Từ Vũ 200AUD. Diệu Ánh & Diệu Hòa 200AUD. Quảng Tiên và gia đình 200AUD. Gđ. ĐH Hoàng Khôi & Dung và các cháu 1.000AUD. Chúc Từ 50AUD. Sư Cô Giác Trí 500AUD. Nguyên Hiếu Tiêu Kenny & Nguyên Hạnh Tiêu Glen 550AUD. Viên Hương 50AUD. Thảo Mi 50AUD. Nguyên Như Võ Thị Lành 50AUD. Thiện Hải & Diệu Hiền 150AUD. - Tâm Huệ và Kiara Như Hào & Kaeley Như Hạnh 100AUD. Trần Minh Trí và Katrina & Gisella Như Hằng 100AUD. Diệu Bảo và gia đình 50AUD. Gđ. Lưu Hải Bằng 50AUD HHHL Lưu Từ và Ô Thị Xuân. Diệu Hồng 100AUD HH các HL: Hứa Thanh Thủy, Lương Thị Anh, Vưu Trang, Ngô Thăng, và Lý Lan Hương. Trung Thanh & Thiện Chánh 100AUD. Diệu Âm 50AUD. Diệu Thúc 100AUD. Chúc Thùy 50AUD. Tâm Tuệ Hạnh 50AUD. Chúc Quả & Chúc Ngộ 100AUD. Diệu Thuần 100AUD. Gđ. Bác Diệu Tấn 150AUD. HL Trần Tường & HL Trương Ngọc Liên 50AUD. HL Văn Tích Hùng và HL Tạ Chu 100AUD. Chúc Ninh, Chúc Tính & Chúc Bằng 500AUD. Bửu Trí 30AUD. Chúc Quảng Hoa 50AUD. Huỳnh Tài & Huỳnh Thị Tuyết

Trinh 50AUD. Tịnh Phước & Tâm Châu 50AUD. Diệu Thủy 50AUD. Chúc Hy 100AUD. Huỳnh Mỹ Phương 100AUD. Đỗ Bội Hỷ 20AUD. Thanh Đạo 20AUD. Chúc Vương 20AUD. Thanh Bảo 50AUD. Thiện Thành 100AUD. Đức Phương 100AUD. Thanh Độ & Liễu Ngọc 50AUD. Thanh Quang 200AUD.

* Thanh Hỷ & Thanh Bốn 100AUD. Diệu Lộc 50AUD. Chơn Phúc Châu 50AUD. Hòa & Minh 20AUD. Hồng Phúc & Diệu Huệ 100AUD. Minh Thành & Diệu Hằng 100AUD. Chúc Bạch 100AUD. Chúc Nhượng 100AUD. Thanh Niệm & Thanh Vi 100AUD HHHH Leslie Georgball. Chúc Quyên 100AUD. Hồ Kim-Chúc Bửu, Hồ Quang Hồng, Hồ Quang Phúc, Hồ Quang Cường, Hồ Quang Thọ, Hồ Quang Bính, Hồ Quang Kinh & Hồ Vũ Quỳnh Mai 1350AUD HHHH thân mẫu Võ Thị Tổng Pd Nguyễn Hội. Diệu Ảnh 100AUD. Diệu Hòa 100AUD. Trung Thanh & Thiện Chánh 50AUD.

Cộng: 200 USD & 18.590 AUD

-Hoa Kỳ : Nguyễn Mai Phương & Nguyễn Thị Kế và Hà Ngọc Mỹ (USA) 200 USD.

* **Chùa Hải Đức – Florida, USA:** Nguyễn Lê Đức 1000USD. Thiện Vũ & Thiện Niệm 1500USD. Phạm Loan 50USD. Nguyễn Thị Thái Bình 50USD. Trần Kim Trung 30USD. Lý Bình Hòa Diệp 50USD. Lê Thanh Vĩnh 50USD. Đào Phiên 10USD. Nguyễn Văn Chính 50USD. Lê Tấn Báu 20USD. My Hayes 20USD. Viên Xuân 30USD. Ngô Cúc 20USD. Phạm Lan 10USD. Djodimy Strong 100USD. Boutamy Glasgow 100USD. Nguyễn Đóa 20USD. Michelle Morrison 20USD. Lê Thị Nga 40USD. Lê Thị Yên 50USD. Nguyễn Hùng & Nguyễn Ân 200USD. Văn Thị Yên 30USD. Lê Hữu Hội 20USD. Bùi Thị Tánh 20USD. Lư Thị Yến 40USD. Hà Ích 20USD. Nguyễn Thị Khâm 50USD. Bay Bagdon 100USD. Nguyễn Thị Bạch Tuyết 20USD. Nguyễn Anh Tuấn 20USD. Tâm Mỹ 20USD. Trần Mai 20USD. Trần Sang 20USD. Phạm Đông 30USD. Quan Hồng & Tiếng 50USD. Hồ Thị Đề 50USD. Nguyễn Văn Kiệt 50USD. Minh Lưu & Hà 20USD. Đoàn Quốc Giám 150USD.

***California – USA :** Thanh Hiền 200USD. Thiện Đạt 100USD. Giác Xuân 20USD. Huệ Niệm 10USD. Diệu Hoa 10USD. Thanh Việt 20USD.

-Diễm Hạnh 10USD. Tâm Hoan 10USD. Diệu Liên 10USD. Diệu Thiện 10USD. Diệu Chơn 5USD. Huân La 5USD. Dung Thông 50USD. Gđ. Đoàn Thị Uyển Pd Chúc Uyển 200USD HHHH Nguyễn Thị Tuyết Pd Chúc Dương vãng sanh Cực Lạc quốc.

Cộng: 5.010 USD

- **Đức Quốc & Âu Châu:** Diệu Minh Ong Thị Tuyết (Gießen) 20€. Thiện Thịnh Ngũ Thơ Cương (Fürth) 20€. Hồ Thị Năm (Reutlingen) 100€. Gđ. & Trương Thị Lệ (Helmstedt) 5€. (Krefeld): Nguyễn Thị Hương 10€. Diệu Khai Phạm Thị Quyển 5€. Diệu Thông Dư Thị Lưu 5€. Liên Cẩm Phong 10€. Nguyễn Hoàng Dũng 10€. Minh Phát Lý Tấn Vạng, Diệu Lý Lý Hồng Tiên & Diệu Phúc Lý Hồng Diễm 50€. Chiêu Hoàng Nguyễn Thị Phương 10€. (Meppen): Ngọc Bình Ô Thị Hai 30€. Diệu Chơn Lê Kim Phượng 10€. (France): Trương Thị Mạnh 20€. Nguyễn Thị Xuân Lan 50€. Diệu Từ Lý-Nguyễn Thị Cúc 50€. Nhựt Hòa Võ Văn Thắng 20€. Dr. Hoàng Ngọc Minh 5€. Gđ. Ngô Vi Hùng & Trần Thị Trang Thanh, Johnny Thiện Phú Ngô & Jessica Kim Ngân Ngô (Oberhausen) 10€. (Münster): Trần Tý Pd Thiện Hữu 10€. Hồ Thị Thu Hà 20€. (Bad Iburg): Lý Hương Pd Diệu Thiện 50€. Nguyễn Phi Hùng 5€. Đồng Vân Nguyễn Thúy Nga 10€. Nguyễn Thị Phương 20€. Trịnh Văn Hi 30€. Lê Hoàng Anh & Lê Thị Lan Anh 25€. Nguyễn Đăng Lê 35€. Thiện Châu Đinh Thị Cẩm Vân 5€. Đồng Chiêu Nguyễn Thị Minh 25€. Đồng Viên Hoàng Thị Phương Phi 5€. Võ Thanh Chi Lan 15€. (Hannover): Trần Thanh Pháp 20€. Thiện Đức Chung Thị Hồng 5€. Thiện Ý Lê Thị Ty 10€. Gđ. Lương & Trần 40€ HHL Ba Mẹ, Minh Hiễn, Minh An và Minh Hồi. Đồng Kim Ngụy Minh Thúy 50€. (Bremen): Thiện Châu Lý Cẩm Trúc 20€. Diệu Ân Tú Tabeck (Lichtenstein) 20€. Diệu Như Lý Phàn Thơ (Chemnitz) 100€. Lai Quốc Khanh & Trần Thị Nghĩa (Offenbach) 10€. Sabine & Phan Trương Trần Vũ (Andernach) 10€. Trần Thị Thu Thảo & Nguyễn Đỗ Xuân Huy (Mainz) 30€. Đỗ Thái Bằng (Seelze) 30€. Thiện Học Trần Kim Phượng (Ingolstadt) 10€. Nguyễn Hồng Trường (Rheine) 50€. Nguyễn Văn Mỹ (Leinf-Echterd) 5€. Diệu Ngọc & Quảng Tâm (Karlsbach) 10€. Trần Thị Thanh Hương (VS. Villingen) 10€. (Wuppertal): Gia Nghi Hồng 20€. Trần Nguyễn Anh Thư 10€. Trần Nguyễn Thục Nhi 10€. Gđ. Đồng Hải Diệp Văn Sơn 50€. Mã Yến Huê 100€. Trịnh Văn Thịnh (Essen) 20€. (Minden): Trương Ngọc Thanh & Nguyễn Thị Huyền Linh 100€. Quảng Phước Phan Thị Hiền 10€. Diệu Tâm Nguyễn Ngọc Đan 20€. Vũ Bình An (Mannheim) 50€. Lâm Thị Lan Thảo (Stuttgart) 10€ HH công đức cho cha Lâm Văn Quang và Ông ngoại Nguyễn Văn Cảnh. Diệu Trinh Ngô Thị Mỹ Lệ (Villingen-Schwenningen) 25€ HHL anh Nguyễn Văn Tấn và cửu huyền thất tổ. Phan Phú Pd Thiện Như (Holland) 10€. (Göttingen): Thiện Vân Võ Thị Hương 10€. Đồng An Trần Thị A 10€. Trần Thu Hà 50€. Tịnh Trí Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 10€. Wegner Lê Hạnh Dung (Erlangen) 5€. Nguyễn Thị Viễn Phương (Kruft) 30€. Nguyễn Thị Anh (Hachenburg) 25€. (Trier): Thiện Bạch Đào Thị Chúc 15€. Ngô Thị Vượng 5€. Đặng Thị Nga & Đặng Đức Thái (Esslingen) 50€. Thiện Lý Tăng Bích Phân (Duisburg) 10€. (Sweden): Tiết Khánh Vân 31€. Diệu Tường Trần Cẩm Vân 227€. Nguyễn Tâm Lộc 31€. Diệu Yến 300€. Diệu Ngọc, Trần Hán

Sơn, Trần Hán Huyền 100€. Naeng Kim Liêu 17€. Viên Tuyết Trần Thị Hiền (Laatzen) 25€. (Hamburg): Staron Jennifer Ngọc Phượng 10€. Trần Thị Sợi 20€. Đồng Đạt Lê Ngọc Thành 20€. Diệu An Nguyễn Thị Nhà 10€. Đức Hình Hồ Vinh & Thiện Khai Đặng Khai Tâm 20€ HHHH Từ Thi, Nguyễn Bình, Nguyễn Văn và Quảng Tâm. Diệu Nhân Giang Lê Kiên 10€. Nguyễn Nhật Nguyễn Văn Tân (Münkeboe) 10€. Đặng Quốc Minh (Mönchengladbach) 20€. Điền Kim Đính (Köln) 20€. Đoàn & Lê (Winterbach) 50€. Điền Văn An (Leverkusen/Opladen) 15€. Nguyễn Thị Bích Lan (Lünen) 5€. (Frankfurt): Huỳnh Lê Diệu Phước 10€. Trần Tú Anh 50€. Diệu Diễm Nguyễn Thị Lục (München) 10€. Đồng Vị Trần Mai Hương (Eberding-Nußdorf) 30€. Thiện Lộ Trần Dư Kiều Diễm (Tübingen) 10€. Nguyễn Thu Hồng (Donauessingen) 15€. (Ludwigshafen): Bành Vinh Hoa 15€. Hoàng Thị Sen 5€. Vũ Hồng Minh & Nguyễn Thị Hoàng Giang (Norderney) 10€. Nguyễn Thị Hết (Sigmaringen) 10€. Trần Thị Hải (Herne) 10€. (Mönchengladbach): Hà Ngọc Hoa 10€. Lâm Kim Khánh 50€. Hứa Hiền Pd Ấn Đức 20€ HHHH Diệp Kiên & Phạm Đồng Quang. Diệu Tường Trịnh Thị Mai (Wilhelmshaven) 6€. Long Tuấn & Ngọc Dung (Australia) 26€. Thái Nguyệt Cầu (Moschheim) 50€. Lê Hoàng Đế (Asbach) 10€. Phạm Thị Ngừng (Bitburg) 10€. Trương Ngọc Liên (Weissbach) 10€. Thái Thị Thu (Hameln) 50€. Thích Như Tâm (Danmark) 50€. Diệu Huệ Trang Thị Mỹ Hoa (Friesoythe) 50€. (Wedel): Quách Tráng Quang 20€. Nguyễn Thị Bích Thủy 50€ HHHH Đỗ An Pd Đồng Sanh. Nguyễn Thị Hà (Oster Euppeln) 30€. Nguyễn Thúy Nga (Barsinghausen) 10€. Diệu Phúc Nguyễn Thị Phượng (Delmenhorst) 20€. (Aurich): Diệu Bình Nguyễn Thị Kim Phượng 10€. Danh Đỏ Nguyễn Thị Trâm 10€. Diệu Tuệ Hoàng Thị Lợi (Aalen) 40€. Vũ Thị Xuyên (Würzburg) 50€. Đỗ Thị Hồng Hạnh (Augsburg) 10€. (Nürnberg): Lê Thị Thân 10€. Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu 10€. Nguyễn Khắc Hiếu (Timmendorfer Strand) 25€. Thiện Đăng Tổng Thị Bình (Konz) 10€. (Bayreuth): Gđ. Châu Bảo Chương & Lê Thị Hoa 10€. Thương Ziegler 25€. Quang & Fuxiang Phan (Hagen) 10€. Lý Tùng Phương (Schermbeck) 15€. Nguyễn Phúc Vĩnh Viễn (Schweiz) 10€. Mac Sau Can (Speyer) 10€. Nguyễn Văn Kế (Furtwangen) 5€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 40€. Bích Trâm Vogtländer (Koblenz) 5€. Diệu Hòa Phạm Thị Tiết Hồng (Friedrichshaven) 5€. Dương Vinh (Schramberg-Sulgen) 10€. Hứa Phú Kiều (Mönchengladbach) 20€. Sư Cô TN Hạnh Bình, Thiện Huy, Thiện Hậu, Thiện Đức, Thiện Xuân, Thiện Mỹ 10€. Gđ. Đồng Phước Phạm Thị Lan (Bielefeld) 10€. Trần (Cao) Lê Sương (Ronnberg) 10€. Hà Ngọc Quý (Mönchengladbach) 30€. Thiện Đức Nguyễn Hữu Nghĩa (Wesseling) 20€ HHHH thân mẫu Nguyễn Thị Lang Pd Thiện Ngọc. Từ Lương Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 30€. Nguyen Jean (France) 20€. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 10€. Diệu Hà Trần Thị Trường (Neuenhagen) 50€.

Diệu Nguyệt Đào Thị Lý (Berlin) 25€. Đặng Thị Thúy, Đặng Thị Nga & Đặng Thị Hương (Wiesbaden) 10€. Nguyễn Thị Thu Hà (Triptis) 50€. Vạn Hữu Trần Sao & Vạn Thủy Trần Ngọc Ảnh (Osterreich) 10€. Somas Thị Hạnh (France) 20€. Nguyễn Thị Mai (VS.Villingen) 50€. Hoàng Thị Thủy Pd Diệu Chung (Marburg) 10€. Trần Tú Anh Pd Thông Giác (Neuss) 20€. Trần Kim Xuyên (Krefeld) 20€. Phạm Thị Kim Tiến (Essen) 10€.

Tổng cộng: - Úc Châu:	200 USD
	18.590 AUD
- Hoa Kỳ:	5.010 USD
- Đức & Âu Châu:	4.123 €

